Lời Tựa

Quyển sách này được đánh lại từ các bài giảng trong lớp Giáo Lý Cơ bản. Nội dung bao gồm những kiến thức nền tảng của Phật Pháp mà một người cư sĩ cần thiết trên con đường tu học và hoàn thiện bản thân. Vì đánh máy lại lời giảng của Giáo thọ nên văn phong trình bày còn nhiều chỗ thiếu sót, mong quý vị hoan hỷ.

Mong rằng với những cố gắng nhỏ nhoi này có thể mang đến cho quý Phật tử hữu duyên những giá trị to lớn mà Thế Tôn đã để lại.

Kính chúc quý độc giả tìm được cho mình những hành trang cần thiết sau khi đọc quyển sách này.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2021

Ban Biên Tập.

MỤC LỤC

Bài 1: ĐẠO LÀM CON.....13

I. DẪN NHẬP.....13

II. MỘT SỐ BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ CÔNG ƠN CHA MẸ.....18

1. Bài Kinh "Mẹ", "Cha" - Kinh Tương Ưng.....18

2. Bài Kinh "Đất" – Kinh Tăng Chi Bộ.....22

3. Bài Kinh "Hiếu Kính Cha Mẹ" - Kinh Tương Ưng.....25

4. Bài Kinh "Sữa" – Kinh Tương Ưng.....27

5. Bài Kinh "Lửa (1)", "Lửa (2)" – Kinh Tăng Chi Bộ.....29

III. BÁO HIẾU - ĐẠO LÀM CON.....43

1. Trả ơn cho Cha Mẹ về đời sống vật chất.....43

2. Trả ơn cho Cha Mẹ về đời sống tinh thần.....43

3. Trả ơn cho Cha Mẹ (nếu Cha Mẹ đã mất) bằng cách hồi hướng.....57

IV. TÓM LƯỢC.....58

Phần câu hỏi ôn tập:.....60

Bài 2: SÁU TÁNH.....61

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁCH NHẬN BIẾT 6 TÁNH.....63

1. Tánh tham (RĀGACARITA).....64

2. Tánh sân (DOSACARITA).....66

3. Tánh si (MOHACARITA).....68

4. Tánh tín (SADDHĀCARITA).....71

5. Tánh giác (BUDDHICARITA).....72

6. Tánh tầm (VITAKKACARITA) 74
II. ĐẶC TÍNH 6 TÁNH 75
III. TẠI SAO TÁNH MỖI NGƯỜI MỖI KHÁC 77
1. Tánh tham 77
2. Tánh sân 79
3. Tánh si 79
4. Tánh tín 80
5. Tánh giác 80
6. Tánh suy diễn 81
IV. CHỌN ĐỀ MỤC TU TẬP THÍCH HỢP 84
1. Tánh tham 85
2. Tánh sân 86
3. Tánh si 87
4. Tánh tín 88
5. Tánh giác 88
Phần câu hỏi ôn tập 90

Bài 3: ĐẠO LÀM BẠN 91
I. ĐỊNH NGHĨA VỀ BẠN 91
II. SỰ QUAN TRỌNG CỦA NGƯỜI BẠN 95
III. ĐẠO LÀM BẠN 103
1. Cho những gì khó cho 106
2. Làm những gì khó làm 106
3. Nhẫn những gì khó nhẫn 107
4. Nói lên những gì bí mật của mình 107
5. Che giấu bí mật của người khác 108

6. Không từ bỏ khi gặp bất hạnh 109
7. Không có khinh rẻ khi tài sản khánh tận 109
IV. CÁC BÀI KINH VỀ ĐẠO LÀM BẠN 109
Phần câu hỏi ôn tập: 120

Bài 4: NỮ NHÂN 122
I. NHỮNG BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ NỮ NHÂN 124
1. Người Con Gái 124
2. Sức Mạnh Của Nữ Nhân 128
3. Tám Sức Mạnh Ở Đời 130
4. Hình Mẫu Lý Tưởng Của Người Nữ Cư Sĩ 133
5. Hương Bay Ngược Gió (Khi nơi nào có nam nữ quy y và thọ trì năm giới) 139
6. Mong Muốn – Cận Hành – Điểm Tựa – Xu Hướng Và Cứu Cánh Của Nữ Nhân 143
7. Ba Pháp Che Dấu 154
8. Năm Khổ Đau Riêng Biệt Của Người Nữ 160
9. Vì Sao Người Nữ Không Thành Tựu Tinh Túy Sự Nghiệp? 168
10. Vì Sao Phần Lớn Nữ Nhân Sau Khi Mất Đọa Vào Khổ Cảnh? 172
11. Bài Kinh Rắn Đen số 1 177
12. Bài Kinh Rắn Đen số 2 180
13. Hai Điều Chưa Được Thỏa Mãn Khi Lâm Chung Của Nữ Nhân 185
14. Sức Mạnh Của Nữ Sắc 186

15. Năm Sự Kiện Không Thể Có Được Ở Nữ Nhân.....188
16. Giàu – Nghèo; Đẹp – Xấu; Sang – Hèn Của Nữ Nhân 194
17. Nam Nữ Trói Buộc Nhau Bởi Tám Điều 205
18. Bảy Loại Vợ 211
II. LỜI KẾT.....214
Phần câu hỏi ôn tập: 229

Bài 5: MẠT PHÁP.....231
I. ĐỊNH NGHĨA.....231
1. Thời kỳ Chánh Pháp.....232
2. Thời kỳ Tượng Pháp.....232
3. Thời kỳ Mạt Pháp.....232
II. NHỮNG BÀI KINH NÓI VỀ MẠT PHÁP 240
III. NHỮNG LÝ DO MẠT PHÁP 265
IV. NHỮNG CHÚ GIẢI ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ BIẾN MẤT CỦA GIÁO PHÁP 277
1. Chánh Giác Tông *(Buddhavaṃsa)* 277
2. Chú Giải Bộ Pháp Tụ *(Dhammasaṅganī Aṭṭhakaṭhā)* 279
3. Chú Giải Trưởng Lão Tăng Kệ *(Theragāthā Aṭṭhakaṭhā)* 280
4. Kinh Mi Tiên Vấn Đáp *(Milindapañhā)* – Câu 96.....281
V. TÓM LƯỢC.....283
Phần câu hỏi ôn tập: 286

Bài 6: NIỆM CHẾT.....287

I. NIỆM CHẾT LÀ GÌ?.....287
II. VÌ SAO CHÚNG TA LẠI NIỆM CHẾT 289
1. Vì sao chúng ta sợ chết?.....289
2. Có những cái chết nào? 291
II. NỘI DUNG NIỆM CHẾT.....297
1. Đầu tiên là hết nghiệp.....298
2. Thứ hai hết tuổi thọ 299
3. Thứ ba là hai cái đó đến một lần luôn 299
4. Thứ 4 chết phi thời 299
IV. NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BIẾT TRƯỚC 303
1. Thứ nhất là mình không biết thọ mạng của mình chết vào lúc nào 305
2. Thứ hai mình không biết được mình sẽ bị bệnh gì trong cuộc đời này 305
3. Thứ ba thời điểm mà mình chết không biết lúc nào...306
4. Thứ tư là mình chết chỗ nào mình cũng không biết...306
5. Thứ năm đó là chết rồi mình không biết mình tái sanh cõi nào 306
Phần câu hỏi ôn tập: 329

Bài 7: BÁT QUAN TRAI.....330
I. ĐỊNH NGHĨA.....331
II. ĐỨC PHẬT THUYẾT VỀ BÁT QUAN TRAI NHƯ THẾ NÀO? 332
1. Bài Kinh Bốn Bậc Đại Vương.....332
2. Bài Kinh Các Lễ Uposatha.....338
III. NỘI DUNG VIỆC GIỮ BÁT QUAN TRAI GIỚI 358

1. Giới Thứ Nhất Đức Phật dạy bà Visākhā.....360
2. Giới thứ hai là Không trộm cắp, Đức Phật dạy.....361
3. Về Giới Thứ Ba thì Phật dạy tiếp.....362
4. Về giới thứ tư Phật cũng dạy.....363
5. Giới Thứ Năm như sau.....364
6. Giới thứ sáu.....364
7. Giới Thứ Bảy.....376
8. Giới thứ tám là giới cuối cùng của "Bát quan trai giới" Phật dạy.....378
IV. CÁC KIỂU THỌ GIỮ BÁT QUAN TRAI GIỚI.....379
1. Thế Nào Là Trai Giới Kiểu Chăn Bò?.....379
2. Thế nào là Trai Giới Kiểu Ngoại Đạo?.....383
3. Tiếp theo là kiểu "Bậc thánh".....385
V. LỢI ÍCH CỦA VIỆC THỌ "BÁT QUAN TRAI GIỚI"391
VI. TÓM LƯỢC.....396
Phần câu hỏi ôn tập:.....398

Bài 8: ĐẠO VỢ CHỒNG.....399
I. ĐẠO LÝ VỢ CHỒNG.....400
II. BỐN TRƯỜNG HỢP SỐNG CHUNG.....407
1. Trường hợp thứ 1: Người nam xấu sống với người nữ xấu.....411
2. Trường hợp thứ 2: người nam xấu sống chung người nữ tốt.....412
3. Trường hợp thứ 3: Người nam tốt ở với người nữ xấu 413

4. Trường hợp thứ 4: Người nam tốt sống với người nữ tốt 413
III. NGUYÊN TẮC CHỌN VỢ - CHỒNG THEO TINH THẦN PHẬT PHÁP 426
1. Đồng tín 430
2. Đồng thí 434
3. Đồng giới 438
4. Đồng tuệ 441
IV. BỔN PHẬN LÀM VỢ, BỔN PHẬN LÀM CHỒNG ... 445
V. BẢY HẠNG VỢ 447
Phần câu hỏi ôn tập: 453

Bài 9: ĐẠO THẦY TRÒ 455
I. ĐẠO LÝ THẦY TRÒ 456
II. BA CHỖ KHÔNG QUÊN 460
III. SỰ QUAN TRỌNG CỦA VỊ THẦY 471
IV. BỔN PHẬN CỦA NGƯỜI THẦY VÀ TRÒ 485
V. VỊ THẦY CHE MẶT CHỈ ĐƯỜNG 491
VI. LỜI KẾT 504
Phần câu hỏi ôn tập: 505

Bài 10: BA CÕI VÀ ĐỜI SỐNG BA CÕI 507
I. TỔNG QUAN 507
1. Khổ cảnh (4 cõi): 508
2. Nhàn cảnh (7 cõi): 508
3. Cảnh Sắc giới (16 cõi): 508

4. Cảnh Vô Sắc Giới (4 cõi): 508
II. PHÂN TÍCH 31 CÕI TRONG TAM GIỚI 509
1. Dục giới *(Kāmaloka)* 509
2. Sắc giới *(Rūpāvacarānaṃ)* 530
3. Vô sắc giới *(Arūpaloka, Arūpabhava)* 539
III. PHẦN PHỤ THÊM 541
1. Tâm thiện Dục giới còn được gọi là tâm Đại Thiện *(Mahākusala Citta)* vì những lý do sau đây: 541
2. Tám Tâm Đại Thiện 542
3. Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo được phát sanh bởi 5 nguyên nhân sau: 544
4. Năm Nhân Sanh Tâm Bất Thiện: 546
Phần câu hỏi ôn tập: 548

Bài 11: BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO 550
I. DẪN NHẬP 550
II. BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO 553
1. Có những phiền não do tri kiến đoạn trừ 553
2. Có những lậu hoặc do phòng hộ mà đoạn trừ 564
3. Có những phiền não do thọ dụng đoạn trừ 575
4. Có những phiền não do kham nhẫn mà đoạn trừ 583
5. Có những phiền não do tránh né đoạn trừ 587
6. Có những phiền não do trừ diệt mà đoạn trừ 591
7. Có những phiền não do tu tập mà đoạn trừ 594
Phần câu hỏi ôn tập: 596

Bài 12: THIỆN VÀ ÁC 598
I. DẪN NHẬP 598
II. PHÂN TÍCH THIỆN - ÁC 603
1. Định nghĩa Thiện - ác 603
2. Nội dung thiện - ác 614
3. Tiêu chuẩn để phân biệt thiện – ác, căn bản thiện - ác 622
III. CẤP ĐỘ THIỆN – ÁC 634
1. Thiện cấp thấp 636
2. Thiện cấp cao 637
3. Thiện rốt ráo 640
IV. TÓM LƯỢC 641
Phần câu hỏi ôn tập: 643

Bài 13: BUÔNG BỎ 644
I. NHỮNG HÌNH ẢNH THỂ HIỆN TINH THẦN BUÔNG BỎ TRONG PHẬT PHÁP 645
1. Hình ảnh Tăng đoàn khất thực và đời sống thiểu dục tri túc 645
2. Tu để buông chứ không phải để nắm 648
3. Dựa vào đâu để biết là Phật Pháp? 650
4. Bàng bạc trong lời dạy của Đức Phật là sự buông bỏ 653
II. NỘI DUNG CỦA BUÔNG BỎ 658
1. Buông cái ác về cái thiện 658
2. Buông cái nhỏ về cái lớn, cái riêng về cái chung 661
3. Buông cái thấp về cái cao 674
III. NHỮNG ĐIỀU ĐỨC PHẬT BUÔNG 687

Phần câu hỏi ôn tập: 691

Bài 14: THẦN THÔNG 693

I. CÓ 4 THẦN THÔNG TỒN TẠI SUỐT KIẾP TRÁI ĐẤT 694

1. Tướng thỏ trên mặt trăng (Chuyện tiền thân số 316) . 694

2. Sức mạnh hạnh chân thật - Năng lực chim cút 695

3. Cọng lau rỗng ruột ở Hồ Nalakapāna 696

4. Ngôi nhà không mái của thợ làm gốm Ghatikāra không có mưa rơi xuống 697

II. ĐỊNH NGHĨA THẦN THÔNG 698

III. QUAN NIỆM CỦA ĐỨC PHẬT VỀ THẦN THÔNG 699

1. Mục đích tu tập là đoạn tận khổ đau, không phải để có thần thông 699

2. Sự nguy hiểm trong thần thông 701

3. Tại sao Đức Phật không khuyến khích dùng thần thông? 702

IV. CÁC LOẠI THẦN THÔNG 707

1. Phân loại dựa theo năng lực siêu xuất Tam giới 707

2. Phân loại thần thông dựa theo phương tiện hỗ trợ chúng sanh trở về với Giáo Pháp (có 3 loại) 725

3. Phân Loại Dựa Theo Nguyên Nhân Phát Sanh Thần Thông (có 10 loại) 732

TÓM LƯỢC CÁC LOẠI THẦN THÔNG 745

V. CÁCH TU TẬP ĐỂ CÓ THẦN THÔNG 746

Phần câu hỏi ôn tập: 754

Bài 15: TỨ VÔ LƯỢNG TÂM 755
I. ĐỊNH NGHĨA 759
1. Tâm từ 759
2. Tâm bi 760
3. Tâm hỷ 761
4. Tâm xả 763
II. NHỮNG CHƯỚNG NGẠI CỦA TỪ BI HỶ XẢ 766
1. Chướng ngại của tâm từ 766
2. Chướng ngại của tâm bi 767
3. Chướng ngại của tâm hỷ 768
4. Chướng ngại của tâm xả 769
III. CÁC THIỀN CHỨNG VÀ SỰ THỰC TẬP 772
1. Sự thực tập tâm từ 772
2. Sự thực tập tâm bi 774
3. Sự thực tập tâm hỷ 774
4. Sự thực tập tâm xả 778
Phần câu hỏi ôn tập: 780

Bài 1: ĐẠO LÀM CON

---

* DẪN NHẬP
* MỘT SỐ BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ CÔNG ƠN CHA MẸ
* BÁO HIẾU - ĐẠO LÀM CON
* TÓM LƯỢC

Hôm nay là bài học đầu tiên của Khóa III với chủ đề "Đạo Làm Con", mỗi khóa như vậy chúng ta có 15 bài, 4 khóa chúng ta sẽ có 60 bài (Giáo lý căn bản). Như Thầy đã nói thì mỗi ngày bài vở càng nhiều hơn cho nên quý Phật tử phải cố gắng học hỏi những gì Đức Phật để lại cho mình. Không phải lúc nào mình cũng có Pháp để học, cho nên những bài giảng của Thầy, Thầy đã trích dẫn trong các bài Kinh, Thầy mong quý Phật tử có cơ hội đọc lại hoặc lưu lại trong phần ghi chú để rảnh thì đọc.

I. DẪN NHẬP

Hôm nay chúng ta học bài "*Đạo Làm Con*", trong khóa này Thầy sẽ giảng những bài như: "*Đạo Làm Con", "Đạo Làm Bạn", "Đạo Thầy Trò", "Đạo Vợ Chồng", "Tứ Vô Lượng Tâm", "Mạc Pháp", "Thần*

Thông", "Sáu Tánh", … những bài rất hay, từ từ chúng ta sẽ học.

"*Đạo Làm Con*", nghĩa là bổn phận của người con. Lâu nay quý vị được biết Cha Mẹ mình là người có ơn với mình rất lớn. Chúng ta biết điều đó nên chúng ta có cách này, cách khác để mà trả ơn cho Cha Mẹ. Xin thưa quý Phật tử! Hôm nay chúng ta học bài này, chúng ta nghe Phật dạy muốn trả ơn cho Cha Mẹ là trả ơn như thế nào.

Khi mình không hiểu đạo. Đôi lúc mình thương Mẹ, thương Cha, mình thấy Mẹ mình ốm quá, mình nghĩ: "*Con mua thịt con này này con kia về giết làm cho Mẹ ăn, cho Mẹ được bổ"*. Giết xong bổ đâu chưa thấy mà thấy ác nghiệp, thấy bất thiện trước rồi. Cho nên thương phải biết cách thương. Có lần Thầy giảng ở Đồng Nai có Cô đó, Cô có 1 người con duy nhất, chồng thì đã mất cho nên một mình nuôi con lớn. Sau này con lớn đi làm ăn, thường vào ngày chủ nhật cháu rảnh ở nhà, và thường hay có bạn bè tới chơi giống như tổ chức nhậu nhẹt, thì nói Mẹ mua cho đồ sống như mua gà, vịt, cá, lươn về giết. Anh này thì không biết Phật Pháp, và bà thì cũng biết Phật Pháp nhưng không được sâu sắc lắm. Bà nghĩ: "*Con mình nó đi làm vất vả cả tuần nó mới kêu mình giết có chút để nó đãi bạn bè, mình lo cho nó, thương nó mà không giết thì cứ lấn cấn*". Lấn cấn nên bữa bà hỏi Thầy là: "*Con giết vậy có tội không?* - "*Mình đâu có đi cắt cổ con người ta đâu,*

tôi cắt cổ là vì có lý do chánh đáng, con tôi ăn tôi mới cắt". Không nói vậy được nhé.

Cho nên hiểu Đạo rồi mình có cách để mình trả ơn cho Cha Mẹ cho nó rốt ráo. Và theo những gì Thầy được học và đọc nhiều nguồn sách khác nhau. Sau đó quay lại với Phật Pháp, với cái nhìn trí tuệ của Đức Phật thì Đức Phật chỉ cho mình "gần như một cách thôi", một cách để mình trả ơn cho Cha Mẹ sòng phẳng, nghĩa là trả ơn cho Cha Mẹ xong đó.

Trong đời này, có 3 hạng người đừng bao giờ mình xúc phạm, 3 hạng người này mình mà xúc phạm thì chỉ đi xuống địa ngục, ngạ quỹ, súc sanh là đi với tốc độ máy bay thôi.

3 hạng người đừng bao giờ xúc phạm là:

☞ Thứ nhất: Là hạng người mà mình mang ơn. Trong đó ơn lớn nhất là Cha Mẹ, Thầy Tổ của mình, là những người mình mang ơn lớn nhất thì mình đừng xúc phạm, mình mà xúc phạm hoặc làm ảnh hưởng đến các vị này là dễ đi xuống lắm.

☞ Thứ hai là hạng người đức độ. Có đức độ, có phước đức, có giới đức càng lớn mà mình đụng tới mấy vị này là mình cũng dễ đi xuống với tốc độ máy bay lắm.

☞ Thứ ba: Là tập thể, mà tập thể đó càng đạo đức bao nhiêu, càng trí tuệ bao nhiêu, càng lợi ích cho đời

bao nhiêu mà mình phá đoàn thể đó tan rã là tội lớn lắm.

Ví dụ trong 5 tội ngũ nghịch, người mình mang ơn, biết ơn là Cha, là Mẹ mình; Đức độ là Đức Phật và các bậc Thánh; Còn phá hòa hợp là đoàn thể tăng đoàn. Cho nên mình có ngang cỡ nào đi nữa, như gọi là ngang như cua, ngang mà không coi ai ra gì thì cũng biết đường mà chừa ra, đụng vô chỉ có đi xuống thôi. Không ai phạt mình, học Phật Pháp mình biết Phật Pháp không ai phạt mình mà chỉ có nghiệp bất thiện của mình mới làm cho mình khổ với nhân quả. Học bài này, quý vị hiểu cái quan trọng nhất trong bài này là cách mình trả ơn Cha, Mẹ.

Thầy nghĩ quý Phật tử càng học Phật Pháp thì càng biết ơn, càng học càng biết ơn, cảm ơn đất trời đã cho oxy để mình thở, cho mình bước đi, cho mình tấm thân, bạn bè cho mình nương tựa, giúp đỡ mình, Thầy cô cho mình con chữ, Thầy dạy cho mình cái nghề, nói chung là càng tu học mình càng biết ơn. Trong đó mình nghĩ về ơn Cha Mẹ mình, trước hết là những cái gì đó mình mang ơn vô cùng. Với bản thân, Thầy hay nói, có 2 người phụ nữ mà Thầy rất là tôn kính, thứ nhất ở ngoài đời là "Mẹ" và người thứ hai trong đạo đó chính là Da-Du-Đà-La (Yasodharā). Thầy rất thương kính Da-Du-Đà-La. Thầy nói nếu một ngày nào đó, người ta hất hủi mình, bỏ mình, quay lưng với mình, phản bội mình, đối xử với mình tệ bạc cỡ nào đi chăng nửa thì

Thầy tin còn có một người khi mình quay về vẫn không bỏ mình, người đó Thầy tin là Mẹ.

Quý Phật tử có thể bị bạn bè hất hũi, người này người kia không nhìn mình, không còn sự nghiệp, không còn sắc đẹp, không còn sức khỏe, không còn gì khác nửa chỉ còn thân tàn ma dại, hai bàn tay trắng thì vẫn còn có một người khi về vẫn không bỏ mình, Thầy tin đó là "Mẹ". Dĩ nhiên trong đời quý Phật tử có nghe đâu đó có người Mẹ bỏ con hoặc là hại con nhưng mà tỷ lệ đó rất ít, còn đa phần là Mẹ thương con. Còn nói theo ông bà mình là "*Nước mắt chảy xuôi*" Cha Mẹ thương con là cái gì đó rất là tự nhiên. Và quý vị nghĩ lại xem, là từ lúc mà quý vị được làm Mẹ, khi làm Mẹ rồi, quý vị có con rồi, quý vị sẽ thấy mình thương con mình hơn, nghĩ coi phải không? Mình thương con của mình hơn thương Mẹ của mình, tại sao vậy? Tại vì trong đứa con của mình coi như là sàn phẩm của mình, tác phẩm của mình, di sản của mình, là công trình của mình, nó là cái gì đó của mình cho nên mình thương con của mình hơn. Đôi lúc ước nguyện của mình, con mình nó làm thay mình.

Thầy xin thưa quý Phật tử! Có một sự thật rất là phũ phàng, chúng ta ai sinh ra trong đời cũng có cái tâm vô ơn mang theo và tâm vô ơn đó dễ làm mình quên cội nguồn lắm, rất dễ quên cội nguồn. Cho nên giữa con của mình và Mẹ mình thì thường mình thương con của mình, mình vốn hay quên cội nguồn mà, trở về

nguồn mình dễ quên hơn. Thầy muốn nói để quý Phật tử thấy rằng, mình có mặt trên cuộc đời này ân nghĩa Cha Mẹ là rất lớn.

II. MỘT SỐ BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ CÔNG ƠN CHA MẸ

Thầy dẫn chứng một vài bài Kinh Đức Phật dạy, để quý Phật tử thấy về công ơn Cha Mẹ khó đền và ca ngợi đạo hiếu.

1. Bài Kinh "Mẹ", "Cha" - Kinh Tương Ưng

Thứ nhất là Kinh Tương Ưng, Đức Phật dạy:

"Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm Mẹ...

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, mộ phần càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành"

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ - Tập II - Thiên Nhân Duyên, Chương IV - Tương Ưng Vô Thỉ (Anamatagga), Phẩm Thứ Hai, Bài Kinh Mẹ)

"*Như vầy tôi nghe.*

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm Cha...”

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ - Tập II - Thiên Nhân Duyên, Chương IV - Tương Ưng Vô Thỉ (Anamatagga), Phẩm Thứ Hai, Bài Kinh Cha)

Vô thỉ là luân hồi, luân hồi là đi rất nhiều kiếp, tìm không ra cái đầu tiên. Thì trong nhiều kiếp mà đi luân hồi đó gần như không tìm được một người nào mà không một lần làm Cha, làm Mẹ của mình. Nghĩa là mình đi luân hồi nhiều kiếp quá mà cứ mỗi kiếp như vậy mình sẽ có một người Cha, một người Mẹ mà vô số kiếp như vậy. Cho nên những người mình gặp đây gần như không ai chưa từng làm Cha, làm Mẹ của mình.

Lâu nay mình hay nghe nói tất cả có thể là Cha, là Mẹ với mình, là nhân duyện với mình trong một kiếp nào đó mà không nhớ, đúng không? Thì ở đây hôm nay chính quý Phật tử được nghe trong Kinh Đức Phật dạy rồi đó. Vì mình đi quá nhiều kiếp trong luân hồi như vậy thì chúng ta sẽ có nhiều người Cha, nhiều người Mẹ trong nhiều kiếp. Đến hôm nay, đôi lúc người oán thù với mình mà mình không biết nhiều đời nhiều kiếp là Cha, là Mẹ mình. Người thân của mình cũng vậy, cũng có thể là Cha, là Mẹ mình. Như vợ/chồng mình cũng có thể là Cha, là Mẹ mình, không thể nói được vì

trong vòng luân hồi nhiều kiếp mình đi như vậy, đến hôm nay gặp lại mình không nhớ.

Hôm trước Thầy giảng, Thầy kể về trường hợp: Đức Phật đi đến một nơi, có 2 ông bà Bà -La-Môn chạy ra ôm Đức Phật. Ông nói: "*Bà ơi con mình nó về, Bà ơi con mình nó về",* bà chạy ra, bà thấy Đức Phật, bà cũng ôm Đức Phật nói: "*Ông ơi con mình nó về, con mình nó về",* mà trong khi Đức Phật đâu phải con của 2 ông bà đâu. Vì ông bà trong tiền kiếp, nhiều kiếp làm Cha Mẹ Ngài, làm chú, làm bác, làm ông nội, ông ngoại của Ngài cho nên thương Ngài, coi Ngài như con. Chính vì vậy, mình thấy có những kiếp gần gần hoặc nhiều kiếp quá, mình nhìn lại còn có chút ấn tượng nào đó, như các bậc có thần thông thì biết, chứ còn mình thì mình đâu có biết. Nghĩ tới đây thôi quý vị thấy được những người thân đó là Cha Mẹ mình, tự nhiên quý vị có muốn hại người không? Có muốn oán thù không?

Học tới đây mình thấy những người xung quanh mình, và giờ vì mình còn luân hồi cho nên không nhớ, chứ Cha Mẹ với nhau. Biết có những kiếp người đó đã từng hy sinh cho mình, đã từng bỏ mạng cho mình, đưa mình vào đời, quý Phật tử còn muốn giận hờn, buồn bực người đó không? Không! Mà sự thật là như vậy. Có điều mình không nhớ rõ thôi, hôm nay mình nghe bài Kinh này, quý Phật tử thấy mình sống không có kẻ thù nhé. Là đệ tử Đức Phật, quý Phật tử sống thì nhớ giùm Thầy, sống không có kẻ thù, thương ai được thì

thương, mà không thương được thì ít nhất cũng đừng hại người ta, nhắm thương không được thì thôi, người đó đáng ghét quá, thôi tu tâm xả, mỗi người có nghiệp riêng đừng hại người ta**.**

2. Bài Kinh "Đất" – Kinh Tăng Chi Bộ

Đức Phật dạy:

"Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.

Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến

như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha."

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, *Chương II - Hai Pháp, IV. Phẩm Tâm Thăng Bằng, bài Kinh 1-11 "Đất")*

Nghĩa là Đức Phật dạy: Cho dù một vai cõng Cha, một vai cõng Mẹ đến cả trăm năm và lo cho Cha Mẹ, vậy trả ơn chưa? Chưa. Vậy mà lâu nay, mình nghĩ như vậy là trả ơn rồi. Nhiều khi nghĩ: "*Mẹ cho con phải không? Giờ con trả cho Mẹ cái nhà, cho Mẹ cái xe, coi như sòng phẳng, Mẹ đừng có đòi con nửa nhé, mệt quá"*. Nhiều khi đứa con đó có tiền, nó cho cục tiền, đó là xong rồi. Phật đã nói lo cho Cha Mẹ cả trăm năm cũng chưa đủ.

"Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này". Nói theo ông bà ta, là "*Chín chữ cù lao*". Chín chữ cù lao là gồm:

1. Sinh: Cha mẹ đẻ ra. 2. Cúc: Nâng đỡ con. 3. Phủ: Vỗ về vuốt ve. 4. Súc: Cho ăn bú mớm.	6. Dục: Giáo dưỡng con về tinh thần. 7. Cố: Trông (xem, nhìn, ngắm). 8. Phục: Quấn quýt, săn sóc không rời tay.

5. Trưởng: Nuôi dưỡng thể xác cho con.	9. Phúc: Ẵm bồng, gìn giữ, lo cho con đầy đủ, sợ con bị người khác ăn hiếp.

"Nhớ ơn chín chữ Cù lao
Ba năm nhũ bộ, biết bao nhiêu tình."

Mà ở đây Đức Phật dạy trăm năm vẫn lo chưa hết. Tại sao vậy? Cha Mẹ lo cho con cái quá nhiều, nuôi nấng, nuôi dưỡng quá nhiều, đặc biệt là giới thiệu con vào đời. Mà câu này Thầy hay nói với quý Phật tử: Mỗi lần giận Cha Mẹ, chỉ cần nhớ một câu này thôi: "*Vì đâu mà mình có mặt ở đây?* Không có Cha, không có Mẹ là không có mình, chỉ cần nhớ một ơn, nhớ một điều thôi, "*Có Cha Mẹ, mới có mình*". Chỉ cần một câu đó thôi là không bao giờ mình muốn giận, mà cũng chẳng có gì để mình giận Cha Mẹ cả. Chỉ cần "*Đưa mình vào đời*" coi như là quá đủ rồi, trong khi lo nhiều thứ khác nữa. Chỉ cần nghĩ "*Cha Mẹ đưa mình vào đời thôi*" tuyệt nhiên không bao giờ mình đòi hỏi.

Có câu chuyện thế này, có cô đó ở bên Mỹ, cô đó giận Cha, dĩ nhiên Cha cô cũng có lỗi, lỗi là lúc nhỏ bỏ cô. Sau khi cô lớn lên làm ăn thành đạt, Cha cô khó khăn thì cô vẫn giúp, mà giúp trong chừng mực. Có lần, sau khi giúp cho Cha xong, thì Cha cô như là xin giúp thêm, cô giận cô từ mặt Cha. Giống như cô này cũng biết chút Phật Pháp, cô thấy áy náy lương tâm, cô gọi

điện cho Thầy hỏi: *"Bây giờ con muốn từ mặt Cha con, con muốn cắt đứt, con không muốn nói chuyện với Cha".* Nhưng khổ nổi là Cha của cô này bị một căn bệnh cũng khá nặng, biết là sống không bao lâu nữa mà cô cắt đứt như vậy thì Cha sẽ khổ hơn, sẽ không có điều kiện để lo cho những ngày cuối đời. Cô mới hỏi Thầy: "*Như vậy có tội không? Bỏ Cha như vậy có tội không?*" Thầy mới nói như vầy: *"Chị cứ nhớ điều này, chị có mặt ở đây là nhờ có Cha chị, là do Cha chị thì chị mới có mặt ở đây, giúp được Cha được thì cứ giúp chứ không có gì giận Cha hết"*. Quý Phật tử học Phật Pháp, quý Phật tử thấy những điểm này, có mặt của mình trên cuộc đời ngày nay là do có Cha có Mẹ.

3. Bài Kinh "Hiếu Kính Cha Mẹ" - Kinh Tương Ưng

Đức Phật dạy trong bài Kinh Tương Ưng:

"Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy lên trên đầu móng tay, hay là quả đất lớn này?

Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn này. Còn ít hơn là một ít đất Thế Tôn lấy lên trên đầu móng tay. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một

phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ. Và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với cha. Và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với cha."

(Kinh Tương Ưng 5, phẩm Bánh Xe Lược Thuyết, Kinh Hiếu Kính Cha Mẹ)

Mình học Phật Pháp rồi mình biết những đứa con có hiếu ít như đất trên đầu ngón tay của Như Lai, quý vị thấy đó là chuyện bình thường của thế gian này. Bất hiếu nhiều hơn là có hiếu. Nên quý Phật tử tu tập, quý Phật tử có hiếu là quý Phật tử hiểu đạo, quý Phật tử cố gắng biết ơn, ... nhớ đến Cha Mẹ. Như Đức Phật dạy: "*Con có hiếu thì ít như đất trên đầu ngón tay, bất hiếu thì nhiều như đất trên địa cầu".* Nên nhìn ra thấy chúng sanh vô ơn với Cha Mẹ rất nhiều. Chính bản thân mình ngồi đây học Giáo lý, quý Phật tử không nhớ đến Cha Mẹ, không học được đạo lý, không được dạy dỗ, không hiểu được công ơn Cha Mẹ thì mình cũng dễ bất hiếu với Cha Mẹ lắm, có đứa con xong rồi ít lo cho Cha Mẹ. Cho nên mình học ở đây mình hiểu tại sao những đứa con bất hiếu lại nhiều như vậy. Tại vì những người biết "*Tri ơn – Biết ơn – Đền ơn*" rất ít, rất khó. Những chúng

sanh biết ơn và tri ơn ít như đất trong lòng bàn tay, còn vô ơn thì nhiều vô số, vô kể. Đấy là Thầy mới nói về "biết ơn", còn xa hơn "biết ơn" là "đền ơn". Biết ơn là một chuyện, đền ơn là một chuyện. Cũng như quý vị biết ơn Cha Mẹ mình, rồi quý vị đền ơn lo cho Cha Mẹ là một chuyện nữa. Giống như quý vị cũng có thể biết ơn bạn bè mình nhưng mà để lo cho bạn bè, đền ơn cho bạn bè là một chuyện khác. Ở đây mình hiểu rằng những người có mặt ở cuộc đời này, chúng ta dễ sống với tâm vô ơn lắm. (Quý vị nghe lại bài Thầy giảng trong bài "Tứ Ân", Thầy có giảng về lòng vô ơn, sự vô ơn của chúng sanh).

4. Bài Kinh "Sữa" – Kinh Tương Ưng

Trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật dạy:

") ... Trú ở Sàvatthi.

2) — Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bốn biển?

4) — Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là

sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển!

5) — Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển.

7) Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo… là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành".

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ- Tập II – Thiên Nhân Duyên-Chương IV: Tương Ưng Vô Thỉ- Kinh Sữa)

Nghĩa là sữa của Mẹ mà mình uống còn nhiều hơn nước của đại dương. Quý Phật tử nghe câu này mà không học Phật Pháp, quý Phật tử sẽ nghĩ *"Làm gì có, đời, uống sữa của Mẹ có mấy giọt đâu, làm gì có"*, đúng không? Chúng ta sẽ đặt câu hỏi đó, "*làm gì có"*. Nhưng quý Phật tử nhớ đến 10 đời, trăm đời, ngàn đời thì sao? Tỷ đời thì sao? Trong vòng luân hồi của mình thì sao? Đếm không nổi luôn. Mình nghe mình tưởng Phật lấy ví dụ như vậy, mà sự thật là như vậy. Từng giọt sữa, từng giọt sữa mình uống có vẻ nó không có nhiều trong một kiếp nhưng vấn đề là tỷ, tỷ, tỷ kiếp,

luân hồi là vô thỉ, nhớ không rõ, nhớ không hết được. Vậy thì ở đây Đức Phật nói trong vòng luân hồi, sữa mà mình uống nơi người Mẹ còn nhiều hơn nước biển, nhiều hơn nước của đại dương. Sữa của người Mẹ là những giọt máu kết tinh thành những dòng sữa ngọt truyền đạt qua cho con. Mỗi ngày đứa con bụ bẫm, lớn lên, đã rút tỉa tàn phá thân hình của người Mẹ khô gầy héo mòn, chết sớm cũng vì con.

Cho nên sau này, ngày sinh nhật thì Thầy cũng không cản việc tổ chức, nhưng trong chừng mực nào đó dĩ nhiên là đừng có hao tổn quá phí phạm. Mà lấy cái tịnh tài đó đi làm các công đức cho Mẹ mình hoặc tạo điều kiện, tạo duyên cho Mẹ mình làm các công đức, đó là cách mà mình trả ơn cho Mẹ của mình. Tại sao? Tại vì ngày đó còn gọi là "*Ngày mẫu thân nạn*", là ngày Mẹ mình gặp nạn vượt cạn sinh con, là ngày Mẹ mình vượt qua cửa sinh tử, đau đớn để sinh ra mình. Có khi ngày đó người Mẹ bỏ mạng để sinh ra đứa con, cho nên đến ngày đó phải lo cho Mẹ mình. Đó là cách để mình đón nhận ngày sinh của mình.

5. Bài Kinh "Lửa (1)", "Lửa (2)" – Kinh Tăng Chi Bộ

Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy:

*"**(III) (43) Lửa (1)***

1. - Này các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa này. Thế nào là bảy?

2. Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa những vị đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa các vị đáng cúng dường, lửa củi.

Này các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa này.

(IV) (44) Lửa (2)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthī, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, một tế đàn lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Uggatasarīra, năm trăm con bò đực được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con nghé đực được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con nghé cái được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con dê được dắt đến trụ tế đàn, và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế đàn. Rồi Bà-la-môn Uggatasarīra đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Uggatasarīra thưa với Thế Tôn:

- Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Này Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Bà-la-môn Uggatasarīra thưa với Thế Tôn:

- Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Này Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng ta đồng một mục đích, Tôn giả Gotama và chúng tôi; thật vậy, chúng ta hoàn toàn đồng nhau.

2. Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Bà-la-môn Uggatasarīra:

- Này Bà-la-môn, không nên hỏi Như Lai rằng: "Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn". Này Bà-la-môn, cần hỏi Như Lai như sau: "Bạch Thế Tôn, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng lên trụ tế đàn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài!"

3. Rồi Bà-la-môn Uggatasarīra bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng trụ tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama hãy giáo giới cho con; Tôn

giả Gotama hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, dựng lên ba cây kiếm bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thục. Thế nào là ba?

4. Thân kiếm, ngữ kiếm, ý kiếm. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, khởi lên ý nghĩ: "Chừng ấy con bò đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con nghé đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con nghé cái cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con dê cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con cừu cần phải giết cho lễ tế đàn". Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ý kiếm thứ nhất, bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

5. Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, nói như sau: "Hãy giết chừng ấy con bò đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con nghé đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con nghé cái cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con dê cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con cừu cho lễ tế đàn.". Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm

bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ngữ kiếm thứ hai, bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

6. Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bò đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con nghé đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con nghé cái cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con dê cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con cừu cho lễ tế đàn". Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên thân kiếm thứ ba, bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm này, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

7. Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa. Thế nào là ba?

8. Lửa tham, lửa sân, lửa si. Vì sao, này Bà-la-môn, lửa tham cần phải đoạn diệt, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

9. Người bị tham làm cho ái nhiễm, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa tham này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận. Và này Bà-la-môn, vì sao lửa sân cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

10. Người bị sân làm cho tức giận, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy lửa sân này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận. Và này Bà-la-môn, vì sao lửa si cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

11. Người bị si làm cho mê mờ, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, sanh vào

cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy lửa si này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba lửa này, này Bà-la-môn, cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

12. Ba lửa này, này Bà-la-môn, được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, phải đem lại chánh lạc. Thế nào là ba?

13. Lửa đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa đáng cúng dường. Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa đáng cung kính?

14. Ở đây, này Bà-la-môn, những người mẹ, những người cha của người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa đáng cung kính. Vì sao? Vì từ đó lửa đáng cung kính này khiến cho mang lại, khiến cho sanh ra. Do vậy, này Bà-la-môn, lửa đáng cung kính này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, phải đem lại chánh lạc. Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa gia chủ?

15. Ở đây, này Bà-la-môn, những người con, những người vợ, những người phục dịch, những người đưa tin, hoặc những người làm công cho người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa gia chủ. Do vậy lửa gia chủ này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, phải đem lại chánh lạc. Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa đáng được cúng dường?

16. Ở đây, này Bà-la-môn, những Sa-môn, Bà-la-môn nào từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, sống kham nhẫn nhu hòa; mỗi người điều phục tự ngã; mỗi người an chỉ tự ngã; mỗi người lắng dịu tự ngã. Này Bà-la-môn, đây gọi là ngọn lửa đáng được cúng dường. Do vậy lửa đáng được cúng dường này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.

Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.

Còn lửa củi này, này Bà-la-môn, cần phải thường thường nhen đốt nó lên, cần phải thường thường chăm sóc duy trì, cần phải thường thường dập tắt, cần phải thường thường để một bên.

17. Được nói như vậy, Bà-la-môn Uggatasarīra bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama hãy nhận còn làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Và thưa Tôn giả Gotama, con sẽ thả năm trăm con bò đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con nghé đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con nghé cái và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con dê và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con cừu và cho chúng sống. Hãy để chúng

ăn cỏ xanh; hãy để chúng uống nước mát; hãy để gió thổi chúng mát."

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, *Chương VII - Bảy Pháp, V. Phẩm Đại Tế Đàn, bài Kinh (III) (43) Lửa (1) và bài Kinh (IV) (44) Lửa (2)).*

Đức Phật dạy, có 7 loại lửa: Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa củi, lửa những vị đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa các vị đáng cúng dường.

- Lửa tham, lửa sân, lửa si: Tham, sân, si là lửa tại vì tham, sân, si là những phiền não, nó đốt mình trong vòng luân hồi để mình khổ đau.

- Lửa củi: Là lửa mình nấu ăn.

- Lửa những vị đáng cung kính: Là người giới đức có trí tuệ, có đức độ (Là bậc chưa chứng thánh, là những đệ tử của Đức Phật), và Cha Mẹ mình cũng là những người đáng cung kính.

- Lửa các vị đáng cúng dường: Là Đức Phật, là các Bậc Thánh.

- Lửa gia chủ: Gia chủ là là người chủ nhà, là Cha Mẹ mình, hay Cha Mẹ mình là lửa).

Cha Mẹ là lửa, tại sao Cha Mẹ là lửa? Thầy hỏi quý Phật tử: Trước khi nghe Thầy giảng quý Phật tử đã ăn chiều chưa? Đa phần ăn rồi! Vậy có phải khi nấu

cơm, nấu thức ăn thì phải có lửa mới nấu được không? Vậy lửa nấu đồ ăn cho mình là tốt hay xấu? Tốt! Tốt mới cho mình nấu đồ ăn nhưng cũng với ngọn lửa đó có thể đốt cháy nhà, cháy rừng không? Có. Cũng một ngọn lửa thôi nếu không biết dùng thì nó đốt cháy nhà, cháy rừng, nếu biết dùng thì sẽ lợi. Vậy tại sao gọi Cha Mẹ là lửa? Với Cha Mẹ, mình biết lo cho Cha me, báo hiếu Cha Mẹ, đền ơn Cha Mẹ là phước của mình. Nhưng cũng Cha Mẹ mà quý Phật tử bất hiếu, xúc phạm với Cha Mẹ thì đó là tổn phước. Cũng giống như lửa lúc nãy, biết thì có lợi, không biết thì có hại, không biết đây là mình xúc phạm, bất kính thì có phải là tội không? Giống như Thầy nói lửa đáng cúng dường là Đức Phật, quý Phật tử mà biết, quý Phật tử đảnh lễ, cúng dường, học Pháp nơi Đức Phật có phải phước phần của đời mình không? Nhưng cũng là Đức Phật, mình xúc phạm Ngài có phải là mình đi xuống không? Nên Đức Phật là lửa đáng cúng dường là vậy đó. Cha Mẹ cũng vậy, quý Phật tử nhớ giùm Thầy, mình lo cho Cha Mẹ là có phước. Cha Mẹ là người mình mang ơn, mình lo cho Cha Mẹ là phước của mình. Cho nên vấn đề thương, thương ai thì thương mà không thương Cha Mẹ là phải đặt lại vấn đề, phải đặt lại câu hỏi đó. Nên Cha Mẹ gọi là lửa là như vậy. Cha Mẹ mà mình biết cung kính, đảnh lễ, lo lắng báo hiếu là phước của mình còn không biết mà bất hiếu, xúc phạm tới Cha Mẹ đó là tội nặng.

Thầy nói thêm, nếu bất hiếu với Cha Mẹ thì sao. Về "Năm tội ngũ nghịch": Giết Cha, giết Mẹ, giết bậc Thánh, làm thân Phật chảy máu, phá hoại hợp tăng. Trong đó, tội nặng nhất cuộc đời này có đến 2 tội là "Giết Cha, giết Mẹ". Vậy tại sao có 2 tội giết Cha, giết Mẹ mà tội nặng vậy? Tại vì Cha Mẹ là người mà mình mang ơn, là người đưa mình vào đời, là ơn lớn nhất cuộc đời này rồi. Nếu mà Thầy nói trừ Phật Pháp ra, Cha Mẹ là ơn lớn nhất trong cuộc đời mình, mà mình còn giết nữa thì thôi, người mà ở ngoài đời gọi là "*Trời không dung, đất không tha*" không có chỗ nào chứa được nữa.

Ai phạm vào tội này thời Đức Phật? Đó là A-Xà-Thế *(Ājātasattu),* A-Xà-Thế *(Ājātasattu)* phạm tội giết Cha. Và Ngài Mục-Kiền-Liên *(Mahā Moggallāna*) trong tiền kiếp, có một kiếp, Ngài là anh một thanh niên sống với một người Mẹ già. Sau đó anh lấy vợ, bà cụ sau già bệnh nằm một chổ. Thì người vợ mới nói với chồng: *"Anh ơi trước sau gì Mẹ cũng chết, bây giờ hai vợ chồng mình đóng cái xe củi đẩy Mẹ lên núi, rồi mình bỏ Mẹ trên núi, trước sau gì Mẹ cũng chết"*. Anh thanh niên này thương Mẹ lắm, anh không làm nhưng mà sau đó, vợ cứ nói hoài, cuối cùng anh cũng mũi lòng, anh quyết định đóng chiếc xe củi và để đẩy Mẹ lên núi. Hai vợ chồng mới sắp xếp với nhau là: *Đẩy Mẹ lên núi xong, rồi sẽ hô lên là "có cướp, có cướp", xong rồi mượn cái cớ đó chạy, bỏ Mẹ lại trên núi, để cho Mẹ chết luôn*. Lúc này bà cụ bị mù rồi, hai vợ chồng đóng

xe đẩy lên núi, xong thì có chuyện thế này, anh ta mới la lên như dự định là có cướp. Khi mà la lên có cướp để có cớ chạy, thì người Mẹ nghe như vậy, bà mới nói: "*Con ơi con đừng có lo cho Mẹ, con bỏ đi, con bỏ đi, con chạy đi, chạy đi, con đừng lo cho Mẹ"*. Anh mượn cớ đó bỏ chạy giết Mẹ luôn mà thật ra đâu có cướp. Vì tiền nghiệp giết Mẹ đó, Ngài Mục-Kiền-Liên *(Mahā Moggallāna*) nhiều kiếp đọa xuống địa ngục, ngạ quỹ, súc sanh. Có những kiếp Ngài quay lên làm người mấy trăm kiếp mà cái đầu bị vỡ làm bảy, khủng khiếp chưa! Và tới thời Đức Phật Thích Ca, Ngài Mục-Kiền-Liên *(Mahā Moggallāna*) là thần thông đệ nhất, Ngài chỉ búng ngón tay là Ngài lên Cung Trời, Ngài đi đâu cũng được. Vậy mà cuối đời của Ngài, Ngài bị ngoại đạo giết, không phải giết kiểu bình thường, mà giết còn băm Ngài ra, mà nói theo kiểu ngoài đời là "*băm như tương hột",* vì người ta biết Ngài có thần thông, sợ Ngài thu thân trở lại. Lúc đó Ngài quán chiếu về cái nghiệp giết Mẹ trong tiền kiếp Ngài phải trả. "Nghiệp lực đáo thời, thần chi nhất tự, *Thượng* bất *nan ức, huống phát thông tai",* có nghĩa là khi nghiệp đã đến rồi thì một chữ "thần" còn không có huống chi chữ "thông". Thế là ngoại đạo giết Ngài, băm Ngài ra. Ngài thì không còn sợ chết nữa, không khổ vì chết nữa, mà vấn đề đây là cái nghiệp Ngài phải trả.

Cho nên quý Phật tử nhớ giùm, không phải phạm một tội, trả một tội đâu, mà phạm một tội có thể trả cả ngàn kiếp. Nhưng điều thiện quý vị làm một lần, Thầy

nói vui như quý Phật tử lạy Phật một lần thì cả ngàn kiếp được làm Vua, chứ đâu phải sau này có người lạy lại mình đâu, đâu phải đơn giản vậy. Có những cái phước quý Phật tử làm một lần quý Phật tử hưởng cả ngàn kiếp và có những cái lỗi quý vị làm một lần phải trả cả ngàn kiếp.

Còn Vua A-Xà-Thế *(Ājātasattu)* thì giết Cha xong ông hối hận, ông quay đến gặp Đức Phật, ông hộ trì cho Tam Bảo. Có lần Đức Phật thuyết bài Kinh "Sa Môn Quả, Trường Bộ Kinh". Nghe xong, sau đó Vua A-Xà-Thế *(Ājātasattu)* về, Đức Phật nói với các quý Thầy, nếu A-Xà-Thế (Ājātasattu) không phạm tội giết Cha thì ngay nơi đây ông đã chứng Thánh, chứng Sơ Quả rồi. Cho nên người phạm ngũ nghịch tội thì đời này không được chứng Thánh, mà một người đã chứng Thánh thì đời này không phạm ngũ nghịch. Cũng như Ngài Vô Não *(Angulimāla)* giết người 999 người, cuộc đời của Ngài vẫn được chứng Thánh vì trong danh sách giết đó không có 5 trường hợp ngũ nghịch tội (Giết Cha, giết Mẹ, giết Bậc Thánh, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp tăng). Người thứ 1000 Ngài định giết chính là Mẹ Ngài. Đức Phật biết nếu Ngài phạm vào tội này thì Ngài lỡ một chuyến đò, qua cơ duyên đắc Thánh, nên Đức Phật tới hóa độ Ngài.

Xin thưa quý Phật tử, giảng bài này Thầy muốn nói với quý Phật tử là nhìn về Cha Mẹ mà biết ơn vô cùng. Chỉ có biết ơn, đền ơn chứ đừng bao giờ đòi hỏi,

trách móc Cha Mẹ. Chỉ nhớ giùm Thầy một điều thôi, chỉ cần nhớ câu "*Cha Mẹ là người giới thiệu ta vào đời*", có mặt đây là nhờ có Cha Mẹ, chuyện đó mình trả cả đời không hết mà đòi hỏi gì ở Cha Mẹ. Mà lạ lắm, khi quý Phật tử biết ơn ai không phải riêng gì Cha Mẹ đâu, quý Phật tử thấy được cái ơn tình, ơn nghĩa của họ dành cho mình rồi là tự nhiên mình bớt trách móc và đòi hỏi. Khi mình muốn bớt trách móc ai, quý Phật tử biết ơn người đó, thấy người đó dành cho mình những cái tốt đẹp, chừng đó hạnh phúc quá, không còn đòi hỏi gì nữa, trong khi Cha Mẹ mình cho mình bao nhiêu.

Thầy kể câu chuyện, có đứa bé đó nó còn nhỏ, nó giận Mẹ vì xin tiền Mẹ không cho. Nó giận nó bỏ đi, vì đói quá nó vô quán phở. Biết hết tiền ăn, nó vô quán phở xin cô đó cho ăn, ăn xong cô đó không lấy tiền, nó vòng tay nó cảm ơn. Vừa cảm ơn vừa giận Mẹ, nó nói: "*Mẹ con không thương con, cô là người dưng nước lã mà cô cho con tô phở, Mẹ con không thương con, xin tiền Mẹ không cho*". Cô đó nói: "*Cô là người dưng nước lả cô cho con có tô phở mà con cảm ơn cô vậy, trong khi từ nhỏ tới giờ Mẹ con cho con biết bao nhiêu, con đi về con xin lỗi Mẹ đi"*. Cô đó dạy đứa bé như vậy. Cho nên, khi mình hiểu rồi, với Cha Mẹ mình biết ơn, đền ơn, không đòi hỏi trách móc gì hết.

III. BÁO HIẾU - ĐẠO LÀM CON

Nãy giờ Thầy muốn dẫn đoạn đầu để quý vị thấy công ơn Cha Mẹ to lớn và cũng thấy sự vô ơn của chúng sanh nhiều. Đây là "*Đạo Làm Con*" là "*bổn phận của người con đối với Cha Mẹ"*, có 3 điều:

1/ Trả ơn cho Cha Mẹ về đời sống vật chất.

2/ Trả ơn cho Cha Mẹ về đời sống tinh thần.

3/ Trả ơn cho Cha Mẹ (nếu Cha Mẹ đã mất) bằng cách hồi hướng.

1. Trả ơn cho Cha Mẹ về đời sống vật chất

Thầy nói lướt vì phần này dễ hiểu rồi. Thầy tóm tắt lại một câu: *"Vật chất là trong khả năng của mình lo được gì cho Cha Mẹ thì lo về đời sống vật chất*". Dĩ nhiên khi mình biết đạo rồi, không phải là Mẹ thích ăn gà sống liền mua gà sống về giết, lo được vật chất nhưng không được bất thiện. Lo cho Cha Mẹ về đời sống vật chất đầy đủ trong khả năng của mình là lo về thuốc thang, giường bệnh, áo quần, nhà cửa gì đó … trong khả năng của mình, lo được gì thì lo cho Cha Mẹ.

2. Trả ơn cho Cha Mẹ về đời sống tinh thần

Mấu chốt Thầy muốn nói đó chính là "*Tinh thần*". Thầy đọc rất nhiều bản Kinh để trả ơn cho Cha Mẹ, Thầy thấy trong bản Kinh này là cách duy nhất để trả ơn cho Cha Mẹ. Thầy nói là trả xong nhé, trả đầy đủ

luôn. Thầy mời quý vị cùng lắng nghe, cách trả ơn Cha Mẹ sòng phẳng, trọn vẹn, đầy đủ, trả xong. Đức Phật dạy:

"Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.

Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha."

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, *Chương II -*

Hai Pháp, IV. Phẩm Tâm Thăng Bằng, bài Kinh 1-11 "Đất")

- "*An trí Cha Mẹ quốc độ với tối thượng uy lực"*: Tối thượng uy lực làm Vua Chuyển Luân Vương, nghĩa là quý Phật tử có trả ơn Cha Mẹ về uy quyền, cho Cha Mẹ làm Vua đi chăng nữa thì cũng chưa trả đủ ơn.

- *"Trên quả đất lớn với bảy báu"*: Nghĩa là quý Phật tử có trả ơn Cha mẹ về vật chất đầy đủ bảy báu: Vàng, bạc, kim cương, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não. Lo đầy đủ vật chất như vậy cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho Cha Mẹ.

Và ở đây:

1/ Nếu Cha Mẹ không có lòng tin, chưa có tin: Thì khuyến khích, hướng dẫn an trú cho Cha Mẹ vào lòng tin.

2/ Nếu Cha Mẹ theo ác giới là Cha Mẹ mà làm ngược với năm giới, tám giới, là những điều không có đạo đức: Thì giúp cho Cha Mẹ hướng dẫn an trú cho Cha Mẹ vào thiện giới hay vào đạo đức. Cha Mẹ mà không giữ năm giới, làm ngược với 5 giới như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu thì mình hướng dẫn cho Cha Mẹ biết giữ năm giới, an trú, hướng dẫn, khuyến khích cho Cha Mẹ vào thiện giới.

3/ Nếu Cha Mẹ sang tham là Cha Mẹ không biết mở rộng lòng, không biết san sẽ, hào sảng, thì khuyến

khích, hướng dẫn, an trú cho Cha Mẹ vào hỷ xả hay bố thí. Hướng dẫn Cha Mẹ biết mở lòng ra, biết san sẽ, biết cho đi, biết phóng khoáng, biết rộng rãi, biết hào sảng, biết bố thí.

4/ Nếu Cha Mẹ theo ác trí tuệ (Là Cha Mẹ còn tà kiến) thì hướng dẫn, khuyến khích, an trú cho Cha Mẹ vào trí tuệ.

Đó là 4 điều sau khi Phật hướng dẫn xong, Phật dạy: "*Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha".* Mấu chốt của bài "Đạo Làm Con" hãy nhớ kỹ 4 điều này: Cha Mẹ chưa có lòng tin thì hướng dẫn cho Cha Mẹ vào lòng tin. Chưa có giới thì hướng dẫn cho Cha Mẹ có giới, thiện giới. Nếu Cha Mẹ chưa biết bố thí hướng dẫn Cha Mẹ bố thí. Cha Mẹ theo tà kiến thì hướng dẫn cho Cha Mẹ vào trí tuệ. Và nếu làm được như vậy thì có trả ơn, trả ơn đủ, trả ơn xong được cho Cha Mẹ.

Nói rộng hơn, nghe bài này xong, nhìn lại xem Cha Mẹ mình có điểm này chưa, chưa có thì ráng mà tìm cách. Cha Mẹ chưa có lòng tin thì hướng dẫn, an trú cho có lòng tin. Là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, biết Quy Y Tam Bảo. Ở đây Cha Mẹ chưa có lòng tin, chưa có niềm tin nơi Tam Bảo, nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng, hướng dẫn cho Cha Mẹ có niềm tin nơi Tam Bảo, tại sao nó quan trọng vậy? Vì Quy Y Tam Bảo rồi là có điểm tựa là Phật, Pháp, Tăng, từ đó trở đi, đó là tài sản của Cha Mẹ mình. Tại sao lại là tài sản? Ví dụ Cha Mẹ

mình biết "Niệm Ân Đức Phật" biết nghĩ về Phật với tâm cung kính, biết tu tập theo Pháp, cung kính chư Tăng, đó là phước của Cha Mẹ. Khi Cha Mẹ biết tu tập vậy rồi, tâm của Cha Mẹ được chuyển hóa, phước của Cha Mẹ thì là Cha Mẹ mang theo, an lạc đời này là duyên lành cho Cha Mẹ nhiều đời. Nếu Cha Mẹ biết, giỏi hơn thì Cha Mẹ đắc Thánh luôn, quý Phật tử đâu có lấy được của Cha Mẹ mình đâu, muốn lấy lấy cũng không được mà Cha Mẹ muốn cho cũng không cho được. Mình muốn có hiếu thì mình phải hướng dẫn cho Cha Mẹ có phước. Hãy nhớ giùm Thầy câu quan trọng: "*Ta đi với nghiệp của ta, chính nghiệp là tài sản của mình"*. Nghiệp là tài sản, là tội, là phước. Là tài sản của mình vậy thương ai thì quý Phật tử giúp cho 4 điều này, nằm gọn trong 4 chữ thôi "Tín – Thí – Giới – Tuệ".

☞ **Tín:** Là niềm tin nơi Tam bảo. Tin Tam Bảo mình có phước. Quý Phật tử nghe lại bài "Tam Bảo". Một niệm cung kính Tam Bảo thôi là như thế nào, một niệm cung kính Phật thôi là như thế nào, cung kính Pháp, cung kính Tăng là như thế nào.

☞ **Giới:** Là Cha Mẹ biết giữ 5 giới, 8 giới, hôm sau chúng ta học bài 8 giới: "Bát Quan Trai Giới". Ít nhất thì mình phải giữ được năm giới. Giới là đạo đức, giới là những gì ngăn mình không làm những điều bất thiện, giới là những điều đạo đức, những điều thiện lành để ngăn cho mình những điều bất thiện. Vậy thì Cha Mẹ biết Quy Y Tam Bảo là biết giữ giới. Và khi Cha Mẹ

giữ giới với cái tâm tàm úy, tâm chánh niệm, phòng hộ, tỉnh thức thì từng giới một, Cha Mẹ giữ với cái tâm đó thì từng niệm, từng giờ, từng phút là công đức. Chứ không phải giữ giới không uống rượu, xong nguyên ngày đó hát Karaoke không uống rượu, chỉ hát chứ không uống rượu thì không phải, đó không phạm giới nhưng mà chưa chắc. Đã giữ giới thì phải có tàm úy, có chánh niệm, có phòng hộ, có tỉnh thức, đụng chuyện mà không phạm thì đó mới là giữ giới. Đó là Cha Mẹ biết Quy Y Tam Bảo, biết giữ giới.

☞ **Thí**: Có nhiều người đến hôm nay nghĩ sống sao mà cứ hất vô, không chịu hất ra. Nó có nhiều lý do là đồng tiền liền khúc ruột, cho ra đâu phải dễ. Có khi họ quan niệm rằng, như thói quen nhiều kiếp của mình là hất vô, gom vô được bao nhiêu thì gom, nắm được bao nhiêu thì nắm. Đến một lúc nào đó, thấy hạnh phúc của người bỏ ra, buông ra nó nhiều hơn là người nắm vào. Đến một lúc nào đó quý đại chúng coi phải không? Hạnh phúc của người buông ra, nó hạnh phúc hơn của người nắm vào, mà mình nắm được bao lâu.

Quý đại chúng thấy, giữ giới rồi, Quy Y rồi, đến Cha Mẹ biết mở rộng bàn tay. Chính cái gì Cha Mẹ cho, những cái phước báu Cha Mẹ làm thì mới là cái theo Cha Mẹ. Cứ nhớ giùm Thầy "Thiện nghiệp và ác nghiệp" mới là tài sản của mình. Tài sản của Cha Mẹ mình cũng chính là tài sản của mình. Cho nên thương Cha Mẹ, mình hướng dẫn cho Cha Mẹ làm. Học giáo

lý rồi, Thầy muốn quý vị xem lại Cha Mẹ mình có gì chưa? Có tín chưa? Chưa! Báo hiếu hãy tìm cách đi! Có thí chưa? Có giới chưa? Chưa thì lo tìm cách đi. Thương Cha Mẹ thì như vậy. Thầy nói giả dụ chứ không mong muốn, nhưng mà đương nhiên là một ngày nào đó có những điều không muốn nó cũng phải tới thôi đó là ngày Cha Mẹ mình nhắm mắt. Thì ngày đó Cha Mẹ đi với thiện, ác nghiệp của Cha Mẹ. Thì bây giờ mình phải sắp xếp cho Cha Mẹ có điều thiện để Cha Mẹ nhắm mắt, có cái tài sản này cầm đi. Chính bản thân mình cũng vậy có tài sản cầm tay để mình đi. Đó là Thí.

☞ **Tuệ:** Nội dung của trí tuệ là nội dung của chánh kiến. Thầy luôn nhắc hoài đó là: Thứ nhất hiểu về "Nghiệp và quả của nghiệp", thứ hai là hiểu về "Tam tướng" (Vô thường - Khổ - Vô ngã).

Hiểu về "Nghiệp và quả của nghiệp": Ta làm nghiệp gì ta phải chịu nghiệp đó, ta là chủ nhân của nghiệp, ta là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tuệ, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa.

Hiểu về "Tam tướng": Vô thường - Khổ - Vô ngã, hiểu về cuộc đời là như vậy.

Nội dung của trí tuệ là vậy, của chánh kiến là vậy. Người nào hiểu được hai điều này thì người đó không có tà kiến. Còn có tà kiến thì quay lại nghe bài "Tà

kiến" hôm trước Thầy đã giảng. Nội dung của trí tuệ đại ý là vậy.

Tóm lược 4 điều này:

Học tới đây, với mong muốn, Thầy muốn quý Phật tử xem Cha Mẹ mình đã Quy Y Tam Bảo chưa, xem Cha Mẹ giữ giới chưa, xem Cha Mẹ biết bố thí, làm phước, cúng dường chưa. Hiểu Cha Mẹ thì hiểu rồi, thấy Cha Mẹ mà lạy xuống một lạy là mừng lắm, tại sao? Cha Mẹ mình kính Phật là phước của Cha Mẹ. Phước này giờ con muốn giành cũng không được, mà Mẹ có thương con Mẹ cho cũng không được, phước đó Mẹ hưởng.

Ở đây, có mấy ngày lễ, như là "Vu lan" hay là bữa giờ khi Thầy giảng các bài Pháp này, cũng như lúc trước quý Phật tử hay làm, là: "*Thầy ơi con xin cúng dường Trai Tăng, con hồi hướng cho Cha con, cho Mẹ con*". Thầy nói: *"Thương Cha Mẹ, muốn Cha Mẹ lãnh phước này không? Muốn lãnh đủ đúng không? Thầy chỉ cho cách".* Vừa rồi cũng mới có một người có Cha bị bệnh cũng làm phước hồi hướng cho Cha. Thầy nói: "*Chị muốn Cha chị nhận phước này là chính đúng không?*" Chị nói *"Dạ! Con muốn làm cho Cha con"*. Mà tất cả là của chị này hết, chị làm, chị hồi hướng cho Cha chị, nhưng Cha chị còn sống thì ít nhận được lắm, chị nhận là chính. Thầy chỉ cách cho Cha chị nhận đủ, là chị cho Cha chị cái tài sản, cái tịnh vật mà chị định cúng Trai Tăng đó. Chị cho Cha nhưng mà cho phải

sòng phẳng là của Cha. Chị khuyến khích Cha làm Trai Tăng. Đấy, chuyển qua Cha Mẹ, cái quan trọng là phải cho, cho sòng phẳng, sau đó khuyến khích Cha Mẹ làm trực tiếp thì càng tốt. Cha Mẹ không làm trực tiếp, Cha Mẹ gởi mình, con làm dùm cho Cha Mẹ cũng được. Dĩ nhiên không bằng làm trực tiếp, nhưng vì lúc này là của Cha Mẹ rồi, có sự khác nhau liền, khác nhau là chổ của Cha Mẹ làm, chỉ có là trực tiếp hay không trực tiếp thôi. Cha Mẹ trực tiếp thì quá tuyệt vời luôn, cho nên khéo chút.

Cách đây hơn 10 ngày cũng có một Phật tử làm kiểu đó, cũng hồi hướng cho Cha thì Thầy nói: "*Hướng dẫn cho Cha Mẹ làm*". Nhưng mà lúc quý Phật tử cho Cha Mẹ làm, quý Phật tử nói cho sòng phẳng nhé. Đó là của Cha, đó là của Mẹ, rồi Cha Mẹ nhờ làm. Đó là thí, là cúng dường. Và quý Phật tử hướng dẫn Cha Mẹ Quy Y Tam Bảo, giữ giới, có trí tuệ.

Xin thưa quý Phật tử, 4 điều này nghe có vẻ dễ nhưng mà để mà trả ơn xong, như trong Kinh Đức Phật dạy, làm trọn vẹn 4 điều này là trả ơn xong, đúng không? Nhưng thế nào là làm cho trọn vẹn? Xin thưa quý Phật tử, Cha Mẹ mà làm 4 điều này trọn vẹn, mà mình trả ơn xong, đó là Cha Mẹ chứng Sơ Quả. Cha Mẹ chứng Thánh Sơ Quả thì mình mới trả ơn xong. Khủng khiếp không? Coi như là phàm tâm của mình trả hoài cũng không hết. Tại sao? Quý Phật tử nhớ như "tín" hoặc "giới", Cha Mẹ mà đắc được Sơ quả Tu-Đà-

Hoàn đầu tiên rồi, quả Thánh đầu tiên không được phạm giới. Cha Mẹ đắc được Sơ Quả, Cha Mẹ có niềm tin Tam Bảo bất động không thay đổi, đó là trọn vẹn, trọn vẹn đến chổ không phạm nữa, mình mới trả ơn xong. Quý vị thấy dễ hay khó? Trả ơn cho Cha Mẹ quá khó luôn.

Thì thôi trong khả năng của mình, mình cứ trả ơn cho Cha Mẹ được bao nhiêu thì cứ trả ơn. Mấu chốt là phải hướng dẫn cho Cha Mẹ có điểm tựa, điểm tựa đó chính là Tam Bảo, điểm tựa đó chính là thiện nghiệp. Nói đi nói lại cũng là chổ này là mấu chốt, quý vị thương Cha Mẹ cứ lo cho Cha Mẹ ăn uống này kia, nhà cửa, ... thì cứ làm, Thầy khuyến khích điều đó. Nhưng mà đường dài an lạc, luân hồi tử sanh muôn nẻo cần phải có phước, có phước để nâng Cha Mẹ lên. Đời này đến đời sau Cha Mẹ có phước thì Cha Mẹ đỡ khổ.

Và ai là người làm điều này trong thời Đức Phật, đó là Ngài Xá Lợi Phất, và chuyện gia đình Ngài thương lắm. Nhà Ngài có bảy anh em, mà bảy anh em đều đi tu hết (Ngài là anh cả). Mẹ Ngài là một Bà-La-Môn, mà bà đâu tin Phật, bảy đứa con bà đi tu hết bỏ bà ở nhà, bà ghét Phật lắm, bà giận Phật lắm. Bảy đứa con đi tu, đặc biệt bảy người đi tu đều đắc Thánh A-la-hán. Cuối đời Ngài Xá Lợi Phất, khi còn có 7 ngày nữa Ngài Niết-bàn, Ngài nhìn về Mẹ mình vẫn còn tà kiến: *"Giận sao ông Gotama, làm sao bảy người con đi theo ổng hết"*. Ngài mới xin Phật: "*Cho con về quê để có*

duyên độ Mẹ". Trên đường về nhà mất 6 ngày, đến chiều mới về tới nhà, đêm thì Ngài bệnh (Bệnh kiết lị), bà chăm con, bà thương con đến như vậy đó. Bà thương con bà vẫn để lại căn phòng (Căn phòng mà trước đây Ngài ở khi còn ở nhà) cho Ngài. Khi Ngài và mấy trăm vị Tỳ-Kheo về, bà lo lắng đầy đủ mà đặc biệt là lo cho Ngài. Lúc này bà thương Ngài như con, và bà đang lo cho một bậc Thánh, chỉ sau Đức Phật, trí tuệ đệ nhất. Khi đêm xuống, đầu tiên là Tứ Đại thiên Vương hào quang sáng rực xuống đảnh Lễ Ngài, đảnh lễ Ngài xong rồi đi vì Ngài sắp Niết-bàn. Thì lúc này bà mới hỏi: *"Lúc nãy là ai vậy, ai lễ con vậy?",* "*Nãy là Tứ Đại Thiên Vương đó Mẹ",* bà mới nói: "*Tứ Đại Thiên Vương lễ con hả", "Dạ! Các Ngài đó như thị giả của Đức Phật, cầm lộng hầu Phật*". Lát sau, có Vua Trời Đế Thích xuống lễ Ngài, bà mới hỏi: *"Hồi nãy ai xuống vậy? Ai mà hào quang sáng rực vậy?*", "*Dạ! Vua trời Đế Thích đó Mẹ*", bà nói: *"Vua trời Đế Thích là Vua cõi trời Đao Lợi hả?", "Dạ! Đúng rồi!"* "*Ông xuống lễ con hả?",* "*Dạ! Ông lễ con! Mấy vị này như thị giả Đức Phật vậy Mẹ*". Ngài không nói gì về Ngài. Cuối cùng là Phạm Thiên xuống lễ Ngài, Phạm Thiên xuống lễ, hào quang sáng rực căn phòng, bà mới hỏi: *"Nãy ai xuống vậy con?", "Dạ, Phạm Thiên xuống lễ con!"* Bà nói: *"Phạm Thiên là Ông mà Mẹ đang thờ đó hả?", "Dạ, đúng rồi!".* Quý Phật tử biết, Phạm Thiên là vị mà lúc đó được tôn thờ ở Ấn Độ lúc bấy giờ mà đi xuống lễ con bà. Bà mới nghĩ: *"Con bà là đệ tử của*

Đức Phật, con mình mà còn cỡ đó nữa huống chi là Đức Phật". Ngài độ bà bằng cách đó, bà bắt đầu thay đổi suy nghĩ khác về Đức Phật. Ngay khi bà tôn kính Đức Phật, thì Ngài mới thuyết cho bà bài Pháp, thuyết xong là bà đắc Sơ Quả luôn. Khi Ngài thuyết cho bà đắc Sơ Quả xong, Ngài nói: "*Ta đã trả ơn cho Mẹ xong rồi!",* sau đó Ngài Niết-bàn.

Ngài Xá-Lợi-Phất lớn tuổi hơn Đức Phật 4 tuổi, Ngài đi tu năm 40 tuổi, 84 tuổi nhập Niết-bàn, trước Đức Phật vài tháng. Mấy chục năm Ngài mới về quê, và độ Mẹ, trả ơn xong rồi vào Niết-bàn. Cho nên trả ơn cho Cha Mẹ là bằng cách đó, quý Phật tử ráng cố gắng, hiếu là phải làm sao cho người đó có phước, an trú trong người đó trong tín, thí, giới, tuệ. Nói đến đây, Thầy nhớ Thiền sư Lương Giới, Tổ của tông Tào Động ở Trung Hoa, Ngài đi xuất gia, Ngài mới viết cho Cha Mẹ một bức thư:

"Được nghe, chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân, muôn loài sanh trưởng thảy nhờ trời đất che chở. Cho nên, không có cha mẹ thì chẳng sanh, không có trời đất thì chẳng trưởng, thảy nhờ ân dưỡng dục, đều thọ đức chở che.

Song, tất cả hàm thức, vạn tượng hình nghi đều thuộc vô thường chưa lìa sanh diệt. Ân bú xú nặng nề, công nuôi dưỡng sâu thẳm, dù đem của cải thế gian phụng dưỡng trọn khó đáp đền, dùng máu thịt dâng hiến cũng không được bền lâu.

Trong Hiếu Kinh nói: "Dù một ngày giết đôi ba con vật để cung hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu, vì sẽ kéo nhau vào vòng trầm luân chịu muôn kiếp luân hồi". Muốn đền ân sâu dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia, cắt đứt dòng sông ái sanh tử, vượt qua khỏi biển khổ phiền não, đáp ân cha mẹ ngàn đời, đền công từ thân muôn kiếp, bốn ân ba cõi thảy đều đền đáp. Kinh nói: "Một đứa con xuất gia, chín họ đều sanh lên cõi trời." Con thề bỏ thân mạng đời này, chẳng trở về nhà, đem căn trần muôn kiếp chóng tỏ sáng Bát-nhã.

Cúi mong cha mẹ mở lòng hỷ xả, ý chớ trông mong, học theo gương Quốc vương Tịnh Phạn và Thánh hậu Ma-da. Hẹn đến sau kia sẽ gặp nhau trong hội Phật, còn hiện nay cam chịu lìa nhau. Con chẳng phải quên ơn dưỡng dục, chỉ vì: "Thời giờ chẳng đợi người." Cho nên nói: "Thân này chẳng thẳng đời này độ, lại đợi đời nào độ thân này".

Xin cha mẹ lòng chớ nhớ mong.
Chưa tỏ nguồn tâm trải mấy xuân,
Thương thay mê mải luống bâng khuâng,
Cửa không đã lắm người được đạo,
Riêng kẻ thô hàn mãi phong trần,
Viết lá thư này từ cha mẹ,
Nguyện thông đại pháp báo từ ân,
Không nên rơi lệ nhiều thương nhớ,
Xem tợ buổi đầu con không thân".

Đoạn này hay rất hay, Thầy đã đọc gần 20 năm trước. Đây là bài thơ của một Thiền Sư, Ngài đi tu xong, Cha Mẹ Ngài thương, Ngài mới nói không nên rơi lệ, nhiều thương nhớ. Ngài đi tu, chính cái việc Ngài đi tu đắc đạo thì đó mới là việc mà Ngài trả ơn cho Cha Mẹ. Ai nói người tu bất hiếu quý vị trả lời được chưa? Có hiếu hay bất hiếu? Có Hiếu. Tấm gương là ai? Là Đức Phật, trước khi Vua Tịnh Phạn mất, Đức Phật về thuyết pháp. Đức Phật khi sinh ra được 7 ngày thì Mẹ Ngài mất và Di mẫu Go-Ta-Mi là người nuôi Ngài như người Mẹ thứ hai. Còn Cha Ngài là Vua Tịnh Phạn, sau khi Ngài quay lại thăm quê hương, Ngài độ cho Vua Cha chứng sơ quả. Khi Ngài quay lại lần thứ hai Vua Tịnh Phạn sắp mất, ông có ước nguyện là: "*Được Đức Phật đặt tay vào đầu, được Thầy Anan đặt tay vào ngực, được Thầy Nan-Đà đặt tay vào bụng và được cháu nội (Là con của Thái tử Tất-Đạt-Đa) đặt tay vào chân"*. Đức Phật biết, và Đức Phật đặt tay vào đầu, Ngài Anan đặt tay vào ngực, Thầy Nan-Đà đặt tay vào bụng, cháu nội La-Hầu-La đặt vào chân (Toàn là bậc Thánh). Sau đó Đức Phật thuyết Pháp, ông đắc A-la-hán và Niết-bàn. Đức Phật độ cho Mẹ bằng cách lên cung trời Đao Lợi thuyết Kinh Vi Diệu Pháp. Đó là cách báo hiếu.

3. Trả ơn cho Cha Mẹ (nếu Cha Mẹ đã mất) bằng cách hồi hướng

Nếu như Cha Mẹ qua đời thì sao? Thầy khuyên quý Phật tử, làm gì để trả ơn cho Cha Mẹ thì cố gắng làm khi Cha Mẹ còn sống. Cố gắng, tại sao? Dĩ nhiên khi qua đời mình vẫn học theo lời Đức Phật là làm phước hồi hướng nhưng mà làm phước hồi hướng chưa chắc Cha Mẹ nhận được.

Hôm trước Thầy đã giải thích rồi, quý vị còn nhớ không? Nếu Cha Mẹ tái sanh địa ngục, súc sanh, cõi người, Chư thiên thì không nhận được. Nếu có nhận thì chỉ có một loại ngạ quỹ trong cõi ngạ quỷ mới có thể nhận được thôi. Cho nên quý vị thấy chưa, Cha Mẹ mà nhắm mắt đi rồi thì biền biệt, khó lắm. Cho nên thương Cha, thương Mẹ thì tranh thủ, thương thì ráng giúp Cha Mẹ, có phước cầm tay mà đi trong vòng luân hồi. Hướng dẫn cho Cha Mẹ sống như nước ở dạng khí, nhắm mắt là nước bay về trời.

Vậy thì mình hiểu được là khi Cha Mẹ mất rồi đâu có làm được gì ngoài việc làm phước hồi hướng thì thôi mình vẫn cứ làm cho Cha Mẹ. Thì như Thầy đã nói đó, nếu Cha Mẹ mất mà Cha Mẹ không hưởng thì người thân quyến khác hưởng, nếu người thân quyến khác không hưởng thì ... không có trường hợp đó nhé. Thế nào thì trong ngạ quỹ cũng có người thân của mình, vì mình nhiều kiếp luân hồi. Quý vị có nhớ khi mình học xong, mình hồi hướng câu đầu tiên là: "....

hồi hướng cho Cha Mẹ và thân quyến nhiều đời nhiều kiếp của con". Giả dụ quý vị hồi hướng câu đó xong, bên cạnh quý vị có người Cha, người Mẹ nào 3 kiếp, 5 kiếp trước nghe được dễ hoan hỷ để sanh về cảnh giới khác. Và cũng chính Ngài Xá-Lợi-Phất, có một lần, một ngạ quỹ đó mấy kiếp trước là Mẹ của Ngài, Ngài mới làm một lễ Trai Tăng. Có một vị cúng Ngài vài cái cốc, Ngài cúng lại và hồi hướng cho Mẹ, Mẹ Ngài sanh Thiên luôn.

IV. TÓM LƯỢC

Tóm lại bài hôm nay, mấu chốt là Thầy muốn nói chổ "Tín – Thí – Giới- Tuệ". Trả cho xong là phải trọn vẹn đắc Thánh, còn chưa mình phải làm cố gắng cho Cha Mẹ có cái phước riêng.

Đoạn đầu Thầy có giảng mấy bài Kinh. Trong bài Thầy có nói về "Đạo làm con" là bổn phận của người con. Trả hiếu cho Cha Mẹ theo 3 trường hợp: Trả hiếu về vật chất, trả hiếu về tinh thần và trả hiếu sau khi Cha Mẹ mất.

Mấu chốt của bài này là "*Đời sống tinh thần*" có 4 điều là: "Tín – Thí – Giới - Tuệ". Sau khi học 4 chữ này rồi thì nghĩ về Cha Mẹ mình Quy Y Tam Bảo chưa, nếu chưa thì tìm cách. Phật dạy là khuyến khích, hướng dẫn, an trú cho Cha Mẹ mình vào niềm tin. Cha Mẹ mình có giữ giới chưa, Cha Mẹ mình biết làm phước,

bố thí, cúng dường chưa, Cha Mẹ có chánh kiến chưa hay còn tà kiến. Hãy tự đặt câu hỏi nhé. Thương Mẹ thương Cha, dĩ nhiên lâu nay quý vị có cả ngàn cách thương, mà quý vị đã học được cách thương theo Đức Phật dạy chưa? Nay học, Đức Phật dạy có cách thương rồi. Nếu nói về cách thương thì thế gian người ta nói cả ngàn cách. Hôm nay chỉ 4 chữ này thôi, có để hướng dẫn.

Quý vị thấy Cha Mẹ mình có tu tập, có niềm tin, có giới là yên tâm. Thầy nói, lỡ một ngày Cha Mẹ mình có đi, dĩ nhiên mình cũng yên tâm phần nào, phải không? Cha Mẹ mình có cái tài sản cầm tay.

Quý vị nghe xong là phải xem lại Cha Mẹ mình, trả được như vậy chưa, nếu chưa thì tức tốc làm. Dĩ nhiên đó là không phải dễ đâu, có nhiều người chưa độ Cha Mẹ mà Cha Mẹ sạt cho một trận lôi đình rồi. Có nhiều người thương hơn nữa, khi mà Thầy nói về Cha Mẹ, trả ơn cho Cha Mẹ thì không còn, thương nhất là không còn Cha Mẹ để mà trả ơn theo 4 điều này, chỉ còn cách thứ ba là hồi hướng. Thôi thì mình học theo lời Phật, nếu Cha Mẹ còn thì Cha Mẹ nhận, nếu Cha Mẹ không còn, Cha Mẹ tái sanh rồi thì người thân nhận. Cho nên Thầy mong quý vị tranh thủ lo cho Cha Mẹ mình, nhiều lúc Cha Mẹ mình 60 – 70 tuổi rồi mà mình thì đi làm xa, nhiều khi lâu lâu, cả năm mình về chỉ 2 – 3 lần thì quý vị suy nghĩ đi.

Qua bài này Thầy rất muôn quý vị là người con hiếu thảo, nhớ là lo cho Cha Mẹ cũng là phần phước của đời mình, lo cho Cha Mẹ là hướng dẫn cho Cha Mẹ an trú trong thiện pháp, Tín –Thí –Giới – Tuệ. Chứ không phải lo cho Cha Mẹ chỉ dừng ở chổ ăn ngon, mặc đẹp. Ăn ngon, mặc đẹp thì tốt, không sao dĩ nhiên đừng giết con gì cho Cha Mẹ ăn, phạm bất thiện. Cứ lo cho Cha Mẹ ăn ngon, mặc đẹp gì đó nhưng phải an trú cho Cha Mẹ những điều thiện để Cha Mẹ cầm tay, nhắm mắt là có hành trang theo đi, đó là mấu chốt của bài.

(Buổi giảng ngày 15/10/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Đạo hiếu trong cái nhìn của Phật là như thế nào?

2). Tại sao nói Cha Mẹ là lửa?

3). Chúng ta mang ơn gì từ cha mẹ?

4). Có mấy cách trả ơn cho Cha Mẹ?

5). Trả ơn cho cha, mẹ đủ là như thế nào?

Bài 2: SÁU TÁNH

ଓ❁ଌ

---

* ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁCH NHẬN BIẾT 6 TÁNH
* ĐẶC TÍNH 6 TÁNH
* TẠI SAO TÁNH MỖI NGƯỜI MỖI KHÁC
* CHỌN ĐỀ MỤC TU TẬP THÍCH HỢP

Kính thưa đại chúng, tối hôm nay chúng ta tiếp tục lớp Giáo lý căn bản Khoá 3, bài giảng hôm nay Thầy gửi đến đại chúng là SÁU TÁNH. ***Sáu Tánh*** hay còn gọi là *Sáu khuynh hướng tâm lý*, nói dễ hiểu là *Sáu tính cách*. Học bài này xong, nói cho vui là đại chúng trở thành những nhà tâm lý, nhìn qua là biết được người đó thuộc về tánh nào.

Ông bà ta nói *"Cha Mẹ sinh con, trời sanh tánh",* giống như bất lực vậy. Sinh ra cái thân con thôi, chứ còn cái tâm của nó không sinh được. Mỗi người có nhiều cái tánh khác nhau. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ học được 6 cái tánh căn bản, 6 khuynh hướng tâm lý hay là 6 tính cách. Qua oai nghi, qua công việc, qua cái thường suy nghĩ, thường tiếp xúc mà biết được người đó thuộc tánh nào và cái tánh đó tốt xấu như thế nào, tại sao lại có tánh đó. Trước hết là bản thân chúng ta nhìn nhận lại mình thuộc cái tánh nào để

chọn đề mục tu tập thích hợp. Dĩ nhiên là căn bản thôi chứ chỉ có Đức Phật, các vị Thánh và các vị có thần thông mới biết rõ là tánh nào nha đại chúng.

Quý vị có thể vừa đọc bài giảng Thầy gửi, vừa xem lại video này. Học xong mỗi Khóa chúng ta sẽ có một tập sách. Người nghe lại để viết bài, người chỉnh sửa, người thì làm phim, mỗi người mỗi việc như học xong mình có món quà cho mình. Xa hơn nữa là những Phật tử sau này có được tài liệu này để đọc, để làm Giáo lý căn bản.

Tài liệu SÁU TÁNH này Đức Phật không nói trong Kinh, mà sau này chư Tổ nói và nằm trong ***Thanh Tịnh Đạo Luận (Visuddhimagga)***. Các Ngài chia ra làm 6 tánh:

1- Tánh tham *(rāgacarita)*.

2- Tánh sân *(dosacarita).*

3- Tánh si *(mohacarita).*

4- Tánh tín *(saddhācarita)* hay gọi là *tánh mộ*

5- Tánh giác *(buddhicarita)* hay gọi là *tánh ngộ*

6- Tánh tầm *(vitakkacarita*) hay còn gọi là *tánh đãng, tánh suy diễn*

Ai cũng có đủ hết 6 tánh này: có tham, có sân, có si, có tín, có giác ngộ, có tầm, nhưng sẽ có một tánh nổi trội hơn hẳn.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁCH NHẬN BIẾT 6 TÁNH

Mỗi tánh chúng ta sẽ nhận biết qua 5 điều:

1- Qua cái oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi *(Iriyāpatha)*

2- Qua công việc làm của người đó *(Kicca)*

3- Qua thức ăn của người đó *(Bhojana)*. Tức là họ thích ăn món nào.

4- Qua việc thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác *(Dassanādi)*

5- Qua các pháp thường ngày *(Dhammappavatti)*, là qua những cái thường ngày hay tiếp xúc.

Tất cả các tánh đều qua năm cách này để nhận biết. Đây là trong ***Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)*** các vị Tiền bối, các vị Tổ nói vậy.

Học bài này để chúng ta nhìn lại mình:

Con nhìn vào trong Kinh,
Rồi nhìn lại chính mình
Con thấy bao lầm lỗi
Của nhiều kiếp vô minh

Chúng ta phải nhờ vào Kinh điển, học rồi mới nhìn lại chính mình được. Có người đi trước, có Thiện tri thức, có bậc chân nhân, có Thầy lành, bạn tốt soi sáng cho mình. Giống như tấm gương để nhìn vào trong đó mình mới thấy mình, chứ không có người hướng dẫn thì chúng ta dễ tư duy sai lầm và Tà kiến.

1. Tánh tham (RĀGACARITA)

Người có *tánh tham* là người dễ phát sinh tâm tham hơn các tâm khác. Và tánh tham gần như là một thói quen, đụng gì cũng tham.

Nhận biết người có tánh tham

Về oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi: người có tánh tham thường bước đi khoan thai, nhẹ nhàng, đi đứng nghiêm chỉnh đàng hoàng, trang nghiêm (ít có hấp tấp, vội vàng). Khi nằm, thường thích nằm chỗ sạch sẽ, trang trọng và thân hình nằm oai nghi đàng hoàng. Khi người này thức dậy thì từ từ thức dậy, chứ không vội vàng.

Về công việc: người tánh tham khi làm công việc đều cố gắng, siêng năng, tận tụy. Có nghĩa là khi họ nhận việc gì là cố gắng làm việc đó hoàn thành tốt đẹp và thường có tính mỹ thuật cao.

Qua các món ăn: người tánh tham thích dùng món ăn ngon. Có những người có tánh ăn qua loa, sao cũng được, còn người tánh tham ăn phải ngon. Khi ngồi ăn

thì ngồi đàng hoàng, ăn uống thong thả, từ từ, không vội vàng và thường thích những món ngon, vật lạ.

Qua cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác: mắt họ thường thích nhìn cảnh đẹp, nghe thì thích nghe tiếng, âm thanh hay, mũi thì thích ngửi mùi thơm ngào ngạt, lưỡi thì thích nếm vị ngon và thân thì thích xúc chạm êm ái, sang trọng.

Người có tánh tham nói chung là người thích cái gì đẹp, như ý. Nếu cái gì đó mà không như ý họ thì dễ cảm thấy buồn phiền, cảm thấy tiếc nuối. Thầy sẽ giảng tánh tham sẽ đi với tánh gì, tánh sân sẽ đi với tánh gì. Ai trong chúng ta cũng có những tánh này, chứ Phật tử đừng có học đến đây rồi buồn vì nghĩ mình dính vô tánh tham rồi. Không sao, không dính vô tánh tham lát nữa cũng vô tánh sân.

Qua các pháp thường ngày: cái này quan trọng nhất. Người có tánh tham thường sanh tâm tham, được thể hiện là người xảo trá, thích khoe khoang, muốn làm ác, muốn được người khác khen ngợi, tán dương, ca ngợi mình. Thường có cái gì chưa hài lòng thì muốn có nữa, có nữa. Và thường thích trang điểm, đặc biệt người có tánh tham thích trang điểm với những món rất quý giá.

2. Tánh sân (DOSACARITA)

Tánh sân hay còn gọi là *tánh nộ*. Mình hay nói là *"ngộ mộ nộ"*. Ngộ là giác, mộ là tính, nộ là giận. Người có tánh sân là người dễ phát sinh tâm sân hơn các tâm khác. Trong 6 cái tánh thì thấy cái tánh sân nó hay phát sinh ở người này, đôi lúc sân thành thói quen, nó sẽ nổi trội nhất trong 6 tánh.

***Nhận biết người có tánh sân**

Về oai nghi: người tánh sân bước đi nặng nề, dở bàn chân lên đạp bàn chân xuống rất mau lẹ, vội vã, như mình hay nói vui *"Đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải dây. Thủng thẳng như chúng anh đây, chẳng đá nào vấp chẳng dây nào quàng"*. Ngồi không nghiêm chỉnh, nằm thì chỗ thường không sắp đặt gọn gàng. Thường nằm hay mất oai nghi, không được trang nghiêm như người tánh tham. Đại chúng thấy tánh sân ngược với tánh tham, mình không dính vô tánh tham thì dễ dính vô tánh sân lắm. Khi thức dậy thì vội vàng, đôi lúc rất dễ bực khi ngủ dậy.

Về công việc: khi làm việc họ vội vàng và thường kết quả hoàn thành không được tốt đẹp, khác với người tánh tham. Người tánh tham cố gắng tận tụy làm, có mỹ thuật, kết quả tốt đẹp.

Về món ăn: người tánh sân dùng chủ yếu sao cho đỡ đói, cho no bụng là được rồi. Món ăn của người tánh sân thường có vị mặn, vị đắng, vị cay. Khi ngồi ăn

không đàng hoàng, dễ mất oai nghi. Ăn miếng lớn, ào ào, ăn uống cũng vội vàng và thường ăn món nào không thích thì dễ phát tâm giận, dễ cau có, bực bội. Chúng ta học để nhận biết mình đó quý vị, để biết mình là ai, mình ở chỗ nào để tu tập, phải không ạ?

Về cái thấy, nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc giác: người có tánh sân khi mắt nhìn hình ảnh xấu, cảnh xấu; tai nghe những tiếng không hay; mũi thì ngửi những mùi hôi hám; lưỡi thì nếm vị dở, vị không được ngon; thân thì xúc chạm những gì thô cứng. Dù những cái đó: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, chạm, có một chút không như ý thôi họ cũng dễ giận. Thầy ví dụ như trong bữa ăn, quý vị nấu rất là ngon, đại ý là ngon chín mươi lăm phần, mà mình thiếu sót năm phần thì người tánh sân hay nhìn vào cái chỗ năm phần thiếu đó mà họ giận. Dù là trong đó có phần tốt, nhưng họ chỉ nhìn cái chỗ thiếu đó và giận. Ví dụ như người ta mặc nguyên bộ đồ đẹp, thì họ cứ nhìn vào chỗ cái tay áo hơi nhăn rồi giận hết bộ đồ. Cho nên người có tánh sân dù có tốt chăng nữa, nhìn thiếu thiếu một chút cũng sẽ giận, sân nên làm cho mình dễ nổi quạu.

Cái thứ năm quan trọng nhất là các pháp thường ngày: người có tánh sân thường sanh tâm giận hờn thù hận. Hờn giận thù hận đến đâu còn tùy từng người. Có ba hạng người giận:

- *Giận như viết trên đá*

- *Giận như viết cát*
- *Giận như viết trên nước*

Phật tử ráng ít nhất cũng được như *viết trên cát* nha, chứ mình giận ai mà như *viết trên đá* là khổ dữ lắm. Có những người giận ai là ghim đến chết luôn, không bỏ. Khổ mình chứ khổ ai, mình giận nhiều, mình uống thuốc độc, mình sống trong bất thiện thôi. Hôm nay quý vị mà giận tối nay quý vị ngủ ngon không? Ngày nay mình giận ai là tối nay mình ngủ không ngon, mình giận ngày đó là mình mệt rồi. Bây giờ có mâm cơm ngon mình ăn cũng không thấy ngon. Cho nên, người có tánh sân dễ nóng nảy, bực bội và đôi lúc hay thù hận. Người có tánh sân dễ vô ơn, dễ quên ơn và hay đố kỵ với người khác.

3. Tánh si (MOHACARITA)

Si tức là si mê. Người có *tánh si* thường có cái tâm si nhiều hơn các tâm khác. Đôi lúc *si* thành thói quen, cái gì mà mình làm hoài nó sẽ trở thành thói quen, tập khí. Thì người có tánh si nghĩa là trong 6 tánh họ hay để cái tánh này chi phối mình nhất.

Nhận biết người có tánh si

Về oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi: người có tánh si khi đi thẫn thờ như người mất trí. Chúng ta học người tánh tham thì khoan thai, tánh sân thì vội vàng, tánh si thì thẫn thờ như người mất trí vậy. Dở bàn chân lên, đạp bàn chân xuống rất là nặng, đặc biệt là gót chân -

Phật tử thấy các Ngài viết rất chi tiết. Khi đứng, khi ngồi thường tâm trí không Định, như người mất trí vậy. Như mình hiểu là họ không có chánh niệm, không có tỉnh thức, như người vô hồn. Khi họ nằm thì nằm chỗ không gọn gàng, giống người có tánh sân. Thân hình khi nằm thường co quắp lại và phần đông người có tánh si thích nằm úp. Khi ngủ thức dậy, có người gọi dậy thì dậy một cách chậm chạp, ngái ngủ. Nói chung người có tánh si chậm chạp, thẫn thờ, mất trí, vô hồn.

Về công việc: người tánh si dù làm việc tầm thường cũng không kỹ càng và thường họ hay bỏ dở công việc nửa chừng. Và thường công việc của người có tánh si không đạt yêu cầu.

Về món ăn: người có tánh si món ăn không chắc chắn, không có cố định. Khi ngồi ăn không đàng hoàng và thường ăn từng miếng nhỏ, đồ ăn hay bị rớt ra ngoài và ngay cả trong lúc ăn thường phóng tâm nghĩ hết chuyện này đến chuyện kia.

Qua cái thấy, cái nghe, cái nếm, cái xúc giác: người có tánh si thấy đẹp xấu gì cũng không biết, không quan tâm. Tức là họ không tập trung, không để ý, lơ đễnh như người vô hồn. Ví dụ người ta khen đẹp thì họ cũng khen đẹp theo, người ta chê xấu thì cũng chê xấu. Họ không tập trung được, không có chánh niệm, không có ánh sáng không có trí tuệ. Từ đó mình cũng thấy cái việc mà họ nghe, họ ngửi, họ nếm, họ xúc giác, họ vẫn không nhận thức được chuyện tốt - xấu.

Nói sao họ nghe vậy. Vì không có tỉnh giác, không có chánh niệm, không có trí tuệ, nên gọi là tánh si.

Các pháp thường ngày: người có tánh si hay phát sinh tâm hoài nghi vì họ không biết rõ. Hay phát sinh tâm hoài nghi các pháp, hoài nghi nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng, nơi nghiệp và quả của nghiệp. Họ không biết làm việc đó có nghiệp không, nghiệp đó có thiện hoặc ác không, tạo nghiệp ác có khổ không, làm việc thiện có vui không, mà chưa chắc cuộc đời này có thiện hay không có thiện, có nghiệp hay không có nghiệp nữa... Chính vì si nên họ không có trí tuệ và không tin điều này. Họ hay suy nghĩ lung tung hay phóng tâm, tâm của họ khó định. Người hay buồn chán, buồn ngủ, hối hận hay hối tiếc chuyện này chuyện kia.

Đặc biệt người có tánh si rất là khó dạy. Như ông bà ta nói *"sức mạnh của kẻ ngu là ngang tàng"*. Cho nên quý vị thấy gặp người có tánh si khó độ lắm, khó dạy lắm. Ngược với người có tánh giác. Thầy hay nói trong mấy bài Pháp, *"Phật tử mình là chúng sanh dễ dạy, chứ đừng là chúng sanh dễ dụ nha"*. Mình là người dễ dạy, các Ngài nói chỗ mình sai thì mình nên sửa, dễ dạy. Chứ đừng có dễ dụ nha, ai nói cái gì cũng nghe, ai nói sao nghe vậy, ai nói bậy nghe luôn.

4. Tánh tín (SADDHĀCARITA)

Phần này quan trọng trong bài, Thầy sẽ nói kỹ một chút. *Tánh tín* còn gọi là *tánh mộ*. Người có tánh tín trong tâm họ thường khởi niềm tin rất nhiều, dễ tin.

***Nhận biết người có tánh tín**

Về oai nghi, công việc, thức ăn, thấy nghe ngửi nếm, 4 cái nhận biết đầu tiên giống như người có tánh tham. Oai nghi của người có tánh tham sao thì oai nghi của người có tánh tín như vậy. Thức ăn của người tánh tham sao thì thức ăn của người có tánh tín như vậy. Công việc của người có tánh tham sao thì công việc của người có tánh tín như vậy. Cái thấy, nghe, ngửi, nếm của người có tánh tham sao thì của người có tánh tín như vậy.

Quan trọng nhất là cái thứ 5 về các pháp thường ngày: người có tánh tín hoàn toàn khác với người có tánh tham. Người có tánh tín là người trung thực, ít xảo trá, ít khoe khoang. Chúng ta học Phật Pháp rồi, mình biết cái gì đáng khoe nhất, *"Cái đáng khoe nhất là lòng không mong muốn khoe"* (mà lòng không mong muốn khoe thì có cái gì để mà khoe). Người xưa nói *"nhân đáo vô cầu phẩm tự cao",* con người khi mà đạt đến chỗ *"vô cầu"* rồi thì thanh cao lắm. Chỗ *vô cầu* thì khó lắm, chứ không dễ đâu Phật tử. Người có tánh tín là người có đức tin nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, thường hoan hỷ tạo

phước thiện, họ thích làm phước thiện. Họ luôn hoan hỷ: ở đây có bố thí hả? Ở đây có cúng dường hả? Ở đây có từ thiện hả? Ở đây có giúp người hả? Ở kia có làm việc tốt hả? Người có tánh tín thích thân cận người lành, có đạo đức, giới đức. Nghe đâu có Thầy lành, bạn tốt là người có tánh tín thích lắm, họ mong được nghe chánh Pháp và thường cung kính Thầy Tổ, Cha Mẹ, các bậc đáng kính.

Học đến đây 4 cái tánh rồi, quý vị cũng phần nào xác định mình thuộc tánh nào rồi đúng không? Trong 6 tánh thì hai tánh quan trọng là tánh tín và tánh giác.

5. Tánh giác (BUDDHICARITA)

Tánh giác hay còn gọi là tánh ngộ.

***Nhận biết người có tánh giác:**

4 cái đầu tiên: oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, công việc, thức ăn, thấy, nghe, ngửi, nếm của người tánh giác giống người tánh sân. Học đến đây Thầy mong trong lớp đại chúng có nhiều người tánh tín và tánh giác nha.

Các pháp thường ngày: người có tánh giác là người dễ dạy. Người khó dạy là người có tánh si, si mê tự mãn với cái si của họ, ngang tàng nên khó dạy. Còn người có tánh giác là người dễ dạy. *"Dễ dạy"* chứ không phải *"dễ dụ"*. *"Dễ dạy"* là khi mình sai, có người dạy thì mình biết sửa sai để tiến bộ, muốn tiến bộ. Học

Phật Pháp mà quý vị khó dạy là thua. Học Phật Pháp là phải can đảm nhận diện, Thầy mình, bạn Đạo dạy điều hay, điều đúng, mình sai cái đó thì mình sửa là *dễ dạy*. Còn *"dễ dụ"* là sao? Dụ cái gì mình cũng nghe, Tà kiến cũng nghe luôn, đó là *dễ dụ*.

Người có tánh giác là người dễ dạy, là người hay có tính nhẫn nại, kham nhẫn, ít giận hờn, ít thù hận. Họ cũng giận đó, nhưng giận một chút rồi thôi chứ không có giận dai, giận lâu. Khi nghe ai dạy đúng chánh Pháp, dù người đó không phải là Thầy mình, không phải là Cha Mẹ mình, không phải là người thân của mình, nhưng dạy đúng chánh Pháp thì họ vẫn nghe theo lời đó. Tức là họ tôn trọng Pháp. Nhiều người nói *"Thôi Cha Mẹ nói tui mới nghe chứ người ngoài nói tui không nghe", "Thầy tui nói tui mới nghe, người ngoài nói tui không nghe"*.

Người có tánh giác cứ dạy đúng Pháp thì nghe. Họ thường tìm đến các bậc thiện tri thức để được học hoặc để làm bạn. Ví dụ như ngang hàng với mình thì làm bạn, còn lớn hơn thì xem như là Thầy để học. Và thường khi tới các bậc thiện trí thức đó, người có tánh giác họ không có phân biệt dòng dõi, giai cấp, già, trẻ. Ví dụ họ tới học không phải *"Tui là giàu có nè, tui là dòng dõi, tui là cao quý, tui là uy quyền, bằng cấp nè",* họ bỏ qua những cái đó để học được những điều hay.

Người có tánh giác là người thường thấy rõ cái khổ của sinh, lão, bệnh, tử. Nói dễ hiểu là họ thấy rõ

cái khổ của vòng luân hồi và rất thường tinh tấn trong các thiện pháp. Để là duyên lành được chấm dứt luân hồi, giải thoát, đắc Thánh trong tương lai.

6. Tánh tầm (VITAKKACARITA)

Tánh tầm hay còn gọi là tánh đãng, hay còn gọi là tánh suy diễn. Người có tánh tầm hay suy diễn, cái tánh này nổi trội nhất trong 6 cái tánh khác.

***Nhận biết người có tánh tầm:**

Người có tánh tầm có 4 điều đầu tiên: oai nghi, công việc, món ăn, thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác giống như người tánh si, chỉ khác cái thứ 5.

Các pháp thường ngày: cái thứ 5 này quan trọng để phân biệt giữa người tánh tầm với người tánh si. Người có tánh suy diễn hay phóng tâm, hay nói nhiều, tức là tâm họ không yên, suy nghĩ lung tung. Họ không thích bố thí, giữ giới, hành thiền. Và cái dễ thấy nhất của người tánh tầm là tâm tính hay thay đổi, họ không có lập trường. Thầy hay nói vui là *"sáng nắng, chiều mưa, trưa lâm râm, tối bão, ghét gió, kỵ mù sương"* không có cái gì là vừa lòng với người có tánh tầm hết. Họ không có lập trường, suy nghĩ lung tung, lúc ban đêm nghĩ thế này, ban ngày nghĩ thế khác, sáng nghĩ như vậy, trưa nghĩ khác.

Đó là chúng ta học qua 6 cái tánh. Dĩ nhiên chúng ta có đủ hết cả 6 tánh này, nhưng cái nào nổi trội nhất

nơi mình, trong đó cố gắng là cái tánh thứ 4 với cái thứ 5 để đời mình dễ đi lên nha đại chúng.

II. ĐẶC TÍNH 6 TÁNH

Bây giờ Thầy phân tích chỗ này, đặc tính của *người có tánh tham* thường đi chung với *người có tánh tín*. Nghe Thầy giải thích tại sao cái tánh tham đi đôi với tánh tín. Cái người tánh tham thích gom vào, như Trư Bát Giới có cái bồ cào tu pháp *"tiền vô như nước sông Đà, tiền ra rỉ rả như cà phê phin"*. Cái người có tánh tín thích bố thí, làm phước, cúng dường, cái đó có phải gom vào luôn không đại chúng? Cũng là gom vào nha, nhưng nó khác nhau ở chỗ nào? Cái người có tánh tín họ gom vào điều thiện, gom vào phước thiện. Còn người có tánh tham thì gom sạch, mà đặc biệt là gom bất thiện, xấu ác gì cũng gom.

Người tánh tham với người tánh tín đều nặng về tình cảm. Nhưng người tánh tham nặng về tình cảm mà họ không biết khắc chế, họ tham hết, cái gì cũng tham. Còn người có tánh tín họ cũng nặng về tình cảm, họ cũng tầm cầu, gom vào, nhưng họ gom các công đức, gom các pháp thiện. Nói cho dễ hiểu thì người có tánh tham *không từ bỏ cái gì có hại*, còn cái người có tánh tín là *không bỏ cái gì có lợi*. Hai cái tánh đều gom vào nhưng cái gom thiện và cái gom bất thiện. Cái tánh tín đi với tánh tham là vậy.

Người có tánh sân đi với *người có tánh giác*. Nghe Thầy phân tích, khi quý vị giận ai đó, nếu giận nhè nhẹ thì thôi, nhưng giận nhiều thì bỏ luôn, không thèm quan tâm, đúng không? Không ảnh hưởng gì đến mình thì bỏ, đừng để tui thấy nữa. Đó là sự trừng phạt của mình. Cái người có tánh giác cũng vậy đó, ngộ ra họ bỏ, hiểu ra mà họ bỏ. Mình có trí tuệ mình mới *bỏ* được đó Phật tử. Nhưng mà người có tánh sân với tánh giác *cái bỏ* khác nhau. Cái người có tánh sân cả cái thiện cũng họ bỏ luôn. Giận lên thì thiện họ cũng không thèm làm. Còn người có tánh giác cũng bỏ nhưng mà bỏ bất thiện. Đại chúng thấy hay chưa, cũng là *"bỏ cái này, gom cái kia"*. Nói dễ hiểu là cái người tánh giác họ không bám víu, họ sẵn sàng bỏ những điều bất thiện. Còn người có tánh sân họ cũng không bám víu nhưng ngay cả điều thiện họ cũng không bám luôn. Cái đặc tính của người có tánh sân với người có tánh giác *không có bám víu*, quý vị nắm dùm Thầy ý này, hai tánh này đi chung với nhau.

Đặc tính của *người có tánh si* đi với *người có tánh tầm*. Tại sao vậy? Khi mà mình si mê đó quý vị, tâm mình không có yên. Tâm của người si họ không sáng suốt, như người vô hồn, không có an, không có yên được, bối rối bất an. Còn tâm của người tánh tầm là *"ai nói sao nghe vậy, ai nói bậy nghe luôn", "sáng nắng, chiều mưa, trưa lâm râm, tối bão"* tâm họ không có yên. Cho nên tánh của hai người này là bất an, lo lắng,

chạy nhảy, không ở yên được, không có sanh trí tuệ. Đó là hai cái tánh này giống nhau.

III. TẠI SAO TÁNH MỖI NGƯỜI MỖI KHÁC

Bây giờ Thầy sẽ trả lời cho đại chúng một câu hỏi mà lâu nay thường được đặt ra rất nhiều: ***Tại sao tánh tình của mỗi người khác nhau***? "Dạ tánh của con kỳ lắm Thầy, không thuộc tánh nào ra tánh nào hết trơn". Có một lần có người hỏi Thầy *"Thầy con tu con chứng được quả nào không Thầy?"* Thầy nói: *"Chứng được quả nào không thì chưa biết, trước mắt là chứng nào tật nấy rồi đó!"*

Tại sao tánh tình của mỗi người khác nhau? Vì *"Mỗi chúng sanh có một nghiệp riêng",* cái này quý vị hiểu rồi. Mình hay nói là *"mỗi cây, mỗi hoa, mỗi nhà, mỗi cảnh",* thì mỗi người có một cái biệt nghiệp riêng, một con đường riêng. *"Biệt nghiệp riêng"* có thể là thiện nghiệp hoặc ác nghiệp và chính vì vậy họ cũng có mỗi cái tánh riêng. Nói dễ hiểu là vì họ có một cái nghiệp riêng nên họ có một cái tánh riêng.

1. Tánh tham

Tại sao người có người họ lại có tánh tham?

Hồi nãy mình học cái người có tánh tham là họ tham cả thiện nghiệp lẫn ác nghiệp, cũng thường thích bố thí, làm phước, cúng dường, tạo các công đức.

Người xưa nói *"Cha Mẹ sinh con, Trời sinh tính",* có những đứa nhỏ Cha Mẹ đâu có dạy nó cái tánh đó. Nhà mình có 5 đứa con, đôi lúc 5 đứa 5 tánh khác nhau, hoặc 2 đứa này giống 2 đứa kia phải không ạ? Dĩ nhiên Thầy nói cái môi trường nó cũng ảnh hưởng đến cái tánh các cháu nhỏ nhưng rõ ràng mỗi đứa sinh ra nó đã có cái tánh đó rồi. Quý vị đâu có dạy đâu, cái tánh đó mình dạy không được. Đây tức là ảnh hưởng từ cái tiền nghiệp.

Cái người có tánh tham tiền nghiệp của họ là gì? Khi mà người đó làm các công đức, người đó mong cầu bằng tâm tham ái. Dĩ nhiên là họ đang làm thiện, nhưng họ mong được giàu, được đẹp, được cõi này, cõi kia, được cái này, cái kia. Đại ý là họ cũng làm công đức nhưng họ tham cái này, tham cái kia, được cái này, được cái kia. Họ làm công đức và thường phát sinh cái tâm ngã mạn hơn người và xem thường người khác. Và có khi còn bị dính vào những Tà kiến. Đó là một cái để mà mình có tánh tham.

Thứ hai là khi cận tử (là trước khi mất), Phật tử lên mạng nghe thêm bài SỰ QUAN TRỌNG CỦA CẬN TỬ NGHIỆP. Nó quan trọng lắm và nó quyết định cái cảnh giới tái sanh tiếp theo của mình. Thì ở đây đại chúng nhớ trước lúc mất tâm cận tử phát sinh nặng về cái tâm tham nhiều thì khi tái sanh mình cũng dễ có cái tánh tham nhiều… Đó là lý do tại sao mỗi người có tánh khác nhau.

2. Tánh sân

Nguyên nhân là người có tánh sân làm các công đức, làm các thiện nghiệp, bố thí, giữ giới, hành thiền, tạo các công đức, khi làm xong họ thường sanh tâm hối tiếc, ganh tỵ, keo kiệt, bỏn xẻn, bực bội. Khi làm công đức với các tâm ô nhiễm như vậy cho nên họ dễ có tánh sân. Và dĩ nhiên là do cái cận tử của họ, cũng là thêm một cách dễ cho họ có tánh sân.

3. Tánh si

Người có tánh si do họ làm các phước thiện, làm các điều thiện nhưng họ không làm bằng cái tâm có trí tuệ. Cái này quan trọng, đại chúng phải học Phật Pháp mới hiểu được. Thầy không nói là cái thiện Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế, họ cũng làm các điều thiện như đi bố thí, từ thiện, thiện nguyện này kia... cái đó là tốt, nhưng họ không phải vì *hiểu nghiệp và quả của nghiệp* mà làm. Họ làm giống như cái phong tục, tập quán, tín ngưỡng ở đó mà họ làm theo. Hoặc do bị rủ rê, làm theo người khác, họ làm theo nhưng không hiểu về chánh kiến. *"Chánh kiến"* tức là hiểu về nghiệp và quả của nghiệp, cũng như họ không hiểu về cuộc đời Vô thường, Khổ, Vô ngã. Khi làm họ dễ sanh tâm hoài nghi trong các việc thiện đã làm. Đây là một trong những cái rất dễ đưa đến tánh si, đại ý tánh si không có phần của trí tuệ ở trong.

Hôm trước Thầy giảng bài LẠY PHẬT, có 4 trường hợp để lạy một người:

1. Lạy vì sợ người đó

2. Lạy vì lợi lộc

3. Lạy vì phong tục, tập quán

4. Lạy vì kính cái Ân đức của người đó

Thì cũng vậy, người có tánh si họ cũng làm thiện mà đôi lúc làm thiện như là phong tục, tập quán chứ không phải hiểu mà làm. Với những điều đó dễ sanh ra người có tánh si.

4. Tánh tín

Người có tánh tín khi làm điều phước thiện, giữ giới, tu tập, thực hành thiền Định, thiền Tuệ thì họ có đức tin nơi Tam Bảo, nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng, nơi nghiệp và quả của nghiệp. Thầy nói bây giờ chỉ cần mình hiểu nghiệp và quả của nghiệp thôi thì tư duy và đời sống của mình đã thay đổi. Chỉ cần hiểu nghiệp và quả của nghiệp thôi quý vị làm thiện thì cũng làm khác rồi. Khi chuẩn bị làm ác mà hiểu nghiệp và quả của nghiệp là bắt đầu thấy sợ rồi.

5. Tánh giác

Tại sao người có tánh giác?

Ai muốn có trí tuệ, muốn có tánh giác, tánh ngộ, có trí tuệ xin nhớ dùm Thầy nha: người có tánh giác khi họ tạo các công đức, tạo các điều phước thiện như giữ giới, hành thiền, bố thí, tu tập họ phát sinh trí tuệ, hiểu nghiệp và quả của nghiệp. Họ hiểu cuộc đời này là Vô thường, Khổ, Vô ngã. Cái người làm với tâm trí tuệ nó khác với người có tánh si. Họ hiểu mọi cái đều vô thường, do duyên mà hợp, mà tan. Thường xuyên như vậy thì người đó có tánh giác.

6. Tánh suy diễn

Còn tại sao người có tánh suy diễn hay tánh tầm, tánh đãng?

Khi mà họ làm các công đức thì họ phát tâm nghĩ đến chuyện trong cái tham dục, ngũ dục. *Ngũ dục* là tài - sắc - danh - thực - thùy nói thô, còn nói tế là sắc - thanh - hương - vị - xúc. Nghĩ đến làm khổ người khác, hại người khác, làm rồi nghĩ đến cái việc đắm trong ngũ dục.

Đó là câu trả lời mà tại sao mỗi người có một cái tánh khác nhau. Nó phải huân tập từ tiền kiếp, một phần do cận tử, nhiều kiếp chúng ta cứ làm cái đó cho nên đời này cái tánh của mình nó như vậy. Thầy hay nói vui ví dụ cái tánh tự giác, tự túc, tự ý thức, nội cái tánh đó quý vị dạy cả đời cũng không được, lạ vậy đó. Có người nói rồi, dạy rồi, nhưng có mình thì mới tự giác còn không có mình thì không tự giác. Ví dụ bây giờ đại

chúng đang hành thiền, có người vô nói ồn ào, có người nói *"Ý thức chút đi nha, để ý chút đi nha". "Đỉnh cao của ý thức là gì?"* Đỉnh cao của ý thức là *tự ý thức* đó. Cái tánh tự giác, tự túc là vậy, Thầy thấy mấy cái tánh này khó dạy lắm. Tự giác, tự túc, trách nhiệm, cái cách làm việc có trách nhiệm, không làm thì thôi mà đã làm là phải làm có trách nhiệm. Thầy nói cái đó dạy khó lắm. Có nhiều người quý vị dạy hoài, nói hoài, nhưng có mình thì làm có trách nhiệm; mình bỏ ra, bữa sau giao việc không có người thì họ làm không có trách nhiệm, lạ vậy đó. Còn Phật tử mà có trách nhiệm rồi, quý vị đã nhận một việc thì làm cho được, mà làm không được thì thưa lại như thế nào đó. Còn làm không được thì thôi con không nhận. Cái trách nhiệm quý vị thấy khó dạy lắm, tự ý thức, tự giác, tự túc, những điều đó rất là khó dạy!

Thời Đức Phật nhập Niết Bàn, ngày thế gian, chư Thiên, nhân loại rơi lệ, mới ngày nào Thế Tôn thành Đạo con chưa kịp xuống học Đạo, giờ Thế Tôn đã nhập Niết Bàn! Tại vì một số cõi chư Thiên trên đó là chỉ có một ngày, hai ngày thì dưới đây Đức Phật nhập Niết Bàn rồi. Nói vui là *"đi học Đạo trễ"*. Nội cái tánh đi trễ thôi, *"sợi dây kinh nghiệm đi trễ rút hoài không hết"*. Thầy biết mấy cái này lắm, cứ đúng giờ mà làm thôi, không có vòng vo tam quốc gì hết. Lúc trước Thầy đi từ thiện, đi Khóa tu có 6 xe, 8 xe, mấy lần đầu là nhiều người giận Thầy lắm. Giận Thầy thì Thầy chịu, chứ mà Thầy chờ quý vị 5 phút được thì người khác trễ hơn

quý vị 5 phút là cũng phải chờ, rồi lại thêm người khác nữa. Thôi bây giờ giận thì Thầy chịu thôi nha. Đi trễ thì một là ở nhà, hai là bắt xe đi theo sau, nguyên cả đoàn mà chờ có mấy người. Thầy thấy cái cảnh này hoài Thầy nản dữ lắm. Bỏ thì không được, mà bỏ thì bắt đầu giận hờn vu vơ rồi không hoan hỷ. Cho nên Thầy nói giờ giấc tự túc, sợi dây kinh nghiệm rút hoài rút không hết là vậy. Cái đó là ý thức, ví dụ như cái gì mà không có giờ giấc thì thôi, mà có giờ giấc thì chúng ta ráng cố gắng sắp xếp. Đó tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự giác.

Sự thật nó vậy: *"Mình muốn đứng hàng đầu thì đừng có đầu hàng"*. Quý vị mới gặp có chút xíu cái điều bất thiện, cản trở một chút là đầu hàng thì sao mình đứng hàng đầu được. Tức là một khi quý vị đứng lên lãnh đạo một nhóm, Thầy nói giả dụ các nhóm từ thiện chẳng hạn, thì quý vị làm chủ, làm người đứng đầu. Người *lãnh tụ* thì lòng mình phải *tủ lạnh*, tức là có những điều mình phải mạnh mẽ, kiên quyết lắm. Mà không có *"tủ lạnh"* như vậy thì sẽ dễ bị *"lãnh đạn"*, phải không đại chúng! Nên mình muốn hàng đầu thì đừng có đầu hàng nha.

Cái việc tự giác, tự túc, tự ý thức, trách nhiệm mình mà có, thì dù làm một việc nhỏ cũng vậy. Mình làm không phải để người khác xem, quét cái nhà là quét cho sạch chứ không phải quét cho người ta xem, trách nhiệm của mình là quét cái nhà cho sạch, *"Tu từ trong*

bụng tu ra, chứ đâu tu để người ta nhìn mình". Bữa nào có ai nhìn thì mình tu khác, bữa nào không có ai nhìn thì mình tu khác à? Cho nên những cái tinh thần tự giác, tự túc, ý thức trách nhiệm, Thầy mong đại chúng cố gắng có những cái đó. Khi có điều đó rồi, là quý vị đã tự nâng cuộc đời mình đi lên. Bây giờ có thể chúng ta thấy bên ngoài nó chưa thay đổi, nhưng nó sẽ đi lên từ từ, càng ngày càng tiến xa trong cái nhân cách, đạo đức, trí tuệ của mình đó.

IV. CHỌN ĐỀ MỤC TU TẬP THÍCH HỢP

Sau khi biết chúng ta thuộc tánh nào rồi thì mình chọn Pháp tu. Cái này Thầy nói lướt qua và Thầy sẽ gửi bài cho quý vị đọc.

Hôm trước Thầy nói có 40 đề mục thiền Định thì mình chọn một trong 40 đề mục đó. Có thể đề mục này không hợp thì qua đề mục khác, chứ không phải ta tu đề mục đó không được thì mình phải tu hoài. Tại vì mình không biết mình thuộc tánh nào mà. Ở đây mình học xong mà mình chỉ có thể nghi nghi tạm tạm vậy thôi. Nhiều lúc học xong, chính bản thân mình còn chưa biết mình tánh nào nữa. Vậy mà có những người thẳng thừng tuyên bố *"Tui đi guốc trong bụng của chị hết trơn rồi"*. Mình còn chưa biết mình nữa mà người ta đi trong bụng mình. Cho nên học bài SÁU TÁNH này để mình biết.

1. Tánh tham

Người tánh tham nhiều thì chúng ta hạn chế tu 8 đề mục:

- 4 đề mục tu Tứ vô lượng tâm

- 4 đề mục Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng.

Thầy ví dụ: người tu đề mục *Màu xanh*, họ lấy một miếng vải màu xanh, niệm "Xanh, xanh, xanh ...", một tỷ cái suy nghĩ của họ giờ chỉ còn một cái màu xanh. Mà niệm liên tục màu xanh, họ tập trung như vậy thì đắc thiền. Lúc này chỉ có màu xanh, tập trung vào đề mục tâm ý không còn gì nữa, khi mà sanh các thiền chi và đoạn trừ các triền cái thì đắc các tầng thiền. Cái người mà ở trong thiền, đắc Định, đắc Thiền, tâm của họ tập trung, đắc Tứ thiền thì lúc đó họ có thần thông. Thật ra cái thần thông là tâm tưởng. Bữa nào Thầy giảng bài THẦN THÔNG nhớ tập trung nghe xem tại sao thần thông là *tâm tưởng nha*. Thầy ngồi Thầy tưởng đây là cục vàng thì nó có ra cục vàng không? Không, do tâm mình không có Định. Nhưng người có thần thông họ tưởng ra, ví dụ cầm chai dầu họ tưởng ra cục vàng thì ra cục vàng. Cái tưởng của họ mạnh như vậy đó, đó là thần thông, đó là tưởng của người có Định. Tưởng của người có Định khác với tưởng của người không có Định. Đại ý dễ hiểu là tưởng của người mà có phước, tưởng của người mà có tập trung, nó khác

với người tưởng mà tưởng vu vơ. Người có tánh tham tránh 8 đề mục đó, tại vì mình đang tham nhiều mà.

Vậy người có tánh tham tu đề mục gì?

- Người có tánh tham tu 11 đề mục: đó là 10 đề mục bất tịnh, tức là quán tử thi. Người có tâm tham nên quán tử thi: chết rồi trương sình lên, dòi bọ rúc rỉa chỉ còn xương, ... thì quán cái đó để bớt tham. Và 1 đề mục nói về 32 thể trược trong cơ thể bất tịnh. Đó là 11 cái đề mục mà người tánh tham nên tu tập.

2. Tánh sân

Còn người có tánh sân tránh các đề mục là: quán bất tịnh và quán 32 thể trược. Họ có tánh hay sân nên hay khó chịu, còn thấy cái thể trược bất tịnh họ quán không được đâu.

Cho nên đại chúng thấy nó có quan trọng không, nếu biết mình có tánh sân mà đi quán bất tịnh là càng quán càng quạu. Hay chưa ạ, người có tánh sân mà càng quán bất tịnh sẽ không đắc Định được. Tại vì họ đã luôn khó chịu với những điều bất như ý, mà quán về cơ thể bất tịnh, quán về sình trương của tử thi, họ quán không thấy Định, không thấy vui đâu hết trơn, càng quán càng quạu.

Cho nên Pháp của Phật không phải là *hay* hay là *dở,* mà *hợp* hay là *không hợp* với căn cơ của mình thôi,

thiện hữu nhớ dùm Thầy. Ví dụ như không phải là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, hay là bố thí, hay là hơi thở,.. là cái nào hay hơn cái nào. Mà vấn đề ở đây là cái nào hợp với cái tánh của mình. Cho nên học bài này là như vậy, để Phật tử biết mình thuộc cái tánh nào mà chọn đề mục thích hợp. Để chọn cái đề mục nào thì chúng ta học qua bài TỨ THIỀN, là bài về thiền Định.

Vậy người có tánh sân thường tu tập đề mục gì?

- Thứ nhất là tu tập Từ - bi - hỷ - xả hay bữa giờ mình học Rải tâm từ. Người có tánh sân thường xuyên rải tâm từ, nói rộng ra là tu tập Từ bi hỷ xả.

- Hoặc 4 đề mục Xanh, vàng, đỏ, trắng.

3. Tánh si

Người có tánh si và người có tánh suy diễn hay tánh tầm, nên tránh 4 đề mục này:

- Đề mục niệm chết

- Đề mục niệm trạng thái an lạc của Niết Bàn

- Đề mục thiền Định, vật thực đáng ghê tởm

- Đề mục phân tích tứ đại.

Tánh si và tánh suy diễn thực tập các đề mục nào?

- Họ nên thực tập cái đề mục theo dõi hơi thở. Vì người có tánh si và tánh suy diễn họ hay hoài nghi lắm, hơi thở thì rất là rõ ràng nên đỡ hoài nghi.

4. Tánh tín

Cái này quan trọng với Phật tử. Người có tánh tín nên phù hợp với các đề mục: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, gọi là Lục niệm.

5. Tánh giác

Người có tánh giác tức là tánh ngộ thường chọn đề mục nào?

Thường chọn đề mục niệm về sự chết, niệm về trạng thái an lạc Niết Bàn, niệm về vật thực đáng ghê tởm và niệm về đề mục phân tích tứ đại.

Khi chọn đề mục thích hợp thì mình dễ đắc Đạo, đắc Định, tu tập có tiến bộ. Còn cái duyên đắc Thánh nữa hay không thì lại là một cái duyên Ba La Mật của vị đó nữa.

**** Những đề mục mà tánh nào thực tập cũng được:***

Đó là những đề mục của từng cái tánh. Nhưng trong đó có những đề mục mà tánh nào thực tập cũng được, đó là các đề mục:

- 4 đề mục thiền Định hình tròn kasiṇa đất, nước, lửa, gió.

- Đề mục thiền Định hư không ākāsakasiṇa.

- Đề mục thiền Định ánh sáng ālokakasiṇa.

- 4 đề mục thiền Định Vô sắc (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô hữu sở xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ)

Còn thực tập làm sao thì chúng ta sẽ học qua bài khác.

Thầy tóm tắt ngắn gọn lại đại ý bài này. Thứ nhất có 6 tánh chính, *chính* ở đây có nghĩa là mình có nhiều cái tánh khác nhau nhưng mà đây là 6 tánh căn bản. Và trong 6 cái tánh này gần như ai cũng có đủ, nhưng vấn đề là tánh nào nổi trội hơn cả. Chúng ta cũng được học về cách nhận biết qua công việc, qua oai nghi, qua thức ăn, qua cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác và qua các pháp hàng ngày để phân biệt tánh nào là tánh tham, sân, si, tín, giác, hay tánh tầm. Thầy cũng giải thích cho đại chúng là tại sao mình lại có những cái tánh đó. Với cái tánh đó mình nên chọn pháp tu nào cho thích hợp. Đây là được nói trong bộ ***Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)*** chứ trong chánh Kinh không nói. Thầy mong học bài này rồi Phật tử có thêm một chút gì nữa để mà tu tập, sau này quý vị cũng biết sơ cái tánh của mình. Bài học hôm nay mà Phật tử nghe một lần không nhớ và hiểu đâu, quý vị có thể nghe lại hoặc là Thầy gửi bài qua đọc lại nha. Có một ngày để chúng ta suy nghiệm rồi ngày sau chúng ta học qua chủ đề mới.

(Bài buổi ngày 18/10/2021)

Phần câu hỏi ôn tập

1). Định nghĩa sáu tánh?

2). Hãy nêu cách nhận biết sáu tánh?

3). Tại sao chúng sanh mỗi người có mỗi tánh khác nhau? Và đặc tính các tánh như thế nào?

4). Với mỗi căn tánh, chọn pháp tu như thế nào thì thích hợp?

5). Hãy nhận diện chính bản thân mình là người tánh gì?

Bài 3: ĐẠO LÀM BẠN

---

* ĐỊNH NGHĨA VỀ BẠN
* SỰ QUAN TRỌNG CỦA NGƯỜI BẠN
* ĐẠO LÀM BẠN
* CÁC BÀI KINH VỀ ĐẠO LÀM BẠN

Hôm nay chúng ta tiếp tục học Giáo lý cơ bản Khóa 3 với chủ đề ĐẠO LÀM BẠN. Trong Khóa 3 gồm có 15 bài, thì có 4 bài nói lên mối quan hệ là ĐẠO LÀM CON, ĐẠO THẦY TRÒ, ĐẠO LÀM BẠN và ĐẠO VỢ CHỒNG. Chúng ta học bài ĐẠO LÀM BẠN để biết được người bạn quan trọng như thế nào.

I. ĐỊNH NGHĨA VỀ BẠN

Lâu nay mình hay nghĩ *"Bạn"* là con người bằng xương, bằng thịt bên cạnh mình, giúp đỡ mình trong công việc làm ăn, cuộc sống... gọi là bạn bè. Nói vui là *bạn* thì ít mà *bè* thì nhiều, *"trong cuộc vui không biết ai là bạn, trong hoạn nạn mới biết bạn là ai".* Đó là *"bạn"* nghĩa đen. Đại chúng hiểu thêm nghĩa bóng nữa, và cái này mới là quan trọng. *Bạn* ở đây là những gì mình tiếp xúc gần gũi, gặp gỡ hàng ngày thì cũng được

hiểu là bạn. Ngoài con người bằng xương, bằng thịt ra thì *"Bạn"* còn là những gì ta gần gũi tiếp xúc thường xuyên, đó chính là những trang sách, băng giảng, những tư tưởng... Đại ý là chúng ta nghe nhiều về cái gì, tiếp xúc nhiều về cái gì, và ngay cả nghĩ nhiều về cái gì, nhìn nhiều về cái gì, thì đó cũng được gọi là *Bạn*. Đó là nghĩa rộng ra của từ *"Bạn"*.

Trong bài ***Kinh Bạn, Kinh Tương Ưng I***, Đức Phật nói:

Ai bạn kẻ đi đường?
Ai bạn người ở nhà?
Ai bạn khi cần thiết?
Ai bạn cho đời sau?
Bạn đường, bạn đi đường,
Bạn ở nhà là mẹ,
Bạn bè khi cần thiết,
Mới là bạn thường xuyên,
Công đức tự mình làm,
Là bạn cho đời sau.

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ I, Chương Tương Ưng Chư Thiên, Phẩm Già, bài Kinh Bạn)

Tức là chính những công đức thiện hữu làm là người bạn theo mình. Làm sao mà có những người bạn như vậy là đỡ khổ đó. Tiếp theo là một bài Kinh khác cũng với ý đó, Phật tử nghe để biết sự quan trọng của người bạn với nghĩa rộng hơn. Trong bài ***Kinh Bạn***

Hữu Với Thiện – Kinh Tương Ưng Bộ Tập Năm, Đức Phật lấy ví dụ, như trước khi mặt trời mọc thì dấu hiệu là buổi rạng đông, thì cũng vậy, khi nào mà chúng ta có những người bạn là những điều thiện, thì sự xuất hiện là Bát Chánh Đạo. Bài Kinh này sẽ thấy được sự quan trọng khi quý vị chọn bạn, là một người và là tư tưởng một quyển sách, một băng giảng, những gì mình thường nghĩ về:

2)– Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông (arunuggam); cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo Tám ngành, chính là bạn hữu với thiện.

3) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, thời chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

(Trích Tương Ưng Bộ Kinh Tập V, Kinh Bạn Hữu Với Thiện (2))

Tức là, khi chúng ta có bạn là những điều thiện lành - là những gì mình nghĩ, mình nói, mình làm và ngay cả khi mình tiếp xúc, trong đó có luôn những người bạn bằng xương, bằng thịt - thì đó là điềm báo

trước sự xuất hiện của Bát Chánh Đạo, là xuất hiện con đường tu tập, con đường giải thoát cho mình.

Có một lần Thầy A-nan thưa với Đức Phật, con thấy trên bước đường tu phạm hạnh chuyển hóa mình thì bạn rất là quan trọng, theo con nghĩ sự quan trọng có thể chiếm một nửa cuộc tu của mình - tức quá trình chuyển hoá. Đại chúng có đồng ý với Thầy A-nan điểm này không ạ? Vậy mà quý vị nghe Đức Phật nói: *không phải là bạn ảnh hưởng đến một nửa cuộc tu, mà ảnh hưởng đến cả một đời tu của mình.* Đức Phật nói cả một cuộc tu của mình chứ không phải một nửa nha. Từ *"Bạn"* ở đây Phật nói, là những gì mình thấy, những gì mình nghe, những gì mình làm, những gì mình nghĩ. Trong đó có thể là một người bạn bằng xương bằng thịt mình thường gặp, có thể là một quyển sách, có thể là một bộ phim, có thể là những băng giảng, có thể là những gì thường hay tiếp xúc. Và nhớ giùm Thầy ngay cả những gì ta đang nhớ nghĩ cũng là bạn của mình. Rõ ràng là vậy, nó ảnh hưởng đến mình, vì chúng ta thường nghĩ cái gì làm cái đó.

Bởi vì mắt thấy trời xanh,
Cho nên mắt cũng long lanh màu trời
Bởi vì mắt thấy biển khơi,
Cho nên mắt cũng xa vời đại dương

Chúng ta suy nghĩ cái gì trong lòng là bữa nào sẽ bung ra cái đó. Trong lòng mình mà toàn *"dao găm lựu đạn"* thì mình sẽ *phóng* ra liền, còn trong lòng mà có

từ tâm thì không khi nào mình nói cho người ta đau lòng được. Hôm trước học bài KHAM NHẪN, Thầy có hướng dẫn đại chúng thực tập bằng cách là thay vì gồng lên mà chịu thì chúng ta hãy thực tập Từ tâm. Khi lòng mình bao dung như trời, như biển thì mình có thể dung chứa được những điều không như ý đó. Cho nên có tâm từ rồi thì sẽ nói ra tâm từ, nghĩ ra tâm từ, ánh mắt, nụ cười của mình cũng có tâm từ. Vì thế, những gì mình tiếp xúc thường xuyên chính là bạn của mình. Cho nên Đức Phật nói không phải chỉ ảnh hưởng phân nửa mà ảnh hưởng cả một đời là như vậy. Những thứ chúng ta thường tiếp xúc mà không biết lựa chọn là cực kỳ nguy hiểm, nên phải *"chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà học"*.

II. SỰ QUAN TRỌNG CỦA NGƯỜI BẠN

Ông bà ta nói *"Ăn cơm có canh, tu hành có bạn"*. Trên mâm cơm mà không có canh thì nó nhạt lắm, trong cuộc tu mà không có bạn thì đại chúng nghĩ mình có tu nổi không? Thầy biết có những người trên đường tu tập chỉ lủi thủi có một mình. Thật ra điều đó là nguy hiểm, *trừ khi quý vị đã giỏi*, vững, Ba-la-mật nhiều, phước đức lớn thì quý vị đi một mình có thể không sao. Còn phước ít mà cứ lủi thủi một mình thì hồi hộp lắm ạ. Dĩ nhiên là nên có bạn nha, mà bạn như thế nào chứ bạn *"dao găm lựu đạn"* thì thôi thà một mình cũng được. *"Bạn"* ở đây là một bậc chân nhân, thiện trí thức thì nên có, tu tập mà không có bạn, một mình rất khó.

"Học thầy không tày học bạn" mà, đôi lúc người Thầy dạy mình nhưng không thường xuyên tiếp xúc, cho nên trong đời sống tu tập, làm sao đó mà Phật tử có những người bạn Đạo để lúc khó khăn, lúc không hiểu, thì có thể hỏi bạn. Còn tu tập một mình cứ lủi thủi rất nguy hiểm, cũng có thể là do tính cách, khuynh hướng tâm lý của người đó. Và cũng có thể do tiền nghiệp trước kia làm gì cũng một mình, nên bây giờ trổ quả chỉ một mình. Khi làm gì, dù là làm điều thiện, như đi bố thí mà chỉ một mình không rủ ai, khi trổ quả sau này giàu có thì sẽ cũng cô độc. Còn nếu mình biết khuyến khích, cùng với người khác làm thiện, bố thí, cúng dường, làm phước, thiện nguyện, giữ giới, nghe Pháp... thì sau này sẽ có quyến thuộc nhiều. Cho nên ta để ý, trong đời thường có những người cô độc lắm, làm gì cũng lủi thủi một mình. Nhưng cũng có những người, hễ mà cần là có người giúp đỡ, hỗ trợ. Nó phải có cái duyên, cái phước gì đó ạ! Thầy cũng mong quý vị học Pháp, tu học, làm những điều thiện thì cố gắng khuyến khích người khác cùng làm trong khả năng của mình.

Xin nhớ một điều là chuyện tu học một mình rất là nguy hiểm nha, vì đôi lúc mình sai mà mình không biết. Người Thầy không ở gần chúng ta để thấy và chỉ giảng, nhưng người bạn của mình ở gần thì có thể thấy được điều đó. Vì vậy, phải ráng có, dù không nhiều nhưng ít nhất một vài bạn Đạo, *mà đặc biệt những người bạn đó phải hơn mình ở điểm nào đó*. Và Thầy

trích dẫn trong ***Kinh Pháp Cú (Dhammapada)***, nếu không gặp người bằng mình hoặc hơn mình, thì thà sống một mình chứ không làm bạn với kẻ ngu.

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."
330. "Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu.
Độc thân, không ác hạnh
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi."

(Trích Kinh Pháp Cú - Dhammapada)

Lý do là tại sao? Có thể hiểu là bản thân chúng ta *yếu* mà còn gặp người Tà kiến, bất thiện nữa thì gần như sẽ bị ảnh hưởng. Ở gần người xấu thì hiếm lắm mới không bị ảnh hưởng, đó là *"miễn nhiễm"* rồi, trừ khi đại chúng phải xuất sắc lắm, vững lắm thì mới được, muốn gần người đó để hoá độ, giúp đỡ họ. Còn không là sẽ bị ảnh hưởng, về lời nói, tư tưởng, việc làm. Cho nên chúng ta thấy mình yếu là phải lựa bạn. Đức Phật nói thà sống một mình chứ không kết bạn với kẻ ngu là vậy, không khéo thì cả hai nắm tay nhau đi xuống. Khi Thầy giảng tới đây, có người hỏi:

- Thầy giảng vậy rồi mấy người ngu, mấy người bất thiện, tà kiến, mấy người xấu thì ai độ họ? Mình không bạn với họ thì ai độ họ?

Đúng, nếu chúng ta có duyên và có khả năng thì vẫn độ họ, nhưng nếu mình còn yếu thì *né* họ ra, dùng pháp *"xa ta ra"* nha. Như người đi vào hàng cá rồi đi ra thế nào cũng tanh, còn đi vào làng nhang thì đi ra thế nào cũng thơm, *"gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*.

Đức Phật nói tìm bạn *"hơn mình"* ở đây không có nghĩa cái gì cũng hơn mình, mà là *"có cái gì đó hơn mình để mình học"*. Có thể bạn này không giỏi Phật Pháp bằng mình nhưng có hạnh tinh tấn hơn mình. Hoặc bạn này có thể tinh tấn không bằng mình, nhưng khi nghe Pháp nhớ được, khi cần hỏi bạn trả lời cho mình. Hoặc nếu bạn này không tinh tấn, học Phật Pháp không giỏi bằng mình nhưng có cái tính rất khiêm tốn. Hoặc có thể mình vừa khiêm tốn, vừa giỏi Phật Pháp, vừa tinh tấn, nhưng bạn mình có cái hay là có thời gian là nghe Pháp, đọc Kinh, chép Kinh, công quả... có nghĩa là bạn này *"tu mót"*, còn mình thì thời gian không có mà hứa *"tu sĩ"* thôi nên cuối cùng không được gì. Có nghĩa là bạn hơn mình ở Giới, Định hay Tuệ, bạn mình có thể giữ Giới, thiền Định, trí tuệ hơn mình hay có mảng nào đó giỏi hơn, thì đã gọi là *"hơn mình"* rồi chứ không phải là cái gì cũng phải hơn mình.

Người phương Tây nói *"Anh hãy cho tôi biết những người bạn của anh, tôi sẽ nói về con người của*

anh", là tại vì *"nồi nào úp vung nấy"*. Ngồi trong lớp học đến giờ này thì chúng ta cũng phải *cùng nồi cùng nắp* đó, chứ không là một số đã tu pháp *"de"* rồi chứ không *"tới"* được đâu. Hoặc ông bà ta nói "*ngưu tầm ngưu, mã tầm mã*", chúng ta thích học Phật Pháp thì tối vào lớp cùng học. Ví dụ đại chúng hiểu Phật Pháp, một con kiến, một con muỗi cũng không dám giết, thì thấy những người sát sanh không gớm tay, dù mình có thương, có quý hay không giận họ, nhưng những người đó rất khó để quý vị kết bạn được lâu dài phải không? Mình thường sẽ tìm những người có từ tâm, dễ thương, gần gũi, hiền lành, có nét gì giống mình kết bạn.

"Anh hãy cho tôi biết những người bạn của anh, tôi sẽ nói về con người của anh", câu này có 2 khía cạnh: một là những người bạn đạo đức, giỏi giang, chúng ta kết bạn thì mình sẽ bị ảnh hưởng từ nơi họ. Hai là trường hợp quý vị giỏi hơn họ về nhiều phương diện, kết bạn với họ thì mình sẽ ảnh hưởng ngược lại đến những người đó. Nhưng thật sự Thầy thấy tỉ lệ mình bị ảnh hưởng từ người khác nhiều hơn, nên cố gắng tìm những người bạn tốt trong cuộc đời để được học những điều hay. Như Đức Phật đã nói, *không tìm được người bạn hơn mình thì thà sống một mình.*

Và hôm trước Thầy có nói *"Thà làm kẻ thù của người có trí tuệ, còn hơn làm bạn với người ngu".* Vì dù mình có giận với kẻ thù là người trí đi chăng nữa thì chỉ là giận họ thôi, chứ thường người trí tuệ không có

trả thù. Giận hay không là do mình, khi hết giận thì thôi. Người có trí tuệ thường có từ tâm, ít có thù dai, ít có sâu cay, thâm độc. Nhưng nếu làm bạn với kẻ ngu, là có ngày dắt nhau đi xuống. Có thể nói, cách chọn bạn là cách nâng cuộc đời mình lên, và có được người bạn đạo đức, trí tuệ là phước của đời mình. Trong ***Chứng Đạo Ca,*** Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói thế này:

** Tôi chấp nhận cô đơn trên đường đạo*
Vui một mình, vui theo nhịp bước chân đi
Tôi những mong có pháp lữ chung lòng
Cùng tiến bước vào Niết-bàn thường lạc
** Không như ý, tôi nguyền làm người cổ lỗ*
Sống theo mình, sống với gió mát trăng thanh
Dù xương trơ, thân đét, thịt teo gầy
Không ân hận, tôi vui với lập trường kiên định ấy.

(Trích Chứng Đạo Ca, Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác)

Dĩ nhiên Ngài rất mong có những người bạn trên con đường Đạo nhưng mà giả dụ không gặp thì Ngài thà một mình chứ không kết bạn với kẻ bất thiện. Từ những điều đó chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của người bạn. Phật tử hay hỏi Thầy *"Con bắt đầu tu từ đâu? Tu làm sao cho con tiến bộ? Làm sao để cho con giữ được tâm lành?"* Như những lần trước, cũng là như thế, cũng là như vậy, Thầy sẽ trả lời: *"Trước tiên hãy tìm và gần Thầy lành, bạn tốt!"* Tại sao vậy? Vì khi chúng ta gần Thầy lành bạn tốt thì sẽ

học được cái gì đó. Sau đó mới hiểu, hiểu rồi mới sống, tác ý đúng. Còn chúng ta muốn tốt lên, muốn thay đổi mà không gần người lành thì làm sao mình học hỏi được. Công thức là phải gặp người lành, gần người lành, nói chuyện với người lành để học. Gặp được bạn tốt là phước lắm, mà bạn còn có đạo đức, có trí tuệ, có từ tâm, có thiền Định là sẽ nâng cuộc đời mình lên.

Vào thời Đức Phật, có hai người bạn rất thân trước khi đi xuất gia và thành Thánh, đó là Thầy Xá-lợi-phất (Sāriputta) và Thầy Thầy Mục-kiền-liên (Moggallāna). Hai Thầy là bạn thân và rất giỏi, khi đi tìm học Đạo, nhiều người dạy nhưng các Ngài vẫn thấy còn thiếu điều gì đó. Hôm đó, với trí tuệ Ba-la-mật các Ngài xem một vở kịch, thấy người ta đóng hết vai này đến vai kia, từ Vua rồi ăn bắp uống nước rồi đến vai nô tỳ, rồi từ vai nô tỳ lại đóng vai Quan. Các Ngài thấy cũng là một người đó mà lại diễn nhiều vai, nhiều vở kịch khác nhau. Các Ngài ngộ ra cuộc đời này là vậy và đi tầm Đạo. Đại chúng thấy tuyệt vời không ạ!

Trong quá khứ vào thời Đức Phật Ca Diếp *(Kassapa),* Đức Phật Thích Ca lúc đó là một vị Bà-la-môn tên là Jotipāla và Ngài có một người bạn là cư sĩ chứng Thánh A-Na-Hàm là Ngài Ghatikāra. Vị này không đi tu là do nuôi cha mẹ bị mù. Ngài Ghatikāra thương Đức Phật lắm, thương đến nổi phải nắm tóc Đức Phật kéo vô nghe Pháp. Ngài Ghatikāra là người làm đồ gốm, ở giai cấp hạ tiện mà dám nắm kéo tóc

bạn mình ở giai cấp cao hơn, nếu theo luật xưa là có thể bị giết. Nhưng Ngài vẫn sẵn sàng chết, bây giờ thấy được Đức Phật Ca Diếp nên dù có phải bỏ mạng cũng làm kéo bạn đi. Sau đó, thì Jotipāla - tiền thân của Đức Phật Thích Ca vào nghe Pháp rồi xuất gia và trở thành một vị Tam Tạng. Sau khi Đức Phật Ca Diếp nhập niết bàn, Ngài Ghatikāra sanh lên cõi Trời trong 5 cõi tịnh cư. Và sau này khi Thái tử Tất-Đạt-Đa *(Siddhattha)* thành Phật, Thầy Ghatikāra xuống gặp lại người bạn từ thời Đức Phật Ca Diếp. Khi Thái tử Tất Đạt Đa đi xuất gia, Ngài cởi áo bào cho Xa-nặc *(Channa)* và ngựa Kiền-trắc *(Kanthaca)* đem về rồi, thì có 8 món vật dụng của Ngài là do Ngài Ghatikāra - một vị chư Thiên đem xuống cúng dường. Tức là bạn từ thời Đức Phật Ca Diếp đến bây giờ, Phật tử thấy hạnh phúc và tình bạn thật đẹp phải không ạ!

Đại ý ở đây, đại chúng có thể hiểu được tầm quan trọng của người bạn, ảnh hưởng cả cuộc đời mình. Chính vì vậy, cố gắng sắp xếp, chọn cho mình những người bạn thật tốt. *"Một đêm trí thức chuyện trò, còn hơn mất sức lần mò mười năm",* nếu gặp được thiện tri thức hay người bạn Đạo có trí tuệ thì mình khỏe lắm. Thay vì mò tìm này kia thì chỉ cần gặp được bạn tốt hỏi mấy câu là ta thông suốt. Chính bản thân Thầy cũng vậy, có những cái Thầy ưu tư 5 năm, 10 năm mà Thầy cũng không thông được cái đó. Khi Thầy gặp bậc thiện tri thức, Thầy thưa chuyện Ngài nói có một câu mà Thầy hiểu ra vấn đề. Cả 5 năm, 10 năm mình giữ trong

lòng mà Ngài nói 1 câu 30 giây thôi, bậc trí tuệ là vậy đó Phật tử. Không biết cuộc đời quý vị có những trường hợp đó chưa? Nghe ai đó vài câu thôi mà mình sáng ra, đánh trúng cái vướng kẹt cho mình, trong khi bao nhiêu lâu trong lòng cứ bứt rứt, khó chịu, không hiểu, mù mờ. Cũng như Đức Phật, biết được người này vướng kẹt điều gì mà Ngài cần nói bao nhiêu câu, nói ngắn hay dài.

III. ĐẠO LÀM BẠN

Vừa rồi Thầy đã nói về bạn và tầm quan trọng của người bạn, và bây giờ Thầy giới thiệu vài bài Kinh về bạn. Vì là lớp Giáo lý nên Thầy sẽ nói tổng quan, xúc tích để cho chúng ta học được nhiều nguồn Kinh. 7 đức tính của một người bạn tốt, Thầy chọn làm bài này và gọi là *Đạo làm bạn*. *"Đạo làm bạn"* là gì? Chắc Phật tử hay nghe nói từ *Đạo* trong câu *"đi trong Lục đạo luân hồi".* Thì Lục đạo luân hồi là 6 nẻo luân hồi hay là 6 đường luân hồi, vậy từ *"Đạo"* ở đây có nghĩa là *con đường*. Nhưng mà từ "Đạo" trong Đạo làm con, Đạo Vợ chồng, Đạo làm bạn... thì không phải là *con đường.* Mà từ "Đạo" này có nghĩa là *bổn phận. "Đạo làm bạn"* là bổn phận của người làm bạn, phải làm như thế nào để trở thành người bạn tốt.

Có nhiều người thưa với Thầy rằng: *"Thầy ơi sao con rầu quá, con chơi với bạn, con quý thương bạn, đã "bật mí" hết những "bí mật" cho bạn nghe, bây giờ*

bạn hết thương con, hết quý nhau rồi thì bây giờ nó "khai quật" những "bí mật" của nhau ra." Ở điều này, Thầy mong quý vị, ở phương diện làm bạn của người khác thì hãy cố gắng đối xử với người đó tốt nhất có thể. Giả dụ, không còn duyên để đi chung với người đó nữa, dù là trên con đường tâm linh, đường Đạo, đường công việc, đường đời... còn duyên thì đối xử tốt với nhau, hết duyên thì dừng lại. Đừng thù hận, ghen ghét, đố kỵ nhau, nói xấu nhau, hại nhau... bỏ mấy chuyện đó đi. Lỡ mà có giận, muốn nói thì cứ gọi họ ra nói rồi thôi đi, ít ra chưa thành người giác ngộ thì ta cũng là người quân tử. Ông bà có câu "*ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình"*, khi khởi tâm bất thiện nói xấu người khác là mình xấu trước rồi. Cho nên đã là bạn, đi chung trên một đoạn đường nào đó thì chúng ta cảm ơn, trân trọng cái duyên đó, còn hết duyên thì:

Thôi cứ để Trăng tàn theo đêm xuống,
Vướng víu chi cho nhọc hỡi Tùng khô

Đừng thù hận, đừng ghét bỏ, đó mới là cách hành xử của người con Phật. Đại chúng tốt với bạn, thương quý bạn mà hôm nào thấy bạn đối xử không tốt với mình, thì dừng lại và xem như duyên lành giữa hai người đến đó thôi, thì duyên nó đẹp liền ạ! Sau bài này mà quý vị có bị người bạn nào nói xấu, xỉa xói, đâm sau lưng thì bỏ qua nha, người ta nói thế này "không ai không bị nói xấu, chẳng qua không bị nói trước mặt mà thôi". Chúng ta phải có phong cách, có con đường, có

sự cao thượng riêng của mình, nếu mình cũng đối xử không tốt lại với họ thì chẳng phải đã giống như người xưa nói câu *"cá mè một lứa"* sao. Đó là kinh nghiệm Thầy nói nha, còn bây giờ mời Phật tử nghe bài Kinh Phật dạy về đạo làm bạn**,** 7 đức tính của người bạn tốt trong ***Bài Kinh Bạn Hữu - Kinh Tăng Chi Bộ Chương Bảy Pháp****:*

1. – Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn. Thế nào là bảy?

2. Cho những gì khó cho, làm những gì khó làm, nhẫn những gì khó nhẫn, nói lên những gì bí mật của mình, che giấu bí mật của người khác, không từ bỏ khi gặp bất hạnh, không có khinh rẻ khi tài sản khánh tận.

Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn.

Bạn cho điều khó cho,
Làm những điều khó làm,
Kham nhẫn những lời nói,
Thật khó lòng kham nhẫn,
Nói lên bí mật mình,
Che giấu bí mật người,
Bất hạnh, không từ bỏ,
Khánh tận, không chê khinh,
Trong những trường hợp trên,
Tìm được người như vậy,

Với ai cần bạn hữu,
Hãy gần bạn như vậy.

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ Chương 7 – Bảy Pháp, bài Kinh Bạn Hữu)

1. Cho những gì khó cho

Ví dụ là món đồ ăn đó mình thích, nhưng thương bạn mình sẵn lòng cho. Chúng ta không dễ cho những gì khó cho đâu đại chúng, có 3 cách bố thí:

- Nô lệ thí: là cho những gì không cần dùng, mình bỏ. Ví dụ như cái áo, đôi dép, vật dụng không còn dùng mình đem đi cho, cái quả sau này là quý vị cũng được cho, mà theo cách như vậy.

- Bạn hữu thí: là mình dùng cái gì thì cho cái đó.

- Chủ nhân thí: là cho những cái mình quý. Có những cái đối với ta là quý giá, sang trọng nhưng mình biết có những người cần dùng hơn mình, xứng đáng dùng hơn mình, và hợp thời nên mình tặng cho họ, cúng dường cho họ. Cái "cho" này có sự *buông* ở trong, sự cao thượng bên trong.

Mà chúng ta cho đi như thế nào sau này mình nhận lại như thế đó.

2. Làm những gì khó làm

Là đôi lúc bạn của mình có những điều khó làm nhưng sẵn sàng làm giúp đỡ mình, làm những gì khó làm cho mình.

3. Nhẫn những gì khó nhẫn

Có câu thơ "*Ai đi qua đời nhau, mà chưa từng đổ lệ*", nếu hôm nay quý vị có được một người bạn tri âm, tri kỷ, bạn thân, hiểu nhau lắm thì chắc cũng nhiều lần *"sức đầu mẻ trán"*, hoặc cãi nhau ầm ầm. Để hôm nay được gọi là người bạn thân, là vợ chồng thì cũng có một vài lần hiểu lầm, cãi cọ nhưng rồi vượt qua được cái đó. "*Cho những gì khó cho, làm những gì khó làm, nhẫn những gì khó nhẫn"* là đức tính của những người bạn tốt. Chứ bạn mà không nhẫn là khó bền lắm.

4. Nói lên những gì bí mật của mình

Tức là bạn tin tưởng mình mà nói lên một số điều bí mật của họ. Đây là thuộc về đạo đức và sự cao thượng. Không ai muốn kể ra những khó khăn, bí mật, những tế nhị nhưng cho tới khi họ tin tưởng, tôn trọng, kính quý, thương mình, thì họ nói cho ta nghe để đóng góp, chia sẻ, thì chúng ta đừng bao giờ lấy những điểm yếu đó để mà nghĩ xấu về bạn mình. Hoặc sau này không có duyên, Thầy nói vui *"khi thương nhau kể nhau bí mật, hết thương rồi khai quật bí mật của nhau"*, đừng bao giờ làm vậy xấu lắm! Nó là vấn đề đạo đức, nhân cách, trí tuệ của mình. Cuộc sống này lạ lắm, có những cái người ta có thể *tha thứ* cho mình nhưng kêu người ta *tin tưởng* thì người ta không tin. Ví dụ quý vị đã từng rất tin, rất thương, rất quý, rất kính một ai đó, giúp cho vị đó rất nhiều, nhưng khi người đó làm gì sai quá lớn đối với mình, quý vị có thể bỏ qua, có thể tha thứ, nhưng sẽ không còn tin tưởng được nữa.

"*Không phải con đường nào cũng đẹp như một giấc mơ, hãy để chúng ta đưa nhau về trong thương nhớ",* người ta nói vậy đó đại chúng. Không phải là lúc nào mình và bạn cũng đi được với nhau lâu dài, từ bạn đời, bạn Đạo, bạn nào đi nữa, nhưng không còn duyên nữa thì hãy nghĩ về cái đẹp, cái vui của nhau và bỏ qua những lỗi lầm. Đại chúng thấy khoẻ không ạ! Học Phật Pháp rồi Phật tử hãy trở thành người cao thượng chứ đừng là kẻ tiểu nhân, không nên làm như vậy nha. Và nói theo Đạo Nho, nó còn là *"đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu",* nếu mình là quân tử rộng lượng thì sẽ có bạn tương xứng như vậy. Còn mà tiểu nhân thì cũng sẽ có như vậy.

Giờ Thầy trả lời câu hỏi, *"Con muốn có người bạn thật tốt, thật đạo đức, trí tuệ thì làm sao?"* Đó là chúng ta hãy chuẩn bị cho mình những cái đó! Mấu chốt của bài ĐẠO LÀM BẠN là mấu chốt chỗ này, rất là hay đó đại chúng, muốn có những người bạn tương xứng như vậy thì mình hãy có những yếu tố nhân cách của một người bạn tốt trước đã. Cả đạo làm Thầy, đạo làm Trò cũng vậy, muốn có một người Thầy xứng đáng thì mình cũng phải có đủ nhân cách của một người học trò.

5. Che giấu bí mật của người khác

Nghĩa là người ta đã tin tưởng nói cho mình nghe những điều bí mật đó, thì mình phải khéo để giữ gìn cho bạn của mình.

6. Không từ bỏ khi gặp bất hạnh

Thầy hay nói vui "*trong cuộc vui không biết ai là bạn, trong hoạn nạn mới biết bạn là ai".* Khi hoạn nạn không gọi được cho ai, Thầy nghĩ chắc đại chúng cũng gặp vài trường hợp này phải không? Trước kia khi quý vị còn đủ đầy, còn quyền cao chức trọng, giàu có, đẹp đẽ, ... thì còn nhiều bạn. Người xưa nói câu *"Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về trưa một mình",* nhiều khi hoàn cảnh bây giờ mình trắng tay, gọi điện bạn không muốn nghe nữa, cuộc sống nhiều trường hợp này lắm. Nếu mình là bạn với ai, thì đạo làm bạn bè khi bạn gặp bất hạnh, trong khả năng có thể giúp được gì thì hãy giúp đỡ bạn.

7. Không có khinh rẻ khi tài sản khánh tận

Nghĩa là khi bạn gặp những khó khăn về mặt tài sản, khi bạn khánh tận thì chúng ta đừng khinh rẻ bạn trong những lúc như vậy.

Làm bạn thì có nhiều bài Kinh nhưng Thầy chọn bài này nói chính, bổn phận làm bạn thì có 7 điều như vậy. Mấy bài kế tiếp Thầy sẽ nói lướt qua cho đại chúng hiểu thêm về đạo làm bạn.

IV. CÁC BÀI KINH VỀ ĐẠO LÀM BẠN

Trong ***Kinh Tăng Chi – bài Kinh Bạn***, Đức Phật nói về 3 đức tính của người bạn tốt:

– Này các Tỷ-kheo, có đầy đủ ba đức tánh, một người bạn cần được thân cận. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cho điều khó cho, làm điều khó làm, nhẫn điều khó nhẫn. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh, một người bạn cần được thân cận.

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ Chương Ba Pháp, Phẩm Kẻ Chiến Sĩ, bài Kinh Bạn)

Tức là một người có 3 đức tính này thì chúng ta nên thân cận người này, *"cho điều khó cho, làm điều khó làm, nhẫn điều khó nhẫn",* cái này cũng nằm trong 7 điều của bài Kinh trên.

Thêm một bài Kinh khác nữa về 5 điều của người bạn xấu, nếu có những điều này thì mình là người bạn xấu. Trong ***Kinh Tăng Chi, bài Kinh Người Bạn***, Đức Phật nói:

1. – Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được làm bạn. Thế nào là năm?

2. Bảo làm việc đồng áng; ưa thích kiện tụng; chống đối các Tỷ-kheo lãnh đạo; sống đời sống không có mục đích, kéo dài đời sống như vậy; không có khả năng thỉnh thoảng trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được làm bạn.

(Trích Kinh Tăng Chi, Chương Năm Pháp, Phẩm Tikandaki, Bài Kinh Người Bạn)

- "Chống đối các Tỷ-kheo lãnh đạo": Đây là Phật nói về các thầy Tỷ-kheo nhưng chúng ta hiểu rộng ra là người luôn luôn thích chống đối các vị cấp trên mình. Dĩ nhiên là trong phạm vi đúng mực, còn đây là luôn thích chống đối.

- "Sống đời sống không có mục đích, kéo dài đời sống như vậy":

Cái này quan trọng lắm Phật tử, thường là không có Phật Pháp thì chúng ta rất dễ lạc vào một đời sống vô nghĩa, tẻ nhạt. Khi hiểu được Phật Pháp, quý vị sẽ thấy nản nhất là sống đời sống như vậy. Tại sao tẻ nhạt? Gần như ai cũng như ai, sinh ra thì cha mẹ nuôi, lớn lên thì đi học, có bạn trong trường, có thầy cô dạy, lớn hơn một chút thì đi học Đại học hay sau Đại học, rồi kế tiếp là đi làm, sau đó có vợ, có chồng, có con, rồi cố gắng mua nhà, mua xe lo cho con. Con mình lớn lên một chút rồi mình cũng già, nghỉ ngơi. Con mình thì lại bắt đầu giống như vòng xoay của mình. Còn mình thì bắt đầu nghĩ đến chuyện chết chóc. Đại chúng nhìn xem cuộc đời có phải là như vậy không?

Lúc này có người sẽ nói là ủa, không vậy chứ giờ làm gì hả Thầy? Thầy nói đúng rồi, là vậy, nhưng điều Thầy muốn nói tiếp đó là trong vòng xoay đó quý vị nên có cái gì đó về điểm tựa tâm linh, mà đây chính là Phật Pháp! Có Phật Pháp chính là có những điểm tựa về điều thiện, làm những điều thiện, có Pháp tu, có Pháp học, có công đức. Thì tuy mình đang sống với cái

thân tứ đại này, nhưng đã có cái đó siêu suốt, có cái để mình hướng về, có điểm tựa cho mình. *"Người không biết lo xa ắt có đau buồn gần"*, đang sống ở đây mà ưu tư cho những kiếp kế tiếp, cái này chỉ người có trí tuệ mới có, họ nghĩ đến kiếp sau, kiếp sau nữa. Còn không có, mình chỉ quanh quẩn một đời này. Và chúng ta nên sống có mục đích rõ ràng, lo cho gia đình nhưng tâm linh của mình có đường đi rõ ràng. Công đức chính là bạn của mình, nghiệp thiện và nghiệp ác là bạn của mình. Điều thiện chính là bạn của mình, lý tưởng tu học chính là bạn của mình.

Nếu không, cuộc sống tẻ nhạt vô cùng bởi sự lặp lại. "Có một ông Vua nói với ông Quan hãy kể cho ta nghe một câu chuyện. Ông Quan kể, nhà ông ngày xưa ở dưới quê khi trời mưa nước dâng lên, mấy bao gạo ướt hết và chuột cắn lủng. Con kiến bò vào tha đi từng hạt. Ngài biết không, lúc đó một đàn kiến cứ 2 con 1 hạt gạo, cứ 2 con 1 hạt, và 1 hạt 2 con, 1 hạt 2 con,…. ông Quan cứ đếm như vậy cho đến khi ông Vua ngủ gật. Lúc sau, ông Vua bật dậy và hỏi đã tới đâu rồi, thì ông Quan kia cứ lặp lại tiếp tục như vậy." Nghe câu chuyện này xong mình nói chẳng có gì hay hết, đúng là như vậy, mà nó lại đúng với cuộc sống của mình, cứ "2 con 1 hạt" đó Phật tử. Cuộc sống này nếu không có sự tu tập, không có trí tuệ, thì nó là sự tẻ nhạt, nhàm chán, cứ lặp đi lặp lại. Khi thấy những điều này chúng ta mới chán cuộc sinh tử, chứ không thì mình còn đam mê nhiều lắm. Tu học là sống đời sống có chánh niệm,

sống đời sống có công đức, để còn *"chuyển vào tài khoản"* làm Thánh nha Phật tử, dù mình chưa biết được khi nào mình mới chấm dứt luân hồi, nhưng mình đã biết *"còn luân hồi là còn hồi hộp",* còn khổ đau và không biết ác nghiệp trổ lúc nào.

Hôm trước mình có học thế nằm của con người là thế nằm của sư tử, luôn luôn phóng tới. Sáng con sư tử chạy để kiếm mồi, con nai nó cũng chạy nhưng là để chạy thoát con sư tử. Và chúng ta nếu không biết tu là chúng ta cũng chạy hoài cả cuộc đời, mãi cho tới khi không còn sức thì chấm dứt cuộc sống. Chết xong lại bắt đầu chạy tiếp, khủng lắm quý vị. Hôm nay mình may mắn, phước trổ được giàu một chút, được đẹp, được thông minh một chút... mình thấy là đủ rồi, một đời như vậy là mãn nguyện rồi. Đúng rồi ạ, như thế mình tạm gọi là có Phước, nhưng *so với cả tỉ đời* nó chẳng là gì đâu thưa đại chúng! Chỉ có tu học đến chỗ đắc Đạo, đắc Thánh, chấm dứt luân hồi mới được mãn nguyện, còn không thì quý vị cứ nhớ *"Còn luân hồi là còn hồi hộp".*

- "Không có khả năng thỉnh thoảng trình bày khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với một bài thuyết Pháp": Chúng ta hiểu rộng ra là người đó không có khả năng để sách tấn, khuyến khích bạn. Ví dụ mình buồn nói sao cho hết lo buồn, đam mê, sai lầm trong cái xấu thì khuyên nhủ, khổ thì nói làm cho bớt

khổ, mất tự tin thì nói cho mình tự tin hơn... Thì 5 điều như trên là những đức tính của người bạn xấu.

Chúng ta đã học được 3 bài Kinh, có *7 đức tính của người bạn tốt, 3 đức tính của người bạn tốt và 5 đức tính của người bạn xấu.* Bây giờ đại chúng muốn học thêm thì Thầy dạy thêm là bài ***Kinh Giáo Thọ Thi Ca-La-Việt (Sigàlovàda sutta) trong Trường Bộ Kinh.*** Đức Phật nói:

15. Này Gia chủ từ, có bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

16. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Người vật gì cũng lấy, cho ít xin nhiều, vì sợ mà làm, làm vì mưu lợi cho mình. Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

17. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Tỏ lộ thân tình việc đã qua; tỏ lộ thân tình việc chưa đến; mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ; khi có công việc, tự tỏ sự bất lực của mình. Này Gia chủ tử,

như vậy là bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

18. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Đồng ý các việc ác; không đồng ý các việc thiện; trước mặt tán thán; sau lưng chỉ trích. Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

19. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Là bạn khi mình đam mê các loại rượu; là bạn khi mình du hành đường phố phi thời; là bạn khi mình la cà đình đám hý viện; là bạn khi mình đam mê cờ bạc. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

20. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

Người bạn gì cũng lấy,
Người bạn chỉ nói giỏi,
Người nói lời nịnh hót,
Người tiêu pha xa xỉ.
Cả bốn, không phải bạn,
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.

(Trích Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Sigàlovàda sutta))

Có 4 điều này thì không nên xem là bạn: người vật gì cũng lấy, người chỉ biết nói giỏi, người khéo nịnh hót, người bạn tiêu pha xa xỉ. Là người Phật tử, lúc chưa hiểu Đạo thì đôi khi quý vị sẽ không chịu tiết kiệm đâu, mình hay nói tiền mình làm mình xài chứ có trộm cướp của ai mà khuyên. Nhưng khi hiểu Đạo rồi thì tự quý vị sẽ biết cái gì cần dùng mới dùng. Người tiết kiệm không có nghĩa là họ không dám dùng tiền, mà cái gì cần họ mới dùng. Mà cái việc dùng đó phải sanh phước, Thầy hay nói vui là *"Tui nghèo chứ tui xài tiền không đếm",* vì họ biết cái này sẽ sinh phước. Còn cái gì mà không có phước, hao phước, tổn phước, không lợi ích thì phải biết tiết kiệm.

Tiếp theo là những yếu tố để trở thành người bạn chân thật:

21. Này Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật: Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật; người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật; người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật; người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật.

22. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật: Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật, che chở của cải cho bạn

khi bạn vô ý phóng dật, là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi, khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chân thật.

23. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật: Nói cho bạn biết điều bí mật của mình; giữ gìn kín điều bí mật của bạn; không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn; dám hy sinh thân mạng vì bạn. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật.

24. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật: Ngăn chặn bạn không làm điều ác; khuyến khích bạn làm điều thiện; cho bạn nghe điều bạn chưa nghe; cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

25. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật: Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn; hoan hỷ khi bạn gặp may mắn; ngăn chặn những ai nói xấu bạn; khuyến khích những ai tán thán bạn. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

26. Thiện thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyến khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng.
Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ họ,
Như mẹ đối con ruột.
Người trí giữ giới luật,
Sáng như lửa đồi cao.
Người tích trữ tài sản,
Như cử chỉ con ong.
Tài sản được chồng chất,
Như ụ mối đùn cao,
Người cư xử như vậy,
Chất chứa các tài sản,
Vừa đủ để lợi ích
Cho chính gia đình mình.
Tài sản cần chia bốn
Để kết hợp bạn bè:
Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,
Phần tư, phần để dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.

(Trích Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Sigàlovàda sutta))

Người bạn tốt là: người bạn thường hay giúp đỡ mình, người bạn chung thủy với mình, người bạn thường khuyên mình làm những điều lợi ích, người bạn có lòng thương tưởng đến mình. Tức là trong khổ cũng có mặt bạn và khi vui cũng có mặt bạn, chứ không phải vui thì có bạn, mà khổ thì bạn đi đâu. Cái này đại chúng cũng gặp rồi phải không ạ? Cái này nhiều người buồn lắm, cuộc đời là đủ thứ chuyện hết. Quý vị phải nhớ *"Thế gian nó là như vậy!",* tại vì với phàm tâm của chúng sanh thì chuyện gì cũng xảy ra. Nên mới gọi là vòng luân hồi khổ đau, đắng cay mỏi mệt. Phật tử thấy Ngũ nghịch tội (5 tội trọng ác) mà còn có thì chuyện gì không dám làm. Còn người bạn thường khuyên mình làm điều lợi ích, cái này quan trọng nha. Bạn mà rủ mình làm xấu hoài thì mình cũng sẽ theo bạn, mưa dầm thấm đất. Và bạn tốt thì luôn thương quý mình mong cho mình những điều tốt.

Thầy tổng kết lại bài ĐẠO LÀM BẠN, tức là bổn phận của người làm bạn. *"Bạn"* có 2 nghĩa: một là người bạn bằng xương bằng thịt. Thứ hai, *Bạn* là những gì mình thường gặp gỡ thường tiếp xúc, thường suy nghĩ, một quyển sách, bộ phim, công việc làm... đại ý là những gì mà Thân - khẩu - ý tiếp xúc thường xuyên. Và khi ta thường tiếp xúc nhiều thì nó ảnh hưởng đến cuộc đời mình, cho nên phải biết cách chọn bạn. Tiếp theo là tầm quan trọng của người bạn, chọn người bạn như thế nào thì chúng ta sẽ bị ảnh hưởng bởi người bạn đó. Cho nên đại chúng phải cố gắng sắp xếp chọn bạn

lành, thiện trí thức, bạn Đạo cho mình. Chúng ta như thế nào sẽ thường chọn bạn như vậy, nếu trong lòng không thích từ bi, mình không chọn bạn có tâm từ đâu. Còn quý vị mà không thích học Pháp, mình sẽ không chọn bạn thích học Pháp, *"ngưu tầm ngưu, mã tầm mã", "mây tầng nào gặp mây tầng đó".* Thêm nữa, để gặp những người bạn xứng đáng thì tự bản thân mình cũng chuẩn bị những đức tính tốt của một người bạn. Và Thầy cũng dẫn chứng một số bài Kinh Đức Phật nói về đạo làm bạn. Và người bạn theo mình lâu dài chính là chính công đức của mình.

(Buổi giảng ngày 20/10/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Theo tinh thần Phật Pháp, ý nghĩa về người bạn là như thế nào?

2). Trên bước đường tu tập, người bạn có quan trọng với chúng ta không? Tại sao?

3). Một người bạn như thế nào được gọi là một người bạn tốt? Người bạn đó có những đức tính gì?

4). Đạo làm bạn là gì, làm sao chúng ta trở thành một người bạn đúng theo tinh thần Phật Pháp?

5). Một người như thế nào được gọi là "thiện hữu tri thức"?

Bài 4: NỮ NHÂN

ଓ❁ଌ

---

* NHỮNG BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ NỮ NHÂN
* LỜI KẾT

Hôm nay chúng ta tìm hiểu về chủ đề "Nữ Nhân" qua những lời Đức Phật đã dạy trong Kinh tạng Nikāya. Mục đích để mọi người nhìn lại chính mình, biết rõ về bản thân, về những điểm mạnh điểm yếu, cái nào là khiếm khuyết, cái nào là sức mạnh, cái nào chúng ta cần hướng về và không cần hướng về theo sự chỉ dạy của Đức Phật, để từ đó mình mạnh mẽ, can đảm bỏ đi những thành kiến, những điều mà lâu nay vẫn cố công gầy dựng, gìn giữ và cho rằng đó là số phận của chính mình.

"*Con nhìn vào trong Kinh,*
Rồi nhìn lại chính mình,
Con thấy bao lầm lỗi,
Của nhiều kiếp vô minh".

Quý vị học những bài Kinh Đức Phật dạy để biết tại sao chúng ta lại làm thân nữ và bây giờ nếu muốn làm thân nam thì mình phải làm gì? Và cũng từ đây, những đấng mày râu cũng có dịp xét lại chính mình

xem coi nơi bản thân có đang tồn tại những đức tánh của nữ nhi không? Nếu quý vị có những tính cách này thì sau khi nhắm mắt, mình từ hàng ngũ *"có râu"* nhảy qua hàng ngũ *"đánh son"* lúc nào không hay. Nếu kiếp này quý vị có phước duyên là thân nam nhưng lại tạo nghiệp bất thiện gì đó thì có thể kiếp sau mình qua chỗ "đánh son" luôn. Còn mấy cô dù kiếp này đang là thân nữ, nếu có những duyên lành gì, có những đức tánh gì thì nhắm mắt đi qua hàng ngũ có râu, quân tử. Nó mau lắm, nhắm mắt thôi là nó theo cái dòng nghiệp, theo tánh tình của mình với thân phận khác liền.

Trong cuộc sống như chúng ta cũng biết, có những người tuy là thân nữ, nhưng tánh tình rất là trượng phu quân tử, rất là hào sảng, rộng rãi. Và cũng có những người là thân nam, nhưng tánh tình lại là tánh tình của nữ nhân, ích kỷ, yếu đuối, nhỏ nhen. Thật ra nam nữ gì cũng yếu đuối, ích kỷ nhỏ nhen hết, nhưng mình học Kinh, lắng nghe lời Phật dạy để biết thân nữ thường có những nghiệp gì? Nặng về điều gì? Cần phát huy những khái cạnh nào? Để sau khi học xong, tự soi lại chính bản thân mình, con yếu chỗ này thì con sửa, con mạnh chỗ kia thì con sẽ phát huy.

Khi đọc vào những trang Kinh, chúng ta sẽ thấy Đức Phật thương mình đến dường nào, đại chúng đừng có nghĩ là Đức Phật phân biệt nam nữ, điều đó hoàn toàn không có! Nam nữ gì thì Ngài cũng thương hết trơn, chẳng qua là Ngài chỉ nói sự thật thôi. Cho nên là

có những điều mình nghe Đức Phật nói và dạy cho mình, chúng ta thấy hạnh phúc lắm. Nữ nhân có điểm mạnh gì, có điểm yếu gì để bản thân cố gắng tu sửa và hoàn thiện. Chính sự tu tập, sửa đổi đó giúp cho chúng ta tốt đẹp hơn, tốt hơn với mình hôm qua và đẹp lên rất nhiều cho ngày sau.

I. NHỮNG BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ NỮ NHÂN

1. Người Con Gái

"Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi một người đi đến vua Pasenadi nước Kosala và báo tin kề bên tai vua Pasenadi nước Kosala: "Thưa Đại vương, hoàng hậu Mallikà đã sinh hạ được một người con gái".

Khi được nói vậy, vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

"Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,

Khiến nhạc mẫu thán phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc."

(Trích Kinh Tương Ưng, Tập 1 – Thiên Có Kệ - Chương III: Tương Ưng Kosala – Bài Kinh: Người Con Gái)

Bài Kinh đầu tiên là bài Kinh nói về việc sinh con gái. Ở đây Đức Phật dạy về chuyện sinh con gái của vua Ba-Tư-Nặc. Trước khi quy y với Phật, vua Ba-Tư-Nặc đã từng cho người theo dõi Ngài bảy năm; sau này khi hiểu rồi ông thương kính Phật lắm, rảnh là ông vào thăm, đảnh lễ Phật. Mỗi ngày, có khi ông vào thăm Phật đến năm lần; hôm đó vua Ba-Tư-Nặc mới vào đảnh lễ Đức Phật và ngồi một bên, thì lúc này có một vị quan cận thần vào thưa với vua rằng: *"Kính thưa đức Vua, Hoàng hậu Mạt-Lợi vừa sanh con gái"*. Vua nghe câu đó xong nên buồn, vì ông muốn có một hoàng tử hơn là công chúa.

Đức Phật mới hỏi là tại sao đức Vua lại không hoan hỷ, thì ông mới bạch Phật là Hoàng hậu sanh con gái, cho nên con không có vui. Thế Tôn nghe vậy nên Ngài đã dạy:

"Này Nhân chủ, ở đời
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai.
Khiến nhạc mẫu thán phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ.
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc".

Đức Phật phân tích cho vua thấy là một vị anh hùng, một vị vua sanh ra từ đâu? Có phải sanh ra từ người nữ không? Và ngay cả Đức Phật hay một vị Thánh nhân, vị Vua và bậc anh hùng nào đó, cũng phải từ người nữ mà sanh ra. Có những người nữ tốt đẹp về đức hạnh, trí tuệ, thành công và có giới đức hơn hẳn nam nhi. Ở đời đâu phải người nữ nào cũng thua nam nhân đâu?

Qua lời dạy của Thế Tôn, khi thấy vua Ba-Tư-Nặc buồn vì nghe bà Mạt-Lợi sinh con gái; Ngài mới nói Đức Vua không có gì phải buồn, vì có những người nữ còn tốt đẹp hơn những người nam về giới đức, trí tuệ. Rồi từ những bậc Thánh, những bậc anh hùng, những bậc vua chúa cũng sanh ra từ người nữ. Cho nên chẳng có gì mà Đức Vua phải buồn cả. Vậy có phải đoạn này Đức Phật đang khen người nữ không? Dù là

bậc Thánh nhân đi chăng nữa thì cũng phải từ người mẹ mà sanh ra. Ngay cả Đức Phật cũng vậy, khi Ngài là Thái tử thì mẹ của Ngài là ai? Mẹ Ngài là Hoàng hậu Māyā, sau khi sinh Ngài ra bảy ngày thì Bà mất. Vì sao Hoàng hậu Māyā lại mất sớm như vậy?

Lý do thứ nhất do Bà hết tuổi thọ. Tức là hết nghiệp, hết tuổi thọ nên Bà mất.

Lý do thứ hai là Hoàng hậu Māyā trong tiền kiếp đã nguyện là được làm Mẹ của một vị Phật kiếp cuối. Những tháng ngày Bà mang thai Thái tử Tất-Đạt-Đa trong lòng, cho đến sau khi sinh ra rồi, với sự thanh tịnh và những công đức của Bà thì không thể để người nam nào đụng vào mình. Sau đó thì Bà mất và sanh lên cõi chư Thiên làm một vị Thiên nam tại cõi trời Đâu Suất. Vào mùa Hạ thứ bảy, Đức Phật lên cung trời Đao-Lợi thuyết Pháp, Ngài cho người thỉnh vị Thiên nam có tiền thân là Hoàng Hậu Māyā từ cõi Đâu-Suất xuống cõi Đao-Lợi nghe Pháp để hóa độ.

Đại chúng thấy ngay cả Đức Phật cũng vậy, cũng phải từ người nữ mà sanh ra. Một bậc Thánh, một vị vua anh hùng cũng từ người nữ mà sanh ra. Mà người nữ cũng có giới đức, có trí tuệ hơn những người nam, không phải người nữ nào cũng là thua kém. Đó là nội dung của bài Kinh thứ nhất.

2. Sức Mạnh Của Nữ Nhân

"Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm?

•Sức mạnh sắc đẹp,
• Sức mạnh tài sản,
• Sức mạnh bà con,
• Sức mạnh con trai,
• Sức mạnh giới hạnh.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có đầy đủ năm sức mạnh này. Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà không có sợ hãi."

(Trích Kinh Tương Ưng - Chương Ba: Tương Ưng Nữ Nhân - Phẩm Các Sức Mạnh – Bài Kinh: Không Sợ Hãi (Visāradā)

Trong bài Kinh này, Đức Phật nói về **năm sức mạnh** của người phụ nữ gồm:

1/ Sắc đẹp.

2/ Tài sản.

3/ Bà con: sanh vào dòng dõi có bà con quyến thuộc cao quý.

4/ Sinh con trai.

5/ Giới hạnh hay đức hạnh.

Đây là năm sức mạnh của người nữ. Trong năm điều này, Đức Phật có nói sức mạnh của nữ nhân là sắc đẹp, có tài sản, có bà con và sanh con trai cũng là điểm mạnh. Nhưng cái mấu chốt trong bài Kinh này, Đức Phật dạy **sức mạnh quan trọng nhất của người nữ đó là sức mạnh của giới hạnh.** Không phải do sắc đẹp, tài sản, bà con hay việc sanh con trai mà nữ nhân được sanh lên cõi lành hay Thiên giới, mà chính sức mạnh của giới hạnh mới giúp nữ nhân sanh lên cõi lành, sanh ở Thiên giới! Đức Phật đưa ra năm điều này, tự bản thân của quý vị chọn lựa, mình muốn đẹp cách nào tùy mình. Em đẹp theo cách của em! Cách của em như thế nào thì mỗi em tự biết.

"Mỗi sáng ta thức dậy,
Ta nhìn vào trong gương,
Bỗng nhiên ta hốt hoảng,
Ôi thật là dễ thương!"

Cũng có khi: *"Đôi lúc không dám soi gương, sợ mình thấy hết nét dễ thương của mình!"* Thôi thì không ai khen mình thì mình tự khen mình, ôi thật là dễ thương! Không ai khen mình thì mình cũng tự an ủi. Nhiều lúc đứng trước gương khi có bộ đồ đẹp, em đứng trước gương thay hết quần này đến áo nọ, nhưng mà trời lại đổ mưa. Định mặc đồ đẹp đi dạo phố, đứng trước gương đi tới đi lui hoài mà trời mưa; cuối cùng, không được mặc bộ đồ đẹp để đi. Song, chính việc suốt

ngày lo trang điểm đó lại là một trong những cái nhân để chúng ta làm nữ.

Bài Kinh này, Đức Phật dạy sức mạnh mấu chốt của nữ nhân không phải chỉ là ở bốn điều trên, mà chính giới hạnh, đức hạnh là sức mạnh quyết định bốn điều còn lại.

3. Tám Sức Mạnh Ở Đời

"Này các Tỷ kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám? Này các Tỷ kheo,

- *Sức mạnh của con nít là khóc;*
- *Sức mạnh của đàn bà là phẫn nộ;*
- *Sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí;*
- *Sức mạnh của Vua chúa là uy quyền;*
- *Sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo;*
- *Sức mạnh của bậc hiền trí là cảm hóa;*
- *Sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát;*
- *Sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục.*

Này các Tỷ kheo, đây là tám sức mạnh".

(Trích Kinh Tăng Chi III - Chương 8 Pháp - Phẩm Gia Chủ - Phần Sức Mạnh 1)

Trong bài Kinh thứ ba này, chúng ta học về **tám sức mạnh ở đời**:

1/ Sức mạnh của con nít, của trẻ nhỏ là tiếng khóc. Làm gì làm chứ khi chúng ta nghe con nít hay con cháu

của mình khóc là phải buông tất cả mà chạy vô lo cho nó liền.

2/ Sức mạnh của đàn bà, của người phụ nữ là sự phẫn nộ, tức giận. Có đoạn đối thoại vui rằng: *"Em bảo: Anh đi đi! Sao anh không dừng lại? Em bảo: Anh đừng đợi! Sao anh vội về ngay? Ôi, lời nói gió bay. Đôi mắt buồn đẫm lệ. Sao mà anh ngốc thế? Chẳng nhìn vào mắt em"*. Đó, cổ giận lên là nói một đường, làm một nẻo. Kêu đi đi, cái ông kia đi, thì cổ kêu sao anh không dừng lại; cổ kêu đừng có đợi, ổng đi về thì trách sao anh về nhanh vậy. Sức mạnh của phụ nữ là phẫn nộ, khó hiểu vậy đó quý vị.

3/ Sức mạnh của kẻ ăn trộm là vũ khí. *Khi bị phát giác và truy đuổi, họ không ngần ngại sử dụng vũ lực để thoát thân.*

4/ Sức mạnh của Vua chúa là uy quyền. Vua chúa là người nắm quyền sinh sát của toàn thể dân tộc của một đất nước.

5/ Sức mạnh của kẻ ngu là sự áp đảo. Họ có thể dùng tay, chân hay nhiều hình thức khác nhau để áp đảo người khác, mà ông bà mình hay gọi đó là sự ngang tàn.

6/ Sức mạnh của người hiền trí (bậc có trí tuệ) đó là sự cảm hóa. Kẻ ngu thì áp đảo người khác, còn bậc hiền trí là cảm hóa, dùng trí tuệ và từ bi nhiếp phục tâm người khác, hướng họ đến cuộc sống hiền thiện.

7/ Sức mạnh của bậc đa văn là học rộng, nghe nhiều; một câu Kinh mà hiểu nhiều tầng nghĩa khác nhau - đó là thẩm sát. Cũng giống như nghe được một bài Kinh nọ, nếu học giỏi giáo lý thì cũng là một câu Kinh đó thôi nhưng đại chúng sẽ hiểu ra nhiều nghĩa khác nhau; Còn trong đầu mình mà chỉ có năm ba chữ làm vốn thì nghe câu đó xong, đôi lúc chỉ hiểu có chút xíu thôi. Còn có nhiều đoạn Kinh, Kinh hiểu mình chứ mình không có hiểu Kinh. Rõ ràng như vậy! Cho nên quý vị muốn có trí tuệ như biển, muốn đa văn, học rộng, nghe nhiều,… thì phải học. Khi chúng ta học rồi thì lạ lắm, học và hiểu một bài Kinh, hai bài , ba bài, bốn bài, năm bài Kinh mà có học hiểu giáo lý thì mình sẽ thấy khác liền. Hay vậy đó, cho nên khi học Kinh này ta hiểu Kinh kia, học Kinh kia lại hiểu Kinh nọ. Phật Pháp là như vậy đó, nên sức mạnh của bậc đa văn là thẩm sát.

8/ Sức mạnh của người tu, gọi là của Sa-môn, Bà-la-môn, tức là người tu sĩ, đó là sự kham nhẫn, sự nhẫn nhục. Vì cuộc sống của mình là thường đối diện với những điều bất trắc, bất toại, đổi thay. Không có kham nhẫn là coi như mình khổ - khổ mút mùa Lệ Thủy, khổ mịt mù sơn khê luôn. Không có kham nhẫn là suốt ngày mình dễ sống trong sự giận hờn lắm vì cảnh trần vốn bất toại, đổi thay.

Trong bài Kinh này, Đức Phật có nói đến một sức mạnh liên quan đến nữ nhân đó là sự phẫn nộ. Người

nữ có nhiều kiểu cách giận hờn lạ lắm, chúng ta tự nhìn lại bản thân có phải vậy không? Có cô kia, cổ nói với người bạn cổ là: *"Cho anh biết nha, anh có nghe lời tui không? Không nghe là đi ra ngoài mưa cho trúng gió, cho anh biết"*. Cuối cùng là giận người ta, đi ra ngoài mưa trúng gió, cho người kia khổ chơi vậy đó. Tức là mình tự hành hạ bản thân mình để cho người ta khổ.

Kết hợp với năm sức mạnh của bài Kinh đầu tiên thì ở đây, quý vị học thêm một sức mạnh của người nữ nữa đó là sự giận hờn. Đại chúng tự xét thử coi, trong sáu sức mạnh này, mình có được mấy cái? Giận hờn là có chắc rồi. Nhan sắc thì sao? Nhan sắc thì cũng tạm đủ. Tài sản thì sao? Tài sản thì cũng tạm tạm. Thôi thì tự xét lại bản thân nhưng mà mấu chốt nhất, quan trọng nhất là sức mạnh của giới hạnh. Đó là bài Kinh thứ ba, trong tám loại sức mạnh thì có một sức mạnh là của nữ nhân, đó là sự giận hờn.

4. Hình Mẫu Lý Tưởng Của Người Nữ Cư Sĩ

"Cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka ở Alavī". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Alavī.

Nữ cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Velukantakiyā, mẹ

của Nanda". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Velukantakiyā, mẹ của Nanda."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương II Pháp - Phẩm Hy Cầu - Bài Kinh Hy cầu)

Bài Kinh thứ tư nói về mẫu hình người nữ cư sĩ mẫu mực, làm cán cân để cho chúng ta hướng về học hỏi. Đây được xem là cán cân, thước đo chuẩn về thiện nam, tín nữ cư sĩ theo lời Phật dạy. Đối với nữ cư sĩ thì nhiều vị lắm nhưng Đức Phật lấy ra đây hai người:

Một là Cô gái lưng gù được Đức Phật tán thán là đa văn đệ nhất trong hàng nữ cư sĩ, cô tên là Khujjuttarā. Cô này lưng thì bị gù, thân phận thì là nô lệ, nhiệm vụ của cô là hầu Hoàng hậu Sāmāvatī và đi mua hoa trang trí cung điện. Mà mỗi lần mua, lúc chưa có đắc Thánh, cô còn tâm tham, mua một ít thôi, cô giữ lại một ít. Lần đó, cô đi mua hoa thì ông chủ tiệm đem hoa đi cúng dường Đức Phật, ổng đi nghe Pháp nên nhân dịp đó cổ cũng đi nghe Pháp luôn. Sau khi nghe Pháp xong thì cô đắc Sơ quả. Khi một vị đắc Sơ quả rồi thì không còn phạm giới, niềm tin là bất động.

Từ lúc đó, thay vì lúc trước có 10 đồng, cô mua 5 đồng, giữ riêng 5 đồng. Từ sau khi đắc Sơ quả, cô mua hết 10 đồng. Hiển nhiên nếu mua hết 10 đồng thì hoa nhiều hơn lúc trước. Lúc mang về cung thì Hoàng hậu

mới hỏi cô là sao mọi lần hoa mua ít, mà nay mua nhiều vậy? Cô mới nói với Hoàng hậu là *"em của ngày hôm nay, khác em của ngày hôm qua"*. Hoàng hậu mới hỏi: *"Khác cái gì?"*, thì cô mới kể là cô nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn được như vậy, như vậy đó. Hoàng hậu cũng là một vị Phật tử thuần thành nên mới hỏi: *"Vậy em có thể nói cho hoàng hậu và những người cung nữ ở đây nghe được không?"*. Tức là Hoàng hậu Sāmāvatī thỉnh cô tỳ nữ nói Pháp, cô mới trả lời là: *"Hoàng hậu là sếp của em, người ăn trên ngồi trước em, Hoàng hậu nói thì em nghe. Nhưng riêng cái vụ thuyết Pháp thì thỉnh em mới thuyết, mà lúc em thuyết thì Hoàng hậu phải ngồi thấp hơn em một chút"* (để biểu hiện tôn trọng Pháp).

Cho nên, đại chúng học được điều gì ở đây? Đối với một vị mà đắc Thánh rồi, kêu chết thì chết thôi, chứ nói một câu mà sai Pháp là họ không nói được, vì trong lòng là tôn trọng Pháp, Pháp là số một, họ thà *"bỏ mạng chứ không bỏ Đạo"*. Chính Đức Phật cũng nương tựa Pháp, cũng tôn trọng Pháp, lấy Pháp làm tràng phan, lấy Pháp làm tối thượng. Nhưng trong thời Mạt Pháp, kêu người ta bỏ đạo thì bỏ chứ họ không hy sinh cho Đạo. Thời Mạt Pháp là như vậy đó.

Ở đây, chúng ta thấy là cô này khi Hoàng hậu thỉnh cô thuyết Pháp thì có hai yêu cầu: thứ nhất là phải thỉnh mới thuyết, thứ hai là cô lúc thuyết thì Hoàng hậu phải ngồi thấp hơn. Trong khi cô này là nô tỳ mà nói

với Hoàng hậu như vậy và sau đó thì Hoàng hậu với 500 cung nữ cũng được nghe Pháp.

Lý do thân phận của cô là một người tỳ nữ, vì do tiền nghiệp trong quá khứ cô là một tiểu thư danh giá, từng sai khiến một người bạn vốn dĩ đã xuất gia, lấy giùm một món đồ trang điểm cho cô. Vị Tỳ-kheo-ni đó lại là một bậc Thánh, vì lòng từ bi nghĩ nếu không lấy giùm đồ thì cô bạn mình sẽ nổi giận và bị đọa sâu vào ác đạo nên bèn làm theo ý cô để bớt đi tội nghiệp, chỉ gánh lấy thân phận thấp kém trong kiếp hiện tại mà thôi. Cô tiểu thư này hết người sai mà sai trúng bậc Thánh, cho nên câu chuyện của cô gái lưng gù này cũng là bài học đáng giá cho mỗi chúng ta. Giả dụ mà mình có quyền đó nghen, việc gì cần nhờ thì nhờ, việc gì cần sai mới sai. Chứ không phải việc gì cũng nhờ, cũng đem cái quyền đó ra nhờ. Hết phước mà sai trúng bậc Thánh là coi chừng làm thân phận thấp kém, và cô tiểu thư ở tiền kiếp nay có thân phận nô tỳ ở kiếp hiện tại.

Thứ hai là cô bị lưng gù, vì trong một kiếp không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác, chỉ có vị Phật Độc giác thôi; có một lần cô với vài vị nữa cúng dường các vị Phật Độc Giác. Mấy người bạn mới hỏi là trong các vị Phật Độc Giác đó, ai là sư phụ của em? Thì cổ mới nhìn về vị sư phụ - vị Phật Độc Giác đó có cái lưng hơi gù, thì cổ diễn tả cái lưng gù gù, *"đây đây sư phụ của em, cái lưng gù gù vậy đó!"*. Dù không phải bất kính, nhưng mà có một chút gì đó giỡn, một chút gì đó xem

thường bậc Thánh nên bây giờ lưng thì bị gù, thân phận thì là nô tỳ.

Như chúng ta được biết, cô Khujjuttarā là bậc trí tuệ đa văn đệ nhất, đọc qua là nhớ. Trong hàng ngũ xuất gia, Thầy A-Nan là đa văn đệ nhất, thì trong hàng ngũ cư sĩ, cô Khujjuttarā này là đa văn đệ nhất. Cho nên Đức Phật dạy, nếu trong đời sống tại gia, về nữ cư sĩ thì cán cân đo lường để học hỏi theo, thứ nhất là cô Khujjuttarā này.

- Người cư sĩ nữ thứ hai mà Đức Phật nói mình hướng về để làm mẫu mực, làm cán cân, đó chính là cô Velukantakiyā, hay còn đọc là mẹ của Nan-Đà *(Nanda)*.

Cô là con của hai vợ chồng ông Punna vốn sống bằng nghề làm ruộng; có lần hai vợ chồng cúng dường bữa ăn cho Ngài Đại-Ca-Diếp *(Mahā Kassapa)* lúc Ngài mới xả Diệt Thọ Tưởng Định xong, nhờ công đức bố thí hợp thời này mà đất của hai vợ chồng ông Punna đã biến thành vàng. Cha mẹ và cô đã phát nguyện cúng dường Trai Tăng liên tục trong vòng bảy ngày, và sau đó đều chứng Thánh hết.

Là một tín nữ đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng cô được gả cho một gia đình giàu có, mà nhà chồng lại không có tin kính Phật Pháp. Cho nên việc cô muốn cúng dường cho Đức Phật, Đức Pháp và Đức Tăng luôn bị người chồng cản trở. Vì giàu có đâu phải

thiếu tiền, cô mới thuê một kỹ nữ rất đẹp thời đó về lo cho chồng thay cô. Khi cô kỹ nữ này về lo cho chồng rồi thì cô mới có thời gian sắp xếp nấu nướng để cúng dường lên Tam Bảo. Về phần cô kỹ nữ nọ được thuê về để lo cho chồng mình, mà lo riết cho ông chồng, sống như làm vợ chính thức của ông luôn và còn lại xem thường cô vợ chính thức là cô Velukantakiyā này.

Có một lần, cô kỹ nữ phẫn giận và đố kỵ lấy chảo dầu đang sôi, tạt vào người cô. Nhưng vì lòng từ của một bậc Thánh, vì thương và cảm ơn cô kỹ nữ này đã chăm sóc cho chồng mình để cô có thời gian cúng dường Tam Bảo. Với lòng từ như vậy, khi mà chảo dầu tạt vào người cô, thì nó trở thành làn nước mát, chứ không hề làm cô bị phỏng. Cô là vị tín nữ cư sĩ được Đức Phật tán thán là tu thiền đệ nhất, còn cô Khujjuttarā kia được Đức Phật tán thán là Đa văn đệ nhất.

Trong Kinh Tăng Chi tập 1, chương Hai Pháp có đoạn kinh Đức Phật đã dạy về những tấm gương của các bậc Thánh thời Phật tại thế; có thể làm cán cân để hậu thế mai sau như chúng ta lấy đó noi theo như:

- Về người xuất gia bên Tăng, người làm cán cân mẫu mực là Thầy Xá-Lợi-Phất là Trí tuệ Đệ nhất và Thầy Mục-Kiền-Liên là Thần thông Đệ nhất.

• Còn bên Ni là Ni sư Liên-Hoa-Sắc, là Thần thông Đệ nhất; và Ni sư Khema, Trí tuệ Đệ nhất.

• Về phía Nam cư sĩ, Đức Phật nói về hai vị, đó là Hatthaka Alavaka, đệ nhất về nhiếp chúng. Ông có thể nhiếp phục số đông quần chúng bằng bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Vị này là có khả năng dùng Tứ Nhiếp Pháp để mà cảm hóa người khác. Vị nam cư sĩ thứ hai là ông Citta Macchikasandika. Đức Phật tán thán ông là Đệ nhất thuyết Pháp, tuy là cư sĩ nhưng là Đệ nhất thuyết Pháp. Thầy Phú-Lâu-Na là Đệ nhất thuyết Pháp bên hội chúng Tỳ-kheo-tăng, còn bên hàng cư sĩ là ông cận sự nam Citta này. Ông là người giàu có, là vị trưởng giả trí thức và rất giỏi về trí tuệ, về tu tập giới đức, rất là có uy tín. Cho nên việc ông thuyết Pháp giúp đỡ được rất nhiều người, ông đưa nhiều người về với Phật Pháp.

• Còn bên hàng cận sự nữ chính là cô thị nữ lưng gù Khujjuttarā và Velukantakiyā, mẹ của Nanda ở bài kinh trên.

5. Hương Bay Ngược Gió (Khi nơi nào có nam nữ quy y và thọ trì năm giới)

"*Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:*

- Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo gió, không bay ngược gió. Thế nào là ba? Cây hương rễ, cây hương lõi và cây hương hoa.

Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió, không bay ngược gió. Bạch Thế Tôn, có thể có loại cây hương nào, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Có loại cây hương, này Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

- Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Ở đây, này Ānanda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong dục vọng, từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu, men rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, thích thú từ bỏ, sẵn sàng được yêu cầu, ưa thích chia xẻ đồ bố thí. Người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khắp bốn phương: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ... ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Chư Thiên và các phi nhân cũng tán thán: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ... ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Cây hương như vậy, này

Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

"Không một hương hoa nào
Bay ngược chiều gió thổi
Dầu là hoa chiên-đàn
Già-là hay mạt-ly
Chỉ hương người đức hạnh
Bay ngược chiều gió thổi
Chỉ có Bậc Chân nhân
Biến mãn mọi phương trời."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương III Pháp - Phẩm Ānanda - Kinh Hương)

Bài Kinh thứ năm Đức Phật dạy, có một số loại hương bay ngược chiều gió. Ví dụ như với những loại cây có hương thơm như hoa nguyệt quế, hoa sữa, các loại hoa nào mà nó thơm, thì thuận chiều gió mình mới nghe mùi thơm, hoặc phải đến gần mà ngửi mới cảm nhận được mùi thơm của chúng. Hoa ngược chiều gió thì sao có thể thơm được? Nhưng ở đây, Đức Phật nói là có những mùi hương bay ngược chiều gió. Vậy hương gì mà bay ngược chiều gió? Trong Kinh Tăng Chi, chương Ba Pháp, Phẩm Ānanda, bài Kinh Hương này, Phật nói rằng: Có những loài hoa không bay ngược chiều gió nhưng có những loại hoa lại ngược gió tỏa hương. Đó là ở đâu có những nam nhân và nữ nhân quy y Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) và giữ gìn 5 giới là từ bỏ

sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói dối và từ bỏ uống rượu.

Ngài dạy như thế này: "*Không một hương hoa nào, bay ngược chiều gió thổi, dầu là hoa chiên đàn, sala hay mạt-ly. Chỉ hương người đức hạnh, bay ngược chiều gió thổi. Chỉ có bậc chân nhân, biến mãn mọi phương trời.*" Các loài hương hoa thì không bay ngược được chiều gió nhưng hương người đức hạnh thì ngược gió tung bay. Nghĩa là, khi mình có Tam quy và Ngũ giới thì hương thơm đức hạnh có tiếng lành đồn xa, hương bay ngược gió chính là hương của người đức hạnh, là người có thọ trì Tam quy và Ngũ giới.

Vậy qua bài kinh này, đại chúng thấy được việc mình thọ Tam quy và Ngũ giới, được làm đệ tử của Đức Phật là hạnh phúc của đời mình không? Đến một lúc nào đó mình lại tự hiểu ra, làm đệ tử của Đức Phật là phần phước của đời mình! Có những con người chỉ cần lạy một lạy với tâm tôn kính mà mình được lên trên kia ở. Nếu nhiều lần chúng ta chịu để ý, có những lúc thấy tứ đại trở chứng nào là đau bao tử, đau đầu, đau lưng cũng ngán lắm. Tại vì ở trên cõi chư Thiên không có già, không có bệnh, hết tuổi thọ là tái sanh thôi, nên chư Thiên đa phần là hưởng phước. Còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đa phần là trả nghiệp bất thiện. Đôi lúc mình thấy cũng rầu cái thân mình quá, lên chư Thiên đâu có sợ đói bụng đâu, khỏi ăn khỏi buồn ngủ, không phải mất quá nhiều thời gian phục vụ cho tấm thân này,

mà còn có cơ hội được nghe giảng Pháp của các bậc Thánh trên đó nữa thì hạnh phúc nào cho bằng, có phải vậy không?

6. Mong Muốn – Cận Hành – Điểm Tựa – Xu Hướng Và Cứu Cánh Của Nữ Nhân

"1. Rồi Bà-la-môn Jānussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jānussoni bạch Thế Tôn:

2. – Đối với Sát-đế-lỵ, thưa Tôn giả Gotama, vị ấy mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sát-đế-lỵ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, xu hướng là trái đất, cứu cánh là tự tại.

– Nhưng đối với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.

– Nhưng đối với gia chủ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với gia chủ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.

– Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

*– **Đối với nữ nhân, này Bà-la-môn, đàn ông là mong muốn, trang điểm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thù là xu hướng, tự tại là cứu cánh**.*

– Nhưng đối với người ăn trộm, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với người ăn trộm, này Bà-la-môn, đồ lấy được là mong muốn, rừng rậm là cận hành, đạo trượng là điểm tựa, tối tăm là xu hướng, không bị thấy là cứu cánh.

– Nhưng đối với Sa-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn, nhẫn nhục nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh.

3. – Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama. Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-ly, Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn… của các gia chủ… của các nữ nhân… của các người ăn trộm… của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! … Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung con xin trọn đời quy ngưỡng!".

(Kinh Tăng Chi - Chương VI Pháp - Phẩm Dhammamika - Bài Kinh Vị Sát Đế Ly)

Bài Kinh này rất là hay, trong bài Đức Phật nói về 5 điều của người nữ:

1/ Mong muốn của nữ nhân: chính là đàn ông.

2/ Cận hành của nữ nhân: là trang điểm.

3/ Điểm tựa của nữ nhân: là con cái.

4/ Xu hướng của nữ nhân: là không có địch thủ, tức là không có kẻ thù.

5/ Cứu cánh của nữ nhân: là tự tại hay quyền tự quyết.

Ở điều đầu tiên Đức Phật nói về mong muốn của nữ nhân là đàn ông. Dĩ nhiên ở đây không phải là tất cả, mà Ngài nói cho số đông. Phần đông nữ nhân đều

muốn có một người đàn ông bên cạnh để lúc buồn, lúc vui, lúc lẻ loi, lúc cô đơn có bờ vai, có người mà nương tựa, chia sẻ.

Chúng ta đang sống trong cõi Dục thì gần như ai cũng dễ đắm vào các dục, phần đông thôi chứ không phải ai cũng vậy. Cái dục ở đây nếu nói thô là tài, sắc, danh, thực, thùy hay còn gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó là những gì mà mắt ưa nhìn, tai mê nghe, mũi thích ngửi, vị khoái nếm và những xúc chạm nơi thân mỗi người. Đã ở cõi dục thì thế nào chúng ta cũng bị đắm trong đây. Trừ một số trường hợp có những bậc nhiều kiếp ở trên cõi Phạm Thiên đắc Sơ thiền, sanh xuống đây còn cái chớn thì người đó ít đắm nhiễm vào năm dục, nhưng trong cái gốc thì vẫn còn.

Trong các dục đó thì dục nặng nhất mà dễ cho mình trầm luân nhất, đó là dục phái tính. Ở đây đang nói về nữ nhân, mong muốn của người nữ chính là người nam để được khổ vui, khó khăn, hay hạnh phúc có nhau, để khi lẻ loi cô đơn có một bờ vai mà nương tựa.

Kế tiếp cận hành của nữ nhân, là cái mà hằng ngày người nữ đều tiếp xúc, đó chính là trang điểm. Chuyện mình trang điểm là không có xấu, nhưng nếu cứ suốt ngày trang điểm, suốt ngày làm đẹp thì chúng ta cứ làm nữ miết thôi. Làm đẹp thì cứ làm đẹp nhưng trong một cái chừng mực nào đó, vì lời Phật đã dạy mà

mình không nghe thì đành chịu. Đây là một trong những việc mà người nữ khó thoát ra được.

Trong Thánh Nhân Ký Sự thuộc Tiểu Bộ Kinh, có một vị nữ cư sĩ từng nguyện như thế này: *"Nguyện cho con sinh ra những kiếp sau được đẹp nhưng mà đẹp không cần son phấn".* Vậy nên, việc trang điểm không phải là xấu, nhưng cứ suốt ngày trang điểm thì phải coi lại. Ví dụ mình hay nói câu: ăn cái gì cũng cảm thấy ngon là tốt, nhưng không phải thấy cái gì ngon cũng ăn và mới ăn thì không được. Cho nên, nếu chúng ta suốt ngày lo hình sắc của mình thì chính cái đó làm bản thân ta không thoát được thân người nữ. Chiều sâu của bài Kinh này là ở chỗ, đa phần nữ nhân là dính vào cái chuyện trang điểm. Hôm nay mình đã được học tới đây rồi thì sao? Dạ con cũng trang điểm, nhưng cái trang điểm đẹp nhất là trang điểm cho tâm linh, cho đời sống tinh thần của mình. Đó chính là sự học Pháp, gieo vào thiện pháp là giới, định và tuệ, Thiện pháp là đức hạnh của mỗi chúng ta: *"Hoa quỳnh đẹp nhất về đêm, còn em đẹp nhất khi em đến chùa".* Khi em đến chùa thì em dễ thương lắm. Em trang điểm cho bản thân bằng oai nghi, nụ cười; bằng ánh mắt từ bi, hỷ xả, sự kham nhẫn; bằng trí tuệ, bằng thiện pháp, bằng giới đức. Đó là trang điểm cho đời sống tâm linh.

Điều thứ ba được Đức Phật nhắc đến trong đoạn Kinh này về điểm tựa của nữ nhân là con cái. Thường thì khi người nữ có con rồi thì họ thương con của mình

sanh ra hơn là thương mẹ, vì người con là sản phẩm, là bóng dáng, công trình, là tác phẩm của họ. Chúng ta sinh ra là đã có cái tâm vô ơn, quên cội nguồn rồi. Ta vẫn là thương con mình hơn là thương người sinh ra mình, nhưng đã là Phật tử thì quý vị nên nhớ là ai giúp mình cái gì thì phải nhớ và trả ơn được thì ráng trả trong khả năng. Tri ơn là tốt mà bước thêm bước nữa là đền ơn. Người mẹ sẵn sàng chết để mà lo cho người con. Cái lý tưởng của người mẹ là khi mình chết rồi thì con mình tiếp tục làm. Người nữ nào mà có đứa con trong gia đình bất hiếu thì khổ khủng khiếp lắm, mà có một người con có hiếu thì đó là phước của họ. Đứa con mà nó quậy có bỏ được không? Không phải không bỏ được mà khó bỏ và cũng hiếm có người mẹ nào bỏ con lắm. Con bỏ mẹ thì được chứ ngược lại thì ít có.

Vì vậy khi đã học được lời dạy của Đức Phật thì chúng ta phải làm sao khéo léo một chút, hướng dẫn con mình cho có đạo đức ngay từ nhỏ, điều này quan trọng lắm! Có dịp cho con vô chùa lễ Phật, tập cho con biết san sẻ, biết phóng khoáng, biết cung kính Tam bảo, tập cho nó có đạo đức vì khi mà nó hư rồi thì rất khó dạy.

Kế nữa, Phật nói về xu hướng của người nữ là không có kẻ thù hay là không có địch thủ. Nghĩa là người nữ có hiền đến đâu, có lành đến đâu, dễ thương đến đâu, dịu hiền đến đâu, kham nhẫn đến đâu nhưng cũng phải né mấy cái. Có những chuyện rất khó nhẫn

mà trong *Kinh Tăng Chi, Chương Bốn Pháp,* Đức Phật cũng có nhắc đến đó là:

- Con voi đến mùa động dục: khó mà kiểm soát nó lại được.

- Con rắn mà bị đạp đuôi: dù nó hiền cách mấy mà bị đạp đuôi cũng tìm cách quay lại cắn.

- Ông Vua bị cướp ngôi cũng khó nhẫn nhịn mà tìm cách giành lại ngôi vị.

- Người nữ không thể chia sẻ tình cảm: các cô có giác quan thứ sáu nên nhiều khi có luôn cả giác quan thứ bảy và chủ nhật luôn. Khi mà biết chồng mình có gì thì các cô sẽ tìm cách loại bỏ đối thủ. Các cô có thể sống với chồng nghèo, khổ, xấu, bệnh tật,…sao cũng được nhưng mà không bao giờ muốn chia sẻ tình cảm cho người phụ nữ khác. Dù người nữ có hiền đi nữa mà đụng đến chuyện chia sẻ tình cảm là họ không có chia sẻ. Hôm nay là mình được nghe Phật nói luôn. Trừ những trường hợp bất đắc dĩ lắm họ phải chịu đựng thế này, thế kia thôi chứ họ không bao giờ muốn chia sẻ tình cảm.

Điều cuối cùng mà Đức Phật dạy về Cứu cánh của nữ nhân là tự tại, là quyền tự quyết nghĩa là luôn muốn mọi việc theo ý mình. Tức là người nữ đã muốn cái gì thì phải chiều theo ý họ. Khi một người phụ nữ về nhà chồng thì muốn cha mẹ chồng nghe lời của mình, chồng con cũng nghe theo mình, đi làm cũng muốn

người trong công ty đó theo mình. Có những cái muốn nếu bất lực thì thôi, nhưng trong lòng cứ muốn như vậy đó. Bây giờ biết tánh này là của chung người nữ chứ không có của riêng ai và Phật nói đây là dành cho số đông.

Dĩ nhiên trong cuộc sống, có người ít muốn có quyền tự quyết, người thì luôn muốn tự quyết mọi chuyện. Ít thì mình còn mừng nữa, đúng không? Không phải chuyện gì cứ muốn là được, nếu quý vị không có phước sao mà muốn được. Và giả như chúng ta tạm có được hơn những nữ nhi khác về quyền tự quyết đi chăng nữa, nhưng khi đã học Phật Pháp rồi thì làm sao? Thì mình biết chắc những điều đó, chỉ là chúng ta đang "xài đồ cũ", "ăn mày dĩ vãng" mà thôi; có gì đâu mà đáng tự hào hay kiêu ngạo, có phải vậy không?

Đã là Phật tử rồi, con cũng được nghe Đức Phật chỉ dạy về cái "quyền tự quyết" rồi; thay vì con sẽ muốn người này kẻ nọ phải nghe theo con nói, làm theo ý con thích thì bây giờ con không như vậy nữa. Cũng là "quyền tự quyết" đó, nhưng không phải muốn ai đó phải theo mong muốn của con nữa, mà con sẽ thực hành theo lời Phật đã dạy, con "tự bước đi, tự quyết định" số phận. Cuộc đời của con chỉ nương Pháp mà sống. Nếu chúng ta có thể thực tập như vậy, thì có phải mình sẽ rất là dễ thương hay không? Người xưa có câu: "*Sông sâu thì tĩnh lặng, lúa chín thì cúi đầu".*

Chiều nay Thầy được mời tham dự Chương trình "Phật Giáo Và Đời Sống" của Phật Sự Online. Vì sắp tới là đến ngày vía Bồ Tát Quan Thế Âm, ngày 19 tháng 9. Nói đến hình ảnh "Mẹ Hiền Quan Âm" thì rất là thân thuộc với tất cả mọi người, từ rất xưa trong tín ngưỡng tâm linh của nhân sinh muôn loài nói chung; và trong lòng của người con gái Như Lai nói riêng. Một năm có 3 ngày vía Đức Bồ Tát Quan Thế Âm:

- Ngày 19 tháng 2 là kỷ niệm ngày Đản sanh của Bồ tát.

- Ngày 19 tháng 6 là kỷ niệm ngày Thành đạo.

- Ngày 19 tháng 9 là kỷ niệm ngày Xuất gia của Bồ tát.

• **Ngày 19 tháng 2**: số 19 có ý nghĩa là mình có 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; có 6 trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; 6 thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Mình lạy Quan Âm phải hiểu ý nghĩa này.

Khi quý vị chưa biết tu thì mình hoàn toàn dùng thức. Thức là gì? Là sự phân biệt đẹp - xấu, giàu - nghèo, cao - thấp, buồn - vui, mình gọi là sự phân biệt **nhị nguyên**. Cho nên chúng ta sống toàn bằng thức không. Bây giờ có tu tập, mình sống bằng trí tuệ. Vậy thì tổng của 6 căn, 6 trần, 6 thức là 18, và mình biết chuyển thức phân biệt thành trí, cộng thêm một này của trí nữa là 19.

Còn con số 2 nghĩa là gì? Tức là đừng có phân biệt, vượt qua phân biệt nhị nguyên, đừng có phân biệt đẹp-xấu, cao-thấp, hoặc vượt qua thường kiến và đoạn kiến. Thì đó là ý nghĩa của 19 tháng 2. Ngày vía của Ngài cũng là một bài học cho mình.

- **Ngày 19 tháng 6** là gì? Số 19 thì chúng ta biết rồi. Còn ý nghĩa của số 6 là sao? Bồ Tát Quan Thế Âm là người đang thực hành 6 hạnh Ba-la-mật. Theo Nam truyền Phật giáo thì có 10 hạnh Ba-la-mật, còn bên Bắc truyền thì có 6 hạnh Ba-la-mật. Một vị Bồ-tát thực hành trọn vẹn sáu Ba-la-mật gồm: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ thì Ngài thành đạo.
- **Ngày 19 tháng 9**: Số 19 cũng giống như trên. Còn con số 9 thì theo người Á Đông đó là con số đẹp, trọn vẹn, đầy đủ, viên mãn. Xem phim Tề Thiên chúng ta cũng đã biết, tại sao Ngài Huyền Trang không vượt qua 80 nạn, 90 nạn hay 100 nạn mà vượt qua 81 nạn? Theo văn hóa Trung Hoa thì con số 9 là số trọn vẹn, viên mãn và con số tượng trưng cho người quân tử hay con người hoàn hảo, 9 nhân 9 là 81. Vậy để đạt được cái gì đó viên mãn, tròn đầy thì phải vượt qua rất nhiều thử thách, phải trui rèn, cố gắng vượt qua.

Còn số 9 "trọn vẹn" trong Phật Pháp biểu tượng là gì? Là quá trình, tiến trình tu tập, nói theo Tịnh Độ tông là Cửu phẩm Liên hoa; cũng chính là chín pháp Siêu thế gồm bốn Đạo, bốn Quả và Niết bàn. Sự viên tròn công hạnh ba la mật đủ đầy, y như ý nghĩa của con

số 9 ấy đó chính là: để trở thành Đức Phật, trở thành một vị Thánh nhân thì phải trọn vẹn cả về trí tuệ lẫn từ bi.

Cho nên khi quý vị lạy Quan Âm không phải lạy rồi cầu là có kết quả. Không phải lạy Ngài thì sẽ giàu, cầu đẹp là được đẹp. Ngài cầm trên tay tịnh bình và cành dương liễu, với biểu tượng đó thì Tịnh là trong sạch, thanh tịnh. Vậy chúng ta làm gì để được thanh tịnh? Phải nhờ vào "giới hạnh" khi mình giữ giới, 5 hay 8 giới thì đó là thanh tịnh. Còn nước trong bình mà Bồ tát Quan Âm cầm trên tay đó là cam lộ - là tình thương, lòng từ. Còn nhành dương liễu tượng trưng cho hạnh nhẫn nhục, mềm dẻo. Quan Thế Âm tức quán xét âm thanh, là hạnh lắng nghe.

Vì vậy khi quý vị lạy hay niệm "Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát" là mình học hạnh lắng nghe, học hạnh từ bi, học hạnh nhẫn nhục, học hạnh giữ giới. Khi chúng ta giữ giới, nhẫn nhục, có từ tâm và biết lắng nghe thì cái nhân lành đó mới cho quả lành. Chứ không phải cầu giàu là giàu, cầu đẹp là đẹp, cầu thanh tịnh là thanh tịnh. Muốn đẹp thì phải thực hành hạnh từ bi, có nhân từ thì mới đẹp. Nếu quý vị niệm Quan Âm, lạy Quan Âm, học theo hạnh của Ngài Quan Âm như vậy thì có cái gì là mê tín không? Muốn có cái quả lành gì đó thì phải thực tập cái nhân lành trước.

Trong nhà Phật muốn cái quả gì thì luôn luôn phải có cái nhân. Cái gì cũng có nghiệp và quả của nghiệp, có nhân có quả. Chứ không thể nào cầu một cái là có! Muốn trở thành người quân tử hay nam tử hán đại trượng phu mà mình cứ suốt ngày trang điểm, lo cho sắc đẹp của mình thì thời gian đâu mà tu, thời gian đâu mà chúng ta thực tập hạnh lành. Chăm sóc sắc đẹp là chăm sóc sắc đẹp tinh thần. Chăm sóc phương diện này hoài như vậy cũng không có đủ đâu.

7. Ba Pháp Che Dấu

"1. - Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

- *Sở hành của nữ nhân, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ.*
- *Chú thuật của Bà-la-môn, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ.*
- *Tà kiến, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

2. - Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

- *Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

• *Vành tròn của mặt trời, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

• *Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương III Pháp - Phẩm Kusināra - Bài Kinh 129: Che Giấu)

Đức Phật dạy có 3 pháp được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ, đó là:

1/ Sở hành của nữ nhân được che dấu khi thực hành. Sở hành là những việc mà mình hay làm. Dĩ nhiên không phải là che dấu tất cả, mà mình phải hiểu là những việc tế nhị được che dấu không muốn hiển lộ.

2/ Chú thuật của Bà-la-môn tức là có những câu thần chú của Bà-la-môn người ta che dấu, không có công khai, truyền rộng.

3/ Tà kiến là những cái sai lầm của mình, có ai mà muốn phơi bày cái sai, cái dở, cái hiểu lầm của mình ra ngoài đâu.

Trong **Kinh Trung Bộ, bài Kinh số 91** kể về ông Bà-la-môn già tên *Brahmayu* trú tại *Mithila* khi nghe danh tiếng của Đức Phật là ***"Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải,***

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Khi nghe những danh hiệu của Ngài tốt đẹp như vậy và ông còn nghe nói Ngài có 32 tướng tốt, cho nên ông Bà-la-môn già này mới cho vị đệ tử của mình là Bà-la-môn *Uttara* đi theo dõi Đức Phật, thử coi Đức Phật có đúng như tiếng đồn tốt đẹp và Ngài có 32 tướng tốt như vậy không. Sau khi theo dõi mấy tháng trời mà chỉ thấy Đức Phật có 30 tướng, còn hai tướng còn lại không thấy. Đó là tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng. Tướng Lưỡi của Đức Phật nếu muốn, Ngài có thể liếm lên đến trán, liếm qua hai bên tai. Ngài biết người này tới không phải để nghe Pháp nên đã dùng thần thông cho ông thấy được hai tướng được giấu kín đó để giải mối nghi trong lòng. Sau đó ông Uttara mới về thưa lại với vị thầy của mình và vị thầy đó đến xin đảnh lễ Đức Phật.

Và trong 9 ân của Đức Phật có ân đức A-la-hán, tức là Ứng Cúng, ân đức này gồm có 5 nghĩa và một trong 5 nghĩa đó là **Đức Phật không bao giờ làm điều ác nơi kín đáo**. Còn mình thì trước mọi người trang nghiêm, đỉnh đạc, dễ thương lắm, nhưng khi ở một mình, nói ác thì không phải ác, nhưng mất oai nghi, có người khác thì mình khác, ở một mình thì mình khác.

Có một vị Thiền sư trong quyển "Góp Nhặt Cát Đá" dạy đệ tử của Ngài là: *"Khi con ở một mình thì oai nghi của con cũng giống như đang tiếp một vị khách quý"*. Chứ không phải con đang tiếp khách thì oai nghi,

nụ cười, ánh mắt, thế ngồi, uống nước, bước đi như vậy. Còn khi không có ai thì oai nghi của con lại khác đi. Dù ở một mình hay tiếp khách quý thì oai nghi đều như nhau. Đối với Đức Thế Tôn thì oai nghi của Ngài dù ở nơi kín đáo hay trước số đông Ngài cũng như vậy.

Quý Phật tử nhớ giùm Thầy, Đức Phật còn có danh hiệu là **Như Lai** *(Tathāgata)*. Danh hiệu *Tathāgata* này có 8 ý nghĩa, trong đó có nghĩa là: người làm đúng như vậy, người mà hành động của họ tương hợp với lời nói và lời nói của họ tương hợp với hành động. Đây là một đức tính rất đáng khâm phục, một đức tính rất hiếm thấy nơi con người. Và Đức Phật có danh hiệu là **Như Lai** *(Tathāgata)* - nói như thế nào làm như thế ấy và làm như thế nào nói như thế ấy. Dù Ngài ở một mình hay ở trước hội chúng thì lời nói của Ngài vẫn như vậy, oai nghi cũng như vậy, không hề thay đổi. Chỉ một cái này thôi thì mình học cả đời cũng chưa xong nữa, Chúng ta thì nói cái này làm cái kia, nói cái kia làm cái nọ, mình nhảy dữ lắm! Tại nơi Hương thất, Đức Phật có uống nước, nói, bước đi ra sao thì trước số đông Ngài cũng làm y như vậy. Đó là sở hành của Đức Phật, còn sở hành của mình thì không được gì hết.

Khi nói về sở hành của nữ nhân thì có nhiều điều đa số người nữ là giấu đi, không có hiển lộ. Ở đây Phật thấy biết như vậy nên Ngài nói như vậy. Chúng ta học Phật Pháp thì mình phải có cái gan. Nếu *"không có gan*

rách mép, thì phải chịu vô nồi". Đó là hình ảnh con cá bị mắc câu. Con cá mà nó không chịu nổi cái đau rách mép thì coi như nó bị vô nồi. Hình ảnh đó cho ta học điều gì? Vị Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận có nói:

"Muốn thoát trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm vững giữ lập trường
Nếu chẳng một phen sương thấm lạnh
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương."

Hoa mai mà cống hiến, nở đẹp trong những ngày Tết thì phải trải qua một mùa đông rất là lạnh lẽo. Cũng vậy, trong quá trình mà đại chúng tu học thì mình phải có những giai đoạn lột xác. Nghĩa là phải có những giai đoạn thử thách, phải gặp chướng ngại, phải gặp khó khăn. Có người nói cứ lai rai, không có chuyện gì hết, cứ rề rề, rồi mình nghĩ: *"Tu lai rai Như Lai cũng độ. Tu tà tà Di Đà cũng rước"* là không được. Khi chúng ta tu đúng là phải cần được gặp chướng ngại vì muốn lên lớp hay leo núi thì phải đổ ra công sức chớ, lên lớp hai sẽ có chướng ngại của lớp hai. *"Đạo cao một gang thì ma cao một tầm, đạo cao một tầm ma trong lòng ta"*, tức là lúc nào cũng gặp chướng ngại hết. *"Vô ma khảo bất thành Phật đạo!"*. Nếu ai đó chỉ nghĩ tu để bình an qua ngày, muốn nhẹ nhàng một kiếp người vậy là được rồi. Thì dạ được! Kiếp này thôi đừng nói kiếp sau.

Quý vị muốn tu học có trí tuệ thì phải biết ưu tư cho những kiếp kế tiếp. Nếu có ước muốn trong cuộc

đời thì Thầy ước muốn cái gì? Kiếp sau được lên cõi trời, mà lên cõi trời nào? Cõi trời cũng có nhiều cõi trời lắm. Lên cõi trời thì thứ nhất có bậc Thánh để được gặp các Ngài học tiếp; thứ hai lên đó có những bậc Thánh đã gặp được Đức Phật, các Ngài có thần thông, "năn nỉ" cho con được một lần gặp Đức Phật, dù biết đó là thần thông do các Ngài hiện ra.

Ở cõi người mình thì sắp tới trong một thời gian dài sẽ là thời kỳ Mạt Pháp, không còn Phật Pháp nữa. Nhưng có một số cõi trời hiện là bình minh Giáo Pháp, vẫn còn Phật Pháp, vẫn còn có các bậc Thánh nhân. Mà muốn lên đó không dễ đâu, quý vị phải có Bát Quan Trai giới, giữ giới thanh tịnh thì mới có vé được sanh lên cõi trời Đâu Suất, nơi mà những bậc Thánh nhân rất nhiều trên đó.

Giới Bát quan là sao? Là mình giữ giới và sống như một vị Thánh trong một ngày một đêm. Cho nên nói bình thường chúng ta ăn một ngày 3 buổi. Trong ngày Bát Quan Trai mình chỉ ăn được một buổi trưa thôi.

Có chừng đó thôi là mình thấy trời ơi đất hỡi rồi, mới có 3 giờ chiều mà cái bụng đã kêu rộn lên. Có vị nguyện giữ giới qua 12 giờ đêm, vừa qua 12 giờ đêm là ăn bù lại liền một đĩa thịt gà. Cũng có giữ lời hứa, có uy tín, ráng giữ qua đêm. Đó chỉ mới có cái việc ăn thôi cũng đầy chướng ngại, không phải dễ đâu. Khi mà giữ đúng 8 giới như một vị Thánh: không sát sanh, không

trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu. Đó mới là 5 giới, thêm 3 giới nữa gồm không ăn quá Ngọ, không trang điểm vòng hoa, trang sức, thoa vật thơm, và không nằm ngồi giường cao rộng lớn. Đó là Bát Quan Trai giới.

Đại chúng giữ trọn một ngày một đêm với cái tâm phòng hộ, tàm - quý, chánh niệm, tỉnh thức, phòng hộ 6 căn là được rất nhiều công đức bởi vì chúng ta đang tập sống đời sống của các bậc Thánh nhân mà. Và với những công đức đó mới có vé lên cõi trời. Quý vị phải nắm vững những cái này để biết mà thực tập mới đi lên được chứ. Dĩ nhiên cũng là bố thí thì cứ bố thí, tu tập thì cứ tu tập, nhưng phải có những cái mà mình thường thực tập thì chúng ta phải nằm lòng.

Nếu sở hành của nữ nhân là việc làm không hiển lộ thì sở hành của mình là gì, dù mình đang là nữ nhân? Câu hỏi này khi học giáo lý rồi thì mỗi chúng ta tự có câu trả lời cho chính mình. Quý vị phải làm gì mà không cần e ngại, không giấu kín, không sợ hãi, rụt rè? Chỉ có ánh sáng mặt trời, mặt trăng là soi sáng nơi nơi và với người con Phật dù là nam nhân hay nữ nhân thì ánh sáng "Bát Thánh Đạo" mà Phật đã dạy, chính là sở hành mà mình cần gia công bồi đắp vậy.

8. Năm Khổ Đau Riêng Biệt Của Người Nữ

"1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không có bà con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ nhất, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu điều đó khác biệt với đàn ông.

4) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải mang thai. Đây là sự đau khổ riêng biệt thứ ba, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà phải sanh con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ tư, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

7) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà hầu hạ đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

8) Này các Tỷ-kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông".

(Trích Kinh Tương Ưng, Thiên Sáu Xứ - Tương Ưng Nữ Nhân, Kinh Đặc Thù (Avenika)

Ở đoạn kinh trên, Đức Phật đề cập về sự khổ đau riêng biệt mà chỉ khi làm thân nữ nhân phải gánh chịu:

- Thứ nhất, tuổi trẻ về nhà chồng không có bà con.

- Thứ hai, mỗi tháng đến ngày kinh nguyệt.

- Thứ ba, người nữ mang thai.

- Thứ tư, người nữ sinh con.

- Thứ năm, người nữ thường hầu hạ đàn ông.

Thứ nhất khi tuổi trẻ về nhà chồng không có bà con. Đa phần người nữ lập gia đình có một phần sướng hay khổ là tùy thuộc vào người chồng rất nhiều. Lỡ gặp chồng bài bạc, nhậu nhẹt, vũ phu thì khổ lắm. Nhà thơ Nguyễn Bính có làm bài thơ "Lỡ Bước Sang Ngang", về việc ngày mai chị đi lấy chồng, trong đó có câu:

"Dù em thương chị mười phần,
Nhưng không ngăn nổi một lần chị đi".

Câu thơ nói lên tình cảm của người em rất thương chị, thương đến mười phần, nhưng một lần chị đi, em ngăn cũng không nổi. Tại sao? Vì đây chính là cái

nghiệp của mình sẽ đưa mình đi. Ví dụ, chúng ta thương cha, thương mẹ bằng trời đi nữa, chứ đừng nói chi là mười phần, rồi với nghiệp cha mẹ mình đi, thì ta có chịu đi cùng với cha mẹ mình không? Rồi thì thương vợ, thương chồng, thương con, khi người đó khổ, khi người đó chịu một ác nghiệp nào đó, ta có chịu giùm được không? Dạ không!

Trước ngày đi lấy chồng mà vị nào nghe bài thơ này là hết muốn đi lấy chồng nữa, một bài thơ rất là Phật Pháp!

"Thế là tàn một giấc mơ,
Thế là cả một bài thơ não nùng!
Tuổi son má đỏ môi hồng,
Bước chân về đến nhà chồng là thôi!
Đêm qua mưa gió ngập trời,
Mà trong lòng chị có người đi qua.
Em về nuôi lấy mẹ già,
Đừng trông ngóng chị nữa mà uổng công.
Chị giờ sống cũng bằng không,
Xem như chị đã ngang sông đắm đò".

(Nguyễn Bính)

Đây là câu chuyện có thật do một vị sư đã từng kể lại: Ngày xưa, có người chị sắp đi lấy chồng. Hôm trước khi về nhà chồng, lúc ăn cơm với mẹ thì người mẹ nói: *"Hôm nay con ăn với mẹ một buổi nữa rồi ngày mai con về nhà chồng. Đi lấy chồng xa biết khi nào con*

mới về ăn cơm với mẹ nữa". Nghe thế người con nói: *"Vậy thôi con ở với mẹ luôn, con không đi lấy chồng".* Dù thương mẹ mà nhiều khi quý vị lấy chồng ở xa, cuộc sống mưu sinh, cơm áo gạo tiền, lâu lắm mới gặp cha mẹ được một lần. Thế nên người xưa có câu:

"Má ơi đừng gả con xa
Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu."

Trong cuộc sống thế gian, hầu hết nam nữ lớn lên đều chỉ có một con đường là thành gia lập thất, trai lớn lấy vợ - gái lớn gả chồng. Nếu người nữ mà lấy được người chồng quân tử, đạo đức, trí tuệ thì từ đó cuộc đời đi lên. Học những bài Kinh hôm nay, và đặc biệt là bài Kinh nói về "Năm đau khổ riêng biệt của người nữ", dù là uống thuốc đắng nhưng đó là bức tranh chân thật của cuộc đời người phụ nữ. Để chúng ta biết thương cho thân phận của người nữ, mà ráng hỗ trợ nhau, giúp đỡ nhau, và ráng mà tu tập.

Cái khổ riêng biệt thứ hai của người nữ là mỗi tháng đến ngày kinh nguyệt và khi đó tính tình người nữ cũng dễ thay đổi: sáng nắng, chiều mưa, trưa lâm râm, tối giông bão. Do máu huyết thay đổi nên làm mình dễ cộc tính.

"*Đôi lúc con cũng dễ thương,*
Đôi lúc con cũng ương ương, khùng khùng,
Đôi lúc con cũng từ bi,
Đôi lúc con cũng sân si bất ngờ."

Thứ ba, "mang thai" là nỗi khổ riêng biệt của người nữ, mà người nam không có.

Thứ tư, người nữ "sinh con". Ngày người mẹ sinh con được ông bà xưa kể lại, thì đau đớn như là bị gãy xương sườn vậy. Ngày đó còn được gọi là "Ngày mẫu thân nạn", nên ngày mà mẹ mình gặp nạn, vượt cạn sinh mình ra, sinh tử mà vui vẻ gì mà vui cười, nhậu nhẹt? Cho nên, vào những ngày kỷ niệm chào đời của mỗi chúng ta, cũng có thể mua bánh sinh nhật rồi cùng nhau ngồi chơi gì đó. Học Phật Pháp rồi, vào ngày sinh nhật của mình, như là một cách nhắc nhở mình trả ơn cho cha mẹ, tốt nhất là cố gắng làm phước để hồi hướng cho cha mẹ, hoặc là khuyến khích, hướng dẫn, tạo duyên cho cha mẹ làm phước, hoặc bản thân sống thật tốt để xứng đáng công mẹ sinh ra mình, chúng ta là sự tiếp nối của cha mẹ.

Thứ năm là người nữ thường phải hầu hạ đàn ông. Dĩ nhiên là đa số người nữ, chớ Đức Phật không hề nói là tất cả.

Nhìn lại năm nỗi đau khổ riêng biệt của người nữ mà Phật đã dạy trong bài Kinh này là: về nhà chồng một mình, kinh nguyệt, mang thai, sinh con, hầu hạ người nam. Mà nói đến đây, Thầy chợt nhớ đến đã từng xem trên mạng một clip mà trầm ngâm ưu tư về Phật pháp quá đỗi… Clip đó quay lại cảnh: Có một con nai lớn bị khoảng mười con chó sói rượt đến hồ nước thì nó hết chạy được. Hai cái chân sau của nó ở dưới nước,

còn cái đầu ở trên. Khoảng năm con chó sói cắn cái đầu và cái miệng của con nai rồi kéo nó lên từ từ, mấy con kia cắn phần bụng, cứ cắn xé từ từ, từng miếng thịt ra, rồi moi ruột, moi gan nó ra. Con nai đau đớn, bất lực, rồi chết đi.

Xem đến đây đại chúng thấy ngày nào mình còn luân hồi, lúc nhắm mắt, thật không biết sẽ đi về đâu. Nếu đọa xuống loài bàng sanh thì con mạnh ăn hiếp con yếu, con lớn ăn hiếp con nhỏ, và cuộc sống quanh quẩn trong việc kiếm sống, duy trì nòi giống, và đợi đến ngày chết. Còn kiếp người của mình mà không biết tu thì cũng khổ đủ thứ khổ. Nếu xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì khỏi chê. Cho nên ngày nào còn luân hồi là còn hồi hộp; khổ đau có thể đến bất cứ lúc nào.

Con dòi sanh vào đống phân thì đối với nó đống phân là số một. Con ruồi sanh vào đống rác thì đống rác là số một, là bữa tiệc của nó. Con người sinh ra cũng tùy đẳng cấp, tùy sự hiểu biết. Nhiều người sinh ra cơm ngày ba buổi đủ rồi. Người khác thì ngoài cơm ngày ba buổi ra, đời sống gia đình hạnh phúc, có vợ có chồng, có con ngoan là đủ rồi. Cũng có người có thêm cuộc sống khá giả, căn bản là đủ rồi. Nói chung, mình sinh ra ở đâu, phước mình tới đâu thì mình dính mắc, tham đắm tới đó. Con ruồi chấp vào đống rác, con dòi chấp vào bãi phân, còn con người chấp vào tài sản, sắc đẹp, sức khỏe, của cải, trí thông minh, sự nghiệp của mình. Mỗi người tùy khả năng mà chấp dính vào. Cao

hơn là dính vào cấp cao, thấp thì dính vào cấp thấp. Đắc Sơ thiền dính Sơ thiền, đắc được các tầng thiền dính các tầng thiền.

Vậy nên, lý tưởng cao nhất của đạo Phật là "Lý tưởng của sự buông bỏ" là tinh thần ly dục, buông bỏ cõi Dục giới, buông bỏ cõi Sắc giới, buông bỏ cõi Vô Sắc, các tầng thiền định; cho đến các cõi trời, cảnh giới Chư thiên là cõi lành, là sung sướng hạnh phúc nhưng rồi cũng phải bỏ, bỏ luôn cả phiền não để làm Thánh, đó là lý tưởng "Ly dục" của đạo Phật. Vì thế, khi chúng ta "Quy y Phật - Lưỡng túc tôn; Quy y Pháp - Ly dục tôn; Quy y Tăng - Chúng Trung tôn". Quý vị mà không có phước thì sẽ không biết đắn đo cho kiếp tương lai, sống kiếp này là đủ rồi, có một mái nhà, có sức khỏe, có vợ chồng con cái vậy là ổn, sống không phiền ai là được. Nhưng khi hiểu Phật Pháp thì mình tranh thủ tu cho mình và trợ duyên giúp người. Một trong những cái quý nhất đó là giúp người về Phật Pháp. Chúng ta giúp cho người bữa ăn, một mái ấm, thuốc chữa bệnh là tốt, nhưng giúp cho người hiểu Pháp thì mới giúp cho người đi xa. Khi họ biết Phật Pháp họ mới đi xa, trong kiếp này và cả kiếp sau, họ mới có duyên lành với Phật Pháp để có đường đi lên cao nhất có thể, đó là làm Thánh.

Một người mang thân nữ có thể do duyên nghiệp nào đó, do phiền não, nhưng cũng có thể do nguyện, nguyện làm thân nữ. Nhưng nếu đã là thân nữ thì qua

bài Kinh này, được sự chỉ dạy của Đức Phật, chúng ta biết Phật Pháp rồi cố gắng mà làm điều thiện nhiều nhất có thể! Chỉ có vậy mới mong chuyển được những nghiệp nhân mà mình đang gánh chịu.

9. Vì Sao Người Nữ Không Thành Tựu Tinh Túy Sự Nghiệp?

"...Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, nữ nhân không ngồi giữa trong pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp?

—Phẫn nộ là nữ nhân, này Ānanda. Tật đố là nữ nhân, này Ānanda. Xan tham là nữ nhân, này Ānanda. Ác tuệ là nữ nhân, này Ānanda. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda, nữ nhân không ngồi giữa pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Bốn Pháp - Phẩm Không Hí Luận – Phần Tinh Túy Sự Nghiệp)

Đoạn Kinh này nói về sự thắc mắc đầy từ tâm của Thầy A-Nan, Thầy đã hỏi Đức Phật giúp cho người nữ vấn đề liên quan đến sự nghiệp danh thế ở đời. Có một hôm, khi Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita, Thầy A-Nan thưa với Đức Phật câu hỏi rằng vì sao người nữ khó thành tựu tinh túy trong sự nghiệp? Đức Phật trả lời có bốn lý do, cũng là bốn điểm yếu của

nữ nhân, khiến đa phần phụ nữ khó thành tựu tinh túy sự nghiệp: do sự phẫn nộ; đố kỵ; xan tham; ác tuệ.

• Phẫn nộ: Người nữ đa phần hay giận tức. Người nam mà đã quyết một điều gì rồi thì dù có giận họ vẫn đi tiếp, còn người nữ giận rồi thì cái này lây qua cái kia, bỏ cái tinh túy của mình. Ví dụ như khi quý vị tới một nơi nào đó, nếu ở nơi đó mà bị người nam giận thì nơi đó mình còn có thể tới lui được chứ nếu người nữ mà giận là thua luôn, không dám bén mảng tới luôn. Hoặc ví dụ khi quy y Tam Bảo (nương tựa Phật Pháp Tăng), học Pháp; nhưng nếu người nữ có giận một người kia mà người đó cũng vào đúng ngôi chùa mình đi là mình không vào chùa, bỏ học luôn. Cho nên các cô - những người phụ nữ của nhân loại hãy gắng ghi nhớ là: có giận thì cũng xác định cái gì là chánh kiến, đường hướng, lý tưởng, hoài bão của mình, giận thì giận, buồn thì buồn, khổ đau thì khổ đau, khó khăn thì khó khăn, nhưng phải mạnh mẽ đứng dậy mà đi, chứ đừng vì những thứ lặt vặt xung quanh mà bỏ cái chính của mình thì rất là đáng tiếc.

Đại chúng học phần này rồi thì biết là giận thì giận, nhưng giận xong thì bỏ qua, chứ đừng nên giận mà như *"viết trên đá"*. Hãy giận như *"viết trên nước"* hay tối thiểu cũng cố gắng như *"viết trên cát"* thôi. Nhiều khi mình giận rồi phán "không đội trời chung", chết cũng không bỏ qua. Quý vị cứ tưởng như vậy là hay, nhưng thực ra mình khổ chứ ai. Đừng nên chỉ vì

giận mà ảnh hưởng cả cuộc đời, tinh túy sự nghiệp của mình.

• Đố kỵ: Đây là cái tánh phổ biến của người nữ, nhưng là Phật tử, đã học thì cố gắng đừng để dính vào cái tánh này. Người nữ thường đố kỵ nhau về sắc đẹp; trong khi người nam chỉ cần có tài, có tiền một chút là sống cũng được, nhưng người nữ, dù giàu có bao nhiêu, giỏi giang, thông minh, nhiều bằng cấp cỡ nào mà xấu thì coi như khó sống.

Như những bài Kinh trước Đức Phật đã nói, cái cận hành của người nữ là trang điểm, luôn muốn làm đẹp. Nhưng bây giờ là Phật tử rồi, mình phải có đường thoát của mình. Chúng ta làm đẹp theo nếp sống tinh thần, làm đẹp theo nếp sống tâm linh. Dĩ nhiên, quý vị vẫn chăm chút ngoại hình trong chừng mực, căn bản nào đó, nhưng đừng quá lòe loẹt, suốt ngày trang điểm thì không được. Nếu cứ suốt ngày trang điểm, cứ chăm sóc cho cái thân thì sẽ tiếp tục làm thân nữ nữa.

Ở đây quý Phật tử rút ra bài học gì? Nếu mình thấy người khác đẹp, giàu, giỏi, khỏe, hạnh phúc… hơn mình thì mình tùy hỷ với họ, "chắc hẳn họ có cái phước gì đó." Thay vì đố kỵ, mình học nhân lành của họ: họ đẹp là do họ ít giận, giàu sang là do bố thí vật thực, y phục, làm trang nghiêm, sạch đẹp nơi thờ Phật...; Tại sao mình không có một danh phận nào hết, đi đâu cũng bị xem thường vậy? Đó là do mình có tính đố kỵ.

Nhớ lời Phật dạy, càng đố kỵ càng hạ liệt, thấp kém. Mình muốn ngồi trên cao, muốn đứng hàng đầu mà đố kỵ, đầu hàng sự đố kỵ trong mình, với cái nhân không lành này, mình sẽ càng hạ liệt. Học xong bài này thì nhớ, chị làm được cái gì thì làm, em mừng cho chị. Nhưng giả dụ, mình vẫn còn đố kỵ với người đó thì mình ráng tu pháp tu "tránh né". Đây là một trong "Bảy cách đoạn trừ phiền não" mà Phật đã dạy trong Kinh Trung Bộ, để giúp chúng ta vượt qua những trở ngại bên ngoài lẫn bên trong thân tâm mình.

• Xan tham: Chính là lòng tham, quý vị để cho sự ích kỷ, nhỏ nhen, bỏn xẻn xen vào, làm cho chúng ta không có thành tựu được những thiện pháp khác như trao ra với bàn tay rộng mở, bố thí, cúng dường, tùy hỷ…

• Ác tuệ: Người nam thường vào đạo bằng trí tuệ, bằng sự hiểu biết, người nữ vào đạo bằng niềm tin; mà Đức Phật nói *"Tin ta mà không hiểu ta chẳng khác nào phỉ báng ta".* Tin mà có trí tuệ thì gọi là chánh kiến hay chánh tín. Là người Phật tử, đại chúng "dễ dạy" chứ không "dễ dụ". Dễ dạy là khi mình sai thì tiếp tu ý kiến rồi sửa chữa, chứ không dễ bị dụ, ai nói gì cũng nghe theo. Ai trong chúng ta cũng hay thích "nướng khoai" là "khoái nương" mà nương không đúng chỗ là tiêu luôn, là đời mình khổ lắm luôn.

Người nữ có ác tuệ là vì người nữ mạnh về niềm tin, nhưng tin mà không có trí tuệ đi cùng thì gọi là mê tín, tà kiến, còn nặng hơn nữa gọi là cuồng tín. Phật tử không nên như vậy. Đức Phật có dạy trong Kinh Kālāma là có những điều chớ vội tin dù điều đó do nhiều người nói, mình cứ nương Pháp mà tu tập.

Tóm lại, bốn điều hay bốn khuyết điểm làm cho đa phần người nữ không đạt được tinh túy trong sự nghiệp là phẫn nộ, đố kỵ, xan tham, ác tuệ. Chúng ta tự ngẫm lại xem bản thân có những điều đó không, có thì tự mình tu sửa, hoàn thiện bản thân hơn cho xứng đáng với danh ngôn "Thiện nam Tín nữ".

10. Vì Sao Phần Lớn Nữ Nhân Sau Khi Mất Đọa Vào Khổ Cảnh?

"1. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy phần lớn các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do đầy đủ với bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

2. - Do đầy đủ ba pháp, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

Ở đây, này Anuruddha, nữ nhân vào buổi sáng sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của XAN LẪN (lúc thiếu niên)

Vào buổi trưa sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của TẬT ĐỐ (lúc trung niên)

Vào buổi chiều sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh cấu uế của DỤC THAM (lúc già).

Do đầy đủ với ba pháp này, này Anuruddha các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Ba Pháp - Bài Kinh Anuruddha 1)

Thầy A-nậu-lâu-đà là bậc Đệ nhất Thiên nhãn, Thầy có thể nhìn thấy cả ngàn thế giới, cả ngàn vũ trụ như lòng bàn tay. Nhìn vào lòng bàn tay mình thấy chỉ tay của mình rõ ràng như thế nào thì Thầy nhìn cả ngàn thế giới cũng rõ như vậy. Và với đệ nhất thiên nhãn của mình, Thầy nhìn thấy phần lớn nữ nhân sau khi mất đọa vào cõi xấu nhiều hơn. Học đến đây đã đủ thấy sợ, nếu chúng ta không có đủ thiện nghiệp để đi lên thì điểm gốc địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chắc chắn sẽ hút mình về. Nhờ học giáo lý để chúng ta biết được mình phải tu làm sao cho mình không nằm trong phần lớn đó. Đại chúng quy y, giữ giới với năm giới hoặc tám giới, bố thí, cúng dường, hành thiền v.v… do những phước lành phát sinh sẽ giúp mình sanh Thiên. Lên cõi Trời, mình

sẽ được gặp nhiều vị Thánh, được chỉ dạy mà tu tập tiếp, hoặc xin các Ngài cho thấy hình ảnh của Đức Phật vì các Ngài đã từng thấy Phật.

Bài kinh này, Ngài A-nậu-lâu-đà hỏi Đức Phật: *"Bạch Đức Thế Tôn, con thấy phần lớn nữ nhân sau khi mất đọa vào cảnh khổ nhiều hơn. Bạch Đức Thế Tôn vì sao vậy? Do nhân gì, duyên gì mà phần lớn nữ nhân sau khi mất lại đọa cảnh khổ như vậy?"*

Đức Phật dạy 3 điều như sau:

+ *Nữ nhân tâm bị ám ảnh bởi xan lẫn.*

+ *Nữ nhân tâm bị ám ảnh bởi tật đố (đố kỵ).*

+ *Nữ nhân tâm bị ám ảnh bởi dục tham.*

Ở đời có những điều, có những cái muốn mà muốn hoài mình vẫn chưa thấy đủ đúng không? Nhưng, "*Muốn đủ liền đủ, đợi đủ tới bao giờ mới đủ? Muốn an thì liền an, chứ đợi an đến bao giờ an?*

Cũng trong Kinh Tăng Chi, có một bài Kinh ghi lại về vị cư sĩ Hatthaka dùng Tứ Nhiếp Pháp để thu phục lòng người. Có một lần vị này đến thăm Phật trong một khu rừng vào mùa đông; vị này thấy Đức Phật ngồi trên chiếc giường đơn sơ, lấy lá cây làm nệm và chỉ mặc một tấm y mỏng. Ông xót xa cùng với lòng kính phục Thế Tôn vô bờ. Thấy ông vậy nên Phật dạy rằng: "*Khi mình chưa biết đủ thì thành Chư thiên rồi cũng không đủ. Khi mình biết đủ thì mình sẽ hài lòng*

với những gì mình có”. Người Phật tử cũng vậy. Quý vị đã cố gắng làm giàu trong chánh mạng rồi mà không được thì nên hài lòng với những gì mình đang có. Tất nhiên là vẫn phải lo làm ăn, miễn là trong thiện pháp, chứ không phải nói vậy rồi buông xuôi hay có tâm đố kỵ với thành công của người khác. Như câu trả lời của Đức Phật dạy cho Thầy A-Nan trong bài kinh số 9 ở trên: cái nhân thứ hai Phật nói trong bài Kinh này là tật đố.

Đã là người biết tu học thì phải có cái gan dám nhận lỗi của mình. Như con cá bị mắc câu “nếu không chịu nổi nỗi đau rách mép thì phải chịu vô nồi!”. Chúng ta có thể quỳ trước Đức Phật hoặc thưa với vị Thầy mình tin tưởng chứng minh cho *mình. Ví dụ: “Con có lỗi này…, Hôm nay con thấy bạn con đi ngang, bạn con dễ thương hơn con, con nổi tâm đố kỵ, khó chịu. Chính cái khó chịu đó sẽ khiến con trở nên hạ liệt. Nay con thấy lỗi của con. Con xin sám hối. Xin Phật chứng minh cho con. Con nguyện con không đố kỵ nữa.”*

Nếu hôm sau quý vị lại đố kỵ với cái khác thì lại sám hối liền. Với sức mạnh tâm linh và sự nhắc đi nhắc lại, tập tới tập lui, dần dần chúng ta sẽ ý thức được khi mình chuẩn bị có tâm đố kỵ thì dừng lại, chứ không phải chỉ một lần sám hối là mình bỏ được tật đố kỵ. Quý vị phải luôn tự nhắc mình: họ hơn mình là nhờ phước duyên của họ, họ có trí tuệ, siêng năng, tinh

tấn…là phước phần mà họ đã tạo nhân thiện lành từ trước.

Kế tiếp, Đức Phật nói người phụ nữ hay xan lận, ích kỷ. Có nhiều loại ích kỷ: không muốn chia sẻ về tài sản, chỗ ở, hiểu biết, tình cảm, v.v… Trong những cái ích kỷ, người nữ ích kỷ nhất về chuyện chia sẻ tình cảm vì dục phái tính là nặng nhất trong luân hồi. Cho nên trong vòng sanh tử khủng khiếp này, giờ quý vị được làm người, có trí tuệ, biết phân biệt thiện ác, mình nên lấy thân người, thân tứ đại này làm phương tiện giác ngộ để tạo thêm các công đức như trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

"Như từ một đống hoa
Những tràng hoa được kết.
Cũng vậy thân sanh tử
Làm được nhiều thiện sự"

(Phẩm Hoa, kệ số 53)

Sau khi chúng ta học được những bài Kinh này, hãy tự mình tập sống với bàn tay mở rộng, trái tim hào sảng, rộng rãi, có trí tuệ. Ông bà ta có câu: *"Sống sởi lởi, trời cởi ra cho. Sống so đo, trời co ro lại".* Thật ra không có ông trời nào co lại cả, mà ý câu này là chúng ta sống phải rộng rãi chút, hào sảng chút, làm gì được thì làm, tự nhiên khi có phước thì mình làm gì cũng được thoải mái; còn sống so đo thì phước mỏng, mình sẽ thiếu thốn, khó khăn đủ thứ.

Cuộc đời này công bằng lắm. Giờ quý vị chưa làm lớn được thì mình làm việc nhỏ, chưa làm được việc vĩ đại thì mình làm những việc nhỏ với cái tâm vĩ đại. Trong tích truyện Pháp Cú có ghi lại nhiều câu chuyện như: Vị Bà-la-môn nghèo cúng dường cái áo duy nhất trên người dâng Phật, người phụ nữ cúng bát canh thịt đùi, và một người cúng Phật 8 bó hoa, … Những vật phẩm đó có phải là đại thí không? Dù vật phẩm họ cúng so với mình không đáng là gì nhưng lớn ở đây là vì họ dám liều mạng sống mà cúng dường, là cái tâm quá tuyệt vời, quá cao thượng.

Do vậy, đại chúng phải mạnh mẽ lên, phải nhắc mình không nên đố kỵ nữa, không tham dục nữa. Ai cũng còn tham nhưng tham trong chừng mực nào đó, đừng tham quá thành bất thiện, đừng ích kỷ mà hãy sống với tâm rộng rãi, hào sảng. Chúng ta học thì phải biết cái đường thoát cho mình, chứ số đông sao thì con cũng y vậy, thì học giáo lý để làm gì? Học phải biết tìm đường thoát, nhất là biết thương và đừng tính toán với người nghèo, không cho thêm được thì đừng có ép, không bố thí nhiều được thì để dành năm bảy đồng thỉnh thoảng cho người ta.

11. Bài Kinh Rắn Đen số 1

"229. Rắn Đen (1)

1. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm?

2. Không thanh thịnh, hôi thúi, sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm?

4. Không thanh thịnh, hôi thúi, sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp – Phẩm Du Hành Dài, Kinh Rắn đen 1)

Trong bài Kinh này, Đức Phật dạy về "*Năm nguy hại trong con rắn đen"* gồm:

+ Không thanh tịnh.

+ Hôi thúi.

+ Sợ hãi, rụt rè.

+ Đáng sợ hãi.

+ Làm hại bạn.

Cũng vậy, có *"Năm nguy hại trong nữ nhân"*:

+ Không thanh tịnh.

+ Hôi thúi.

+ Sợ hãi, rụt rè.

+ Đáng sợ hãi.

+ Hại bạn.

Phần "Hôi thúi" thì không riêng nữ mà cả nam cũng vậy. Khi chúng ta thấy con cóc chết, con chuột chết mấy ngày thì rất hôi thúi, và xác người còn hôi thúi hơn nữa. Dù quý vị có thương mấy đi nữa, và chẳng đợi đến mấy ngày, người thân chết đi một lúc sau là mình đã thấy sợ, không dám gần.

Có câu chuyện thời Đức Phật về một vị trưởng giả giàu có; con của ông muốn đi tu, cha mẹ cản không được, nên cho anh đi xuất gia theo Phật nhưng cứ tìm cách bắt anh về. Họ cho một cô gái rất xinh đẹp cứ đến quanh quẩn bên anh. Anh này thì lúc đầu rất ham tu nhưng cô gái cứ cận kề như vậy mãi, anh mềm lòng, định bỏ tu. Đức Phật biết nên Ngài kể với anh rằng: trong một kiếp quá khứ, anh này tới nhà một người chủ để học nghề. Khi học nghề xong, ông chủ gả con gái cho anh. Trên đường đưa vợ về thăm quê, họ gặp một đám cướp. Người chồng rất giỏi võ, đánh thắng hết đàn em. Cuối cùng chỉ còn lại tên đại ca. Hai bên ngang tài ngang sức. Trong thế trận khi hai người vào một thế khóa cân bằng, lúc này ai có vũ khí sẽ lợi thế hơn.

Người chồng mới nói với vợ là đưa cho anh cây kiếm hay con dao. Trong giờ phút sinh tử đó, người vợ đến đưa vũ khí cho chồng. Nhưng khi cô vợ nhìn tên cướp, tự nhiên thương tên cướp đó liền. Vì vậy thay vì đưa vũ khí cho chồng, cô lại đưa cho tên cướp để giết chồng mình. Thật là phũ phàng! Cô vợ trong kiếp đó là cô gái mà cha mẹ anh sai đến dụ anh bỏ tu.

Đức Phật nói với anh: "*Con nghĩ sao, đời này con được làm thân người, sáu căn đầy đủ, được gặp Phật Pháp, gặp thầy lành bạn tốt, làm người tam nhân, đầy đủ Ba-la-mật để đắc đạo, chẳng lẽ con vì một người đã từng giết con trong quá khứ mà con bỏ đi bao nhiêu cái duyên lành này sao?*".

Qua câu chuyện này để thấy rằng kiếp người ngắn ngủi mong manh, tắt thở rồi thì là một xác thối ai cũng không dám để lâu hay đến gần.

Đức Phật dùng ví dụ về con rắn đen hôi thối đó, để chỉ rõ cho nữ nhân thấy được bộ mặt thật của kiếp sống, để mình bớt ái luyến, bớt chăm sóc chưng diện không cần thiết cho túi da hôi bẩn này.

12. Bài Kinh Rắn Đen số 2

"(230) Rắn Đen (2)

1. *- Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm?*

2. Phẫn nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm?

4. Phẫn nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nọc độc của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn hay tham đắm. Ở đây, này các Tỷ-kheo, lưỡi chia hai của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn nói hai lưỡi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nữ nhân làm hại bạn như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn ngoại tình!

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp – Phẩm Du Hành Dài, Kinh Rắn Đen 2)

Trong bài Kinh này, Đức Thế Tôn lại nói về 5 nguy hại khác trong con rắn đen là: *"Phẫn nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn"*. Sau đó, Ngài nói trong người nữ cũng có 5 nguy hại như vậy.

• Phẫn nộ: những bài Kinh trên mình đã tìm hiểu qua.

• Hiềm hận: người nữ mà hận ai rồi thì sao? Mình có thể tự trả lời điều này. Vậy nên, nếu có giận ai thì nên giận như cát, chẳng bao lâu sau gió thổi, sóng biển xóa nhòa đi hết, hôm nay giận, mai bỏ. Khi quý vị giận ai đó, tối đến ngủ không ngon. Hôm sau mệt người thì mới chợt nhớ ra: sao mình dại vậy, người ta thì ngon giấc còn mình ôm cục giận, hại sức khỏe, ngủ không được, ăn không ngon, ăn như nuốt thuốc độc. Tự hỏi lòng như vậy có đáng không?

"Ngủ đi em, ngoài kia trời rất lạnh.
Mười ngón tay không ôm nổi muộn phiền.
Đêm hoài niệm với những gì đã cũ,
Em mệt rồi, em đáng được bình yên;

Ngủ đi em, đừng lo chuyện ngày mai,
Ai của ai, chẳng còn quan trọng nữa.
Tình yêu, suy cho cùng, cũng là một câu hứa,
Nên lắm người quên, em nhớ để làm gì?".

Đọc những vần thơ đó, có thấy mình thường dại vậy không? Khổ cỡ này còn chưa đủ sao, ôm thêm hiềm hận làm gì?

• Kế tiếp là có nọc độc: ở đây muốn nói về việc Nữ nhân phần lớn thường tham đắm. Đức Phật ví sự tham đắm như nọc độc, để nhấn mạnh cho chúng ta

rằng "đời là biển khổ", cái mà khiến con lao theo, dính chặt, và mong muốn nắm lấy đó chỉ như là giọt mật bé nhỏ, chứa đựng trên lưỡi dao sắt bén mà thôi. Vừa tham chấp ôm lấy thì liền trở thành nọc độc mà đốt cháy tâm can của con.

- Lưỡi chia hai: Nữ nhân phần lớn nói hai lưỡi. Với ý nghĩa "Như Lai" của Đức Phật là gì? Là nói sao làm vậy, làm sao nói vậy. Còn mình tự nhận là đệ tử của Ngài mà ở đây nói khác, ở kia nói khác, nói không đúng sự thật, nói bóng nói gió, nói "đâm bị thóc nói thọc bị gạo". Chi vậy?

"*Lời nói không là dao*
Mà cắt lòng đau nhói.
Lời nói nói không là khói
Mà mắt lại cay cay.

Lời nói không là mây
Mà đưa ta xa mãi.
Sao không ngồi nghĩ lại
Nói với nhau nhẹ nhàng".

Từ nay trở đi, đại chúng ráng tập sửa, tu cái khẩu của mình, đừng nói những lời ác độc, trù ếm, hai lưỡi. Nó làm cho chúng ta xấu trước, mình hại người ta là mình khổ trước. Trong vòng luân hồi, 'tội lỗi một thì đổi một triệu'. Tùy ác nghiệp, mình hại người ta 5 phút, mình trả năm kiếp, có khi trả 500 kiếp.

Người xưa có nói: *"Thiện ý một câu ấm ba đông, lời ác lạnh người sáu tháng ròng"*. Quý vị nói lời lành, người nghe ấm ba mùa đông, còn lời ác một câu mà làm người ta buồn khổ sáu tháng, thậm chí sáu năm luôn, hay chia tay nhau từ đây luôn. Nhưng sau khi học Phật Pháp, phải cố gắng tránh, mình phải có đường thoát ra, nhất định không nói hai lưỡi, không nói xấu sau lưng vì nói như vậy là chúng ta tự làm cho mình xấu đi, tạo ác nghiệp, mất đi cái đẹp, trở nên hạ liệt, và thực sự mình có vui không?

Ông bà xưa nói: *"Nhàn cư vi bất thiện"*. Theo ngôn ngữ bây giờ là *"rảnh rỗi sinh nông nổi"*. Khi người ta rảnh rỗi, khi không gì để làm, không có gì để nói thì dễ làm điều bất thiện, dễ nói những điều bất thiện và cũng dễ suy nghĩ về điều bất thiện hơn. Một khi mà có 3, 4 người ngồi tán gẫu với nhau, dù lúc đầu là không nói xấu ai, nhưng trước sau rồi cũng nói điều bất thiện. Cho nên quý vị có học Phật Pháp rồi, mình phải có cái gan, quyết tâm đứng lên, nhất quyết không ngồi nói những điều vô ích. Mình từ chối khéo vài lần, thì người ta khỏi rủ rê nữa.

Hiện mọi người đang khỏe, còn phước thì làm gì, nói gì, nghĩ gì cũng phải có trí tuệ, biết phân biệt thiện ác, đừng làm những điều bất thiện, đừng nói những điều vô bổ. Khi ngồi lại với nhau thì một là bàn luận Đạo Pháp, hai là giữ yên lặng của bậc Thánh để hành thiền. Học Phật Pháp rồi thì đại chúng biết những gì

thiện lành nên làm khi ở một mình, khi có mặt người khác, khi gặp bạn, khi trong công ty, trước khi ngủ, sau khi ngủ dậy,… thì phải biết áp dụng để lúc nào cũng làm những điều có ích.

• Làm hại bạn: Đức Phật nói mối nguy hại thứ năm là **phần lớn** người nữ ngoại tình, đây cũng là cái nghiệp của nữ nhân. Quý Phật tử phải hiểu ngoại tình có nhiều cấp độ, nặng là ra hành động hay nhẹ là chỉ trong ý thức. Ở đây không phải Ngài nói xấu ai nhưng với nghiệp làm thân nữ nhân thì chúng ta dễ dính líu đến vấn đề tình cảm hơn là lý trí. Đó là quy luật sinh tồn bản năng, song cốt yếu lời Phật chỉ dạy để cho chúng ta thấy đó mà khắc chế và tự điều phục mình chuyển nghiệp để có được hướng đi, chốn về thiện lành trong tương lai.

13. Hai Điều Chưa Được Thỏa Mãn Khi Lâm Chung Của Nữ Nhân

"Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ."

(Trích Kinh Tăng Chi, Chương Hai Pháp, Phẩm Người)

Nghĩa là trong tâm lý người nữ khi lâm chung vẫn còn hai cái ham muốn là sự giao cấu và sinh con.

Đức Phật nói như vậy là do Ngài thấy trong chiều sâu, cái nghiệp trọng của chúng sanh, với thiên chức làm mẹ của người nữ nó tạo ra như vậy.

Đọc vào những lời Kinh này để mình bừng tỉnh và sáng mắt ra, rằng thì ngày nào còn mang thân phận nữ lưu thì biết được tiền nghiệp quá khứ của mình như lời Phật đã nói, mà siêng tu siêng học gấp bội phần, hơn cả nam nhi để mà thoát ra cái nghiệp tập căn cội "tham ái" sâu nặng của bản thân.

14. Sức Mạnh Của Nữ Sắc

"Tôi nghe như vầy:

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, rừng Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như ***sắc người đàn bà****. Này các Tỷ-kheo, sắc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn.*

- Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như

tiếng người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, tiếng người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. Ta không thấy một hương... một vị... một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như hương... vị... xúc người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, xúc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

- Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như sắc người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, sắc người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

- Ta không thấy một tiếng... một hương... một vị... một xúc nào khác. Này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà, như tiếng... hương... vị... xúc người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, xúc người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà".

(Kinh Tăng Chi - Chương I Pháp - Phẩm Sắc – Phần Nữ Sắc)

Trên đời này không có sức mạnh nào mạnh bằng cái sắc! Với người nam thì không có sức mạnh nào thu hút bằng cái sắc của người nữ và với người nữ cũng không gì thu hút được bằng cái sắc của người nam. Đức Phật nói như vậy là vì sao? Là vì mình đang sống trong cõi Dục. Có năm dục gồm: sắc, thanh, hương, vị, xúc; và mình khó mà không dính vào những cái dục này, không nhiều thì ít thôi. Trong đó nặng nhất là dục phái tính. Ở đoạn Kinh trên, Phật đã xác nhận sự thật nơi cõi

trần này thì **không hề có một trần cảnh nào mà cuốn hút đàn ông cho bằng trần cảnh liên hệ đến phụ nữ**. Từ hình dáng, âm thanh, mùi hương và sự xúc chạm nữ nhân là điều căn cội khó thể nào gỡ bỏ của nam nhân cõi dục và ngược lại.

Chính từ nơi dục phái tính này là sợi dây gắn kết để chúng sanh gầy dựng, vun bồi cho vô vàn cái tham muốn khác. Nhìn vào cuộc sống thế gian thì ai ai trong chúng ta cũng có thể thấy ra điều đó. Một bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ,… với danh lợi sự nghiệp cao vời thì cũng là để kiếm tiền, phục vụ nuôi sống cho vợ con gia đình đó thôi. Phía sau nam nhân nào mà không có bóng hồng? Nếu không vợ không con, không gia đình thì sự nghiệp đồ sộ kia gầy dựng cho ai? Vậy nên, bài Kinh này là Đức Phật chỉ thẳng vào cội gốc trầm luân khổ đau của phàm tình chúng sanh mà nói vậy.

15. Năm Sự Kiện Không Thể Có Được Ở Nữ Nhân

"Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Người đàn ông có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này có xảy ra.

Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này

các Tỷ-kheo: Một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra.

Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế Thích (Sakka)... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, một người đàn ông có thể là Vị Đế Thích... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này có xảy ra."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương I Pháp – Phẩm Không Thể Có Được)

Trong bài Kinh này Đức Phật nói, người nữ có những trường hợp họ không thể làm được, cụ thể là có 5 trường hợp nữ nhân không thể làm được:

- Sự kiện đầu tiên đó là việc nữ nhân không thể thành tựu Phật quả chính ngay kiếp sống hiện tại đang là thân nữ. Bắt đầu chúng ta sẽ thắc mắc mà đặt câu hỏi rồi đó, ủa sao Đức Phật nói là Ngài không có phân biệt nam nữ mà sao giờ nữ không làm Phật, đúng không? Từ từ hạ hồi phân tích. Đó là sự kiện thứ nhất.
- Sự kiện thứ hai không có xảy ra, đó là làm Vua Chuyển Luân, không có Vua Chuyển Luân nào là nữ.
- Trường hợp thứ ba đó là người nữ không thể làm Vua Trời Đế Thích. Chúng ta lâu nay hay nghe Vua Trời Đế Thích, đây là vị Thiên cai quản cõi trời thứ 33, Ngài cũng là nam chứ không thể là nữ.

• Thứ tư, không có người nữ là ác ma, là thiên ma. Tuy nhiên Ma Vương có con gái, chứ còn Ma Vương phải là nam.

• Thứ năm là Phạm Thiên

Với sự kiện không thể xảy ra đầu tiên của người nữ là thành tựu Phật quả. Như chúng ta đã biết, gọi là một vị Phật Chánh Đẳng Giác, là vị không thầy tự ngộ và ngộ ra rồi, tìm ra được con đường thì vị đó được gọi là vị Phật Chánh Đẳng Giác hay A-la-hán Chánh Đẳng Giác, còn các vị Thánh đệ tử của Ngài, nghe Pháp nơi Đức Phật mà ngộ hay một vị Thánh mà ngộ đắc A-la-hán thì gọi là A-la-hán thôi chứ không được gọi là Chánh Đẳng Giác.

Ngoài ra mình hay xưng tôn là Phật Độc Giác nữa, Phật Độc Giác là một vị không thầy tự ngộ nhưng mà ngộ rồi không có dạy lại được con đường mà mình đã chứng đắc, trên không có thầy - dưới không có trò, chỉ có bạn thôi, và Phật Độc Giác chỉ thành Phật Độc Giác được trong thời kỳ không còn Giáo Pháp, mình gọi là thời kỳ Mạt Pháp, Giáo Pháp hoàn toàn biến mất, thì những vị đó mà thành đạo trong thời đó thì gọi là Phật Độc Giác.

Vậy với Đức Phật Chánh Đẳng Giác như Đức Phật Thích Ca *(Gotama Buddha)*, kiếp tương lai có Đức Phật Di Lặc *(Metteyya)*, trước đó là Phật Nhiên Đăng (Dipankāra), Phật Ca Diếp (Kassapa)…, thì các

vị đó được gọi là Phật Chánh Đẳng Giác. Đức Phật Chánh Đẳng Giác hay Phật Độc Giác cũng đều thành đạo trong kiếp là thân nam.

Rồi đến vị Vua Chuyển Luân, ví dụ vua thì cũng có rất nhiều vị vua, mà Vua Chuyển Luân là vị Vua cai trị bằng đạo đức; Ông lấy đạo đức để cai trị và vị Vua đó có bảy báu gồm: xe báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, tướng quân báu, cư sĩ báu, binh báu. Ngài là một vị ảnh hưởng rất là lớn trong cõi nhân loại này, nhưng vào thời Đức Phật Thích Ca thì không có Chuyển Luân Vương.

Sử Kinh ghi lại câu chuyện, vị Tỳ-kheo Bhaddajji sau khi tu hành đắc đạo, thành Thánh rồi, là bậc A-la-hán lục thông. Sau khi thỉnh Đức Phật Thích Ca về vùng quê của Thầy hoằng Pháp xong, khi mà đi lên chiếc thuyền, vị đó mới lấy ngón tay xuống móc lên một cái lâu đài, và cái lâu đài đó tiền kiếp chính là cái lâu đài của Chuyển Luân Vương sau này sẽ tự nhiên hiện lên vào thời Phật Di Lặc ra đời. Thầy Bhaddajji vào thời Phật Thích Ca đã chứng đắc Thánh quả rồi. Còn người con trai (tiền kiếp là hai cha con cúng dường cốc cho Phật Độc Giác, người cha là tiền thân của Thầy Bhaddajji) thì đến thời Đức Phật Di Lặc ra đời, sẽ làm Vua Chuyển Luân Vương. Cái lâu đài đó chỉ xuất hiện vào thời Chánh Pháp của Đức Phật Di Lặc. Sau đó thì Vua Chuyển Luân cũng đi xuất gia.

Cũng như Đức Phật Thích Ca, khi Ngài đản sanh thì có bốn hầm châu báu cùng đản sanh, cây Bồ-đề đản sanh, có ngựa Kiền-trắc đản sanh, … nghĩa là có những trường hợp là cái phước của vị đó mà xuất hiện những điều hy hữu ấy. Cho nên trong đời mình không có nói được, như bản thân mình, nói vui vui trong vòng luân hồi là mình cù bất cù bơ, phước của mình như trái nho, còn những vị phước lớn như Trái đất thì khi vị đó xuất hiện sẽ có những cái xuất hiện để phục vụ cho cái nhu cầu của vị đó. Còn với phước của chúng ta thì sao? Quý vị nói được mấy người nghe? 5 - 10 người nghe, phước một chút thì 100 người nghe, vài trăm người nghe. Nhưng mà đến hôm nay có những người họ nói một câu thôi, Trái đất này, thế giới này chấn động, có không? Có những người hôm nay họ nói vài câu, ký vài cái sắc lệnh, văn bản thôi là biết bao nhiêu người bị ảnh hưởng rồi. Đó là tùy vào cái phước của vị đó, vị trí của vị đó. Có khi cả đời của mình chưa được ăn một bữa cơm no ấm đầy đủ, hoặc được một ngôi nhà căn bản, nhưng có những người một đêm ngủ khách sạn của họ có thể bằng mình làm một đời, là tùy vào phước cũ họ đã tạo xây. Cho nên Chuyển Luân Thánh Vương là một vị vua cai trị bằng đạo đức và rất có phước. Và vị vua này cũng là thân nam.

Rồi thứ ba là vua Trời Đế Thích *(Sakka)* ở cung trời thứ 33, cõi trời Tam thập tam thiên tức là cõi Đao-Lợi, trong sáu cõi trời Dục giới. Vua trời Đế Thích này là vị chứng Sơ quả đã được nhắc đến trong Kinh

Trường Bộ, Kinh Đế Thích Sở Vấn. Vị này uy y với Đức Phật và cũng là Thiên nam.

Và sau nữa là Ác ma (Ma Vương – Māra), ác ma cũng là ở cõi trời Dục giới, cõi trời thứ sáu, còn Vua Trời Đế Thích là ở cõi thứ hai, cõi Đao-Lợi; thì vị này cũng là hình tướng nam chứ không có nữ.

Thứ năm đó là Phạm Thiên, các vị Phạm Thiên sắc giới, tức là có hình sắc của Phạm Thiên cũng là hình sắc nam.

Vậy thì ở đây, vấn đề không phải là phân biệt nam nữ, mà đó là quy luật. Riêng ở cái chỗ mà thành Phật, tại sao không có người nữ thành Phật, mình nói rộng ra luôn là các nhân vật như Ác Ma, Đế Thích, Chuyển Luân Vương, Phạm Thiên, thì các vị đó trong quá trình tu đều là Bi - Trí - Dũng rất là lớn, cho nên với thân nữ thì những điều này rất là khó, nó ngược lại với thân nữ.

Ở các bài Kinh trước đại chúng đã được học về những khuynh hướng thường có ở người nữ đó là bỏn sẻn, ích kỷ, nhỏ nhen, đố kỵ, phẫn nộ…, với những nghiệp chướng đó thì người nữ không thể là một trong năm nhân vật mà Đức Phật đã đề cập trong bài Kinh này. Những vị đó là phước đức ngút ngàn, nhân cách vĩ đại, rộng lớn, Bi - Trí - Dũng rộng lớn, bao la thì những cái đó có ngược với tánh nữ không? Giả dụ nếu người nữ ngay ở kiếp này mà tạo đủ đầy phước báu để làm Chuyển Luân Vương thì kiếp sau sẽ từ thân nữ

chuyển qua thân nam và là vị Chuyển Luân Thánh Vương có đủ 7 báu. Nghĩa là phải khi quý vị chuyển qua thân nam rồi mới làm, chứ thân nữ không có làm được.

Lý do thứ nhất không phải phân biệt mà đó là quy luật, tại vì những vị đó là phước đức ngút ngàn, nhân cách vĩ đại rộng lớn, bao trùm; trong khi những cái này nó ngược với tính cách của người nữ. Thứ 2, tại sao không có nữ thành Phật? Nó thuộc về vật lý, đó là trong 32 tướng tốt của Đức Phật thì có một tướng đó là tướng mã âm tàng, và tướng này tuyệt nhiên người nữ không thể nào có được.

16. Giàu – Nghèo; Đẹp – Xấu; Sang – Hèn Của Nữ Nhân

"1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi hoàng hậu Mallikā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, hoàng hậu Mallikā bạch Thế Tôn:

- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, ***dung sắc xấu****, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt,* ***nghèo khổ****, tài sản ít, sở hữu ít,* ***ảnh hưởng uy tín ít****?*

*- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, dáng hạ liệt, **nhưng giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**?*

*- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc đẹp**, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít**?*

*- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc đẹp**, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, **giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**?*

*2.- Ở đây, này Mallikā, có hạng nữ nhân **phẫn nộ**, não hại nhiều, tuy bị ít nói, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này **không bố thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; **tánh tình keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, thì **ganh tỵ**, tức tối, trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tại đấy, tái sanh hạ liệt, **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít.***

*3. Ở đây, này Mallikā, có nữ nhân **phẫn nộ**, não hại nhiều, tuy bị ít nói, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này **bố thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình **không keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, thì **không ganh tỵ**, tức tối, trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tại đấy, tái sanh , **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhưng **giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn.***

*4. Ở đây, này Mallikā, có nữ nhân **không phẫn nộ**, não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi nóng, không có nổi giận, không nổi sân, không sừng sộ, không gây hấn, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không bất mãn. Người này **không bố thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình **keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, thì **ganh tỵ**, tức tối, trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh **dung sắc đẹp**, sắc đẹp tốt, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, nhưng **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít.***

5. Ở đây, này Mallikā, có hạng nữ nhân ***không phẫn nộ****, não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi nóng, không có nổi giận, không nổi sân, không sừng sộ, không gây hấn, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không bất mãn. Người này* ***bố thí*** *cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình* ***không keo kiệt****; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường,* ***không ganh tỵ****, tức tối, trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh* ***dung sắc đẹp****, sắc đẹp tốt, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng,* ***giàu sang****, tài sản lớn, sở hữu lớn,* ***uy tín ảnh hưởng lớn****."*

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương IV Pháp - Phần Đại phẩm - Kinh Mallika)

Bài Kinh này nói về sự giàu nghèo, đẹp xấu, sang hèn của nữ nhân.

Tại sao có nữ nhân nghèo, nữ nhân giàu có, lại có người đẹp, người xấu. Quý vị mà vừa giàu vừa đẹp vừa sang nữa thì phước lắm, nhưng có những người nữ giàu nhưng không có đẹp; có những người nữ đẹp nhưng không có giàu; có những người nữ đẹp không có giàu nhưng được uy tín sang trọng cao sang. Vậy là có những cái phước gì đó ở phía sau.

Và ở đây Đức Phật dạy cho Hoàng hâu Mạt-Lợi *(Mallikā)*. Cô chính là cô gái có một lần đang đi chơi trong rừng với người cùng làng, cô cúng cho Đức Phật những bát cháo, cúng xong Phật cười; Ngài A Nan hỏi vì sao Phật cười, Đức Phật nói chiều nay Mạt-Lợi làm hoàng hậu. Trong chiều hôm đó, Vua Ba-Tư-Nặc *(Pasenadi)* sau khi đánh trận về gặp được Mạt-Lợi nên thương nàng và đem nàng vào cung, phong làm hoàng hậu ngay trong ngày hôm đó. Ở đoạn Kinh này, Mạt-Lợi đã hỏi Đức Phật do nhân duyên gì mà có một số nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít. Đại chúng để ý thấy ngoài đời có những trường hợp đó không? Vừa xấu, vừa hèn, rồi vừa nghèo và không có uy tín nữa. Rồi sau đó, Mạt-Lợi mới hỏi tiếp, do duyên gì có một số nữ nhân dung sắc xấu, dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, có tài sản sở hữu lớn, có sự ảnh hưởng lớn; Lại có người nữ rất là đẹp mà lại nghèo khổ và ảnh hưởng uy tín ít? Song cũng có người đẹp toàn diện mà uy tín ảnh hưởng cũng rất lớn lao.

Cho nên khi chúng ta nghe bài Kinh này rồi thì: *"Con nhìn vào trong Kinh, rồi nhìn lại chính mình. Con thấy bao lầm lỗi của nhiều kiếp vô minh"*. Học xong thì mình biết tại sao hôm nay mình nghèo, mình xấu, sao nay mình không có uy tín, nghe bài này là biết hết để không có than trời trách đất: *"Trời ơi tại sao con khổ thế này?"*. Tại vì sao? À là do nghiệp bất thiện nó

trổ chứ không có ông trời nào hết nên khỏi réo khỏi than.

Điểm cần lưu tâm ở đây chính là câu trả lời của Đức Phật: "Ở đây này Mallikā, có hạng nữ nhân phẫn nộ, não hại nhiều, tuy bị ít nói liền nổi giận, đụng chuyện một chút liền nổi giận, nổi nóng, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn…". Thì ở đây, trường hợp xấu, dung sắc không xinh đẹp là do có cái nhân "phẫn nộ" mà ra. Vậy quý vị biết sao mình xấu chưa? Do đụng chuyện là giận, đụng chuyện là quạu. "Con dạo này còn hay giận không con?" – "Dạ, dạo này con ít giận lắm, trừ những lúc con giận thôi!". Nghe câu đầu thấy dễ thương ghê, thấy cũng được, nghe câu sau thấy trớt quớt, cũng như không. Vậy để có quả đẹp là do nhân ít giận, ít phẫn nộ. Thầy nói sau này trên bàn trang điểm, ngoài son phấn ra thì đại chúng nhớ phải thêm trang điểm gì nữa? Đó là "ít giận", lấy thỏi kem ghi chữ ít giận vô rồi trét lên mặt mình, kem đó tên là ít giận. Lâu lâu trét ít giận, ít giận; đụng chuyện ít giận. ít giận, xoa lên ít giận, ngoài son phấn ra xoa thêm cái đó nữa là sẽ đẹp.

Kế tiếp Phật dạy, do người này không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa hương phấn, sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, tính tình keo kiệt, thì đó là nhân của nghèo. Còn nhân của giàu có là gì? Là biết sẻ chia, biết hào sảng, biết rộng lượng và cho ra trong khả năng của mình đó

là nhân của giàu. Nhưng giàu thì có nhiều kiểu giàu lắm: giàu mà không dùng được, giàu mà cô độc, giàu mà có quyến thuộc, giàu mà rất là vất vả mới giàu, giàu mà có ai để sẵn đó cho mình giàu, có những trường hợp đó không? Thưa Có!

Giàu mà cô độc là đi bố thí cúng dường mà đi có một mình, không có rủ ai hết, sau này quả nó trổ giàu nhưng cô độc; đi nghe Pháp, đi tu tập mà không rủ bạn tu chúng thì sau này trên bước đường tu chỉ có một mình. Cho nên, khi chúng ta học Pháp rồi thì phải biết khuyến khích người khác cùng làm, cùng tu tập, cùng nghe Pháp, cùng hành thiền, cùng làm phước, cùng bố thí.

Về phương diện bố thí, nếu đi bố thí một mình, sau này mình giàu mà cô độc. Đi bố thí mà có khuyến khích người khác bố thí chung nữa thì sau này vừa giàu, vừa có thân quyến, có bạn bè; còn mình mời bạn bè, khuyến khích bạn bè bố thí nhưng bản thân lại không có bố thí thì sau này chúng ta có thân quyến, có bạn bè đông nhưng lại nghèo. Nhân quả là như vậy, rất công bằng.

Trường hợp có người rất giàu có nhưng không hưởng được là sao? Là do người đó có bố thí mà sanh tâm tiếc nuối; Điều này là tiếc lắm, khi đã bố thí xong rồi thì hoan hỷ đi, tự nhiên tiếc làm chi, sau này quả giàu trổ mà không có hưởng được.

Nhớ thời Đức Phật có ông đó giàu lắm, sau khi ổng chết xong, tài sản xung vào công quỹ vì ông không có con trai. Đức vua cho người tới chở, thấy gia sản quá trời mà ổng mặc những bộ đồ, ăn những thức ăn, đi những chiếc xe giống như những người nghèo khổ vậy. Trong khi ông đâu có thiếu đâu, nhưng ông sống vậy đó. Lý do là trong quá khứ, ông này có cúng dường cho một vị Phật Độc Giác, nên quả trổ kiếp này ông giàu có, là trưởng giả nhưng vì bố thí xong thì: "Trời ơi biết vậy không bố thí cho vị này, cho mấy người làm công ăn lợi ích hơn!" Khủng khiếp chưa? Bố thí một bữa cơm cho vị Phật Độc Giác thôi mà có phước làm trưởng giả nhiều kiếp nhưng tại vì ổng tiếc cho nên dù giàu có nhưng không dùng được. Vậy nên quý vị bố thí rồi thì nên hoan hỷ với thiện pháp của mình. Tiếc của làm chi, tiếc chỉ lỗ cho mình thôi. Giàu mà không hưởng được là như vậy.

Còn giàu mà vất vả vô cùng, đến phút cuối cùng, phút 90 trọng tài chuẩn bị thổi hết giờ, bắt đầu mình mới thành công, mới xong được việc. Đó là vì do tật hay đắn đo, do dự, chậm chạp khi làm thiện Pháp. Người ta rủ mình đi bố thí, kêu hoài không đi. Khi chuẩn bị người ta kết thúc nha, thôi em đi đây, lúc đó mới nói chờ chị, cho chị ké chút phước. Thì đó là quý vị cũng làm chứ không phải không làm đâu, nhưng sau này phút cuối nó mới trổ, nhân quả nó công bằng lắm. Vì vậy, sau khi học giáo lý rồi, trong khả năng làm thì đại chúng cứ làm thiện Pháp nhanh chóng, sau này quả

nó trổ trơn tru cho mình. Đây là những điều liên quan đến việc bố thí. Vậy tại sao có những nữ nhân giàu có và nghèo khổ, giàu có là do biết bố thí, sống hào sảng và ngược lại nghèo khổ bởi keo kiệt, ích kỷ, san tham, bỏn sẻn.

Thêm trường hợp nữa, khi thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường,… mà đại chúng cũng biết hoan hỷ vui theo, làm theo thì đó là nhân để có quả được uy tín cao sang. Và ngược lại khi thấy người ta thành công, được người khác thương, người khác quý kính, đảnh lễ, quy phúc, tán dương,…mà mình đố kỵ thì mình đi xuống, không được uy tính, sức ảnh hưởng lớn. Cuộc sống nó là vậy đó. Khi quý vị càng đố kỵ với thành công của người khác là quý vị càng hạ liệt, không có uy tín gì hết trơn. Đó, cho nên cái người mà tức tối, trói buộc bởi ganh tỵ thì người đó sau khi mà tái sanh lại thì thường là những người ít có uy tín lắm, hạ liệt, không có cao sang; Còn mình thấy người ta thành công mình tùy hỷ, thì đó là là nhân để chúng ta có sự ảnh hưởng, có uy tín.

Bài Kinh này là Đức Phật dạy cho Mạt-Lợi bởi bà đã hỏi những câu hỏi về người nữ. Đại ý chúng ta cứ nhớ: giàu - nghèo một cặp, đẹp - xấu một cặp, uy tín lớn và không có uy tín một cặp thì mình cứ cộng vô thôi.

Có những trường hợp giàu - nghèo, có những trường hợp giàu - đẹp, vừa giàu vừa đẹp hoặc là giàu

mà không đẹp, rồi giàu mà có uy tín hoặc không có uy tín, hoặc nghèo mà đẹp hoặc vừa nghèo mà vừa xấu, vừa nghèo mà vừa không có uy tín nữa…Bây giờ đại chúng đã học rồi, thấy nhân quả có rõ ràng không? Có bàn tay của vị Thánh hay Bồ tát nào đưa cho mình, phạt mình nghèo khổ, xấu xí gì không? Không có, nhân quả trong cuộc đời là vậy. Đó là chân lý, không ai có thể ban phước giáng họa cho quý vị được. Học Phật Pháp từ bài đầu đến giờ để chúng ta thấy rõ ràng là tự mình làm thì tự mình chịu, hay phước ai nấy hưởng tội ai thì người đó gồng gánh cưu mang mà thôi. Có câu:

"Lênh đênh trong cõi diêm phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm".

Rõ ràng là như vậy, không ai có thể xen bàn tay vô hết. Đức Phật, bậc Thánh nhân, quý Thầy chỉ là hỗ trợ thôi, việc còn lại là do chúng ta chứ sao nữa. Trợ duyên của người Thầy là hướng dẫn cho mình, việc còn lại là phải tự làm, có làm hay không là việc của cá nhân mỗi người. Nên trong Phật Pháp là như vậy đó! Hiểu được rồi, từ nay trở đi, bắt đầu chúng ta sửa từng chút, từng chút. Một kiếp người của mình thấy vậy loay hoay nhanh lắm. Không lo tu tập chạy nước rút là không kịp.

Hôm qua, khi Thầy ra phía sau vườn ngồi, gần cây khế có cái bàn nho nhỏ; khi mà Thầy ngồi đó đang uống ly nước, tự nhiên thấy được trên cây khế có một con tắc kè từ trên, nó phóng xuống rất là nhanh, nó cũng bự bằng hai ngón tay cái. Thầy chợt nghĩ: *"Ủa*

con tắc kè thường nó thấy mình thì phải sợ chứ tại sao nó phóng xuống, mà nó phóng về hướng mình nữa?" Thật ngạc nhiên khi Thầy nhìn xuống thì có con gián, mà không biết làm sao con tắc kè nó thấy được, hay thiệt! Nó phóng tới nhai con gián vô miệng rồi liền phóng ngược lại, chạy phọt lên cái cây. Cái cảnh chú tắc kè kia ăn con gián trước mặt nhanh đến nỗi Thầy cũng chưa kịp đẩy con gián đi để cứu con nó. Qua hình ảnh đó quý vị càng thấy được sự mỏng manh, bất trắc trong cuộc sống này. Nếu chúng ta thiếu phước thì sanh vào bàng sanh: mạnh hiếp yếu, lớn hiếp nhỏ, suốt ngày quanh quẩn lo sợ cái chết, tìm kiếm miếng ăn và duy trì nòi giống.

Còn luân hồi là còn hồi hộp, khổ đau vô cùng! Chúng ta sanh ra như những cái bia đang chờ mũi tên bắn vào. Những nghiệp thiện, nghiệp bất thiện nó trổ lúc nào mình không thể biết trước được. Khi đủ duyên trổ quả thì mũi tên "thiện" được bắn vào bia; ngược lại, quả của nghiệp bất thiện trổ thì mũi tên "bất thiện" bắn vào bia, chúng ta luôn ở thế bị động! Cho nên khi quý vị biết được Phật Pháp, dù có gặp khổ đau, trắc trở đi chăng nữa, nhưng với thân người khó được nên gắng tranh thủ làm phước cho mình. Để trong vòng luân hồi còn phước một chút, còn phước cho dù mình chưa thành Thánh, chưa chấm dứt luân hồi nhưng mà trong bước đường mình đang tu có phước xíu nó cũng đỡ, chứ luân hồi mà thiếu phước là khổ khủng khiếp; Rồi mong làm sao đủ phước đi lên cõi chư Thiên, lên các

cung trời để mà gặp các vị Thánh, rồi mình tu tiếp cho đến khi nào mà đắc đạo, làm Thánh thì thôi, chấm dứt luân hồi sanh tử. Chứ còn không là mong manh và hồi hộp lắm. Còn luân hồi là còn hồi hộp, chuyện gì nó cũng xảy ra, quý Phật tử nên trân quý, tận dụng những bài Pháp mà Đức Phật dạy, đâu phải lúc nào cũng có sẵn để nghe, nên khi nghe rồi đó, nhất là quý cô cần phải nghe kỹ lại để thấm thía, để xét lại mạnh yếu chỗ nào thì mình sửa đổi.

17. Nam Nữ Trói Buộc Nhau Bởi Tám Điều

"...Với tám hình tướng, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Thế nào là tám?

*- Này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **sắc**;*

*- này các Tỷ-kheo nữ nhân trói buộc nam nhân với **tiếng cười**;*

*- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **lời nói**;*

*- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **lời ca**;*

*- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **nước mắt**;*

*- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **áo quần**;*

*- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **vật tặng**;*

*- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với **xúc chạm**.*

Với tám hình tướng, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Các loài hữu tình bị khéo trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như trói buộc bởi bẫy sập".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương VIII Pháp - Kinh Sự Trói Buộc Của Nữ Nhân)

Bài Kinh này Đức Phật nói đến những điều kiện mà nam nữ trói buộc nhau.

• Thứ nhất là bởi hình sắc bên ngoài tức là sắc đẹp của nữ nhân cũng là một cách trói buộc nam nhân. Nếu những ai từng đọc về chuyện Tứ Đại Mỹ Nhân ngày xưa bên Trung Hoa gồm: Vương Chiêu Quân, Tây Thi, Điêu Thuyền, Dương Quý Phi là tứ đại mỹ nhân thì sao? Thì các cô là hồng nhan bạc phận, còn bây giờ là hồng nhan bạc triệu, hồng nhan bạc tỷ luôn chứ bạc phận gì phải không?

Vào thời Đức Phật còn tại thế cũng có nhiều vị ngay cả vị đã xuất gia cũng rất là đẹp như Tỳ-kheo-ni Liên-Hoa-Sắc *(Uppalavaṇṇā)*, Tỳ-kheo-ni Da-Du-Đà-La *(Yasodharā)* hay cô nữ cư sĩ Mạt-Lợi *(Mallikā)*,…có nhiều vị rất là đẹp. Cho nên quý cô hãy

nhớ ghi lại câu này, đặc biệt là cô nào suốt ngày cứ buồn cứ giận:

"Kể từ giờ em hãy thật là xinh
Rạng rỡ vui cười dù mưa hay nắng
Chẳng phải để cho người nào ngắm
Bởi thanh xuân ngắn lắm sắp qua rồi".

"*Viết những dòng này để xin lỗi chính tôi*
Đã khóc quá nhiều vì một người không đáng
Yếu đuối quá nhiều khi người ta hờ hững
Trông đợi nhiều dù biết chẳng đến đâu".

Học Phật Pháp rồi là chúng ta không có để ai làm khổ đời mình hết, nhớ vậy. Mình khổ thì mình chịu, nhắm mắt rồi là lủi thủi đi trong luân hồi mình ên, dù có không sợ đi chăng nữa thì nếu chúng ta để ý chút chút thôi, như cái cảnh đêm khuya mà nghe tiếng ếch ở ngoài nó kêu, là không biết sao, nghe cái tiếng đó thôi cũng hình dung cái cảnh luân hồi nó biền biệt, nó thăm thẳm dường nào. Giống như tiếng ếch giữa đêm khuya thanh vắng kêu thì mình cũng cô độc trong vòng luân hồi y như vậy. Cảm giác nó mịt mù, nó vời vợi, mênh mông, thăm thẳm,…mà chúng ta thì giống như cái gì đó nhỏ nhoi giữa dòng đời, chỉ cần hình dung cái cảnh đó, sợ luân hồi thăm thẳm mênh mông, nhắm mắt chết rồi không biết làm sao…!!!

- Thứ hai, nữ nhân trói buộc nam nhân bằng tiếng cười.

Người ta hay nói câu: *"Có khi chỉ nửa nụ cười mà tôi phải mất cả đời để quên!"* Trời ơi người ta cười có một cái rồi người ta đi mất tiêu, mình cả đời mới quên được nụ cười đó. Ở đây mấy anh mà lập gia đình rồi, hỏi vì sao lập gia đình. Dạ vì bữa đó cô ấy lỡ cười với tôi, tôi khổ đến giờ, có nhiều khi cổ cười rồi trói luôn mình: *"Có cô bé nhà bên nhìn tôi cười khúc khích. Mắt khoe tròn ôi thương… thương quá đi thôi"*. Là xong! Có nhiều người cười duyên lắm nha quý vị. Cho nên trong chúng ta mà ai cười duyên quá thì đừng có trưa trưa nắng nắng đứng chỗ người đông đông rồi cười, mắc công có người không quên được nụ cười của mình đấy. Còn Đức Phật cười làm sao có ai nhớ không? Khi Ngài cười thì không có hở răng như mình đâu, chỉ là ánh sáng hào quang phóng ra nơi khóe miệng, nơi chóp răng của Ngài và Thầy A-Nan biết lúc đó là Phật cười thôi.

Trong cuộc đời của quý vị thì nước mắt - nụ cười, khổ - vui, giữa hai điều đó mình nghiệm lại thử xem cười nhiều hay khóc nhiều? Có nhiều khi mình cười, cái nụ cười đó nó cũng thảm lắm:

"Vui là vui gượng kẻo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai".

(Truyện Kiều, Nguyễn Du)

Cũng là cười nhưng mà đâu có vui nỗi đâu, chẳng lẽ gặp người ta cứ rầu quá thì cũng không được, vui

một cách gượng gạo chớ lòng thì tan nát ruột gan. Có người hỏi: "Sao chị thấy em cười hoài vậy?". Người đó trả lời một câu, thương lắm! *"Không cười em biết giấu nỗi buồn vào đâu?"*. Buồn quá mà cười gọi là buồn cười. Lại có những trường hợp người ta chua cay quá mà họ cười:

"Cười là tiếng khóc khô không lệ
Người ta cười trong những lúc quá chua cay."

• Thứ ba là lời nói, vốn dĩ nữ nhi là dịu dàng nhỏ nhẹ, mà nói năng thanh tao, nhã nhặn hay cất tiếng du dương nữa là xong. Khi người nữ cất tiếng nói, mình nghe cái giọng nói đó rồi thích, đem vào tâm và rước về nhà. Thời Đức Phật có vị Thánh đệ tử *Lakuntaka Bhaddiya* được Ngài tán thán là Đệ nhất Diệu âm. Thân tướng Thầy lùn lắm mà khi Thầy cất giọng lên thôi thì mình chỉ có xách dép mà đi theo, hạnh phúc không? Thầy nói xong là đội bàn thờ đi theo luôn, nghe Thầy nói là mềm lòng, mình đang sừng cồ, đang giận cỡ nào mà nghe Thầy ấy nói là tự nhiên tâm mình dịu lại liền. Hoặc có những vị luôn luôn nói lời ái ngữ. Vì vậy bây giờ đại chúng chửi ai thì chửi, mình xúc phạm ai thì xúc phạm, nhưng tới những vị đó thì mình không nặng lời được. Tại sao vậy? Vì những vị này quá nhiều kiếp toàn là đem lời lành đến cho người ta không, nên nhìn là không nỡ nói một câu nặng làm cho vị này phiền lòng. Do vậy mà Đức Phật mới chỉ ra điều trói buộc

của nữ nhân ở đây chính là lời nói, là một cách để cho nữ nhân trói nam nhân.

- Kế nữa là lời ca, tức là giọng hát hay. Nhiều khi có người nữ ca bài đó xong là trói luôn nam nhân. Biết bao ca sĩ với những chất giọng đặc trưng của họ đã lấy đi bao nước mắt, trái tim. Có khi cả một đời của ai đó thần tượng, đeo đuổi, hy sinh tất cả chỉ vì lời ca của một nữ nhi nào đó. Từ đây chúng ta rút ra bài học gì ? Cũng là lời ca đó khi cất lên, nhưng điều đó mang đến tình thương, sự sẻ chia, đồng cảm giúp người hướng thiện đi lên, đi ra; chớ không để tâm tư mình trói buộc nhau bởi những lời hát ủy mị, khiến chúng ta đi xuống.
- Nào đâu chỉ dừng lại ở giọng hát mà nữ nhân còn trói buộc nam nhân bằng nước mắt, tiếng khóc; có khi giọt nước mắt rơi xuống một cái là bắt đầu làm cho người kia mềm lòng.
- Người nữ trói người năm bằng áo quần. Mặc quần áo đẹp cũng là một trói buộc. Quý vị xét lại xem cái này có không? Cho nên từ xưa là Đức Phật đã thấy ra điều đó. Có những lời Đức Phật dạy, nói đến một cái là trúng tim đen của mình liền, và có những cái mình chưa chấp nhận được rồi từ từ sẽ chấp nhận.
- Trói bằng vật tặng, tặng cái gì đó cũng là một cách để trói. Mỗi lần nhìn thấy cái vật đó là nghĩ đến người đó, đó là trói bằng vật tặng.

Và cuối cùng là nam nữ trói buộc nhau bằng sự xúc chạm.

Đây là tám cách mà nữ nhân trói nam nhân. Cho nên nếu mà ở một khía cạnh nào đó, ví dụ ở đời sống gia đình thì người vợ trói người chồng là một trong tám cách này. Nói rộng ra thì trong vòng luân hồi, đây là những điều mà người ta trói nhau. Chỉ một cái tròng thôi cũng đủ chết ngất rồi, mà ở đây Đức Phật đã chỉ ra đến cả tám điều. Đây chính là mấu chốt của vấn đề.

18. Bảy Loại Vợ

(Con dâu ông Cấp-Cô-Độc không nghe lời Cha mẹ chồng)

"...Ở đời các hạng vợ,
*Được gọi **vợ sát nhân,***
*Kể cả **vợ ăn trộm,***
*Và cả **vợ chủ nhân**,*
Vợ ấy không giữ giới,
Ác khẩu và vô lễ
Khi thân hoại mạng chung,
***Bị sanh vào địa ngục**.*
Ở đời các hạng vợ,
*Như **mẹ, chị và bạn,***
Và người vợ được gọi,
*Là **vợ như nữ tỳ**,*
An trú trên giới đức,
Khéo phòng hộ lâu ngày,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiện thú.

Này Sujātā, có bảy loại vợ này đối với người đàn ông. Con thuộc hạng người nào?

- Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy xem con là người vợ đối với chồng như ***người vợ nữ tỳ***.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương VII Pháp – Phẩm Không Tuyên Bố - Kinh Các Loại Vợ)

Duyên sự của bài Kinh này là do có lần trong buổi lễ trai tăng tại nhà của trưởng giả Cấp-Cô-Độc thì ai ai cũng đều ra nghinh đón và chuẩn bị vật phẩm cúng dường dâng lên Đức Phật và chư Tăng; riêng người con dâu của trưởng giả - cô Sujātā thì luôn né mặt không tham gia và cự cãi lớn tiếng ở bên trong nên Đức Thế Tôn hỏi vì sao có lời to tiếng như vậy. Ông Cấp-Cô-Độc thưa: *“Bạch Thế Tôn, có nàng dâu Sujātā giàu có đến đây từ một gia đình giàu có. Nàng không vâng lời mẹ chồng, không vâng lời cha chồng, không vâng lời chồng, cũng không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường Thế Tôn.”* Sau đó Đức Phật gọi nàng Sujātā lại và dạy:

“Ở đời các hạng vợ
Được gọi vợ sát nhân,
Kể cả vợ ăn trộm,
Và cả vợ chủ nhân,
Vợ ấy không giữ giới,
Ác khẩu và vô lễ

Khi thân hoại mạng chung,
Bị sanh vào địa ngục."

Ở đây, Đức Phật nói có những người vợ như là sát nhân, có những người vợ như ăn trộm, có những người vợ như là người chủ nhân luôn chỉ biết nói năng hung ác, vô phép tắc, chỉ như muốn xé xác người chồng; hoặc giả luôn luôn coi chồng mình là nô lệ mà mặc tình sai sử; với những người vợ như vậy thì địa ngục sẽ là chốn về của họ sau khi mạng chung. Sau đó Đức Phật mới nói tiếp:

"Ở đời các hạng vợ,
Như mẹ, chị và bạn,
Và người vợ được gọi,
Là vợ như nữ tỳ,
An trú trên giới đức,
Khéo phòng hộ lâu ngày,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiện thú".

Ở đời lại có các hạng vợ như mẹ, như chị, như bạn; có những người vợ thương chồng như con, có những người vợ thương chồng như em, có những người vợ thương chồng như bạn. Sau khi liệt kê bảy loại vợ, thì Phật hỏi nàng dâu của trưởng giả Cấp-Cô-Độc là con sẽ là ai trong số những người vợ đó. Bằng từ tâm của Ngài lan tỏa, khi được nghe dạy về sanh thú của những hạng vợ trên, thì nàng dâu Sujātā quỳ xuống

đảnh lễ sám hối và xin hứa từ nay sẽ là người vợ như nữ tỳ.

II. LỜI KẾT

Qua những bài Kinh mà Đức Phật đã dạy như trên; cho chúng ta thấy được một cách tổng quan, chân thật từ điểm yếu, sức mạnh, những đức tính cao đẹp và những khuyết điểm riêng biệt mà một người nữ đeo mang khi sanh ra ở đời. Để từ đó chúng ta sẽ rõ biết lý do nào mà ta phải mang phải thân nữ. Thứ nhất là vì phiền não mà mình làm thân nữ. Phiền não ở đây là gì? Đó chính là nội dung của bài Kinh Rắn Đen, với bốn ác pháp gồm: Bỏn sẻn – Giận hờn – Đố kỵ - Ác tuệ. Nếu quý vị sống với những phiền não nhỏ nhen, bỏn sẻn, ích kỷ này thì kiếp sau làm thân nữ tiếp, bây giờ nữ tánh rồi, sau làm nữ tánh tiếp. Và nếu kiếp này là thân nam nhưng sống với những bất thiện pháp này thì kiếp sau nhảy qua làm thân nữ. Vậy quý vị muốn làm thân nam thì đừng sống với những cái tâm đó nữa. Đó là phải sống với tâm rộng rãi, bao dung, hào sảng, vĩ đại, hoan hỷ, tùy hỷ… thì ngược lại với những cái đó; ngược với những con rắn đen thui thì không là con rắn đen thui. Vậy thôi!

Lý do thứ hai để làm thân nữ đó chính là nghiệp, nghiệp làm thân nữ. Có thể người nữ này họ sống rất là phóng khoáng, rộng rãi bao dung lắm, vĩ đại lắm nhưng ví dụ có những lần chê bai người nữ. Như chúng ta học

được trong tiền kiếp của nàng kỹ nữ Ampapālī, khi nhìn thấy có một vị trong đoàn Tỳ-kheo-ni khạc nhổ nước bọt, thì tiền kiếp của nàng Ampapālī lúc đó là một cô gái mới xúc phạm câu thế này: *"Đồ kỹ nữ, chỗ này mà cũng khạc nhổ!"*. Cô có ý xúc phạm vị Tỳ-kheo-ni là kỹ nữ nhưng không ngờ vị này đã chứng quả Thánh. Chính do sự chê bai đó mà nhiều kiếp sinh ra Ampapālī cứ làm kỹ nữ hoài. Đến thời Đức Phật Thích Ca, cô vẫn làm kỹ nữ luôn, khủng khiếp vậy đó! Cho nên, chính cái tâm chê bai, ganh ghét không ưa, không thích người nữ như vậy mà sanh ra bao mùa thu lá rụng thì mình nữ vẫn mãi là nữ thôi.

Nếu nói về "thân nữ" thì ngoài việc do **nghiệp lực** nên có mặt nơi đời, thì còn có nhân duyên thù thắng, cao đẹp nữa đó là vì **nguyện lực** mà làm thân nữ. Kinh sách cũng đã ghi lại về cuộc đời của những bậc Thánh như Thánh Ni Da-Du-Đà-La, Thánh Ni *Bhaddā Kāpilānī* (Diệu Hiền, Mỹ Hạnh), Thánh Ni *Mahāpajāpatī Gotamī* (Di Mẫu Gotamī)…

Nhưng bây giờ nếu quý vị là nữ nhân, nhưng mình không có và cũng không ôm ấp, cưu mang những tánh xấu đó thì sao? Thì mình trở nên đẹp hơn, tốt hơn, dễ thương hơn, thành công hơn trong cuộc sống hiện tại và nhiều kiếp về sau.

"*Hoa quỳnh đẹp nhất về đêm,*
Còn em đẹp nhất khi em đến chùa".

Hay

"*Nhân gian tô vẽ hình hài,*
Em về soi lại một đài gương tâm".

Chính từ việc thực tập mỗi ngày theo lời dạy của Đức Phật qua những trang Kinh là tự bản thân chăm sóc, nâng cấp tâm linh tinh thần của mình đi lên.

Qua bài Kinh Mallika mà Hoàng hậu Mạt-Lợi hỏi Đức Phật vì sao có hạng người nữ giàu nghèo, đẹp xấu, uy tín không uy tín, …Có những bài Kinh Đức Phật cũng chỉ dạy cho mình tất tần tật về phương pháp làm giàu, được xinh đẹp, có uy tín địa vị trong xã hội,… việc còn lại là quý vị tự đặt câu hỏi cho chính bản thân rằng mình "có thật sự mong muốn" những điều đó hay không mới là vấn đề. Và muốn rồi thì phải làm sao?

Trong cuộc đời của mỗi người thì ít hay nhiều chúng ta sẽ có những mẫu người lý tưởng cho mình nhìn đó noi theo. Vậy nữ nhân trong đời có ai để chúng ta lấy đó làm gương soi không? Trong bài Kinh Hy Cầu, Đức Phật có dạy là về mẫu hình người nữ cư sĩ lý tưởng đó là cư sĩ Khujjuttarā và bà Velukantakiyā - mẹ của Nanda. Ngoài ra, với những gì Thầy đã đọc trong Kinh sách và một số hiểu biết về cuộc sống thì có những điều sau đây cũng rất là "Chất", nếu chúng ta áp dụng:

• Thứ nhất đó là **lạnh lùng**, ở đây nghĩa là "lạnh lùng băng giá quên phái tính". Tức là không có buồn

phiền gì nữa hết trơn, thay vì mình cứ buồn phiền thân nữ thì nay không, cứ lạnh lùng băng giá quên phái tính, cứ ráng tu tập, ráng làm thiện nghiệp, quên luôn phái tính của mình mà làm, cứ làm thiện pháp bao nhiêu thì làm, cứ ráng tu tập bao nhiêu thì tu, đủ duyên thì đắc, chưa đủ thì tu tiếp, cứ cố gắng từng ngày. Vấn đề bây giờ là thiện hay ác thôi, thiện ác là đề tài quan trọng của đời mình chứ không phải là đề tài nam nữ nữa. Lý tưởng thứ nhất là như vậy, lạnh lùng băng giá quên phái tính.

- Thứ hai đó là nguyện, phải lập nguyện hỗ trợ cho một vị nào đó mà đắc được, làm được nên những cái việc đại sự. Thánh Ni Da-Du-Đà-La từng phát nguyện dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng hỗ trợ cho đạo sĩ Sumedha (tiền thân của Đức Phật Thích Ca). Và trong 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, Bà luôn theo gót chân của Đức Bồ Tát. Trong những kiếp quá khứ, Bồ Tát đã cho điều khó cho, làm điều khó làm, bỏ điều khó bỏ, chí đến cái mạng của mình nếu Bồ tát cần bố thí vợ cho người khác, vì hạnh nguyện Phật quả của Bồ Tát thì Bà cũng bằng lòng chấp thuận, không mảy may than phiền hay trách móc. Cái này thì khó lắm, rất là khó!

Trước khi Ni Sư Da-Du-Đà-La nhập Niết-bàn, Bà đến gặp Đức Thế Tôn, lúc này Bà đắc Thánh quả A-la-hán rồi. Bà xin sám hối với Đức Phật trong những kiếp đã qua rồi Bà mới kể lại những tiền kiếp trong trước

kia của mình ra sao được ghi lại trong Tiểu Bộ Kinh, phần Thánh Nhân Ký Sự như sau:

"Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bảy mươi tám tuổi. Giai đoạn cuối cùng của tuổi tác đang tiến đến. Con đã đạt đến ngay ở sườn dốc, con xin thưa rõ. Sự tiêu hoại của con đã chín muồi, mạng sống của con còn chút ít. Rời bỏ Ngài, con sẽ ra đi. Sự nương nhờ của bản thân đã được con thực hiện. Chính ở thời điểm cuối cùng, sự chết chận đứng tuổi thọ. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay vào ban đêm con sẽ thành tựu Niết Bàn.

Bạch đấng Hiền Trí, (Niết Bàn) là nơi không có sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết. Bạch đấng Anh Hùng, nơi nào khi đã đi đến là không còn được nhìn thấy thì con đi đến nơi ấy. Bạch đấng Hiền Trí, cho đến nhóm người của bậc Đạo Sư ngồi chung ở nơi đây (nếu) nhận biết lỗi lầm (nào của tôi), xin quý vị hãy tha thứ ở trước mặt.

Và sau khi đã xoay vần trong vòng luân hồi, nếu có điều sai trái của con đối với Ngài, bạch đấng Đại Hùng con xin thưa rõ, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho con."

Sau khi lắng nghe lời nói của vị ni ấy, đấng Hiền Trí Vương đã nói điều này: "Ta sẽ nói điều gì hơn về nàng là người đang đi đến Niết Bàn? Và nàng cũng nên thị hiện thần thông cho các vị hành theo Giáo Pháp

của Ta được thấy. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ về Giáo Pháp cho tất cả các chúng."

Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí, vị tỳ khưu ni Yasodharā ấy đã đảnh lễ đấng Hiền Trí Vương và đã nói lời nói này: "Bạch đấng Anh Hùng, con là Yasodharā, ở tại gia là người vợ của Ngài. Được sanh ra trong gia tộc Sakya, con đã duy trì phận sự của người nữ.

Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, con là người đứng đầu, là người chủ quản tất cả. Là người có được sắc đẹp, tánh tình, và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư Thiên cũng như loài người đều quý trọng con. Con đứng đầu một ngàn thiếu nữ ở trong cung của người con trai dòng Sakya. Các cô ấy cùng vui buồn giống nhau tợ như chư Thiên ở (vườn hoa) Nandana. Con đã vượt lên trên lãnh vực dục tình, được khẳng định về mặt thể hình, không có người tương đương về sắc đẹp ngoại trừ đấng Lãnh Đạo Thế Gian."

"Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharā đảnh lễ ở bàn chân (Ngài). Con đã che khuất một ngàn thế giới bằng đóa sen nở rộ."

Và sau khi hóa hiện ra vóc dáng của đấng Brahma, vị ni đã thuyết giảng Giáo Pháp về không tánh.

"Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharā xin đảnh lễ ở bàn chân (Ngài).

Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài."

"Sự gặp gỡ đối với chư Phật là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được Ngài nhìn thấy rõ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được con tích lũy là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài".

"Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích làm vợ (kẻ khác) nhiều ngàn koṭi lần.

Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con vì sự hỗ trợ (kẻ khác) nhiều ngàn koṭi lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích vật thực (cho kẻ khác) nhiều ngàn koṭi lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài".

"Con đã từ bỏ nhiều ngàn koṭi mạng sống. Con từ bỏ mạng sống của con (nghĩ rằng): 'Ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi.'

Bạch đấng Đại Hiền Trí, con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho cơ thể, nhiều vải vóc các loại, các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài.

Con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các làng, và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai, và con gái là đã được dứt bỏ.

Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài".

"Về việc Ngài bảo con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất,' con không nhìn thấy sự bất bình của con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng.

Bạch đấng Đại Hùng và con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, ở nhiều hình thức trong sự luân hồi là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài".

"Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác (quá khứ) đã khẳng định về pháp (giải thoát), thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự Giác Ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau.

Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác.

Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. Con là nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật Pháp."

"Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpaṅkara đã hiện khởi.

Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vị Bà-la-môn tên Sumedha, và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến.

Vào thời điểm ấy, con đã là người thiếu nữ xuất thân Bà-la-môn tên Sumittā. Con đã đi đến cuộc tụ hội.

Con đã cầm tám nắm hoa sen nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Sư. Con đã nhìn thấy vị ẩn sĩ được nổi bậc ở giữa đám người.

Sau khi nhìn thấy con người đang ngồi khoác áo vỏ cây vô cùng đáng yêu quyến rũ đang ngồi, khi ấy con đã nghĩ rằng: 'Mạng sống của ta là có kết quả.'

Khi ấy, con đã nhìn thấy sự nỗ lực ấy của vị ẩn sĩ là có được kết quả. Do nghiệp quá khứ, tâm của con cũng đã tịnh tín vào đấng Toàn Giác.

Con đã có tâm tịnh tín hơn nữa đối với vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. (Con đã nói rằng): 'Này vị ẩn sĩ, tôi không nhìn thấy vật nào khác nên được dâng cúng, tôi cho ông các đóa hoa.

Này vị ẩn sĩ, hãy là của ông năm nắm, hãy là của tôi ba nắm. Này vị ẩn sĩ, như thế sự thành tựu hãy là bằng nhau đối với mục đích giác ngộ của Ngài."

"Sau khi cầm lấy các đóa hoa, vị ẩn sĩ ở giữa đám người đã cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ có danh tiếng vĩ đại đang đi đến nhằm mục đích giác ngộ.

Bậc Đại Hiền Trí Dīpaṅkara, đấng Đại Hùng đã nhìn thấy ở giữa đám người và đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng rằng:

'Này vị đại ẩn sĩ, (người nữ này) sẽ có tâm tương đương, có nghiệp tương đương, có hành động tương đương, sẽ trở thành người vợ do nghiệp báu đối với mục đích của ngươi.'

(Người nữ này) có dáng nhìn xinh đẹp, vô cùng đáng yêu, vui vẻ, có lời nói đáng mến, sẽ trở thành người vợ yêu quý, người thừa tự Giáo Pháp của vị (Phật) ấy.

Cũng giống như các người chủ gìn giữ cái rương của cải, người nữ này sẽ hộ trì như thế ấy đối với các thiện pháp.

Trong khi thương tưởng đến ngươi đây, (người nữ này) sẽ làm tròn đủ các pháp toàn hảo, sẽ đạt được quả vị giác ngộ tương tợ như con sư tử phá vỡ cái chuồng.'

Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, con đã là người có hành động như vậy.

Tại nơi ấy, con đã có tâm tịnh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy".

"Con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được.

Con đã trải qua lạc và khổ ở các cõi trời và ở loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã sanh ra trong gia tộc Sakya.

Con có sắc đẹp, có của cải, có danh vọng và giới hạnh tương tợ như thế. Con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng về các điều lành.

Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian, và tâm bị khổ não là không có, con sống không sợ hãi.

Con đã nhàm chán các sự luân hồi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Sau khi xuất gia cùng với một ngàn người hầu cận, con không có gì.

Sau khi từ bỏ gia đình, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

Khi chưa đạt đến nửa tháng, con đã đạt được bốn Sự Thật. Nhiều người, không phải một, đem lại y phục, vật thực, thuốc men, và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái (đã được cởi trói), con sống không còn lậu hoặc.

Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

Bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật".

"Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, con nhận lãnh mọi sự thành tựu.

Nàng ấy bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị đại ẩn sĩ. Họ có sự thành tựu về bạn hữu. Vị thế Niết Bàn là không còn tạo tác.

"Quá khứ, hiện tại, và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân (Ngài)."

(Trích Tiểu Tụng - Thánh Nhân Ký Sự - Trưởng Lão Ni Kệ - Ký Sự về Yasodharā - TK. Indachanda Việt dịch).

- Thứ ba: nếu phải nương tựa thì phải chọn lấy "cội tùng, cội bách" cho xứng đáng mà tựa. Có nghĩa là, nếu như việc "lạnh lùng băng giá" mình không làm được; mà nguyện thì nguyện cũng không nổi, tức là mình cũng muốn tu dữ lắm, nhưng mà như những lời Kinh Đức Phật đã nói đó, thì mong muốn của nữ nhân, dù giàu nghèo đẹp xấu, cũng cần có gì? Cũng cần có một người đàn ông để mình tựa lúc vui, lúc buồn. Vậy bây giờ quý vị chưa có bỏ được những thỏi son, chưa bỏ được việc làm đẹp trang điểm, thì mình mong muốn có một người để tựa thì vấn đề ở đây là phải tựa thì tựa

"cội tùng cội bách", tức là nương tựa một người cho xứng đáng. Mấy cái cảnh này thì người nữ lập gia đình mà gặp một người chồng không thương, rồi vũ phu, không thương vợ rồi thôi mà còn đánh đập, mắng nhiếc,… cái đó khổ lắm.

Vậy nên khi có học Pháp và hiểu sâu giáo lý rồi thì đại chúng cũng phải biết thương mình hơn; nếu mà nữ nhân thì phải càng thương chồng, bao nhiêu người không gặp, hôm nay mình gặp anh ấy thì phải thương chồng, giữ đúng đạo làm vợ, chu toàn bổn phận. Tuy nhiên nếu như có một cái duyên nào đó không thuận nhau, không thể sống cùng, thì phải rõ ràng để đừng có khổ hoài. Mình còn con đường phía trước mênh mông thăm thẳm, biền biệt. Đừng có vì một giai đoạn nào đó mà khổ quá rồi tạo những ác nghiệp, mà nhất là thân người đã không được mấy mươi năm, mà khổ hoài, khóc hoài cũng không nên. Nếu xét ở với nhau được thì bỏ qua lỗi lầm rồi cố gắng nắm tay nhau bước tiếp. Còn nếu không được thì rõ ràng dừng lại để những con đường kế tiếp của mình cho nó tốt đẹp, đừng có sống trong bất thiện, trong buồn khổ hoài, thời gian nó qua nhanh lắm.

Vậy thì ở đây, điều thứ ba chính là nương cội tùng cội bách, tức là thỏi son chưa bỏ hết được, cần có một điểm tựa, một bờ vai, thì hãy lựa cái người nào cho xứng đáng. Xứng đáng ở đây, đang nói về bốn điều gồm Tín – Thí - Giới - Tuệ, đây cũng là Đức Phật đã

chỉ dạy chỗ dựa cho mình luôn. Người đó phải có đức tin, có đạo đức, tâm hào sảng, trí tuệ, có chánh kiến giống như mình, chứ không có thì uổng phí cái kiếp sống của mình.

Trên tất cả, những điều được ghi lại trong tập sách này mà Thầy gửi gắm đến quý Phật tử; cũng chỉ mong bằng tất cả tấm lòng của những người con Phật với nhau mà cùng chia sẻ lời Phật dạy đến với muôn người trong cuộc đời. Rằng thì *"đời người vô thường thoáng chốc như giọt sương mai"*, mà nhất là với những thân phận nữ lưu vốn nghiêng nặng tình cảm, sống dạt dào cảm xúc, yếu ớt, mỏng manh, thì mình biết ra những cái điểm yếu của mình là hay mềm yếu, dễ tin, dễ bị gạt gẫm.

Người ta nói, người nữ nghe làm sao lọt qua lỗ tai tức là lọt đến trái tim rồi đó. Bây giờ quý vị học Phật Pháp rồi, con là người dễ dạy chứ không phải là dễ dụ, đúng không? Lọt qua lỗ tai rồi, phải nghe coi điều đó có chánh kiến không, có đúng Pháp không mới nghe, chứ không phải là dễ dạy rồi dễ dụ là không có; dễ dạy thôi chứ không có dễ dụ, cái gì đúng Pháp thì nghe, nương Pháp mà sống.

Thầy mong sao mỗi người con gái của Đức Phật, vượt qua những trở ngại khó khăn, học và đọc những bài Kinh này sẽ có một đường hướng, một trang mới mở ra cho mình để phát triển tâm linh, càng ngày càng phát triển trong thiện Pháp. Và với hình tướng là thân

nữ thì xứng đáng là hình ảnh người nữ lý tưởng, mẫu mực những bài Kinh vừa rồi mà Thầy đã chia sẻ đến đại chúng, Thầy xin cảm ơn quý vị, chúc tất cả ngon giấc.

"Xin khép lại những tháng ngày đau thương
Em trở về bên lời Kinh của Phật
Những giận hờn và buồn vui, tất bật
Để một lần buông xuống những niềm đau.

Sống hôm nay ai biết được ngày sau
Chuyện hôm nào cũng đã thành xưa cũ
Lau nước mắt em mỉm cười, làm chủ
Tự thương mình em hãy sống thật vui".

(Thiện Tuệ)

(Buổi giảng ngày 22, 25, 27/10/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Làm sao để là một người nữ cư sĩ lý tưởng?

2). Sức mạnh của người nữ gồm những gì?

3). Người nữ có những đặc tính gì dễ phát sinh phiền não? Làm sao để đoạn trừ?

4). Người nữ có những gì không thể thành tựu? Vì sao?

5). là nguoi nữ cư sĩ thì chúng ta phải như thế nào để lợi lạc cho mình và người khác trong đời này?

Bài 5: MẠT PHÁP

ଓ❁ଌ

---

* ĐỊNH NGHĨA
* NHỮNG BÀI KINH NÓI VỀ MẠT PHÁP
* NHỮNG LÝ DO MẠT PHÁP
* NHỮNG CHÚ GIẢI ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ BIẾN MẤT CỦA GIÁO PHÁP
* TÓM LƯỢC

Chắc mọi người đã từng nghe hai từ *"Mạt Pháp,"* nhưng đôi khi mình chưa hiểu hết ý nghĩa. Mục đích của bài pháp này là giúp mọi người biết những bài Kinh nào Đức Phật dạy về Mạt Pháp, Mạt Pháp là gì, những lý do nào đưa đến Mạt Pháp… qua đó chúng ta xem lại bản thân mình có góp phần đưa đến Mạt Pháp hay không, cũng như lo tranh thủ tu tập vì không dễ gì có Phật ra đời, vì khi không còn Chánh Pháp, mình ngày càng dễ tạo ác nghiệp, không biết chánh tà, và không thể biết cách nào tu để thoát khỏi sanh tử luân hồi.

I. ĐỊNH NGHĨA

Phần này bàn đến 3 từ hay 3 thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp.

1. Thời kỳ Chánh Pháp

Thời kỳ Chánh Pháp là thời kỳ có chư Phật, có các bậc Thánh, hay có những người đắc Đạo. Đây là thời kỳ Giáo Pháp rất hưng thịnh, nghĩa là có người tu, có người học, có người hành, có Tăng tướng… có đầy đủ hết. Trong thời kỳ này người ta có thể *"bỏ mạng chứ không bỏ Đạo."* Nghĩa là có những vị tinh tấn tu tập đến mức sẵn sàng cúng dường mạng sống, sẵn sàng hy sinh tính mạng để tu tiến. Vào thời kỳ Chánh Pháp, đa số chư tăng ni và cả hàng cư sĩ *hiểu rõ những gì mình tin, cho nên các vị ấy tin chắc những gì mà họ hiểu.* Thời Phật còn tại thế, có những vị cư sĩ luôn soạn sẵn một chỗ ngồi cao quý và sạch sẽ trong nhà dành riêng cho Đức Phật, dù họ biết có thể cả đời họ cũng không đủ phước duyên để Ngài ghé thăm.

2. Thời kỳ Tượng Pháp

"Tượng" nghĩa là giống. Thời kỳ Tượng Pháp tức là giống thời kỳ Chánh Pháp. Thời kỳ này cũng có người tu tập, lễ bái, thuyết giảng, chùa chiền v.v., nhưng không có người hành trì rốt ráo và không có các vị chứng ngộ, đắc quả Thánh mặc dù hình tướng của người tu là giống với thời kỳ Chánh Pháp.

3. Thời kỳ Mạt Pháp

Trong cụm từ *"nghèo mạt rệp,"* từ *"mạt"* nghĩa là thấp kém, đáng khinh khi, xa rời, không còn gốc nữa. Ở đây, thời kỳ Mạt Pháp nghĩa là thời kỳ không còn

Chánh Pháp, cũng không còn tu kiểu hình thức như Tượng Pháp nữa, mà là thời kỳ rất sai khác, xa lìa Phật Pháp, và thậm chí không còn Phật Pháp nữa.

Ở thời kỳ Mạt Pháp này, đầu tiên là không còn những vị giữ giới trong sạch, những vị tu đắc đạo, đắc quả Thánh, mà chỉ còn một số người cố gắng tu tiến hay hành thiền. Tiếp theo, không còn ai hành trì Pháp hay thực hành pháp hành nữa mà chỉ còn lại những vị học Pháp học. Sau đó, những vị còn học Pháp cũng mất dần, rồi từ từ hình tướng người tu cũng không còn. Và cuối cùng, Xá Lợi Phật cũng biến mất.

Ở thời Chánh Pháp người ta *"thà bỏ mạng chứ không bỏ Đạo,"* Ngược lại, thời kỳ Mạt Pháp thì người ta thà *"bỏ Đạo chứ không bỏ mạng*." Câu nói tưởng chỉ là đùa, nhưng đó lại là sự thật. Chúng sanh thời này đầy tà kiến, không có đức tin nơi Tam Bảo, thậm chí không biết đến chữ *'thiện'*. Chuyện gì họ cũng dám làm, độc ác, loạn luân, sẵn sàng chém giết nhau, xúc phạm những bậc tu hành và cả Tam Bảo chỉ vì bất mãn cá nhân.

Ba thời kỳ này đã được Đức Phật nói trong Chánh Kinh. Sau đây là trích dẫn và giảng rộng một số bài Kinh về vấn đề này.

Kinh Tương Ưng tập 2 – Chương V, Tương Ưng Kassapa – XIII, Tượng Pháp:

"Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Mahā Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahā Kassapa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

- Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

- Này Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tượng pháp không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất. Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.

- Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất. Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

- Ở đây, khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất. Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.

*Này Kassapa, **có năm thối pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất**. Thế nào là năm?*

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư; sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không tôn kính, không tùy thuận học giới; sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định.

Này Kassapa, chính những thối pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

*Và **có năm pháp**, này Kassapa, **đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp**. Thế nào là năm?*

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư; sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp; sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng; sống kính trọng, tùy thuận học giới; sống kính trọng tùy thuận Thiền định.

Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp."

Trong Kinh Tương Ưng - Tương Ưng Kassapa, Đức Phật đề cập đến Chánh Pháp (Diệu Pháp), Tượng Pháp, và Mạt Pháp (Diệu Pháp biến mất, hay Diệu Pháp hỗn loạn). Thời kỳ Mạt Pháp rồi cũng sẽ xảy ra. *Khi có Phật ra đời thì mới có Chánh Pháp, hay Tứ Niệm Xứ, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo v.v..* Vậy Mạt Pháp tức là khi không còn Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế trên đời nữa. *"Không còn"* ở đây nghĩa là sao? Ví dụ công thức Toán học *5+5=10, 2*2=4* muôn đời vẫn là như vậy, nhưng giả sử có một lúc nào đó, người ta không biết về bảng cửu chương hay phép cộng, phép trừ nữa. Những công thức đó vốn vẫn là thế, nhưng vấn đề là không còn ai biết đến những công thức đó nữa. Tương tự, Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế vẫn là quy luật, công thức, hay con đường dẫn đến Giác ngộ thì muôn đời vẫn là như thế, nhưng trong thời kỳ Mạt Pháp, không còn ai biết đến Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế nữa. Chúng sanh sẽ chìm đắm trong sinh tử luân hồi cho đến khi có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác ra đời thì Bát

Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế mới lại được biết đến. Những điều này được giải thích rõ ràng trong bài Kinh sau.

Kinh Mi Tiên Vấn Đáp, câu số 139 - *Đức Thế Tôn là người khai sáng Đạo hay Đạo có sẵn từ ngàn xưa?* Đây là câu hỏi của đức vua Mi-Lan-Đà hỏi Tỳ-kheo Na-Tiên:

- Thưa đại đức! Đạo vốn có sẵn tự ngàn xưa phải chăng?

- Vâng, có tự ngàn xưa, do chư Phật quá khứ đã khai sáng, đã tìm ra.

*- Thế sao Đức Thế Tôn của chúng ta lại nói rằng: **"Như Lai là người làm cho Đạo chưa phát sanh được phát sanh"?** Vậy ra lời nói sau lại nghịch ngôn, mâu thuẫn với lời nói trước.*

*- Chẳng có hai lời sái nghĩa đâu, tâu đại vương! Đạo xưa ấy là nói về **Bát Chánh đạo**, con đường có tám chi; đấy là con đường đi đến giải thoát, chấm dứt sinh tử luân hồi. Chính chư Phật quá khứ sau khi giác ngộ **con đường**, đã tán dương, tuyên thuyết con đường ấy cho chúng sanh thực hành, noi theo. Nhưng khi các Ngài nhập diệt, Bát chánh đạo ấy cũng theo thời gian mà khuất lấp đi, chẳng còn ai biết đến để tu tập nữa. Đến thời Phật Thích Ca, do công hạnh Ba-la-mật sâu dày, Ngài đã **vén mở con đường xưa cũ**; đã phát hiện lại con đường, đã phát quang lại con đường, tu tập theo con đường, giác ngộ con đường... cho nên gọi là*

*làm cho **con đường được phát sanh**! Lý nghĩa ấy thì có gì mâu thuẫn đâu, tâu đại vương?*

*- Thưa đại đức! Phát sanh là chưa có mà bây giờ lại có, lại sanh ra. Còn Đạo vốn là **cái có sẵn** nên không thể lập ngôn như vậy được!*

- Đại vương nói rất có lý. Nhưng đại vương nghĩ thế nào trong trường hợp viên ngọc Mani với đức Chuyển luân Thánh Vương? Phước đức của đức Chuyển luân Thánh Vương từ ngàn xưa có công năng làm cho ngọc Mani xuất hiện, gọi là ngọc Mani phát sanh đến cho đức Chuyển luân Thánh Vương. Nhưng đến khi đức Chuyển luân Thánh Vương mãn tuổi thọ, ngọc Mani ấy cũng bị biến mất, đến trú ẩn nơi đỉnh núi Vikula. Nhiều đời sau, đức Chuyển luân Thánh Vương khác lại ra đời trên thế gian, ngọc Mani xuất hiện, lại tìm đến cho đức vua ấy. Thế có thể lập ngôn là ngọc Mani phát sanh đến cho đức Chuyển luân Thánh Vương không hở đại vương?

- Có thể được.

- Nghĩa là đức vua ấy không thể tạo ra ngọc Mani mà Mani ấy vốn có sẵn?

- Đúng vậy.

*- Chữ **"phát sanh"** mà Đức Thế Tôn dùng cũng nằm trong ngữ nghĩa ấy. Đức Thế Tôn không tạo ra Đạo mà Đạo vốn là có sẵn.*

- Trẫm hiểu rồi.

- Ngọc Mani xưa thần bí, ẩn tàng không ai có thể thấy được, chẳng ai có khả năng làm cho nó lộ diện, chỉ có công năng phước báu của đức Chuyển luân Thánh Vương mới làm cho nó phát sanh. Tương tự như thế, ***Bát Chánh đạo*** *sâu kín, mầu nhiệm, khó thấy, khó tìm; chẳng ai trong tam giới có khả năng làm cho Bát Chánh đạo hiện hữu; chỉ có công hạnh Ba-la-mật sâu dày, trí tuệ vô thượng của Đức Phật mới có công năng làm cho Bát Chánh đạo phát sanh giữa cuộc đời.*

- Trẫm đã hiểu.

- Lại nữa, ví như người nữ sanh con. Trong bụng người nữ có con mới gọi là người nữ sanh con. Nếu trong bụng người nữ không có con thì người nữ có sanh con được không hở đại vương?

- Chẳng thể nào.

- Đức Phật giác ngộ Bát Chánh đạo từ ngàn xưa, ở trong tâm, rồi nói ra Bát Chánh đạo ấy; cũng như người nữ có con trong bụng, rồi sanh đứa con ấy ra, tâu đại vương!

- Hay lắm!

- Lại nữa, ví như một người đàn ông giàu có, của cải tài sản, châu báu được chôn giấu nhiều nơi; do chiến tranh, loạn lạc, vật đổi, sao dời, người đàn ông không tìm ra tài sản ấy nữa. Sau đó, do cố gắng, do

kiên trì, do trí nhớ, ông ta đã tìm lại được. Ấy có thể gọi là làm cho tài sản phát sanh trở lại không, hở đại vương?

- Có thể được.

*- Lại nữa, ví như một người đàn ông nọ tự ý vào rừng, nhắm hướng Đông Tây Nam Bắc rồi chặt bỏ bụi bờ, gai góc, làm sạch một con đường, thì tình cờ phát hiện một con đường xưa cũ bộ hành qua lại. Tương tự như thế, Đức Thế Tôn cũng là một người đi vào một khu rừng, phát quang bụi bờ gai góc, chợt tìm ra con đường **Bát Chánh đạo** mà chư Phật quá khứ đã đi qua, vốn đã bị thời gian khuất lấp. Trường hợp ấy cũng cùng một ý nghĩa cả, tâu đại vương!*

- Trẫm đã hết nghi ngờ rồi, thưa đại đức".

II. NHỮNG BÀI KINH NÓI VỀ MẠT PHÁP

Kinh Tương Ưng tập 2 - Chương IX - Tương Ưng Thí dụ - Bài VII. Cái Chốt Trống:

"...Trú ở Sāvatthi.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasārahā có một cái trống tên là Anaka. Khi cái trống Anaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasārahā đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái

thùng ván của trống Anaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai. Những bài Kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh Không, họ sẽ không nghe khi các Kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lóng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.

Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ, với những câu văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lóng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh Không, sẽ đi đến tiêu diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Những bài Kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh Không, chúng tôi sẽ nghe khi các Kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lóng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm. Và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các

pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập".

Trong bài kinh này, Đức Phật lấy ví dụ về cái chốt trống của Trống chiêu tập Anaka. Ban đầu nó bị nứt, người ta chèn một cái chốt vào thì vẫn còn gọi là cái Trống Anaka, từ từ nó hư cái thùng thì thay cái thùng, hư tấm ván thay tấm ván, dần dần không còn cái gì từng thuộc về cái trống như ban đầu nữa nhưng người ta vẫn gọi nó là cái Trống Anaka. Sau đó Đức Phật dạy là có những bài Kinh có nghĩa lý thâm sâu vi diệu, rồi từ từ người ta không có lóng tai, không có thuộc lòng, không có thực tập theo những bài Kinh đó nữa. Nhưng mà người ta thích nghe cái gì? Họ thích nghe những gì êm tai, hoa mỹ, văn chương, nghệ thuật, dù nội dung không còn là lời Phật nữa. Với trí tuệ của Đức Phật, Ngài thấy rõ là cứ như thế thì theo thời gian thời Mạt Pháp sẽ đến.

Có nhiều bài Kinh rất khô khan, khó hiểu. Cho nên, để giúp người nghe hiểu, quý thầy cũng dùng rất nhiều phương tiện khi giảng, như đưa dẫn chứng, ví dụ, dùng ngôn từ sao cho nhẹ nhàng, gần gũi với đời sống của mọi người, nhưng vẫn cố gắng giữ nguyên nội dung của bản Kinh. Vậy dấu hiệu của thời Mạt Pháp là người ta không biết đến Chánh Pháp nữa vì người ta chỉ nghe những câu văn chương, hoa mỹ mà trong nội dung không còn Phật ngôn nữa.

Kinh Tăng Chi - Chương VIII Pháp - Phẩm Gotami - Bài Kinh số 51: Mahāpajāpatī Gotamī:

- Này Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài, và ***diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm****.*

Vì rằng, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ānanda, ***diệu pháp được tồn tại năm trăm năm****.*

-Ví như, này Ānanda, ***những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp não hại****. Cũng vậy, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài.*

-Ví như, này Ānanda, khi nào một ***chứng bệnh được tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài****. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài.*

-Ví như, này Ānanda, ***khi nào một chứng bệnh được tên là "đỏ sét" rơi vào một ruộng mía đã chín,***

***thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài**. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài.*

*-Ví như, này Ānanda**, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua**, cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành kính tám pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua."*

*Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận **tám kính pháp**, thời Gotamī có thể được thọ cụ túc giới:*

• Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, xử sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Tỷ-kheo-ni không thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tự tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghi. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Tỷ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp pakkhamànattam (man-na-đọa) cho đến nửa tháng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Không vì duyên cớ gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

• Này Ananda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp này, thời cho phép Mahāpajāpatī Gotamī được thọ cụ túc giới."

Đây là sơ lược về nguyên nhân có bài Kinh trên. Sau khi Thái Tử Tất-Đạt-Đa đản sanh được 7 ngày, mẹ của Ngài *(Hoàng Hậu Mayā)* mất. Bà *Gotamī* chính là người mẹ thứ hai và cũng là dì ruột của Ngài, đã hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng Ngài khôn lớn. Vào mùa Hạ thứ năm, Đức Phật cùng Tăng đoàn an cư nhập hạ tại giảng đường *Kuṭāgāra*, trong khu rừng lớn gần kinh thành *Vesālī*. Dì mẫu *Mahāpajāpatī Gotamī* cùng 500 người nữ dòng *Sakya* tự cạo đầu mặc y như bậc xuất gia, đi chân không từ kinh thành *Kapilavatthu* đến kinh thành *Vesālī*, xin Phật cho xuất gia. Khi Đức Phật không cho phép người nữ xuất gia, trở thành Tỳ-kheo Ni trong giáo Pháp của Ngài, họ tủi thân đứng khóc trước cổng giảng đường. Cảm thương dì mẫu *Gotamī*, Thầy A-Nan vào xin Đức Thế Tôn. Sau khi Phật từ chối 3 lần, Thầy A-Nan hỏi Đức Phật, *"Bạch Đức Thế Tôn, nữ nhân tu tập có đắc Thánh không?"* Đức Phật trả lời là: *"Người nữ tu tập vẫn đắc Thánh."* Sau đó Ngài mới dạy Thầy A-Nan về lý do Ngài không muốn cho người nữ xuất gia và tám kính pháp như trên.

Như vậy, theo Chánh Kinh trong Kinh Tăng Chi, chương VIII Pháp, Phẩm Gotamī luôn, không phải theo Chú giải, Đức Phật dạy nếu người nữ không xuất gia thì Chánh Pháp tồn tại được 1.000 năm, còn nếu người nữ xuất gia thì Chánh Pháp chỉ tồn tại có 500 năm.

Khi đọc đến đây, chắc đọc giả nữ thấy buồn và suy nghĩ, *"Chắc thân phận của con là kém mọn gì nữa*

đây!" Hoặc ai chưa hiểu có thể nói, *"Lại phân biệt nam nữ nữa rồi!"* Trong 3 bài giảng **Nữ Nhân**, quý vị thấy trong Giáo Pháp có sự phân biệt nam nữ không? Không. Nhưng có những quy luật, công thức, sự thật không thể chối cải. Đức Phật giải thích:

"***… Những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp não hại****…"*

Nghĩa là gia đình không có nhiều người khỏe mạnh (người nam) thì gia đình ấy dễ gặp nguy hiểm, không được bảo vệ tốt.

Tiếp theo, Thế Tôn lấy một ví dụ khác, đó là khi một chứng bệnh gọi là *"trắng như xương"* xuất hiện ở một ruộng lúa chín thì ruộng lúa ấy không an trú lâu dài. Bệnh này do một loại nấm gây ra, thường xuất hiện khi cây lúa đẻ nhánh cho đến thời kỳ chín. Cây lúa nào mắc bệnh này sẽ thấy cổ bông bị bạc trắng và không thể cứu vãn. Trong Kinh nói khi ruộng lúa có bệnh này thì ruộng ấy không sống lâu:

"*…khi nào một* ***chứng bệnh được tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài****. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài…"*

Đức Phật lấy thêm một ví dụ nữa tương tự như bệnh *"trắng như xương"* ở ruộng lúa chín, đó là bệnh *"đỏ sét"* ở ruộng mía đã chín. Ruộng mía nào mà bị căn bệnh này thì cũng sẽ mau chết. Bệnh này do một loại nấm gây ra làm cho tất cả bộ phận của cây mía như thân lóng, mầm mía, lá và bẹ lá đều bị hư hoại. Cũng vậy, người nữ xuất gia thì phạm hạnh không được an trú trong lâu dài, Chánh Pháp sẽ chỉ còn 500 năm thôi:

"*…**khi nào một chứng bệnh được tên là "đỏ sét" rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài**. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài…."*

Khi Thầy A-Nan xin Thế Tôn cho người nữ xuất gia, Ngài cho phép với điều kiện người nữ sau khi xuất gia phải thực hành Bát Kỉnh Pháp trọn đời:

"*...Ví như, này Ānanda**, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua**, cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành kính tám pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua…."*

Trong lớp Giáo lý Căn bản này đa phần là cư sĩ nên thầy không giải thích rõ chi tiết của Tám Trọng Pháp này. Ở đây chúng ta chỉ bàn *"Tại sao nữ nhân*

xuất gia thì Chánh Pháp giảm 500 năm?" Thứ nhất, vào thời Đức Phật, chư Tăng sống trong tinh xá, trong rừng, các gốc cây, trong hang đá, nơi ngôi nhà trống… nghĩa là đời sống Tam Y Nhất Bát. Khi các vị đã xuất gia rồi, *"trăm sông đổ về biển lớn"* và chúng ta tạm gọi gia tài của người tu chính là Tam Y Nhất Bát:

"Một bát cơm ngàn nhà,
Thân đi muôn dặm xa,
Mắt xanh xem trần thế,
Mây trắng hỏi đường qua."

Bên trong của các vị là định, bên ngoài là bát và y, một đời sống thong dong, tự tại. Đời sống xuất gia là không còn màng về chuyện vật chất, trú xứ,…nhưng nếu có người nữ xuất gia thì khó mà được như vậy nữa. Ở bài Kinh trên, Đức Phật nói: *"Những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp não hại…"* Nghĩa là nữ nhân trong gia đình ấy gặp nhiều nguy hiểm, không được an ninh. Cũng vậy, nếu người nữ xuất gia thì trú xứ của các vị ấy phải trong tầm mắt của chư Tăng vì lý do an ninh. Chẳng hạn, chư tỳ kheo có thể sống trong căn nhà trống, trong rừng, gốc cây,…nhưng người nữ xuất gia thì không thể vì sống như vậy rất nguy hiểm. Trường hợp của Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc *(Uppalavaṇṇā)* là một ví dụ điển hình. Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc ở một cốc nhỏ trong rừng, khi ngài đi vào thành *Sāvatthī* khất thực thì một người đàn ông tên

Nanda theo dõi và biết được chỗ ở của ngài. Hắn lẻn vào cốc, trốn dưới gầm giường chờ ngài đi khất thực về rồi cưỡng hiếp. Lúc này Tỳ-kheo Ni Liên-Hoa-Sắc đã đắc Thánh quả A-La-Hán, nên sau khi tạo ác nghiệp trọng tội, tên *Nanda* đã bị đất rút và hút xuống đại địa ngục A-Tỳ *(Avīci)*.

Như vậy, người nữ xuất gia thì phải có chỗ ở hay trú xứ an toàn, cần được che chở, bảo vệ. Vào thời Đức Phật, Ấn Độ là quốc gia trọng nam khinh nữ, nên người nữ ở một mình rất nguy hiểm. Khi cần trú xứ thì nhiều vấn đề nảy sinh như xây trú xứ, tốn thời gian chăm lo cho trú xứ đó, cất giữ tài sản, vật thực. Hơn nữa, một khi người ta đã có một cái gì đó riêng thì phải có cái gọi là *"ta và của ta,"* và việc có trú xứ dễ dẫn đến việc *"thụ đắc"* hay còn gọi là chấp trước vào trú xứ ấy. Dần dần những điều này ảnh hưởng đến đời sống phạm hạnh, người tu không còn dốc hết thời gian, công phu tu tập, và Đạo Quả bị ngăn trở. Chính vì vậy mà Giáo Pháp sẽ bị giảm tuổi thọ còn 500 năm sau khi nữ nhân xuất gia.

Thứ hai, có nhiều lý do khác liên quan đến người nữ, và một trong những nguyên nhân đó là tính tình của họ. Đây là 3 bài Kinh liên quan đến tính tình của người nữ *(tham khảo bài Nữ Nhân)*:

1/ Vì sao Nữ nhân không thành tựu tinh túy sự nghiệp, đây là nội dung Thầy A-nan hỏi Đức Phật về khiếm khuyết, điểm yếu của người Nữ ***(Kinh Tăng***

Chi, chương IV Pháp, phẩm Không Hý Luận, Tinh Tuý Sự Nghiệp).

2/ Vì sao phần lớn Nữ nhân sau khi mất đọa vào khổ cảnh, đây là nội dung Thầy A-Nậu-Lâu-Đà hỏi Đức Phật ***(Kinh Tăng Chi Kinh, chương* III Pháp*, bài Kinh số 127: Anuruddha)***.

3/ Hai bài Kinh nói về sự nguy hại của *"con rắn đen"* trong ***Kinh Tăng Chi, chương V Pháp, phẩm Du Hành Dài, Kinh Rắn Đen***.

Tuy nhiên, nữ nhân có đắc Thánh quả được không? Câu trả lời là được. Nếu họ tu tập, cả cư sĩ và người xuất gia, đều có thể đắc quả vị cao nhất là A-La-Hán. Nghĩa là người nam có thể đắc Quả gì thì người nữ cũng đắc được Quả đó, trừ 5 quả vị là Phật Chánh Đẳng Giác, vua Chuyển Luân Vương, Ma Vương, vua Trời Đế Thích và Phạm Thiên.

Kinh Tiểu Bộ - Kinh Bổn Sanh - Chương I. Phẩm Varana - Kinh số 77. Chuyện Giấc Mộng Lớn *(Tiền thân Mahāsupina)*: Khi Đức Phật đang trú tại Kỳ Viên tinh xá *(Jetavana),* Ngài đã nói về 16 giấc mộng kỳ bí của Vua Ba-Tư-Nặc *(Pasenadi)*. Ở đây, chúng ta chỉ bàn chi tiết về giấc mơ thứ 11.

"...Bạch Thế Tôn, lúc gần tảng sáng, trẫm đã mơ mười sáu giấc mộng kỳ bí khiến trẫm kinh hoàng và kể lại cho các vị Bà-la-môn nghe. Các vị ấy bảo giấc mộng kia báo trước điềm dữ, vậy để tránh tai họa xảy

ra, chư vị ấy phải dâng lễ tế đàn ở bất kỳ ngã tư đường nào. Và chư vị ấy bận rộn chuẩn bị tế lễ, trong khi nhiều sinh vật lo sợ cái chết đang kề trước mắt. Song bạch Thế Tôn, xin hãy cho biết những gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng kia, Thế Tôn là bậc tối thượng của chư Thiên và loài người, bậc toàn trí về mọi việc hiện tại, quá khứ và vị lai.

11 - Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy bơ tươi được đem đi đổi lấy gỗ chiên đàn (trầm hương) quý trị giá cả một trăm ngàn đồng tiền. Đó là giấc mơ thứ mười một. Có điều gì xảy ra từ đó chăng?

- Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, ngày mà Giáo pháp của Ta suy tàn. Vào thời đó, nhiều Tỷ-kheo tham lam vô tàm vô úy sẽ xuất hiện, chỉ vì miếng cơm manh áo mà chúng thuyết giảng chính Giáo pháp Ta đã truyền bá cốt để tận diệt dục tham! Do chúng từ bỏ Giáo hội chỉ vì lợi dưỡng tấm thân và đứng vào hàng ngũ của bọn tà giáo, nên chúng không thể giảng Chánh pháp đưa đến Niết-bàn. Không, chúng chỉ suy nghĩ, trong lúc giảng pháp, làm sao dùng đủ lời lẽ hoa mỹ và giọng nói ngọt ngào để dụ dỗ quần chúng đem cho chúng thực phẩm, y phục đắt tiền cùng các thứ đại loại như thế và chỉ chuyên tâm đến lợi dưỡng cúng dường. Có những kẻ ngồi ở đại lộ, góc đường, hoàng môn... cúi mình xuống giảng pháp vì tiền, vì các đồng tiền lớn nhỏ. Và trong khi chúng đem bán rẻ Giáo pháp đưa đến Niết-bàn vô giá để đổi lấy

thực phẩm, y phục, vàng bạc thì chúng có khác gì kẻ đem đổi gỗ chiên-đàn đáng giá trăm ngàn đồng để lấy thứ bơ tươi kia?...”

Những gì Đức Thế Tôn giảng giải về giấc mơ của vua Ba-Tư-Nặc bây giờ đã bắt đầu xuất hiện. Giáo Pháp suy tàn dần, ngày càng có nhiều nhiều người tham lam, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Chỉ vì miếng cơm manh áo, vì lợi dưỡng mà người tu đi theo tà giáo, không truyền bá những Pháp tận diệt tham dục, không giảng Chánh Pháp đưa đến Niết Bàn.

Có một ví dụ rất ấn tượng nhưng cũng rất đau lòng. Khi chư Tăng Ni giảng Pháp hoặc ngay cả khi Phật tử nói Pháp cho ai đó nghe giống như mình đem tặng viên ngọc quý cho họ vậy. Nhưng nếu chúng ta giảng Pháp mà mong cầu người nghe cho mình hay cúng dường cho chùa cái gì đó, thật chẳng khác nào mình đem tặng viên ngọc quý cho họ mà xin lại miếng nước bọt của họ vậy. Càng hiểu Pháp, mình càng tôn kính, trân quý Pháp, càng hoan hỷ chia sẻ Pháp đến người muốn học. Nhưng thầy muốn nhấn mạnh điều này: *Pháp phải có người thỉnh thì mới giảng* vì nếu người nghe không tôn kính Pháp thì họ sẽ không trân quý, thậm chí có thể xem thường Pháp Bảo, và vì thế mà vô tình tạo bất thiện nghiệp.

Trong kinh còn lưu lại câu chuyện về cô thị nữ lưng gù *Khujjuttarā* đối thoại với Hoàng hậu *Sāmāvatī,* và đây là một bài học sâu sắc cho chúng ta. Cô

Khujjuttarā thân phận là tỳ nữ. Sau khi có duyên được nghe Đức Phật thuyết Pháp, cô đắc quả Thánh Tu-Đà-Hoàn và được Thế Tôn ca ngợi là vị cư sĩ có biệt hạnh đệ nhất thuyết Pháp. Khi Hoàng hậu *Sāmāvatī* thỉnh cô thuyết Pháp, cô trả lời: *"Thưa Hoàng hậu đáng kính, Pháp ấy không dễ thuyết. Thứ nhất là phải biết kính trọng Pháp, thứ hai là phải biết kính trọng người thuyết, thứ ba là người thuyết và người nghe phải dọn mình cho sạch sẽ, thanh tịnh."* Mặc dù ở địa vị gần như tối cao, nhưng để được nghe cô thuyết Pháp, hoàng hậu phải thỉnh cô và phải ngồi thấp hơn cô. Nếu đọc không kỹ hay hiểu không tới, nhiều người sẽ nghĩ: "Phận nô tỳ mà bày đặt chảnh với hoàng hậu." Nhưng mọi người nên hiểu rằng về những phương diện ngoài đời, cô *Khujjuttarā* không hề bất kính đối với hoàng hậu, nhưng ở đây cô yêu cầu như vậy vì lòng tôn kính Pháp, vì hoàng hậu muốn nghe Pháp, vì chính Đức Phật cũng tôn kính Pháp, cũng nương Pháp mà thành Đạo.

Kinh Tăng Chi, chương VIII Pháp: trong bài kinh này, Đức Phật dạy có 8 lỗi lầm của cư sĩ khiến chư Tăng úp bát, không nhận sự cúng dường. Thời Đức Phật, các vị Tỳ-kheo ôm bát đi khất thực, và thí chủ cúng gì thì ăn đó. "Úp bát" nghĩa là vị Tỳ-kheo không nhận vật thực, đồng nghĩa là thí chủ đó bị mất đi cơ hội quý báu là cúng dường tạo phước, gieo duyên lành. Trong 8 trường hợp úp bát thì có 3 trường hợp do thí chủ xúc phạm Phật – Pháp – Tăng.

"Này chư Tỳ-kheo, với người cư sĩ có một trong tám lỗi này, Tăng chúng có thể úp bát đối với người ấy, nếu muốn:

1- Cố tình làm cho chư Tỳ-kheo mất lợi lộc (Bhikkhūnaṃ alābhāya parisakkati), như là ngăn chặn người khác cúng dường các Tỳ-kheo.

2- Cố tình gây bất lợi cho chư Tỳ-kheo (Bhikkhūnaṃ anatthāya parisakkati), như là làm cho các Tỳ-kheo bị xáo trộn, lo sợ mà không tu tập được.

3- Cố tình làm cho chư Tỳ-kheo không chỗ ở (Bhikkhūnaṃ anāvāsāya parisakkati), như là đập phá tịnh thất của chư Tỳ-kheo, hoặc đuổi các Tỳ-kheo đi khỏi chùa mà họ có quyền hạn.

4- Mắng chửi nhiếc móc các Tỳ-kheo (Bhikkhū akkosati paribhāsati), như nói với Tỳ-kheo bằng lời khiếm nhã do sân tâm.

5- Chia rẽ Tỳ-kheo với Tỳ-kheo (Bhikkhū Bhikkhūhi vibhedeti), như là nói ly gián giữa các Tỳ-kheo, tạo sự bất hòa giữa các Tỳ-kheo, làm cho các Tỳ-kheo không hòa hợp.

6- Phỉ báng Phật (Buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati), như là nói lời phạm thượng, nói xuyên tạc, nói lời bất kính với Đức Phật.

7- Phỉ báng Pháp (Dhammassa avaṇṇaṃ bhāsati), nói lời công kích, xuyên tạc, bất kính với Giáo Pháp.

8- Phỉ báng Tăng (Saṅghassa avaṇṇaṃ bhāsati), nói mạ lỵ, xuyên tạc, bất kính đối với Tăng chúng."

Kinh Trường Bộ - Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống, bài Kinh số 26: Trong bài Kinh này, Đức Thế Tôn tuyên bố những gì sẽ xảy ra trong thời Mạt Pháp, khi tuổi thọ của chúng sanh còn 10 tuổi. Trung bình, cứ 100 năm thì tuổi thọ con người giảm 1 tuổi. Ở kiếp hiện tại, tuổi thọ của nhân loại trung bình là hơn 70 tuổi và chúng ta đang sống trong "kiếp giảm."

"...Này các Tỷ kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài người chỉ sống đến mười tuổi. Này các Tỷ kheo, ***khi tuổi thọ loài người chỉ mười tuổi****, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia đình. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, loại hột Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Này các Tỷ kheo, như hiện nay cháo thịt là những món ăn tối thượng, cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, loại hột Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi,* ***mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tối đa****. Này các Tỷ kheo, khi tuổi*

thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện?..."

Theo bài kinh này, điều đáng sợ nhất khi tuổi thọ của loài người chỉ còn 10 năm là *"mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tối đa."* Mười thiện hạnh nghĩa là **Thập Thiện**, 10 cách tạo phước:

-*Thân thiện nghiệp* gồm không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm;

-*Khẩu thiện nghiệp* gồm không nói dối, không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục, không nói lời vô ích;

-*Ý thiện nghiệp* gồm không tham lam, không thù hận, từ bỏ tà kiến (có chánh kiến).

Trái với Thập Thiện là **Thập Ác**: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, tham lam, thù hận, tà kiến. "*Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện?"* Như vậy, con người chỉ toàn tạo ác nghiệp, tức là chỉ có một kết cục chờ đợi là đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Hiện tại chúng ta cũng đã biết đâu đó những trường hợp cực ác như giết người, trộm cướp rất nhẫn tâm. Đây là những dấu hiệu cho thấy loài người đang bước dần vào thời Mạt Pháp rồi.

"...Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, ***những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với người cầm đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương****. Này các Tỷ kheo, như hiện nay những ai hiếu hính với cha mẹ, kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính đối với những người cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với các vị cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương..."*

Nghĩa là vào thời Mạt Pháp, những kẻ kém đạo đức thì được tán dương, ca tụng. Trong thời đại ngày nay, chúng ta đã thấy những người quậy phá, nói những ngôn từ thô tục, hoặc làm những điều bất thiện mà lại được người khác tán dương chưa? Hiện tượng này giờ đã xuất hiện, và sẽ tràn lan trong thời Mạt Pháp.

"...Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào ***thông dâm*** *như dê, gà, heo, chó và chó rừng..."*

Tại sao thời đó lại loạn luân như vậy? Vì con người sống với quá nhiều tâm bất thiện. Cho nên khi

học những bản Kinh này, biết được những gì sẽ xảy ra trong thời Mạt Pháp nhờ lời dạy của Đức Phật, mình phải ráng lo tu, đừng để sanh vào giai đoạn này, vì rất dễ cộng nghiệp mà kéo nhau đi xuống. Nếu chưa chứng ngộ Niết Bàn thì hy vọng với thật nhiều thiện nghiệp, mình có thể tái sanh lên cõi Trời, làm chư Thiên và được gặp các vị Thánh nhân trên ấy để tiếp tục tu học. Mình cũng nên tự nhắc mình tu bằng những câu như: *"Đường sinh tử hồn ai nấy giữ;"*

"Lênh đênh trong cõi Diêm Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm."

"...Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, ***hại tâm rất mãnh liệt****, sát tâm rất mãnh liệt. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em, hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Này các Tỷ kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt khởi lên. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt…*

...Này các tỷ kheo, khi loài Người tuổi thọ chỉ có mười tuổi, đao trượng kiếp khởi lên trong bảy ngày, trong thời gian ấy họ xem nhau như loài thú, dao kiếm

sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với dao kiếm sắc bén ấy họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú…"

"Đao trượng kiếp" tức là giai đoạn 7 ngày người ta chém giết nhau, xem nhau như loài thú. Trong thời gian đó, nghiệp ác của chúng sanh trổ quả nên họ tàn sát lẫn nhau, không còn tính người. Giai đoạn Mạt Pháp còn có những nguyên nhân khác khiến người ta mất mạng như dịch bệnh, nạn đói. Nhưng may thay, trong đoạn Kinh sau bắt đầu có ánh sáng.

"...Này các Tỷ kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: ***"Chúng ta chớ giết ai; mong đừng ai giết chúng ta.*** *Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây". Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung sướng thay được thấy bạn còn sống!" Này các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ:* ***"Vì chúng ta tạo nhân bất thiện nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy. Vậy chúng ta hãy làm điều thiện****. Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh. Đó là điều thiện chúng ta có thể làm".* ***"Chúng ta sẽ không sát sanh"****, đó là điều thiện họ làm. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh,*

nên tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ, thọ đến hai mươi tuổi.

Này các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Chúng ta nhờ hành thiện pháp làm nhân, nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vậy chúng ta hãy làm việc thiện nhiều hơn nữa. ***Chúng ta hãy gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không làm các tà hạnh, gìn giữ không nói láo, gìn giữ không nói hai lưỡi, gìn giữ không ác khẩu, gìn giữ không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến, tà bỏ ba pháp tức là phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến****. Chúng ta hãy hiếu kính cha mẹ, kính lễ các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu trong gia đình. Chúng ta hãy thực hành thiện pháp ấy…"*

Trong vô số người đang cuồng sát đó, may mắn là một số ít người còn biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi nên trốn vào nơi hẻo lánh, rồi họ an ủi, khích lệ nhau bỏ điều bất thiện, dần dần giữ giới, hành Thập Thiện, nên tuổi thọ của loài người nhờ vậy cũng tăng lên dần, đến 80.000 tuổi thì Đức Phật Di Lặc *(Metteyya)* ra đời.

"…Này các Tỷ kheo, ***khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời****, là vị A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô*

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng, và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời, loài Người; như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời và loài Người. Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; như Ta hiện nay thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hành hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ kheo Tăng đoàn; như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ kheo Tăng đoàn vậy…"

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai, Kinh Tăng Chi, Chương V Pháp, Phẩm VIII Chiến Sĩ:

"Có năm sợ hãi về tương lai này, hiện chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

1. Này các Tỷ-kheo, ***các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp****. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đống rác, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa*

vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, họ sẽ rơi vào những hành vi tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

*2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các đồ ăn khất thực ngon lành**. Do họ tham muốn các đồ ăn khất thực ngon lành, họ sẽ từ bỏ nếp sống khất thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy, tìm cầu các món ăn thượng vị, như với đầu lưỡi. Do nhân đồ ăn khất thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp.*

*3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo**, những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn sàng tọa tốt đẹp**. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp.*

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có ***những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, các chánh học nữ, các Sa-di-ni****. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, chánh học nữ, Sa-di-ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.*

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có ***những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn, với các Sa-di****. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy."

Đại ý Đức Phật dạy là trong tương lai sẽ có những người chỉ tham đắm vào đời sống vật chất, bỏ bê đời sống tâm linh, nên những thiện pháp, Chánh Pháp dần dần biến mất, mất gốc.

Trên đây là một vài bài Kinh nói về thời Mạt Pháp là như thế nào. Chúng ráng tu làm sao để không tái sanh vào thời Mạt Pháp nếu không sẽ đau khổ triền miên.

III. NHỮNG LÝ DO MẠT PHÁP

Kinh Tương Ưng – Tương Ưng Ca-Diếp *(Kassapa):* Đức Phật đề cập 5 lý do dẫn đến Mạt Pháp.

"Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

-Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

*-Này Kassapa, **DIỆU PHÁP không biến mất cho đến khi nào TƯỢNG PHÁP không hiện ra ở đời.** Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.*

*-Ví như, này Kassapa, **vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời**. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.*

-Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

-Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

*-Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất**.*

Các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

*1/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **bậc Đạo Sư,***

*2/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **Chánh Pháp,***

*3/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **chúng Tăng,***

*4/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **học Giới,***

*5/ Sống không tôn kính, không tùy thuận đối với **Thiền Định**.*

-Này Kassapa, chính những thối pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

Tứ chúng đệ tử gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, cận sự nam, cận sự nữ. Bậc Đạo Sư là Đức Phật. Ngày nào mà từ người xuất gia đến người cư sĩ *'sống không tôn kính, không tùy thuận'* nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, nơi học Giới và nơi Thiền Định thì diệu pháp sẽ biến mất. '*Không tôn kính, không tùy thuận'* nghĩa là không còn tin tưởng, không thực hành theo lời Đức Phật, theo Chánh Pháp và chư Thánh Tăng hướng dẫn nữa. Tứ chúng lúc này cũng không tu học theo Giới và Thiền Định nữa mà chỉ tôn kính, quy thuận những ác pháp,

văn chương của thi sĩ như trong bài Kinh Cái Chốt Trống.

Và cũng trong bài Kinh này, Đức Phật nêu ra 5 lý do đưa đến diệu pháp không biến mất, được bền vững. Đó là khi tứ chúng tôn kính, tùy thuận Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thiền Định.

"Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

*1/ Sống kính trọng, tùy thuận **bậc Đạo Sư**,*

*2/ Sống kính trọng, tùy thuận **Chánh Pháp**,*

*3/ Sống kính trọng, tùy thuận **chúng Tăng**,*

*4/ Sống kính trọng, tùy thuận **học Giới**,*

*5/ Sống kính trọng tùy thuận **Thiền Định**.*

Chính NĂM PHÁP này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp".

Kinh Tăng Chi – Chương V Pháp – Phẩm Diệu Pháp. Trong phẩm này Đức Phật dạy ba bài Kinh, mỗi bài là 5 lý do dẫn đến Mạt Pháp.

Bài Kinh số 154: Diệu Pháp Hỗn Loạn (1)

"Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Thế nào là năm?

1/ Các Tỷ-kheo không cẩn trọng nghe Pháp (Ở đây, các Tỳ-kheo là đại diện cho tứ chúng gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ.)

2/ Không cẩn trọng học thuộc lòng Pháp (nghĩa là nghe với tâm không tôn kính, không cẩn trọng, không cố gắng ghi nhớ gì hết, nghe như *"cưỡi ngựa xem hoa,"* nghe lướt lướt, tai này qua tai kia, nghe Pháp kiểu *"trí tuệ bắp vế, trí tuệ lộn ngược"*.)

3/ Không cẩn trọng thọ trì Pháp (nghĩa là không cẩn thận áp dụng, thực hành Pháp.)

4/ Không cẩn trọng quan sát ý nghĩa các Pháp được thọ trì Tức là không cẩn thận, tôn kính, cố gắng thấu hiểu các Pháp thọ trì; không tinh tấn thực hành, không hiểu Pháp thông qua sự thực hành, không quan sát sự thực hành Pháp, không đối chiếu sự thực hành của mình với những gì được giảng dạy để ngày càng hiểu sâu hơn, thực hành đúng đắn hơn; không học và hành hết lòng mà chỉ có hình thức.

5/ Không cẩn trọng thực hành Pháp và tùy Pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu Pháp:

nghĩa là chỉ học để hiểu Pháp trên lý thuyết nhưng không hết lòng thực tập, không sống với Pháp thường xuyên.

Bài Kinh số 155: Diệu Pháp Hỗn Loạn (2)

"Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn, và biến mất. Thế nào là năm?

1/ Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ***không học thuộc lòng*** *Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất…*"

Việc thuộc lòng Pháp là rất quan trọng. Đến hôm nay trên thế giới chỉ còn khoảng hơn 10 vị là học thuộc lòng Tam Tạng Kinh - Luật - Luận. Mình không có trí nhớ xuất chúng như các vị đó thì cũng cố gắng học thuộc một số bài kinh quan trọng. Tại sao? Vì Kinh là lời dạy của Phật, là kim chỉ nam hướng dẫn mình sống ngày càng hướng thượng và đến bờ Giải thoát. Lời Kinh học nằm lòng sẽ là sự nhắc nhở cho mình về cách thức, con đường tu tập, giúp mình tỉnh ra khi gặp phiền não. Có nhiều khi mình chỉ học thuộc và hiểu còn nông cạn, nhưng trong một hoàn cảnh nào đó, lời Phật dạy lại ứng đúng vào, khiến mình bừng ngộ, thấu hiểu lời Ngài dạy ở những mức độ sâu hơn. Học thuộc kinh cũng là một thiện nghiệp mình mang theo khi còn trôi

nổi trong bể trầm luân. Một lý do quan trọng nữa là học thuộc Kinh là một cách tôn kính, gìn giữ lời Phật dạy, không để mai một theo thời gian

*"...2/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo **không thuyết Pháp** một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất..."*

Nghĩa là sau khi học hiểu rồi, dù đủ duyên như có người tha thiết học Pháp, mà mình không dạy lại, không chia sẻ hiểu biết, chỉ giữ riêng cho bản thân mình thôi. Mọi người nên nhớ rằng ***"Tối thượng của ái ngữ là tiếp tục thuyết Pháp cho những ai còn hy cầu và lóng tai nghe"*** *(Kinh Tăng Chi, chương IX Pháp, phẩm Chánh Giác, Kinh Những Sức Mạnh)*. Tức là nếu có người tôn kính, trân quý Pháp và muốn nghe Pháp thì chúng ta nên chia sẻ với họ trong khả năng của mình. Thứ nhất, khi tu học đúng thì mọi người đỡ lạc vào tà kiến, đỡ gây nhân đau khổ cho chính họ và cho chúng sanh khác. Thứ hai, khi càng nhiều người hiểu Pháp thì Chánh Pháp còn tồn tại lâu dài và nhờ đó mà nhiều người được hưởng lợi lạc.

*"...3/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo **không để cho các người khác nói Pháp** một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất..."*

Lý do thứ 2 là không thuyết Pháp rộng rãi, còn lý do thứ 3 là ngăn cản, không tạo duyên cho người khác thuyết Pháp. Như vậy, để Phật Pháp lưu truyền, vững bền, Phật tử nên hỗ trợ việc thuyết Pháp rộng rãi. Mình chỉ có thể nói Pháp cho 1 hay 2 người nghe được, nhưng đối với cả hội chúng thì không thể, cho nên mình lập một đạo tràng rồi thỉnh chư Tăng đến thuyết Pháp. Việc thỉnh mời chư tăng thuyết Pháp gọi là tạo duyên cho người khác thuyết Pháp rộng rãi.

"...4/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ***không có đọc tụng Pháp một cách rộng rãi*** *như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất..."*

Đọc tụng Pháp nghĩa là đọc Kinh, tụng Kinh. Khi chúng ta tụng Kinh cũng là một cách để duy trì Phật Pháp có mặt trên đời. Khi không còn ai ôn tụng lại những lời dạy của Đức Phật nữa thì diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

"...5/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với ***tâm không tùy tầm, không tùy tứ, với ý không tùy quán Pháp*** *như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn, và biến mất."*

Tầm là sự hướng tâm đến, *tứ* là sự xem xét đối tượng, và *tùy quán* là sự quán xét đúng như thật. Như vậy, *'Không tùy tầm, không tùy tứ, ý không tùy quán Pháp'* nghĩa là sau khi được nghe Pháp mình không thường xuyên hướng tâm, suy tư, tìm hiểu cặn kẽ, quán sát về Pháp đã học, trên lý thuyết và trên thực tế thực hành các Pháp đó. Dù là người cư sĩ hay người xuất gia, chúng ta đều được Phật dạy rất nhiều cách, nhiều cấp độ để tu tập mọi lúc mọi nơi. Việc tìm hiểu cặn kẽ, suy xét về Pháp đã được học, và áp dụng, quan sát các Pháp đó trong thực tế cuộc sống, trong sự thực hành của mình ảnh hưởng rất nhiều đến sự trường tồn của Phật Pháp. Tại sao? Vì nếu không làm như vậy, mình sẽ không thấy được giá trị thực tiễn, cao quý của lời Phật dạy, không tự chứng ngộ giáo lý dẫn đến Giải thoát như bản chất *vô thường, khổ, vô ngã,* hay những chuỗi *nhân-quả* trùng trùng điệp điệp trong mọi hoạt động của thân và tâm, và mình sẽ ngày càng bỏ bê, thậm chí coi thường việc tu tập. Vì nếu không thường xuyên sống với Pháp như vậy, chúng ta sẽ hầu như chỉ sống theo đời, theo thói quen hành xử, suy nghĩ bị tham sân si thúc đẩy. Người ngoài nhìn vào sẽ đánh giá sao Phật tử hay người tu mà hành xử kỳ vậy, còn bản thân mình thì cứ tiếp tục, thường xuyên gieo nhân bất thiện mà không hay biết. Khi nhìn những người Phật tử như vậy, ai sẽ có thiện cảm, muốn tiếp cận để tìm hiểu, học hỏi, tu tập theo Phật nữa?

Bài Kinh số 156: Diệu Pháp Hỗn Loạn (3)

"Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

1/ Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ***học thuộc lòng Kinh điển bị nắm giữ sai lạc, với những văn cú đặt sai lầm****. Này các Tỷ-kheo, với văn cú đặt sai lầm, ý nghĩa bị hướng dẫn sai lạc. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất…"*

Trước tiên mọi người nên nhớ Tỷ-kheo ở đây là đại diện cho tứ chúng gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ. Nghĩa là lời dạy này không chỉ dành riêng cho bậc xuất gia. Giả sử để đi từ nhà mình đến chùa phải đi theo con đường này, rẻ phải tại ngã tư thứ ba, đi một đoạn 500m sẽ thấy chùa bên tay phải, nhưng có người chỉ mình rẻ trái tại ngã tư thứ hai, vậy mình có đến chùa được không? Chỉ một chuyện thật nhỏ như vậy mà bị hướng dẫn sai, mình đã lạc đường, hay mất công đi lại từ đầu, huống hồ gì việc đi trên con đường tu tập giải thoát, không phải chỉ đi trong một kiếp người và những hướng dẫn về cách tu tập cũng không phải là dành cho một chúng sanh duy nhất. Cho nên, việc tìm hiểu cho tới nơi, học và hiểu cho đúng Chánh Kinh, chính xác lời Phật dạy là vô cùng quan trọng. Đây cũng là lý do Chánh Kinh thường được dẫn trong các bài giảng của rất nhiều chư tăng ni, để góp phần gìn giữ cho diệu pháp không hỗn loạn và biến mất.

"…2/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ***là những người khó nói****, đầy đủ những tánh khiến họ trở thành khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, khiến diệu pháp hỗn loạn và biến mất…"*

Ở đây, Phật nói đến tính khó dạy bảo của Tỳ kheo hay của người nghe, học Pháp nói chung. Những ai từng phải dạy dỗ hay huấn luyện ai đó như con cháu, học trò, nhân viên mới mà người học có những tánh như Phật nói trong đoạn Kinh này chắc thấy dễ hiểu lắm. Một là gặp người trò như vậy, người thầy khó có hứng thú, nhiệt tâm truyền tải kiến thức, nhất là những điều tâm huyết. Hai là với tâm lý như vậy người học cũng khó mà tiếp thu trọn vẹn sự mọi chỉ dẫn, không thể làm tốt được việc cần làm. Hậu quả là trò không thể hơn thầy và thậm chí không thể bằng thầy, và những cái hay nhất, tinh túy nhất bị mai một là điều không tránh khỏi. Tương tự, nếu người học Pháp mà là người "*khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy"* thì Chánh Pháp khó được truyền bá rộng rãi, lâu dài

"…3/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, Thánh giáo được trao truyền, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy ***không cẩn trọng để cho người khác nói Pháp****. Do duyên này của họ, Khế kinh như bị đứt gốc, không còn là chỗ nương*

tựa. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất…"

"Không cần trọng để cho các người khác nói Pháp" tức là những vị đã hiểu nghĩa lý của Kinh rồi nhưng không thuyết Pháp mà để cho người không hiểu Pháp nói những điều sai lệch.

"…4/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ***các Tỷ-kheo Trưởng lão là những vị sống đầy đủ, biếng nhác****, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tri kiến của họ. Họ cũng sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.*

Đối tượng Phật nhắc đến trước tiên và cũng rất quan trọng ở đây là những bậc Trưởng lão trong hàng xuất gia. Khi những vị này từ bỏ lối sống phạm hạnh, từ bỏ lý tưởng, hoài bão là tu tập giải thoát, đắc Thánh quả, thì bản thân họ thối đọa trong đời này và đời sau và đáng sợ hơn nữa họ là những tấm gương xấu cho người khác nhìn vào. Khi ấy cả người xuất gia và người tại gia, dù có là Phật tử hay không, sẽ dễ mất niềm tin

nơi Tam Bảo, sẽ dễ tạo ác nghiệp khi chê trách hay bêu rếu những vị Trưởng lão này trong những lúc nói chuyện phiếm, và sẽ càng dễ dàng noi theo gương xấu đó mà không hết lòng sống hướng thiện, hướng thượng, và nhất là tu tập giải thoát. Như vậy, một trong những sự nguy hại cho Giáo Pháp là sự dễ duôi, phóng túng trong việc tu tập, trước tiên là của những bậc Trưởng lão, sau là của người ngoài đời.

*"...5/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **chúng Tăng bị chia rẽ**. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự thanh trừng lẫn nhau, có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín, không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.*

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất".

Và một trong những nguyên nhân đưa đến Mạt Pháp đó là *"chúng Tăng bị chia rẽ"*. Lúc này Tăng chúng không còn hòa hợp, không còn đoàn kết nữa và nhiều chuyện lục đục hay xảy ra. Đó là dấu hiệu của Mạt Pháp.

Khi học xong ba bài Kinh nói về lý do làm Diệu Pháp hỗn loạn và biến mất, thầy hy vọng mỗi chúng ta tự ngẫm lại những gì đang xảy ra ở hiện tại, và nhất là mình có góp phần dẫn đến Mạt Pháp không để tự chấn

chỉnh mình, cố gắng làm những gì tốt nhất có thể để gìn giữ cho Chánh Pháp tồn tại lâu dài.

IV. NHỮNG CHÚ GIẢI ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ BIẾN MẤT CỦA GIÁO PHÁP

1. Chánh Giác Tông *(Buddhavaṃsa)*

Từ đầu bài đến giờ, thầy giảng theo **Chánh Tạng** *(Tipiṭaka)*, nhưng trong phần cuối này, thầy giảng theo các bộ **Chú giải** *(Aṭṭhakathā)*. Trước khi đi vào chi tiết, mọi người nên nhớ là trong Chánh Kinh, tức là trong các bài Kinh bản gốc thì ***không có một bản Kinh nào Đức Phật nói là Giáo Pháp tồn tại 5.000 năm***. Nhưng trong nhiều bản Chú giải có nói là thời gian tồn tại, tuổi thọ của Giáo Pháp là 5.000 năm.

Hiện nay Phật lịch là 2.565 năm. Nếu tính theo các bản Chú giải thì tuổi thọ của Giáo Pháp đã đi được hơn nửa đoạn đường rồi. Trong bản **Chú giải Chánh Giác Tông *(Buddhavaṃsa)*** do Hòa Thượng Bửu Chơn dịch có nói về 5.000 năm tồn tại của Giáo Pháp được chia làm 5 thời kỳ. Phần này được tìm thấy trong bộ Chú giải nói về lời dạy của Đức Phật cho Ngài Xá-Lợi-Phất nhưng không được đề cập trong Chánh Tạng.

1/ Giai đoạn 1.000 năm đầu là sự biến mất của Đạo Quả. Tức là đúng 1.000 năm sau khi Đức Phật nhập

Niết Bàn thì từ từ không còn ai chứng Đạo Quả nữa, không còn xuất hiện các bậc Thánh nhân nữa.

2/ Giai đoạn 1.000 năm thứ hai là sự biến mất của Pháp Hành.

3/ Giai đoạn 1.000 năm thứ ba là sự tiêu hoại về Pháp Học, không có ai thuộc nằm lòng Tam tạng và Tam tạng mất dần dần. Đầu tiên là mất tạng Luận (Vi Diệu Pháp), đến tạng Kinh rồi đến tạng Luật. Tạng Luật mà mất thì Đạo cũng không còn vì Tạng Luật là nền tảng của Phật giáo.

4/ Giai đoạn 1.000 năm thứ tư là mất Tăng tướng, nghĩa là đắc thì không đắc, mà học cũng không thèm học, rồi hành cũng không hành, nhưng còn được Tam Y Quả Bát, rồi dần dần Tam Y Quả Bát mất luôn. Thời Đức Phật, Tăng chúng đi khất thực bằng bát, thí chủ cúng gì ăn đó. Vào 1.000 năm thứ tư này thì Tăng chúng không còn đi bát nữa mà khất thực bằng đòn gánh, bằng bao bố, bằng xe, tức là một người đi khất thực mà nuôi được rất nhiều người. Rồi theo thời gian hình tướng người tu mặc y cà-sa mất luôn. Tiếp theo là chỉ còn một mảnh vải vàng cột vào cổ tay hoặc vắt trên vai, hoặc dắt mép tai cho biết đây là người tu thôi.

5/ Giai đoạn 1.000 năm cuối cùng là sự biến mất của Xá-Lợi: ở 1.000 năm cuối này thì hình tướng người tu hoàn toàn đã biến mất. Theo Chú giải thì đến giai đoạn này tất cả Xá-Lợi trong Tam giới sẽ gom lại 1 lần tại

Bồ Đề Đạo Tràng *(Bodhgaya, Ấn Độ)*. Các Xá-Lợi này sẽ đóng thành khối hoá hiện ra một vị Phật có đầy đủ hảo tướng, hào quang chói lòa, thuyết giảng trong vòng 7 ngày 7 đêm cho chư Thiên mười ngàn vũ trụ về nghe. Trong số chư Thiên về nghe Pháp, vị nào đắc Thánh được thì đắc. Sau 7 ngày 7 đêm đó thì lửa tự nhiên trong kim thân phát cháy tiêu hủy Xá-Lợi. Kể từ ấy, chúng sanh không còn ai biết đến Phật Pháp nữa, Giáo Pháp của Đức Thế Tôn hoàn toàn bị tiêu diệt và cái biến mất cuối cùng là Xá-Lợi của Ngài.

2. Chú Giải Bộ Pháp Tụ *(Dhammasaṅganī Aṭṭhakaṭhā)*

Chú giải bộ Pháp Tụ cũng đề cập con số 5.000 năm tuổi thọ của Phật giáo được chia làm 5 giai đoạn nhưng không được nói đến trong Chánh Tạng.

1/ Giai đoạn thứ nhất là 1.000 năm đầu tiên: thời kỳ này vẫn còn những vị Thánh A-La-Hán Tứ Tuệ Phân Tích, là những vị Thánh A-La-Hán có Pháp - Nghĩa - Từ - Biện. Nghĩa là các ngài vừa đắc Thánh vừa có khả năng tuyên dương, truyền bá Giáo Pháp rộng rãi. Nhưng sau 1.000 năm đầu thì không còn những vị này nữa.

2/ Giai đoạn 1.000 năm thứ hai: chỉ còn những vị Thánh A-La-Hán thôi, không còn vị A-La-Hán có Trí Tuệ Phân Tích nữa. Giai đoạn này còn các vị A-La-Hán bình thường, tức là về phiền não thì các ngài đã

chấm dứt hết rồi, nhưng về Trí Tuệ Phân Tích đặc biệt thì không còn nữa. Sau 1.000 năm thứ hai này thì không còn bậc Thánh A-La-Hán nữa.

3/ Giai đoạn 1.000 năm thứ 3: hoàn toàn không còn bậc Thánh đắc Tứ quả A-La-Hán, chỉ còn bậc Thánh Tam quả A-Na-Hàm. Sau giai đoạn này thì không còn bậc Thánh A-Na-Hàm nữa.

4/ Giai đoạn 1.000 năm thứ 4: hoàn toàn không còn bậc Thánh Tam quả A-Na-Hàm, chỉ còn bậc Thánh Nhị quả Tư-Đà-Hàm. Sau giai đoạn này thì không còn bậc Thánh Tư-Đà-Hàm.

5/ Giai đoạn 1.000 năm thứ 5: hoàn toàn không còn bậc Thánh Nhị quả Tư-Đà-Hàm, chỉ còn bậc Thánh Sơ quả Tu-Đà-Hoàn. Sau khi hết giai đoạn 1.000 thứ năm này thì không còn ai đắc quả Thánh nữa.

3. Chú Giải Trưởng Lão Tăng Kệ *(Theragāthā Aṭṭhakaṭhā)*

Trong Chú giải Trưởng Lão Tăng Kệ cũng nói tuổi thọ của Phật Giáo là 5.000 năm và chia thành 5 thời kỳ:

1/ Thời kỳ đầu là sự biến mất của các vị giải thoát tức là các vị chứng Thánh viên mãn về trí tuệ. Sau 1.000 năm đầu thì không còn các vị này nữa.

2/ Thời kỳ thứ hai là còn những vị viên mãn về định học, tức là những vị đắc các tầng Thiền. Sau thời kỳ thứ hai thì không còn những vị đắc Định nữa.

3/ Thời kỳ thứ ba là còn những vị viên mãn về giới học. Sau thời kỳ thứ ba không còn các vị về giới học nữa. Nghĩa là Tam học: Giới Định Tuệ sau 3000 năm đầu sẽ không còn nữa.

4/ Thời kỳ 1000 thứ tư: chỉ còn những vị rất giỏi về Kinh điển nhưng không còn viên mãn về Giới Định Tuệ. Sau thời kỳ thứ tư thì những vị hiểu biết và có thể giải thích được Kinh điển cũng không còn.

5/ Thời kỳ 1.000 năm thứ năm: theo bộ Chú giải Trưởng Lão Tăng Kệ thì trong thời kỳ này không còn chuyện thí chủ phát tâm cúng dường, hộ trì Tam bảo nữa. Lúc này trong Tăng chúng cũng không còn người viên mãn về Giới, về Định, về Tuệ, về Kinh điển và tín tâm hộ trì Tam bảo của Phật tử cũng từ từ biến mất luôn. Sau cùng thì thế gian không còn ai biết đến Phật Pháp nữa.

4. Kinh Mi Tiên Vấn Đáp *(Milindapañhā)* – Câu 96

"…Trẫm chỉ còn một thắc mắc nhỏ chưa hiểu rõ mà thôi, ấy là sự tiêu hoại của Chánh Pháp. Nói cho dễ hiểu là Chánh Pháp bị tiêu hoại được biểu hiện bởi những tiêu hoại gì?

- Vâng, sự thắc mắc của đại vương rất chính xác. Có ba sự tiêu hoại cả thảy. Ấy là tiêu hoại sở đắc, giác ngộ. Thứ hai là tiêu hoại về hạnh kiểm, giới luật. Thứ ba là tiêu hoại về tăng tướng, phẩm mạo, tâu đại vương.

- Xin đại đức giảng cho nghe thế nào là ***tiêu hoại sở đắc, giác ngộ****?*

- Vâng! Ấy là khi mà tứ chúng không còn kiên tâm trì chí thực hành giáo pháp cho đến nơi đến chốn. Chúng chỉ thực hành cho có lệ, được chút gì hay chút ấy, vì vậy chúng không còn có khả năng chứng ngộ đạo quả. Điều ấy được gọi là sự tiêu hoại sở đắc, giác ngộ, thưa đại vương!

- Trẫm đã hiểu. Còn thế nào là ***tiêu hoại hạnh kiểm, giới luật****?*

- Đấy là vào thời mà tứ chúng khinh thường những giới điều nhỏ, không thực hành, không tôn trọng những giới cấm lớn. Chúng mất tư cách, thiếu phẩm hạnh, thiếu hạnh kiểm, phá giới luật... như vậy được gọi là sự tiêu hoại giới luật, hạnh kiểm, tâu đại vương!

- Thế còn điều thứ ba: ***Sự tiêu hoại tăng tướng, phẩm mạo****?*

- Tâu đại vương! Đến một lúc nào đó, Tăng chúng không còn mặc y cà-sa nữa. Chúng viện cớ phương tiện, viện cớ đi lại khó khăn, viện cớ "phá tướng", nên

không còn thích mặc y cà-sa vướng víu ở trên người, chúng thích mặc áo thế tục. Đến lúc ấy, chiếc y cà-sa màu vàng chỉ còn là một mảnh vải vàng tượng trưng, vắt qua lỗ tai mà thôi. Rồi đến lúc, chút vải vàng ấy cũng không còn nữa, ấy được gọi là tiêu hoại tăng tướng, phẩm mạo, tâu đại vương!"

Trên đây là những giai đoạn phát triển của Phật giáo mà mỗi bộ Chú giải có phân tích hơi khác nhau một chút nhưng căn bản giống nhau ở điểm nào? Giống nhau ở giai đoạn đầu của 5.000 năm là vẫn còn các vị đắc Thánh (Pháp Thành) sau đó chỉ còn Pháp Hành, không còn ai đắc Thánh nữa, sau đó còn Pháp Học, còn Kinh điển, còn Giới. Và cuối cùng là không còn Tăng tướng, không còn gì cả. Nói chung là thời gian càng về sau thì chúng ta càng xa rời Phật Pháp. Như vậy, đối chiếu với thời kỳ hiện tại của mình thì thời kỳ này vẫn còn tàm tạm. Tuy không còn Đức Thế Tôn nhưng dẫu sao chúng ta vẫn hạnh phúc là còn có Giáo Pháp để mà tu học. Cũng bao nhiêu người đó nhưng *"Lênh đênh trong cõi diêm phù. Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm"*. Vậy vụng tu hay khéo tu là do bản thân mỗi chúng ta.

V. TÓM LƯỢC

Phần đầu bài định nghĩa 3 thời kỳ Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp.

-Thời kỳ Chánh Pháp là thời kỳ có nhiều người tu, nhiều người đắc, người ta rất có tín tâm với Phật - Pháp - Tăng, hết lòng tu tập, họ có thể *bỏ mạng chứ không bỏ Đạo*.

-Thời kỳ Tượng Pháp vẫn có người xuất gia, có học, có hành, có chùa chiền, v.v.. nhưng mà cái gốc, cái nội dung thì bắt đầu mất từ từ.

-Thời kỳ Mạt Pháp: *"Mạt"* tức là cành nhánh, là xa rời, là hết cái gốc. Thời này Đức Phật gọi là thời diệu pháp hỗn loạn hay diệu pháp biến mất.

Phần sau của bài trích dẫn một vài bài Kinh nói về Mạt Pháp, và lý do dẫn đến Mạt Pháp. Một trong những lý do chính dẫn đến Mạt Pháp là khi những đệ tử cả xuất gia và tại gia của Đức Phật sống không tôn kính, không tùy thuận nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng, nơi Giới và nơi Thiền Định.

Phần cuối của bài nói về những bộ Chú giải đề cập đến sự biến mất của Giáo Pháp. Những giai đoạn này trong Chánh Tạng không nhắc đến. Trong Chú giải Chánh Giác Tông, Chú giải bộ Pháp Tụ, Chú giải Trưởng Lão Tăng kệ, Kinh Mi-Tiên Vấn đáp có đề cập đến tuổi thọ của Phật giáo là 5.000 năm chia thành 5 giai đoạn. Theo thời gian, Phật Pháp "mạt" từ từ. Đầu tiên "mạt" các bậc Thánh trước, sau đó "mạt" Pháp Hành rồi "mạt" đến Pháp Học, từ từ "mạt" đến Tăng tướng và cuối cùng là Xá-Lợi biến mất.

Khi giảng bài Mạt Pháp này, thầy rất tâm huyết, và thầy mong mỏi ba điều.

- Thứ nhất, mỗi chúng ta đối chiếu những gì Phật đã nói với những gì đang xảy ra trong hiện tại để xem những gì đã ứng nghiệm, và đặc biệt là xem lại mình có góp phần dẫn đến Mạt Pháp không để mà lo tu sửa mình.

- Thứ hai, chúng ta hãy nghĩ đến những điều kinh khủng sẽ diễn ra trong thời Mạt Pháp mà ráng lo tu để mình đừng tái sanh vào thời kỳ đó, để không cộng nghiệp mà tạo toàn ác nghiệp nặng nề và kéo nhau đi xuống, và nhất là để góp phần gìn giữ Diệu Pháp cho vững bền vì sự an lạc, giải thoát của bản thân và của chúng sanh khác.

- Thứ ba, chúng ta hãy nhớ là trong thời kỳ không có Phật Pháp, chúng sanh có thể sanh về cảnh giới an lành nhờ làm điều thiện, tu tập đắc các tầng Thiền Định, nhưng tỷ lệ được tái sanh làm người và lên cõi chư Thiên là cực kỳ thấp, so với tỷ lệ tái sanh vào bốn cõi xấu. Và dù cố gắng thế nào đi nữa, chúng ta cũng chỉ *"đi tới, đi lui, đi lên, đi xuống",* nghĩa là còn quanh quẩn trong vòng luân hồi. Chỉ khi có Phật ra đời, Ngài tìm ra *"con đường cổ xưa"* và dạy lại *"con đường"* Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, Giới Định Tuệ, Thất Giác Chi… đó, chúng ta mới có thể theo chân Ngài mà *đi ra* khỏi rừng mê biển khổ, khỏi sanh tử luân hồi. Những gì cần dạy, Phật đã dạy rồi, còn lại là *mình lựa chọn có*

quyết tâm tinh tấn tu tập để đi ra hay không. Được sanh làm người là khó, được gặp Phật Pháp lại càng khó hơn. Thầy mong mỗi chúng ta tranh thủ thời gian, trân quý những tháng ngày còn lại của đời mình mà lo tu tập giải thoát vì kiếp người vốn rất mong manh.

(Buổi giảng ngày 29/10/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Mạt Pháp là gì?

2). Thời kỳ mạt pháp điều gì sẽ xảy ra?

3). Những nguyên nhân nào đưa đế mạt pháp ?

4). Là người xuất gia chúng ta nên ưu tư về điều đó như thế nào?

5). Là người cư sĩ chúng ta nên làm gì cho bản thân trước khi mạt pháp?

Bài 6: NIỆM CHẾT

---

* NIỆM CHẾT LÀ GÌ?
* VÌ SAO CHÚNG TA LẠI NIỆM CHẾT
* NỘI DUNG NIỆM CHẾT
* NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BIẾT TRƯỚC

Hôm nay mình học chủ đề Niệm Chết. Chủ đề niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và Phật tử cũng nghe qua thêm niệm Giới, niệm Thiên, niệm Thí chúng ta cũng đã được nghe, hôm nay chúng ta biết thêm một niệm nữa đó là niệm chết.

I. NIỆM CHẾT LÀ GÌ?

Niệm chết là thường nhớ về cái chết, chúng ta đang sống ở cõi Ta Bà mà cõi Ta Bà là mọi chuyện nó rất là dễ đổi thay, mọi chuyện dễ cho mình nổi tâm tham và tâm sân. Vì vậy ở cõi Ta Bà là phải kham nhẫn.

Trong Tứ Thánh Đế có nói các loại khổ: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ.v.v.. Sống trong cõi này mà không có kham nhẫn là khổ từ sáng đến trưa khổ triền miên, khổ quanh năm suốt tháng…nên gọi là khổ khổ (theo

định nghĩa trong Tứ Thánh Đế) là như vậy đó. Cả một đời người là sống trong khổ.

Cho nên xin thưa quý phật tử, hiểu Phật pháp rồi chúng ta mới có một con đường để đi ra, ngoài cái chuyện đi lên đi xuống đi tới đi lui chúng ta học cách để "**đi ra**".

Hôm nay, mình học bài niệm chết, niệm chết là nhớ đến cái chết, thường nói đến cái chết là mình hay bất an, lo lắng, cho nên trong cái xâu chuỗi mà mình niệm phật mình cũng có sinh lão bệnh tử, sinh lão bệnh tử…cứ né cái chữ tử nhưng mà rồi ai cũng tử, ráng né rồi cũng tử à, cho nên đi cầu thang cũng né sinh lão bệnh tử, sinh lão bệnh tử…mình chọn cái từ "sinh".

Hôm trước có nghe Thầy nói rồi đúng không, sinh là bắt đầu cho sự xuất hiện của một chúng sanh, sự xuất hiện của một chúng sanh là vô vàn nỗi khổ, cho nên Thầy nói như cái cầu thang bước cuối cùng sinh cũng khổ, lão cũng khổ, bệnh cũng khổ.

"Biển khổ mênh mông sóng ngập trời
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Quanh quẩn rồi trong biển khổ thôi"

Tu là ở trong biển khổ như vậy đó cho nên khi mình nghe cái từ chết mình sợ xui, còn mình biết Phật pháp một chút mình thấy mong manh nó đến với mình.

Ta thấy bạn mình chết mình cũng lo, thấy người ấy chết mà lo cho mình.

"Ta thấy người ấy chết lòng ta nóng như lửa,
Không phải nóng cho người mà từ từ lửa đến ta"

Khi học Phật pháp Phật tử thấy như vậy đó, mình nghe tin một ai chết là mình biết sẽ có một ngày nào đó đến mình, trước Thầy có nói câu này rồi tuổi U50 tính được từng năm, tuổi U60 tính được từng tháng, tuổi U70 thì tính từng ngày. Cho nên ai mà U70 trở lên sống một ngày lời một ngày, 5 năm, 6 tháng, 7 ngày rồi cũng đến lúc tử sanh là một nhịp cầu mà chúng ta phải trải qua trong cuộc đời.

Mỗi mùa xuân sang là nghĩa trang gần thêm một đoạn, thì mấy người đó càng chuẩn bị hơn cấp thiết hơn, lo lắng hơn, mà lo lắng ở đây không phải suốt ngày lo lắng, hôm nay Thầy giảng về niệm chết để quý Phật tử biết thực hành niệm chết có ý nghĩa như thế nào.

II. VÌ SAO CHÚNG TA LẠI NIỆM CHẾT

1. Vì sao chúng ta sợ chết?

Tại vì mình còn là tâm phàm, mình còn chấp ta và của ta, thân của ta, nhà của ta, vợ con ta, chồng ta, tài sản của ta và cái thân này là của mình, khi mình mất rồi mình lo lắng, mình bất an sợ hãi lắm, sợ chết rồi ai lo ai hưởng … Thường chúng ta sợ những cái gì mình

không biết rõ, con đường phía trước mịt mù, không biết phải như thế nào.

Có một thiền sư ngài đi tu một thời gian chưa có đắc đạo, cứ mỗi buổi chiều ngài cứ đứng trên lan can nhìn hoàng hôn buông xuống ngài làm một câu thơ

"Công phu chưa đến chỗ vuông tròn,
Đứng tựa lan can luống lo âu
Hôm nay là ba mai là bốn,
Tuyết sương dễ phủ trắng mái đầu"

Công phu chưa đến chỗ vuông tròn, tức tu tập chưa đến ngày đắc đạo, chưa đắc được thánh số tuổi của chúng ta mỗi năm tăng lên thời gian nó không có đợi người. Cho nên ngài mới nói công phu chưa đến chỗ vuông tròn, đứng tựa lan can luống lo âu, "hôm nay là ba mai là bốn" và ở đây Phật tử thấy có những vị đã 70, 80 tuổi, có phải nhìn lại mấy chục năm vừa rồi như một giấc mơ, trôi qua nhanh lắm phải không? Bây giờ không cần nói đâu xa, ở đây 40 tuổi, 50 tuổi thôi nhìn thoáng qua mới cách đây 30 năm mình mới có mười mấy tuổi giờ thoáng qua đã 50 rồi, ngẫm nhìn lại cuộc đời như giấc mộng được mất bại thành hóa hư không, cho nên người hiểu đạo Phật thấy một chiếc lá rơi thôi cũng nghĩ về cái chết.

"Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ vô thức,

Như khúc cây vô dụng"

(Kinh Pháp Cú -câu pháp cú số 41).

Có phải như vậy không quý vị?

Không bao lâu mình nằm trên đất, cho nên nghe bài này Phật tử bình thản nghe, đừng có sợ, những người trẻ trẻ nghe đừng có sợ, nghe để mình biết cách mình tu, nghe để mình biết chết làm cái gì, nghe bài chết để mình sống cho nó tốt.

2. Có những cái chết nào?

- Cái chết của người vô đạo

Nghĩa là của người không tu,

- Người không tu thì chết làm sao?

Không tu là chết bất an, lo lắng, sợ hãi, ý kinh nói là chết không nhắm mắt.

- Cái chết đó do đâu?

Thứ nhất cái chết đó là cái điều bất thiện mình quá nhiều,

Thứ hai là mình làm quá ít điều thiện

Thứ ba là thường có cái gì làm dang dở, làm chưa có xong, mình nói theo đời chết như vậy khó siêu lắm, chết không nhắm mắt.

Cho nên là phật tử Phật tử phải có cái gan. Tức là đặt cho mình một câu hỏi.

"Nếu ngày mai tôi chết, tôi còn lưu luyến cái gì?"

Cho nên nghe bài này phải mạnh mẽ lắm mới nghe nổi. Mình phải có cái gan đặt câu hỏi đó, để xem mình bất an gì, sợ hãi và lo lắng gì khi đứng trước cái chết? Phật tử đặt câu hỏi đó thì thấy cuộc đời mình nó thay đổi nhiều lắm nhưng mà nghiệt ngã thay mình ít dám đặt câu hỏi nếu ngày mai mình chết lắm đúng không?

Dù nó là một câu hỏi thôi, nhưng mình cũng không dám đặt dù biết chuyện chết là chắc chắn… Cho nên ai buồn quá buồn mà nghĩ đến cái chết để kết thúc thì hãy nhớ, chắc chắn một lúc nào đó mình phải chết và đi theo nghiệp của mình thì chuyện gì mà không vượt qua được.

Rồi có những khi ở đời có những nỗi buồn, khổ đau nào đó mình cứ nghĩ là bao nhiêu đau khổ của trần gian trời đã trút hết xuống mình, rồi mình cứ nghĩ mình là người khổ nhất.

"trên bầu trời có muôn vì sao sáng, dưới bầu trời tôi là người khổ nhất trần gian".

"Không" thưa quý vị.

Cái nào cũng có đường ra hết, lối ra tùy thuộc đường vào, mọi cái nó đều có đường vào đường ra. Ví như đường vào rừng Phật tử thấy:

"con đường đi vào khu rừng cũng chính là con đường đi ra khỏi khu rừng"

Có phải không đại chúng. Vấn đề là ta quay mặt vào hay quay mặt ra, khi mình đi vào rừng mặt mình quay vào khu rừng và khi mình đi ra cũng chính con đường đó chỉ khác một cái là mình quay mặt ra, cái gì nó cũng có lối thoát mà vấn đề hôm nay học mấy bài Phật tử thấy chết còn xảy ra nữa thì còn có chuyện gì nó không xảy ra.

Nên bài giảng này Thầy sẽ giảng bằng kinh điển và thứ hai là bằng cái thực tập. Thầy thực tập bài niệm chết này 20 năm nay, Thầy cũng thấy sự sống nó mong manh. Phật tử cũng biết Thầy gầy ốm yếu, nên bất cứ lúc nào, hay những lúc trước khi đi ngủ hay thường tự quán xét xem trong ngày hôm nay mình làm được cái gì rồi, có những lỗi lầm gì, có những công đức gì?

Sáng mở mắt ra mình có một ngày, nói theo thiền sư là

"Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy, Ta có thêm ngày nữa để thương yêu"

Rồi ngày hôm đó trước khi nhắm mắt ngủ mình nói "rồi hôm đó mình lời được một ngày rồi đó", sống thêm được một ngày, khi hiểu phật pháp là mình sống thêm một ngày là "lời" một ngày, là người Phật tử khi thấy một chiếc lá rơi xuống khỏi cành, ta sẽ thấy giác ngộ về sự chết

"Cảm ơn chiếc lá lìa cành, cho ta thấy được mong manh kiếp người"

Chiếc lá một lúc nào đó nó cũng lìa cành, rồi một lúc nào đó mình cũng phải lìa cõi đời. chúng ta phải nghĩ như Đức Phật. Đức Phật vĩ đại như vậy đó, đức độ, từ bi, trí tuệ, công hạnh như vậy đó cái gì cũng tốt như vậy đó nhưng mà rồi sao? rồi 80 tuổi ở Kusinārā, dưới hai cây sālā song thọ Ngài cũng phải đi. Đức Phật mà còn đi nữa huống chi mình đúng không? ta nhỏ bé giữa đất trời cao rộng này, nên có gì mà không thể xảy ra, cho nên cái chết là điều chắc chắn mong các vị phải chấp nhận một sự thật dù mình không muốn chấp nhận.

Còn cái chết của người hiểu đạo là cái chết của sự chán trường, tức là thấy luân hồi nó khổ, tuy hôm nay mình tu chưa có đắc thánh gì nhưng rồi đến một lúc nào đó cái thân này mình phải bỏ đi, mình biết mình không tham đắm vô nó, coi như cái vòng luân hồi này là một sự nhàm chán, cái chết của sự chán trường là như vậy đó. Ngộ thì chưa ngộ, đắc thì chưa đắc có duyên tiếp tục những kiếp sau tu tiếp, không chết bởi tâm tham đắm kẹt trở lại mà chết với tâm chán trường cái thân tứ đại này đến lúc phải bỏ đi, đó gọi là cái tâm chán trường. Đừng có níu kéo thương luyến nó, thương luyến nó bao nhiêu thì ta khổ bấy nhiêu.

Còn người đắc đạo là chết của sự thanh thản, chết của sự nhẹ nhàng, chết của sự bình an, mà Thầy hay dùng cái từ là:

Chết sạch,
Chết an,

Chết tỉnh.

Chết sạch là cái chết không có hôi hám, không có bất tịnh có nhiều trường hợp chết rất là đau khổ hôi hám lắm.

Cái chết an là gì ? là cái chết bình an, chết tỉnh là tỉnh táo, người mà ngộ đạo giác ngộ chết nhẹ nhàng lắm. Nói theo thiền sư Vạn Hạnh trong bài thơ ***Thị Đệ Tử***, Ngài nói như vầy:

"Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô,

Dịch nghĩa (thơ):

Thân như bóng chớp có rồi không,
Cây cối xuân tươi thu não nùng,
Mặc cuộc thịnh duy đừng sợ hãi,
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông."

(Ngô Tất Tố dịch)

Cái chết đối với ngài như ngọn cỏ, Phật tử thấy nhẹ nhàng không? quá nhẹ nhàng.

Thiên Sư Từ Minh Ngài cũng nói về sống chết "sanh như thể đắp chăn bông, tử như cởi áo hạ". Nghĩa là cái chuyện sinh tử rất đỗi là bình thường.

Lúc nãy thầy nói đến cái chết của người đắc đạo, thì ngài Xá Lợi Phất có một người em (Ngài có nhiều người em trong đó có một người em trai cũng tu đắc thánh A La Hán, hôm đó ở trong hang núi Ngài và vá lại tấm y thì bị một con rắn nó cắn và ngài biết con rắn này là con rắn độc và khi nó cắn là không sống được, ngài biết mình chuẩn bị chết (gọi là ngài chuẩn bị Niết-bàn), Ngài mới nhờ anh mình là Ngài Xá Lợi Phất, nhờ khiêng em ra ngoài đừng để em chết trong hang, lúc đó các thầy đang tu trong hang núi, đưa ra ngoài để đỡ ảnh hưởng những người khác.

Sắp chết rồi đó mà cũng không muốn làm phiền người khác nữa một trong những trí tuệ đạo đức mà mình càng tu tập là mình không có làm phiền người khác, bao nhiêu cái nhân duyên mình mới sống được nhưng mà hạn chế nhiều nhất có thể mình là gánh nặng của người khác, tới đâu mình ráng giúp được thì giúp chớ đừng làm phiền hay trở thành gánh nặng cho người khác đó là cái đạo đức mình tu tập phát triển mình thấy mình làm phiền người khác, dĩ nhiên có những cái chúng ta phải nhờ không thể nào mà không nhờ được, cơm mình ăn hôm nay không có người nông dân trồng lúa không thể nào mình có được cái đó mình phải nhờ, cái gì mà mình hạn chế được thì mình hạn chế. Lúc Ngài Xá Lợi Phất bế em mình ra khỏi hang Ngài Xá Lợi Phất mới nói: sao hôm nay nhan sắc của em hồng hào, phong độ vậy? có ai mà em mình sắp chết mà khen đẹp trai không quý vị. Trước khi em Ngài Xá Lợi Phất

mất do rắn cắn thì Ngài vẫn bình thản nhẹ nhàng, cái chết của người đắc đạo là như vậy không có lo lắng sợ hãi đón nhận rất nhẹ nhàng, còn mình thì đa phần chết làm sao, bất an, lo lắng, sợ hãi, luyến tiếc trong kinh gọi là chết không nhắm mắt.

Cho nên mình ráng làm sao cho hiểu đạo là chết mà phải bỏ cái thân này đi như cái xe này đi nó cũ rồi đến lúc nó cũng phải bỏ. Phật tử thấy cái người đắc đạo là như vậy đó, còn mình thì thôi ráng thấy cái chiếc lá rơi mình cũng bắt đầu niệm sự chết, tức là mình nhớ về cái chết đó, nhớ đến một chuyện gì đó mình chấp nhận từ từ.v.v.. Nhớ có ba cái chết: chết của người không hiểu đạo, chết của người hiểu đạo và chết của người thanh thản như bậc thánh.

II. NỘI DUNG NIỆM CHẾT

Bây giờ, vào nội dung chính của bài, thưa Phật tử có rất nhiều cái lý do dẫn đến cái chết đúng, nhưng loay hoay chỉ trong bốn điều thôi:

-Thứ nhất chết vì hết tuổi thọ

-Thứ hai chết vì hết nghiệp

-Thứ ba là cả điều thứ nhất và thứ hai cộng lại

-Thứ tư là chết phi thời hay chết bất đắc kì tử theo trong kinh Dược Sư là chết oan (gọi là chết đột ngột chưa hết tuổi thọ hay nghiệp).

Bốn điều này được dạy trong bộ thanh tịnh đạo luận. Bốn điều này ví dụ như thế này:

Người chết hết tuổi thọ giống như ngọn đèn vì hết tim, lửa ngọn đèn muốn cháy thứ nhất là phải có tim đèn, thứ hai là nó có dầu thì cái người chết hết tuổi thọ giống cái tim đèn nó hết rồi, nó hết thì nó phải tắt dù dầu nó còn.

Trường hợp thứ hai chết vì hết nghiệp là tim đèn còn mà hết dầu thì nó tắt.

Trường hợp thứ ba là vừa hết dầu vừa hết tim đèn thì đèn cũng tắt

Trường hợp thứ tư chết phi thời là tim đèn vẫn còn, dầu còn nhưng cơn gió thổi qua mạnh quá cái ngọn đèn nó tắt.

Đó là bốn lý do. Rồi thế nào chúng ta cũng chết loay hoay trong đây nè. Giờ thầy phân biệt cho Phật tử chết hết tuổi thọ và chết hết nghiệp là như thế nào?

1. Đầu tiên là hết nghiệp

ví dụ hôm nay họ được làm thân người nhưng phải trả một cái nghiệp trong tiền kiếp họ sát sanh nhiều, sống với bàn tay nhuốm máu sát sanh hại vật nhiều quá, cắt đứt sinh mạng của chúng sanh nhiều quá, trong bài năm giới Phật tử nhớ không một trong những nghiệp sát sanh mà nặng thì là ba cõi xấu mà nhẹ thì tuổi thọ ngắn.Vậy thì nếu cái đời này (chúngta sinh ra

với rất nhiều nghiệp) nhưng cái nghiệp sát sanh của mình nó trổ thì có thể mình sống 20 tuổi,10 tuổi hoặc 40 tuổi, đến cái nghiệp mình chỉ sống tới đó thôi hết nghiệp phải đi vì tiền kiếp mình sát sanh nhiều quá, một trong những cái nghiệp thôi chứ ko phải riêng sát sanh để cho mình cắt đứt tuổi thọ, nghiệp của mình tới đó phải đi.

2. Thứ hai hết tuổi thọ

Hết tuổi thọ ở đây là liên quan đến cái thời kỳ, tuổi thọ chúng sanh trung bình của cái thời đó, ví dụ như chúng sanh thời này là hơn 70 tuổi, khi hết tuổi thọ là phải đi, ai mà sống hơn 70 cũng là thọ, có những người tuổi thọ chưa hết nhưng nghiệp họ hết rồi phải đi sớm, có những người họ sống thêm 80 tuổi, 90 tuổi họ có cái phước gì đó về tuổi thọ, đó là hai trường hợp hết tuổi thọ, hết nghiệp.

3. Thứ ba là hai cái đó đến một lần luôn

4. Thứ 4 chết phi thời

Trường hợp hai người cãi nhau, buồn quá ra cầu nhảy xuống tử tự. Tuổi thọ chưa hết, nghiệp chưa đến luôn, nhưng mà đó là cảm xúc của mình, để cho cái cảm xúc nó chi phối, sau khi chi phối xong thì nhảy cầu tử tử.

Xin thưa, càng hiểu đạo rồi Phật tử mới thấy cơ thể của mình nó màu nhiệm, nội trong bàn tay của mình thôi các cơ, các mô, các tế bào, các dây thần kinh, xương khớp…một cái bàn tay của mình nó bao nhiêu

màu nhiệm trong đây, sự có mặt của mình ở cuộc đời này thôi là cái gì đó màu nhiệm khủng khiếp, cha mẹ chăm sóc cho mình, rồi qua thức ăn, cuộc đời bao nhiêu cái công ơn dạy dỗ, cuối cùng mình được lớn như ngày hôm nay, vì một cái việc gì đó buồn rồi mình tự tử.

Tiếc lắm thân người khó được khi mình không có tu tập mình chưa có hiểu, đôi lúc mình nghĩ những người tử tự họ không nhận ra, không phải là họ không sợ chết nhưng vì ngay lúc đó họ khổ quá, không đủ sức đương đầu với cái khổ đau đó, họ muốn cái chết để giải thoát cái khổ đau nhưng mà chuyện đời đâu có đơn giản như vậy nếu mà chết hết khổ thì người ta rủ nhau đi chết hết rồi.

Chết là tiếp tục lại một khởi đầu mới, chết mà chết trong tử tự là thường với tâm cận tử không lành và với tâm cận tử không lành dễ sanh cảnh giới xấu. Cỡ nào đi chăng nữa cũng phải sống để mà vươn lên bao nhiêu cái công ơn này mình mới có cái thân mạng này, được cái thân người là bao nhiêu cái duyên lành, phước đức biết bao nhiêu, nên tận dụng mọi cách để sống cho có ý nghĩa tuyệt nhiên không bao giờ được nghĩ đến cái chết như vậy.

Biết họ khổ quá họ nghĩ họ chết là giải thoát, mà không đâu chết rồi bao nhiêu cái khổ hơn nữa ví dụ bây giờ mình làm thân người mình thiếu nợ, bị người này người kia nói xấu thế này thế kia giả dụ như vậy đi còn đỡ hơn xuống làm con heo, đỡ hơn xuống làm ngạ quỷ

đói chết lang thang đầu đường xó chợ không ai biết mình đói khát, thấy người ta ăn cơm, mình bốc cơm thì thành cục lửa, cái nghiệp nó vậy vào ngã quỷ là đi ăn phân, so với kiếp người cái nào khổ đúng không nhưng bởi vì mình chưa thấy được cái đó, cho nên hiểu rồi mình mới sợ thân người mỏng manh.

khi mà mỗi người tu tập rồi, thì tùy vào phước đức công phu tu tập nhiều kiếp của Phật tử. Nhìn hoàng hôn Phật tử ngộ hết một ngày tự thấy cái tuổi thọ của mình mỗi mùa xuân sang nghĩa trang gần thêm một đoạn

"Thời gian dòng thác lũ,
Đời người cuốn trôi mau,
Chiều hoàng hôn buông xuống,
Ta sống được bao lâu."

Thầy nghe câu này vào lúc Thầy đang ngồi thiền lúc 7g tối thì có một thầy hô chuông, trước khi hô vào thỉnh chuông trong chùa hay đọc cái bài kệ

"Thời này nay đã qua, đời sống ngắn lại, hãy nhìn cho kỹ, ta đã làm gì đại chúng hãy nên tinh tấn thực tập hết lòng, sống cho sâu sắc và thảnh thơi, chớ để tháng ngày trôi qua oan uổng"

Nghĩa là sống thực tập cho sâu sắc đừng để tháng ngày trôi qua oan uổng, rồi sau đó thầy mới ngâm cái câu này

"Thời gian dòng thác lũ
Đời người cuốn trôi mau
Chiều hoàng hôn buông xuống
Ta sống được bao lâu."

Hôm nay chúng ta học về niệm chết chúng ta phải ý thức sự sống nó mong manh thế nào. Mình hay nói chết rồi đi tái sanh nhưng mình phải hiểu đạo Phật mượn tạm từ tái sanh đề nói về một kiếp khác chứ trong đạo Phật không có cái gì quay lại như cũ, nên mình tạm hiểu tái sanh tức là sanh sang một kiếp khác. Hôm nay mình gặp nhau đây rồi bữa nào đó nghe tin đã ra đi rồi, người kế tiếp cũng đâu khác gì chỉ là đi sau một chút mà thôi. Nhưng khi tái sanh rồi có dễ tái ngộ không quý vị? không đâu. Một khi đã nhắm mắt đi rồi, có gặp lại nhiều khi tái ngộ cũng không biết người đó là ai nữa rồi.

Sau này Phật tử gặp lại thầy Phật tử cũng đâu biết thầy là ai, Thầy gặp lại Phật tử cũng đâu biết Phật tử là ai, nếu mình không đắc được thánh quả, không đắc được thần thông, nên là cuộc sống nó là như vậy. Ta đi với nghiệp của ta, ông bà ta nói là trên vai mình có hai ông thiện ông ác, ghi lại thiện ác và đi theo cái đó khủng khiếp lắm, bữa nào nhắm mắt mà đi thương vợ, thương chồng, thương con, thương tất cả, lòng từ mà, thương trách nhiệm, lo lắng Phật tử cứ lo nhưng bao giờ trong danh sách thương đó phải có thương chính mình nữa nhé.

Thương chính mình mà lo tu, thương chính mình mà lo làm phước, thương chính mình chuẩn bị cho bản thân mình những hành trang, tư lương trên con đường sanh tử, người không có phước Ba la mật họ không có sợ, không có lo, không ưu tư chuyện ngày mai chết… "cứ từ từ đi thầy ơi, thầy nhắc chi cái chuyện đang còn sống đang khỏe phây phây thầy nhắc chết làm cái gì", nói vậy đó đến lúc nằm trên giường ngáp ngáp rồi mới thấy những tháng ngày này, những tháng ngày mình gặp nhau đây. Thầy nói giả dụ bữa nào đến ngày thầy đi Phật tử có thương, có quý thầy con cảm ơn Thầy lắm thầy, thầy dạy cho con bốn khóa, con nghe 4 khóa con thay đổi nhiều lắm, con tới con thắp cho Thầy nén nhang Thầy đi đường thầy, con đi đường con tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi, đã biết không mong sum hợp mãi, bận lòng chi nữa phút chia phôi. Rồi Phật tử đi về chứ biết làm gì nữa giờ.

Đó là bốn lý do về cái chết mà thầy vừa nói là chết hết tuổi thọ, chết hết nghiệp, chết cả hai và chết phi thời tức là chưa hết tuổi thọ.

IV. NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BIẾT TRƯỚC

Ý lớn tiếp theo là có năm điều chúng ta không biết trước được và năm điều này cũng nằm trong thanh tịnh đạo luận.

..."29. 6) Vô tướng: nghĩa là không định đoạt được (bất định). Nghĩa là cái chết không thể đoán trước được. Với tất cả chúng sanh thì:

Tuổi thọ, bệnh tật, thời gian, nơi chốn
Thân xác này được đặt xuống số phận;
Thế gian không bao giời biết được những điều này
Không có dấu hiệu gì báo trước những sự kiện ấy.

*30. Ở đây, trước hết **thọ** mạng không có tướng vì không thể định đoạt những điều sau: phải sống chừng ấy thời gian, không nhiều hơn. Vì hữu tình chết vào nhiều giai đoạn khi còn là bào thai, vào giai đoạn như sữa đông (kalala) vào giai đoạn abbuda, pessi, ghana, vào lúc một tháng, hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng, mười tháng, và vào lúc ra khỏi bụng mẹ. Sau đó hoặc chúng chết trước năm mươi tuổi hoặc sau năm mươi tuổi.*

*31. **Bệnh** không có tướng vì không thể định như sau: các hữu tình chỉ chết vì bệnh này, không chết vì bệnh nào khác. Chúng sinh thường chết vì đủ thứ bệnh khởi từ bệnh mắt, tai.... (xem A. v, 110)*

*32. **Thời gian** không có tướng vì không thể định đoạt rằng ta phải chết vào lúc này, không vào lúc nào khác. Vì các hữu tình có thể chết bất cứ vào thời khoảng nào, sáng hay trưa v.v...*

33. Nơi chốn thân xác sẽ được đặt xuống cũng không có tướng, bởi vì không thể định rằng, khi người

ta chết, chúng phải để thây của chúng nằm xuống tại chỗ này, không chỗ nào khác. Vì người sinh trong làng có thể chết để thây ở ngoài làng, người sinh ngoài làng, có thể chết để thây trong làng. Cũng thế, có kẻ sinh ra trên nước mà chết để thây trên đất, có kẻ sinh ra trên đất, chết để thân trên nước. Tương tự nhiều cách.

34. Số phận cũng không tướng vì không thể định rằng một kẻ chết chỗ kia phải tái sinh tại chỗ này. Vì có người chết từ thiên giới mà tái sinh ở cõi người, có người chết ở nhân gian mà tái sinh ở cõi trời v.v... Và với cách ấy thế giới xoay vần, chúng sinh xoay chuyển trong năm sanh thú (cõi) như con bò được gắn vào một cái máy.

Đây là tưởng đến cái chết vô tướng"....

(Thanh Tịnh Đạo-Chương VIII (a)-Định: Những Đề Mục Quán Khác Bằng Tùy Niệm-Niệm Chết)

1. Thứ nhất là mình không biết thọ mạng của mình chết vào lúc nào

Mình không biết mình sẽ sống được bao lâu, sống bao nhiêu tuổi. đó là điều thứ nhất không biết được

2. Thứ hai mình không biết được mình sẽ bị bệnh gì trong cuộc đời này

sắp tới cái bệnh nào nó trổ có biết được không hồi hộp, cuộc sống là một sự hồi hộp

3. Thứ ba thời điểm mà mình chết không biết lúc nào

mình chết lúc nào mình không biết, tức là mình không biết chết lúc này hay lúc kia, lúc sáng, lúc chiều hay lúc tối hay lúc khuya

4. Thứ tư là mình chết chỗ nào mình cũng không biết

Có nhiều người ra chiến trận làn tên mũi đạn không chết về nhà té bãi nước trâu chết, cuộc đời nó vậy đó đâu có nói được. Ra chiến trường bao nhiêu làn tên mũi đạn không chết, về ăn cơm nghẹn cơm chết, nhiều chuyện nó lạ rồi trượt cầu thang chết. Rồi cả đời không đi đâu bữa đó thấy mệt mệt đi vô bệnh viện khám xem có bệnh gì không, cái chết trong bệnh viện luôn. Có người cả đời không đi đâu bữa đó đi xa quê thăm người thân cái rồi đi luôn. Nhiều khi nó vậy, mình không biết cái chỗ bỏ mạng mình khi nào và chỗ nào. Bốn cái đó chưa sợ đâu, cái thứ năm mới sợ.

5. Thứ năm đó là chết rồi mình không biết mình tái sanh cõi nào

Ngoài cái chỗ bỏ xác ra, không biết được cái chỗ tái sanh chỗ nào. Phật tử suy tư coi phải không? bệnh như thế nào thọ mạng bao lâu, Chết thời điểm nào, chỗ bỏ xác ở đâu, tái sanh ở đâu Phật tử có biết không, vậy có phải mình sống với những điều phía trước rất là mịt mù, cho nên mình đang sống với những điều không biết rất nhiều thưa quý vị.

Thầy nói ví dụ Phật tử đang giận ai đó chỉ cần nhớ không biết mình bỏ xác ở đâu, chết vì cái bệnh nào, phút cuối của mình nằm ở trên giường hay trong bệnh viện hay ở nhà hay ngoài đường, nghĩ đến mấy cái đó rồi, nói thật với Phật tử không có muốn hơn thua với ai nữa hết, nghĩ đến chừng đó thôi, trong người mà ngẫm đến ta, thấy những hoàn cảnh xung quanh mình mất, ngẫm đến mình không biết tương lai mình sẽ như thế nào, cho nên nói tới đây rút ra cái bài học cho mình thấy cái chuyện phía trước về cái sự tái sanh, luân hồi của mình nó mịt mù lắm, mình không có Phật pháp là nó như vậy đó, khổ đau, hồi hộp, bất an mịt mù.

Thì bây giờ mình biết Phật thì ráng làm điều thiện nhiều nhất có thể, trong các điều thiện làm của mình thì có điều thiện liên quan đến Phật pháp, thầy nói giả dụ còn luân hồi thì sao? thì luân hồi trong cõi lành Cõi người, cõi trời để mà tiếp tục tu tập cho đến ngày đắc đạo, cho đến ngày giải thoát đến ngày giác ngộ, cho đến ngày đắc Thánh, cho đến ngày chấm dứt luân hồi. Phải hiểu Phật pháp là như vậy chứ không phải tu là chứng đắc được nhưng mà những kiếp mình còn tái sanh, thì tái sanh vào những cõi lành để tu tiếp.

Vậy thì chúng ta nghiệm lại xem 5 điều vừa rồi trong thanh tịnh đạo, thọ mạng, bệnh tật, thời điểm, chỗ bỏ xác vả chỗ tái sanh năm điều này mình mịt mù không biết. Chết rồi con đi đâu? dạ xin thưa, đi đâu còn lâu con mới biết. Nghe tưởng là câu nói vui nhưng sự

thật nó là như vậy. Mình thương cha, thương mẹ giữ lắm nhưng cha mẹ mình chết Phật tử biết đi đâu chưa? Đâu có biết cha mình ở đâu, mẹ mình ở đâu. Mình thương lắm thương nhưng nhắm mắt rồi thua, vợ mình, chồng mình, con mình những người mình thân nhất đó nhắm mắt cái rồi đi đâu.

Còn mình, bản thân mình rồi nhắm mắt mình đi đâu? Xin thưa cũng không biết luôn, mình còn không biết mình nữa huống chi đến người khác. Thấy không chính mình còn không biết nữa là, sự thật nó là như vậy. Chỉ gói gọn trong năm điều thôi thì mình biết Phật pháp rồi đó ráng mà tạo những công đức để mình đi lên.

Đức Phật dạy bài kinh năm điều quán tưởng hằng ngày. Tức là có năm điều hằng ngày chúng ta nên nhớ …

"1. Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?

2. "Ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân

hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

3. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ, say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

4. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, ta không thoát khỏi bệnh" là sự kiện

cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình khỏe mạnh, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong khỏe mạnh. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn khỏe mạnh trong khỏe mạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

5. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình đang sống, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong sự sống. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

6. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, có lòng tham dục đối với các vật khả ái. Do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên tham dục đối với các vật khả ái được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

7. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy, ác hạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-

kheo, "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

8. Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta già, không thoát khỏi già, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi già". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị bệnh, không thoát khỏi bệnh, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị chết, không thoát khỏi chết, nhưng phàm có những loài hữu tình nào, có

đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy phải bị chết, không thoát khỏi chết". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một mình ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, các pháp khả ái, khả ý của tất cả loài hữu tình ấy sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy". Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy. Do vị ấy thường xuyên quán sát dự kiện ấy, nên con

đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Bị bệnh và bị già,
Lại thêm phải bị chết,
Pháp yếu là như vậy,
Hữu tình là như vậy.
Phàm phu sanh nhàm chán,
Thật không hợp cho Ta,
Nếu Ta cũng nhàm chán,
Đối với các chúng sanh,
Cùng chung một số phận.
Trong khi đời sống Ta,
Không khác gì đời họ.

Ta được sống như vậy,
Biết pháp không sanh y,
Kiêu mạn trong không bệnh,
Trong tuổi trẻ sinh mạng,
Tất cả Ta nhiếp phục
Phát xuất từ an ổn,
Ta thấy hạnh viễn ly,
Ta phát tâm dõng mãnh,
Thấy được cảnh Niết-bàn.

Nay Ta không có thể,
Hưởng thọ các dục vọng,

Ta sẽ không thối đọa,
Chứng cứu cánh Phạm hạnh."

(Kinh Tăng - chương năm pháp-Phẩm triền cái-bài kinh sự kiện cần phải quan sát).

Trong bài kinh này Đức Phật dạy 5 điều quán sát, quán tưởng hàng ngày rất là dễ nhớ: Thứ nhất là ta thể nào cũng phải già, mình soi gương thấy mình già, trán nhăn, mắt mờ tai lãng, khi nhìn thầy Phật tử thấy già rồi đúng không, trán thì nhăn, mắt thì mờ, tai thì lãng, tướng đi thì lù khù, lù khù như ông già, nhìn thầy không cần nhìn các cô bác tóc trắng, nhìn thầy đã nhìn thấy tướng già rồi đó. Phật tử thấy cái tuổi già nó có đợi ai không? tuổi già nó không đợi ai hết. Ở đây già thầy nói có hai nghĩa nha quý vị.

Một là già ở cái thân vật lý này của mình, đó là trán nhăn, tóc bạc, mắt mờ, tai lãng, gối mỏi, lưng còng đó là già. Già ở tâm lý là không muốn làm cái gì nữa, cuộc sống buông xuôi, chuyện bèo dạt mây trôi nó muốn trôi đi đâu thì trôi, hết muốn làm điều tốt thì không nên già, có thể cái thân mình già thôi, nhớ dùm, cái thân mình có thể để nó già nhưng tâm mình luôn hừng hực khí thế, luôn luôn tiến lên tiến lên, trong tứ chánh cần luôn luôn muốn làm thiện pháp, như hôm trước thầy tặng cho Phật tử mà tuổi lớn câu bảy mươi chưa phải là già, bảy mươi chỉ mới mặn mà chút thôi,tám mươi chưa phải là già, tám mươi chỉ mới tuổi hoa cuộc đời.

Thứ hai ta đây thế nào cũng bệnh

Thứ ba ta đây thế nào cũng chết

Thứ tư ta đây thế nào cũng chia lìa người mà ta thương hoặc là cái vật ta quý ta thương ta cũng phải chia lìa thôi.

Thứ năm đó là ta đi với nghiệp của ta.

Có một lần có một phật tử quy y với thầy mất, sẵn đó thầy có thuyết i bài pháp

"Người thương ta rồi cũng xa ta"

Mà phải vậy không quý vị? sự thật nó như vậy. Dịp đó cũng có một phật tử trẻ mất, mất nhanh lắm, mất đột ngột, đang khỏe cái ào cái mất à, cho nên cuộc sống nó là như vậy. Vô thường- Khổ-Vô ngã.

Bây giờ mời quý vị vào bài Kinh Đức Phật dạy về Niệm Chết.

((IV) (74) Niệm Chết (2)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Nàtika, tại Ginjakàvasatha. Tại đấy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Vậy tu tập niệm chết như thế nào, làm cho sung mãn niệm chết như thế nào để đưa

đến quả lớn, lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh bất tử?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: con rắn có thể cắn ta; con bò cạp có thể cắn ta; hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung; như vậy sẽ chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, đàm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Người có thể công kích ta, hay phi nhân có thể công kích ta, do vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: "Ta có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỳ Kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn tinh cần nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện

pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm, và tỉnh giác. Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: "Ta không có những pháp ác, bất thiện chưa đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đêm vừa tàn và ngày vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: con rắn có thể cắn ta; con bò cạp có thể cắn ta; hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, hay đàm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Người hay phi nhân có thể công kích ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung trong ngày, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy biết được như sau: "Ta có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để

đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh cần, tinh tấn, nỗ lực không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỳ Kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn tinh cần nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Nếu vị Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét biết được như sau: "Ta không có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, niệm về chết tu tập như vậy làm cho sung mãn như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử.)

(Kinh Tăng chi, chương tám pháp, phẩm song đôi, bài kinh niệm chết).

Thật ra. có nhiều bài kinh Đức Phật dạy về niệm chết nhưng thầy chọn một bài là bài gốc để gửi cho quý vị.

Trước nhất Đức Phật nói về cái lợi ích của việc niệm chết là như thế nào. "Niệm chết, này các tỳ kheo

được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn nhập vào bất tử cứu cánh là bất tử vậy tu tập niệm chết như thế nào làm cho sung mãn niệm chết như thế nào đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, nhập vào bất tử và cứu cánh bất tử. Phật nói lợi ích của niệm chết và người tu tập về niệm chết cho tới nơi tới chốn. Tức là mình giác ngộ, mình đắc đạo

Ở đây mời Phật tử nghe Đức Phật nói tiếp "Tỳ kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú suy tư như sau" tức là khi ngày vừa hết như hồi nãy thầy nói khi thấy Hoàng hôn buông xuống thời gian dòng thác lũ đời người cuốn trôi mau, đời người sống bao lâu, rồi một thiền sư khác nói Công phu chưa đến chỗ vuông tròn, đứng tựa lan can với lo âu, hôm nay là ba mai là bốn, tuyết sương lại phủ trắng mái đầu Thì ở đây Đức Phật nói khi mà ngày vừa tàn đêm vừa xuống Phật tử suy tư như sau:

"Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều, con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta hay con rít có thể cắn ta do vậy ta có thể mệnh chung như vậy sẽ chướng ngại cho ta. Ngày xưa, là tu ở trong rừng có rắn, rít, bò cạp nhiều lắm. Đức Phật nói tiếp ta có thể vấp ngã và té xuống cũng có thể dẫn đến cái chết, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn", nói theo ông bà là bệnh tùng khẩu nhập. Phật tử thấy có rất nhiều lý do để mình chết mình chết như vậy Đức Phật nói là sẽ chướng ngại cho mình.

Mời đọc tiếp Đức Phật nói này các Tỳ kheo, tỳ kheo cần phải xét như sau:

"Nếu ta còn những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, tức nếu ta chết một cách bất ngờ vì các duyên này duyên kia. Nếu ta lỡ có mệnh chung đêm nay chúng có thể là chướng ngại cho ta".

Phật tử có hiểu ý này của Phật không? tức là nếu ta có bị mấy trường hợp như hồi nãy mà chết, thêm những lý do hiện nay thấy rất là nhiều lý do chết mà bây giờ mình còn những cái điều bất thiện nhiều quá, điều xấu nhiều quá, tội nhiều quá mà ta chết như vậy sẽ chướng ngại cho mình, Phật tử biết ở đây chướng ngại sẽ làm sao? tức dễ sanh vào cảnh giới xấu.

"Này các tỷ kheo, các tỷ kheo trong khi suy xét như vậy biết được như sau: Ta có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay chúng có thể chướng ngại ta thời này các tỳ kheo, tỳ kheo ấy để đoạn tận pháp ác bất thiện ấy cần phải tận lực tác động ước muốn tinh tấn, tinh cần, nỗ lực không có thối chuyển chánh niệm và tỉnh giác".

Phật tử hiểu chỗ này là như thế nào không? tức là mình biết mình có thể chết, vì nhiều lý do và chết như vậy với những cái bất thiện nó còn như vậy thì nó sẽ cản trở mình và khi mình suy tư như vậy thì mình tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác mà lo tu. lo hành phước, lo tu cho nên học bài niệm chết để không

phải sợ. Học niệm chết để sống cho ý nghĩa, để sống cho những tháng ngày còn lại, học niệm chết để mình đối diện cái chết một cách bình thản, học niệm chết để những tháng ngày còn lại hành động, lời nói, suy tư, ý nghĩa của mình an trú vào trong điều thiện, học niệm chết để mình chấp nhận nó như là một sự thật một cách nhẹ nhàng.

Giống như có ông thiền sư mất, đệ tử khóc, cái thầy mở mắt ra thầy nói:

"Thầy xưa mấy bận hóa thầy nay"

Nhiều kiếp thầy cũng làm thầy người ta chết đến giờ không có thầy, để có thầy mới làm thầy nữa chứ, không để kiếp sau thầy làm thầy, biết là như vậy đó, cho nên Phật tử thấy Đức Phật nói nếu mà mình bị nhiều lý do chết như vậy,mình chết với những cái lúc mà như vậy thì bất thiện nó còn nhiều quá nó sẽ chướng ngại cho mình đi tái sinh.Vậy mình cần phải cố gắng tinh cần, nỗ lực, tinh tấn mà làm việc thiện. Cho nên nghe không phải để mình sợ, Phật tử mà mê tín nghe nói cái chết là nói xui lắm đúng không? Không. Nghe bài này để mình càng cố gắng, càng tinh tấn, càng nỗ lực.

Thứ nhất làm điều thiện để nâng mình lên

Thứ hai tu tập để luyện tâm của mình, giả dụ một cái duyên nào đó mà mình phải cắt đứt cái mạng sống của mình, hoặc là hết tuổi thọ, hết nghiệp mình biết

được không? mình biết được khi nào hết nghiệp không? có ai dám chắc là mình biết được hết nghiệp ở đây không? Không. Giả dụ như một lúc nào đó mình hết nghiệp, mình đi thì sao ạ? À thì bữa giờ mình đã chuẩn bị tinh thần rồi. Còn nếu bị bệnh vẫn cố gắng chữa, dĩ nhiên là mình cố gắng tập luyện, tập thể dục rồi đi bác sĩ này kia mình đều cố gắng hết nhưng mình thấy thế này, mình là con Phật mình hiểu Phật, mình nói với Phật "con đã cố gắng hết sức rồi nếu những tháng ngày còn lại của con, cái thân cùi bắp này của con không có làm lợi ích gì cho đạo nữa, không giúp được nhiều người nữa con mãn nguyện con đi. Còn nếu mà cái thân của con, khẩu ý này mà còn có thể làm lợi ích cho Phật pháp, còn giúp được nhiều người lợi ích thì Tam Bảo gia hộ con còn duyên con sống tiếp, còn nếu như con hết duyên thân mạng này con không giúp được gì cho Phật pháp, cho nhiều người nữa thì con cũng mãn nguyện con đi.

Thầy nhớ năm 2008 có phát một cái lời nguyện, dĩ nhiên cái lời nguyện đó rất là rộng thì trong cái lời nguyện đó. Mà Phật tử thấy năm 2008 là thầy 27 tuổi, thầy thấy cuộc đời nó vô vị lắm, nói theo ngoài đời giống như dạng bị trầm cảm, thấy cuộc đời vô vị kiểu như vậy đó nhưng mà do mình hiểu Phật pháp cuộc đời nó hồi khổ. Bữa đó thầy phát nguyện đàng hoàng "cái duyên của con mà còn sống được, cái tuổi thọ con còn, cái thân của con còn sống được thì Tam Bảo chứng minh gia hộ che chở cho con thì mình cũng biết Tam

Bảo gia hộ che chở thì phải có cái phước, Chư Thiên có muốn hộ cho mình thì mình phải làm gì để được gia hộ, chứ ác quá ác sao mà gia hộ cho mình được, không phải là chư Thiên không thèm mà mình không nương cái tầm sống cho nó cân đối.

Thì thầy mới nguyện là nếu con còn cái duyên có tuổi thọ còn sống tiếp cái duyên con còn, nếu con còn lợi ích cho Tam Bảo cho Phật pháp thì xin cho con tiếp tục sống để con có thể làm lợi ích cho Phật pháp, Thầy cũng nguyện những ngày tháng còn lại của con, con làm lợi ích cho Phật pháp và đưa người về với Phật Pháp bản thân của mình cố gắng tu hành và cố gắng nhiều nhất có thể và thứ hai là giúp cho người hữu duyên về với Phật.”Ước muốn lớn nhất của Thầy là đưa bản thân của thầy và đưa Phật tử về với Phật chứ không phải Phật tử làm từ thiện. làm từ thiện chỉ một phần thôi, làm từ thiện trong thời không có Phật vẫn làm được.

Ước muốn của Thầy không phải để Phật tử biết làm từ thiện, biết làm từ thiện là tốt, nhớ dùm thầy nha, biết làm từ thiện là tốt, biết đạo đức là tốt, nhưng cái mấu chốt là đưa Phật tử về với Bát Chánh Đạo,Tứ Thánh Đế, biết tu tập. Mấu chốt lời của Phật đó mới là mấu chốt, làm từ thiện cứ làm, Phật tử sống biết chia sẻ cứ làm, mọi cái trong cuộc đời Phật tử cứ làm nhưng phải có được Phật pháp vì có được Phật pháp thì mới

có được lối ra. Có Phật pháp thì mới có lối ra, không có Phật pháp thì mình chỉ có lối đi lên thôi.

Thầy nói cái này hoài, không có Phật pháp mình chỉ có đi lên, đi xuống thôi chứ không có đi ra khỏi vòng luân hồi phải có Phật pháp, năm 2008 Thầy làm một cái buổi lễ ước nguyện, sau đó giống như Thầy nói trong cái bài "Cầu an,cầu siêu,phát nguyện,hồi hướng" thì làm một cái gì Phật tử phát nguyện mỗi ngày nhắc nhở mình thì nó thành nguyện lực, mà lực thì nó mới đẩy mình đi. cho nên Thầy mong Phật tử nghe bài Niệm chết càng phải tinh tấn nỗ lực làm thiện, trong khả năng của mình giúp đỡ ai được thì giúp đỡ, tạo duyên cho ai được thì tạo duyên, an trú cho ai được thì an trú trong pháp mà nhất là điều đó liên quan đến Phật pháp.

Cho nên Phật tử làm từ thiện sẻ chia này kia thì vẫn cứ làm, phía sau đó Thầy muốn Phật tử bước thêm một bước phải vô tới Phật pháp hoặc ngay khi Phật tử hiểu Phật pháp rồi việc làm thiện của Phật tử như bố thí, sẻ chia của Phật tử với một cái tâm hiểu nghiệp và quả của nghiệp cũng khác nữa, rồi niệm chết để sống những ngày còn lại nó xứng đáng, niệm chết để Phật tử bớt sợ hãi cái chết, bớt thôi chứ không dám nói hết đâu, nếu hết là làm thánh rồi, bớt sợ hãi cái chết, đón nhận cái chết như những gì xảy ra, chưa có hết sợ hãi thì ít nhất mình cũng chết với một cái tâm chán chường không có lưu luyến chấp trước, Niệm chết để sống những tháng ngày còn lại cho nó thong dong, nhẹ

nhàng, chết đến một lúc nào đó cái thân này nó còn bỏ mình đi mà phải không quý vị, đến một lúc nào đó Phật tử chỉ nghĩ đến một điều, đến một lúc nào đó cái thân này, cái thân mà Phật tử ăn nè lo cho nó mấy chục năm, mắt ,lỗ tai, cái tay, cái chân, bao tử của quý vị, trái tim hơi thở của Phật tử nó còn bỏ Phật tử được mà thì cái gì trong đời này không bỏ mình được phải không? hơi thở là người bạn thân nó còn bỏ đi nữa đó,cái bóng của mình một ngày nào đó nó còn bỏ mình đi thì chuyện gì trên đời mà không bỏ mình.

Sau này có buồn cỡ nào thì buồn nhưng rồi đứng lên. Buồn cỡ nào buồn nhưng rồi phải có cách buông, đến một lúc nào đó Phật tử tu tập như Đức Phật nói cho sung mãn rồi đó thì đối diện cái chết một cách nhẹ nhàng.

Có một lần có một vị hỏi Ngài Xá Lợi Phất, ngài có sợ chết không? Ngài có muốn chết không? "Không" ngài trả lời vậy đó. Muốn tức là tâm tham. Sợ là tâm sân, đối với Ngài đâu còn sợ nữa, đâu còn muốn nữa, vậy cuộc sống còn lại của Ngài là gì? là tùy duyên. Nói theo các vị thiền sư là tùy duyên tiêu nghiệp cũ, tức là làm sao? là khi mà đắc đạo rồi các ngài vẫn ăn vẫn uống vẫn có cuộc sống bình thường, nhưng mà nghiệp nào nó đến thì kệ, nghiệp đến thì trả, một cách nhẹ nhàng như Đức Phật vậy đó. Phật tử nghe bài Phật nạn rồi, Đức Phật thành Phật rồi ngài còn trả mấy cái nghiệp không? Vẫn trả và trả có buồn khổ gì không? không.

Trả có oán kết gì không? không. Đó gọi là tùy duyên tiêu nghiệp cũ.

Mà là ăn qua ngày, chờ qua đời, chết vô hòm. Khi Phật tử hiểu rồi, thì cuộc sống này Phật tử không có tu là một sự vô vị lắm quý vị, Phật tử nghiệm lại coi có phải không? cuộc sống cứ tháng ngày nó trôi qua vậy đó, sáng dậy vệ sinh, tắm rửa, tập thể dục, ăn sáng, còn mấy cô thì chuẩn bị đi chợ, đi chợ về loay hoay đồ ăn trưa, ăn trưa xong ngủ một chút, dậy xem ti vi đi dạo chơi ở đằng trước, rồi chuẩn bị làm cái gì ? lo cho đồ ăn chiều, ăn chiều xong làm gì? chơi với con, với cháu, với gia đình rồi xem phim gì đó, chút buồn ngủ, ngủ. Cứ quanh quẩn vậy, dĩ nhiên cuộc sống của mỗi người có chút này, chút kia, nó đổi nhưng mà nói chung là như vậy phải không? cho nên thầy nói cuộc sống nó vô vị lắm.

Biết Phật pháp Phật tử biết bây giờ mình sống mình biết lo cho cái tương lai, lo cho kiếp kế tiếp, không có ba la mật, không có duyên lành nhiều kiếp Phật tử không có lo được cho kiếp sau đâu. Mình chỉ biết ngày nay thôi, mình không đủ phước đức tư duy, trí tuệ để mình lo cho ngày mai. Khi biết trí tuệ Phật tử sống ngày nay Phật tử lo cho cái ngày nào đó, mình chết chỉ cần mình biết trước lúc mình chết mình nằm ở đâu thôi, Phật tử lo từ bây giờ là hết muốn buồn giận gì luôn.

Dù biết rằng lúc đó sẽ đến nhưng mà không biết kỹ rõ là cái nào thôi. Và rồi hôm nay mình học cái bài này phải đối diện với một cái sự thật như vậy. Thầy xin nhắc lại học niệm chết để không phải là mình sợ chết, không phải sợ sui xẻo này kia, mà nếu có sợ chết thì của mình bây giờ nó khác với sợ chết trước kia. Sợ chết trước kia vì mình mù mịt mình không biết ,còn bây giờ cái sợ của mình là hiểu đạo mà sợ, sợ chết đêm nay, sợ chết đêm mai mình còn ác nghiệp nhiều quá, bất thiện nhiều quá, tâm mình chưa có an, tâm mình chưa có tỉnh, đường phía trước mịt mù, Phật pháp thì mới biết tu, mà tu cái kiểu tu ầu ơ dí dầu, tu dậu đổ bìm leo, tu lai rai, tu kỷ niệm, tu chụp hình, có mấy tấm hình chụp là mình có tu thôi, chứ Phật pháp con chưa có thấm tương chao phải không ?

Nghĩa là mình phải có thời gian tu tập chứ không phải nói như vậy mà ngày mai Phật tử mua xì dầu với chao về ăn đâu nha, không phải. Là phải thực tập thì nó mới thấm, công phu tu tập nó như vậy, thứ hai công đức của mình làm nó mới nâng mình lên nhớ nhen, thì lúc đó mình có chết thì mình đối diện cái chết một cách nhẹ nhàng nhất, bình tĩnh nhất, bình thản nhất. Đây là một bài pháp hơi buồn, bữa giờ thầy giảng mấy bài pháp nghe buồn không, bài mạt pháp vừa rồi Phật tử nghe, Phật tử có buồn không? buồn, thẩm sâu Phật tử có vui không?

Thẩm sâu là Phật tử thấy vui, là tại sao? vì trong đời này mình vẫn còn có Phật, dù không gặp kim thân của Phật nhưng mà còn Pháp, còn Tăng, còn kinh điển, còn hình tướng chư tăng, còn xá lợi. Đâu phải lúc nào cũng vậy, người không có duyên chuyện đó là bình thường, còn cái người có duyên mình hiểu rồi nó khác, thì Thầy mong qua cái bài này Phật tử cố gắng để mà trân quý từng phút giây còn lại của mình để mà sống cuộc sống cho có ý nghĩa. Thầy xin kết thúc bài pháp thoại ở đây.

(Buổi giảng ngày 01/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Niệm chết là gì?

2). Tại sao phải niệm chết ngay trong cuộc sống này?

3). Điều gì là chúng ta không thể biết trước?

4). Có bao nhiêu nguyên nhân dẫn đến cái chết?

5). Ta phải thường quan tưởng 5 điều gì để trước cái chết không sợ hãi hoảng loạn?

6) Niệm chết là một đề mục thiền định đúng không?

Bài 7: BÁT QUAN TRAI

---

* ĐỊNH NGHĨA
* ĐỨC PHẬT THUYẾT VỀ BÁT QUAN TRAI NHƯ THẾ NÀO?
* NỘI DUNG VIỆC GIỮ BÁT QUAN TRAI GIỚI
* CÁC KIỂU THỌ GIỮ BÁT QUAN TRAI GIỚI
* LỢI ÍCH CỦA VIỆC THỌ "BÁT QUAN TRAI GIỚI"
* TÓM LƯỢC

Kính thưa quý Phật tử thân mến!

Tối hôm nay, chúng ta tiếp tục với bài cuối lớp giáo lý cơ bản khóa III. Chủ đề bài giảng tối hôm nay là "Bát Quan Trai Giới."

Thưa quý vị, sau khi chúng ta tìm hiểu đạo Phật, có lòng tôn kính Tam Bảo và phát tâm thọ Tam Quy. Đó là quy y làm Đệ tử Đức Phật - Đức Pháp - Đức Tăng. Thì Phật tử phát nguyện giữ 5 giới. Hôm nay, chúng ta sẽ học thêm về "Tám Giới" hay "Bát Quan Trai Giới".

Quý Phật tử nào mà nguyện giữ "Tám giới" cho trong sạch, trọn vẹn thì đó cũng là Công Đức để quý vị được sanh Thiên. Về các cõi Trời cao trong các cõi trời

Dục Giới như: Cõi Trời Đâu Suất, Cõi Trời Hóa Lạc Thiên, Cõi Trời Tha Hóa Tự Tại…

Ở cõi Dục Giới này, chúng ta cần phải có Công Đức của "Bát Quan Trai Giới" bởi vì tu tập "Bát Quan Trai Giới" một ngày là Công Đức và Phước Báu. Nhưng điều quan trọng là chúng ta giữ giới ra sao với tâm trạng, tâm thái và não trạng như thế nào?

Có những trường hợp trong Kinh, Đức Phật dạy là giữ giới Bát Quan Trai giống như "*Người Chăn Bò"*, có khi giữ giới như "*Ngoại Đạo*", cũng có khi giữ giới như 1 "*Bậc Thánh*". Những điều này, chúng ta sẽ được học sau đây.

I. ĐỊNH NGHĨA

Bát Quan Trai Giới Là Gì?

- **Bát** là "*Tám*"
- **Quan** là "*Cửa*"
- **Bát Quan** là "*Tám Cửa*"
- **Trai** tức là sự *Thanh Tịnh* và **Trai** ở đây cũng có nghĩa là *Không Ăn Quá Ngọ* (tức sau 12h trưa không ăn).
- **Giới** *là những điều đạo đức, là sự ngăn ngừa* mà Đức Phật *đã dạy giúp cho chúng ta nương vào đó*

để ngăn ngừa những điều bất thiện giúp cho Thân Tâm của chúng ta được Thanh Tịnh.

"*Bát Quan Trai Giới*" có nghĩa là Tám cửa ngõ ngăn chặn điều bất thiện và phát triển thiện pháp giúp thân tâm ta được thanh tịnh; việc giữ "*Bát Quan Trai Giới*" là ta nguyện sống một ngày, một đêm (24 tiếng) giữ gìn thân tâm cho thanh tịnh, phát triển thiện pháp bằng cách ngăn ngừa tám điều tội lỗi hay tám điều phát sinh những điều bất thiện, lỗi lầm, tội lỗi làm cho mình mất thanh tịnh.

Vậy thì "Bát Quan Trai Giới" nói dễ hiểu l*à Tám điều mà chúng ta kiêng cử, Tám điều mà chúng ta không phạm vào, Tám điều mà chúng ta nên từ bỏ trong suốt Một Ngày Một Đêm (24 tiếng) từ khi mình phát nguyện thọ giữ Bát Quan Trai Giới.*

II. ĐỨC PHẬT THUYẾT VỀ BÁT QUAN TRAI NHƯ THẾ NÀO?

Duyên Sự Các Bản Kinh Về Bát Quan Trai Giới

1. Bài Kinh Bốn Bậc Đại Vương

Thưa quý vị trong chánh Kinh thì ban đầu chỉ có 3 ngày "Bát quan trai giới" gồm ngày mùng 8-14-15 AL sau đó các bậc Chư Tổ có chế định thêm các ngày trai giới khác nữa, có khi 1 tháng có 4 ngày trai giới

"Bát quan trai", rồi 6 ngày, rồi 8 ngày rồi 10 ngày tùy khả năng quý vị giữ.

Thầy xin đọc bài Kinh này để quý vị thấy được có 3 ngày trai giới, trong *Kinh Tăng Chi – Chương Ba Pháp – Phẩm Sứ Giả Của cõi trời – Bài kinh "Bốn bậc đại vương" (AN.3.4.36).*

"36.- Bốn Bậc Đại Vương

– Này các Tỷ-kheo, trong ngày thứ tám của nửa tháng, các vị Đại thần cố vấn cho bốn Đại vương, đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người, có nhiều người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính Sa-môn, Bà-là-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha (Bố-tát), có đề cao cảnh giác, có làm các công đức.

Này các Tỷ-kheo, trong ngày 14 của nửa tháng, các Hoàng tử của bốn Thiên vương, đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người, có nhiều người có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức.

Này các Tỷ-kheo, trong ngày rằm lễ Uposatha, bốn vị Thiên vương tự mình đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người, có nhiều người có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức.

Nếu chỉ có ít người giữa loài người, này các Tỷ-kheo, có hiếu với mẹ, ... là các công đức, thời này các Tỷ-kheo, bốn vị Đại vương liền báo với chư Thiên ở

cõi trời thứ ba mươi ba, đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammà:

– "Thưa chư vị, có ít người giữa loài người có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức".

Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba không hoan hỉ nói:

– "Thật vậy, Thiên chúng sẽ bị tổn giảm và Asura chúng (A-tu-la) sẽ được sung mãn."

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều người giữa loài người, có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức, thời này các Tỷ-kheo, bốn vị Đại vương liền báo với chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba, đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammà:

– "Thưa chư Vị, có nhiều người giữa loài người, có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức".

Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba hoan hỷ nói

– "Thật vậy, Thiên chúng sẽ được sung mãn, còn các Asura chúng sẽ bị tổn giảm".

Trong cõi Dục Giới mà chúng ta đang sống có 6 cõi Trời thì cõi gần nhất với Cõi Người chính là Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương. Trong bài kinh này thì cứ vào Mùng 8 (tính theo Âm Lịch) thì các vị đại thần cố vấn của Tứ Đại thiên vương đi tuần tra thế giới, ngày

14 là các vị thái tử của thiên vương đi tuần, Và ngày 15 thì chính các vị tứ đại thiên vương sẽ đi tuần (xuống cõi người) các vị đó thấy nơi nào cũng có những người sống có hiếu thảo, lễ kính, biết ơn với cha mẹ; biết làm phước, biết tu tập, biết giữ giới, giữ trọn trách nhiệm của người vợ, người chồng, người con có hiếu... có phong trào làm các thiện pháp thì các vị đó về báo lại với các vị chư thiên, những gì khi họ xuống cõi người đã thấy các vị chư thiên nghe như vậy sẽ vui, hoan hỷ.

Tại sao thấy mình làm thiện các vị đó vui? Bởi vì Chư thiên là vậy! họ biết do các việc làm thiện đó thì những người này sau khi họ mất đi họ sẽ kéo nhau, cộng trú lên cõi trời mà ở, do đó thiên chúng ở cõi trời sẽ đông và vui hơn.

Còn mình thấy ai làm thiện mình vui thì đó là tâm hồn rộng lớn, thấy ai làm thiện được, tu tập được thì mình mừng đó là mình hiểu đạo. Còn khi chưa hiểu đạo có nhiều khi, có đôi lúc, có những lần mình thấy ai làm thiện, tu tập, giữ giới tốt hơn mình, giỏi hơn mình thì mình không vui, mình khó chịu với tâm bất thiện do mình hay ganh tị, đố kỵ với người khác.

Đây là những ngày mình thọ "Bát quan trai" trong tháng, dĩ nhiên những ngày này là để nhắc mình thôi, chứ ngày nào nguyện giữ bát quan trai trọn vẹn cũng được hết, cũng tốt và có công đức.

Thầy xin nói về kinh nghiệm chứ trong Kinh không có nói, quý vị cứ để ý những vùng mà gần sông nước, hễ ngày 14 – 15 AL người ta dễ nóng tính, bực bội khó chịu và đôi lúc người ta hay cãi nhau, đánh nhau, những điều này để ý lắm mình mới thấy hoặc hỏi kinh nghiệm của ông bà xưa sẽ biết.

Quý Phật tử biết tại sao không? Thật ra là do bị ảnh hưởng bởi thiên nhiên, những ngày đó là những ngày "Thủy triều" là ngày nước ròng, nước lớn vì chính ngày nước lên, nước xuống này ảnh hưởng bởi sự hấp dẫn của mặt trăng, nước dâng lên đỉnh điểm gọi là nước lớn, nước thấp gọi là nước ròng. Do ảnh hưởng bên ngoài thiên nhiên như vậy nên tánh khí của mình ít nhiều cũng bị ảnh hưởng theo.

Thường vào ngày 14 -15 chúng ta hay vô chùa sám hối, hay thọ giới "Bát quan trai" Những ngày đó tính tình dễ thay đổi nên mình tu tập cũng là cách để răn mình, nhắc nhở mình.

Trong thơ văn, các bản nhạc cũng nói kinh nghiệm này như trong Truyện Kiều của Nguyễn Du hay như trong nhạc Trịnh Công Sơn cũng có nói về nước lên, nước xuống

"Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu"

"Truyện Kiều"

Hay

"Tình ngỡ đã quên đi như lòng cố lạnh lùng
Người ngỡ đã xa xăm bỗng về quá thênh thang
Ôi áo xưa lồng lộng đã xô dạt trời chiều
Như từng cơn nước rộng xóa một ngày đìu hiu"
"Tình Nhớ - Trịnh Công Sơn"

Quý vị nhớ ban đầu chỉ có 3 ngày này trong Kinh nói vậy, rồi sau này Các vị chư Tổ của mình chế định thêm các ngày khác nữa. Sẵn đây xin nói thêm để chúng ta biết rõ một số ngày trai giới trong tháng.

Nếu 4 ngày là ngày mùng 8, ngày 15 ngày 23 và ngày 30 (Nếu tháng thiếu thì ngày 29)

Còn tháng 6 ngày trai giới là ngày mùng 8 - 14 - 15 - 23 - 29 và ngày 30 (Nếu tháng thiếu thì 28 - 29)

Nếu nói 8 ngày thì ngày mùng 5 - 8 - 14 -15 – 20 - 23 - 29 và ngày 30.

Thầy vừa nói 3 ngày "Bát quan trai" 3 ngày chính mùng 8 – 14 – 15 do các vị Thiên tử đại thần, do các vị thái tử của Tứ đại thiên vương, chính các vị tứ đại thiên vương đi tuần tra luôn và thấy nơi nào có phong trào làm phước, làm thiện, tu tập thì các Ngài rất là vui vì dân số trên đó sẽ được đông.

2. Bài Kinh Các Lễ Uposatha

Bây giờ Thầy xin nói Duyên sự của bài Kinh *(Kinh Tăng Chi – Chương Ba pháp – Phẩm Lớn - Bài Kinh Các Lễ Uposatha - Bài Kinh số 70 (AN.3.7.70)).*

"70.- Các Lễ Uposatha

Như vầy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Pubbarama (Đông viên), lâu đài của mẹ Migara. Rồi Visākhā, mẹ của Migara, trong ngày Uposatha (Bố-tát trai giới) đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migara đang ngồi xuống một bên:

– Này Visākhā, từ đâu bà đến sáng sớm như thế này?

– Bạch Thế Tôn, hôm nay con thọ trai giới.

– Có ba loại trai giới này, này Visākhā. Thế nào là ba?

Trai giới người chăn bò, trai giới Niganthà, và trai giới bậc Thánh.

Như thế nào, này Visākhā, là trai giới người chăn bò?

Ví như, này Visākhā, người chăn bò vào buổi chiều lùa các con bò về cho chủ của chúng. Người ấy

suy nghĩ: "Hôm nay, các con bò đã ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, đã uống nước tại chỗ này và chỗ này. Ngày mai, các con bò sẽ ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, sẽ uống nước tại chỗ này và chỗ này". Cũng vậy, này Visākhā, ở đây có người giữ trai giới suy nghĩ: "Hôm nay, ta đã ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta đã ăn; ta đã ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta đã ăn. Ngày mai, ta sẽ ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta sẽ ăn; ta sẽ ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta sẽ ăn". Như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm đồng hành với tham dục. Như vậy, này Visākhā, là trai giới người chăn bò.

Này Visākhā, thế nào là trai giới các Niganthà?

Ở đây, này Visākhā, có hạng Sa-môn tên là Niganthà, họ khích lệ đệ tử như sau: "Ông hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Đông, ngoài một trăm do tuần. Hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Tây, ngoài một trăm do tuần. Hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do tuần. Hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Nam, ngoài một trăm do tuần." Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại mà thôi, họ không khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn, đối với một số sinh loại khác. Trong ngày Uposatha, họ khích lệ đệ tử như sau: "Này các Ông, hãy quăng

bỏ tất cả áo quần và nói như sau: "Ta không có bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào, không có cái gì là của ta. ""Nhưng cha và mẹ của người ấy biết người ấy là con của mình. Và người ấy biết họ là cha mẹ của mình. Vợ và con người ấy biết người ấy là chồng, là cha của mình, và người ấy biết họ là vợ, là con của mình. Các người nô tỳ làm công biết người ấy là chủ của họ. Và người ấy biết họ là nô tỳ, là nhân viên của mình. Như vậy, trong thời gian đáng phải khích lệ đúng với sự thật, trong thời gian ấy, lại được khích lệ bằng điều nói láo. Đây ta tuyên bố là một sự nói láo. Sau khi đêm ấy đã qua, người ấy thọ hưởng tất cả tài sản chưa đem cho. Đây ta tuyên bố là lấy của không cho. Như vậy, này Visākhā, là lễ Uposathà của các Niganthà. Được sống thực hành như vậy, này Visākhā, Uposatha của các Niganthà không quả lớn, không lợi ích lớn, không chói sáng, không ánh sáng lớn.

4. – Và này Visākhā, thế nào là trai giới các bậc Thánh? Chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Do duyên bột nhồi, do duyên đất sét, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan khởi lên, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử để thực hành trai giới Phạm Thiên, vị ấy cùng sống với Phạm Thiên. Do duyên Phạm Thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là

tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

5.-Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Do duyên sottim (một thứ đá bọt dùng để chà lưng), do duyên bột tắm, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và như thế nào, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực

hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Do người ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành pháp trai giới, vị ấy sống với pháp. Chính nhờ pháp, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

6.- *Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhớ phương pháp thích nghi?*

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời". Do vị ấy niệm Tăng, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm vải bị uế được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên usam (đất mặn) do duyên khàram (nước tro), do duyên phân bò, do duyên nước, và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời". Nhờ vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành chúng Tăng trai giới, sống với chúng tăng. Chính nhờ chúng tăng, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

7.- Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào

là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Giới: "Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định". Vị ấy nhờ niệm Giới, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm gương uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Và này Visākhā, thế nào là một tấm gương uế nhiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên dầu, do duyên tro, do duyên bàn chải lông và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là tấm gương uế nhiễm được rửa sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm gương uế nhiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Giới: "Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định". Vị ấy nhờ niệm Giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là thánh đệ tử thực hành giới Uposatha, sống chung với giới. Nhờ giới, tâm

được tịnh tín, hân hoàn sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

8. Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Thiên: "Có Chư Thiên bốn Thiên Vương; có Chư Thiên cõi trời Ba mươi ba; có chư Thiên Yàmà; có chư Thiên Tusita (Đâu suất); có chư Thiên Hóa lạc; có chư Thiên Tha hóa tự tại; có chư Thiên Phạm chúng; có chư Thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta". Khi người ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư Thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các phiền não của

tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên lò, do duyên đất muối, do duyên phấn đỏ, do duyên ống bệ, do duyên cái kìm, và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

Và này vì, thế nào là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Thiên: "Có Chư Thiên bốn Thiên Vương; có Chư Thiên cõi trời ba mươi ba; có chư Thiên Yàmà; có chư Thiên Tusita (Đâu suất); có chư Thiên hóa lạc; có chư Thiên tha hóa tự tại; có chư Thiên Phạm chúng; có chư Thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư Thiên ấy, mạng chung ở chỗ này, được sanh tại chỗ ấy. Ta cũng có lòng tin như vậy. Đầy đủ với giới như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi

chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với trí tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Ta cũng có trí tuệ như vậy". Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí, và tuệ của tự mình và của chư Thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các phiền não của tâm được đoạn tận. Đây gọi là Thánh đệ tử thực hành Thiên trai giới, sống chung với chư Thiên. Nhờ chư Thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

9. – Thánh đệ tử ấy, này Visākhā, suy tư như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Cũng vậy đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quí, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

10.-"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong

những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

11.-"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

12.-"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

13.-"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ rượu men, rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men, rượu nấu làm cho đắm say. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ rượu men, rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men, rượu nấu làm cho

đắm say. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

14.-"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

15.-"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán tránh xa không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống tránh xa không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

16.- "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

Như vậy, này Visākhā, là Thánh trai giới, thực hành Thánh trai giới, này Visākhā, có quả lớn, có lợi ích lớn, có chói sáng lớn, có ánh sáng lớn.

17. – Quả lớn là như thế nào? Lợi ích lớn như thế nào? Chói sáng lớn như thế nào? Ánh sáng lớn như thế nào?

Ví như, này Visākhā, có người áp đặt chủ quyền trên 16 quốc độ lớn tràn đầy bảy báu như Anga, Magadha, Kàsi, Kosala, Vajji, Mallà, Ceti, Vangà, Kurù, Pancàlà, Macchà, Surasenà, Assakà, Avanti, Gandhàrà, Kambojà, nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một trai giới thực hành đầy đủ cả tám mặt. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi thay, này Visākhā, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc Chư Thiên!

18. – Năm mươi năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ

nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

19.- Một trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

20.- Hai trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương

quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

21.- Bốn trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Tusita (Đâu-suất). Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tusita. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

22.- Tám trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi

thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

23.- Mười sáu trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng, mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành Uposatha đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

24.

Chớ giết hại sinh loài
Chớ lấy của không cho
Chớ nói lời nói láo
Chớ uống thứ rượu say
Từ bỏ không phạm hạnh
Từ bỏ, không dâm dục
Không ăn vào ban đêm
Tránh không ăn phi thời
Không mang các vòng hoa
Không dùng các hương liệu
Hãy nằm trên tấm thảm

Được trải dài trên đất
Chính hạnh trai giới này
Được gọi có tám phần
Do đức Phật nói lên
Đưa đến đoạn tận khổ
Mặt trăng và mặt trời
Được thấy là lành tốt
Chỗ nào chúng đi tới
Chúng chói sáng hào quang
Chúng làm mây sáng chói
Giữa hư không chúng đi
Trên trời chúng chói sáng
Sáng rực mọi phương hướng
Trong khoảng không gian ấy
Tài sản được tìm thấy
Trân châu và ngọc báu
Lưu ly, đá cầu may
Vàng cục trong lòng đất
Hay loại Kancana
Cùng loại vàng sáng chói
Được gọi là Hattaka
Tuy vậy chúng giá trị
Chỉ một phần mười sáu
Với hạnh giữ trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Kể cả ánh sáng trăng
Với cả vòm trời cao.
Vậy người nữ người nam

Hãy giữ theo định giới
Hành bố-tát trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Làm thiện các công đức
Đem lại nhiều an lạc
Được sanh lên cõi trời
Không bị người cười chê."

Trong bài kinh này, thầy xin tóm tắt như sau:

Nhân một dịp vào sáng sớm bà Visākhā vào chùa ngay ngày "Trai giới" thì bà gặp Đức Phật, thì Đức Phật hỏi bà: Đi đâu sớm vậy? Bà thưa rằng: Con đến thọ trai giới! Nhân sự việc đó Đức Phật mới thuyết về " Bát quan trai giới", sau khi Phật thuyết về "Bát quan trai giới" rồi Đức Phật dạy có 3 kiểu thọ "Bát quan trai". Đây là phần quan trọng vì 3 nội dung kiểu Bát quan trai giới đó sẽ cho mình biết khi thực tập chúng ta thuộc kiểu nào. là kiểu "*Người Chăn Bò*", kiểu "*Ngoại Đạo"* hay kiểu "*Bậc Thánh'*. Phần cuối cùng bài kinh Đức Phật nói về *Lợi ích của việc giữ bát quan trai.*

Thầy nói thêm một chút về bà Visākhā. Bà là vị nữ cư sĩ Đệ nhất về bố thí, lo cho Tăng Đoàn. Bà sống thọ tới 120 tuổi. Trong Kinh diễn tả về sức mạnh của bà có thể quật ngã 5 con voi, có lần bà dùng hai ngón tay nắm vòi con voi được đưa đến để đọ sức với bà, đẩy voi lùi ra và đó là sức mạnh đặc biệt của bà. Bà cũng rất là đẹp, một người Phụ nữ đẹp toàn diện về hình sắc, về tóc, môi, răng, da. Kinh sách ghi lại vẻ đẹp của bà

như sau: " Tóc bà tựa như đuôi chim công, khi xõa ra dài tới mắt cá chân rồi cuộn trở lên. Môi bà tự nhiên đỏ hồng tươi mát. Răng trắng như ngà, khít khao đều đặn và sáng ngời như hai hàng ngọc. Nước da mịn màng như cánh hoa sen vàng vừa mới nở. Cho đến lúc già và có đông con, bà vẫn còn hình dáng đẹp đẽ của thời son trẻ". Bà là cháu của một phú hộ tên là Mendaka, là 1 trong 5 vị giàu nhất Ấn Độ thời bấy giờ. Điều đặc biệt đó là lúc 7 tuổi bà đã đắc Thánh Sơ Quả Tu Đà Hoàn hay còn gọi là Thánh Nhập Lưu là tầng thứ đầu tiên trong 4 tầng Thánh Quả. Có một lần bà vào nghe Pháp Đức Phật thuyết, nghe Pháp xong bà ra về bỏ quên lại chiếc áo, chiếc áo rất đắt tiền vì bà là đại gia mà, giàu lắm, sau đó bà lấy chiếc áo để quên đó xây một tự viện nằm về phía Đông của kinh thành Xá Vệ đặt tên là "Đông Viên tự" (Pubbàràma). Bên trong ngôi tự viện đó có thiết kế một giảng đường lớn, gọi là Lộc Mẫu giảng đường (Migàramàtupàsàda).

Mình mới nghe qua thì thấy rằng sao mà một người cư sĩ lại đắc thánh dễ vậy! Không dễ đâu quý vị mà đó là giọt nước tràn ly mà thôi! Cách đây 100 ngàn đại kiếp, vào thời Đức Phật Sắc Liên Hoa, bà cũng gặp một người nữ thí chủ hộ trì tam bảo Đệ nhất như vậy rồi bà cũng phát nguyện làm các công đức như vậy suốt 100 ngàn đại kiếp. Vào kiếp cuối cùng này vào thời Đức Phật Gotama bà mới được đắc Thánh dễ như vậy!

III. NỘI DUNG VIỆC GIỮ BÁT QUAN TRAI GIỚI

Phần tiếp theo mấu chốt là Nội dung các chi phần của "Bát quan trai giới" cũng trong *kinh Tăng Chi - Chương 3 Pháp - Phẩm Lớn - Bài Kinh Các Lễ Uposatha - Bài Kinh số 70 (AN.3.7.70).*

Để quý vị dễ nhớ "Tám giới" thì ở đây mình nhớ 5 giới (thường giới): Không sát sanh – Không trộm cắp – Không tà hạnh – Không nói dối – Không uống rượu.

+ Không sát sanh: Không giết hại các con vật, từ bỏ sát sanh, cắt đứt mạng sống của chúng sanh.

+ Trộm cắp: Không lấy của không cho.

+ Không tà hạnh là không ăn nằm với người ngoài vợ ngoài chồng của mình. Khi quý vị thọ "Bát quan trai" thì quý vị không được quan hệ vợ chồng, không có ý dâm dục.

+ Không nói dối,

+ Không uống rượu và các chất say.

Khi quý vị thọ "Bát quan trai giới" là thọ 5 giới cộng thêm 3 giới là 8 giới.

Và ba giới sau của Tám giới là:

+ Không ăn phi thời (không ăn sau 12h trưa)

+ Từ bỏ việc xem ca nhạc, múa hát, đàn ca, thổi kèn, trang điểm, thoa vật thơm, dồi phấn, đeo tràng hoa, trang sức.

+ Là từ bỏ việc nằm giường cao rộng lớn, xinh đẹp.

Quý Phật tử phát nguyện giữ một ngày một đêm là 24h, thường là bắt đầu thọ từ lúc mặt trời mọc hoặc thọ từ 8h sáng hoặc 6h sáng cho đến 6h sáng ngày hôm sau cho trọn một ngày. Thường chúng ta sẽ đến chùa vào các ngày trai giới để xin quý Thầy, Cô truyền giới để cho mình thọ Tám giới hoặc nếu không đủ duyên để đến chùa thì quý vị ở nhà trước bàn thờ Phật xin Phát nguyện thọ trì Bát quan trai giới 1 ngày cho trọn vẹn. Qua ngày hôm sau xả giới, nếu không đủ duyên tới chùa thì giới cũng tự xả vì mình chỉ nguyện giữ một ngày. Điều đặc biệt là "Bát quan trai" phát nguyện một ngày một đêm sống thanh tịnh như người xuất gia và sống có tám điều như bậc thánh Alahán, công đức là ở chỗ đó, mình không được như thánh A la hán thì mình nguyện giữ trọn vẹn một ngày.

Có thể sau này chúng ta nguyện thêm lên 2 ngày 4 ngày, 6 ngày, chính vì mình sống một ngày giữ giới như vậy, giữ 8 điều như vậy như một vị thánh Alahán, sống trọn vẹn một ngày một đêm như người xuất gia tuy là chưa phải là Thánh vẫn còn tham, sân, si nhưng mình nguyện sống một ngày như các vị Thánh đã sống, từ bỏ 8 điều lầm lỗi, đây là sự quan trọng, đôi khi đời

này quý vị không có duyên để được xuất gia, chuyện cơm áo gạo tiền, cuộc sống mưu sinh, gia đình, vợ chồng, con cái... thì mình phát nguyện giữ 8 giới sống thanh tịnh như người xuất gia và giữ 8 điều như bậc thánh Alahán chính vì vậy công đức lớn lắm, lúc đó sẽ thấy được sự quan trọng của việc thọ giới "Bát quan trai".

Thầy nhắc lại cho quý Phật tử dễ nhớ việc giữ 5 giới đầu tiên nhưng giới thứ 3 "Không tà hạnh" là không ăn nằm với người ngoài vợ ngoài chồng của mình. Khi thọ bát quan trai quý vị không quan hệ vợ chồng, không dâm dục, không khởi lòng dâm luôn chứ không phải là không tà hạnh như người cư sĩ thọ 5 giới bình thường. Vì ngày đó mình nguyện sống thanh tịnh như người xuất gia, giữ giới như bậc Thánh.

1. Giới Thứ Nhất Đức Phật dạy bà Visākhā

"Này Visākhā, suy tư như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Cũng vậy đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

Các bậc A La Hán là trọn đời giữ giới không sát sanh, còn mình thì không giữ trọn thì nguyện ít nhất là giữ trọn một ngày không sát sanh. Quý Phật tử nên ghi nhớ đúng là mình Không Sát Sanh từ 6h sáng hôm nay tới 6h sáng hôm sau nhưng chưa chắc đã gọi là giữ giới như kiểu "Bậc Thánh". Đừng có nghĩ mình không giết một con vật nào là mình giữ giới Không Sát Sanh như một Bậc Thánh. Giữa giới như "Bậc Thánh" nó khó lắm.

2. Giới thứ hai là Không trộm cắp, Đức Phật dạy

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

Giới Không Trộm Cắp thì mình cần phải tập, cái gì ai cho mình thì mình mới lấy, còn không cho thì tuyệt đối không được lấy dù đó là một vật nhỏ xíu không có giá trị cũng không được lấy. Giả dụ mình đi ngang qua một vườn trồng cây ổi ở gần ven đường mà cây ổi thì trái đã chín nhưng không có ai ở xung quanh đó. Đôi khi, chúng ta nghĩ rằng trái ổi nó chín nó sắp rụng rồi mà nhà đó vườn đó người ta không có tới hái. Nếu mình không có hái ăn thì người ta cũng bỏ. Mình

thì nghĩ đơn giản vậy nhưng mà không phải như vậy. Khi mà mình lấy tay hái trái ổi đó thì lúc đó cái **Tâm** của mình nó "**Cong**" rồi không còn "**Thẳng**" nữa.

Ông bà mình hay có câu: "*Ăn Cắp Quen Tay Ngủ Ngày Quen Mắt*". Mình đâu có xin nhưng mình lấy trái ổi đó được rồi mình qua lấy trái mít, trái sầu riêng. Rồi mình lấy từ cái nhỏ từ từ tới cái lớn hơn. Đến một lúc nào đó "**Ăn Cắp"** là một chuyện rất là bình thường.

Chúng ta thường thấy thì đại nạn thường đến từ những điều bé nhỏ. Khi mà quý vị đã thọ giới rồi, mình giữ những thứ nhỏ nhặt nhất thì lúc đó mới thấy từ những điều nhỏ như vậy Đức Phật cũng răn dạy chúng ta rất là kỹ. Do vậy mà giúp chúng ta quan sát theo dõi được cái Tâm của mình từng chút một.

Đối với các vị A La Hán thì các Ngài giữ giới trọn đời trong sạch còn mình thì nguyện giữ trọn một ngày để noi gương theo các vị Alahán đã sống. Các vị thì giữ trọn đời còn mình thì trọn ngày. Sao mình nghe nó chỉ khác một chữ thôi "Đời và Ngày" nhưng mình thử giữ giới xem qua tới ngày thứ hai thôi thì mình thì cũng mệt rồi. Khó chứ không phải dễ thì thôi ban đầu mình nguyện giữ giới 1 ngày rồi từ từ lên 2 - 3 - 4 - 8 ngày...

3. Về Giới Thứ Ba thì Phật dạy tiếp

"*Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ tà*

hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

Mình cũng nguyện 1 ngày sống không dâm dục, tịnh tu phạm hạnh như vậy. Hình thức mình sống như một người xuất gia và xa hơn nửa là sống như các vị A La Hán cả đời như vậy. Cách sống của mình noi gương theo như một vị Thánh dù tâm tư của mình không thể nào giống như một vị Thánh được nhưng các vị là tấm gương để mình noi theo, để mình hướng tới. Cho nên công đức khi mình thọ "Bát quan trai giới" là nằm ở chỗ đó.

4. Về giới thứ tư Phật cũng dạy

"*Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".*

Các vị A La Hán thì trọn đời từ bỏ nói láo chỉ nói những lời chân thật, không lừa gạt hay dối lừa bất cứ ai. Còn chúng ta thì nguyện một sống giữ giới như các

bậc Alahán. Chỉ một ngày thôi nhưng không phải dễ đâu quý vị

5. Giới Thứ Năm như sau

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ rượu men, rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men, rượu nấu làm cho đắm say. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ rượu men, rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men, rượu nấu làm cho đắm say. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

Với giới thứ 5 này thì các cô còn giữ được dễ dàng hơn chư với mấy anh thì sẽ khó hơn và nhất là đối với mấy người nghiện rượu thì rất khó bỏ.

6. Giới thứ sáu

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới"

Không ăn ban đêm. Vậy con có ăn đêm không? Dạ không. Con chỉ ăn khuya thôi chứ không có ăn đêm. Mình nghe thấy đơn giản vậy đó nhưng mà rất là khó. Có những người tiền nghiệp họ sanh ra họ trọng miếng ăn dữ lắm, có những khi miếng ăn của mình nó lạ lắm

vào lúc chiều tối thì tâm lý muốn ăn nhưng thực chất ra thân mình nó đủ rồi, nó dư chất rồi nhưng vì vẫn muốn ăn đó là ăn vì tâm lý.

Tại sao Đức Phật dạy "*Không Ăn Quá Ngọ*"? Vào thời Đức Phật thì khi Phật và các thầy Tỳ Kheo đi khất thực, người ta cúng gì thì ăn nấy kể cả Thịt (với điều kiện là *Tam Tịnh Nhục*: *Không Thấy Người Khác Giết Cho Mình Ăn; Không Nghe Tiếng Con Vật Bị Do Do Người Ta Giết Để Cho Mình Ăn; Không Nghĩ Con Vật Đó Chết Vì Mình*) nhưng Không Ăn Quá Ngọ, Thọ Trai Thanh Tịnh. Giả dụ đã quá trưa sắp hết ngọ mà không ai cúng thì sao? Thì cũng phải nhịn đói luôn chứ sao nếu muốn ăn thì phải đến ngày hôm sau chứ quá ngọ là Không được ăn. Thời Phật thì các Ngài chỉ ăn ngày một bữa ăn không quá ngọ như vậy đó.

Các vị thọ "Bát quan trai giới" thì sẽ thọ giới vào buổi sáng. Sau đó ăn bữa trưa xong là thôi chiều tối không có ăn nữa. Quý vị không ăn nhưng có thể uống nước hoặc sữa miễn là đừng có nhai. Như trái ổi khi mình ăn thì mình phải nhai còn khi thọ giới "Bát quan trai" rồi thì mình có thể ép ra lấy nước để uống. Nếu ban đầu mình chưa quen thì mình tìm cái gì đó mình uống để cho đỡ đói chứ đừng có ăn.Nếu mình ăn quá ngọ là mình ăn phi thời.

Quý vị biết có những người sinh ra họ nặng nề ăn uống dữ lắm. Chỉ việc ăn uống thôi có thể làm khổ họ cả đời. Nếu suốt ngày mình cứ lo cho cõi sống bao tử,

suốt ngày ăn mặc ngũ đó là *bản năng*. Ngoài bao tử, chúng ta còn cõi của trái tim, cõi sống của não bộ nữa. Cõi sống của **Trái Tim** là "*Phát Triển Lòng Từ*", cõi sống của **Não Bộ** là "P*hát Triển Trí Tuệ"*. Mình phải lo cho trí tuệ và từ bi chứ suốt ngày cứ lo ăn lo cho cái bao tử suốt.

Ngày xưa Chư Tổ dạy:

"*Cơm rau đỡ dạ đói,*
Nhà cỏ che gió sương,
Người đời nếu biết vậy,
Phiền não chẳng còn vương"

Đôi lúc vì miếng ăn mà mình có thể tạo nhiều điều ác nghiệp. Mình chỉ sống một đời nhưng là do cái bao tử, không biết là bao nhiêu mạng sống của cả trăm cả ngàn con vật nó chết nằm trong cái bao tử đó. Quý vị nào mà đã lỡ giết để mà ăn thì nên ***Sám Hối*** đi.

Nếu có ăn mặn thì cứ ăn chứ đừng có sát sanh. Ăn cá, gà, tôm, cua...thì ra chợ mua con nào đó chết về mà ăn. Bao nhiêu sinh mạng chết vì cái bao tử này rồi. Nghiệp chưa trổ quả thì chúng ta thấy bình thường như vậy thôi. Cho tới khi nghiệp mà đủ duyên nó trổ quả rồi thì sao? Thì mình bệnh, mình đau, nó hành hạ thân mình này kia rồi thì mình khổ.

Có nhiều con vật bị mình đánh đập, hành hạ nó trước khi mình ăn. Nó còn đang sống mà mình cho nó vô nướng tươi vậy đó rồi hỏi sao sau này mình không

bị nướng lại không bị cháy. Có những con vật khi còn sống bị mình lột da để ăn thì hỏi sao sau này mình không bị cái này cái kia, bị lột da lại. Quý vị chỉ cần nhìn những cái đó rồi tự suy ra cái Quả của nghiệp sát sanh nó thế nào. Nếu mà nặng thì đọa vào các cõi khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh còn nhẹ thì mạng sống, tuổi thọ ngắn, thân mang tật bệnh. Hiểu rồi thì mình mới sợ Nghiệp và Quả của Nghiệp. Chỉ cần chúng ta hiểu "*Nghiệp và Quả Của Nghiệp*" thôi là đã có **Trí Tuệ** rồi thì cuộc đời quý vị đã đổi thay.

Kinh Tăng Chi 5.57, ***Sự Kiện Cần Phải Quan Sát***

"*1.– Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?*

2. "Ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa.

Phàm nghiệp nào ta sẽ làm thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

3. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ, say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

4. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, ta không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình khỏe mạnh, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong khỏe mạnh. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn

khỏe mạnh trong khỏe mạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

5. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình đang sống, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong sự sống. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

6. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, có lòng tham dục đối với các vật khả ái. Do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên tham dục đối với các vật khả ái được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

7. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy, ác hạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

8. Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta già, không thoát khỏi già, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi già". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị bệnh, không thoát khỏi bệnh, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị chết, không thoát khỏi chết, nhưng phàm có những loài hữu tình nào, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy phải bị chết, không thoát khỏi chết". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung

mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một mình ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, các pháp khả ái, khả ý của tất cả loài hữu tình ấy sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy". Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy. Do vị ấy thường xuyên quán sát dự kiện ấy, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Bị bệnh và bị già,
Lại thêm phải bị chết,
Pháp yếu là như vậy,
Hữu tình là như vậy.
Phàm phu sanh nhàm chán,
Thật không hợp cho Ta,
Nếu Ta cũng nhàm chán,
Đối với các chúng sanh,
Cùng chung một số phận.
Trong khi đời sống Ta,
Không khác gì đời họ.

Ta được sống như vậy,
Biết pháp không sanh y,
Kiêu mạn trong không bệnh,
Trong tuổi trẻ sinh mạng,
Tất cả Ta nhiếp phục
Phát xuất từ an ổn,
Ta thấy hạnh viễn ly,
Ta phát tâm dõng mãnh,
Thấy được cảnh Niết-bàn.

Nay Ta không có thể,
Hưởng thọ các dục vọng,
Ta sẽ không thối đọa,
Chứng cứu cánh Phạm hạnh."

Quý vị nên nhớ "Muôn đời nghiệp Thiện cho quả Vui, nghiệp Ác thì cho quả Khổ"

Sau này, lỡ quý vị có chửi có mắng ai thì cũng chửi vừa vừa lại thôi, ác khẩu với ai cũng phải chừa cho người ta con đường để đi. Giả dụ ác khẩu vài lần rồi từ từ né không làm nữa. Bởi vì biết Nghiệp và Quả của Nghiệp nó khủng khiếp thế nào? Trí tuệ là nằm ở chỗ đó

Tổ Khánh Anh Ngài nói:

"*Ăn uống của mỗi ngày của những ai*
Dỡ ngon tùy phận miễn no thôi,
Nuốt vô trong miệng thành chi đó,
Sao chẳng tỉnh hồn nghĩ lại coi?"

Quý vị ăn gì đó dù có ngon hay dở trên miệng thôi khi nuốt qua cổ rồi thì coi như xong. Có một số người họ có điều kiện họ giàu lắm, khi ăn họ sợ mập, mà không ăn thì thèm lắm. Rồi họ tìm cách ăn cho thỏa cơn thèm xong rồi họ tìm cách để cho nôn ra.

Ông bà ta cũng có câu: "*Bệnh Tùng Khẩu Nhập*". Bệnh cũng từ do miếng ăn mà ra. Nếu không biết cách ăn thì bệnh vào bằng đường ăn uống. Nếu người nào mà ốm yếu, lười nhát, run sợ...mà cứ tối ngày ăn đường ăn đồ ngọt đồ lạnh mang tính Âm nhiều dĩ nhiên nếu ăn Ngọt của Trái Cây thì Tốt chứ đừng có ăn uống đồ ngọt nhiều từ đường, chè, nước ngọt, trà sữa...Ăn vô những thực phẩm đó rồi thì sẽ dễ bệnh, lười, mệt, thu

nhỏ tâm, rút cái tâm lại. Nó làm mình hoạt động, lười học pháp, lười nghe pháp, lười hành thiền. Nói xa hơn là tâm mình thành ích kỷ, bé nhỏ. Lúc trước mình ***Bao Dung*** bao nhiêu thì nay mình ***Bung Dao*** bấy nhiêu. Lúc trước mình ***Hỷ Xả*** lớn còn giờ ai đụng tới là mình ***Xỉ Vả*** liền.

Quý vị ăn uống ráng né đồ ngọt. Ai mà sợ ma mà còn ăn nhiều đồ ngọt thì lại càng sợ thêm. Tối ngủ chỉ cần nghe chiếc lá rớt trên mái nhà thì cứ tưởng cả đoàn quân ma đi trên đó. Chiếc lá rớt chứ có con ma nào đâu nhưng do ăn nhiều đồ ngọt, đồ âm nó như vậy đó. Nó khiến mình run sợ, nhút nhát, bất an, sợ hãi, lười biếng, ích kỷ. Vì vậy, quý vị ăn uống cho ***Cân Bằng Âm Dương*** lại một chút thì cơ thể khỏe mạnh, thân tâm trở nên thoải mái, tâm trí tỉnh táo hơn. Đó cũng là cách trợ duyên cho cơ thể được nhẹ nhàng, tâm được an tịnh.

Đức Phật dạy giới thứ sáu Không ăn phi thời nghe có vẻ đơn giản như vậy nhưng không nó khó lắm quý vị. Vì nhiều người, bữa ăn buổi tối rất quan trọng. Ngoài việc ăn chiều tối ra, đó cũng là những cuộc sum họp gia đình, bạn bè, nhậu nhẹt tiệc tùng. Nên việc thọ "Bát Quan Trai Giới" nhất là giới thứ sáu là không dễ dàng gì.

Khi mình thọ giới rồi thì minh tập một ngày không ăn phi thời. Ban đầu chưa quen mình tập một ngày rồi lên 2 - 3 - 4...ngày. Cho nên *Không ăn phi thời* khó dữ lắm. Người mà ham ăn, sống nghiêng nặng về

miếng ăn thì ban đầu mà không ăn tối thì không thể nào chịu được nó khó bỏ dữ lắm. Có vị nói con thọ "Bát quan trai giới" trong tám giới con chỉ giữ bảy giới được không? Cho con không giữ giới không ăn phi thời. Sự thật có những người như vậy đó quý vị.

Có vị đó giữ "Bát quan trai giới" rồi khi tối ngủ vị đó thèm thịt gà tới nỗi khi ngủ còn nằm mơ thấy thịt gà luôn. Vị ấy nói con đợi cho hết ngày để con ăn thịt gà. Con thèm thịt gà tới nỗi con chỉ mong tới hết ngày mai xả giới để con ăn bù.

7. Giới Thứ Bảy

"*Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán tránh xa không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống tránh xa không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Về chi phần này, ta theo gương các vị Ala-hán và ta sẽ thực hành trai giới".*

Về giới này thì ngày đó khi phát nguyện thọ "Bát quan trai giới" nhất là mấy cô lâu nay đã quen trang điểm rồi thì chưa có quen bỏ được thì cũng nên trang điểm vừa đủ thôi, đừng quá lòe loẹt. Sáng dậy, cũng đánh răng rửa mặt xong rồi trang điểm nhẹ. Đừng có trước gương mà thay hết quần này áo nọ.

"Sáng dậy ta nhìn vào trong gương bỗng nhiên ta hốt hoảng ôi mình thật là dễ thương". Ngày đó mình cố gắng hạn chế trang điểm làm đẹp, nghe nhạc, xem phim, vũ kịch, thời trang, đeo vòng hoa, trang sức, sử dụng nước hoa...rồi khi mình đã quen thì từ từ mình bỏ hẳn luôn cho giới thứ bảy được trong sạch trọn vẹn một ngày đêm. Đức Phật dạy mình giới thứ bảy không trang điểm, nghe nhạc, múa hát, vòng hoa, trang sức, hương liệu là vì những cái đó làm cho mình dễ đắm chìm vào các dục.

Mình nguyện một ngày không đắm vào các dục. Đắm vào dục thì đam mê trong dục thì dễ tạo các điều bất thiện. Chúng ta cố gắng tập sống như đời sống của người xuất gia, của các bậc Thánh A La Hán dù chỉ một ngày đêm.

Rốt ráo cũng như lý tưởng cao nhất của Phật Pháp chính là ***LY DỤC***. Bây giờ mình tập từng ngày từng ngày từng ngày. Quý vị thử lên mạng nghe các bài nhạc xem thì nhạc đạo và nhạc đời thì người ta thích nghe nhạc nào? Có phải nhạc đời đúng không? Thường thì những bản nhạc nào mà nó hay thì thường có chút buồn, lâm ly bi đát, tình sầu đứt ruột, nghe não nề, nghe có vị buồn trong đó. Vì càng buồn nó mới hay. Với thơ văn cũng vậy, có vị buồn nó mới hay. Tại sao vậy? Tại vì mình thích nghe những bài nhạc buồn như vậy? Tại vì trong lòng mình thế nào thì mình tìm ở ngoài cũng như vậy.

Vì vậy, giữ giới thứ bảy là chúng ta đang tập một ngày Không trang điểm...Không đắm vào các dục hay như Không ăn phi thời là giúp chúng ta không đắm vào dục ở miếng ăn. Trang điểm, đeo vòng hoa, là các dục ở con mắt, con nghe nhạc, xem phim, vũ kịch là dục ở lỗ tai.

8. Giới thứ tám là giới cuối cùng của "Bát quan trai giới" Phật dạy

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới".

Trọn đời các vị A La Hán từ bỏ giường cao rộng lớn, tránh xa giường cao giường lớn, các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên thảm cỏ, cũng vậy trong một đêm và ngày mai con cũng nguyện như vậy, không có nằm giường cao, giường lớn quá sang trọng, cũng chỉ để cho mình tập ly dục, mình nguyện sống như một người xuất gia, noi gương các vị A La Hán, cả đời các Ngài sống trọn vẹn với tám điều, bây

giờ mình không làm trọn đời được thì mình làm trọn ngày. Mình cố gắng tập từ.

IV. CÁC KIỂU THỌ GIỮ BÁT QUAN TRAI GIỚI

Cũng trong bài kinh trên Đức Phật dạy:

-Trai giới kiểu *Chăn Bò;*

-Trai giới kiểu *Ngoại đạo*

-Trai giới kiểu *Bậc Thánh*.

1. Thế Nào Là Trai Giới Kiểu Chăn Bò?

Trong chánh Kinh, Phật dạy:

"Như thế nào, này Visākhā, là trai giới người chăn bò?

Ví như, này Visākhā, người chăn bò vào buổi chiều lùa các con bò về cho chủ của chúng. Người ấy suy nghĩ: "Hôm nay, các con bò đã ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, đã uống nước tại chỗ này và chỗ này. Ngày mai, các con bò sẽ ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, sẽ uống nước tại chỗ này và chỗ này".

Cũng vậy, này Visākhā, ở đây có người giữ trai giới suy nghĩ: "Hôm nay, ta đã ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta đã ăn; ta đã ăn loại đồ ăn mềm

này, loại đồ ăn mềm này ta đã ăn. Ngày mai, ta sẽ ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta sẽ ăn; ta sẽ ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta sẽ ăn".

Như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm

đồng hành với tham dục. Như vậy, này Visākhā, là trai giới người chăn bò"

Đức Phật lấy hình ảnh người chăn bò, sáng dẫn bao nhiêu con, cho nó đi ăn cỏ, chiều về giao lại cho chủ đếm cho đủ con rồi tính tiền. Đức Phật nói mình giữ giới kiểu người chăn bò, sáng nhận bao nhiêu, chiều tối trả bấy nhiêu đủ thì nhận lương. Mình nhận 8 giới và cũng trả lại theo kiểu chăn bò, giữ 8 giới không phạm giới nào nhưng hãy nhớ ***Không phạm giới chưa chắc là giữ giới***!

Ngày nay thọ Tám giới con không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, Không uống rượu, Không nằm giường cao rộng lớn, xinh đẹp, Không ăn phi thời, Không trang điểm, đi xem nghe nhạc… Vậy chứ sáng giờ con làm gì? Dạ sáng giờ con ngủ đến trưa và con ăn trước ngọ rồi con ngủ từ trưa đến chiều. Xong rồi con làm gì? Dạ con đi dạo lòng vòng rồi con ngủ từ chiều đến ngày mai…hết một ngày...như vậy đâu có phạm giới nào!

Nhận bò đi chăn bò rồi trả đủ 8 bò, nhận 8 giới trả đủ 8 giới nhưng **Không phạm giới chưa chắc đã giữ**

giới. Vậy như thế nào mới là giữ giới? Đây là "Mấu Chốt" quan trọng của bài giảng hôm nay. Giữ giới "Bát quan trai" quý vị phải luôn luôn ý thức **Chánh Niệm** rằng: Hôm nay mình giữ giới "Bát quan trai" luôn sống ý niệm **Tỉnh Thức**, luôn sống với **Tâm Chánh Niệm**, ghi nhận rằng hôm nay mình đang giữ "Bát quan trai". Chứ quý vị thọ giới từ 6h sáng xong rồi ngủ từ sáng đến chiều, dậy ăn trước ngọ luôn, không ăn phi thời đâu rồi ngủ tiếp. Như vậy thì đâu có **Phạm Giới** nhưng **Không** có đời sống **Chánh Niệm**.

• Thứ nhất là luôn sống trong ***chánh niệm***, ý thức rằng là ngày hôm nay mình giữ "Bát quan trai".

• Thứ hai là ***Đụng mà Không phạm***. Ví dụ mình giữ "Bát quan trai" mà người nhà làm thức ăn thơm quá, mình giữ giới nên không ăn phi thời nhưng mà thèm quá. Nên mình phải kiềm chế, tuy không ăn ở miệng nhưng lại ăn ở trong tâm.

Không sát sanh, con nguyện từ bỏ sát sanh nhưng trưa nằm ngủ, con muỗi bay qua bay lại, định đập mà nhớ lại mình thọ "Bát quan trai" dù là con muỗi cũng không đập. Nếu không giữ giới là mình muốn đập nó rồi. Vậy ngày đó quý vị có sát sanh không? Không! Nhưng không phải giới bậc Thánh. Có phạm giới sát sanh không? Không! Vậy có giữ không? Giữ giới tuy Không phạm nhưng tâm cứ nghĩ tới tham dục. Đây là giữ theo "*kiểu chăn bò"*

Nay mình thọ "Bát quan trai" không ăn phi thời nhưng mai mình ăn gì? Mai trang điểm thế nào? Mai uống rượu gì? Không nói dối nhưng lại nói các từ gần với nói dối...Ngày nay mình Giữ giới không dâm dục nhưng ánh mắt nhìn của mình với tâm Tâm uế nhiễm, ko trong sạch. "***Giữ giới bậc Thánh là từ trong tâm luôn".***

Có câu chuyện vui: Hôm đó có nhiều người đi trên chiếc đò, cô lái đò rất đẹp và cô thu tiền mỗi người qua đò là 1 đồng nhưng tới lượt anh này thì thu 2 đồng thì anh này hỏi: Sao cô thu mỗi người 1 đồng mà cô thu tôi tới 2 đồng?

Cô lái đò đáp: Thu anh 1 đồng là tiền qua đò còn 1 đồng nửa là tiền anh cứ nhìn lén tôi nên tôi thu thêm. Hôm sau, anh cũng tiếp tục đi trên chuyến đò này, anh dặn lòng không nhìn cô này kẻo mất tiền nhìn, thì cô cũng thu mỗi người 1 đồng và tới anh này thì thu 2 đồng, anh này cũng lại hỏi: Sao cô thu tôi 2 đồng, tôi đâu có nhìn cô! Cô này đáp: tôi thu anh 1 đồng đi đò, anh này nói: cô đừng nói là tôi nhìn cô nhé! Cô này nói: Mắt Anh không nhìn tôi mà tâm anh nhìn tôi.

Vậy ngày đó mình giữ giới thì ở thân mình không có dâm dục nhưng trong lòng có tơ tưởng những chuyện tà dục. Giữ giới như *Bậc Thánh* là không nghĩ những điều đó.

Không ăn phi thời ngoài thân thì không ăn nhưng mà trong tâm nghĩ ăn món này món kia. Đó là giữ giới kiểu *chăn bò*.

Bài học rút ra:

Giữ giới kiểu *Bậc Thánh* là luôn luôn *Sống Chánh Niệm*, ý thức rằng hôm nay mình giữ giới "Bát quan trai".

Có *duyên để phạm nhưng không phạm,* ngày đó giữ "Bát quan trai", đi ngang người ta để cái giỏ mà nếu mình lấy cái giỏ đó bỏ túi mình thì không ai biết, *có điều kiện phạm mà không phạm.*

2. Thế nào là Trai Giới Kiểu Ngoại Đạo?

"*Này Visākhā, thế nào là trai giới các Niganthà?*

Ở đây, này Visākhā, có hạng Sa-môn tên là Niganthà, họ khích lệ đệ tử như sau:

"Ông hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Đông, ngoài một trăm do tuần. Hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Tây, ngoài một trăm do tuần. Hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do tuần. Hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Nam, ngoài một trăm do tuần." Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại mà thôi, họ không khích lệ vì lòng

thương, vì lòng từ mẫn, đối với một số sinh loại khác. Trong ngày Uposatha, họ khích lệ đệ tử như sau:

"Này các Ông, hãy quăng bỏ tất cả áo quần và nói như sau: "Ta không có bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào, không có cái gì là của ta. "Nhưng cha và mẹ của người ấy biết người ấy là con của mình. Và người ấy biết họ là cha mẹ của mình. Vợ và con người ấy biết người ấy là chồng, là cha của mình, và người ấy biết họ là vợ, là con của mình. Các người nô tỳ làm công biết người ấy là chủ của họ. Và người ấy biết họ là nô tỳ, là nhân viên của mình. Như vậy, trong thời gian đáng phải khích lệ đúng với sự thật, trong thời gian ấy, lại được khích lệ bằng điều nói láo. Đây ta tuyên bố là một sự nói láo. Sau khi đêm ấy đã qua, người ấy thọ hưởng tất cả tài sản chưa đem cho. Đây ta tuyên bố là lấy của không cho. Như vậy, này Visākhā, là lễ Uposathà của các Niganthà. Được sống thực hành như vậy, này Visākhā, Uposatha của các Niganthà không quả lớn, không lợi ích lớn, không chói sáng, không ánh sáng lớn"

Thọ "Bát quan trai" kiểu "*ngoại đạo*" là theo kiểu khoanh vùng trong một hạn vùng nào đó mà thôi, ví dụ mình giữ giới không sát sanh mà không sát sanh trong 1km ngoài phạm vi đó mình sát sanh.

Giữ giới kiểu ngoại đạo là mình vẫn giữ nhưng *tâm không giữ*, ở bên ngoài hình thức vẫn giữ không

sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn phi thời...nhưng mà trong tâm vẫn tơ tưởng đến những điều đó.

Mình giữ giới không sát sanh nhưng trong tâm mình vẫn không có ý niệm sát sanh, sống với lòng từ đối với chúng sanh. Còn giữ giới thân một kiểu nhưng tâm một nẻo..nghĩa là chỉ khoanh vùng ở bên ngoài thôi trong thì không có.

Đó là giữ giới kiểu "Ngoại đạo".

3. Tiếp theo là kiểu "Bậc thánh"

là luôn luôn ý thức **chánh niệm** là mình giữ "Bát quan trai" luôn *chánh niệm rằng không phạm giới chưa chắc đã giữ giới vì vậy mình luôn nhắc mình luôn sống chánh niệm, giả dụ* ***có điều kiện để phạm thì cũng không phạm*.**

Đức Phật dạy trong Kinh như sau:

"Và này Visākhā, thế nào là trai giới các bậc Thánh?

Chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi.

"Và này Visākhā, thế nào là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn."

Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan khởi lên, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử để thực hành trai giới Phạm Thiên, vị ấy cùng sống với Phạm Thiên. Do duyên Phạm Thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

Do người ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành pháp trai giới, vị ấy sống với pháp. Chính nhờ pháp, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tửThế Tôn; Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là

bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

Nhờ vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành chúng Tăng trai giới, sống với chúng tăng. Chính nhờ chúng tăng, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Giới: "Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định". Vị ấy nhờ niệm Giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là thánh đệ tử thực hành giới Uposatha, sống chung với giới. Nhờ giới, tâm được tịnh tín, hân hoàn sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Thiên: "Có Chư Thiên bốn Thiên Vương; có Chư Thiên cõi trời ba mươi ba; có chư Thiên Yàmà; có chư Thiên Tusita (Đâu suất); có chư Thiên hóa lạc; có chư Thiên tha hóa tự tại; có chư Thiên Phạm chúng; có chư Thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư Thiên

ấy, mạng chung ở chỗ này, được sanh tại chỗ ấy. Ta cũng có lòng tin như vậy. Đầy đủ với giới như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với trí tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Ta cũng có trí tuệ như vậy". Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí, và tuệ của tự mình và của chư Thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi.

Các phiền não của tâm được đoạn tận. Đây gọi là Thánh đệ tử thực hành Thiên trai giới, sống chung với chư Thiên. Nhờ chư Thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi."

Trong bài kinh này Phật dạy bà Visākhā thế nào là trai giới các bậc thánh chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi. Đức Phật dạy mình giữ 8 giới, tâm mình thanh tịnh và tâm mình thường an trú vào 1 trong 6 điều: ***Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm Thí, Niệm Giới, Niệm Thiên***.

Giữ giới bậc thánh là ngoài những ngày giữ giới ra thì tâm mình thường an trú trong thiền định. Tâm

thiền định là 6 cái đề mục đó, trong 6 đề mục đó tùy duyên mình an trú.

Niệm Phật quý vị đã được học rồi đó là niệm tưởng nhớ đến 9 ân Đức Phật;

Niệm Pháp là niệm 6 ơn Đức Pháp;

Niệm Tăng là niệm 9 ân đức Tăng;

Niệm Thí là chuyên niệm rằng dù mình có nghèo xơ nghèo sát đi chăng nữa thì cũng cố gắng có thể sẽ chia, hào sảng, rộng lượng cho đi trong điều kiện có thể. Và nguyện trong đời sống bình thường của mình có thể làm được thì thì mình sẽ làm.

Niệm Thiên là niệm Chư Thiên. Suy niệm về Chư Thiên có 5 pháp: Tín, Thí, giới, đa văn, tuệ. Đó là 5 điều của Chư Thiên. Niệm thiên là mình suy nghĩ các vị chư thiên có những đức tánh ấy và mình có những đức tính đó không? Nếu mình có những đức tánh đó thì là mình gần gũi cộng trú với Chư thiên. Niệm thiên là một cách mình hoan hỷ với các điều lành đó để đưa mình thoát khỏi những cảnh khổ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula. Chứ không phải mình nói chư Thiên các vị có 5 đức tánh đó và mình cũng đó 5 đức tánh đó thì mình nở lỗ mũi, mình tự cao, tự đại, tự mãn, tự phụ. Không phải như vậy nha. Quý vị phải nắm cho rõ chỗ này. Mình mà không có 5 đức tánh đẹp đó thì khó mà tu niệm chư Thiên lắm.

Niệm giới là suy niệm về giới của mình.

Giới không bị đứt là giới thứ nhất và giới thứ tám mình giữ được trọn vẹn.

Giới không bị thủng là giới thứ hai đến giới thứ bảy giữ được trọn vẹn.

Giới không bị đốm là từ giới thứ hai, thứ tư, thứ sáu mình giữ được trọn vẹn.

Giới không bị đứt lan là giới thứ hai và thứ ba sát nhau mà giới thứ hai, thứ ba phạm gọi là *đứt lan*, thứ ba thứ tư thứ năm thứ sáu thứ bảy phạm gọi là *đứt lan.*

Và *giới tự chủ* là giới không bị nô lệ phiền não chi phối mình

Đó là Niệm Giới.

Nói Tóm lại, Giữ Giới Kiểu "Bậc Thánh" là ngoài việc giữ 8 giới ra mình luôn luôn *Sống Chánh Niệm,* ý thức rằng hôm nay mình giữ giới "Bát quan trai" và có *duyên để phạm nhưng không phạm.*

Đức Phật nói trong bài kinh này "Bát quan trai" Bậc thánh là trong ngày đó ngoài giữ 8 giới ra, mình còn phải suy niệm đến 6 điều: Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm Thí, Niệm Giới và Niệm Thiên.

V. LỢI ÍCH CỦA VIỆC THỌ "BÁT QUAN TRAI GIỚI"

"Như vậy, này Visākhā, là Thánh trai giới, thực hành Thánh trai giới, này Visākhā, có quả lớn, có lợi ích lớn, có chói sáng lớn, có ánh sáng lớn.

Quả lớn là như thế nào? Lợi ích lớn như thế nào? Chói sáng lớn như thế nào? Ánh sáng lớn như thế nào?

Ví như, này Visākhā, có người áp đặt chủ quyền trên 16 quốc độ lớn tràn đầy bảy báu như Anga, Magadha, Kàsi, Kosala, Vajji, Mallà, Ceti, Vangà, Kurù, Pancàlà, Macchà, Surasenà, Assakà, Avanti, Gandhàrà, Kambojà, nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một trai giới thực hành đầy đủ cả tám mặt. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi thay, này Visākhā, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc Chư Thiên!"

Đức Phật dạy vào thời Ấn Độ có nhiều nước nhỏ trong đó có 16 nước lớn, Ngài nói: Cho dù mình làm vua của 16 nước đó thì công đức cũng rất nhỏ không bằng mình thọ "Bát quan trai".

Đức Phật nói: dù mình làm vua của 16 nước đó cũng không bằng *một phần của mười sáu* của trai giới thực hành đầy đủ tám giới.

Tại sao Phật không nói Một phần mười bảy hay mười tám?

Mười sáu là lớn vì thời đó có cả trăm quốc gia nhỏ còn nói về quốc gia lớn chỉ có 16 quốc gia, cho nên 16 là tượng trưng cho lớn. Số 1 tượng trưng cho số ít, số nhỏ. Ý là dù cho làm vua của 16 nước lớn công đức cũng chỉ nhỏ bé thôi không bằng công đức của việc thọ trì "Bát quan trai".

Sau đó Phật mới nói về cõi của Tứ Đại Thiên và 6 tầng trời Dục giới:

"*Năm mươi năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi*

năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân

hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

Nghĩa là cứ 50 năm ở cõi người bằng một ngày một đêm ở cõi Tứ đại thiên vương. Tức là một ngày một đêm bằng 50 năm ở cõi người. 30 ngày đêm thành

1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của Chư thiên trong cõi Tứ đại Thiên Vương là 500 năm cõi Trời nếu so với năm ở cõi người thì là 9 Triệu Năm ở cõi người.

Một trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm như vậy, làm

thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

Cõi Trời thứ hai là Cõi Trời Đao Lợi hay gọi là cõi trời Ba Mươi Ba thì cứ 100 năm ở cõi người thì bằng một ngày đêm ở cõi Trời Đao Lợi. Tuổi thọ chư Thiên ở cõi Trời Đao Lợi là 1000 năm cõi Trời Đao Lợi bằng với 36 Triệu Năm ở Cõi Người.

"*Hai trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi*

trời Yāmā. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

Bốn trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Tusita (Đâu-suất). Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tusita.

Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

Tám trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông,

sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

Mười sáu trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng, mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ởcõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành Uposatha đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Do nhờ Công Đức giữ giới "Bát quan trai" Sau Cõi Đao Lợi là sinh lên Cõi Dạ Ma tuổi thọ là 144 Triệu năm ở cõi Người. Nói theo kiểu nói vui: trên đó uống chưa hết ly nước thì cõi người hết một đời.

Tiếp tục lên Cõi Đao Suất có tuổi thọ 576 Triệu năm so với cõi Người. Nếu giữ trọn vẹn "Bát quan trai" giữ kiểu "Bậc thánh" chứ không phải giữ kiểu ngoại đạo hay kiểu chăn bò dù biết rằng có phước nhưng phước rất nhỏ.

Sau đó sinh lên cõi Hóa lạc thiên thì tuổi thọ là 2 tỷ 304 triệu năm cõi Người. Và cõi thứ sáu là cõi Tha Hóa Tự Tại là cõi của Ma Vương tuổi thọ là 9 tỷ 216 triệu năm; Chúng ta giữ giới "Bát quan trai" và giữ với cái tâm "Bậc thánh" thì mới có phước đức lên "Tha hóa tự tại" "Đao suất" và giữ cho trọn vẹn.

VI. TÓM LƯỢC

Trong bài giảng ngày hôm nay thầy nói về:

1.Đầu tiên là Định nghĩa về "Bát quan trai giới".

2. Các ngày trai giới : Đầu tiên chỉ có 3 ngày gồm mùng 8 – 14 – 15, mùng 8 thì các vị đại thần thiên tử đi tuần tra thế giới, sau đó ngày 14 thì các vị thiên tử của các vị Tứ Đại Thiên Vương đi tuần và ngày 15 đích thân các vị Tứ Đại Thiên Vương đi tuần tra. Sau đó các vị Chư Tổ chế định thêm một số ngày nửa như 6 ngày 8 ngày.

3. Sau đó mới về nội dung các ngày trai giới này theo trong kinh Tăng Chi – Chương Ba pháp- Kinh các ngày lễ Uposatha, Đức Phật nói về duyên sự của bà Visākhā, sau đó Đức Phật mới nói về nội dung của 8 giới, sau khi nói về nội dung của 8 giới thì Ngài mới nói về các kiểu giữ giới quan trọng. Có 3 kiểu: *Kiểu giữ giới chăn bò, Kiểu ngoại đạo và Kiểu bậc thánh*. ***Giữ giới kiểu "Bậc Thánh" chính là an trú trong thiền***

định với 6 điều: Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm Giới, Niệm Thí và Niệm Thiên.

Nói gọi lại chúng ta luôn luôn sống trong Chánh Niệm, ý thức ngày hôm nay là ngày giữ giới" Bát quan trai giới" và có Điều kiện phạm giới nhưng không phạm giới.

Giữ giới "Bát quan trai" như vậy thì công đức lớn như vậy dù làm vua các nước lớn cũng không bằng phần nhỏ công đức của việc giữ "Bát quan trai giới". Ngay cả sanh cộng trú vào các 6 Cõi Trời Dục Giới: Tứ Đại Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại cũng không bằng công đức của việc giữ giới "Bát Quan Trai".

Vì vậy, tùy duyên quý vị ráng giữ trọn vẹn một ngày giữ giới "Bát quan trai" để có Phước Lớn bởi vì 8 điều này cả đời các vị A La Hán thực hành giữ trọn vẹn. Còn mình chỉ cần nguyện một ngày sống như hạnh của một vị Thánh biết rằng dù tâm tư mình còn Phàm nhưng mà mình học cái hạnh của các vị Thánh sống trọn vẹn cả một ngày với kiểu giữ giới "Bậc Thánh".

Muốn có Công Đức lớn thì phải giữ trọn vẹn 8 điều và giữ giới kiểu "Bậc Thánh" khi mình chưa đủ duyên để được Xuất gia thì chỉ cần mình nguyện sống một ngày giữ giới trọn vẹn thanh tịnh như các vị xuất gia cũng như các điều mà Bậc Thánh đã giữ trong sạch cả đời.

(Buổi giảng ngày 03/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Bát Quan Trai Giới là gì?

2). Các ngày giới trong tháng chúng ta nên giữ bao nhiêu ngày?

3). Có bao nhiêu kiểu giữ giới?

4). Lợi ích của việc giữ bát quan trai giới là gì?

5). Phát nguyện giữ giới như thế nào với ai?

Bài 8: ĐẠO VỢ CHỒNG

ଓ❁ଌ

---

* ĐẠO LÝ VỢ CHỒNG
* BỐN TRƯỜNG HỢP SỐNG CHUNG
* NGUYÊN TẮC CHỌN VỢ - CHỒNG THEO TINH THẦN PHẬT PHÁP
* BỔN PHẬN LÀM VỢ, BỔN PHẬN LÀM CHỒNG
* BẢY HẠNG VỢ

Kính thức quý Phật tử thân mến, hôm nay chúng ta tiếp tục lớp Giáo lý cơ bản Khóa 3. Chủ đề tối hôm nay Thầy gởi đến đại chúng là "Đạo Vợ Chồng". Trong Khóa 3 này xin thưa quý vị, chúng ta có 4 bài:

- Đạo làm bạn
- Đạo đạo làm con
- Đạo thầy trò
- Đạo vợ chồng

***Đạo**:* tức là bổn phận. Hôm trước quý vị học bài "BÁT QUAN TRAI", quý vị có thấy có hạnh phúc không? Hạnh phúc và một ngày mình muốn giữ Bát Quan Trai theo Bậc Thánh không? Mình thấy rằng giữ Bát Quan Trai được 1 ngày, nhưng mà *"Bát quan trai Bậc Thánh"* chứ không phải *"Bát quan trai kiểu chăn*

bò" và *"ngoại Đạo"* nha, thì rất là ý nghĩa, cũng là phần Phước của đời mình. Quý vị thấy khi mình hiểu ra, mình thọ Bát quan trai theo kiểu Bậc Thánh chứ không phải kiểu chăn bò hay ngoại Đạo thì đó là phần Phước của đời mình. Mình sống một ngày một đêm, dù mình không phải là Thánh nhưng mình đang noi gương theo Bậc Thánh, giữ 8 điều như Bậc Thánh trọn đời đã giữ. Thì đó là điều rất là hạnh phúc trong kiếp người của mình. Quý vị thấy không có những bài Pháp để quý vị hiểu thêm để có Chánh kiến, mà có những bài Pháp mình vừa hiểu mà mình vô thực tập luôn. Quý vị thấy hạnh phúc quá, quý vị hiểu thêm và mình mình thực tập luôn. Thầy nói là có cái gì đó bỏ túi cho quý vị, để quý vị đi đâu cũng tu tập được hết. Tối hôm nay chúng ta sẽ học bài "Đạo Vợ Chồng".

I. ĐẠO LÝ VỢ CHỒNG

Đạo Vợ Chồng: tức là bổn phận của người vợ đối với người chồng và bổn phận người chồng đối với người vợ.

Quý vị nhớ là chúng ta đang sống trong Cõi Dục, Cõi Dục thì Thầy nói gần như số đông chúng ta dễ dính vô 5 dục lắm, trừ các vị đắc Thánh thì không dính vô 5 dục, mà đắc Thánh từ A-na-hàm trở lên mới hết về Dục nha quý vị, khủng khiếp vậy. Hoặc là đắc Sơ Thiền thì tạm thời hết dục. Hoặc là các vị tu tập nhiều đời nhiều

kiếp rồi, sinh ra vẫn còn cái trớn ít đắm vô dục lắm. Hoặc là các vị kiếp trước ở chư Thiên Phạm Thiên Sắc Giới tái sinh xuống, nên các vị đó nhiều kiếp là không sống trong dục cho nên có trớn gần như ít đắm vô 5 dục lắm. Còn như chúng ta sống trong Cõi Dục là ai cũng bị gần như là quanh quẩn sống trong dục hết.

Và có một điều như thế này, quý vị để ý thì quý vị mới thấy, rằng nếu mà quý vị không có Phước báu lớn hoặc quý vị không có duyên lành với chuyện mà tu tập để giải thoát giác ngộ, thì quý vị ít có chuyện mà mình cố gắng đi xa đi xa nhiều kiếp lắm. Đời này có một mái ấm gia đình vợ chồng là được rồi, có con ngoan, có nhà có xe, đủ rồi. Như Thầy nói: Con ruồi nó thấy đống rác là bữa tiệc của nó, con dòi nó thấy đống phân là bữa tiệc của nó, còn con người của mình tùy cấp độ tâm linh Phước đức, Ba-la-mật của mình tới đâu. Nói chung đối với bản thân của người Phật tử, rốt ráo thì quý vị thấy là cứ ngày nào còn trong luân hồi Tam giới - nhà lửa, thì ngày đó còn khổ, mình phải thấy được cái đó. Bây giờ mình vẫn có đời sống vợ chồng, gia đình, con cái, mưu sinh nhưng quý vị phải thấy được điều đó.

Ngoài cái bổn phận của người vợ, của người chồng, của người con, người cha, người mẹ, người học trò, người làm bạn... thì chúng ta có cái gì đó gieo duyên lành, để giả dụ mà mình chưa có đi đến chỗ luân hồi chấm dứt thì chúng ta cũng có Phước để sanh ở

những Cõi lành, gặp Phật Pháp, Thầy lành, bạn tốt, minh sư, hoặc sanh ở Cõi Trời đỡ khổ hơn ở Cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Thì cái người có Phước là vậy, thì âu cũng là duyên lành của quý vị đó, có khi quý vị nghe qua thôi nha, mà quý vị tin Phật. Hồi sáng, Thầy có chị Phật tử Thầy chứng minh truyền Giới Bát quan trai, vị này ở một nơi ít có Chùa chiền, ít có Phật Pháp, nhưng mà vị này cố gắng, tự thân cố gắng phấn đấu học Pháp và chia sẻ Pháp lại cho người khác. Đại ý là trong một môi trường không có thuận lợi, không có thuận duyên, nhưng mà vị này tự thân cố gắng, nên Thầy nói người có duyên lành là vậy, cố gắng, cố gắng.

Vào thời Đức Phật, nghe câu chuyện này quý vị ngạc nhiên vô cùng luôn mà vẫn cứ xảy ra. Thầy nhớ không lầm là có một cô cư sĩ tên là Kali. Cô cư sĩ Kāḷī Kuraragharikā này cô là một vị Phật tử rất thuận thành, có một câu chuyện thế này. Vào thời Đức Phật Ca-diếp (Kassapa) có hai vị sư tu tập rất Đức độ, dĩ nhiên chưa có chứng Thánh. Sau đó có một vị làm sai, và việc làm sai dẫn đến chuyện ra xử với nhau. Hai vị sư lớn quyết định trong việc xử vị nào sai. Quý vị biết không, cái vị sai đó bắt đầu đi nói chuyện riêng với hai vị sư lớn đó và cuối cùng hai vị sư lớn này có một chút mềm lòng, và cuối cùng chuyện gì ạ? Hai vị sư lớn xử cho vị sai đó thắng. Khi đó thì các vị kia mới thấy là ngày Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn là một ngày buồn rồi, mà hôm nay các Ngài như vậy nữa, thì lại rất buồn nữa. Thì quý

vị biết đó, khi mà mình chưa chứng Thánh thì dễ có những lúc mình cũng yếu mềm.

Đường tu là cuộc trốn tìm,
Người tu cũng có nửa tim luân hồi.

Thì cũng có những lúc sai, và với Phước đức của hai Ngài, là nếu các Ngài mà mọi chuyện đều *tròn trịa,* thì dĩ nhiên là đi đâu mà chẳng được, nhưng mà vì có cái điểm sai đó quý vị, nên là các Ngài cũng áy náy lắm. Và mất xong hai vị tái sanh lên Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương và làm hai vị Đại Lực Quỷ Vương, tức là vị Quỷ Phước đức lớn, thần lực lắm, hùng cứ mỗi người một phương. Lâu lâu cứ nghĩ đến chuyện đó mà buồn, gầm lên rồi cả núi rừng đó vang tiếng gầm. Đó là từ thời Phật Ca-diếp, sau đó tới thời Phật Thích Ca, thì hai vị Đại Lực Quỷ Vương này mới đến nghe Phật Thích Ca giảng Pháp và đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và khi mà đắc Thánh quả rồi, thì vị này mới đi ngang nhà của cô Phật tử Kāḷī Kuraragharikā này, thì mới thấy cô này lành quá, mới muốn tạo duyên lành cho cô này bằng cách này. Quý vị nghĩ coi, quý vị hình dung coi, thấy cô này Phước của cô cỡ nào, mà duyên lành lớn cỡ nào? Trong một buổi đêm gần sáng sớm, hai vị này mới đọc lên bài kệ ca ngợi tán thán Tam Bảo. Và cô không có thấy, cô chỉ nghe tiếng thôi, giống như quý vị ngồi trong nhà nghe tiếng ở ngoài đọc lên bài kệ tán thán Tam Bảo. Và nghe bài kệ đó mà cô đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn luôn, chưa gặp Phật mà nghe bài kệ đắc luôn.

Khủng khiếp không! Và quý vị thấy là cô chưa gặp Phật mà cô đắc Sơ quả. Mà cái vấn đề ở đây là gì? Nó giống như truyện liêu trai vậy đó, trong đêm gió, trong đêm sương, trong mù mịt mà có một cái giọng từ vô hình, ví dụ có một Thầy, một cô nào đó, hoặc một Phật tử nào đó mình dễ cảm nhận phải không? Mà từ vô hình vang ra tiếng nói cảm thán Tam Bảo mà cô đắc luôn. Có một cái gì đó quý vị có thấy không? Rõ ràng là cái gì ạ? Cô nghe xong, cô có lòng tin nơi Tam Bảo, tu tập chuyển qua đề mục Thiền Quán đắc Sơ quả luôn. Đắc Sơ quả mà từ một lời nói trong vô hình ra như vậy, cô đó tên là Kāḷī Kuraragharikā. Và sau đó Đức Phật xác tín cô là *Đệ Nhất niềm tin không cần xúc tác*. Đặc biệt không, tức là không cần ai khuyến khích gì hết, mà cô nghe cái điều đó, mà mình nói như hiểu một điều gì đó rất là phong phanh, theo lời đồn mà không cần xúc tác, trong đêm vậy mà cô nghe cô đắc luôn. Thì mình phải hiểu cô này nhiều kiếp lắm, Phước lắm trong đây mới đắc được. Câu chuyện này đặt biệt lắm.

Thì cũng vậy, trong cuộc đời này, nhiều khi quý vị có duyên lành với Phật, đôi lúc quý vị nghe qua quý vị tin, nghe xong rồi tin. Mà có những người nghe qua không tin đâu, nói khô cổ còn không tin chứ đừng nói nghe qua, phải không? Giống như Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta), Ngài Mục-kiền-liên (Moggallāna), Ngài xem vở kịch rồi giác ngộ, rồi Ngài Xá-lợi-phất có gặp Phật đâu, gặp Ngài Assaji thôi, nói một bài kệ và đắc, Bậc đại căn đại duyên đó. Cho nên thôi thì quý vị có ai

có duyên mà thuận duyên thì quá tốt, mà giả dụ không thuận duyên thì bây giờ thời buổi công nghệ, có sẵn những điều kiện để quý vị có thể tham cứu học hỏi thì quý vị cố gắng.

Hôm nay Thầy mở đầu bài Pháp thoại này bằng cách kể câu chuyện này cho quý vị, để quý vị thấy hạnh phúc. Cho nên quý vị mà nghĩ được xa, *"Người không biết lo xa, ắt có đau buồn gần",* phải biết lo được những chuyện xa, mà lo xa ở đây không phải là "không biết ngày mai trời có mưa không? mưa hay nắng, nắng hay bão".... không phải là lo mấy cái đó, mấy cái đó lo cũng như vậy thôi. Lo cho chuyện tử - sanh, khổ đau, thiện - ác của mình, mấy cái đó mới là đáng lo, để mình cố gắng tu tập.

Người xưa nói đi chung một chuyến đò thôi, thì cũng là có duyên mấy kiếp mới đi chung một chuyến đò. Thầy xin nói là *"người xưa nói"* chứ Phật không có nói, đôi khi tu 3 kiếp mới đi chung 1 chuyến đò, Thầy hay nói câu thơ cho quý vị nghe:

Gặp nhau không phải tình cờ
Mà vô lượng kiếp đã chờ gặp nhau

Hoặc là:

Có khi lỡ hẹn một giờ
Lần sau muốn gặp phải chờ trăm năm

Người xưa nói đi chung chuyến đò phải tu ba kiếp, còn muốn là duyên vợ chồng phải cả trăm kiếp với nhau, mới là có duyên vợ chồng, đó là người xưa nói, cho nó thiêng liêng. Nhưng xin thưa quý vị, cả 7 tỷ người trên thế giới, là nói trên trái đất của mình, nếu mà hôm nay quý vị nào mà có gia đình rồi, có đời sống vợ chồng với nhau, thì âu nó cũng phải là cái duyên gì đó. Phải là có cái duyên gì đó, ít hay nhiều. Nhưng mà duyên thì nó có thuận duyên và nghịch duyên. Cái duyên của mình, mình có một gia đình huyết thống, gọi là huyết thống sinh học, gồm: Cha, mẹ, anh, chị, em, cửu huyền thất tổ, ông bà cha mẹ của mình, đó là gia đình huyết thống sinh học. Bây giờ hôm nay quý vị Quy y Tam Bảo rồi, quý vị có thêm một gia đình nữa gọi là gia đình Tâm linh. Trong gia đình Tâm linh trên có Phật, Tổ, quý Thầy, quý Cô, Phật tử, bạn Đạo, đều là gia đình tâm linh của mình hết.

Quý vị thấy không, hai vợ chồng đến với nhau, họ đâu có gia đình huyết thống sinh học với nhau đâu, vậy thì họ phải có cái gì đó hợp nhau, khớp nhau. Dĩ nhiên là mình nói *"Trời ơi, hai người hợp nhau chút nào đâu"*. Dạ, không hợp nhau chút nào, nhưng mà có một chút gì đó hợp nhau, cho nên họ mới đến với nhau. Và đến với nhau có trường hợp thì *"nồi nào úp vung nấy"*, nhưng có trường hợp thì cái nồi như vậy mà cái nắp nó khác, sai cái cái nồi lộn cái nắp nên đời nó lủn củn hoài. Hôm nay Thầy nói bài này để quý vị xét lại, để quý vị thương vợ mình, thương người chồng mình

hơn. Đạo vợ chồng là để mình sống xứng đáng một người vợ, một người chồng, và mình phải là một người chồng như thế nào và một người vợ như thế nào trong tinh thần của Đức Phật.

Nghịch duyên: là đến với nhau, lấy nhau về, từ ngày lấy nhau thì bắt đầu là nước mắt, bắt đầu đau khổ, bắt đầu là lao đao, long đong, bắt đầu là cuộc đời từ đó là khổ đau. Nhưng có khi là những người lấy nhau về để hạnh phúc, để từ đó nắm tay đi lên. Thầy sẽ nói qua xong Thầy sẽ nói có 2 phần chính: một là Thầy kể cho quý vị vợ chồng sống chung với nhau có 4 trường hợp, gọi là 4 trường hợp sống chung. Sau đó Thầy dành thời gian lớn để nói có 4 trường hợp để quý vị gặp mặt để an vui với vợ chồng trong đời này, và muốn gặp vợ hay chồng mình ở đời sau, có luôn nha. Sau đó là về 7 loại vợ, và Đạo làm vợ, Đạo làm chồng trong KINH GIÁO THỌ THI CA LA VIỆT (SIGÀLOVÀDA SUTTA) trong TRƯỜNG BỘ KINH.

II. BỐN TRƯỜNG HỢP SỐNG CHUNG

Quý vị nhớ chi tiết này, là vợ là chồng là có cái duyên gì đó, vấn đề là duyên thuận hay duyên nghịch. Duyên thuận thì nắm tay đi lên, còn duyên nghịch thì nắm tay đi xuống. Cho nên quý vị hiểu ở đây là để mà có duyên trong đời, không dễ đâu, khó lắm. Bây giờ mời quý vị với Thầy vào trong bài Kinh nói về những

trường hợp vợ chồng sống chung. Điều này được Đức Phật dạy trong KINH TĂNG CHI, CHƯƠNG BỐN PHÁP, BÀI KINH SỐNG CHUNG, trong bài Kinh này Đức Phật nói vợ chồng sống với nhau có 4 trường hợp, 4 trường hợp xấu – tốt. Trong Kinh dịch là Thiên nam hoặc Thiên nữ, đê tiện nam hoặc đê tiện nữ, "đê tiện" mình tạm dịch ở đây là người xấu đi, dịch là "đê tiện" thì hơi nặng, đại ý là quý vị hiểu tốt và xấu.

1. – Này các Tỷ-kheo, có bốn loại sống chung này. Thế nào là bốn?

Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ. Đê tiện nam sống chung với Thiên nữ. Thiên nam sống chung với đê tiện nữ. Thiên nam sống chung với Thiên nữ.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng là người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm, tà kiến, ác giới, ác tánh, sống trong gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm, tà kiến, ác giới, ác tánh, sống ở gia đình với một tâm bị cấu uế xan tham chi

phối. Như vậy, này các Gia chủ, là đê tiện nam chung sống với đê tiện nữ.

3. Và này các Gia chủ, thế nào là đê tiện nam sống chung với Thiên nữ?

Ở đây, này các Gia chủ, người chồng sát sanh… nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không có sân tâm, chánh kiến, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình không với tâm vị cấu uế xan tham chi phối, không có nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Gia chủ, là đê tiện nam sống chung với Thiên nữ.

4. Và này các Gia chủ, thế nào là Thiên nam sống chung với đê tiện nữ?

Ở đây, này các Gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh… không có nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng người vợ là người sát sanh, lấy của không cho… nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Gia chủ, là Thiên nam sống chung với đê tiện nữ.

5. Và này các Gia chủ, thế nào là Thiên nam sống chung với Thiên nữ?

Ở đây, này các Gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh… không nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-

môn; và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh… không nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn.

Này các Gia chủ, có bốn loại sống chung này.

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ, Chương Bốn Pháp, Phẩm Nguồn Sanh Phước, bài Kinh Sống Chung)

- Trường hợp thứ nhất: người nam xấu sống chung với người nữ xấu. *"Xấu"* ở đây không phải xấu về hình sắc, mà xấu ở đây là xấu về đức hạnh, tánh tình, xấu về những ác nghiệp.

- Trường hợp thứ hai: người nam xấu sống chung với người nữ tốt.

- Trường hợp thứ ba: người nam tốt sống chung với người nữ xấu.

- Trường hợp thứ tư: người nam tốt sống chung với người nữ tốt.

Vậy trong 4 cái này quý vị thấy cái nào là lý tưởng nhất? Cái thứ 4 là Thiên nam sống với Thiên nữ, tức là người chồng tốt, đức độ, Đạo đức, quan tâm đến sự sống người nữ. Thầy mời quý vị giải thích, quý vị xét lại coi mình trong gia đình nào nha. Thật ra quý vị sống làm sao thì Đức Phật dạy hết trong Kinh rồi.

1. Trường hợp thứ 1: Người nam xấu sống với người nữ xấu

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng là người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm, tà kiến, ác giới, ác tánh, sống trong gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm, tà kiến, ác giới, ác tánh, sống ở gia đình với một tâm bị cấu uế xan tham chi phối. Như vậy, này các Gia chủ, là đê tiện nam chung sống với đê tiện nữ."

Quý vị thấy ở đây người chồng làm những điều Thập Ác, ở Thân thì sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, ở Khẩu thì nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời thô ác. Trong đó có thêm điều mắng nhiếc chửi rủa các Sa môn, Bà-la-môn. Ở đây trường hợp là người chồng xấu (trong Kinh dịch là đê tiện nam) sống với người nữ xấu. *"Người nữ xấu"* thì là người nữ cũng giống như chồng, cũng là ở Thân thì cũng sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, ở Khẩu thì nói láo, nói thêu dệt, nói lời hung ác, ở Ý thì tham dục, sân hận, tà kiến, mắng nhiếc chửi rủa các Sa môn, Bà-la-môn, các Bậc Đạo đức, các Bậc Thánh cũng không tôn kính. Thì trường hợp giữa 2 người,

mình dùng từ hai người không có Đạo đức, không có Chánh kiến, sống chung với nhau. Quý vị thấy 2 người về với nhau có giống như ngục tù không? Quý vị xét ngoài đời thường, quý vị thấy có trường hợp này không? Có hết rồi đó.

2. Trường hợp thứ 2: người nam xấu sống chung người nữ tốt

"Ở đây, này các Gia chủ, người chồng sát sanh… nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không có sân tâm, chánh kiến, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình không với tâm vị cấu uế xan tham chi phối, không có nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Gia chủ, là đê tiện nam sống chung với Thiên nữ."

Ở đây người nam là người chồng làm những điều Thập ác như trên, hoặc là 7 cái, 8 cái. Còn *"người nữ tốt"* là người nữ không phạm vào các điều đó, là không có sát sanh, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không có Tà kiến, không có tham lam, không có sân hận... Nói dễ hiểu trường hợp thứ 2 là một người nữ Đạo đức, trí tuệ, từ bi, đức hạnh mà lấy phải người chồng *"trời ơi đất hỡi"* phải không, không có Đạo đức. Thầy hay nói vui là *"Vợ thì tiến sĩ mà chồng thì tiến lên"* thì làm sao

hạnh phúc nổi, một người cố gắng phát triển còn một người thì "quậy".

3. Trường hợp thứ 3: Người nam tốt ở với người nữ xấu

"Ở đây, này các Gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh… không có nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng người vợ là người sát sanh, lấy của không cho… nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Gia chủ, là Thiên nam sống chung với đê tiện nữ."

Người nam là người rất Đạo đức, trí tuệ, từ bi, đức hạnh mà ở với người nữ phạm vào Thập ác. Trường hợp này ngoài đời quý vị thấy có luôn không, có những ông chồng rất Đạo đức, mô phạm, nhưng mà lấy trúng người vợ không Đạo đức rồi cũng khổ. Mình nói là "sai nồi lộn nắp".

4. Trường hợp thứ 4: Người nam tốt sống với người nữ tốt

"Ở đây, này các Gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh… không nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn; và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh… không nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn."

Dĩ nhiên đây là lý tưởng nhất, người nam và người nữ ai cũng có Đạo đức, Chánh kiến, cũng có đức hạnh, có từ bi, niềm tin để sống chung với nhau.

Vậy thì có 4 trường hợp quý vị xét ra ở đời thường có đúng như vậy không? Thế nào cũng có nằm trong 4 trường hợp này. Sau khi các vị đã học chánh Kinh về 4 điều này rồi thì Thầy rút ra bài học như vậy: Có những vợ chồng lấy nhau để nắm tay đi lên. Có những vợ chồng lấy nhau, nắm tay để đi xuống, hiện tại là đi xuống những chỗ tham lam, buồn giận, khổ đau, còn tương lai xa là đi xuống ba Cõi xấu. Còn vợ chồng thuận duyên cùng sống thiện thì nắm tay đi lên, đi lên ở hiện tại, sống ở những cõi lành, an lạc, nhẹ nhàng, thảnh thơi, hạnh phúc, từ tâm. Còn tương lai xa hơn là đi lên các cõi cao hơn.

Điển hình cặp vợ chồng nắm tay đi lên, Thiên nam sống với Thiên nữ, chồng tốt vợ cũng tốt. Thầy kể cho quý vị vài câu chuyện liên quan. Một trong những câu chuyện đầu tiên Thầy kể đó là câu chuyện giữa Thái tử Tất-đạt-đa (Siddhārtha) và Da-du-đà-la (Yasodharā). Vào hơn 2,500 năm trước, trước khi thành Phật thì Thái tử Tất-đạt-đa có vợ là Da-du-đà-la, nhưng quý vị nhớ dùm đó không phải là một lần Da-du-đà-la làm vợ của Thái tử Tất-đạt-đa đâu. Mà từ đâu? Đầu tiên là cách đây 4 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp rồi, là bà đã quỳ dưới chân Phật Nhiên Đăng (Dipankara) cúng dường hoa sen và bà nguyện bên cạnh hỗ trợ cho Ngài hoàn thành đại sự, hoàn thành lịch sử, hoàn thành việc lớn, hoàn thành tâm nguyện, mà nhiều kiếp như vậy đó quý vị. Dĩ nhiên cũng có những kiếp lạc nhau, mà đã gặp là bà cứ đứng phía sau âm thầm hỗ trợ cho

Ngài làm nên lịch sử. Và rồi kiếp cuối Ngài thành Phật rồi thì bà cũng âm thầm, bà cũng và dòng Thánh, cũng đắc Thánh quả A-la-hán. Bà được Đức Phật tán thán là Đệ Nhất Thắng Trí bên Ni. Các vị Thánh có các vị có Thần thông, nhưng đối với bà về Ngũ thông (Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần túc thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông) của bà là tròn trịa. Bà là một trong bốn vị có thể nhìn về tiền kiếp xa nhất, cùng Thầy Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Thầy Bạc-câu-la (Bakkula), và Da-du-đà-la là bốn vị có thể nhìn, có thể nhớ về những kiếp xa xưa nhiều nhất có thể. Và ngay cả Thái tử Tất-đạt-đa đi xuất gia, bà ở nhà dù bà sống trong vương quyền, dòng dõi vua chúa, nhưng không, bà sống một cuộc sống rất là giản dị, không ăn nằm những nơi cao sang đẹp đẽ. Có những người hỏi bà về đời sống gia đình với bà, nhưng bà không chấp nhận, bà một lòng hướng về Thái tử Tất-đạt-đa. Ở nơi xa kia, ở trong rừng sâu, ở trong khổ hạnh lâm Thái tử Tất-đạt-đa tu khổ hạnh, tầm Đạo, với tấm lòng tha thiết tầm Đạo bao nhiêu, thì ở đây trong hoàng cung bà cũng hết lòng hướng về Ngài bấy nhiêu, cũng sống một cuộc sống đơn giản bấy nhiêu, để chờ ngày thành Phật, tìm ra được con đường. Đẹp như vậy đó quý vị, và có thể nói chuyện duyên nợ giữa hai người đi xa đến 4 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp, thì xin thưa quý vị nói về Đạo vợ chồng mà không nói trường hợp này thì vô cùng thiếu sót. Đẹp nhất luôn đó quý vị, có ai mà đi lâu với nhau như vậy không, từ thời Phật Nhiên Đăng.

Một câu chuyện thứ hai mà Thầy muốn kể cho quý vị, cũng vào thời Đức Phật, đây là một trong những hạnh nguyện của người nữ. Hôm trước quý vị có nghe là phát nguyện như Da-du-đà-la phải không, mà mình phát nguyện không được đâu. Nhưng có một trường hợp cũng để cho mình học hỏi đó chính là vợ của Ngài Ma-ha-ca-diếp (Mahākāśyapa), khi mà Ngài chưa đi tu. Vợ của Ngài Ca-diếp mà mình hay nói là Ngài Diệu Hiền (Bhaddà Kàpilànì). Ngài Ma-ha-ca-diếp là Đệ nhất đầu đà, kiếp trước Ngài ở trên Phạm Thiên Ngài xuống, mà khi Ngài ở trên Phạm Thiên thì ở trên đó không có dục, họ sống không có dục, cho nên khi mà Ngài xuống đây Ngài không có tham dục. Nhưng mà khắc nghiệt là Ngài sống trong gia đình cha mẹ Ngài cứ muốn Ngài lập gia đình, mà Ngài không muốn lập gia đình. Ngài nói bây giờ cha mẹ muốn con lập gia đình thì cha mẹ tìm cho con một cô gái nào đẹp như bức tượng vàng như vậy. Ngài cho người đúc bức tượng đẹp ơi là đẹp, Ngài nghĩ là không có cô gái nào đẹp như bức tượng vàng này. Cái duyên làm sao đó quý vị, bắt đầu người ta đi tìm, có một cô đẹp y như bức tượng vàng này. Và khi mà thấy rồi, dĩ nhiên sống động mà còn đẹp hơn bức tượng vàng này, giống mà còn đẹp hơn nữa. Bây giờ lỡ hứa rồi thì Ngài phải lấy, ngày cưới là vì cha mẹ mà lấy thôi. Ngài nói với cô vợ Diệu Hiền và Diệu Hiền cũng nói với Ngài cha mẹ kêu lấy thôi, chứ không vui vẻ gì đâu. Hai người thống nhất với nhau là đám cưới thôi chứ không sống chung với nhau, vô

dục. Gia đình của Ngài Ca-diếp và cô Diệu Hiền này giàu có, mình nói theo bây giờ là gia sản mà đi ngựa còn mỏi, cò bay thẳng cánh. Ngài nói với cô vợ là Ngài đi tìm Đạo, cô vợ cũng nói đi đi, ai tìm Bậc Đạo sư trước thì người kia sẽ đi theo. Cái duyên đặt biệt là chỗ này, thật ra Thầy dùng từ *"chỉ thương một người",* mà không phải một đời mà 100,000 Đại kiếp, khủng khiếp không? Là Ngài Diệu Hiền chỉ thương một người là Ngài Ca-diếp thôi, cứ Ngài làm Vua thiếp làm Hoàng hậu, Ngài làm ở vị trí nào là bà hỗ trợ. Có những lúc Ngài vô rừng tu, bà vô rừng tu, Ngài đắc Thiền thì bà đắc Thiền, Ngài sanh Thiên thì bà sanh Thiên, cái đó mới khủng khiếp. Và thời Đức Phật Ngài đắc Thánh bà đắc Thánh. Đó chính là Diệu Hiền, một trong những cặp vợ chồng trước khi làm Thánh, đẹp tuyệt vời.

Mình nói toàn những nhân cách lớn gặp nhau không. Thầy giảng bài này Thầy cố ý kể những nhân cách lớn để mình thấy mình bé nhỏ lắm. Mình bé nhỏ thì Phước mình ít, tâm mình nhỏ, thì mình xứng đáng ở chỗ nhỏ. Mình muốn đứng đầu mà mình chưa gì đã đầu hàng trước thiện Pháp rồi phải không? Trong khi thiện Pháp thì mình phải kết hôn hoặc kết thân với thiện Pháp, còn ác Pháp thì mình phải li dị, chưa ly dị được với ác Pháp thì ít nhất mình cũng phải ly thân với ác Pháp.

Thầy kể cho quý vị một câu chuyện nữa, quý vị đã nghe rồi mà chưa biết. Vào thời Đức Phật, có hai vợ

chồng được Đức Phật tán thán là Đệ Nhất chung tình, và vị này tên là Nakulamata. Hai vợ chồng này (ông Nakulapita và bà Nakulamata) chính là hai ông bà khi gặp Phật mà chạy tới *"Con về, con về!"* bà chạy ra nói bà nói ông ơi con về, còn ông chạy ra nói bà ơi con về, tức là nói Đức Phật đó. Tại vì sao? Đã có nhiều kiếp hai vị này là mẹ, là cha, là bà, lo thương cho Đức Phật, cho nên thấy Đức Phật là thương một cách kỳ lạ vậy đó. Và cũng thưa quý vị hai ông bà này có 2,000 kiếp với nhau là thân thuộc của nhau, cho nên họ thương nhau dữ lắm. Đến kiếp cuối họ cũng thương nhau và cũng là cái duyên với Phật nên họ thương Đức Phật. Thương mà đến mức Đức Phật vậy mà cũng coi như con của ông, con của bà, thương một cách lạ kỳ.

Cái này quý vị mà mới học Phật Pháp, chưa gặp những trường hợp này thì quý vị không tin. Không tin thôi chứ quý vị chưa gặp đó. Trong đời không biết quý vị có gặp chưa nha, có những người mình gặp mình thương lạ lắm, thương lắm luôn, mình thấy người đó là mình thương rồi. Có nhiều lúc mình thương mà mình nói là *"Anh ơi, chị ơi, muốn cái gì tui cũng làm, tui chết tui cũng làm."* thương đến vậy đó . Mà cũng có những người, mình thấy mặt thôi là mình thù oán thời kiếp nào rồi đó, chưa có gì hại mình mà mình thấy thù oán từ kiếp nào đến nay rồi đó, kì lạ lắm. Thấy mặt là trong lòng mình "nổi sùng". Mà hai người này là có nhiều kiếp họ thương nhau, đi với nhau 2,000 kiếp, nên giờ là vợ chồng, họ được Đức Phật tán thán là Đệ nhất

chung tình. Ở bên Âu Châu có loài chim Thiên nga, loài chim này khi mà con mái chết thì con trống sống một mình như vậy đến chết luôn, chứ nó không đi với con khác dù trong hồ có con khác. Hoặc là con trống chết thì con mái cũng ở một mình, nó chung tình vậy đó. Thì ở đây Đức Phật tán thán hai vợ chồng là Đệ nhất chung tình, họ đi với nhau rất lâu, rất là thương nhau, quý vị thấy đặc biệt không.

Rồi Thầy kể tiếp cho quý vị nghe câu chuyện này nữa, Thầy đang kể ở chỗ nắm tay đi lên nha, họ sống rất hạnh phúc, tức là Thiên nam sống với Thiên nữ đó. Vào thời Đức Phật, ông chồng vô Chùa nghe Pháp xong đắc Thánh A-na-hàm luôn, ông này rất thương vợ. Quý vị biết đó, một vị đắc Thánh quả A-na-hàm xong là không còn dục nữa. Quý vị nhớ nha, đắc A-na-hàm mới hết dục, đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn và Nhị quả Tu-đà-hàm vẫn còn dục nha quý vị, dĩ nhiên cái dục của các Ngài nó khác với cái dục của phàm. Ở đây mình thấy vị đắc A-na-hàm thì không còn tham dục, hôm đó sau khi đắc Thánh A-na-hàm xong thì ông về nhà. Thường thường khi lên cầu thang thì ông nắm tay bà lên cầu thang, còn ăn cơm nói chuyện rất thân mật, những cử chỉ rất thân mật giữa hai vợ chồng. Thì bữa đó bà đi lên bà đưa tay thì ông không nắm tay bà, bà nghĩ có gì ở đây, bà thấy ông có vẻ lạnh nhạt. Bữa cơm hôm đó, thường là ông gắp đồ ăn cho bà, mà hôm nay ông ăn thôi, bà thấy có chuyện gì. Ăn xong ông mới nói với bà, bây giờ coi như gia sản cho bà hết, bà muốn

làm gì thì làm, đi đâu thì đi, ngay cả bà muốn cưới ai thì cưới. Bà mới hỏi ông là sao như vậy, thì ông mới kể là ông vào nghe Pháp thì ông như vậy. Ông để lại hết gia sản cho bà, thì bà mới nói ông như vậy. Xin thưa quý vị là mình nghe Bậc Thánh với Bậc trí nói chuyện với nhau nha, chứ mình nghe mình là không "lọt" nổi đâu. Bà nói rằng ông nghĩ làm sao vậy, những cái gia sản ông để lại, ông đi tìm những điều cao quý ông học ông tu tập, những cái này ông để lại giống như ông để lại bãi nước bọt, ông nghĩ làm sao bà lại đi theo cái bãi nước bọt của ông. Rồi quý vị biết làm sao không? Bà đi xuất gia luôn, và bà đắc Thánh quả A-la-hán, khủng khiếp chưa. Mình thấy toàn những nhân vật vĩ đại. Lúc này ông mới đắc A-na-hàm thôi, bà đắc cao hơn ông luôn. Sau đó hai người gặp nhau mới nói chuyện, nói những câu chuyện liên quan đến Sơ quả thì hai người hiểu, Nhị quả hai người hiểu, Tam quả A-na-hàm hai người hiểu. Mà nói chuyện quả A-la-hán mới hiểu, thì bà hiểu ông không hiểu, tại vì trình độ A-la-hán thì A-na-hàm không hiểu.

Nói như vậy để cho quý vị thấy có những cặp vợ chồng khủng khiếp như vậy đó. Bà nói câu mà chỉ có Bậc trí, Bậc Thánh nói với nhau, chứ mình nghe câu này mà mình không học Phật Pháp, mình nói: *"Trời ơi, nói gì kì cục vậy!"* Thầy xin thưa quý vị đó là một trong những câu chuyện mà hai người nắm tay nhau đi lên.

Còn chuyện nắm tay nhau đi xuống nhiều lắm, bây giờ Thầy mới nói. Ai mà đang rầu mà nghe Thầy giảng đến chỗ này là rầu luôn. Thầy kể cho quý vị nghe một câu chuyện vào thời Đức Phật, rất là hay. Đó là vào lần đó có 60 Thầy đến nơi đó tu tập, và có được một người gia chủ hộ trì lo về tứ sự cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc trị bệnh cho quý Thầy. Sau khi cúng dường xong quý Thầy cũng chỉ cho bà tu (bà mẹ làng Mātikagama). Bà tu quán 32 thể trược. Cái duyên lành của bà nhiều kiếp, bà đắc Thánh Tam quả A-na-hàm luôn, bà đắc trước quý Thầy. Bà đắc xong bà có thần thông, khi mà bà có thần thông thì quý vị biết có chuyện gì xảy ra không? Bà quán xem các Thầy có duyên đắc Thánh không, thì bà thấy các Thầy có duyên đắc Thánh. Lúc này bà mới trợ duyên bằng cách quán xét cái gì mà quý Thầy cần thì bà trợ duyên, dĩ nhiên cần cho việc tu. Trong đời sống tu hành có những thức ăn nó ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng đến cơ thể, khi mà quý Thầy khởi niệm muốn ăn gì là bà nấu món đó cho quý Thầy ăn, 60 Thầy. Tức là Thầy nào muốn ăn cái gì, bà đắc Thánh rồi, là bà nấu món đó liền cho Thầy. Quý Thầy nói lần đầu chắc trùng hợp, sau đó quý Thầy nghi bà hộ trì nhưng không phải là tầm thường rồi. Hỏi ra thì bà trả lời, có Thầy hỏi là *"Có phải bà biết hết tâm của chúng tôi không?"* thay vì trả lời có, thì bà né chuyện đó đi, bà chuyển sang câu chuyện khác. Quý Thầy hỏi bà đã có thần thông biết hết tâm của quý Thầy không, bà trả lời là không nên hỏi như

vậy. Tức là bà cũng xác định là *"Có, là như vậy"*, nhưng mà bà thay vì nói có, thì bà trả lời khéo đi.

Sau đó quý Thầy nhờ một trong những cách trợ duyên cho quý Thầy là thức ăn được sức khỏe ổn định, an lạc tu tập, các Thầy tu tập đắc rất là nhiều. Sau quý Thầy về thưa với Đức Phật ai cũng hồng hào, đắc Đạo, thì có một Thầy Tỳ Kheo mới thấy như vậy, thì Đức Phật mới khuyến khích Thầy Tỳ Kheo này đến đó tu. Bà hay lắm, từ xa mà đến là bà biết cần cái này, cái kia để tu là bà chuẩn bị sẵn rồi. Thầy này mừng quá, có người đúng theo ý mình, thích cái gì là có cái đó liền, bữa sau thích ăn món này có liền món này, thích món kia có liền món kia. Sau vài ngày Thầy này nghĩ mình thích cái gì bà này biết hết, trong khi mình còn phàm thì thế nào cũng có những tâm niệm xấu, mà mình khởi niệm xấu bà biết luôn. Thế là Thầy không tu ở đó nữa, Thầy về với Đức Phật thì Phật mới nói con đến đó đi, nơi đó là duyên lành cho con. Đức Phật kêu Thầy đến đó thì suốt ngày lo chăm sóc cái tâm của con thôi. Khi mà vị Thầy này quay lại đó tu tập, thì lúc này sợ bà biết nên tập trung thì Thầy đắc Thánh A-la-hán, thì lúc này Thầy mới quán xét. Chuyện mà Thầy đang kể liên quan đến Đạo vợ chồng là vậy nè: Thầy quán tới 99 kiếp trước, thì lúc này Thầy là chồng của bà này, nhưng bà này thương chồng mà bà hại chồng. Bà bỏ theo người khác mà bà giết người chồng đó, tức là tiền thân của vị Thầy này. Và bà này cũng biết được điều đó và bà dùng thần thông bà nói qua tai, kêu Thầy quán thêm kiếp

nữa. Thì quán kiếp kế tiếp là kiếp thứ 100, thì lúc này hai người tiếp tục làm vợ chồng tiếp, thì lúc này Thầy mới thấy là Thầy có một lỗi gì đó mà bà giết Thầy nhưng bà lại tha mạng cho Thầy. Sau đó thì có những câu chuyện giữa hai người đối thoại với nhau.

Nhưng mà ý Thầy muốn nói chỗ này, 99 kiếp trước là bà này giết người chồng, kiếp thứ 100 là bà tha thứ cho người chồng, vì người chồng có lỗi với bà. Quý vị học được gì từ bài học này? Trong cái vòng luân hồi này, mình khó nói người nào là vợ hay chồng mình lắm, không nói được đâu. Và có khi, người mà mình rất là thương bây giờ, có thể trong tiền nghiệp quá khứ của mình đã từng lỗi lầm với người đó, và người đó đã giúp, đã lo, đã thương, đã quý mình rất nhiều. Bây giờ mình thương người đó một cách lạ kỳ lắm, giống như mình cứ muốn trả ơn, muốn lo cho người đó. Và có những người bây giờ là kẻ thù của mình, biết đâu được quá khứ có thể là vợ hay chồng của mình, không biết được đâu nha quý vị. Trong vòng luân hồi là nó như vậy. Mà khi đời này gặp nhau mà không có Pháp, thì rất là khổ, rất là dễ đưa nhau đi xuống. Và quý vị thấy ông bà ta nói gì, đây là một khía cạnh nhỏ thôi nha, đó là: *"Con là nợ, vợ là oan gia, cửa nhà là nghiệp chướng"*. Nếu vậy những đứa con sinh ra là nợ sao, chưa chắc đâu, có những đứa con sinh ra đạo đức, trí tuệ, đức hạnh lắm. *"Vợ là oan gia"* thôi ai dám lấy vợ nữa phải không? Chỉ là khía cạnh tiêu cực nào đó, thì có thể là hai vợ chồng lấy nhau thì có thể là giống như

địa ngục trần gian, đến với nhau mà không có đạo đức, không có trí tuệ, không có điều Chánh kiến với nhau thì có thể rất là khổ đau ở kiếp này. Thì cái trường hợp đó Thầy nói là nắm tay đi xuống, đôi lúc có những trường hợp như là một sự trả nghiệp. Thầy nghĩ mấy chuyện này quý vị biết rất nhiều, Thầy muốn kể cho quý vị các câu chuyện thời Đức Phật để mà từ đó mình rút ra bài học.

Vào thời Đức Phật, một lần có một cô tiểu thư giàu có xinh đẹp (Bhaddā Kuṇḍalakesā), cha mẹ nuôi trong nhà. Hôm đó cô nhìn trên lầu thấy phía dưới những người lính áp giải một tên tội phạm (Sattuka) ra pháp trường để tử hình. Mà cô cũng chưa từng gặp tên tội phạm này, éo le thay khắc nghiệp thay, chướng duyên, làm sao mà cô nhìn anh này cô thương anh này một cách lạ kỳ, thương không biết làm sao, thương quá mà trong khi cô là con của ông quan. Cô mới nói với cha mình, cha tìm mọi cách cha cứu anh đó dùm con, không là con chết. Ông cha sắp xếp sao đó tráo người rồi cứu được anh này, từ một người tử hình chuẩn bị chết được thoát nạn, được cứu mạng sống, về được làm chồng cô này, và gia sản đầy đủ và cô này cô thương lo cho anh này không thiếu gì hết. Nhưng khắc nghiệt thay, chướng duyên chỗ này, có một lần là anh mới đưa ra câu chuyện là anh lên trên ngọn núi đó có vị Thần giúp cho anh, cho nên anh muốn lên đó lễ tạ. Lúc này cô chuẩn bị một số hành trang, trang sức để lên núi. Sau khi lên núi anh mới thú thật với cô là anh muốn

giết cô để cướp hết số tài sản này của cô. Quý vị có thấy câu chuyện lạ kỳ không? Người cứu mình, vợ mình, tài sản không thiếu gì hết, vậy mà dẫn lên đó để cướp, để giết rồi đẩy cô xuống núi để lấy cái tài sản, thì trước khi giết ảnh cũng nói luôn. Cô này trong lúc tử sinh đó, cô dùng trí tuệ cô nói thôi thì cũng là duyên với nhau, cô cảm ơn, cô lạy anh, cô lạy phía trước, cô lạy phía sau, cô lạy bên hông, xong cổ đẩy anh ta xuống núi luôn. Sau đó cô đi tu, cô tu rất giỏi với thắng trí rất nhanh lẹ và cô đắc Thánh A-la-hán nha quý vị. Câu chuyện Thầy muốn nói ở đây là gì? Thầy hay nói vui là *"câu chuyện tình ngu nhất thế giới"* đó, tự nhiên có một người bị ra tử hình rồi lấy về, rồi cái gì cũng cho hết, rồi tự nhiên chỉ vì muốn cướp một ít tiền thôi mà muốn giết người đó luôn. Quý vị thấy oán kết, trái ngang lạ không?

Đọc trong Sử Việt nam có oan trái với nhau câu truyện *"Trọng Thuỷ, Mị Châu"* đó quý vị nhớ không?

Tôi kể người nghe chuyện Mị Châu
Trái tim lầm lỡ bỏ trên đầu
Nỏ thần vô ý trao tay giặc
Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu.

Mình nói có những trường hợp gặp nó éo le, nó trái ngang lắm, mà gặp rồi là dắt tay nhau đi xuống, chứ không phải dắt tay nhau đi lên. Và ở đây có lần Thầy đi giảng ở Quận Tân Phú, có gặp 2 trường hợp. Một buổi tối thì hôm đó Thầy giảng một chút rồi, thì

cô này cô mới vào nghe. Thầy giảng 14, 15, thường cô vào trễ lắm, trong lúc giảng thì có lúc cô về sớm. Thì hôm đó giảng xong cô có thời gian, cô đến thưa với Thầy là cô thích nghe Thầy giảng lắm. Mà khổ cái là sắp xếp ở nhà đầy đủ rồi thì cô mới đi được, mà nhất là bữa đó ông chồng về trễ, hai là sắp xếp đầy đủ. Mà oan trái cái này quý vị, cô ăn chay ông chồng ăn mặn, thì cái chuyện ông ăn mặn cô nấu mặn không nói; mà ông ăn toàn đồ sống không, lươn sống, cá sống, gà sống, vịt sống. Cô này là Phật tử nên khắc nghiệt vậy. Cô đi nghe Pháp mà lén đi, sắp xếp xong chạy ào vô nghe Pháp, canh giờ ổng về không là lục đục chuyện gia đình. Quý vị thấy khổ chưa? Có phải như vậy là dễ nắm tay đi xuống không? Rồi một lần Thầy giảng xong, *"Thầy ơi Thầy, con cúng dường, bố thí mà con toàn bố thí lén không"*. Bố thí, cúng dường mà toàn phải lén đi không đó quý vị. Cho nên Thầy nói có những trường hợp như vậy, đến với nhau mà để nắm tay nhau đi xuống, khổ đau, đời sống giữa hai người không có hạnh phúc.

III. NGUYÊN TẮC CHỌN VỢ - CHỒNG THEO TINH THẦN PHẬT PHÁP

Bây giờ quý vị qua đoạn kế tiếp, Thầy giảng cho quý vị ở chỗ vợ chồng muốn gặp nhau ở đời sau. Quý vị muốn gặp vợ hoặc chồng mình ở đời sau thì cái này Đức Phật có dạy luôn, bài Kinh nào muốn gặp vợ chồng đời sau thì như thế nào, và đời này gặp nhau

sống hạnh phúc là như thế nào. Mời quý vị nghe bài KINH TĂNG CHI, CHƯƠNG BỐN PHÁP, BÀI KINH XỨNG ĐÔI. Trong bài Kinh này có câu chuyện như thế này:

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakalà, ở vườn Nai. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ gia chủ cha Nakulà, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ cha Nakulà và nữ gia chủ mẹ Nakulà đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ cha Nakulà bạch Thế Tôn:

2. – Từ khi nữ gia chủ mẹ Nakulà được đem về đây cho con khi con còn trẻ tuổi, con không bao giờ biết con có điều gì xâm phạm đến vợ con, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa.

Nữ gia chủ mẹ Nakulà bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, từ khi con được đem về đây cho gia chủ cha Nakulà, khi con còn trẻ tuổi, con không bao giờ biết con có điều gì xâm phạm đến gia chủ cha Nakulà, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy

mặt nhau, trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa.

– Vậy này các Gia chủ, khi cả hai vợ và chồng muốn thấy mặt nhau trong đời này, và cũng muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa, và cả hai người là đồng Tín, đồng Giới, đồng Thí đồng trí tuệ, thời trong đời hiện tại, các người được thấy mặt nhau, và trong đời sau, các người cũng được thấy mặt nhau.

Cả hai, tín, bố thí,
Sống chế ngự, chánh mạng,
Cả hai vợ chồng ấy,
Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc,
Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý,
Cả hai giới hạnh lành,
Ở đây sống theo Pháp,
Giữ cấm giới đồng đẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ Thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn,
Đúng với điều sở cầu.

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ, Chương Bốn Pháp, Phẩm Nguồn Sanh Phước, bài Kinh Xứng Đôi)

Tức là có hai vợ chồng cha mẹ của Nakulà đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn thì hai

người thưa với Đức Phật dĩ nhiên là hạnh phúc trong đời này rồi, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa. Theo quý vị Đức Phật có chỉ cách cho hai người gặp nhau đời sau không? Có, cho nên quý vị thấy Pháp của Phật là chỉ làm nhiều điều thiện, mà điều thiện cũng có nhiều cấp bậc. Có những cấp độ là phải chấm dứt hẳn luôn cái cõi tử sanh này, dù Cõi Trời cũng không phải là chỗ để mình đi về, mà chỗ đi về là Niết Bàn. Nhưng mà có những chuyện là hạnh phúc tương đối, thì Đức Phật có nói, ở đây chuyện vợ chồng muốn gặp nhau đời sau cũng như là đời này thì có 4 điều: *1. Đồng Tín. 2. Đồng Thí. 3. Đồng Giới. 4. Đồng Tuệ.*

Đây là 4 điều mà quý vị gặp nhau trong đời này và gặp nhau trong đời sau. Nghe bài này xong thương vợ, thương chồng mình thì nói kiếp sau muốn gặp nữa không, muốn thì giúp làm dùm 4 điều này nha, nhớ chưa? Thì nhớ dùm 4 điều này giúp cho vợ chồng hạnh phúc an lạc đời này và sẽ gặp nhau ở đời sau. Quý vị cũng ngạc nhiên lắm phải không? Nếu quý vị chưa nghe bài Kinh này quý vị cũng ngạc nhiên, *"Phật dạy cho đời sau gặp thêm người đó nữa hả Thầy?"* Thầy nói là gặp mà gặp cỡ nào, chứ gặp nhau mà suốt ngày cãi nhau, đánh nhau thì thôi rồi. Có một Sư kể: *"Hồi nhỏ mới đi học thì cô giáo dạy là chim bay, cò bay, máy bay bay thôi. Nhưng mà lớn lên một chút, vị đó thấy đâu phải chỉ có những con có cánh nó mới bay, chim bay, bướm bay, cò bay đâu, mà Vị đó thấy là guốc cũng bay, xoong bay, chảo bay, dép bay. Thì ra những cái*

không có cánh nó cũng bay, hỏi ra mới biết hai vợ chồng đánh nhau thì dép guốc gì cũng bay hết chứ không phải chỉ có những loài có cánh nó mới bay."

Ở đây Đức Phật nói 4 điều kiện này: *đồng Tín - đồng Thí - đồng Giới - đồng Tuệ* là hạnh phúc an lạc hai vợ chồng. Vậy thì hồi nãy Thầy có nói đến có 4 trường hợp sống chung, trong 4 trường hợp sống chung đó thì ở đây muốn sống để có an lạc, hạnh phúc hiện tại và gặp nhau đời sau là: đồng Tín, đồng Thí, đồng Giới, đồng Tuệ.

1. Đồng tín

"Đồng Tín" chính là cùng niềm tin với nhau. Cái này quan trọng lắm, theo Thầy biết có những người bỏ Phật dễ lắm, bỏ Phật dễ như trở lòng bàn tay. Người xưa nói thế này, lòng bàn tay của mình là *"Mê ngộ như phản chưởng"*. Đây là mê, đây là ngộ, *"phản chưởng"* là bàn tay quay qua quay lại, mê - ngộ, và mê - ngộ như tích tắc.

Hôm qua mặt của Dạ Xoa
Ngày nay Bồ Tát mặt hoa rạng ngời
Dạ Xoa, Bồ Tát ở đời
Mảy may không cách, không rời tấc gang

Đôi khi hôm trước mặt mình như Dạ Xoa hay Quỷ dữ gì đó mà hôm nay mặt mình Bồ Tát rồi, rõ ràng cái đó mình thấy, mê ngộ cũng vậy. Cái người hồi trước có đức tin nơi Đức Phật, bỏ Phật cũng dễ lắm. Nên có

những trường hợp Thầy đau lòng lắm, đau lòng thì cũng đành chịu thôi. Nhưng mà Thầy thấy niềm tin của mình sao rẻ dữ vậy, có nhiều người bỏ Phật dễ vậy đó quý vị. Quý vị mà học Phật Pháp, học Giáo lý cơ bản này rồi ai mà nói quý vị bỏ Phật, quý vị nói là: *"Hết người dụ rồi hay sao đi dụ tui, quý vị biết trong lòng tui bây giờ Phật là ai không?"* Lúc này là quý vị tin Phật rồi đó, nhưng mà tin bằng trí tuệ. Lúc trước tin bằng trái tim thôi, thương mà tin vậy thôi chứ không hiểu, nhưng mà bây giờ tin mà hiểu, tin bằng trí tuệ. Thì mình nói vui là *"Đừng có dụ tui bỏ Phật nghe!"* Lúc trước ngay cả mình tin Phật đó, mà mình thấy bạn mình cũng tin Phật, mà sao bạn mình mặc chiếc áo lam vô Chùa đi cãi nhau, nhìn cái mặt thấy ghét à. Tự nhiên người đó đi cãi nhau, mình đi bỏ Phật. Mình đi vô ngôi Chùa đó học Pháp, mình gặp người cãi nhau với mình cũng học Pháp trong Chùa, giận người đó bỏ Phật. Quý vị thấy nhiều lúc có bực không? Nhiều lúc cái niềm tin của mình dễ thương không, không biết tin mình bằng chất liệu gì nữa. Và đây Thầy thưa với quý vị, có một Thiền sư Thầy nhớ không lầm là Ngài Triệu Châu, Ngài nói như vậy:

Kim Phật bất độ lô,
Mộc Phật bất độ hỏa,
Thổ Phật bất độ thủy,
Chơn Phật tại Kỳ trung

Dịch là:

"Phật vàng không qua khỏi lò,
Phật gỗ không qua khỏi lửa,
Phật đất không qua khỏi nước,
Phật thật ở trong đó".

Cho nên ở đây quý vị đôi lúc tự hỏi lại trong lòng mình, xem Phật trong lòng mình bằng giấy hay bằng vàng, hay bằng kim cương. Bằng giấy là người ta nói cái chảy, đôi lúc Phật trong lòng mình bằng giấy. Thôi thì trước khi học lớp Giáo lý này, bằng giấy cũng được, học sắp xong Khoá 3 rồi giờ xem lại Phật trong lòng mình bằng gì. Xét lại dùm Thầy bây giờ Phật trong lòng mình bằng gì? Nếu Phật bên ngoài bằng gỗ thì gặp lửa cũng cháy, còn mà Phật trong lòng bằng đất sét, thì gặp nước thì tan ra. Phật bằng vàng thì gặp thợ rèn Phật cũng chảy ra. Quý vị xem lại Phật trong lòng mình bằng gì, bằng gỗ, bằng đất sét, bằng vàng. Quý vị hiểu ở đây là phải làm sao cho Phật trong lòng mình càng ngày càng mạnh mẽ.

Thì ở đây hai vợ chồng có cùng niềm tin nơi Đức Phật, cùng Quy y Tam Bảo, cùng tin nhân quả, thiện ác tội Phước, cùng tin nghiệp và quả của nghiệp, thì xin thưa quý vị sống với nhau mới hạnh phúc được nha. Và đây những điều này, theo Phật Pháp những điều này chính là nguyên tắc chọn vợ, chọn chồng. Nhớ nguyên tắc này, đầu tiên là chọn người đồng Tín. Mà muốn có cùng niềm tin thì bây giờ mình phải như thế nào cái đã, làm sao mà nam thì anh hào, nữ thì anh thư nha. Còn

mà mình nói vui vui, người nam, người nữ đều không có Phước đức, không có trí tuệ, không có Chánh kiến mà gặp nhau là thôi rồi, gặp nhau kiểu đó rồi gây oan trái cho nhau.

Quý vị thấy không, Chí Phèo thì có Thị Nở, Thuý Kiều thì phải là Từ Hải, tức là gì? Học xong bài này nguyên tắc thứ 1 là mình phải như thế nào thì mình mới tìm người xứng đáng được. Thứ 2, tìm người xứng đáng mà nói theo người xưa là "cội tùng". *"Cát đằng nương bóng cội tùng",* tức là những người quân tử, còn nói theo Đạo Phật là phải tìm người xứng đáng, là người có 4 điều: Tín - Thí – Giới - Tuệ. Đây là nguyên tắc chọn vợ chọn chồng, chứ còn mình không có những cái đó làm sao mà chọn người xứng đáng. *"Nồi nào úp vung đó", "ngưu tầm ngưu mã tầm mã",* ông bà ta nói hay lắm quý vị. Có những trường hợp sai nồi lộn nắp thì coi như thua. Nên cái đầu tiên để mà gặp nhau đời sau, để mà an lạc hạnh phúc hiện tại, và cũng là nguyên tắc chọn vợ chọn chồng trong tư tưởng Đạo Phật là đồng Tín.

Quý vị nghĩ xem, đơn giản thôi, không cùng niềm tin, thì *"Thôi mình thương nhau, có gì về thương nhau rồi bỏ qua!"* Dạ không có đâu, ai mà có vợ có chồng rồi mình xét lại đi. Người đó bây giờ đang thương mình 10, quý vị phải trừ 9 phần đi, lấy về rồi thì còn 1 phần thôi. Còn thương 1 phần thôi đó, mình chịu được không? Không chịu được thì lấy nhau về là gây nước

mắt cho nhau. *"Ước gì hôm đó đừng mưa, ước gì hôm ấy đừng đưa em về",* là khổ quá nên mới ước như vậy, còn ước là trước kia đừng gặp. Xét lại quý vị thấy có nhiều chuyện vui lắm, trước kia mất ăn mất ngủ để theo đuổi một người, để làm sao lấy được anh đó về, lấy được cô đó về. Và sau khi lấy về thời gian rồi, giờ cũng mất ăn mất ngủ để làm gì? Sao mà bỏ được đây, mất ăn mất ngủ để bỏ, trước kia mất ăn mất ngủ để lấy về đó quý vị. Sự đời nó oan trái như vậy đó quý vị, không có duyên lành với nhau là nó oan trái vậy. Bây giờ mà bỏ là nó còn liên lụy, nhất là hai vợ chồng không còn thương nhau, mà vẫn phải sống chung với nhau vì tài sản, vì con cái. Quý vị thấy những trường hợp đó nó khổ dữ lắm. Cho nên trước khi mà lập gia đình, quý vị nhớ theo lời Phật tìm người đồng Tín, cùng niềm tin với mình quan trọng lắm.

2. Đồng thí

"Đồng Thí": là cùng có tâm hồn rộng rãi. Tức là thí bằng một tâm hồn rộng rãi, bằng một tâm hồn hào sảng, trong khả năng có thể để mình cho đi, tức là sống với bàn tay rộng mở, sống biết làm Phước, sống biết sẻ chia, sống biết bố thí.

Quý vị cứ hình dung xem, bây giờ bao la trường hợp này luôn. Người vợ đi làm Phước quá chừng mà làm về đừng cho ông chồng biết, ông chồng biết là ông nhằng từ sáng tới chiều. Hoặc trường hợp ngược lại, ông chồng thì rộng rãi hào sảng, cô vợ từng li từng tí,

quý vị vui nổi không. Đó, Đức Phật nói rõ ràng chưa, nếu mà bây giờ hai người không đồng Thí với nhau thì thôi thua luôn. Có những trường hợp người ta nói vui: *"Hai vợ chồng lấy nhau một tháng đầu nói nhau nghe, ba tháng sau nói cả xóm nghe, một năm sau nói cả nước nghe"*. Một tháng đầu anh nói em nghe, em nghe anh nói, ba tháng sau bắt đầu cãi nhau, hàng xóm nghe hết. Một năm sau đánh nhau ầm ầm lên tivi luôn, cả nước biết.

Có hai ông bà già rồi mà sống với nhau hạnh phúc, mấy đứa trẻ đến hỏi ông có thể chia sẻ cho con biết bí quyết nào mà ông bà sống với nhau hạnh phúc không? Ông mới kể lúc ông mới quen bà còn trẻ, ông mới đi dạo chơi trong vườn hoa, vườn hoa rộng quá cho nên ông mới thuê con ngựa cho bà cưỡi con ngựa bà đi. Đi được một đoạn hôm đó trời mưa, con ngựa nó trơn té rồi bà rớt xuống ướt đồ. Ông thấy bà hiền lành, phúc hậu, dễ thương, bà đứng lên xong bà không nói gì hết, leo lên ngựa đi tiếp. Đường trơn, con ngựa té lần hai, bà cũng không nói gì luôn, bà im lặng bà không nói gì hết, bà nhẫn nhịn. Ông thấy ông thương ông quý trong lòng ông nghĩ người này là mình phải sống chết, thức đêm thức hôm để theo đuổi bà. Sau ông lấy bà về. Rồi sau đó con ngựa té lần nữa, mà khi nó té lần thứ ba, bà cũng không nói gì hết. Rồi từ từ bà lấy tay cho vào túi, bà lấy cây súng ra, rồi bà đưa vô con ngựa bà bắn con ngựa chết luôn. Bà không nói, bà hành động bắn chết con ngựa thôi. Lúc đó ông mới nói với bà:

"Em biết không con ngựa này mình thuê mà, rồi em bắn chết nó rồi tiền đâu mình đền". Bà hiền lành lắm, bà chỉ nhìn sang ông bà nói: *"Lần thứ nhất nha anh";* ông nghĩ lại, lần thứ nhất bà không nói gì với con ngựa, lần thứ hai bà không nói gì, lần thứ ba bà bắn luôn. Khi mà ông nói câu đó với bà, bà nói *"lần thứ nhất",* thì đến bây giờ bà chưa nói với ông *"lần thứ hai"* nữa đó. Nói lần thứ hai rồi đến lần thứ ba nữa là chết ông luôn đó, cho nên ông nhịn luôn đến giờ, đó là bí quyết hạnh phúc của ông bà. Đó là *nhịn* đó quý vị, ông bà ta nói:

Chồng giận thì vợ bớt lời
Cơm sôi bớt lửa chẳng đời nào khê.

Có một lần ra Vũng Tàu, có một anh luật sư ở Vũng Tàu gọi cho Thầy, anh gửi mail rồi gọi. Anh này làm luật sư giải quyết các chuyện vợ chồng ly dị. Trước khi ly dị anh ta cố gắng để mà vợ chồng hàn gắn với nhau, lỡ bước sang ngang rồi chuyện con cái rất là khổ, không trọn vẹn cho các con. Đợt đó cái duyên lại có mấy Phật tử của Thầy nghe Pháp ở Vũng Tàu, và khi mà nghe Pháp xong cũng làm đơn ly dị. Nó trùng hợp đến lạ như thế này quý vị, anh luật sư này nói thôi ráng cố gắng hàn gắn với nhau, cô Phật tử mới trả lời: *Không, Thầy Tuệ nói: "Hết duyên hết nghiệp rồi, hết duyên rồi, sống không nổi thì để đường ai nấy đi.*

Đừng níu kéo những gì xa tầm với
Mây của trời hãy để gió cuốn đi
Thôi cứ để Trăng tàn theo đêm xuống

Vướng víu chi cho nhọc hỡi Tùng khô"

Trời ơi, lấy Thầy ra làm bàn đạp Thầy giảng kêu hai người ly dị. Thầy đâu có nói vậy, ý của Thầy nói bây giờ sống với nhau như địa ngục, sống với nhau không được nữa thì thôi đường ai nấy đi, tìm cách hàn gắn mà không được nữa thì giải thoát cho nhau. Chứ đâu phải cãi nhau một cái là đường ai nấy đi, mà không biết nghe giảng làm sao mà cô gặp cô nói với anh này vậy. Anh đọc mấy lá thư như vậy xong anh muốn tìm gặp xem Thầy Thiện Tuệ là ai, tìm số điện thoại và email của Thầy để gọi hỏi thì mới biết ra chuyện này. Thôi đường ai nấy đi, Thầy đâu có kêu như vậy đâu quý vị.

Quý vị nhớ là trong thế giới 7 tỷ người sao không thương sao tự nhiên đi thương mình. Quý vị thử nghĩ xem 7 tỷ người, anh không thương anh đi thương mình, 7 tỷ người cô không thương mà cô đi thương mình. Cho nên là Phật tử, lập gia đình rồi quý vị phải ráng thương vợ của mình, cũng như quý vị là nữ phải thương chồng của mình; đúng Đạo của người làm vợ, làm chồng lo lắng thương yêu, chung thủy, kính mến chồng. Người xưa có câu *"Tương kính như tân"* tức là quý kính như ban đầu, hoặc quý kính nhau như một người khách thì mới đẹp như vậy. Có một nhà thơ nói như vậy:

Anh đứng trên cầu đợi em
Đứng một ngày đất lạ thành quen
Đứng một đời em quen thành lạ

(Đợi - Vũ Quần Phương)

"Đất lạ thành quen" tức là cái ngày mới thương nhau cái gì cũng tốt, cái gì cũng tốt.

Thương ai thương cả đường đi,
Ghét ai ghét cả tông ty, họ hàng

Hoặc:

Thương nhau nước đục cũng trong.
Ghét nhau nước chảy giữa dòng cũng dơ

Có nghĩa là cái gì của người đó cũng đẹp hết, khi mà lấy nhau về rồi bắt đầu sinh lủn củn. Người ta nói thương nhau không phải ngồi đó nhìn nhau, mà là cùng nhìn về một hướng. Là quý vị phải có lý tưởng, nói theo bài Kinh này là thứ nhất là *đồng Tín,* thứ hai là *đồng Thí,* cả hai biết sẻ chia, san sẻ rộng rãi. Chứ tấm lòng của quý vị như trời như đất, mà tấm lòng của vợ của chồng mình như trái nho, hỏi sao quý vị sống được. Giả dụ quý vị là vợ đi, quý vị chi li một chút còn sống được, còn quý vị sống với anh chồng *"Hôm nay em đi chợ về, hành mua bao nhiêu, tiêu bao nhiêu, bột ngọt bao nhiêu. Tính chưa?"* ... Thôi quý vị muốn làm gì làm, Thầy nói nữa mắc công lại gây hiểu lầm.

3. Đồng giới

"Giới" là những điều đạo đức. Ở đây người cư sĩ, là Phật tử, quý vị giữ 5 Giới, hoặc giữ 8 Giới Bát quan trai. Quý vị thì từ bỏ sát sanh, mà người chồng chồng

của mình thì sát sanh thì quý vị nghĩ sao? Nội một việc đó thôi là Thầy nói là *"lủn củn đội hình"* rồi đó. Hồi nãy Thầy kể câu chuyện cô đó thì ăn chay, tu tập, không dám sát sanh; còn ông chồng thì ăn mặn, ăn mặn - nấu mặn thì không nói, mà là toàn ăn đồ sống không, khổ vậy đó quý vị. Có một lần rất thật luôn, cô thương chồng về nhà chồng ở, mà khổ là ông chồng thích ăn cá sống. Mà cãi chồng thì sợ lục đục chồng, bên gia đình chồng. Thưa quý vị, cô đau khổ đến mức vậy, cứ mỗi lần trước khi làm con cá sống thì cô đọc Chú Vãng Sanh, đọc xong câu Thần chú đập đầu. Cô đâu muốn giết nó đâu, mà bây giờ không giết thì làm sao. Quý vị thấy không, từ đó quý vị nghĩ ra nhiều điều khác nữa, không có *đồng Giới* tức là không giữ điều đạo đức với nhau, có khổ không? Người vợ hoặc người chồng giữ Giới không sát sanh, mà trong hai người có một người ngược lại, chừng đó thôi là quý vị thấy lục đục rồi.

Thầy nói ở đây cho quý vị chưa ăn chay thì ăn mặn không sao hết, ăn mặn không có tội nhớ nha, ăn thịt không có tội. Ăn thịt có tội là chỗ này, quý vị giết con vật lúc nó còn sống quý vị ăn, phân biệt rõ ràng. Thầy dĩ nhiên là Thầy khuyến khích quý vị ăn chay, nhưng mà ăn chay như nào mới có Phước nha, *"Con mới đi trộm bó rau muống về con ăn"*. Phước ở chỗ nào chỉ cho Thầy Phước chỗ nào, cái đó có tội chứ Phước gì, ăn chay với cái tâm như thế nào mới có Phước. Ăn chay với từ tâm, ăn chay trong Chánh niệm, ăn chay cho có sức khỏe, ăn chay để tu tập. *"Ăn chay không*

phải là tu, ăn chay là để cái lu đựng tiền, ăn chay không phải là hiền, ăn chay là để đỡ tốn tiền mua thịt heo", đó là người ta nói vậy; còn mình là *"Ăn chay không phải là keo, ăn chay là để đi theo Phật Đà"*. Quý vị ăn đậu hũ là quý vị ăn với cái tâm như thế nào? Ăn để con có sức khỏe để con tu tập, con ăn chay để không sát sanh, con ăn chay để tập thương chúng sanh, con ăn chay để tập phóng sanh, con ăn chay với tâm từ của con...với một cái tâm Chánh niệm như vậy thì việc ăn chay mới Phước nha. Chứ quý vị nói ăn chay là ăn rau ăn củ, ăn muối, ăn chuối... cái đó có Phước, thì cái đó Thầy phải đặt lại. Thứ nhất đồ ăn đó từ đâu ra, thứ hai là ăn với cái tâm như thế nào.

Còn quý vị ăn mặn, ăn thịt mà ăn cái kiểu để mà hưởng thụ, ăn mà thỏa mãn, đặc biệt là thấy giết con vật mà nó đau đớn nó chết mà quý vị ăn như vậy là tội. Nếu quý vị sát sanh nữa, là thành vô tội sát sanh luôn, còn quý vị không giết con vật mà ăn với tâm hưởng thụ như vậy cũng dễ làm cho mình sanh cái tâm sân, làm cho mình chai sạn tâm từ. Cho nên quý vị ăn chay được thì ăn, còn chưa ăn chay được thì quý vị ăn mặn mà nhớ dùm Thầy cứ mang đồ chết rồi về ăn. Cô này lập gia đình xong mà người chồng thì ăn đồ sống, cãi thì lục đục chuyện tình cảm, không cãi thì cứ mua đồ sống ăn. Thầy nói nội chuyện này thôi là lục đục chưa?

Cho nên, nguyên tắc chọn vợ chồng đầu tiên coi có đồng Tín không? Đồng Thí không? Đồng Giới

không? Coi cái người đó có giữ những điều đạo đức với mình không, có từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp không, từ bỏ tà hạnh không, từ bỏ nói dối không, từ bỏ uống rượu không, đó là 5 Giới, còn giữ được Bát quan trai nữa là quá tốt.

4. Đồng tuệ

"*Tuệ*" tức là Chánh kiến. Mình tin cuộc đời này có nghiệp và quả của nghiệp, tin cuộc đời này là Vô thường, là Khổ, là Vô ngã. Mình tin rằng cuộc đời với Tam tướng, mình tin cuộc đời có nhân có quả, nhân thiện cho quả vui, nhân ác cho quả khổ, mình tin cuộc đời này có nghiệp và quả của nghiệp, và ta là chủ nhân của nghiệp và ta cũng là thừa tự của nghiệp. Quý vị thấy nội cái đơn giản đó thôi mà đời mình thay đổi rồi, nội quý vị chỉ cần tin một điều là có nghiệp và quả của nghiệp thôi, là đời quý vị thay đổi liền. Quý vị xem phải không? Chuẩn bị đập con mũi, chuẩn bị xịt con kiến thôi, trước kia chưa học Pháp thì *"Con kiến mà, cả trăm cả ngàn con xịt, nó không là nó cắn mình, kệ nó con kiến mà có gì đâu."* Quý vị ăn luôn 1 con gà chết Thầy không nói, mà quý vị xịt một con kiến thôi nha, nếu mà Thầy được khuyên Thầy khuyên quý vị cũng không giết con kiến, tại sao? Tại vì nó có sự sống! Cứ con vật nào có tâm, có nghiệp, có sự sống mà giết nó là bị phạm bất thiện sát sanh. Ví dụ bây giờ quý vị ăn con gì đó chết rồi thì không nói gì; nhưng con đó còn sống, dù là một con kiến, con muỗi thì quý vị cũng

không giết nó, vì quý vị hiểu nghiệp và quả của nghiệp. Bây giờ chỉ cần mình nói một lời bất thiện, mình nghĩ đến chuyện là cuộc đời nó còn, nhân quả nó còn, nghĩ đến nghiệp và nhân quả của nghiệp là quý vị sợ liền, nó khác liền.

Cho nên *Tuệ* ở đây là quý vị hiểu là có Chánh kiến, có hiểu biết về nghiệp và quả của nghiệp, và Tam tướng, đó là *Tuệ*. Thầy xin nhắc lại 4 điều này: *Đồng Tín – Đồng Thí – Đồng Giới – Đồng Tuệ,* nói theo bài Kinh này thì giúp hai vợ chồng sống an lạc, hạnh phúc ở hiện tại; giúp cho quý vị gặp mặt ở đời sau; và 4 điều này cũng là nguyên tắc chọn vợ chọn chồng.

Lâu nay mình hay nghe nói chọn vợ chọn chồng ở đạo đức. Đúng không? *Đúng*, nhưng bây giờ phải nói, *đúng nhưng mà thiếu*. Nếu mà nói về đạo đức thôi thì đang nói về phần Giới, chọn một người chồng hoặc người vợ đạo đức, đúng không? Đúng, nhưng mà *"keo kiệt khỏi chê"* luôn, không có *Thí*; hoặc một người chồng rất hiền lành, sống rất mô phạm nhưng mà không có *Tuệ*; hoặc người chồng rất đạo đức nhưng không có cùng *đồng Tín* với mình là có vấn đề. Cho nên nói theo bài Kinh này, nguyên tắc chọn vợ chọn chồng, ở đây ai mà đang chưa lập gia đình, là đưa vô danh sách 4 điều này *đồng Tín – đồng Thí – đồng Giới – đồng Tuệ*. Thầy xin nhắc lại, *"Ngưu tầm ngưu mã tầm mã", "Nồi nào úp vung đó",* mình cỡ nào thì mình sẽ gặp người cỡ đó, mình *"trời ơi đất hỡi"* thì mình sẽ gặp người *"dao găm*

lưu đạn", đòi gặp *cội tùng, cội bách* thì làm sao được. Phải nhớ là *"Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", "Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã", "Nồi nào úp vung đó", "Mây tầng nào gặp mây tầng đó"*, là những câu mà tuệ giác mà ông bà ta nói, còn nói theo Phật Pháp là *"đồng": Tín - Thí - Giới - Tuệ.*

Nguyên tắc chọn là vậy, khi có những điều này rồi quý vị sẽ hạnh phúc. Còn bây giờ lỡ một chuyến đò rồi, có vợ có chồng rồi thì bây giờ lấy 4 điều này vô, hai người ngồi nói chuyện với nhau mình coi có điều nào rồi. Hai người lấy ra coi mà mình chưa có điều nào là rồi xong luôn, khổ dữ lắm. Ít nhất danh sách cũng phải được 2,3 điều, còn chưa có thì bù đắp. Tóm lại, quan trọng là chỗ chọn vợ chọn chồng là mình như thế nào thì sẽ gặp người như thế đó, như Chí Phèo sẽ có Thị Nở, Thúy Kiều sẽ có Kim Trọng, Từ Hải, chứ còn không tương ứng thì không được.

Ở đây, một là bản thân mình cố gắng xứng đáng với 4 điều *Tín – Thí – Giới – Tuệ.* Và khi mình có 4 điều đó rồi, mình chọn người cũng tương ứng như vậy. Bản thân mình đi chọn người như vậy, và chính bản thân mình cố gắng có các điều đó, thì tự nhiên người ngang tầm với mình tự đi tìm đến mình. Trừ vài trường hợp Thầy kể giống như hồi nãy là cô tiểu thư thương anh ăn cướp đó một cách kỳ lạ, có một vài cái nghiệp phải trả. Người ta hỏi vậy hai vợ chồng có duyên với nhau không? Thầy nói có duyên, duyên ít hoặc nhiều

gì đó, mà duyên gì mới quan trọng đúng không quý vị? Thuận duyên hay nghịch duyên, *"Con thấy người đó con thương liền",* thì thương, mà sau cái thương đó là cái gì? Sau cái thương đó, bắt đầu rớt *"cái mặt nạ"* xuống là bắt đầu oan trái, oan gia với nhau, sống là để hành hạ nhau, đôi lúc mình nói vui *"Chúng ta nhân danh tình thương để hành hạ nhau".*

Thầy không biết trong group mình lập gia đình nhiều chưa, có rồi thì quý vị tự xét lại hai vợ chồng, mạnh mẽ xét lại để cố gắng đi xa, còn muốn gặp nhau thì đồng 4 cái này kiếp sau gặp nữa. Còn mà thấy ngán ngẩm quá rồi thì thôi, có duyên đời này thôi, bây giờ mình cố gắng cho kiếp sau đi lên. Tóm lại bài này, hiện tại quý vị là vợ là chồng thì cố gắng thương vợ thương chồng mình nhớ dùm Thầy, phải rất thương người bên cạnh mình, là người chồng, người vợ họ đã hi sinh lo cho mình, phải đối xử với vợ với chồng mình bằng những gì đẹp nhất có thể. Còn Thầy nói giả dụ một lúc nào đó mà không thể nào mà đồng với nhau được nữa, hoặc không thể cùng nắm tay mà bước qua nữa thì buông xả thôi.

Đừng níu kéo những gì xa tầm với
Mây của trời hãy để gió cuốn đi

IV. BỔN PHẬN LÀM VỢ, BỔN PHẬN LÀM CHỒNG

Và mình qua 1 bài Kinh ngắn khác trước khi mình nghỉ, mấu chốt trong bài giảng này là 2 bài Kinh: một là 4 trường hợp sống chung, cái này để quý vị dễ áp dụng trong đời thường; thứ 2 là 4 điều để quý vị an lạc trong hiện tại, gặp lại đời sau và cũng như là nguyên tắc chọn vợ chọn chồng. Đó là đóng góp trong tinh thần Phật Pháp cho quý vị. Ở đây Thầy nói đoạn này cho quý vị trong KINH GIÁO THỌ THI CA LA VIỆT (SINGÀLOVÀDA SUTTA) trong TRƯỜNG BỘ KINH, có nói về Đạo làm vợ làm chồng; Đạo làm vợ có 5 điều, Đạo làm chồng có 5 điều:

30. Này Gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây: Kính trọng vợ, không bất kính đối với vợ; trung thành với vợ; giao quyền hành cho vợ; sắm đồ nữ trang với vợ; Này Gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách: Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình; khéo tiếp đón bà con; trung thành với chồng; khéo gìn giữ tài sản của chồng; khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.

Này Gia chủ, người vợ được người chồng đối xử như phương Tây theo năm cách và người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách. Như vậy phương

Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

(Trích Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt (Singàlovàda Sutta)

Tức là qua hình ảnh phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, Đức Phật nói đến bổn phận của người chồng và người vợ.

Người ta nói người phụ nữ trong nhà thì hay liên quan đến nhà bếp, mà cái nhà bếp là liên quan hạnh phúc gia đình lắm. Nó có nhiều nghĩa lắm, nấu cơm mà ăn với nhau là có cơ hội để ngồi lại gặp nhau. Quý vị nhớ, quý vị nấu ăn với tâm nào, nấu ăn với tâm lành, tâm thương chồng thì tự nhiên bữa ăn đó ngon, quý vị giận chồng mà lặt rau muống là ông ăn đau bụng. Thương chồng mà *thương "hại"*, ngày nào cũng cho ăn tô mì thêm 3 cái trứng, không bổ chiều ngang cũng bổ chiều dọc, mà ăn riết thành ra béo, bệnh luôn, đó là *thương "hại"* đó. Cho nên nấu ăn là thứ nhất tình thương dành cho chồng, thứ hai là mình biết nấu những món nào Âm dương cân bằng làm sao đó. Cách nấu ăn quan trọng lắm, có những món ăn rất là âm, ăn riết sau đó là lười biếng, nhút nhát, sợ hãi, không thích hoạt động luôn nha quý vị. Cân bằng âm dương trong nhà bếp, Tâm mình nấu như thế nào, sắp xếp như thế nào rồi ngồi lại ăn với nhau, đó là sự quan trọng của người vợ.

V. BẢY HẠNG VỢ

Và đoạn Kinh cuối Thầy đọc qua cho quý vị đó là Bảy hạng vợ mà Thầy có nói trong bài "NỮ NHÂN", giờ Thầy nói lướt qua thôi. Nhân một dịp Đức Phật đến nhà ông Cấp Cô Độc, thì có nghe tiếng của người con dâu của ông Cấp Cô Độc lớn tiếng, tức là không có giữ gìn, nói theo ông bà mình là *không có ý tứ* đó. Sau đó Đức Phật biết, thì Đức Phật mới nói 7 hạng vợ cho cô này nghe:

2. Rồi Thế Tôn cho gọi nàng dâu Sujàtà:

– Hãy đến đây Sujàtà!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nàng dâu Sujàtà vâng đáp Thế Tôn, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nàng dâu Sujàtà đang ngồi một bên:

– Này Sujàtà có bảy loại vợ này cho người đàn ông. Thế nào là bảy? Vợ như người sát nhân, vợ như người ăn trộm, vợ như người chủ nhân, vợ như người mẹ, vợ như người chị, vợ như người bạn, vợ như người nữ tỳ. Này Sujàtà, có bảy loại vợ cho người đàn ông. Và con thuộc loại vợ nào?

– Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn, con không hiểu rõ ý nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn.

– Vậy này Sujàtà, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng Sujàtà vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Ai tâm bị uế nhiễm,
Không từ mẫn thương người,
Thích thú những người khác,
Khinh rẻ người chồng mình,
Bị mua chuộc bằng tiền,
Hăng say giết hại người,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ sát nhân.
Còn hạng nữ nhân nào,
Tiêu xài tài sản chồng,
Do công nghiệp đem lại,
Hay thương nghiệp, nông nghiệp,
Do vậy, nếu muốn trộm,
Dầu có ít đi nữa,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ ăn trộm.
Không ưa thích làm việc,
Biếng nhác, nhưng ăn nhiều,

Ác khẩu và bạo ác,
Phát ngôn lời khó chịu,
Mọi cố gắng của chồng,
Đàn áp và chỉ huy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi là vợ chủ nhân.
Ai luôn luôn từ mẫn,
Có lòng thương xót người,
Săn sóc giúp đỡ chồng,
Như mẹ chăm sóc con,
Tài sản chồng cất chứa,
Biết hộ trì gìn giữ,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như mẹ,
Ai như người em gái,
Đối xử với chị lớn,
Biết cung kính tôn trọng,
Đối với người chồng mình,
Với tâm biết tàm quí,
Tùy thuận phục vụ chồng,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như chị.
Ai ở đời thấy chồng,
Tâm hoan hỷ vui vẻ,
Như người bạn tốt lành,
Đã lâu từ xa về,
Sanh gia đình hiền đức,
Giữ giới, dạ trung thành,

Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như bạn.
Không tức giận, an tịnh,
Không sợ hình phạt, trượng,
Tâm tư không hiềm hận,
Nhẫn nhục đối với chồng,
Không phẫn nộ tức giận,
Tùy thuận lời chồng dạy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ nữ tỳ.
Ở đời các hạng vợ,
Được gọi vợ sát nhân,
Kể cả vợ ăn trộm,
Và cả vợ chủ nhân,
Vợ ấy không giữ giới,
Ác khẩu và vô lễ
Khi thân hoại mạng chung,
Bị sanh vào địa ngục.
Ở đời các hạng vợ,
Như mẹ, chị và bạn,
Và người vợ được gọi,
Là vợ như nữ tỳ,
An trú trên giới đức,
Khéo phòng hộ lâu ngày,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiện thú.

– Này Sujàtà, có bảy loại vợ này đối với người đàn ông. Con thuộc hạng người nào?

– Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy xem con là người vợ đối với chồng như người vợ nữ tỳ.

(Trích Kinh Tăng Chi, Chương Bảy Pháp, Phẩm Không Tuyên Bố, bài Kinh Các Người Vợ)

Hôm trước Thầy giảng là *"vợ như sát nhân"* là cái này không được có nha, vậy là tiêu ông chồng. Thứ 2 là *"vợ như ăn trộm*" là không biết giữ gìn của cải trong gia đình là cũng không nên, không được luôn. *"Vợ như chủ nhân"* vợ như chủ coi chồng như ô sin là thôi rồi đó. Cho nên nếu mà được thì nên là *"vợ như mẹ - chị - bạn - nữ tỳ"* rất lo cho chồng. Đây là Phật dạy cho con dâu của ông Cấp Cô Độc trong KINH TĂNG CHI, CHƯƠNG BẢY PHÁP, PHẨM KHÔNG TUYÊN BỐ, BÀI KINH CÁC NGƯỜI VỢ.

Hôm nay Thầy giảng đến đại chúng bài "ĐẠO VỢ CHỒNG". Tóm tắt lại vài phút, đó là có duyên với nhau mới là vợ là chồng trong đời này. Mà duyên là có thuận duyên và nghịch duyên, nếu mà chướng duyên mà gặp nhau lấy nhau là cùng nắm tay nhau đi xuống, khổ hiện tại và khổ tương lai; còn thuận duyên lấy nhau mà sống thiện thì đi lên. Nói theo tinh thần Phật thì quý vị có 4 trường hợp sống chung: Người nam xấu sống chung với người nữ xấu, Người nam xấu sống chung với người nữ tốt, Người nam tốt sống chung với người nữ xấu, Người nam tốt sống chung với người nữ tốt. Dĩ nhiên tốt nhất là 2 người Thiên nam, Thiên nữ sống với nhau, tức là người chồng tốt, người vợ tốt.

Thứ hai, cái chính trong bài này là vợ chồng sống an lạc trong hiện tại, ngay cả gặp nhau đời sau, cũng như là nguyên tắc chọn vợ chọn chồng là cần có 4 điều: *đồng Tín – đồng Thí – đồng Giới – đồng Tuệ*, nếu đồng được 4 điều này thì gặp nhau được an lạc hạnh phúc. Qua bài này chúng ta cũng biết rằng chọn vợ chọn chồng, quý vị cũng phải chọn người cho xứng đáng. Mình sống nhiều kiếp lắm, không phải chỉ có kiếp này, ngoài chuyện vợ chồng ra mình còn nhiều cái để phải lo lắm, đời sống tâm linh, đời sống luân hồi. Thương ông bà, thương cha mẹ, thương vợ chồng, con rất thương, thương ai cũng rất thương hết, nhưng mà đừng bao giờ bỏ bê mình trong cuộc đời này, nhất là đắm trong cái bất thiện. Cho nên thương vợ cũng phải thương, thương chồng cũng phải thương, mà thương phải làm điều thiện. Còn giả dụ có những người mà vì thương vợ thương chồng mà gặp cái điều bất như ý gì đó mà chết, mà tự tử, bất thiện thì không nên nha. Cả đường sinh tử của mình dài phía trước, bây giờ mình nói người bên cạnh mình là vợ chồng mình chứ có thể kiếp trước là cha mẹ, anh chị em, đôi lúc cũng có thể là kẻ thù của mình. Cho nên là bây giờ có duyên gặp phải đối xử tốt nhất với người đó có thể, và chọn thì chọn thì là *đồng Tín – đồng Thí – đồng Giới – đồng Tuệ*. Một, là chính bản thân mình phải có những điều đó, có những trường hợp chướng duyên không đi được lâu dài với nhau rồi oán hận, thương nhau mà không đến được cũng khổ, như người xưa nói:

Trên trời nguyện làm chim liền cánh.
Dưới đất làm cây, nhánh liền cành
Trời đất lâu bền rồi cũng tận
Hận này muôn thuở vẫn miên miên
(Trường hận ca - Bạch Cư Dị)

Nên quý vị thấy là không có dễ đi với nhau bằng một cuộc đời hạnh phúc giữa vợ chồng đâu, nếu không có Phật Pháp và 4 điều này. Thầy mong rằng quý vị nghe cái bài này xong, quý vị lập gia đình rồi thì xét lại, cố gắng làm cho nó tròn trịa 4 điều này. Còn quý vị chưa có lập gia đình thì mình muốn tìm người xứng đáng, thì mình phải có những cái gì xứng đáng, để mình tìm cho mình một người lập gia đình xứng đáng. Xin cám ơn quý Phật tử!

(Buổi giảng ngày 05/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Trong kinh Phật nói ngư thế. Nào là người vợ, chồng?

2). Những loại vợ chồng sống với nhau?

3). Làm sao để là vợ chồng hạnh phúc theo lời Phật ở đời này và nhiều đời sau?

4). Bổn phận một người vợ, chồng gồm những gì?

5). Hiện tại nếu không hạnh phúc. Với vợ hoặc chồng chúng ta nên làm gì?

Bài 9: ĐẠO THẦY TRÒ

---

* ĐẠO LÝ THẦY TRÒ
* BA CHỖ KHÔNG QUÊN
* SỰ QUAN TRỌNG CỦA VỊ THẦY
* BỔN PHẬN CỦA NGƯỜI THẦY VÀ TRÒ
* VỊ THẦY CHE MẶT CHỈ ĐƯỜNG
* LỜI KẾT

Kính thưa Quý Phật tử, trong lớp Giáo Lý căn bản Khóa III này chúng ta sẽ học về 04 bài gồm: "Đạo Làm Bạn", "Đạo Vợ Chồng", "Đạo Làm Con" và "Đạo Thầy Trò". Chủ đề hôm nay Thầy gửi đến đại chúng là bài "Đạo Thầy Trò"

Đạo Thầy Trò - tức là bổn phận của người Thầy, cũng như là bổn phận của người Trò, bổn phận của người Cha, người Mẹ, người con, người làm bạn, của người vợ, người chồng. Quý vị học theo lời Phật dạy cũng như Thầy phân tích thêm cho quý vị biết bổn phận; nên càng học Phật Pháp thì mình ở vị trí nào nên mình làm tròn hoặc ít nhất là xuất sắc vị trí đó. Nhưng có nhiều người không hiểu Phật Pháp, khi học xong rồi bi quan, yếm thế, rồi chán đời; hồi giờ quý vị có thấy Thầy giảng cái gì cho quý vị bi quan, chán đời không? Các bài giảng yêu đời không thôi chứ không có gì chán

đời, cái gì sai mình sửa, cái gì thiếu thì mình bù. Tối hôm nay mình học bài 'Đạo Thầy Trò".

I. ĐẠO LÝ THẦY TRÒ

Kính thưa quý vị, ở Việt Nam mỗi năm có ngày 20-11 là Ngày Nhà Giáo Việt Nam, bắt nguồn vào năm 1946, Ngày Nhà Giáo này đầu tiên ở tại Pháp trước, rồi sau đó vào năm 1949 lần đầu có Hiến Chương Nhà Giáo gồm 15 điều tại Pháp. Ở Việt Nam, Ngày Nhà Giáo được tổ chức lần đầu tiên ở miền Bắc vào năm 1957, rồi từ năm 1982 thì được tổ chức rộng rãi Ngày Nhà Giáo Việt Nam. Theo tinh thần của ông bà ta rất tôn trọng người Thầy, nhất là chúng ta bị ảnh hưởng bởi Đạo Nho nên tôn kính người Thầy, "*Không Thầy đố mày làm nên*", quý vị có hay nghe câu đó không, rồi:

"Muốn sang thì bắc cầu Kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu lấy Thầy"

Tức là người Thầy rất là quan trọng, và trong thời xã hội phong kiến thì chia Quân- Sư- Phụ, nghĩa là đứng trong xã hội thì quan trọng nhất là Vua rồi đến Thầy, rồi đến Cha, người Thầy đứng trên người Cha, tại sao vậy quý vị? Người xưa nói thế này: "*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*" - Vua kêu thần chết mà thần không chết là thần không trung, "*Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu*" - cha mà kêu con chết mà con

không chết là bất hiếu. Tức là rất tôn kính Vua và tôn kính Cha, vậy mà tôn kính Sư hơn cả Cha, Quân- Sư rồi đến Phụ. Tại sao người Thầy lại quan trọng quý vị? Đây là vào thời xưa, chứ thời nay thì còn nhưng mà ít lắm. Thời xưa, để mà một người thành công, được thành đạt là phải học giỏi, phải đổi đời từ trong các cuộc thi, đậu cao nhất là Trạng Nguyên, rồi đến Thám Hoa, Bảng Nhãn, thi Hương, thi Hội, thi Đình. Mà ngày xưa học không như chúng ta học bây giờ mà cha mẹ cho con học là gửi con luôn cho người Thầy, đa phần là như vậy. Người con ở đó được học con chữ nơi Thầy, được Thầy dạy chữ nghĩa cho nhưng mà khi gần người Thầy, rồi học luôn cả cái đạo đức nơi người Thầy. Nên sau này người con lớn lên có thành đạt, có thành Trạng Nguyên đi nữa thì cũng phải trở về quê, đi trên ngựa người thỉnh người kiệu mà thấy Thầy ở quê thì phải xuống mà lễ, mà lạy Thầy. Người ta tôn trọng hình ảnh người Thầy là như vậy. Và ngày xưa người ta xếp trong xã hội là Sĩ- Nông- Công- Thương; thì Sĩ là người trí thức, người học trò, người có con chữ, thành đạt về mặt học thức; Nông là người làm nông; Công- Thương là thương gia buôn bán. Quý vị thấy người được đứng đầu tôn trọng trong xã hội là người có trí thức tại sao như vậy? Vì có con chữ anh mới đổi đời, một người mà thành đạt được Trạng Nguyên, Thám Hoa, Bảng Nhãn thì đời mình được thay đổi, gia đình mình thay đổi, làng xóm mình thay đổi, tỉnh xã của mình cũng thay đổi luôn nếu mà vị đó đậu càng cao. Quý vị thấy ngày xưa

đúng không? Cho nên người Thầy rất quan trọng vì "*không Thầy đó mày làm nên*" có Thầy mới dạy cho Trò từ con chữ đến đạo đức, hình ảnh người Thầy ngày xưa rất là đẹp đó quý vị, được tôn trọng, Trò được học từ con chữ đến đạo đức của người Thầy! Chúng ta nghe như vậy để hiểu ngày xưa tôn trọng người Thầy như thế nào. Đến ngày kỉ niệm Thầy, biết ơn Thầy thì ở nhà có con cá tặng Thầy con cá, có trái xoài tặng trái xoài, có bó rau tặng bó rau... nhưng đó là cả tấm lòng của người Cha người Mẹ biết ơn Thầy.

Người Thầy ở ngoài đời là như vậy, vậy nói trong Phật giáo thì sao? Trong Đạo Phật này thì Thầy thương Sư phụ của Thầy lắm, ai mà đã từng dạy dỗ Thầy là Thầy thương Thầy kính lắm. Dĩ nhiên là có nhiều vị Thầy dạy cho Thầy, trong đó có Thầy xuất gia cho Thầy, lo cho Thầy ăn học, tạo duyên cho Thầy, rồi có những vị Thầy dạy cho Thầy nửa năm, một năm hoặc là vài buổi vài học kỳ thôi, nhưng những vị mà Thầy có cơ hội học là trong lòng Thầy luôn mang ơn các vị Thầy đó. Tại sao vậy? Là nhờ Thầy dạy cho mình cái bài học đó dù là một buổi, vài buổi thôi, "Nhất tự vi Sư, bán tự vi Sư" người xưa nói vậy, một chữ cũng Thầy mà nửa chữ cũng Thầy, đó là ngoài đời huống chi trong Đạo. Cho nên trong quá trình học tu đó Thầy mang ơn rất nhiều vị Thầy, mà những người Thầy mình mang ơn, các Thầy đâu cần mình trả ơn, các Thầy chỉ muốn mình tu học cho giỏi rồi tiếp tục sự nghiệp hoằng Pháp

gieo duyên lành với nhiều người. Cái ước mong của người Thầy là như vậy.

Trong Đạo Pháp, Phật Pháp cái tình Thầy Trò nó đẹp lắm quý vị. Ở ngoài đời, như Thầy giảng bài ĐẠO LÀM CON, quý vị thấy ơn của Cha mẹ đối với mình là vô cùng lớn rồi đúng không? Quý vị nhớ như vầy, Cha mẹ cho mình cái thân tứ đại, nhưng rồi nếu mình không tu học thành công thì khi mình nhắm mắt mình tiếp tục trong luân hồi; nhưng mà một khi mà mình được một người Thầy hướng dẫn cho mình tới nơi tới chốn, nhờ Thầy mà mình giống như là được sinh ra một lần thứ hai, nhờ Thầy mà mình được khai sáng giới thân huệ mạng của mình, trí tuệ của mình, mà mình tu học cho thành công thì một lần đó quỳ dưới chân Thầy để mà mình chấm dứt cuộc trầm luân này, thì ân nghĩa này là muôn đời không quên đó quý vị. Ở đây mình không có nói là so sánh ơn Cha mẹ với Thầy nhưng mà quý vị thấy là Cha mẹ thì cho mình cái thân tứ đại nhưng đôi lúc "Cha mẹ sanh con Trời sanh tánh", Cha mẹ cũng có lúc thua, cảm thấy bất lực phải không? Không dạy con mình được, có những cái phải nhờ người Thầy. Cho nên trong Phật Pháp, người Thầy dạy dỗ hướng dẫn cho mình thành công, tu học phát triển thăng tiến và nhất là ngày mình đạt được ước nguyện thì sao? Thì xin thưa quý vị là mình chấm dứt cuộc trầm luân này, thì ân nghĩa đó đền đáp bao giờ mới hết? Cho nên Thầy thưa quý vị, trong đời của mình ai đó dạy cho mình con chữ, dạy cho mình cái nghề là mình mang ơn rồi, có duyên

đó là lòng tri ân, còn tuỳ duyên thì đáp đền ơn nghĩa trong khả năng của mình. Còn trong Phật Pháp, người Thầy dạy cho mình ở đây là những Vị mà quý vị có thể nương vào Quy y, hướng dẫn dạy dỗ cho mình tu học, làm Phước, Quy y Tam Bảo đưa về với Phật, thì đó là những Vị giúp cho mình sinh ra một lần nữa trong đời sống Tâm linh.

II. BA CHỖ KHÔNG QUÊN

Ở đây Thầy dẫn một bài Kinh trong Kinh Tăng Chi - Chương Ba Pháp - Phẩm Người Ngu - bài Kinh Ba Chỗ, Đức Phật có nói thế này:

–Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh được sanh ra; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ được làm lễ quán đảnh, đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh sau khi chiến thắng một

trận, tại chỗ vị ấy chiếm như là cầm đầu trong cuộc chiến thắng; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa; xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, Tỷ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, môt Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

(Trích Kinh Tăng Chi, Chương Ba Pháp, Phẩm Người Ngu, Bài Kinh Ba Chỗ)

Có 3 chỗ và 3 người mình không được quên:

- **Thứ nhất** nói theo người xuất gia thì **chỗ và Người làm lễ xuất gia cho mình thì mình không được quên**. Còn nói theo Phật tử là ngày mà quý vị quỳ dưới chân Đức Phật Quy y Tam Bảo, ngày đó là ngày quý vị một lần nữa được sinh ra trong đời sống Tâm linh, trên có Phật và Thầy Tổ, người hiểu Đạo là như vậy. Quý vị thấy là càng tu tập thì lòng biết ơn của quý vị càng lớn nha, quý vị tu học riết rồi mà thấy là "Trời ơi sao cũng vậy thôi!" là mình phải xét lại; càng tu học là quý vị nhìn đâu cũng thấy mình mang ơn. Mà hay lắm quý vị, khi mà mình thấy mang ơn rồi mình không đòi hỏi hay trách móc người đó nữa. Quý vị muốn không đòi hỏi nơi ai đó, không muốn trách móc nơi ai đó thì quý vị phải luôn thấy được cái ơn của người đó, khi thấy được cái ơn của người đó mình ít có đòi hỏi trách móc họ lắm. Đức Phật dạy là thứ nhất là người xuất gia cho mình, chỗ xuất gia là mình không quên, đó là vì nơi đưa mình vào Đạo, còn với quý Phật tử là ngày quý vị phát nguyện Quy y. Và khi Thầy Quy y cho Phật tử, Thầy hay hướng dẫn cho quý vị nói là "Hôm nay giống như là ngày sinh ra lần thứ 2 trong cuộc đời của con", nếu muốn quý vị có thể lấy ngày

Quy y làm ngày sinh nhật của mình cũng được, ngày đó là ngày quý vị trở về với Phật Pháp Tăng. Và Đức Phật chính là Thầy của quý vị, gần là Thầy đứng ra đại diện Quy y cho quý vị để quý vị có duyên lành trở về nương tựa nơi Tam Bảo thôi, chứ trước nhất và trên hết Đức Phật chính là Thầy của quý vị.

- Rồi cái **thứ hai mình không được quên** là **Người và chỗ mà mình được học Giáo lý Tứ Diệu Đế**, quý vị biết tại sao mà Phật dạy như vậy không? Tại vì khi quý vị được học Tứ Diệu Đế là khi con đường giác ngộ bắt đầu từ đó, quý vị nên nhớ. Còn quý vị có học cái gì đi chăng nữa mà không liên quan đến Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo thì quý vị chỉ có đi đâu; đi lên hoặc đi xuống hoặc đi tới đi lui thôi chứ chưa có cơ hội đi ra. Khi mà mình có cơ hội đi ra là khi mình được học Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, đó cũng có thể là bắt đầu và cũng có thể mình đã đi được một đoạn rồi thì chỗ đó là mình không quên nha. Và nếu quý vị phát nguyện học Tứ Diệu Đế tức là từ ngày quý vị hiểu Tứ Diệu Đế rồi thì tuỳ cái duyên lành mà phát nguyện của quý vị; ví dụ phát nguyện thành bậc A-la-hán mà không có Hạnh nào đặc biệt thì tu dưới 100,000 Đại kiếp.

Còn quý vị phát nguyện thành một bậc Thánh Đệ Nhất ví dụ như Đệ Nhất Thuyết Pháp, Đệ Nhất Đa Văn, Đệ Nhất Đầu Đà... hay Đệ Nhất gì đó thì quý vị phải tu 100,000 Đại kiếp thì mới đắc được; như **thời Đức Phật là có 75 vị Đệ Nhất**.

Còn quý vị muốn trở thành vị A-la-hán Thượng Thủ Thanh Văn; mỗi vị Phật chỉ có nhị vị Thượng Thủ Thanh Văn là cánh tay trái, cánh tay phải của Ngài như Thầy Xá-lợi-phất (Sāriputta) và Thầy Mục-kiền-liên (Moggallāna) thì thời gian là 1 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp.

Còn quý vị muốn thành Phật Độc Giác là 2 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp.

Còn quý vị muốn thành Phật Chánh Đẳng Giác nghiêng về trí tuệ là 20 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp; về đức tin là 40 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp, và nghiêng về tinh tấn là 80 A-tăng-kỳ 100,000 Đại kiếp, khủng khiếp không quý vị?

Từ ngày quý vị giác ngộ chân lý Tứ Diệu Đế rồi thì tuỳ quý vị phát nguyện về vị Thánh nào thì quý vị đi thời gian dài tới đâu, chứ không phải mình nguyện đắc một cái là đắc sớm đâu, phải đủ duyên, phải đủ thời gian. Ví như trồng cây ớt phải mấy tháng, cây sầu riêng mấy tháng, cây xoài mấy tháng... đâu có chuyện hôm nay trồng cây xoài ngày mai có xoài ăn được, dù quý vị có cố gắng hết sức cũng không thể có trái xoài ngày mai được phải không? Phải có ngày có giờ hết, thì phải tùy quả vị mà mình nguyện và còn phải có nhiều công hạnh, nhiều cái duyên lắm, trong đó về vấn đề thời gian nguyện về quả Thánh đó thì phải tu chừng đó thời gian.

- **Thứ ba** có một **chỗ và Người** là người **dạy và giúp cho mình chứng Thánh mình không được quên**. Lúc nãy là người giúp cho mình học Tứ Diệu

Đế, còn đây là người giúp mình chứng Thánh, tức là người giúp cho mình hiểu đến đỉnh cao nhất, rốt ráo của Tứ Diệu Đế giúp mình làm Thánh.

Thì đây là 3 chỗ mình không được quên, thì quý vị thấy là phải có vị Thầy phải không? Phải có vị Thầy, nhớ dùm Thầy; cho nên đối với Phật Pháp, cái tình Thầy Trò thiêng liêng lắm. Và mình nói về Đức Phật một chút, trước mắt và trên hết Đức Phật là Thầy của mình. Thầy hay thưa với Đức Phật: "Kính lạy Đức Thế Tôn, Thầy của con, Cha của con, Người con kính, Người con tin, Người con thương nhất cuộc đời này!"

Thương Phật nhất, kính Phật nhất, là người Thầy của mình, người Thầy kính, Người Thầy tin, Người Thầy thương nhất cuộc đời này, nhưng mà Thầy hỏi quý vị, Đức Phật của mình có Thầy dạy không - có không ạ? Nếu ai hỏi quý vị Đức Phật có Thầy dạy không, thì thưa quý vị, quý vị trả lời là "Không". Còn nếu hỏi Thái tử Tất-đạt-đa (Siddhārtha Gautama) có Thầy dạy không, thì nói là "Có" nhé. Trong KINH MI TIÊN VẤN ĐÁP (Milindapañha) có dạy:

"Đại đức Na-tiên đáp - Chỉ một hiểu lầm nhỏ thôi mà sinh ra vậy. Nghĩa là sau khi thành Phật rồi, Đức Thế Tôn không có ai là thầy; nhưng khi còn là Bồ Tát, chưa thành Phật, Ngài vẫn có nhiều vị thầy chứ, tâu đại vương!

- À ra thế! Chỉ đơn giản vậy thôi - Trẫm hiểu rồi.

- Cuộc đời Đức Tôn Sư từ nhỏ đến khi thành đạo, Ngài có năm vị thầy tất cả, tâu đại vương!

- Xin Đại Đức hãy kể cho trẫm nghe.

- Vâng, khi Ngài vừa đản sanh, tám vị thầy bà-la-môn đến làm lễ phúc chúc rồi đoán tướng cho Ngài, đó là những vị thầy đầu tiên. Đến khi tuổi vừa đi học, người bà-la-môn thông thái tên là Sabba Nimitta dạy cho Ngài ba bộ kinh Phệ-đà cùng những môn học khác, đó là vị thầy thứ hai. Khi Bồ tát dạo chơi bốn cửa thành, chư thiên hiện hình làm người già, bệnh, chết và vị sa môn trong phẩm mạo xuất gia cao thượng, đó là những vị thầy thứ ba. Đạo sĩ Alàrà thuộc dòng Kàlàma hướng dẫn Bồ tát đắc thiền vô sở hữu là vị thầy thứ tư. Và cuối cùng, đạo sĩ Uddaka con dòng Ràma hướng dẫn Bồ tát thiền chứng phi phi tưởng là vị thầy thứ năm!

Tâu đại vương, Năm vị thầy ấy thuộc về thế gian. Dầu hai đạo sĩ sau cùng dạy Bồ tát chứng đắc thiền định cõi vô sắc giới thì cũng còn nằm trong tam giới. Còn pháp siêu thế, xuất thế gian là tự Đức Thế Tôn chứng nghiệm, tìm ra, quả thật không có ai là thầy Ngài cả. Đại vương đã tỏ tường chưa?

- Vâng! Trẫm đã tỏ tường!"

(Trích Kinh Mi Tiên Vấn Đáp, 118. Ai là Thầy của Đức Thế Tôn)

Nếu hỏi Thái tử Tất-đạt-đa (tức là lúc Ngài chưa thành Phật) thì có 5 vị Thầy. Khi Thái tử đản sanh Đức Vua cho mời 8 vị Thầy xem tướng, trong đó thì 7 vị đưa lên hai ngón tay nói là một là Ngài sẽ xuất gia để

thành Phật, hai là ở ngoài đời để làm Chuyển Luân Vương, một trong hai đường. Có 1 vị đưa một ngón tay – 1 con đường thôi, đó chính là Ngài Kiều Trần Như (Annà Kondanna) sau đó là đệ tử của Phật. Tại sao Ngài Kiều Trần Như nương vào tướng nào mà nói Ngài sẽ chọn con đường xuất gia? Là vì Ngài thấy dưới lòng bàn chân của Thái tử có bánh xe ngàn căm, cái tướng này kết hợp cùng các tướng khác thì biết là Thái tử Tất-đạt-đa đi theo con đường xuất gia thành Phật thôi. Thái tử Tất-đạt-đa có Thầy xem tướng, Thầy dạy Văn, Thầy dạy Võ, rồi khi Ngài đi tu tập thì có Thầy dạy Ngài chứng Thiền Không Vô biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ là những tầng Thiền cao nhất, là Ngài Àlàra Kàlàma và Ngài Uddaka Ràmaputta.

Vậy không ai dạy cho Phật, Phật tự giác ngộ? Dạ phải, Phật tự giác ngộ thì Ngài mới được xưng tôn là Phật Chánh Đẳng Giác, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Quý vị nhớ lại bài cũ không, hay là "chữ Thầy con trả cho Thầy" rồi! Vậy là Đức Phật không có Thầy, con đường mà Ngài tìm ra Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế là con đường mà Ngài không Thầy tự ngộ và ngộ rồi Ngài dạy lại được con đường. Còn đệ tử của Đức Phật như Thầy Xá-lợi-phất (Sāriputta), Mục-kiền-liên (Moggallāna)... các Thầy phải nương vào Pháp Phật, vào Đức Phật hoặc một vị Đệ tử của Đức Phật mới ngộ.

Cho nên có thể nói có 2 trường hợp không Thầy mà ngộ, mà đắc Thánh thôi quý vị nha:

1. Đức Phật Chánh Đẳng Giác

2. Vị Phật Độc Giác.

Phật Độc Giác thì trong thời kỳ không có giáo Pháp có duyên lành vị đó đắc. Còn mình thì sao? Còn mình thì lo mà học chứ sao nữa, Thầy nghe mà "Con không học, con tự tu được rồi!", Thầy nói thật Thầy nghe là 99,9% hồi hộp, còn 0,1% là hơi hồi hộp chứ không phải vui đâu quý vị. Không học lấy gì mà tu, đây là lớp Giáo lý cơ bản, quý vị có muốn tu chuyên sâu, hành Thiền thì vô các Khoá Thiền, còn Thầy tặng cho quý vị Giáo lý cơ bản như tấm bản đồ. Khi mà có bản đồ rồi, quý vị đi tới đâu là biết mình đang học ở chỗ nào.

Lâu lâu Thầy có nghe quý vị nói thế này "Thầy, con có một cái bí mật, Phật dạy điều này bí mật lắm!" Bí mật thì làm sao quý vị biết, Thầy cũng nói vui vui "Thôi quý vị nói với ai đi, nói Thầy bí mật làm gì!" Phật dạy không có cái gì bí mật hết, Đức Phật không có giấu cái gì hết mà Ngài thuyết Pháp với bàn tay rộng mở, quý vị nhớ chưa? Hôm nay học Giáo lý rồi, Thầy xin đính chính thông báo cho quý vị Phật không có dạy cái gì bí mật giống như nắm kín, mà Ngài dạy như một vị Đạo Sư dạy với bàn tay rộng mở, tức là không giấu gì cả, không có cái gì mà Phật huyền ký, Phật không có

cái gì bí mật dạy cho riêng ai cả. Ngài A-nan (Ānanda) là thị giả của Phật, Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta), Mục-kiền-liên (Moggallāna) là những người thân cận với Phật, không có huyền ký gì hết, bí mật gì hết, vấn đề là tùy duyên Phật nói trước đối tượng đó nhớ dùm Thầy nha, Phật không dạy bí mật gì cả. Vấn đề là ở chỗ nào? Vấn đề là trí tuệ của mình đến đâu để hiểu bài Kinh đó. Học đi quý vị thấy, đến bây giờ thì quý vị so lại với 2 tháng trước khi học Khóa I là cũng thay đổi lắm rồi đó. Soi gương thấy khác cái Tâm chứ không phải khác cái mặt đâu, dĩ nhiên tu nó cũng sửa cái tướng đó, nhưng mà mình sửa trong Tâm nó hiện ra cái Tướng chứ không phải mình cứ đi sửa cái tướng nha. Tu tập là sửa trong Tâm, tự nhiên bên ngoài nó sửa theo, dĩ nhiên là bên ngoài mình vẫn giữ những cái tướng, còn không quý vị cứ lo cái tướng mà không lo cái Tâm là nó không đúng gốc nội dung.

Thầy xin nói lại, Đức Phật không giấu gì cả, Ngài thuyết Pháp như đi thoai thoải xuống bãi biển, tuỳ căn cơ của mình tới đâu, tuỳ duyên lành của mình tới đâu, tuỳ Ba-la-mật của mình tới đâu, cái duyên lành của mình gặp Thầy lành bạn tốt, Trí Văn - hành trang mình có bao nhiêu mà mình hiểu bài Pháp đó đến bao nhiêu. Đó, nó lạ vậy đó quý vị! Có những cái mà Thầy dạy chừng này thôi, cũng chừng này câu nhưng mà người hiểu cạn, người hiểu sâu, đó là lí do ở đâu? Lí do là quý vị đã có sẵn Pháp trong lòng rồi, cho nên quý vị nghe thêm nữa quý vị thấm, còn người kia chưa có nghe thì

thấm được một chút, một phần nữa là quý vị có duyên lành nhiều kiếp nơi Phật Pháp rồi nên nghe là quý vị thấm, thấm một cách tự nhiên vậy đó. Còn bây giờ mình mà mới quá, như "nước đổ lá khoai" ướt một chút rồi nó hết, cái này gọi là "nghe Pháp gieo duyên" thôi, mà cũng không sao, phải có những giai đoạn như vậy. Thầy thuyết Pháp giống như vậy nè quý vị:

Mưa xuân nhẹ hạt đất tâm ướt
Hạt đậu năm xưa hé miệng cười

(Trích thơ Thiền Sư Nhất Hạnh)

Tức là lời Pháp của Thầy giống như một cơn mưa xuống và trong lòng quý vị những chủng tử lành ngày xưa mà có là nó được hé miệng, được nở hoa. Hôm trước Thầy có kể câu chuyện của cô Kāḷī Kuraraghārikā quý vị nhớ không, cô chỉ nghe một lời kính lễ Tam Bảo trong một buổi sáng sớm mà không thấy người nói, vì do 2 vị Đại Lực Quỷ Vương nói mà cô ấy giác ngộ, quý vị thấy khủng khiếp niềm tin đến cỡ nào. Thầy cũng thưa với quý vị, mình đối với Đức Phật là mình thương, mình kính, mình quý Ngài như là người Thầy, người Cha của mình. Thời Đức Phật người ta lúc đó tôn kính Đức Phật như vầy, trong nhà của quý Phật tử họ để một chỗ trang trọng nhất, người ta tôn thờ dành cho Đức Phật. Nói tới chỗ này cảm động lắm quý vị, dù họ biết rằng có thể cả một đời của họ không đủ phước đủ duyên để Đức Phật ghé ngang một lần; nhưng trong nhà luôn có một chỗ trang trọng như vậy, để làm

chi? Để mà "biết đâu Phật sẽ ghé", không biết khi nào Phật ghé và có ghé hay không. Lúc đó chưa thờ tượng Phật đâu, thờ tượng Phật là về sau này, khi đó Đức Phật dạy cho Ngài Mục-kiền-liên (Moggallāna) thỉnh hạt Bồ đề nơi Phật giác ngộ, Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi), Visākhā, Cấp Cô Độc (Anàthapindika), Thầy A-nan (Ānanda) các vị trồng cây Bồ Đề đó và thấy hình ảnh của cây Bồ đề đó là biểu tượng của sự giác ngộ, giống như thấy Đức Phật, sau này người ta thấy cây Bồ đề như hình ảnh của Đức Phật. Ngày xưa người ta tôn kính Phật như vậy, thời Chánh Pháp là như vậy quý vị, người ta có thể "bỏ mạng chứ không bỏ Đạo", và người ta "bỏ gạo chứ không bỏ Đạo" đâu.

III. SỰ QUAN TRỌNG CỦA VỊ THẦY

Bây giờ Thầy nói qua sự quan trọng của người Thầy, người Thầy trong Phật Pháp rất quan trọng. "*Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà học*", "chọn nơi" ở đây có thể hiểu là chọn Thầy, chọn môi trường, ở đây quý vị nhớ dùm Thầy và để ý đi, quý vị mà nghe Pháp của một Thầy nào nhiều, dĩ nhiên mình nghe nhiều Thầy nhưng mình nghe Thầy nào nhiều, rồi từ từ phong cách ăn nói của mình cũng ảnh hưởng bởi Thầy đó, quý vị xem thử phải không? Có mấy lần Phật tử gọi điện cho Thầy nói "Thầy biết không nãy giờ con nói toàn là con học của Thầy không đó Thầy, giờ con múa rìu qua mắt thợ cho Thầy xem!", Thầy nói sao cái này quen

quen, hóa ra là Thầy nói thì họ học thuộc, dễ thương vậy đó. Ở đây Thầy muốn nói quý vị mà tiếp xúc với vị Thầy nào nhiều quý vị cũng ảnh hưởng lắm; ảnh hưởng tư tưởng, cách nói, đạo đức, suy nghĩ của Thầy đó. Cho nên rất quan trọng cái chỗ chọn Thầy nha quý vị, người xưa nói:

Một đêm trí thức chuyện trò
Còn hơn mất sức lần mò mười năm

Mình chọn sai Thầy, đặc biệt ở đây mà gặp vị Tà kiến là rồi "ta đau khổ vì theo đuổi những thứ sai lầm"; nên quý vị nhớ dùm Thầy bây giờ mình không biết vị đó thế nào, mình cứ nương vô Kinh. Còn quý vị nói tìm Thánh Tăng khó quá, mà giờ thấy Thánh Tăng quý vị cũng không biết đúng không? Làm sao quý vị biết ai là Thánh Tăng; vì vậy Thầy khuyến khích quý vị nên tìm vị Thầy dạy dỗ làm sao có liên quan đến Kinh Điển cho quý vị học. Tìm vị Thầy rất quan trọng! Mà có thể nói quý vị tìm được người Thầy hướng dẫn đúng cho mình, con đường quý vị đi sẽ hướng lên. Khi mình nương học cái gì, trước nhất xem vị đó dạy cái gì, rồi xem đời sống của vị đó có đúng theo Kinh Điển hay không, vì mình đang nương nơi lời Phật mà. Gần như là một công thức trong Kinh Phật có dạy, bao giờ cũng vậy đầu tiên là quý vị phải GẦN GŨI BẬC CHÂN NHÂN - tức là gần Thầy lành bạn tốt. Sau khi gần Thầy lành bạn tốt là bước gì? - Nghe Pháp! Gần gũi rồi mới nghe Pháp, nghe Pháp rồi mình mới có niềm tin đúng không ạ? Tự

nhiên ở đâu mà quý vị có niềm tin ở Tam Bảo được, tin vào Nghiệp và Quả được, tin vào Tam Tướng được phải không? Quý vị phải gần Thầy lành bạn tốt, nghe Pháp, rồi có niềm tin. Khi có niềm tin rồi mình mới sống có như lý tác ý. Nguyên công thức này Thầy sẽ dạy trong bài NĂM TRIỀN CÁI, tức là nếu mình làm đúng cái này thì đó là thức ăn của giải thoát, còn không đúng đó là thức ăn của Vô minh. Vậy đầu tiên là mình phải bậc chân nhân (Thầy lành bạn tốt) → nghe Pháp → có niềm tin→ có như lý tác ý (tác ý những điều đúng) → đời sống có Chánh niệm → Thân Khẩu Ý làm điều lành → con đường giác ngộ.

Bao giờ cũng thế, bao giờ cũng vậy, đầu tiên phải gần Thầy lành bạn tốt, "Thầy lành" ở đây là quý vị xem có dạy cho mình Phật Pháp không. Tình Thầy Trò thiêng liêng lắm quý vị, trong đời này kết nối Phật Pháp chứ là gì, qua Phật Pháp cái đó mới đẹp. Sau này quý vị có gần Thầy hay không gần Thầy, giả dụ quý vị có duyên với một vị Thầy nào đó dạy cho quý vị thì cái đó là một cái ơn gì đó mà mình mang ở trong lòng, dĩ nhiên trên thì có Phật mà bây giờ Phật đâu nói trực tiếp cho mình nữa, Phật chỉ để lại những bản Kinh. Chính là nhờ vị Thầy hướng dẫn những bản Kinh cho quý vị, dạy dỗ cho quý vị, mình nhớ mang ơn. Mình gần Chùa nào, có duyên với Thầy nào đã dạy cho mình cái gì đó khắc cốt ghi tâm để mang ơn trong lòng.

Trong Phật Pháp có 3 trường hợp không được quên và trong Đạo Phật Thầy dạy cho trò không như một số ngoài đời, ví dụ như dạy 10 phần còn giữ lại chút xíu phải không, sợ lỡ mà người đó phản Thầy phải không? Còn trong Phật Pháp thì không, trong Phật Pháp khi người Thầy dạy cho học trò, là muốn học trò giỏi hơn Thầy. Thầy nói ví dụ Thầy là 100 phần, Thầy dạy cho đệ tử Thầy 90 phần Thầy thôi, rồi đệ tử Thầy có đệ tử nữa thì xuống còn 80, càng ngày càng xuống hết rồi; cho nên trong Phật Pháp là luôn muốn học trò hơn mình. Sẵn đây Thầy xin thưa quý vị, Thầy có tâm nguyện gieo duyên lành để Phật Pháp phát triển thì Thầy có nhận đệ tử, quý vị muốn gửi các cháu nam nhỏ có thể tự sinh hoạt muốn xuất gia thì về đây Thầy dạy cho ăn học từ đời đến đạo; sau đó tùy duyên hoằng pháp lợi sanh ở nơi khác cũng được. Một người tu học thành công là lợi ích cho nhiều người lắm, tu thành công cũng lợi ích, mà học thành công cũng lợi ích, mà trong Phật Pháp quý vị thấy tình Thầy trò đẹp ở chỗ đó. Nên quý vị ở tỉnh thành có cái duyên gì đó mà trợ duyên cho quý Thầy cô đi học là đẹp lắm, quý lắm.

Trong Kinh Tương Ưng Giới, Phẩm Sai Biệt – Phần Ngoại Giới, Đức Phật dạy:

- *Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Sāriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?*

- *Thưa có, bạch Thế Tôn.*

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại trí tuệ.

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Moggallāna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại thần thông.

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh đầu đà.

-Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-Thưa có, bạch Thế Tôn.

-Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc có thiên nhãn.

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Puñña Mantāniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc thuyết pháp.

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Upāli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc trì luật.

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ānanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đa văn.

- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.

- Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

- Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với

nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

- Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

- Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

(*Trích Kinh Tương Ưng Bộ II, Chương III: Tương Ưng Giới, Bài Kinh NGHIỆP*)

Đó, nói cái này quý vị thấy chuyện gì? Do cái khuynh hướng tâm lý, quý vị tu rồi nhưng có người thích thần thông, có người thích nghiêng về trí tuệ như Thầy Xá-lợi-phất, có người thích nghiêng về thuyết Pháp như Thầy Phú-lâu-na, có người thích về hạnh đầu đà như Ngài Ca-diếp, có người thích đa văn như Thầy A-nan, có người thích Thiên nhãn như Thầy A-na-luật... có phải không? Cũng là tu hết, mục đích là giác ngộ nhưng mà có khuynh hướng nghiêng về cái đó. Và cũng vậy đó, quý vị mà thích học Pháp là thích tìm các vị giảng Sư giảng Pháp, còn thích nghi lễ là quý vị ít

chịu nghe Pháp lắm, quý vị tìm Thầy nghi lễ, phải không ạ? Quý vị nào thích hành Thiền tìm Thầy hành Thiền, như vậy đó. Cho nên cùng với nhau, cộng nghiệp với nhau về cái mảng nào thì sẽ đi tìm vị Thầy nghiêng về mảng đó. Nhưng mà không sao, miễn là cái duyên lành của mình, Thầy nhắc lại cái mấu chốt ban đầu, bao giờ cũng thế, bao giờ cũng vậy, nói theo Kinh là PHẢI GẦN BẬC CHÂN NHÂN, tức là Thầy lành bạn tốt→ nghe Pháp→ có niềm tin→ như lý tác ý→ đời sống Chánh niệm→ Thân Khẩu Ý thiện lành, từ đó mình mới phòng hộ các căn và mới giác ngộ được. Đó là con đường và như là công thức quý vị nhớ dùm Thầy.

Trong Phật Pháp có những trường hợp mình phải né, tu Pháp "né", thứ 6 này Thầy sẽ giảng trong bài BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO, đây là một bài Pháp đối với Thầy, Thầy cho là rất quan trọng. Tại vì sao? Đó là cách để cho quý vị cách để chuyển hoá những khổ đau. Khi đụng chuyện, dĩ nhiên là có nhiều cách nhưng trong bài Kinh đó Đức Phật dạy có 7 cách để mình chuyển hóa, cách này không được ta tìm cách khác chứ không dại gì cách này không được thì ta thua phải không? Nhẫn không được thì ta tìm cách khác, còn lâu nay mình nhẫn không được thì mình nhịn, nhịn để bữa nào "đục" lại, chứ không phải nhịn để bỏ qua. Nhưng Đức Phật dạy nhẫn không được là phải tìm cách khác. Thầy nói giả dụ gặp người đó giận quá, thay vì nhẫn mà mình không nhẫn được, thì tu cách khác, một trong những cách đây: Né ra thôi. Thay vì đối diện

mình nhẫn, giận, thì giận làm gì, né ra đừng gặp, có nhiều chuyện nó hay vậy đó quý vị, chỉ cần né là hết khổ. Ví dụ: "Thầy giảng Pháp 7 giờ, giờ này giờ "linh" lắm luôn đó Thầy. Đi làm về lật đật, đôi lúc tăng ca là không nghe được, công việc chưa xong, gia đình con cái đủ thứ hết, giờ này con chưa ăn nữa, bây giờ ngồi nghe Pháp mà bụng cồn cào. Có những cái hay lắm quý vị, ăn là nó hết phiền não liền, quý vị đang đói, buồn bực, ăn vô là đỡ coi thử phải không? Hoặc đang khi trúng gió, đang mệt, bệnh trong người, có những cái uống ly nước ấm vô là nó hết mệt, hết bệnh, hết phiền não, quý vị thấy hay không? Cuộc sống này có nhiều cái như vậy!''. Thầy sẽ dạy cho quý vị 7 cách để khi gặp phiền não mình chuyển hoá vào buổi học kế tiếp.

Thì ở đây liên quan đến bài giảng của mình là gì? Có những lúc quý vị phải tu Pháp né dùm Thầy nha, đó là né trường hợp: Thầy không lành, Bạn không tốt. Có một câu chuyện thế này quý vị:

"Có vị đó nghe về đức hạnh của vị Thầy này, bà cụ có đứa con lớn mà hư, bà mới dẫn đến gặp Thầy, bà nói:

- Thầy cho con của con một lời khuyên, con ở xa lắm Thầy. Con của con lớn, có vợ con mà mê chơi cây kiểng lắm, mê quá mê mà bỏ vợ con, bỏ làm ăn luôn. Xin Thầy cho con của con lời khuyên!

Thầy suy nghĩ trầm ngâm, Thầy nói:

- Thôi bà về đi, 3 tháng sau bà dẫn con tới đây!

Đường sá xa xôi bà dẫn con về đợi từng ngày để nghe lời khuyên của Thầy. Đúng hẹn 3 tháng sau bà dẫn con lên:

- Xin Thầy, 3 tháng trước Thầy có dặn 3 tháng sau, bây giờ con dẫn con của con lên xin Thầy cho nó một lời khuyên.

Thầy mới khuyên thế này:

- Con ơi con lớn rồi, con chơi cây kiểng chừng mực nào thôi, còn lo công việc gia đình vợ con nữa nghe con. Đừng ham mê chơi cây kiểng quá! Hết.

Sau khi Thầy khuyên xong, bà này hầm hầm, bà nói:

- Ủa có chừng đó thôi hả Thầy?

- Dạ đúng rồi, Thầy khuyên chừng đó.

- Ủa sao kì vậy, có chừng đó sao 3 tháng trước Thầy không khuyên luôn đi. Để con dẫn con, đường xá xa xôi, 3 tháng con chờ đợi từng ngày. Mà có chừng này sao 3 tháng trước Thầy không nói dùm con đi.

Thầy mới nhìn bà, Thầy nói:

- Bà cũng thông cảm cho Thầy, 3 tháng trước Thầy cũng còn ham chơi cây kiểng!"

Quý vị hiểu không ạ? "3 tháng trước Thầy cũng còn ham chơi cây kiểng" thì làm sao Thầy khuyên nó bỏ cây kiểng được? Bây giờ vị Thầy bỏ bớt ham chơi cây kiểng thì nói nó khác. Ý ở đây là muốn nói "Thân giáo", đó là vị Thầy dạy từ Thân giáo, "Thân giáo" tức là cái hành động, bước đi, lời nói, dáng ngồi... của Thầy dạy cho mình bài học. Ví dụ như mình đi là đi như "ma đuổi", mình thấy Thầy đi nhẹ nhàng là tự nhiên mình hết chạy nhảy. Mình có thói quen nói là không cho ai nói, mà trong khi mình đang xin người khác đóng góp ý kiến nha - cái này Thầy hay thấy lắm, mình nói từ đầu tới đuôi, Thầy biết nhiều lúc quý vị không cố ý đâu. Mà quý vị để ý, trong đời sống thường có những cái mình phải học từ những cái tế nhị, giống như ai mà nói là Thầy tập im, nghe người đó nói, còn Thầy nói là quý vị tập im, để có một người nói. Trừ trường hợp nếu Thầy mà im là không được vì vị này nói nhiều không có lối ra, thì Thầy mới khéo dừng lại để đi vào mấu chốt câu chuyện. Ở đây, hình ảnh vị Thầy đó dạy cho mình bài học Thầy dạy từ đời sống của Thầy và dạy qua lời nói.

Từ đây quý vị rút ra một bài học dùm Thầy, học về Phật Pháp khi gặp một vị Thầy:

- Nếu quý vị gặp một vị Thầy mà nói hay, thì quý vị học cái đó đừng để ý đến đời sống của Thầy. Tức là có những vị Thầy mình chỉ học qua lỗ tai thôi, không học qua con mắt, là sao ạ? Thầy dạy rất hay, dạy cho

mình nhiều điều đẹp, những đời sống không dễ thương, mình học qua lỗ tai, đừng học qua con mắt.

- Có những vị Thầy, mình học qua con mắt thôi, đừng học qua lỗ tai, có những vị Thầy đời sống dễ thương lắm, đi đứng nằm ngồi hay lắm, nhưng đôi lúc Thầy nói chuyện không khéo làm mình giận, ví dụ như vậy thì mình học qua con mắt đừng học qua lỗ tai. Thấy cuộc đời mình nó đẹp liền không?

- Mà có những vị Thầy, mình vừa học qua con mắt vừa qua lỗ tai, quá đẹp luôn phải không quý vị? Đời sống Thầy dễ thương, lời nói Thầy dễ thương, mình học qua cả hai luôn.

- Còn giả dụ như có những vị đời sống không dễ thương, mà lời nói không dễ thương luôn thì sao ạ? "Con không học qua lỗ tai, con cũng không học qua con mắt, thì thôi con với Thầy không có duyên!" đơn giản vậy thôi.

Có những trường hợp Thầy cũng xin thưa quý vị, đừng bao giờ như vậy nha, cái này Thầy xin nhắc lại ngoài đời ông bà ta nói "lừa Thầy phản bạn". Khi mà ai đó nói câu đó thì mình biết là người đó bỏ đi phải không? Thầy mà còn lừa, bạn mà còn lừa, người đó mình không biết thì thôi chứ mình biết người này từng như vậy, mình sợ lắm phải không? Cho nên trong Phật Pháp cũng vậy, Thầy xin nhắc lại, vị nào dạy cho mình được mình xin khắc cốt ghi tâm, còn không có duyên

thì thôi. Vào thời Phật đó quý vị, có Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) xuất gia nơi Phật, tu tập đắc Thiền, đắc Thần thông nhưng mà khi oán kết với Phật thì thuê sát thủ hại Phật, thả voi say hại Phật, lăn đá hại Phật, đòi lãnh đạo Tăng đoàn, phản Phật hại Phật. Và có một số vị Tỳ kheo ban đầu không hiểu rõ vấn đề cũng đi theo Thầy Đề-bà-đạt-đa (Devadatta). Cho nên Thầy nói là Phật tử nha, có duyên học với vị Thầy nào, không có duyên thì thôi, tuyệt nhiên đừng bao giờ nói xấu Thầy của mình. Quý Phật tử ở đây, có người học với Thầy 10 năm, chưa bao giờ nghe Thầy nửa chữ nói xấu một vị Thầy nào, chứ đừng nói là nói xấu Thầy của mình. Không phải mình không biết, nhưng nói để làm gì trong khi cái thiện nhiều quá chừng mình không nói mà lại nói cái xấu. Một khi đã nói là gì? Mình phải nói tế nhị, nói khéo và nói phải giúp giải quyết được vấn đề, đó là cái đức của mình đó quý vị hiểu không? "Con xin nhớ ơn của Thầy, còn thôi con với Thầy không có duyên, Thầy đi đường Thầy, con đi đường con, tình nghĩa Thầy Trò chỉ thế thôi!" Đó là mình tu tâm Xả phải không? Bữa nào mình học bài TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, có những trường hợp mình tu tâm Từ, trường hợp mình tu tâm Bi, trường hợp mình tu tâm Hỷ và có trường hợp mình tu tâm Xả. Từ-Bi-Hỷ-Xả mình thực tập trong đời sống hằng ngày.

Cho nên người Thầy trong Đạo rất thiêng liêng, tình Thầy cũng rất thiêng liêng. Thầy nhớ có một lần, cách đây 5-6 năm trước nhân ngày 20-11, Thầy có nghe

một vị Thầy ngâm thơ hay lắm, đại ý nội dung là ca ngợi người Thầy thầm lặng và cảm xúc Thầy làm một đoạn thơ này:

Ông lái đò thầm lặng,
Vẫn ngày ngày chở khách qua sông
Người qua đò ai còn nhớ đến ông
Hay tất bật bôn ba theo dòng tục
Dù cuộc đời có trắng đen, trong đục
Từng dòng người vẫn tấp nập đi qua
Người vui buồn, người hạnh phúc xót xa
Ông vẫn thế vẫn một đời lặng lẽ
Chuyến đò nào đã bao lần như thế
Tiễn ai về nơi tịnh lạc an vui,
Rồi đưa người giữa dòng tục ngược xuôi
Cập bến đỗ của yêu thương hỷ xả
Ông lái đò ơi, giữa muôn trùng vất vả
Có bao giờ ông cảm thấy đơn côi
Và về đâu trong những lúc xa xôi
Ngọn sóng dữ vẫn dập dờn phía trước
Ông lái đò ơi có khi nào lùi bước?
Trước ba đào vẫn đâu đó quanh đây
Hay vì nguyện xưa ông đến chốn này
Chỉ xin được góp bàn tay thầm lặng
Chắp tay tôi khấn ơn đời
Chở che cho tấm thân gầy của ông!
Ông lái đò ơi, giữa muôn trùng vất vả
Có bao giờ ông cảm thấy đơn côi
Và về đâu trong những lúc xa xôi

Đó là bài thơ Thầy nghĩ về những vị Thầy của Thầy, Thầy làm bài thơ. Trong quá trình tu học, quý vị ở ngoài đời phải có Thầy huống chi trong Đạo, trong quá trình học Pháp và hành Thiền giống như quý vị bắt rắn vậy. Trong Kinh Người Bắt Rắn (hay Kinh Ví Dụ Con Rắn, trong Kinh Trung Bộ - Alagaddùpama Sutta) Đức Phật có nói đó, bắt rắn không đúng con rắn nó quay lại nó cắn mình nha. Học Phật Pháp mà học không đúng là nguy hiểm lắm, hành Thiền mà không đúng như "Thầy ơi con hành Thiền mà càng ngày con càng ngộp thở", "Con ngồi Thiền sao con không ngủ được luôn", Con ngồi Thiền sao con càng ngày càng nóng giận"... Phật đâu có dạy vậy, do mình hành sai. Cho nên là tu phải có Thầy, nhớ là "ăn cơm có canh, tu hành có bạn", chứ không là mình dễ bị lạc lắm.

IV. BỔN PHẬN CỦA NGƯỜI THẦY VÀ TRÒ

Bây giờ Thầy mời quý Phật tử cùng với Thầy học bài KINH TRƯỜNG BỘ, KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT (SINGÀLOVÀDA SUTTA) nói về Đạo của người làm Thầy và Đạo của người làm Trò. Trong bài Kinh này Phật dạy: đối với thế gian, người Thầy đối với Trò có 5 điều và Trò đối với Thầy có 5 điều; và ở trong Đạo Pháp người Thầy đối với Trò cũng có 5 điều và Trò đối với Thầy có 5 điều. Thầy nói ở thế gian trước:

"Này Gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam: Đứng dậy để chào; hầu hạ thầy; hăng hái học tập; tự phục vụ thầy; chú tâm học hỏi nghề nghiệp. Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách như vậy, các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách: Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện; dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì; dạy cho thuần thục các nghề nghiệp; khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc; bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt.

Này Gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách và sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo năm cách. Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi."

(Trích Kinh Trường Bộ, Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt (Singàlovàda Sutta)

Và bây giờ trong Đạo: người Thầy đối với Trò có 5 điều và Trò đối với Thầy có 5 điều:

"Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương Trên: Có lòng từ trong hành động về thân; có lòng từ trong hành động về khẩu; có lòng từ trong hành động về ý; mở rộng cửa để đón các vị ấy; cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết. Này Gia chủ tử, các vị Bà-la-môn,

Sa-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như vậy, có lòng thương tưởng vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây: Ngăn họ không làm điều ác; khuyến khích họ làm điều thiện; thương xót họ với tâm từ bi, dạy họ những điều chưa nghe; làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Này Gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được thiện nam tử đối xử như phương Trên với năm cách, và các vị Sa-môn, Bà-la-môn có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy phương Trên được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi."

(Trích Kinh Trường Bộ, Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt (Singàlovàda Sutta)

-Có lòng từ trong hành động về thân; có lòng từ trong hành động về khẩu; có lòng từ trong hành động về ý: Tức là người học trò luôn luôn thương Thầy, Thân Khẩu Ý đối với Thầy bằng lòng từ tình thương, luôn mong cho Thầy mọi chuyện tốt đẹp, thân tâm được an lạc.

-Mở rộng cửa để đón các vị ấy, cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết: cái này cũng có một số trường hợp nha quý vị, người đệ tử học với Thầy rồi có cái tâm quên ơn vô ơn đó là chuyện bình thường. Ở đây ai làm nghề Giáo quý vị biết rõ, rõ ra làm sao:

Thầy là ông lái đò
Tôi là lữ khách học trò sang sông
Mai kia xoay bắc trở đông
Lòng tôi vẫn nhớ về ông lái đò.

Thơ hay vậy thôi chứ thật ra đếm trong đời thường được mấy người đúng không quý vị. Tức là qua rồi những ngày đi qua mình vẫn nhớ về Thầy, Thầy nói đó là gì đẹp nhất thôi, chứ thật ra Thầy đang nói ở đây với người làm nhà Giáo là các vị Thầy thì còn mấy người học trò nhớ đến người Thầy, ví dụ Thầy cấp I, cấp II, cấp III quý vị coi xem; nếu nói tiêu cực một chút, mình không trách, cái gì tốt thì mình làm nhưng cuộc đời đôi lúc nó phũ phàng lắm quý vị, là tại sao? Là vì - hôm trước Thầy giảng rồi, con người sinh ra với tâm người vô ơn, mình hiểu là nó như vậy. Mà quý vị ở đây nhớ dùm, quý vị có đi làm từ thiện, quý vị có giúp người, giúp ở Thân, ở Khẩu, ở Ý... quý vị giúp đến nay 100 lần, có người làm 1,000 lần nhưng nếu 1 lần quý vị lầm lỗi, 1 lần quý vị thiếu sót người ta có thể quay mặt, nói xấu, xúc phạm, vô ơn... nói chung đó là chuyện bình thường tại vì sao? Vì mình được học là ngày nào chúng ta còn phàm tâm thì cái hạt giống vô ơn trong mình khủng khiếp lắm. Quý vị làm ngành Giáo hoặc là dạy lại cho ai cái nghề gì, quý vị coi thử phải không, học xong rồi mấy người nhớ đến quý vị trong khi không phải mình cần người ta nhớ. Cho nên, việc của mình là cái gì tốt thì mình hướng dẫn, cái đó lành tạo duyên cho người ta, mình dạy cho người đó

không phải là để cho người đó mang ơn mình. Mình không có cái quan niệm "dạy để người đó mang ơn mình", vì mình có cái quan niệm đó nên khi người đó không mang ơn mình mới khổ, mình mới buồn đúng không? Mình dạy cho cái gì họ sống tốt, vậy là xong, còn chuyện mang ơn hay không mang ơn là chuyện của họ, thì quý vị mới không khổ. Còn mình dạy mà mình mong "Tui dạy mà sao không biết ơn tui gì hết vậy!" là sau này quý vị khổ đó, đừng có như vậy, chỉ giúp cho người ta thôi, người đó mang ơn thì tốt, còn không thì thôi. Hiểu như vậy rồi sau này trong cuộc sống đời thường quý vị có gặp ai đó đối xử với mình không tốt dù mình ban ơn cho họ thì quý vị cũng hiểu vậy mà đỡ buồn. Ông bà ta nói "Cho một bát gạo thành ân nhân, cho một bao gạo thành kẻ thù"; cho một bát gạo lúc ngặt nghèo vậy mà có lúc biết ơn, mà cho một bao gạo, cho suốt, lỡ mà có một ngày không cho thì oán giận. Dĩ nhiên lúc ngặt nghèo thì quý vị giúp, còn lâu dài thì mình phải giúp cho "cái cần câu".

Bây giờ là bổn phận của người Thầy đối với học trò:

- *Ngăn họ không làm điều ác*: tức là thấy người học trò làm sai ngăn lại.

- *Khuyến khích họ làm điều thiện:* như hôm nay Thầy khuyến khích Phật tử nghe Pháp, làm Thiện

- *Thương xót họ với tâm từ bi, dạy họ những điều chưa nghe:* tức là thương người đệ tử và dạy dỗ đệ tử với tâm từ.

- *Làm cho thanh tịnh điều đã được nghe:* tức là người đệ tử đã nghe thì người Thầy hướng dẫn, dạy dỗ thêm cho đúng, cái nào sai thì sửa, cái nào thiếu thì thêm và làm cho điều nghe đó ngày càng trọn vẹn hơn, ý nghĩa hơn, tốt đẹp hơn

- *Chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời:* chỉ bày cho đệ tử càng ngày càng đi lên.

Tức là người Thầy trong Đạo luôn muốn đệ tử tốt, chứ không dạy kiểu "giấu nghề". Mà lạ lắm quý vị, nếu tâm quý vị rộng rãi quý vị cứ mong người khác đi lên, còn tâm bé nhỏ chỉ muốn người ta thua mình thôi. Đừng có như vậy nha, cứ mong người ta hơn được cái gì thì hơn, cho dù quý vị có giỏi về cái mảng đó thì cũng cứ mong người ta hơn mình. Đó là mong, thứ hai là trợ duyên cho họ, đừng sợ người ta giỏi hơn mình, cuộc sống là "Biển học là mênh mông, biển học là vô bờ"; chính vì mênh mông vô bờ như vậy nên không nói ai là giỏi nhất được; giờ quý vị có giỏi cỡ nào đi chăng nữa, quý vị có giỏi cỡ nào đi nữa thì quý vị có thể không biết nấu ăn; có biết sửa điện không; có biết vẽ không? Thì mỗi cái có chuyên môn riêng, cái nào cũng đẹp hết, vì vậy tuyệt nhiên đừng thấy người ta hơn mình mà đố kị! Mình càng rộng lượng bao nhiêu, càng tuỳ hỷ bao nhiêu, càng trợ duyên cho họ bao nhiêu và

với tâm thiện, thì mình càng giỏi bấy nhiêu. Cho nên Thầy nói đó là bước ngoặc, mà đó cũng chính là cản trở bởi cái tâm đố kỵ của mình, thấy người ta giỏi mà mình đố kỵ thì cứ từ từ mình sẽ đi xuống. Trong lòng muốn đi lên mà mình làm những điều để đi xuống. Muốn làm Thầy người ta mà thấy người ta giỏi hơn là mình ghét thì sao làm Thầy, thầy hay nói vui "muốn hàng đầu thì đừng đầu hàng". Quý vị vừa đụng chuyện mình đã khởi tâm đố kỵ thì tâm mình nhỏ bé quá; dẫn đầu trong gia đình thôi đã là cái phước phần; ví dụ nhà có 5 người mà mình dẫn đầu nói mọi người nghe là đã khó rồi, huống chi trong một hội chúng 50 người, 500 người, 5,000 người mà quý vị nói người ta nghe thì không dễ, phải có cái gì đó chứ không tự nhiên mình nói mà người ta nghe đâu, ngoài cái gì đó vô hình ở phía sau chính là cái Phước.

V. VỊ THẦY CHE MẶT CHỈ ĐƯỜNG

Tình Thầy trong Phật Pháp là:

"Đệ tử bằng Thầy, kém Thầy nửa đức,
Đệ tử hơn Thầy, mới khá truyền trao"

Trong tinh thần nhà Phật thì tình Thầy trò là như vậy đó quý vị. Tức là người Thầy luôn luôn mong muốn cho người học trò giỏi hơn mình ở Pháp Học, Pháp Hành, ở con đường tu tập. Quý Phật tử nghĩ xem, nếu người Thầy muốn học trò bằng hoặc gần bằng

mình thì sau này người học trò đó sẽ làm Thầy, sẽ có người học trò khác nữa, người ấy cũng gần bằng người Thầy, từ đó cứ tiếp tục như vậy thì những người học trò về sau chỉ đi xuống. Nhưng trong tinh thần nhà Phật thì người Thầy luôn muốn đệ tử của mình có thể phát triển đời sống tâm linh, từ bi, trí tuệ, đạo đức, thiền định cao nhất có thể chứ không phải vì người Thầy ở chừng mực đó thì người trò phải bằng Thầy hoặc thua Thầy. Một vị Thầy trong Phật Pháp là như vậy đó đại chúng, là luôn muốn học trò đi lên.

"Giáo bất nghiêm Sư chi đọa"

Có những trường hợp Thầy dạy không nghiêm, để cho học trò lầm lạc là một phần trách nhiệm của người Thầy. Quý Phật tử thấy trách nhiệm của người Thầy là giáo dục, dạy dỗ, hướng dẫn rất khó. Nhưng trên con đường tâm linh, đạo đức, trí tuệ, thiền định…đôi lúc Thầy rất muốn dạy cho đệ tử nhưng người đệ tử lại có ít duyên lành. Ví dụ như Đức Phật, chúng ta biết Ngài có trí tuệ, từ bi, thần thông, công đức như vậy nhưng có một số trường hợp Đức Phật cũng không độ được. Đôi lúc có một số đệ tử vì họ không có duyên để người Thầy độ, trường hợp khác là duyên lành Ba-la-mật để giác ngộ, giải thoát, đắc Thánh quả ít quá cho nên khi Thầy nói đến Pháp Học, Pháp Hành là vị này tiếp nhận không nổi.

Chúng ta nếu nói đi thì phải nói lại, có đôi lúc do người học trò không được gặp Thầy lành bạn tốt hoặc

không được dạy dỗ đúng nơi đúng mức, hoặc trú xứ không thích hợp, Pháp Học, Pháp Hành không rõ ràng cho người học trò đó. Ngược lại, dù vị Thầy đã tạo đầy đủ điều kiện thuận lợi cho tu tập nhưng người trò không đi xa được vì duyên lành của vị này ít quá. Trong Phật Pháp gọi là duyên Ba-La-Mật *(Pāramī)*, đây là duyên lành đưa đến giác ngộ giải thoát, chứng Thánh Quả; rồi loay hoay một thời gian vị học trò vẫn như cũ, vẫn không thể đi xa được. Tình Thầy trong Giáo Pháp chính là luôn muốn người đệ tử đi xa nhất có thể, hơn Thầy chứ không thua hay ngang Thầy.

Là một người Thầy đúng nghĩa trong Phật Pháp đó là: CHE MẶT CHỈ ĐƯỜNG. Quý vị nghe bốn từ này là rúng động; một vị Thầy *"che mặt chỉ đường"*, con đường này đúng - sai, thiện - bất thiện, tội - phước, khổ đau – hạnh phúc, phàm – Thánh, … là người Thầy hướng dẫn những con đường đó vì thương mới dạy, không cần người nào biết mình là ai. Nói dễ hiểu là tinh thần của một người Thầy trong Phật Pháp là tinh thần VÔ NGÃ - VỊ THA; hướng về cái lớn chứ không hướng về cá nhân. Cho nên khi đại chúng đọc được trang sách, trang Kinh nào, ngôn từ, chữ nghĩa nào mà hướng mình về cái chung, cái lớn, cái vô ngã vị tha là đúng tinh thần của Chánh Pháp. Ngược lại, nếu chúng ta đọc hoặc học điều gì mà hướng bản thân càng ngày càng ích kỉ, nhỏ nhen thì phải xem lại.

Quý vị sẽ đặt lại câu hỏi là: *"Thầy dạy là phải hướng về cái chung mà sao trong Kinh Đầu Ngọn Cờ thì Đức Phật lại dạy hướng về Ngài?"*. Thưa quý Phật tử, đâu đó một vài lần trong Kinh điển, Đức Phật có nói với chư Tỳ-kheo thế này:

"Và này các Tỷ-kheo, Ta nói như sau: Này các Tỷ-kheo, khi các Ông đi vào rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: "Ngài là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, sẽ được tiêu diệt….

Nếu các Ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp

Nếu các Ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng"

(Kinh Đầu Ngọn Cờ - Dhajaggasutta)

Đại chúng thấy ở đoạn Kinh trên là Đức Phật dạy nhớ đến Ngài, nhưng nãy giờ Thầy dạy tinh thần của Phật Pháp là *"che mặt chỉ đường"*. Vậy tại sao ở đây Đức Phật dạy niệm ân của Ngài? Quý vị nhớ thế này:

Thứ nhất là vì lòng đại bi, thương những người trong trường hợp đó nên Đức Phật mới dạy niệm nhớ đến Ngài. Chỉ một vài lần Đức Thế Tôn tuyên nhận là Ngài có 9 ân và hãy nhớ đến Ngài. Đức Phật là vô ngã, không còn phiền não nhưng ở một vài trường hợp thì Ngài dạy như vậy. Lý do thứ hai chúng ta nên hướng về Đức Phật vì Ngài là đại diện cho Chánh Pháp, cho chân lý.

Sau này quý vị có duyên, có học trò, đi giảng dạy thì cũng với tinh thần *"che mặt chỉ đường"* như vậy. Tức là có duyên thì mình dạy, mong cho người học trò có một đời sống đạo đức, con đường tâm linh, giới - định - tuệ, văn - tư - tu càng ngày càng tiến bộ nhiều nhất có thể. Người Thầy dạy không phải để học trò biết ơn mà vì con đường đó tốt, cần tạo duyên cho học trò có thể đi xa nhất

Đây là một câu chuyện đại chúng thấy rõ về tinh thần "che mặt chỉ đường": Gia đình Thầy Xá-Lợi-Phất *(Sāriputta)* có 7 người đi tu và tất cả đều đắc A-La-Hán. Khi Thầy đi xuất gia thì người Mẹ giận Thầy và giận luôn cả Đức Phật vì các đứa con của bà đều đi theo Đức Phật hết. Bà giận thì giận, thương thì thương nên bà vẫn để lại một căn phòng- đây là phòng hồi xưa Thầy Sāriputta được sinh ra ở đó và cũng nơi đây là nơi mà Thầy Sāriputta nhập Niết Bàn. Khi quán chiếu nhân duyên thấy còn 7 ngày nữa sẽ nhập Niết Bàn nên Thầy xin Đức Phật trở về quê nhà. Đoạn đường để về quê mất 6 ngày, khi về đến nhà là ngày cuối cùng chuẩn bị

nhập Niết Bàn. Lúc này Thầy bị bệnh kiết lị, dù giận nhưng vẫn rất thương con nên bà chăm sóc cho Thầy rất chu đáo. Thân mẫu của Thầy Sāriputta không biết con mình đã đắc Thánh - là nhân vật đứng đầu trong tam giới nếu không tính Đức Phật. Đây là nội dung trong **Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Người Tối Thắng**, Đức Phật nói: *"Ta không thấy ai ngoài Xá-Lợi-Phất có thể chân chánh vận chuyển bánh xe Pháp"*, tức là riêng với Thầy Sāriputta chỉ cần một ý nào đó là Thầy có thể diễn đạt thành một bài đạo lý. Đức Phật tán thán Thầy Sāriputta như vậy. Với trí tuệ của Thầy có thể đếm được từng hạt mưa trong suốt một kiếp Trái đất. Nếu chúng ta nói trong tam giới này, tính cả Đức Phật thì Thầy Sāriputta là nhân vật đứng thứ hai, nếu không tính Đức Phật thì Thầy Xá-Lợi-Phất là số một. Thầy Sāriputta và Thầy Mục Kiền Liên *(Mahāmoggalāna)* là hai vị thượng thủ Thanh văn của Đức Phật Thích Ca.

Khi ngày cuối cùng Thầy Sāriputta về quê bị bệnh kiết lỵ thì được thân mẫu với tình thương của người Mẹ chăm sóc cho con chứ bà không biết Thầy Sāriputta đã chứng Thánh Quả. Trong đêm hôm đó bà thấy Tứ Đại Thiên Vương, vua Trời Đế Thích, Chư Thiên cung Trời Đao Lợi và Chư Thiên ở các cõi còn lại với hào quang chói sáng xuống thăm hỏi, vấn an và đảnh lễ Ngài. Bà Mẹ thấy vậy nên hỏi Ngài Sāriputta vừa rồi là các vị nào xuống thăm, Ngài trả lời đó là Tứ Đại Thiên Vương, vua trời Đế Thích và Chư Thiên các cõi Trời.

Khi nghe câu trả lời thì bà giật mình và nghĩ con mình phải như thế nào mới được các vị xuống đảnh lễ. Và cuối cùng là Chư Phạm Thiên xuống đảnh lễ Thầy Sāriputta. Bà Mẹ biết là vừa có Phạm Thiên đến thăm hỏi con mình, chính là vị mà bà đang thờ. Lúc trước là bà không tin Phật, bà thờ Phạm Thiên nhưng lúc này bà đã thay đổi suy nghĩ: *"Vị Phạm Thiên mình đang thờ mà đảnh lễ con mình, mà con mình lại là đệ tử của Đức Phật"*.

Đại chúng thấy có một chi tiết *"che mặt chỉ đường"* là ở chỗ: khi thấy các vị trên Trời xuống thăm Ngài Sāriputta như vậy thì bà mới hỏi, Ngài Sāriputta không trả lời mình là Đệ Nhất về trí tuệ, hay là tướng quân chánh Pháp gì cả, Ngài chỉ nói các vị ấy chính là thị giả, là đệ tử của Đức Thế Tôn. Nghĩa là bao nhiêu điều tốt đẹp thì Ngài Sāriputta đưa về Đức Phật hết mà không đưa bản thân của Ngài ra, không cần nói mình là ai. Tất cả đưa về Đức Phật và Đức Phật là đại diện cho Chánh Pháp, cho chân lý. Lúc này thân mẫu của Ngài mới khởi tâm tôn kính Đức Phật. Ngay đó thì Ngài Sāriputta thấy đã đủ duyên nên thuyết cho Mẹ nghe một bài Pháp và Mẹ của Ngài đã đắc Sơ quả Tu-Đa-Hoàn. Sau đó Ngài nói một câu và câu này là bài học cho tất cả chúng ta: *"Ta đã trả ơn cho Mẹ xong rồi!"*. Kính thưa quý vị, mình chỉ trả ơn cho Cha Mẹ hoàn toàn là chỉ khi với một trường hợp - đó là làm cho Cha Mẹ đắc Sơ quả thì coi như chúng ta đã trả ơn xong. Trong Kinh Đức Phật dạy dù có cho Cha Mẹ làm Vua

Chuyển Luân bao nhiêu kiếp chăng nữa cũng chưa trả xong ơn của Cha Mẹ.

Tấm lòng của vị Thầy trong Phật Pháp đó là: *"che mặt chỉ đường"*, người Thầy dạy cho đệ tử không phải để đệ tử biết ơn Thầy, không phải để chăm lo, phụng dưỡng cho Thầy vì mục đích ấy nhỏ bé lắm. Thầy dạy vì con đường này là con đường chánh, là con đường đúng đưa đến làm Thánh Nhân, chấm dứt tử sanh, giác ngộ giải thoát…nên Thầy mới dạy cho đệ tử. Như ở trường hợp Thầy Sāriputta, dù Mẹ hỏi các vị trên Trời xuống là ai, Ngài không nói gì về bản thân mà nói các vị ấy là đệ tử của Đức Thế Tôn. Tinh thần Phật Pháp là như vậy. Cho nên sau này quý vị có duyên dạy ai đó, dĩ nhiên chúng ta không làm được như các Ngài nhưng nên tập công hạnh này đó là: *"che mặt chỉ đường"*, dạy là mong cho người đó phát triển con đường đạo đức, tâm linh, thiền định, trí tuệ,…chứ không cần dạy chỉ để người học trò phải biết ơn hay đền ơn. Dĩ nhiên bổn phận người học trò là phải biết ơn, đền ơn Thầy của mình. Và tất cả là mình đưa về với Đức Phật, vì Đức Phật là đại diện cho Chánh Pháp. Khi quy y cho vị nào, Thầy hay nói: trước nhất và trên hết Đức Phật chính là Thầy của quý vị; còn Thầy chỉ là cá nhân, đại diện đứng ra quy y cho quý vị thôi. Và nếu có một ngày đại chúng giận Thầy thì chỉ giận một mình Thầy thôi, không về tu học, nghe Pháp với Thầy cũng được nhưng không được bỏ Phật. Cái đức của người Thầy là như vậy, là

hướng người đệ tử về cái lớn, cái chúng, chân lý, chánh Pháp.

Các vị Thầy lớn có đức độ, từ bi và trí tuệ chỉ xuất hiện trong một chừng mực nào đó thôi và sau khi hướng dẫn cho chúng ta xong là các Ngài đi chứ không như chúng ta là muốn thể hiện mình. Với các vị khi thấy điều đó đúng, việc đó cần thì sẽ xuất hiện, khi cần giảng một bài đó, dịch quyển sách đó thì có mặt, xong việc thì các Thầy đi. Đối với các bậc Thánh thì không còn gì để thể hiện, tùy duyên mà các Ngài hóa độ. Còn với phàm phu chúng ta thường khi có một chút gì đó là sẽ tự mãn, tự hào với điều đó, trong tâm có sự kiêu mạn.

Ngài A-Nậu-Lâu-Đà *(Anuruddha)* là Thiên Nhãn Đệ Nhất lúc chưa chứng Thánh thì Ngài đã có thần thông, có thể thấy được nhiều vũ trụ như trong lòng bàn tay. Có một lần đó Ngài mới nói với Ngài Xá-Lợi-Phất thế này: *"Đệ có thể thấy được cả 10.000 vũ trụ này trong lòng bàn tay". Sau đó Ngài Sāriputta dạy cho Ngài Anuruddha thế này: "Huynh thấy trong câu nói của đệ có một nửa là kiêu mạn, một nửa là trạo hối". Đại chúng nghe câu này thấy khủng khiếp không?* Lúc này Ngài *Anuruddha vẫn chưa chứng Thánh nên vẫn còn kiêu mạn và trạo hối. Sau đó thì Ngài Anuruddha tiếp tục tu tập và chứng Thánh Quả.*

Tiếp đây là câu chuyện nói thêm về tinh thần: "che mặt chỉ đường". Có một lần Đức Phật thuyết

Pháp trên cung Trời Đao Lợi. Ở cõi nhân loại có một số Phật tử lâu rồi không được gặp Đức Phật nên hỏi Ngài Mục-Kiền-Liên (Mahāmoggalāna) là Đức Phật đang ở đâu. Với thần thông của Ngài thì tất nhiên sẽ trả lời được câu hỏi này nhưng Ngài lại không trả lời mà nói dân chúng hỏi Ngài A-Nậu-Lâu-Đà (Anuruddha). Nghĩa là Ngài Anuruddha cũng có thần thông để có thể thấy Đức Phật đang ở đâu. Ý nghĩa của câu chuyện Thầy muốn nói ở đây đó là đối với bậc Thánh thì luôn muốn cho nhiều người biết được các vị Thánh khác có nhiều khả năng để họ cung kính, nương tựa, học hỏi nơi những vị Thánh này. Đây là tinh thần hào sảng, phóng khoáng và muốn điều hay, điều tốt được chia sẻ đến cho nhiều người biết. Tâm của bậc Thánh là như vậy, còn với phàm phu chúng ta thì hễ có một chút gì đó là kiêu mạn, tự phụ, tự cao, tự đại và đó cũng là tự dại. Nói theo Phật Pháp là "Cái đáng khoe nhất là lòng không muốn khoe"; nói theo đời là "Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao". Khi con người đến chỗ vô cầu, tức là không còn tham nữa thì tự nhiên phẩm cách thanh cao.

Tất cả những gì mình có trên đoạn đường sanh tử luân hồi này chỉ là một chặng dừng chân thôi. Ngày nào quý vị chưa chứng Thánh thì chuyện gì cũng có thể xảy ra, hôm nay được thân người, đầy đủ 6 căn, sức khỏe, giàu có, thông minh…mọi thứ đều thuận duyên nhưng ngày nào chưa chứng Thánh thì không có điều gì là bảo đảm, mọi chuyện đều có thể xảy ra. Quan

trọng là quý Phật tử lấy những điều có được làm nền tảng, phương tiện để tiếp tục đi xa nhất trong đời sống tâm linh của chúng ta. Nói theo trong Kinh thì những gì mình có được ngày hôm nay là chúng ta đang "ăn mày dĩ vãng, xài đồ cũ, ăn cơm nguội". Bà Visākhā khi lấy chồng thì nhà chồng bà không tin Phật Pháp, lúc Quý Thầy đi đến trước cửa nhà thì cha chồng không cúng. Bà Visākhā mới nói là: "Thôi các Ngài đi nơi khác, cha của con ăn đồ cũ". Nghe như vậy thì ông cha giận và hỏi tại sao bà lại nói như vậy; bà Visākhā trả lời "ăn đồ cũ" nghĩa là xài phước cũ. Cho nên quý vị thấy, những gì hôm nay chúng ta có trong kiếp sống này chỉ là trạm dừng chân thôi, rồi tất cả cũng sẽ ở lại, chúng ta tái sanh với phước và tội đã làm, nên cố gắng còn thời gian thì ráng tu tập và làm thiện pháp.

Là người con Phật, chúng ta được học những điều rốt ráo, những chân lý, những điều thiện mà chỉ trong thời Đức Phật mới có. "Thiện cấp thấp" là những quả lành ở cõi Dục Giới, "thiện cấp cao" là đắc được các tầng thiền Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Và chỉ khi có Đức Phật ra đời, có Chánh Pháp thì mới có "thiện rốt ráo", đó là giúp mình đắc Thánh, chấm dứt luân hồi tử sanh. Và Chánh Pháp của Đức Phật trên nhất là có Đức Phật dạy, sau đó là các bậc Thánh truyền qua các thế hệ chư vị Tổ Sư rồi đến đời mình. Các vị Thầy dạy cho học trò vì những điều đó là đúng Chánh Pháp, đúng chân lý, có lợi ích thì các vị dạy rồi sau đó lui ẩn thân…mà mình gọi là "che mặt chỉ đường". Tâm của

các vị như trời, như biển nên không cần người học trò đền ơn. Đó là cái tình của người Thầy trong Phật Pháp.

Khi còn là tu sĩ ngoại đạo chưa xuất gia với Đức Phật thì Ngài Xá-Lợi-Phất và Ngài Mục-Kiền-Liên là đôi bạn thân. Cả hai vị đều tu học nhiều nơi nhưng vẫn không hài lòng với sở học của mình. Hôm đó hai vị đi xem kịch thì thấy có một người mà diễn nhiều vai, lúc thì vua, quan; có khi làm người nghèo khổ thì hai Ngài mới ngộ ra cuộc đời như một vở kịch.

"Cuộc đời là vở kịch dài
Mà ta đóng cả vai hài lẫn bi
Kịch xong đôi ngã chia ly
Nghiệp riêng ai nấy cõi đi luân hồi."

Ngài Xá-Lợi-Phất khi đi xuất gia thì đầu tiên không gặp Đức Phật mà gặp Ngài Assaji. Sau khi nghe Ngài Assaji nói câu kệ:

"*Muôn vật từ duyên sinh,*
Lại từ duyên mà diệt,
Bậc giác ngộ tuyệt vời,
Đã từng như vậy thuyết."

Quý vị biết khi Ngài Assaji nói câu thứ hai là Thầy Xá-Lợi Phất đắc Sơ quả khi chưa gặp Đức Phật. Sau đó Thầy xuất gia với Đức Thế Tôn, nửa tháng sau Thầy đắc Tứ Quả A-La-Hán. Một điều đặc biệt Thầy muốn nói về tình Thầy trò chỗ này, khi Thầy Xá-Lợi-Phất đắc Thánh thì hằng ngày, trong tinh xá nếu có Đức

Phật thì Thầy đến đảnh lễ Đức Phật, nếu không có Đức Phật thì Thầy hướng về nơi Đức Thế Tôn đang trú mà đảnh lễ. Sau đó Thầy đến đảnh lễ Ngài Assaji. Nếu Ngài Assaji không có trong tinh xá thì Thầy hướng về nơi trú của Ngài Assaji mà đảnh lễ. Lý do Thầy Xá-Lợi-Phất làm như vậy vì Thầy nhớ cái ơn của Ngài Assaji đã đưa Thầy vào đạo và đắc Sơ quả. Quý Phật tử biết lúc này Ngài Assaji chưa đạt trí tuệ như Thầy Xá-Lợi-Phất - là cánh tay phải và tướng quân Chánh Pháp; nhưng Thầy Xá-Lợi-Phất vẫn hằng ngày đảnh lễ Ngài Assaji vì đây là vị Thầy đầu tiên đã đưa Thầy vào đạo. Bậc Thánh là như vậy đó đại chúng.

Cho nên đến muôn kiếp đời sau, hoặc từ đây cho đến ngày mình dừng lại cuộc hành trình của kiếp sống này, những nơi chúng ta đã đi qua; những vị Thầy mà chúng ta đã được học dù là một buổi Pháp thoại hay vài lời nói, đạo lý nào đó của vị Thầy, Sư Cô mà đưa mình có đời sống thánh thiện, có con đường tâm linh cao đẹp; là một người con của Phật, với tinh thần là người học trò thì quý vị nhớ ơn và mong có ngày nào đó chúng ta có thể đền ơn trong khả năng của bản thân. Như nãy giờ Thầy nói, vị Thầy dạy không phải để cho mình biết ơn và đền ơn. Bổn phận của người học trò là biết ơn và đền ơn Thầy; người đệ tử tu học tốt nhất có thể đó mới chính là tâm nguyện của người Thầy. Và tinh thần của người Thầy là *"che mặt dẫn đường"*, không cần trả ơn, mong cho đệ tử hơn mình, tu học xa nhất có thể.

VI. LỜI KẾT

Thì hôm nay Thầy gửi đến Đại chúng bài Pháp thoại chủ đề ĐẠO THẦY TRÒ, Thầy kể về Đức Phật là Thầy trước hết và trên hết của mình, sau đó Thầy nói về tình nghĩa Thầy Trò ở ngoài đời đã rất là đẹp và huống chi là trong Đạo. Trong Đạo là mở cho mình một con đường, nếu quý vị rốt ráo mà được chấm dứt luân hồi tử sanh thì muôn kiếp ngàn đời ơn này trả chưa xong. Nhưng mà trong Đạo thì cái tình của Thầy dành cho Trò là gì:

Đệ tử bằng Thầy, kém Thầy nửa đức
Đệ tử hơn Thầy, mới kham truyền trao
(Thiền sư Bách Trượng)

Thầy cũng mong muốn cho quý vị gặp nhiều cái thuận duyên. Thầy dạy cho quý vị lớp căn bản này như là cái duyên ban đầu để cho quý vị vào Đạo; mong cho quý vị còn nhiều duyên lành gặp các Thầy, các Cô; gặp các lớp hành Thiền, các lớp chuyên sâu để sau khi quý vị có căn bản rồi thì đi sâu vào các lớp chuyên sâu mà học, để mỗi ngày mỗi phát triển trí Văn, trí Tư, trí Tu của mình. Thầy mong quý vị đi lên, những gì Thầy dạy quý vị trong khả năng của Thầy, nên quý vị muốn học thêm nữa thì quý vị có thể tìm học với những vị chuyên môn hơn; những lớp học chuyên sâu hơn; miễn là quý vị làm điều Thiện là Thầy hoan hỉ! Thầy không biết thì thôi chứ nếu Thầy biết quý vị làm điều bất Thiện thì

trong khả năng Thầy đóng góp cho quý vị dừng lại; và dĩ nhiên trong điều Thiện cũng vậy Thầy mong quý vị tiến xa hơn và đó là cái tình của người Thầy trong Đạo. Thầy cũng mong quý vị mà có duyên biết một ai đó, thì mình cũng học cái tình trong Đạo; cứ mong người đó tốt - ĐIỀU THIỆN KHÔNG BAO GIỜ ĐỦ, quý vị nhớ nha:

Người ghét người chút xíu cũng dư,
Người thương người bao nhiêu cũng thiếu.

Về Phước đức, điều lành làm cả đời cũng không đủ, làm phước bao nhiêu là đủ? Dạ không bao giờ là đủ, làm hoài đến khi nào quý vị chứng Thánh, và nếu ngày nào quý vị chứng Thánh A-la-hán rồi ngày đó mới không còn nợ cuộc đời, không còn nợ đàn na tín thí; còn ngày nào chưa chứng Thánh thì ngày đó mình vẫn còn nợ cuộc đời. Chính vì vậy mình chỉ cố gắng hết sức mà tu học thôi.

(Buổi giảng ngày 08/11/ 2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Đạo lý Thầy và trò trong Phật Pháp là như thế nào?

2). Đức Phật dạy có 3 chổ không quên, là 3 chổ nào?

3). Người Thầy có quan trọng với chúng ta không? Tại sao nói trong quá trình tu học phải có Thầy, có bạn?

4). Vị Thầy che mặt chỉ đường là như thế nào?

5). Bổn phận của người Thầy và trò?

Bài 10: BA CÕI VÀ ĐỜI SỐNG BA CÕI

---

* TỔNG QUAN
* PHÂN TÍCH 31 CÕI TRONG TAM GIỚI
* PHẦN PHỤ THÊM

I. TỔNG QUAN

Tam Giới hay Tam Hữu là ba cõi trong vòng luân hồi sinh tử, nơi mà loài hữu tình sinh sống và tái sanh tùy theo nghiệp quả. Theo *Kinh Trường Bộ bài 33. Kinh Phúng Tụng*, Tam Giới bao gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Tam giới được chia rộng ra thành các cõi nhỏ. Các Kinh Luận chủ trương nhiều thuyết khác nhau. Ví dụ: *Kinh Trường A-hàm quyển 9 Kinh Chúng tập,* chia làm 9 cõi (Cửu chúng sanh cư); *Kinh Đại Bát Niết Bàn (Bắc Tạng) quyển 14 Phẩm Thánh Hạnh* có đề cập đến 25 cõi (Nhị thập ngũ hữu); *Luận Lập Thế A-tỳ-đàm quyển 6* chia làm 33 cõi…

Trong tập *"Abhidhammattha Saṅgaha – chương 5 Vīthimutta" của Luận Sư Anuruddha Thera* (Vi Diệu Pháp toát yếu / Thắng Pháp tập yếu – Chương 5 Ngoại

lộ), Tam giới được **phân tích thành 31 cõi theo bốn phương cách tái sanh:**

1. Khổ cảnh (4 cõi):

Địa ngục, Súc Sanh, Ngạ quỷ, A-tu-la.

2. Nhàn cảnh (7 cõi):

- Cõi Người,
- 6 Cõi trời Dục giới: Tứ Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại.

3. Cảnh Sắc giới (16 cõi):

- Sơ Thiền (3 cõi): Phạm Chúng Thiên. Phạm Phụ Thiên. Đại Phạm Thiên.

- Nhị Thiền (3 cõi): Thiểu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên.

- Tam Thiền (3 cõi): Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.

- Tứ Thiền (7 cõi): Quảng Quả Thiên, Vô Tưởng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên.

4. Cảnh Vô Sắc Giới (4 cõi):

Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Nói gọn hơn, theo nghiệp sai biệt mà chúng hữu tình luân chuyển trong Tam Giới theo hai con đường Khổ Thú và Thiện Thú.

Tam Giới còn được xem là Thế giới quan trong Phật Giáo.

II. PHÂN TÍCH 31 CÕI TRONG TAM GIỚI

1. Dục giới *(Kāmaloka)*

- *Kāma*: là tham muốn, tình dục, sự thỏa thích tầm cầu năm trần cảnh (sắc, thinh, hương, vị, xúc) tốt đẹp hay những pháp khả ái.

- Các loài hữu tình ở cõi này đều có ngũ uẩn tạo thành thân thể vật chất, duy trì sinh mạng bằng bốn loại thức ăn, đầy dẫy sự tham muốn nên bị Dục Tham và Dục Ái trói buộc.

- Gồm 11 cõi: 4 khổ cảnh và 7 nhàn cảnh.

1.1. Bốn khổ cảnh – đọa xứ *(Duggati)*:

- Gọi là khổ cảnh vì chúng sanh nào đã sinh vào đây đều phải chịu khổ; là nơi không có cơ hội thực hành thiện nghiệp.

- Từ *"Duggati"* trong *Paṇṇāsa aṭṭhakathā* có định nghĩa rằng: nơi đó ẩn nương cảnh giới của khổ, là

nơi phát sinh khổ, cõi mà chúng sanh phải tiến hành với khổ; gọi là khổ cảnh.

Nhân sinh vào Khổ cảnh có 3 loại:

- Người cư sĩ tạo ác nghiệp do mãnh lực của phiền não. *(Agāriyapatipattiduggati)*

- Đời sống tà vạy, không giữ giới luật của người xuất gia. *(Anāgāriyapati pattiduggati)*

- Làm điều ác (Thập ác), sau khi chết tái sanh vào bốn cõi khổ. *(Gatiduggati)*

- Tuổi thọ của chúng sanh ở cõi đọa xứ là bất định, khác nhau tùy theo tánh cách nặng hay nhẹ của hành động bất thiện đã tạo. Có người mạng yểu, có người mạng thọ. Như Hoàng Hậu *Mallikā* của Vua *Kosala* chịu bảy ngày trong khổ cảnh; còn *Devadatta* (Đề Bà Đạt Đa) phải chịu đau khổ trong Địa ngục suốt một A-tăng-kỳ.

1.1.1. Địa Ngục *(Niraya)*:

- Theo chiết tự, từ *"Niraya"* có nghĩa là: nơi không có sự tiến hóa an vui, không đáng để ước vọng mong mỏi. Theo Phật Giáo, có nhiều cảnh đau khổ gọi là địa ngục, nơi đó chúng sanh phải trả những nghiệp bất thiện đã tạo trong quá khứ. Đến lúc trả xong nghiệp xấu, chúng sanh bất hạnh cũng có thể tái sanh vào một

cảnh giới khác, an vui hạnh phúc, nhờ các nghiệp thiện đã tạo.

- Có rất nhiều thuyết về Địa ngục, ở đây chỉ nêu một vài chi tiết được trích dẫn trong ***Chú giải Người và Cõi*:** có 8 đại địa ngục và 5 tiểu địa ngục (hay đa khổ địa ngục, *Ussada*). Đại địa ngục nằm sâu trong lòng địa cầu cách 15 ngàn Do-tuần (1 Do-tuần= 12.527 dặm Anh), còn tiểu địa ngục nằm phụ cận hoặc rải rác khắp nơi hoang địa xa xôi không có người. Trong mỗi đại địa ngục có thêm 16 ngục nhỏ, vậy là có 8 x 16 = 128 tiểu địa ngục. Nếu tính theo phương hướng, mỗi hướng của một đại địa ngục sẽ có 4 tiểu địa ngục, 8 hướng sẽ có 8 x 8 x 4 = 256 tiểu địa ngục.

▪ **Tám Đại Địa Ngục:**

1- Địa ngục Đẳng Hoạt *(Sañjiva)*: chúng sanh ở đây cứ mãi chết đi sống lại. Hạn lượng tuổi thọ ở ngục này là 500 năm, 1 ngày đêm = 9 triệu năm ở cõi nhân loại, tức 500 năm này tương đương với *(9 triệu x 360 x 500) = 1.620 tỷ năm* nhân loại. Những kẻ cậy thế (có thân lực, quyền lực, tài sản lực) mà bạo hành uy hiếp kẻ khác hoặc đao tặc hung tợn sau khi chết phần lớn sinh vào đây.

2- Địa ngục Hắc Thằng *(Kāḷasutta)*: chúng sanh ở đây chịu trận mưa đòn tới tấp của chiếc roi đen. Tuổi thọ 1000 năm = *12.960 tỷ năm* nhân loại, 1 ngày = 36 triệu năm cõi người. Ác nghiệp: những kẻ hành hạ người tu

hành, bất luận là chân tu hay giả mạo phần lớn sinh vào đây.

3- Địa ngục Chúng Hợp *(Saṅghāta)*: chúng sanh ở đây bị ngọn núi sắt khổng lồ cháy đỏ nghiền nát. Tuổi thọ 2000 năm = *103.680 tỷ năm* nhân loại, 1 ngày = 144 triệu năm cõi người. Ác nghiệp: giết hại các loại thú vật, thú nuôi, thú hoang…

4- Địa ngục Khiếu Hoán *(Roruva)*: chúng sanh ở đây bị ngạt thở do khói xông vào nên than khóc thảm thiết suốt đêm ngày. Tuổi thọ 4000 năm = *829.440 tỷ năm* nhân loại, 1 ngày = 576 triệu năm cõi người. Ác nghiệp: Thợ rừng, đánh cá, bẫy thú, ngăn rạch hoặc vô cớ xúc phạm người khác…

5- Địa ngục Đại Khiếu Hoán *(Mahā roruva)*: chúng sanh ở đây đều bị lửa bao phủ thiêu đốt nên kêu khóc ầm ĩ. Tuổi thọ 8000 năm = *6.635.520 tỷ năm nhân loại*, 1 ngày = 2.304 triệu năm cõi người. Ác nghiệp: gian lận tài sản của người khác nhất là trộm cắp của cha mẹ, thầy tổ, bậc sa-môn…

6- Địa ngục Tiểu Viêm Nhiệt *(Tāpana)*: chúng sanh ở đây bị cọc sắt cháy đỏ đóng vào người rồi bị lửa đốt cháy đau đớn. Tuổi thọ 16.000 năm = *53.084.160 tỷ năm* nhân loại, 1 ngày = 9.216 triệu năm cõi người. Ác nghiệp: đốt phá nhà cửa, chùa chiền, đền tháp…

7- Địa ngục Đại Viêm Nhiệt *(Mahā tāpana)*: chúng sanh ở đây phải leo lên và tuột xuống hòn núi sắt cháy

đỏ rồi rơi xuống cây giáo phía dưới do mãnh lực của gió và lửa đang cháy. *Tuổi thọ lâu bằng một nửa trung gián kiếp (Antarakappa*) cõi người.* Ác nghiệp: tà kiến, tác động cho người khác quan điểm của mình…

8. Địa ngục A-tỳ *(Avīci)*: ở đây đông đảo tội nhân đứng khít không kẻ hở, lửa cháy liên tục không ngừng, không một giây phút nào sự đau đớn được tạm thời gián đoạn. *Tuổi thọ lâu bằng một trung gián kiếp (Antarakappa) cõi người.* Ác nghiệp: phạm ngũ nghịch đại tội hoặc cố tình xúc phạm Thánh nhân bằng hình thức này hay hình thức khác, cố tâm đập phá các Thánh tích Phật Giáo, mang nặng tà kiến cố định.

*Antarakappa: Cứ một lần tuổi thọ tăng từ 10 tuổi đến A-tăng-kỳ tuổi rồi giảm xuống 10 tuổi trở lại là một Trung gián kiếp. Tuổi thọ các Địa ngục này được trích trong *Vibhaṅga anuṭīka trang 227*.

▪ **Các Tiểu Địa Ngục (Đa khổ địa ngục - địa ngục có nhiều sự đau khổ):**

1- Địa ngục Phẩn Niểu *(Gūtha-naraka)*: với chúng sanh có quá nhiều ác nghiệp, sau khi thoát A-tỳ ngục họ phải tiếp tục sinh vào nơi này do quả nghiệp dư sót.

2- Địa ngục Tro Nóng *(Kukkuka-naraka)*: Các chúng sanh vẫn còn dư sót bất thiện nghiệp, dù đã thoát khỏi địa ngục Phẩn niệu rồi, cũng chưa thoát khỏi hẳn, mà phải tiếp tục thọ khổ, tức bị não hại trong địa ngục Tro nóng nằm nối liền với Địa ngục Phẩn niệu.

3- Địa ngục Rừng Gòn Gai *(Simpalivana-naraka)*: Các chúng sanh địa ngục vẫn còn dư sót bất thiện nghiệp, tuy thoát khỏi Địa ngục Tro nóng, nhưng vẫn không thoát khỏi hẳn mà còn phải thọ khổ tiếp, tức là bị não hại trong Địa ngục Rừng gòn gai. Ác nghiệp: ngoại tình rồi phá gia canh kẻ khác…

4- Địa ngục Rừng Lá Kiếm *(Asipattavana-naraka)*: Các chúng sanh Địa ngục vẫn còn dư sót ác nghiệp, tuy thoát khỏi địa ngục Rừng gòn gai, nhưng còn phải khổ thọ tiếp trong Địa ngục Rừng lá kiếm.

5- Địa ngục Nước Mặn Có Mây Gai *(Vettaraṇī-naraka)*: Các chúng sanh Địa ngục, vẫn còn dư sót ác nghiệp, tuy thoát khỏi địa ngục Rừng Cây Lá Kiếm, vẫn phải thọ khổ tiếp trong Địa ngục Dòng Nước Mặn Có Mây Gai. Ác nghiệp: tà kiến rồi tác động cho người khác theo quan điểm của mình, người nữ cố tình phá hư thai của mình (*Bổn sanh Saṅkicca)*…

(Ngoài ra còn có nhiều tiểu địa ngục khác: Địa ngục Than Hừng, Địa ngục Nước Sôi, Địa ngục Vạc đồng, Địa ngục Đồng Dịch…)

 # Xem thêm câu chuyện liên quan đến địa ngục trong Kinh Tiểu Bộ - Bổn Sanh Nemirāja.

1.1.2. Bàng sinh (Tiracchāna):

- Khi sinh vào sinh chủng này, dầu đến cả vị Bồ Tát cũng không đủ trí tuệ chứng ngộ Thánh quả, vì Thánh trí bị ngăn che.

- Phần lớn loài Bàng sinh chỉ quanh quẩn trong ba nếp tư tưởng: **Dục tưởng** (nhục dục), **Thực tưởng** (háu ăn), **Vong tưởng** (sợ chết). Trong đó nổi bật nhất là sự tham sống sợ chết, bởi trong môi trường sinh tồn của chúng luôn đầy những nguy cơ đe dọa về vật thực, chỗ ở, kẻ mạnh sát phát kẻ yếu…

- Còn những suy nghĩ về Pháp thì chỉ có đối với vị Bồ Tát mà thôi.

- Tuổi thọ không cố định, tùy thuộc vào điều kiện sống và môi trường sinh thái.

1.1.3. Ngạ quỷ *(Pettivisaya)*:

- Ngạ quỷ là một loài hữu tình có đời sống kém may mắn. Nói cho dễ hiểu, Ngạ quỷ là những chúng sanh quá vãng sống vất vưởng mà dân gian gọi là ma đói, cô hồn. Thường các Ngạ quỷ không có chỗ nương tựa riêng, sống từng quần đoàn cùng khắp núi non, khe vực, biển cả, rừng sâu… Rừng *Vijjhātīavī* là kinh thành của loài Ngạ quỷ, nằm trong rừng Hy Mã. Tại đây, loài Ngạ quỷ *Mahiddhika* là vị chúa tể cai trị tất cả các Ngạ quỷ.

- Trong sinh chủng loài Ngạ quỷ cũng có những loài hạ đẳng cũng có những loài cao cấp. Chúng có thể

biến ra muôn hình vạn trạng như hình người, hình thú, cảnh chư Thiên…; cũng có những loài kém uy lực hơn không tự biến hóa được như vậy.

- Nói về hình phạt phải chịu đựng, có loại phải chịu đói khát khổ sở, có loại ăn những cặn bả được quăng bỏ ở đống rác, có loại thì ăn đàm, mũ, nước miếng và phẩn ... Riêng loài Ngạ quỷ sống trên núi non như núi *Gijjhakūta,* không phải chỉ là đói khát mà thôi, còn phải chịu khổ thọ như những chúng sanh địa ngục.

- Có rất nhiều loại Ngạ quỷ được đề cập đến trong Kinh điển, tựu trung có **bốn loại chính** được đề cập trong Chú giải Ngạ Quỷ Sự:

+ Tha Thí Hoạt Mệnh Ngạ quỷ: Ngạ quỷ sống bằng thực phẩm của người khác bố thí.

+ Cơ Khát Ngạ quỷ: Ngạ quỷ luôn luôn bị đói khát.

+ Thiêu Khát Ngạ quỷ: Ngạ quỷ thường xuyên bị lửa đốt.

+ Khởi Thi A-tu-la Ngạ quỷ: một loài A-tu-la khổ như Ngạ quỷ.

- Trong tất cả Ngạ quỷ chỉ có một loài Tha Thí Hoạt Mệnh Ngạ quỷ *(Paradattupajivika)* là có thể nhận được phước từ thân tộc hồi hướng cho; còn các loại Ngạ quỷ khác không nhận được vì trú xứ của chúng cách biệt loài người. Riêng loài *Tha Thí Hoạt Mệnh*

quỷ, thường sống vất vưởng trong xóm làng, chỗ có dân cư sinh sống; vì họ chết với tâm quyến luyến gia đình nên hiển lộ cho thân quyến hoặc người khác thấy, mà dân gian thường gọi là ma đói, cô hồn. Nhưng nếu loại Ngạ quỷ ấy không biết quyến thuộc đang hồi hướng cho, thì cũng không thể nhận được phần phước ấy từ nơi thân tộc hồi hướng, bởi muốn nhận phước báu **phải biết tuỳ hỷ phước báu**.

- Tuy có một số loài không nhận được phước hồi hướng nhưng phước báu của người hồi hướng không mất. Công đức thiện sự của người nào thì người ấy được gặt hái hạnh phúc. Lại nữa, phước đang tạo trong hiện tại được hồi hướng đến cha mẹ, thầy tổ, thân bằng quyến thuộc trong thời quá khứ, phước ấy cũng vẫn thành tựu tốt đẹp đến những người ấy cũng như đến những bậc hữu ân trong hiện tại.

- Tuổi thọ loài Ngạ quỷ là bất định, tùy ác nghiệp nặng nhẹ mỗi cá nhân.

1.1.4. A-tu-la *(Asura)*:

- Là hạng chúng sanh không có một đời sống sáng chói, huy hoàng như chư Thiên. Đời sống không có thoải mái an lạc, không được tự do như tù nhân bị nhốt trong ngục. A-tu-la chia ra nhiều loài:

+ A-tu-la Thiên: phước báu cao hơn cõi người nhưng thấp hơn cõi Trời một chút, là những người đối

nghịch với chư Thiên cõi Đao-lợi. Trú xứ nằm dưới chân núi Tu-di.

+ A-tu-la Nga quỷ: ngày thọ khổ, đêm hưởng lạc như chư Thiên Đao-lợi; luôn tranh đấu lẫn nhau.

+ A-tu-la Địa ngục: chịu đựng khổ sở như ở địa ngục.

-Trong thần thoại Ấn Độ, A-tu-la là loại quỷ thần chiến đấu, xem là ác thần, luôn tranh đấu với Trời Đế Thích. Tính chất chung là tức giận, kiêu căng, nghi kỵ. Thân hình to lớn gấp 4 lần núi Tu-di.

Nguyên nhân tái sanh vào cõi A-tu-la:

Người được danh vị, tài sản lớn ... nhưng không biết dùng trí tuệ phán đoán, nhận xét khi khen chê ai; nên họ không thể nhận biết rằng: đây là bậc đáng tán thán, đây là kẻ không đáng tán thán. Và do đó, họ đã dùng quyền lực của mình vào việc bất chánh, tức là dùng quyền lực áp chế, dùng lời nói để nhục mạ, chỉ trích những người có giới đức cao trọng, đáng được tán thán. Còn những người sống theo ác hạnh, vô giới đức họ lại tán thán những người ấy.

- Tuổi thọ là bất định.

1.2. Nhàn cảnh – thiện thú (Sugati):

- Là chỗ tái sanh tốt đẹp đầy may mắn, có cơ hội tạo công đức, thiện pháp thế gian và xuất thế gian.

Nhân sinh vào Nhàn cảnh có 3 loại là:

- Đời sống thiện hạnh của cư sĩ (thực hành Thập thiện).

(Agariyapati patti sugati)

- Đời sống Phạm hạnh của Sa môn thực hành phận sự pháp học, phận sự pháp hành hoặc cả hai. *(Anāgāriyapatipatti sugati)*

Thực hành thiện nghiệp tốt đẹp, khi mệnh chung được tái sanh về cõi người, Chư Thiên. *(Gatisugati)*

- Có 27 cõi thuộc Thiện thú, trong đó Nhân loại và 6 cõi Trời Dục giới gọi chung là **Dục Thiện Thú** vì 7 cõi này đặt nền tảng hạnh phúc trên sự hưởng thụ các dục trần cảnh. Tuy tạo các công đức như bố thí, trì giới, tu tiến… nhưng vẫn bị tham ái chi phối nên 7 cõi Dục còn được gọi là *"Nhàn cảnh câu hành với Ái dục"*.

- Thiện nghiệp ở Dục giới có ba loại phát sinh từ thân, khẩu, ý thành mười nghiệp thiện. Lại cũng chia làm mười loại kết hợp với 8 tâm đại thiện: Bố thí, trì giới, thiền định, cung kính, phục vụ, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, nghe Pháp, thuyết Pháp, khiến tà kiến trở thành chơn chánh.

1.2.1. Cõi người – nhân loại *(Manussabhūmi)*:

- Cõi người là cảnh giới trong đó hạnh phúc và đau khổ lẫn lộn. Hạng chúng sanh ở đây đã có nâng cao, phát triển tâm trí, thấy xa hiểu rộng, biết phân biệt, nhận xét các vấn đề (pháp thiện, bất thiện).

- Có bốn đại châu lớn nằm ở bốn phía núi Tu-di *(Sineru)*. Thời sơ kiếp khi vũ trụ vừa tạo lập, con người sống được A-tăng-kỳ tuổi. Về sau ác pháp tăng trưởng thì tuổi thọ cũng giảm theo. Đến mức tối thiểu các châu khác giữ gìn giới hạnh để mức tuổi thọ đừng giảm nữa, riêng Nam Thiệm Bộ Châu luôn thay đổi nếp sống đột ngột, lúc thánh thiện lúc sa đọa, nên tuổi thọ vì vậy mà tăng giảm bất thường. Có bốn đại châu:

a. Đông Thắng Thần Châu: đời sống chừng mực, tuổi thọ 700 năm.

b. Tây Ngưu Hóa Châu: tuổi thọ 500 năm.

c. Bắc Câu Lô Châu: tuổi thọ 1000 năm. Tất cả ba đại châu luôn có tuổi thọ tối thiểu như vậy không tăng giảm bất thường do đời sống sinh hoạt khá quy củ, chừng mực.

- Nhân loại ở Bắc Câu Lô Châu có ba điểm vượt trội hơn các châu khác:

- Không chấp thủ của cải tài sản;
- Không chấp thủ vấn đề tình thân, quan hệ tình cảm; không nghĩ đây là vợ tôi con tôi …
- Hạn lượng tuổi nhất định.

- Loài người ở đây không có vất vả về vấn đề sinh kế như nhân loại ba châu kia bởi ở châu này có cội **cây Như ý**, ai muốn dùng gì thì cứ đến lấy tùy thích. Dung sắc nói chung đều đẹp đẽ, khí hậu điều hòa, vật thực

đầy đủ cho nên thân thể ít bệnh hoạn, không có nạn tranh giành trộm cắp.Từ bé đến già đều thọ trì ngũ giới chín chắn nên sau khi chết ai cũng được sinh lên Thiên giới. Tuy nhiên từ Thiên giới chết đi thì vấn đề sinh thú đối với họ cũng bất định.

d. Nam Thiệm Bộ Châu hay Diêm Phù Đề: Loài người ở đây ham thích học hỏi, có trí nhận xét và hiểu biết các vấn đề, … Về thiện pháp, chỉ nơi này mới phát tích ra những nhân vật phi thường chứng Thiền, chứng Thánh… Về mặt ác pháp, chỉ có người ở đây mới dám làm tội ác tày trời đọa vào cõi khổ.

- Tuổi thọ bất định, khi nào ăn hiền ở lành đúng mức thì có thể sống đến A-tăng-kỳ tuổi. Khi đời sống thoái đọa thì tuổi thọ giảm đến mức tối đa 10 tuổi.

- Nhân loại châu Nam Thiệm có ba đặc điểm vượt trội các châu khác, thậm chí đến chư Thiên Đao-lợi cũng thua kém về ba điểm này:

- Có hùng tâm cao thượng, dũng cảm trong việc hành thí, giới và tu tiến, có trí tuệ và tri thức hiểu rõ Thiện, Bất Thiện; khả năng chứng Thiền, chứng Thánh rất cao. Tuy nhiên với tâm mạnh mẽ không sợ hãi đó, khi làm điều ác cũng phạm tội rất nặng.
- Có chánh niệm vững mạnh nơi Tam Bảo: do có trí tuệ chú trọng trong Pháp, có Tín, Cần, Tuệ, Ba-la-mật và việc đa văn, thân cận bạn lành, nên có niềm tin với Phật giáo, chánh niệm vững mạnh nơi Tam Bảo.

• Có thể sống đời phạm hạnh thanh tịnh: Chỉ có châu Nam Thiệm mới đủ điều kiện tu tập tạo các Ba-la-mật, nhất là đời sống xuất gia, nên các vị Bồ Tát thường tái sinh cõi này để bổ túc Pháp độ cho đầy đủ. Kiếp cuối cùng của chư Phật đều đản sinh ở cõi này.

1.2.2. Cõi trời Tứ Đại Thiên Vương *(Cātummahārājika)*:

- Là lãnh địa của bốn vị vua Trời cai quản Thiên chúng ở cõi trời thứ nhất trong 6 tầng trời Dục Giới nằm giữa núi Tu-di:

• Trì Quốc Thiên Vương *(Dhataraṭṭha)* ở hướng Đông núi Tu Di, cai quản Càn Thát Bà *(Gandhabba)*.

• Tăng Trưởng Thiên Vương (*Đức Viruḷhaka*), ở hướng Nam núi Tu Di, cai quản Cưu-bàn-trà *(Kumbhaṇḍa)*.

• Quảng Mục Thiên Vương (*Đức Virūpakkha*), ở hướng Tây núi Tu Di, cai quản loài Rồng (*Nāga*).

• Đa Văn Thiên Vương *(Đức Kuvera hay Đức Vessuvaṇṇa)*, ở hướng Bắc núi Tu Di, cai quản loài Dạ-xoa *(Yakkha)*.

- Bốn vị Thiên vương ấy còn được gọi là bốn vị Hộ thế Đại vương, là chư Thiên hộ trì nhân giới, còn có bổn phận trông coi bảo vệ cõi nhân loại. Vào mồng tám nửa tháng, quý vị gởi sứ thần xuống thế gian để xem xét việc thiện ác của loài người. Ngày *Uposatha* (Bố Tát), quý vị đích thân làm công việc xem

xét thế gian để báo cáo lên chư Thiên cõi Đao Lợi. Nếu nhiều người thực hành thiện hạnh thì Thiên chúng sẽ sung mãn, và ngược lại.

- Chư Thiên tùy tùng có nhiều hạng, chia làm 3 nhóm chính: Địa Cư Thiên (chư Thiên ở Địa Cầu), Thọ Cư Thiên (ở trên cây), Không Cư Thiên (nơi hư không).

- Tứ Đại Thiên Vương và một số Chư Thiên ở quanh khoảng giữa núi *Sineru* có Thiên cung riêng, còn những vị khác cư trú nơi nào thì chấp nơi ấy là cung điện của mình.

- Trong cõi Tứ Thiên Vương có **4 nhóm Á Thần** (Á Thiên), tính tình hung bạo thô lỗ, sinh chủng hạ đẳng:

+ Dạ-xoa: Có hai loại là Thiên thần Dạ-xoa (thân hình xinh đẹp thù thắng) và Bàng Sanh Dạ-xoa (hình dáng xấu xí hung tợn). Thiên thần Dạ xoa là một dạng quỷ sứ, khi muốn hành hạ chúng sanh thì hóa thành Quỷ sứ đi xuống Địa ngục trừng trị tội nhân.

+ Càn-thát-bà: Là Chư Thiên sanh ra ở trong cây có mùi hương và nương ngụ tại nơi ấy, chí đến cây bị hư mục hay bị người đến mang về làm nhà, làm tàu... cũng mặc, Càn Thát Bà không bỏ đi, vẫn nương mãi cây ấy. Họ có thể làm cho người chủ sử dụng khúc gỗ bị tai ương hoạn nạn như đau bệnh, tổn hại tài sản…Có một số Càn-thát-bà kiếp trước là phụ nữ thất đức, nay

sống dựa vào thân thể người khác, người đời gọi là ma nhập, đồng cốt.

+ Cưu-bàn-trà hay còn gọi là La-sát: là hạng ác thần bụng to tròng mắt đỏ, ở cõi người và Địa ngục. La-sát cõi người có nhiệm vụ trông coi những gì Thiên Vương muốn bảo tồn như núi non, sông hồ, bảo châu, đền tháp… sẵn sàng ăn thịt người nào đến xâm phạm lãnh địa mà họ canh giữ.

+ Loài Rồng: cư trú ở dưới đất và ở dưới núi. Khi du hành trong cõi người, có khi đi nguyên hình Rồng, có khi hóa thân. Đôi khi chúng cũng thích thú hành hạ chúng sanh để thỏa mãn dã tính của mình.

- Các Ác Thần trên đây đôi lúc làm khổ chúng sanh và ưa thích đấu đá đồng loại nên bốn vị Thiên Vương phải cải quản họ không cho sống phóng túng gây hại đến người khác.

- Ngoài loài Ác Thần, Địa Cư Thiên, Không Cư Thiên và Thọ Cư Thiên có tuổi thọ bất định; thì các chư Thiên khác ở cõi này có tuổi thọ cố định là 500 năm = *9 triệu năm* nhân giới, 1 ngày đêm cõi trời = 50 năm cõi người (50 năm x 360 x 500 = 9 triệu năm).

- Thiên tử sanh về cõi này nhờ sự hiếu thảo, lòng mộ đạo dựa trên các đại thiện tâm cao quý.

1.2.3. Cõi trời Đao Lợi *(Tāvatiṃsa)*:

- Cõi trời thứ hai của Dục giới nằm trên đỉnh núi Tu-di được gọi là cõi Đao Lợi hay Tam Thập Tam Thiên. Sở dĩ được gọi như vậy là theo tích truyện quá khứ có 33 vị thanh niên dưới sự hướng dẫn của trưởng nhóm *Magha* đã làm những thiện sự và được sinh vào cõi này. Thanh niên *Magha* ấy trở thành Thiên chủ Đế Thích *(Sakka)*; 32 vị còn lại là 32 vị Thiên Chủ có đại uy lực.

- Chư Thiên sanh vào cõi Đao Lợi là người được hưởng quả an lạc do tạo được trong đời quá khứ, vì thế các cảnh trong cõi này đều là các cảnh khả ái, nam Chư Thiên thì có sắc thân trong lứa tuổi 20 cho đến trọn kiếp sống ấy, còn Thiên nữ thì có sắc tướng như lứa tuổi 16.

- Tương truyền, thân thể chư Thiên Đao Lợi chẳng những vi tế mà còn thanh tịnh, không có bài tiết chất thải uế trược vì thức ăn của họ đều là tịnh phẩm, không có sự già, sự bệnh, đau đớn về thân. Cõi này không có vấn đề máu mủ tình thân bởi do hình thức **hóa sinh**. Các Thiên nhân hiện ra ở cung điện vị Trời nào được xem như thuộc vị Trời đó, hoặc làm con, làm vợ, người hầu…

- Chư Thiên cõi này phân làm hai nhóm: Địa Cư và Không Cư; vị ở cõi thấp không thể thấy được vị ở cõi cao vì mỗi tầng Trời có thân sắc thô tế khác nhau.

Giữa Thiên nam và Thiên nữ vẫn có vấn đề tình cảm như nhân loại nhưng ít thô thiển hơn.

- Thiên lạc cõi Đao Lợi đều tập trung tại sáu hoa viên ở sáu phương khác nhau, đặc biệt hơn cả là hoa viên *Nandavanna* (Hỷ Lâm Viên), mỗi khi có chuyện buồn phiền các Thiên nhân Đao Lợi đều tìm đến đây để giải khuây; mà không phải chỉ cõi này mới có, các tầng trời khác cũng đều có một hoa viên hấp dẫn tương tự vậy. Trong số sáu khu vườn, có 2 loại đặc biệt:

+ *Mahāvana*: hoa viên dành riêng cho Đế Thích;

+ *Puṇḍrika*: trong hoa viên này có ngôi tháp Xá-Lợi răng và tóc của Đức Phật, kế đến là Bảo Tọa nơi Ngài thuyết Tạng Thắng Pháp; cuối cùng là Thính Đường Thiện Pháp *(Sudhammā)* nơi chư Thiên tụ tập trong những dịp Pháp hội.

- Thiên Vương Đế Thích là vị cai quản cả chư Thiên cõi Đao Lợi và chư Thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương. Gọi là Đế Thích vì 2 lý do:

+ Ngài có đặc điểm là luôn bố thí đến người khác bằng một sự trân trọng cẩn thận;

+ Ngài là vị Thiên chủ có khả năng đánh bại các nhóm A-tu-la.

- Người nào muốn trở thành Thiên chủ Đế Thích phải thực hành chính chắn **bảy pháp** sau đây:

1- Nuôi dưỡng cha mẹ.

2- Tôn kính bậc Trưởng thượng trong gia tộc.

3- Nói lời từ hòa, dịu ngọt.

4- Không nói lời đâm thọc.

5- Không bỏn xẻn.

6- Tôn trọng sự thật, cả hành động lẫn lời nói.

7- Chế ngự được tâm sân hận.

- Hạn lượng tuổi thọ cõi Trời này là 1.000 năm = *36 triệu năm* nhân loại (1 ngày đêm = 100 năm cõi người).

1.2.4. Cõi trời Dạ Ma *(Yāma)*:

- Đời sống ở đây chỉ biết tới Thiên lạc, hoàn toàn cách biệt mọi nhọc nhằn đau khổ. Sở dĩ gọi là Dạ Ma vì thân tướng chư Thiên cõi này phát sáng rực rỡ, không cần ánh sáng mặt trời để phân chia ngày đêm. Từ cõi trời này trở đi không còn sự tranh đấu nữa nên gọi là Ly Tránh Thiên.

- Cõi trời Dạ Ma hoàn toàn nằm trên hư không nên không có hạng Địa Cư Thiên. Đền đài, Thiên lạc, thân tướng đều hơn hẳn chư Thiên Đao Lợi.

- Tuổi thọ 2.000 năm = *144 triệu năm* nhân loại (1 ngày đêm = 200 năm cõi người).

1.2.5. Cõi trời Đâu Suất *(Tusitā)*:

- Cõi trời tầng thứ tư này là chỗ xả ly sự nhiệt não, chỉ mang lại sự hoan hỷ và sự hân hoan cho những

người ở trong cõi ấy. Thiên nhân ở cõi này tự hài lòng thỏa mãn với mức độ Thiên lạc cực kỳ đầy đủ của mình nên cõi này được gọi là cõi thù thắng.

- Lại nữa, **chư vị Bồ Tát Toàn Giác trước khi hạ sanh về nhân giới để thành đạt quả vị Vô thượng Chánh Đẳng Giác, sanh hữu cuối cùng thường tái sanh về cõi Đâu Suất này**. Như bậc Chánh Đẳng Giác trong vị lai là Bồ Tát Di Lặc cùng với bậc Thượng Thủ Thanh Văn thọ hưởng Thiên lạc nơi cõi Đâu Suất chờ đến khi hạn định tuổi thọ của nhân loại là 100.000 năm, Ngài sẽ cùng bậc Thượng Thinh Văn mạng chung từ cõi Đâu Suất, hạ sanh về nhân giới, và sẽ đắc vô thượng Chánh Đẳng Giác Tuệ. Điều này cũng là nhân nói rằng: Cõi Đâu-suất này thù thắng hơn những cõi trời khác. *(trích trong Anāgatavaṃsa aṭṭhakathā).*

- *Tusitā* được xem là cõi đẹp nhất của Thiên giới và cũng là cõi Từ Bi vì có sự hiện diện của chư Bồ Tát sanh trú. Đây cũng là trú xứ của cha mẹ các vị Bồ Tát, và các vị Tư-đà-hàm cũng từng sanh về cõi này.

- Cõi này không có hạng Địa Cư Thiên vì chỉ sống trên hư không. Cung điện, thiên lạc, thân tướng, tuổi thọ ở cõi Đâu Suất hơn hẳn cõi Dạ Ma. Theo một số quan điểm, sinh hoạt tính dục ở cõi Đâu Suất, Thiên nam cùng Thiên nữ chỉ nắm tay.

- Tuổi thọ: 4.000 năm = *576 triệu năm* nhân loại (1 ngày đêm = 400 năm cõi người); cõi này cách cõi Dạ Ma 42.000 Do-tuần.

1.2.6. Cõi trời Hóa Lạc *(Nimmāṇarati)*:

- Thiên chúng cõi này tự hóa hiện các vật chất khoái lạc để thụ hưởng, họ có thể biến thành nhiều dạng và nhiều màu sắc khác nhau. Sự vi tế xinh đẹp của Thiên nhân ở cõi này thù thắng hơn cõi Đâu Suất. Theo Chú giải, về vấn đề tình cảm, Thiên nam và Thiên nữ chỉ nhìn nhau mỉm cười.

- Tuổi thọ: 8.000 năm = *2.304 triệu năm* nhân loại (1 ngày đêm = 800 năm cõi người); cõi này cách cõi Đâu Suất 42.000 Do-tuần.

1.2.7. Cõi trời Tha Hóa Tự Tại (*Paranimmitavasavatti)*:

- Là cõi Dục Thiên cao nhất, gọi là Tha Hóa Tự Tại vì Thiên chúng ở cõi đó muốn thụ hưởng thiên lạc nào tự nhiên có chư Thiên khác biết ý, hóa hiện ra cho hưởng thọ ngay. Sự xinh đẹp, sự thù diệu của Thiên cung, Thiên sản và Thiên sắc thân cũng vi tế hơn Chư Thiên cõi Hóa Lạc. Theo Chú giải, sự khao khát của chư Thiên ở đây được thỏa mãn chỉ với cái nhìn đơn thuần.

- Vị có Đại quyền lực, thù thắng hơn tất cả Chư Thiên trong sáu cõi Dục là Thiên tử *Vasavattīmāra*, ở

cõi Tha Hóa Tự Tại. Thiên tử *Māra* (Ác Ma, Ma Vương) này là vị tà chư Thiên, không có tâm tịnh tín với Phật-giáo, thường gây trở ngại cho đấng Chánh Giác.

- Tuổi thọ: 16.000 năm = *9.216 triệu năm* cõi người (1 ngày đêm = 1.600 năm cõi người); cõi này cách cõi Hóa Lạc 42.000 Do-tuần.

2. Sắc giới *(Rūpāvacarānaṃ)*

- Đây là trú xứ của chư Phạm Thiên Hữu Sắc. Phạm Thiên *(Brahma)* là người có ân đức ưu việt (uy quyền, danh vọng, đồ chúng…) và pháp tánh tăng thượng trên các phương diện giới hạnh, trí tuệ, thiền định, đạo quả… Cho nên từ hào quang, dung sắc, thiên lạc, tuổi thọ của Phạm Thiên đều thù thắng gấp nhiều lần so với chư Thiên cõi Dục.

- Chúng sanh ở nhân loại lấy đề mục Sắc Pháp *(Rūpa)* làm đối tượng Thiền định, sau khi tu tập chứng đắc các Tầng Thiền Sắc giới, mạng chung với tâm Thiền Thiện Sắc Giới sẽ tái sanh vào cõi Sắc Giới Phạm Thiên.

- Cõi nước này tốt đẹp thù thắng, chư Phạm Thiên không còn tham muốn dục tính, dục tham thô thiển; sắc thân thanh tịnh không hiện bày nam hay nữ tướng, nhưng hình dáng giống nam nhân. Tâm họ luôn an trú trong Thiền duyệt nên không cần ăn uống như

cõi Dục; tuy nhiên họ vẫn còn vui thích trong cảnh an lạc ấy.

- Có 4 tầng trời tương ưng với 4 cấp độ Thiền định chia thành 16 cõi, còn gọi là Tứ Thiền Thiên, Tứ Sắc Giới.

- Khi từ trần từ cõi Sắc giới này, sẽ không bị tái sanh làm thành một người Vô nhân. Một hữu tình với ba nhân (Tam nhân) có thể tái sanh ở mọi cảnh giới. Những loài hữu tình khác (hai nhân hay không nhân) được sanh ở Dục giới.

2.1. Cõi trời Sơ Thiền - Ly sanh hỷ lạc địa (3 cõi):

- Trong cõi Sơ Thiền chia làm 3 cấp tùy theo chỗ sinh, chỗ nương của vị Phạm Thiên. Ở đây lấy tên chức vị của người đặt tên cho trú xứ.

+ Phạm Chúng Thiên: tầng trời của hạng Phạm Thiên tùy tùng cho các vị Phạm Chủ (Đại Phạm Thiên). Tuổi thọ = 1/3 thời gian của trụ kiếp *(asaṅkheyya-kappa)*.

+ Phạm Phụ Thiên: tầng trời của hạng Phạm Thiên phụ tá, cố vấn cho Đại Phạm Thiên. Tuổi thọ = 1/2 thời gian của trụ kiếp.

+ Đại Phạm Thiên: tầng trời của vị Phạm chủ cai quản tất cả Phạm Thiên ở hai cõi Phạm Chúng và Phạm Phụ. Tuổi thọ = một trụ kiếp. Trong đây lại phân ra làm 3 cấp:

1/ Đại Phạm Thiên có hào quang sáng chói 1000 vũ trụ;

2/ Đại Phạm Thiên có hào quang sáng 2000 vũ trụ;

3/ Đại Phạm Thiên có hào quang sáng 3000 vũ trụ.

→Vị Đại Phạm Thiên có nhiều hạnh phúc, đẹp đẽ, và tuổi thọ nhiều hơn các vị Phạm Thiên khác, nhờ phước báu đã tạo do pháp hành thiền.

- Tuy nói là ba cõi Sơ Thiền nhưng không phải nằm theo thứ tự tầng bậc, mà đó là ba khu vực riêng nằm chung trên một mặt bằng bao la. Nơi nào cũng đầy dẫy đền đài, hoa viên… cấu tạo bằng bảy báu rực rỡ hào quang.

- Khi hành giả mạng chung với tâm Thiền Thiện Sơ Thiền Sắc Giới sẽ tái sanh vào cõi Sơ Thiền. Đó là tâm thiền gồm đủ cả 5 chi thiền: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Định và thành tựu do tu một trong 25 đề mục sau: 10 đề mục *kasiṇa* / 10 đề mục bất tịnh / 1 đề mục suy niệm về thể trược / 1 đề mục niệm hơi thở / 3 đề mục vô lượng tâm *(Từ, Bi, Hỷ)*.

- Những người đã phát triển Sơ Thiền ở mức độ vừa đủ, sau khi chết tái sanh vào cảnh Phạm Thiên đầu tiên. Những vị đã phát triển Sơ Thiền đến mức độ trung bình sẽ tái sanh vào cảnh thứ nhì, và những vị đã hoàn

toàn vững vàng trong Sơ Thiền sẽ được tái sanh vào cảnh giới Đại Phạm Thiên, tầng thứ ba. Những cảnh giới tương ứng với Nhị Thiền và Tam Thiền cũng phải được hiểu cùng một thế ấy.

2.2. Cõi trời Nhị Thiền - Định sanh hỷ lạc địa (3 cõi):

- Cõi Nhị Thiền chia làm 3 cấp tùy theo mức độ hào quang của vị Phạm Thiên trong cõi ấy tức là tùy theo sự phát sáng sai biệt nhiều ít của hào quang mà đặt tên cho trú xứ.

+ Thiểu Quang Thiên: tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang kém nhất trong cõi Nhị Thiền. Tuổi thọ là 2 đại kiếp *(mahākappa)*.

+ Vô Lượng Quang Thiên: tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang vô lượng. Tuổi thọ là 4 đại kiếp.

+ Quang Âm Thiên: tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang phát sinh từ thân mình với nhiều tia sáng rực rỡ. Tuổi thọ là 8 đại kiếp. Tâm tư các Phạm Thiên cõi Quang Âm luôn tràn đầy hỷ lạc, nội tâm trong sáng thanh tịnh, từ đó tác động sắc diện, cho nên các tia hào quang phát sáng là do sắc quý tiết từ tâm lý trợ sinh.

- Ba cõi Nhị Thiền nằm giữa hư không ví như chiếc tàu lớn bồng bềnh giữa Đại dương với cung điện nguy nga bằng bảy báu. Và tất cả chư Phạm Thiên trong ba cõi Nhị Thiền này:

+ Hạng Thiểu Quang Thiên có chức vị như Phạm Chúng Thiên.

+ Vô Lượng Quang Thiên có chức vị như Phạm Phụ Thiên.

+ Quang Âm Thiên có chức vị như Đại Phạm Thiên.

- Theo Vi Diệu Pháp, khi hành giả mạng chung với tâm Thiện Nhị Thiền Sắc Giới *(có 4 chi thiền Tứ, Hỷ, Lạc và Định)* và Tam Sắc Giới *(có 3 chi thiền Hỷ, Lạc và Định)* sẽ tái sanh vào cõi Nhị Thiền. Tương ưng với tạng Kinh là tâm Nhị Thiền *(Định Sanh Hỷ Lạc)*.

- Hành giả tu tập một trong 14 đề mục sau để chứng Thiền: 10 đề mục *kasiṇa* / 3 đề mục vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ / 1 đề mục niệm hơi thở.

2.3. Cõi trời Tam Thiền - Ly hỷ diệu lạc địa (3 cõi):

- Cõi Tam Thiền chia làm 3 cấp tùy vào sự xinh đẹp của hào quang:

+ Thiểu Tịnh Thiên: tầng trời của vị Phạm Thiên có ánh hào quang kém xinh đẹp nhất trong cõi Tam Thiền. Tuổi thọ là 16 đại kiếp.

+ Vô Lượng Tịnh Thiên: tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang cực kỳ huy hoàng. Tuổi thọ là 32 đại kiếp.

+ Biến Tịnh Thiên: tầng trời của vị Phạm Thiên toàn thân có hào quang chói lọi sáng như trăng rằm. Tuổi thọ là 64 đại kiếp.

- Theo Vi Diệu Pháp, khi hành giả mạng chung với tâm Thiền Thiện Tứ Thiền Sắc Giới *(có 2 chi thiền Lạc và Định)* sẽ tái sanh vào cõi Tam Thiền. Tương ưng với tạng Kinh là tâm Tam Thiền *(Ly Hỷ Trú Xả)*. Đề mục tu tập giống đệ Nhị Thiền.

2.4. Cõi trời Tứ Thiền - Xả niệm thanh tịnh địa (7 cõi):

2.4.1. Quảng Quả Thiên:

Các Phạm Thiên ở cõi này hưởng quả lành to lớn, kiên cố, đặc biệt và bất động nhờ năng lực thiền định.

- Khi thế giới này bị tiêu hoại bởi **nạn lửa, nước, gió**, thì từ cõi Sơ Thiền đến Tam Thiền đều bị hoại. Tất cả Phạm Thiên nương trú trong các cõi ấy đều phải mạng chung, Thiên cung và Thiên sản của các vị ấy cũng bị hủy diệt theo. Còn **cõi Quảng Quả không bị tiêu hoại** bởi ba nạn này, cho nên những vị Phạm Thiên sanh trong cõi này, dù sanh lên trong thời nào vẫn có thọ lượng là 500 Đại kiếp. Chính do nhân này, quả phước dẫn cho tái tục vào cõi này, được gọi là Quảng Quả, được sanh từ mãnh lực Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới (nói theo Vi Diệu Pháp là Ngũ Thiền) tương ưng Xả thọ.

2.4.2. Vô Tưởng Thiên:

Phạm Thiên ở cõi này không có Sở Hữu Tưởng, tức là tác ý ly tham đối với tâm thức. Nơi đây chỉ có sự biến chuyển liên tục của Sắc. Thông thường thì Danh và Sắc luôn luôn dính liền nhau, không thể tách rời. Nhưng đôi khi, như trường hợp này, do năng lực của Thiền, cũng có thể tách rời Danh và Sắc. Cõi này còn được gọi là cõi của hữu tình vô tri. Tuổi thọ 500 đại kiếp.

- Theo Vi Diệu Pháp, khi hành giả mạng chung với tâm Thiền Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới *(có 2 chi thiền Xả và Định)* sẽ tái sanh vào cõi Tứ Thiền. Tương ưng với tạng Kinh là tâm Tứ Thiền *(Xả niệm thanh tịnh)*.

- Hành giả tu tập một trong 12 đề mục sau để chứng Thiền: 10 đề mục *kasiṇa* / 1 đề mục Xả vô lượng tâm / 1 đề mục niệm hơi thở.

2.4.3. Ngũ tịnh cư thiên *(SUDDHAVĀSA)*

Năm cõi trời Tịnh Cư là nơi ở của bậc Thánh nhân Tam Quả A-na-hàm, Tứ Quả A-la-hán mà không có hạng Thiên nhân nào khác dù chứng đạt Tứ Thiền (hay Ngũ Thiền) đi chăng nữa. Chỉ duy nhất có bậc Thánh nhân A-na-hàm được tái sanh cõi này, các vị ở đây chứng quả A-la-hán rồi sống đến khi mãn thọ mạng.

1/ Vô Phiền Thiên:

Chư Phạm Thiên ở cõi này không bị thất thoát mất mát các Thiên sản, tuổi thọ… Họ sống trọn vẹn đến hết thọ mạng, không mệnh chung trước khi hạn lượng tuổi thọ cõi Vô Phiền chưa hết; không như các cõi Tịnh Cư cao hơn có thể chấm dứt thọ mạng bất kỳ lúc nào. Tuổi thọ cõi trời này là 1.000 đại kiếp.

2/ Vô Nhiệt Thiên:

Tầng trời này có chư Phạm Thiên thường xuyên nhập Quả Định nên các phiền não không có cơ hội bộc khởi để gây bức nhiệt. Nhờ vậy nội tâm các vị luôn an tịnh mát mẻ. Tuổi thọ cõi trời này là 2.000 đại kiếp.

3/ Thiện Hiện Thiên:

Thân tướng của chư Phạm Thiên cõi này rất đẹp, ai nhìn vào cũng cảm thấy an lạc hoan hỷ. Các vị nhìn thấy mọi vật rất rõ ràng, xuyên suốt mọi thứ; do có Nhục nhãn, Thiên nhãn, Pháp nhãn, Tuệ nhãn thanh tịnh. Tuổi thọ 4.000 đại kiếp.

4/ Thiện Kiến Thiên:

Phạm Thiên ở đây nhìn thấy các vật khác bằng sự thoải mái; sự *"thấy"* khéo đầy đủ hơn; về 4 loại nhãn thì Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn thù thắng hơn Phạm Thiên cõi Thiện Hiện còn Pháp nhãn bằng nhau. Tuổi thọ là 8.000 đại kiếp.

5/ Sắc Cứu Cánh Thiên:

Giới Đức, Định Đức và Tuệ Đức của chư Phạm Thiên cõi này vượt trội hơn tất cả các Phạm Thiên Hữu Sắc khác. Nét ưu việt nhất trong cõi Trời Sắc Cứu Cánh là khi đã sinh vào đây, dù sớm hay muộn cũng sẽ chứng đắc Tứ Quả A-la-hán và nhập Niết-bàn ngay cõi này chứ không tái sanh đi đâu nữa trong khi các cõi Trời khác khi mãn tuổi thọ phải theo nghiệp tái sanh. Tuổi thọ tối đa của cõi này là 16000 đại kiếp.

- Trên cõi Sắc Cứu Cánh có một ngôi tháp tên là *Dussa* tôn trí bộ Vương phục của Bồ Tát Tất-đạt-đa *(Siddhattha)* khi Ngài mới đi xuất gia, mà Phạm Chủ *Ghatikāra* đem về thờ sau khi dâng 8 món pháp khí.

☞ Trong 5 cõi Tịnh Cư, không chia thành từng bậc như cõi Sơ-thiền, Nhị-thiền... Cõi Vô Phiền chỉ có duy nhất là Phạm Thiên Vô Phiền, các cõi Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh cũng y như vậy. Vì rằng: Thọ lượng của chư Phạm Thiên mỗi cõi đều như nhau, đều có khả năng thấy nhau được. Do nhân này, mới không chia mỗi cõi ra thành 2 hoặc 3 hạng.

☞ Người sanh vào cõi Tịnh Cư này **phải hội đủ 2 điều kiện: là bậc Thánh Bất Lai *(A-Na-Hàm)*, và phải chứng đắc Ngũ Thiền**, dù đó là người, chư Thiên hay Phạm Thiên cũng vậy.

☞ Sở dĩ Ngũ Tịnh Cư có 5 cõi, là do mãnh lực của 5 quyền:

- Vị có **Tín quyền** mạnh hơn 4 quyền kia, sẽ sanh về cõi Vô Phiền.
- Vị có **Tấn quyền** trội hơn, sẽ sanh về cõi Vô Nhiệt.
- Vị có **Niệm quyền** mạnh hơn cả, sẽ sanh về cõi Thiện Hiện.
- Vị có **Định quyền** mạnh hơn cả, sẽ sanh về cõi Thiện Kiến.
- Vị có **Tuệ quyền** mạnh hơn cả, sẽ sanh về cõi Sắc Cứu Cánh.

☞ Nếu hết tuổi thọ ở cõi Tịnh Cư thấp mà chưa chứng quả A-la-hán, phải tuần tự sanh lên cõi Tịnh Cư cao hơn để tu tập, không sanh lại cõi cũ hoặc cõi thấp hơn. Riêng Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh sẽ không sanh lại nữa, tức Niết-bàn tại chính cõi ấy.

3. Vô sắc giới *(Arūpaloka, Arūpabhava)*

- Là cảnh giới không còn trạng thái vật chất (sắc thân, cung điện, quốc độ), chỉ có tâm thức trụ trong Thiền Định sâu xa mầu nhiệm. Đây là cõi hiện hữu của chư Phạm Thiên siêu hình, chỉ có Danh Pháp (thọ, tưởng, hành, thức). Tuy nói là cõi Vô Sắc nhưng kỳ thực nó là khoảng không bao la vô giới tuyến.

- Có 4 tầng trời tương ưng với 4 cấp độ Thiền Vô Sắc, được gọi là Tứ Không Xứ *(Tứ Vô Sắc)*. Chư Pham

Thiên cõi này thọ hưởng kết quả của phép tu Thiền Định Vô Sắc.

- Khi từ trần từ cõi Vô Sắc, sẽ được tái sanh lại ở cõi Vô Sắc hay một cõi cao hơn nhưng không ở một cõi thấp hơn, và có thể sanh ở cõi Dục giới là người ba nhân.

3.1. Cõi trời Không Vô Biên Xứ:

Cõi đầu tiên trong bốn tầng trời Vô Sắc, Sau khi đắc Tứ Thiền, hành giả tu tiến với các *kasiṇa* vượt qua hoàn toàn mọi Sắc tưởng, với sự dập tắt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các dị biệt tưởng, tư duy về định tướng hư không là vô biên chứng đắc với tâm ấy, khi mạng chung được sinh lên cõi này. Tuổi thọ cõi này là 20 ngàn đại kiếp.

3.2. Cõi trời Thức Vô Biên Xứ:

Là cõi của chư Phạm Thiên chứng đắc tầng Thiền "Thức Vô Biên". Tuổi thọ cõi này là 40 ngàn đại kiếp.

3.3. Cõi trời Vô Sở Hữu Xứ:

Là cõi của chư Phạm Thiên chứng đắc tầng Thiền "Vô Sở Hữu". Tuổi thọ cõi này là 60 ngàn đại kiếp.

3.4. Cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ:

Là cõi của chư Phạm Thiên chứng đắc tầng Thiền "Phi Tưởng Phi Phi Tưởng", là nơi cao nhất trong 3 cõi, chư Phạm Thiên ở đó có tuổi thọ đến 84.000 đại kiếp,

nhưng thảy đều chưa diệt hết phiền não, nên chưa ra khỏi luân hồi, một khi phước trời đã hết vẫn tái sanh như thường.

III. PHẦN PHỤ THÊM

- Có ba loại kiếp: *Antarakappa* (Trung kiếp), *Asankheyyakappa* (Vô lượng kiếp) và *Mahākappa* (Đại kiếp).

1/ *Antarakappa*: Trung kiếp là thời gian tuổi con người lên từ 10 tuổi đến vô số tuổi rồi trụt xuống chỉ có 10 tuổi.

2/ 20 Trung kiếp như vậy là Vô số kiếp *(asankheyyakappa)*,

3/ 4 Vô số kiếp thành một Đại kiếp *(mahākappa)*.

- Một Đại kiếp là thời gian cần thiết để quăng cho hết các hột cải trong một khoảng đất rộng, cao và dài một Do tuần, cứ 100 năm là quăng một hột cải.

1. Tâm thiện Dục giới còn được gọi là tâm Đại Thiện *(Mahākusala Citta)* vì những lý do sau đây:

1.1. Tạo được nhiều quả:

Tuy tâm thiện Dục giới chỉ có 8 tâm nhưng có thể tạo được 16 tâm quả là: 8 tâm quả thiện Dục giới vô

nhân và 8 tâm quả Dục giới hữu nhân. Vì vậy, nên nói là tạo được nhiều quả.

1.2. Sanh ở nhiều cõi:

Tâm thiện này có thể sanh trong tất cả các cõi hữu tâm, chỉ trừ cõi Vô Tưởng, vì chúng sanh nơi đó không có tâm nên tâm thiện không thể phát sinh nơi đó được.

1.3. Biết được nhiều cảnh:

Có tất cả là 21 cảnh (nếu tính rộng) và tâm thiện Dục giới có thể biết hết các cảnh ấy. Vì tâm này rất linh động chứ không cứng ngắt như những tâm thiền (trừ tâm Diệu Trí) chỉ chăm chú vào một cảnh.

2. Tám Tâm Đại Thiện

2.1. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Vô Trợ:

Là tâm tốt, khi sanh lên có cảm thọ hoan hỷ, có sự sáng suốt và phát sinh một cách mau lẹ. Thí dụ: như một người lâu ngày không gặp chư Tăng, một hôm, trông thấy một nhà sư đi bát liền phát tâm hoan hỷ nghĩ rằng: *"May mắn cho ta được gặp dịp tạo phước"*, liền đem vật thực để bát.

- Gặp nhà sư liền phát tâm hoan hỷ: **Thọ Hỷ**;

- Nghĩ rằng đây là một cơ hội để tạo phước: **Hợp Trí** vì biết đúng lý nhân quả;

- Liền đem vật thực để bát: **Vô Trợ**, vì hành động không do dự.

2.2. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Hữu Trợ:

Là tâm lành sanh lên với cảm giác vui mừng, có sự hiểu biết sáng suốt nhưng phát khởi với sự trì hoãn, chậm chạp. Thí dụ: một người có vật quý muốn bố thí, nhưng vì tiếc của nên tâm còn **chần chờ, đắn đo**. Sau một lúc tự nghĩ: *"Sự dứt bỏ, xả ly là pháp cao thượng, quí báu hơn cả vật này"*, nghĩ vậy xong người đó liền hoan hỷ bố thí. Sự phân vân, nghĩ tới, nghĩ lui của người đó được gọi là hữu trợ.

2.3. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Vô Trợ:

Là tâm lành, có cảm thọ vui mừng, phát sanh mau lẹ nhưng **thiếu sự sáng suốt**. Thí dụ: một người tốt bụng sẵn sàng giúp đỡ mọi người, nhưng vì thiếu sự suy xét kỹ nên hay bị người lợi dụng.

2.4. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ:

Là tâm thiện có cảm giác vui mừng, nhưng **thiếu sáng suốt và phát sanh chậm chạp**. Thí dụ: một người tánh vốn vui vẻ và không hề biết luật nhân quả. khi có người kêu gọi làm việc từ thiện thì đắn đo nhưng sau cùng vì nể tình nên cũng bắt tay vào. Khi bắt tay vào, với không khí an lành nơi làm việc khiến người ấy cảm thấy vui vẻ, thoải mái.

2.5. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Hợp Trí Vô Trợ:

Là tâm thiện có cảm thọ thản nhiên, sáng suốt và sanh khởi rất nhanh. Như một người có thói quen hay làm phước, thấy người cùng khổ, người ấy thản nhiên giúp đỡ cho không do dự. Sau đó còn biết hồi hướng phước báu đến thân nhân đã quá vãng.

2.6. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Hợp Trí Hữu Trợ:

Là tâm lành với cảm thọ thản nhiên, có sự suy xét sáng suốt nhưng cần nhân trợ giúp mới sanh khởi.

2.7. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Ly Trí Vô Trợ:

Là tâm thiện có cảm thọ thản nhiên, thiếu sự suy xét sáng suốt, nhưng sanh khởi một cách mau lẹ. Thí dụ một đứa bé thấy cha mẹ đảnh lễ tượng Phật liền bắt chước làm theo không do dự.

2.8. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Ly Trí Hữu Trợ:

Là tâm lành có cảm thọ bình thản, thiếu sự sáng suốt và khởi lên một cách chậm chạp sau nhiều lần được nhắc nhở. Như một người nghèo nhưng có thiện tâm, thấy người hành khất muốn bố thí nhưng lại do dự vì hoàn cảnh của mình cũng không dư dả gì. Nghĩ đi, nghĩ lại một hồi mới chịu bố thí.

3. Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo được phát sanh bởi 5 nguyên nhân sau:

3.1. Sự tác ý *(Mānasikāra)*:

Là sự chú tâm, chủ ý trước đối tượng. Nếu "không khéo tác ý" là nhân sanh tâm bất thiện thì "khéo tác ý" là nhân của tâm thiện.

3.2. Môi trường sống *(Varo)*:

"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Do đó, ta có thể thấy nơi trú ngụ cũng có phần nào ảnh hưởng đến tâm tính và đời sống của chúng ta. Nếu "ở nơi không nên ở" là nhân sanh tâm bất thiện thì "cư ngụ nơi đáng cư ngụ" là nhân sanh tâm thiện vậy.

3.3. Sự thân cận *(Sevana)*:

Là một trong những ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ nhất đối với tâm tánh của chúng ta; môi trường sống chỉ chi phối được chúng ta phần nào, nhưng những người mà ta thân cận chi phối chúng ta mạnh hơn nữa *(do ái dục)*, làm cho ta dễ bị tiêm nhiễm nhiều hơn nữa. Nếu "thân cận phi thiện nhơn" là nhân sanh tâm bất thiện thì "thân cận thiện nhơn" là nhân cần thiết để sanh tâm tịnh hảo.

3.4. Thói quen *(Niccakara)*:

Là một chi phối, điều khiển, có tác dụng lớn đến đời sống của chúng ta. Ban đầu ta tạo thói quen, sau thói quen tạo lại ta. Thật khó khăn khi phải từ bỏ những việc thường làm, vì ta thường bị thói quen sai khiến, do đó, nếu tập thói quen xấu sẽ khiến ta hành

động xấu và nếu tập được thói quen tốt sẽ khiến ta hành động tốt, tức là trợ cho tâm thiện sanh khởi.

3.5. Chí hướng *(Panidhi)*:

Là một sự dẫn dắt có tác năng ảnh hưởng lớn đến đời sống của chúng ta. Một chí hướng tốt sẽ khiến chúng ta đi trên con đường tốt tức là nhân trợ sanh tâm thiện.

4. Năm Nhân Sanh Tâm Bất Thiện:

4.1. Tâm không khéo tác ý *(Ayoniso mānasikāra)*:

Là sự không khéo dùng tâm hay vụng về trong cách suy nghĩ. Ví dụ: trước sự bất hạnh, đau khổ xảy đến, một người khéo tác ý sẽ nghĩ rằng *"Đây là một cơ hội để ta hành pháp nhẫn nại"*, rồi người ấy hoan hỷ đón nhận nghịch cảnh đó. Trái lại, người không khéo tác ý sẽ than thở, phát tâm sầu muộn *(tâm Sân dấy lên)*.

4.2. Ở xứ không nên ở *(Appatirāpadanevada)*:

Là trú ngụ ở những nơi phát sanh nhiều phiền não, gây tai hại cho tinh thần, khiến tâm hằng dao động, như những nơi thường có chiến tranh, những nơi gần chốn ăn chơi, ... đều là những nơi không nên ở vì tục ngữ có câu: *"Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài"*. Ngoài lý do bản tánh và thói quen ở kiếp trước, con người còn dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh

mình. Vì vậy, có thể nói, cư ngụ ở những nơi không nên ở cũng là một nguyên nhân sanh tâm bất thiện.

4.3. Thân cận phi thiện nhơn *(Asappurisapanissaya)*:

Phi thiện nhơn là những người có thân ác, khẩu ác và ý ác; những người thiếu giới đức, kém trí tuệ. Khi giao thiệp với những người ấy, ta dễ bị ảnh hưởng theo, *"gần mực thì đen"*. Do đó việc thân cận phi thiện nhơn cũng là một nguyên nhân sanh tâm bất thiện.

4.4. Đời trước không có thói quen tạo phước *(Pubbe akata puññata)*:

Có thể nói phiền não của chúng sanh giống như cỏ, thiện pháp của chúng sanh giống như lúa; lúa khó trồng mà dễ chết, còn cỏ không trồng nhưng khó diệt. Nói một cách khác, tâm bất thiện là một bản năng thường có của chúng sanh, *"nhân chi sơ, tính bổn ác"*. Vì vậy, một người không có thói quen tạo phước thì rất dễ sinh ác tâm.

4.5. Hướng mình theo tà vạy *(Attamicchapanidhi)*:

Nghĩa là có khuynh hướng làm điều ác, nuôi hoài bão bất chánh, có lập trường bất hảo. Như một người muốn làm du côn; muốn trở thành tướng cướp ... Do thực hành theo những ý hướng bất chánh đó, người ấy tạo ra những hành động bất thiện.

(Trích Vi Diệu Pháp giảng giải – Tỳ-kheo Giác Chánh)

(Buổi giảng ngày 10/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Tam giới là gì?

2). Dục giới gồm những cõi nào? Bao nhiêu cõi khổ cảnh, bao nhiêu cõi nhàn cảnh? Cõi Trời Dục giới gồm những cõi nào? Tuổi thọ các cõi như thế nào?

3). Nhân tái sanh vào khổ canh, nhân tái sanh vào nhàn cảnh cõi Dục giới?

4). Cõi Trời Sắc giới gồm những cõi nào? Nhân tái sanh vào cõi Sắc? Tuổi thọ của các cõi Trời sắc giới là bao nhiêu?

5). Cõi Trời Vô Sắc giới gồm những cõi nào? Nhân tái sanh vào cõi Vô Sắc? Tuổi thọ của các cõi Vô sắc giới là bao nhiêu?

6). Ngũ tịnh cư gồm những cõi nào? Nhân sanh cõi tịnh cư?

7). Tiểu thiên, Trung thiên và Đại thiên thế giới là gì?

8). Giảm kiếp, tăng kiếp, tiểu kiếp, trung kiếp, vô lượng kiếp (A-tăng-kỳ) và đại kiếp là gì?

Bài 11: BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

---

* DẪN NHẬP
* BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

I. DẪN NHẬP

Kính chào quý Phật tử, tối hôm nay chúng ta tiếp tục học lớp giáo lý cơ bản Khóa 3, chủ đề tối hôm nay Thầy gửi đến đại chúng là BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO. Hay là bảy phương pháp khi gặp một chuyện bất như ý (là những chuyện mà bấy lâu nay khiến cho mình phiền não, buồn giận, ưu bi, khổ đau), trong Kinh thì gọi là nó khiến cho *dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu sanh*. Bài này là một trong những bài học để đại chúng có được những cách, khi đụng chuyện chúng ta biết cách dùng, cách này không được thì dùng cách khác. Một trong những điều theo Thầy nghĩ là Phật tử hay hiểu nhầm, từ xuất gia đến tại gia, đó là *"Tu là phải nhịn, tu là phải kham nhẫn, tu là phải ráng nhẫn nha, phải cắn răng chịu đựng nha!"* phải như vậy không đại chúng? Thầy ví dụ, khi mình ở nơi lạnh quá, thì bắt đầu rét rung lên đúng không? *"Thôi nhẫn nha, phải nhẫn!*

Hay lúc đó lấy cái áo mặc vô là xong, đơn giản vậy thôi.

Có nhiều cách chúng ta đối trị khi gặp phiền não. Mình dùng cách này hoặc cách khác, dĩ nhiên là cách nào thích hợp để mình vượt qua được khổ đau, vượt qua được khó khăn, vượt qua được phiền não để chuyển hóa được những phiền não đó. Cho nên bài này mở cho mình nhiều cách lắm, nếu như hôm trước mình học cái bài MƯỜI CÁCH LÀM PHƯỚC (10 cách là nói gọn chứ phân ra còn nhiều cái lắm), tức là có nhiều cái để mình làm phước, thì cũng vậy, có nhiều cách để khi mình gặp chuyện phiền não mình có thể chuyển hoá. Gặp Phật Pháp là phải có lợi ích, Thầy mong đại chúng nghe bài này xong, bắt đầu xét lại cuộc sống của mình, xem mình đang gặp khó khăn gì. Lâu nay đa phần chúng ta nhẫn thì hôm nay xem lại có một số cái mình nhẫn, có một số cái không có nhẫn nha. Có một số cái chỉ cần né thôi, và có một số cái quý vị chỉ cần *như lý tác ý* cho nó đúng thôi. Có một số cái thì mình phải khéo thọ dụng, có một số cái mình khéo khởi cái tâm là mọi việc nó qua.

Hôm nay, bài giảng này Thầy lấy trong bài *Kinh số 2 - Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc (Sabbāsava Sutta), trong Kinh Trung Bộ*. Trong bài Kinh này Đức Phật dạy cho mình bảy cách để mình đoạn trừ lậu hoặc (tức là những phiền não), những phiền não chưa sanh và những lậu hoặc chưa sanh thì mình đừng cho nó sanh,

nó sanh rồi thì mình tìm cách chuyển hóa. Đây là bảy cách:

☞ Thứ nhất: có những lậu hoặc, những phiền não do tri kiến mà mình đoạn trừ phiền não đó.

☞ Thứ hai: là có những lậu hoặc do phòng hộ mà đoạn trừ.

☞ Thứ ba: có những phiền não do thọ dụng đoạn trừ.

☞ Thứ tư: có những phiền não do kham nhẫn mà đoạn trừ.

☞ Thứ năm: có những phiền não do tránh né mà đoạn trừ.

☞ Thứ sáu: có những phiền não do trừ diệt mà đoạn trừ.

☞ Thứ bảy: có những phiền não do tu tập mà đoạn trừ.

Bây giờ Thầy xin bắt đầu vào từng phần, Thầy không giảng nguyên bộ Kinh mà Thầy chỉ trích bảy điều này ra để Thầy giảng thành một bài Pháp là BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO, để khi đụng chuyện chúng ta đem ra ứng dụng vào trong cuộc sống của mình.

II. BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

1. Có những phiền não do tri kiến đoạn trừ

Đại chúng nghe Phật dạy trong chánh Kinh trước, trong chánh Kinh Đức Phật dạy thế này:

(Các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ)

Này các Tỷ-kheo, và thế nào là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhơn, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý; vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý.

(Trích Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc (Sabbāsava Sutta), trong Kinh Trung Bộ)

"... ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhơn, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các

pháp không cần phải tác ý": Đại ý tức là phàm phu, (*phàm phu* là người ít nghe, ít thấy, ít gặp, ít được học nơi các bậc thiện tri thức) vì không được thấy, không được gặp, thì sẽ không được nghe, và chúng ta sẽ không hiểu đâu là đúng - sai. Khi không biết đúng - sai thì mình không biết cái nào nên tác ý. *Tác ý* có nghĩa là mình suy nghĩ về vấn đề đó. Chúng ta nghe đoạn tiếp:

"... vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý": Đơn giản là như vầy, ở đây Đức Phật muốn nói về những điều *nên tác ý* và *không tác ý*, tức là nên *như lý tác ý* và *phi như lý tác ý*. Cái này quan trọng lắm quý vị nha, có những phiền não chúng ta nên *tác ý đúng*, mình gọi là suy nghĩ cho đúng, cho hợp lý thôi thì là đã đoạn được phiền não, cái đó gọi là ***"như lý tác ý"***. Một trong những khổ đau của mình đến là do mình *không như lý tác ý*, và mình giải quyết khổ đau là do mình như lý tác ý. Và cái từ *như lý tác ý* đó đại chúng nên làm quen vì sau này vào trong Kinh mình sẽ thường gặp từ này lắm.

Vậy thì ***như lý tác ý*** là những suy nghĩ, những suy tư của mình nó hợp lý, nó đúng với sự thật. Thầy nói ví dụ cái ly này là *vô thường* hay là *thường*? Nó là vô thường, thì mình suy tư rằng *"nó vô thường"*, đó là như lý tác ý. Như lý tác ý là chúng ta suy tư về việc đó nó

đúng với sự thật. Thân này là *vô thường*, có thân này là *khổ*, có thân là *vô ngã*, đó là quý vị đã như ý tác lý rồi. Và khi mà suy tư về những vấn đề đúng sự thật như vậy thì có những phiền não không khởi lên, còn nếu như mình không suy tư đúng như lý tác ý thì gọi là ***"Phi như lý tác ý"***.

Và nghe tưởng đơn giản như vậy, nhưng nghiệm lại xem cuộc đời này có rất nhiều cái khổ đau của mình do chúng ta suy tư *Phi như lý tác ý*. Tức là nó không đúng sự thật. Ví dụ như cuộc đời này mình nói chết là còn hay là hết? Mình nói *"chết là còn"* chấp còn là dính vô *chấp thường*, còn nói *"chết là hết"* thì vô *chấp đoạn*. Quý vị thấy khủng khiếp không, đó là Tà kiến. Cho nên khi chúng ta không như lý tác ý là dễ lọt vô Tà kiến lắm, tức là hiểu sai một vấn đề thì chúng ta rất dễ mắc vào Tà kiến, khổ đau. Nói dễ hiểu, như lý tác ý là quý vị tác ý về những cái gì đúng với sự thật. Sự thật ở đây là đúng với Tam tướng, đúng với nghiệp lý, cái gì nó có nhân có quả, có thiện có ác, có tội có phước. Như lý tác ý, ví dụ thiện cho quả vui ác cho quả khổ, đó là quý vị suy tư là về nghiệp và nghiệp lý. Rồi suy tư về cuộc đời mình, thân tâm mình là Vô thường - Khổ - Vô ngã thì những cái suy tư đó của mình đúng hay sai là đúng, nếu nó đúng thì đó là như lý tác ý. Còn *phi như lý tác ý* là mình suy tư về cái gì ngược lại với Tam tướng. Không có nghiệp gì hết, không có nhân quả, không có thiện ác, làm ác không có khổ đau, làm thiện không có

vui đâu, thì đó là phi như lý tác ý. Và những cái đó làm mình sinh cái Tà kiến, rất dễ làm cho mình khổ đau.

Vậy thì ở đây cái đầu tiên Đức Phật dạy cho mình là có những lậu hoặc (những phiền não) do tri kiến đoạn trừ, tức là do mình khéo tác ý nha đại chúng. Khéo tác ý mà tác ý không đúng là phiền não nổi lên. Tác ý đúng là có những phiền não chỉ cần hiểu đúng thôi là vấn đề khác liền. Thầy lấy ví dụ đại chúng chỉ cần tác ý hiểu về *nghiệp và quả của nghiệp* thôi, cuộc đời chúng ta thay đổi nhiều quá rồi. Trước kia mình cắt cổ con gà mình ăn nhẹ nhàng lắm, mình nghĩ con vật nó sống để lo cho con người, mình nghĩ "vật dưỡng nhơn" mà. Nhưng bây giờ học nghiệp và quả của nghiệp rồi, chưa chắc con gà và mình ai phước hơn ai đâu ạ. Có thể đời này con gà đó nó trổ cái quả Bàng sanh, không có phước như mình, nhưng trong vòng luân hồi chưa chắc ai phước hơn ai đâu ạ. Nên bây giờ khi biết nó cũng là một chúng sanh, một ác nghiệp nào đó bị đọa làm thân gà. Mình cắt cổ nó phạm tội bất thiện, phạm sát sanh, điều ác, điều xấu, kết oán thù. Hiểu được điều đó giờ Phật tử còn mạnh tay cắt cổ gà ăn nữa không?

Ý Thầy muốn nói vậy để chúng ta hiểu chỉ cần tác ý đúng theo nghiệp và quả của nghiệp thôi là cuộc sống của mình thay đổi liền. Sau này cũng vậy, khi làm cái gì thấy bất thiện là quý vị suy tư lại liền. Trước giờ mất cái món đồ đó mình buồn dữ lắm, bây giờ mình biết, đã cố gắng hết sức rồi mà không giữ được thì thôi.

Nó vô thường mà, nó phải vô thường mà! Chưa biết tu, đại chúng nhìn vô gương thấy bắt đầu trán nhăn một chút, tóc bạc một chút là buồn. Thấy đôi dép cũ một chút, bộ đồ cũ một chút mà chưa kịp mua là bắt đầu phiền não rồi. Trước kia chưa tu ai đó nói thị phi một cái là khổ mấy đêm mấy ngày, người ta nói xong người ta còn không nhớ đã nói cái gì, còn mình khổ hoài... Bây giờ chỉ cần hiểu *vô thường* là đỡ khổ liền. Cho nên có những phiền não chỉ cần chúng ta hiểu đúng thôi, tức là như lý tác ý là đỡ khổ. Thầy cũng thưa quý thiện hữu, là để mà sanh Chánh kiến hay ta kiến có hai điều:

Một là ta nghe, học, đọc từ ai đó, cái này quan trọng dữ lắm! Từ đó mà mình có Chánh kiến, và cũng bởi nghe, học, đọc từ ai đó mà có Tà kiến luôn. Tức là nghe ai đó nói, nghe ai đó giảng, nghe ai đó dạy, hoặc gần gũi, tiếp xúc với người đó; nếu đó là người Tà kiến và dạy cho mình những điều Tà kiến là mình nhiễm. Quý vị nhớ là mình chưa có *miễn nhiễm* với cái Tà kiến đâu nha. Trong vòng luân hồi này, với phàm phu phàm tâm của mình, với nghiệp của mình, cái gì Tà kiến chúng ta dễ nhiễm lắm. Chánh kiến rất là khó có, mà Tà kiến là chúng ta dễ nhiễm. Nếu cái vị đó mà nói đúng thì là phần phước của đời mình. Nếu cái vị đó nói sai mà ta không biết để mà chọn lựa, phân tích là "rồi" luôn - là Tà kiến. Đó là lý do thứ nhất để sanh Chánh kiến và Tà kiến.

Lý do thứ hai là *như lý tác ý*. Dù người ta có nói sai nhưng mà mình suy tư, nghĩ và biết là cái đó không đúng, ví dụ như: họ nói cuộc đời làm gì có chuyện vô thường, cuộc đời làm gì có khổ, làm gì có Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, chết là hết. Nhưng vấn đề lúc này thì sao? Phật tử chịu học xong 4 Khóa Giáo lý này thì Thầy cũng tạm yên tâm rồi, để cho quý vị đi vòng vòng chơi được rồi đó. Ai mà nói thì không cãi, nhưng phải suy xét lại, *"Chị nói hay ông hàng xóm nói? Hay người ta nói, hay Phật nói?"* mình đặt câu hỏi lại liền. Chúng ta thấy cái gì mà ngược lại với nghiệp lý, ngược lại Tam Pháp ấn, thì phải đặt câu hỏi "bự" liền. Đó, vậy thì người ta nói sai đó, nhưng nó còn thuộc vào sự suy tư của mình, như lý tác ý của mình nữa. Họ nói sai nhưng mình không quan trọng cái đó, không chấp nhận cái đó. Mà muốn *không chấp nhận cái đó*, mình phải có trí Văn đúng chưa, tức là phải có trí tuệ, phải học, phải đọc, phải hiểu cái đã.

Thầy nói giả dụ trường hợp người ta không đúng, đáng lẽ bình thường Phật tử cũng Tà kiến theo rồi, nhưng bây giờ mình vẫn có suy tư *"À không, người ta nói vậy thôi đó là chuyện của người ta, bây giờ mình biết chuyện đó không có thật, nó không đúng như vậy, rõ ràng nghiệp và quả của nghiệp, có nhân có quả chứ"*. Vậy là nhớ dùm Thầy có hai điều sanh Tà kiến, và quý vị thấy sự quan trọng của như lý tác ý chưa?

Như lý tác ý tức là chúng ta tác ý những gì đúng sự thật, mà sự thật cuộc đời là Vô thường - Khổ - Vô ngã, gọi là Tam Pháp ấn hay Tam Tướng. Bản chất cuộc đời là Vô thường - Khổ - Vô ngã, mọi thứ trên đời nó có nghiệp và quả của nghiệp. Mình cứ suy tư đúng cái này thì nó là như lý tác ý. Trong bài Kinh này thì Đức Phật dạy có những phiền não của mình do có tri kiến đoạn trừ, và tri kiến ở đây đó là sự hiểu biết của mình về Tứ Đế, đó là: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế Và Đạo Đế.

Qua Khóa 4 Thầy sẽ giảng tổng quan một bài về Tứ Diệu Đế, về Bát Chánh Đạo rồi Giới Định Tuệ, Văn Tư Tu, rồi Thiền chỉ, Thiền quán, Ngũ Uẩn, rồi Tam Pháp Ấn, rồi Thập nhị nhân duyên. Toàn là những bài giảng mà Thầy gọi là *"người giảng bể phổi, người nghe bể đầu",* mà *đó chính là tinh túy, là ngọc* đó. Bây giờ Thầy dẫn quý Phật tử sắp lên tới ngọn núi để lấy ngọc rồi, và Thầy biết là bắt đầu sẽ có rất nhiều lý do để quý vị không lấy ngọc nha. Thầy thấy vô Chùa lễ Phật là Thầy mừng lắm, thắp nhang, cúng hoa, bắt đầu vô chùa tụng Kinh rồi là thấy vui hơn rồi. Rồi bắt đầu mà vô chùa nghe Pháp, rồi chuẩn bị hành thiền, là *"Thầy ơi con bận, con bận con chạy ra con làm cái này cái kia con không có nghe Pháp, không tụng Kinh".* Đến lúc lấy ngọc thì không lấy, sự thật nó như vậy đó đại chúng để ý thứ xem có phải như vậy không? Bây giờ muốn đi công quả thì công quả, muốn làm phước thì làm phước, bây giờ quý vị muốn tụng Kinh, muốn lạy Phật, muốn

lễ Phật thì quý vị phải có hiểu biết mình mới làm cái đó. Có trí tuệ làm là khác liền. Mà đến giờ hành thiền, đến giờ nghe Pháp để có trí tuệ, lúc lấy ngọc là mình có tám ngàn lý do để mình bận. Cho nên chúng ta cần thấy được sự quan trọng của sự hiểu biết, khi hiểu rồi mình sẽ dùng sự hiểu biết đó cho cả đời. Mình gọi là *một đời* thôi chứ thật ra với trí tuệ, với trí văn, sự hiểu biết này, quý vị làm các công đức nâng cuộc đời của mình ở những kiếp sau nữa.

***Tổng quan sơ lược về Tứ Diệu Đế:**

Ở đây về phần *tri kiến đoạn trừ* Đức Phật dạy là hiểu biết về Khổ - Tập - Diệt - Đạo, chính là Tứ Diệu Đế. Thầy nói tổng quan qua về Tứ Diệu Đế:

1. Khổ đế: *Đế* là sự thật, *Khổ đế* là sự thật cuộc đời này, còn có mặt ở cuộc đời này dưới hình thứ nào chúng ta cũng *Khổ* hết, quý vị coi thử phải không? Ban đầu mà chưa học giáo lý nghe câu này Thầy nói, đại chúng thắc mắc liền ha:

- *"Nghèo khổ chứ giàu cũng khổ hả?"* Giàu khổ theo kiểu giàu, giàu mà bệnh, giàu là có thể có điều kiện vật chất thôi chứ còn bao nhiêu cái khổ phía sau.

- *"Ủa Thầy thông minh cũng khổ hả?"* Thông minh là một phần phước nào thôi, còn cả bao nhiêu cái khổ phía sau.

Thưa đại chúng, lên Chư Thiên còn khổ nữa huống chi mà ở Thân người này. Cho nên là bất kì khi nào chúng ta còn hiện hữu, có mặt ở cõi nào trong 31 cõi Tam giới thì còn khổ. Trong một bài Kinh Đức Phật dạy là, ví dụ mình lọt xuống hố phân thì thôi nó đáng ghê tởm rồi, mà dù chỉ còn một chút phân dính vô thôi cũng đáng ghê tởm nữa. Thì cũng vậy, ngày nào chúng ta còn quanh quẩn trong luân hồi là ngày đó còn khổ. Tam giới như nhà lửa, đã gọi là nhà lửa ba tầng thì ở tầng nào cũng khổ đúng không đại chúng? Nói rõ hơn về Khổ đó là Tám khổ (gọi là Bát khổ): Sinh khổ, Tử khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, Cầu bất đắc khổ (cầu không được là khổ), Oán tắng hội khổ (là giận mà gặp là khổ), Ái biệt ly khổ (người thương thì lại chia ly mình), Ngũ ấm xí thạnh khổ (tức là ngày nào mình còn thân ngũ uẩn tu tập, còn phiền não là khổ). Hoặc mình nói Ba khổ (Tam khổ): khổ khổ, hoại khổ, hành khổ:

- *Khổ khổ:* là sự có mặt của điều làm cho mình khó chịu. Điều là cho mình khó chịu là gì? Ví dụ là nhức răng, đau đầu, đau bao tử, hay nóng nực, những cái có mặt đó làm cho mình khó chịu, hoặc là bệnh tật, thiếu thốn thứ này, thứ kia. Đó là *khổ khổ*.

-*Hoại khổ:* là gì là sự vắng mặt cái làm cho mình hạnh phúc. Ví dụ trời nắng quá mà vắng cái máy quạt, vắng cái máy lạnh. Mình đang đói bụng, vắng tô hủ tiếu. Khi vắng những cái đó đó là *hoại khổ.*

-*Hành khổ:* tức là chúng ta đang sống trong một cuộc sống mà mọi cái đều do nhân duyên mà có. Có nhân duyên tức là có hợp, có tan. Cuộc họp nào có lúc cũng có tan, thân mình nó trẻ cũng đến lúc nó phải già, nó khỏe rồi đến lúc nó phải bệnh, có nhiều lúc nghèo có nhiều lúc giàu, lúc này lúc kia phải không ạ? Mọi thứ thay đổi hết thì cái đó gọi là hành khổ. Tức là chúng ta đang sống trong các Pháp có điều kiện, cái gì có mặt thì nó phải có nhiều cái duyên lắm nó mới hiện hữu. Thầy ví dụ, hôm nay quý vị ngồi học ở nơi đây, cả trăm cái duyên đó, chúng ta sắp xếp công việc, gia đình, chồng con cái, sức khỏe, cũng phải có máy tính để học hoặc cũng có cái điện thoại, rồi phải có 4G. Bữa nào mà cứ hết pin, cúp điện, hết 4G, rồi bữa nào có khách quan trọng cũng không có học được nữa. Bao nhiêu cái duyên quý vị mới ngồi đây học được, mà đôi lúc vắng một vài cái duyên thôi là đã không thành.

Vậy thì ở đây Khổ đế là như vậy đó, sự thật cuộc đời là khổ.

2.Tập đế là gì? *Tập đế* là nguyên nhân dẫn đến khổ, nguyên nhân dẫn đến khổ là gì chính là vô minh và tham ái.

3.Diệt đế: chính là Niết Bàn. *"Niết Bàn"* ở đây chính là trạng thái tâm không còn vô minh và tham ái, không còn phiền não. Nhớ nha đại chúng, chứ không phải như lâu nay quý vị hiểu là Niết Bàn là ở một cảnh giới nào đó. Và khi mình đắc Niết bàn mà mình vẫn

còn cái thân tứ đại này thì gọi là *Hữu Dư Y Niết Bàn*. Còn mình mất cái thân tứ đại này (hay gọi thường là mình chết), thì gọi là *Vô Dư Y Niết Bàn*. Thì đó Niết Bàn là như vậy, gọi là *Diệt đế*.

4.Đạo đế là gì? Đạo đế là con đường đưa đến chấm dứt *Tập đế*, hay là con đường đưa đến chấm dứt phiền não, vô minh và tham ái. *Đạo đế* nói rộng là 37 Phẩm Trợ Đạo, nói gọn chính là Bát Chánh Đạo.

Thầy vừa tổng quan cho quý vị Tứ Diệu Đế, thì ở đây mình có những phiền não do tri kiến đoạn trừ. Như Thầy nói, là do mình suy tư như lý tác ý đúng với sự thật, đúng với Tam tướng, đúng với nghiệp lý là hết khổ. Và ở đây trong Kinh Đức Phật nói là suy tư đúng theo Khổ - Tập - Diệt - Đạo.

Bây giờ Thầy lấy một ví dụ để đại chúng suy tư đúng với cái tri kiến đoạn trừ về Khổ - Tập - Diệt - Đạo nha. Ví dụ bây giờ mình đau đầu, thì đang đau đầu là khổ, bệnh rồi đó chính là *Khổ đế*. Tập đế là nguyên nhân của khổ, tức là tại sao mình đau đầu? Mình yếu mà ra gió ví dụ vậy, hoặc mình ngủ cái quạt nó quay trên đầu máu huyết không lưu thông, một lý do nào đó làm ta đau đầu, thì đó là *Tập đế*. Diệt đế là đoạn trừ nguyên nhân gây ra cái đau. Cái nguyên nhân gây ra cái đau này là gì? Tức là do mình lấy cái quạt quay vô đầu - là Tập đế, rồi nó biểu hiện ra là đang đau đầu - Khổ đế, còn Diệt đế là cái trạng thái mà mình hết khổ bằng cách nào. Bằng cách là mình xông, có thể là uống

thuốc hoặc có thể cạo gió, hay bằng cách nào đó. Thì khi cạo gió mà hết đau thì đó là Diệt đế. Để hết đau đầu thì phải có Đạo đế - tức là con đường, cách thức đưa mình đến hết đau đầu. Mà con đường đó có thể là xông hoặc cạo gió gì đó. Đó là Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Mọi cái quý vị có thể nhìn với Tứ Diệu Đế như vậy thì mọi cái đều có cách tháo gỡ hết.

Thầy nói ví dụ thêm, bây giờ mình đau bao tử, thì đó là Khổ đế đúng chưa? Nguyên nhân của Khổ là Tập đế, nguyên nhân là bao tử mình yếu mà cứ ăn chua, ăn cay, hoặc vừa ăn vừa xem phim, vừa ăn xong cứ đọc sách, thì đó là Tập đế. Còn Diệt đế tức là trạng thái mình hết đau bao tử, bây giờ phải có con đường gì để hết đau bao tử. Ví dụ như ăn uống điều độ lại, bớt ăn chua, bớt ăn cay, bớt thức khuya, ăn rồi hạn chế đọc sách, xem phim, đó con đường - Đạo Đế. Vậy khi chúng ta suy tư như lý tác ý về Tứ Diệu Đế, tri kiến về bốn điều này, chúng ta sẽ bớt khổ. Đó là cách thứ nhất nha trong bài này.

2. Có những lậu hoặc do phòng hộ mà đoạn trừ

Bài này đại chúng cố gắng nghe nha, sau này đụng chuyện lấy *bảo bối* ra dùng, chứ không phải cái nào mình cũng *"gồng"* đâu. Học xong bài này là quý vị mở ra một chân trời mới, để có nhiều cách cho mình đoạn phiền não lắm. Bây giờ có những phiền não do phòng hộ.

"Phòng hộ" nói dễ hiểu thế này, là mình biết giữ gìn, mình biết bảo hộ. Ví dụ như là có những chỗ mà chúng ta vô đó ở, mua nhà ở khu đó là thế nào cũng sẽ gặp, sẽ thấy những người họ làm điều không tốt. Thế nào mình cũng ảnh hưởng, hoặc con của mình bị ảnh hưởng. Hoặc cái tính mình hay buồn mà suốt ngày nghe những bài nhạc buồn, tiếp xúc với những phim ảnh tình cảm lâm ly bi đát, là lúc nào mặt mình cũng buồn hiu. Hay là tính mình hay giận rồi mà toàn xem phim, nghe những bài nhạc kích thích cái giận hờn, bạo động của mình. Thì bây giờ chúng ta biết rồi, mình nên tu Pháp phòng hộ.

Phòng hộ là gì? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý - là sáu căn của mình, chúng ta biết giữ gìn sáu căn của mình, không tiếp xúc, hạn chế tiếp xúc với những điều gì mà làm cho mình dễ nổi tâm tham, dễ nổi tâm sân, đó gọi là phòng hộ, căn bản là như vậy. Bây giờ Thầy sẽ đọc chánh Kinh trước rồi giảng cho quý vị:

(Các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ? Ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Vị ấy như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ tai

... (như trên) ... sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ mũi ... (như trên) ... sống phòng hộ với sự phòng hộ lưỡi ... (như trên) ... sống như lý giác sát phòng hộ với sự phòng hộ thân ... (như trên) ... sống như lý giác sát phòng hộ với sự phòng hộ ý. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ ý, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ.

Tức là muốn nói gì? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của mình, mình biết cái đó mình yếu lắm nha, thôi đừng đụng vô mấy cái đó.

Bởi vì mắt thấy trời xanh,
Cho nên mắt cũng long lanh màu trời
Bởi vì mắt thấy biển khơi
Cho nên mắt cũng xa vời đại dương

Cái phòng hộ này quan trọng lắm, đại chúng nhớ dùm Thầy, chúng ta rất dễ nhiễm Tà kiến, nhiễm điều bất thiện. Giống như là *"làng chài tanh cá, làng nhang thơm trầm"*, cho đi vô cái làng nhang đi ra là mình thơm, chúng ta dễ bị ảnh hưởng lắm. Quý vị thấy trong cái tủ quần áo để viên long não vô thì nó thơm, mình gần người lành tự nhiên một thời gian mình bị ảnh hưởng cái phong cách, lời nói, ảnh hưởng tướng đi, nụ cười, ảnh hưởng cả tư tưởng của người đó luôn. Gần người xấu thì mình cũng bị ảnh hưởng như vậy. Cho

nên ở đây học bài này xong quý vị ráng phòng hộ sáu căn của mình. *Thứ nhất* biết cái gì không tốt mình né nó trước đi. *Thứ hai* giả dụ có những trường hợp không né được, cuộc sống mà, không phải trường hợp nào mình cũng cứ né là né cũng được đâu đúng không đại chúng? Ví dụ đi làm, chỗ mình làm gần cái tiệm nhạc mà toàn là mở nhạc kích động hoặc những bài nhạc tình sầu đứt ruột, thì lúc đó quý vị phải phòng hộ đó. Tiếng nhạc thì cứ để tiếng nhạc thôi chứ đừng đắm vào nó, tại cái này mình không né được nó. Có những cái mình phòng hộ, né được thì né. Có những cái bây giờ nó phải đến với mình, thì lỗ tai thì mình biết, đừng có thả hồn, cảm xúc theo cái buồn của nó thì gọi là phòng hộ.

Vào thời Đức Phật có một vị Thánh đệ tử được Đức Phật tán thán là Đệ nhất phòng hộ, giữ gìn các căn, đó chính là Thầy Nanda. Thầy Nanda là con của di mẫu Mahāpajāpatī Gotamī. Ngài Gotamī là người dì, như người mẹ thứ hai của Đức Phật. Thưa đại chúng, thầy Nanda đi tu trong một duyên sự vui lắm. Ngay ngày đám cưới của Thầy Nanda, dòng họ Sakya tin Phật cho nên thỉnh Đức Phật và chư Tăng về cúng dường. Trong buổi lễ đám cưới Đức Phật đưa cái bát của Đức Phật cho Thầy Nanda cầm, Đức Phật biết Thầy Nanda có duyên đắc Thánh. Xong buổi lễ thì lúc này Thầy Nanda tiễn Đức Phật ra về, ai ngờ ra tới cổng Đức Phật đi luôn mà không lấy lại cái bát. Thầy Nanda thương Phật quá nên cứ *lọt tọt* đi theo Đức Phật vậy đó. Kinh sách diễn tả lại lúc này Thầy Nanda quay lại nhìn vợ mình, ngay

ngày đám cưới mà, cô vợ nói đi nhớ về sớm nha. Phật về tới Tinh xá, Phật mới nói Thầy Nanda thôi con xuất gia đi, ngay ngày đám cưới luôn đó đại chúng. Thầy Nanda quý vị biết là lúc này chỉ nhớ vợ chứ ngay lúc này chưa có giác ngộ gì đâu nha. Nhưng mà thương Phật, kính Phật, Phật nói xong Thầy Nanda xuất gia luôn. Khi mà xuất gia xong trước mặt Phật vậy, nhưng về nghe lòng nặng trĩu như ngọn núi vậy. Bắt đầu ngày nào mà Đức Phật và Chư Tăng đi khất thực xong, Thầy Nanda làm xong bổn phận là chạy về để thăm vợ. Đức Phật biết và Ngài đi ngay cái đoạn đường đó, khi thấy Phật và Chư Tăng đi đằng xa thì Thầy Nanda mới núp vào bụi cây. Khi Đức Phật và Chư Tăng hỏi Thầy Nanda đi đâu vậy, thì Thầy nói con đi ra đón Đức Thế Tôn. Đức Phật biết và hóa độ, đây là một vị Thánh Đệ nhất về phòng hộ. Sau đó Đức Phật mới phương tiện, Ngài dùng thần thông cho Thầy Nanda đi lên cung Trời, đang đi thì thấy con khỉ già, bệnh, bị lở loét, Đức Phật mới hỏi: *"Này Nanda con thấy con khỉ này so với vợ con thì sao?"* Thầy Nada nói: *"Vợ con đẹp biết bao nhiêu lần, con khỉ này vừa già, vừa xấu, vừa bệnh nữa"*. Sau đó khi lên cung Trời Đao Lợi thì Thầy Nanda gặp 500 tiên nữ rất là đẹp, và lúc này Đức Phật hỏi Nanda *"Mấy cô Thiên nữ chư Thiên này so với vợ ông thì sao?"* Thì Thầy Nanda trả lời thật lắm chứ không phải là Thầy chê vợ đâu, *"Mấy cô Tiên nữ này so với vợ con thì như lúc nãy giống như con khỉ mà so với vợ con vậy"*. Thầy Nanda không phải là ghét chê vợ mà Thầy

nói thật như vậy. Thì sau đó Thầy Nanda về mới quyết tâm tu và đắc được Thánh quả, và Thầy Nanda là Đệ nhất về phòng hộ các căn.

Đại chúng hiểu dùm Thầy ý này, tất cả các vị Thánh đều sáu căn thanh tịnh hết. Thanh tịnh là sao? Mắt thấy cái gì, tai nghe thứ gì, mũi ngửi thứ gì, lưỡi nếm cái gì, thân xúc chạm cái gì, đều không có gây phiền não cho các Ngài. Vị nào sáu căn của các Ngài cũng đều phòng hộ, được thanh tịnh hết, không gây phiền não, nhưng thường trực, thường xuyên sống trong từng phút giây hộ trì các căn thì Thầy Nanda là số một. Và cái chỗ này rất quan trọng nha quý vị nha, xét lại đi đời thường của mình, mắt mình thấy cái gì, tai mình nghe cái gì, mũi ngửi cái gì, hay ăn cái gì là chúng ta dễ khởi: một là tâm tham, hai là tâm sân thôi. Uống ly nước mà lạnh quá cũng khó chịu, nóng quá cũng khó chịu. Ăn bữa ăn ngon quá thì dính vô tâm tham, dở quá dính vô tâm sân phải không? Món thịt nào nấu vừa ý mình, dính vô tâm tham, đắm vô cái tham; không vừa ý mình đắm vô tâm sân. Gặp người đó thích quá, quý mến quá dính vô tâm tham, nhìn cái mặt thấy ghét quá dính vô tâm sân, khủng khiếp chưa? Mà nếu không biết tu là một ngày của mình là sao:

Quanh quẩn trong vòng buồn giận
Xem thường bảo vật trong tay
Dày đạp lên trên hạnh phúc
Tháng năm sầu khổ miệt mài

(Sám nguyện)

Có nghĩa là không biết tu là mình như vậy đó. Có vị thiền Sư Việt Nam, cũng là một vị Vua, Ngài nói thế này thưa Phật tử:

Lưỡi vướng vị ngon, tai vướng tiếng
Mắt theo hình sắc, mũi theo hương
Lênh đênh làm khách phong trần mãi
Ngày hết, quê xa vạn dặm đường

(Tứ Sơn Kệ - Vua Trần Thái Tông)

Tức là mắt của mình, tai của mình, mũi của mình, lưỡi của mình là cứ đắm vô các trần, và cứ đắm vậy, tha hồ sống trong phiền não. Cho nên hôm nay học tới cái chỗ *phòng hộ* này, lẽ ra chỗ phòng hộ này Thầy phải giảng riêng một bài, hay lắm chỗ này. Nên vì vậy mình biết tu thì sao? Thấy cái hoa đẹp, mình biết là cái hoa đẹp rồi dừng ở đó nha. Đời nó lạ vậy, đời nó đẹp giống như tuyết vậy đó đại chúng, nắm vô một cái là hết đẹp, giống như tuyết nó đẹp, nắm vô là tan mất tiêu. Thì cũng vậy đó, hoa đẹp biết hoa đẹp thôi, đừng dính vô tâm tham, và thấy hoa xấu biết nó xấu thôi chứ đừng nói *"Xấu gì xấu quắc"*. Gặp một người xấu, biết người đó xấu thôi, đừng có khởi tâm chê, cái đó là dính vào tâm sân, bắt đầu khinh thường người đó rồi đủ thứ chuyện xảy ra hết.

Tu tập là như vậy, từ nay trở đi, chúng ta nhìn cái gì thì đời sống chánh niệm, ghi nhận những gì đã xảy

ra thôi, đừng dính tham sân nữa. Cứ ghi nhận nó, đúng với Tam tướng, cái đó biết cái đó. Bây giờ Thầy nói giả dụ mình đang đói, thì mình biết đang đói. Thường thường đói chưa kịp ăn, chúng ta dễ dính vô tâm sân đó, gặp người khách không như ý cũng dễ sân lắm, gần như chúng ta là như vậy. Nên ở đây mình muốn phòng hộ sáu căn của mình, đừng để tâm tham, đừng để tâm sân khởi vô, giống như Đức Phật dạy cho Ngài Bāhiya:

Vậy này Bāhiya, Ông cần phải học tập như sau: "Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri ". Như vậy, này Bāhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bāhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bāhiya, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, Bāhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Tức là con đừng xen vào những cái thương ghét, buồn vui vô trong đó. Thích - ghét là tham - sân đó, thích là tham, ghét là sân, mà thích ghét đi với tội phước khủng khiếp lắm nha Phật tử, đâu phải thích cái là xong đâu, đâu phải ghét cái là xong đâu. Cho nên bây giờ chỗ phòng hộ này đại chúng biết tu tập, mắt, tai, mũi, lưỡi của mình, mình khéo một chút và

nếu mình tu dở thì mình càng dùng các căn ít lại càng tốt.

Chúng ta thấy khi mình ngồi thiền, mình dễ tĩnh tâm hơn. Khi mình ngồi yên, lúc này mình còn dùng lỗ tai thôi, mũi lúc này cũng hạn chế rồi. Ngồi thiền mình đừng ngồi ngay chỗ nhà bếp nha đại chúng, khó ngồi lắm, cái này Thầy gặp rồi. "Có lần Thầy đi giảng, mà giảng đường ở đó một bên là cạnh nhà người ta hát đám cưới, rồi một bên là nhà bếp của Chùa nhưng bữa đó Chùa nấu bún mắm hay bún gì mà thơm lắm. Mùi mắm nó bay vô thơm nguyên giảng đường vậy đó quý vị. Thầy thì đang giảng luân hồi là đau khổ, ngày nào còn trong luân hồi là còn đau khổ, còn bên kia người ta hát *"Em ơi có bao nhiêu, sáu mươi năm cuộc đời"* ngày đám cưới. Bên kia họ hát đám cưới, bên này Thầy giảng luân hồi." Đúng là cuộc đời nó vui thiệt, nó trùng hợp vậy đó quý vị. Thì khi mà mình ngồi thiền, thì chỉ còn nghe lỗ tai thôi, cho nên mình sắp xếp chỗ nào đó nó đừng quá ồn. Lúc đó mắt mình cũng đóng khép nhẹ vào, một là nình nhắm mắt hai là mình mở mắt 1/3. Thân của mình cũng ngồi yên. Sáu căn của mình bắt đầu đóng từ từ, lúc này ý căn hoạt động nhiều nhất. Và lúc đó tập trung vào đề mục rải tâm từ hoặc niệm Ân Đức Phật hoặc quý vị tập trung vào đề mục theo dõi hơi thở. Đó là cách quý vị đóng bớt các căn lại. Phạm thiên Sắc giới chỉ dùng 3 căn: mắt, tai và ý thôi, nhưng khi vị phạm thiên xuống cõi nhân loại gặp Đức Phật học Đạo thì với thân tướng của người nam, vẫn sáu căn

nhưng các vị ấy thường dùng 3 căn thôi. Khi đại chúng tiếp xúc nhiều thì đủ thứ chuyện xảy ra với cái phàm tâm của mình lắm, mình càng tu tập, càng ít tiếp xúc.

Khi quý Phật tử nguyện thọ Bát quan trai ở nhà, thì nếu mấy việc lặt vặt có thể sắp xếp được thì mình sắp xếp bỏ bớt hoặc trì hoãn sang ngày mai làm. Để ngày đó mình phát nguyện giữ giới, rồi nghe Pháp, hành thiền, tụng Kinh, đi kinh hành, đọc sách, nói chung mình thường trực sống trong chánh niệm và tiếp xúc với thiện Pháp thôi, trong một ngày cho đáng một ngày. Từ ngày Thầy giảng bài BÁT QUAN TRAI, có nhiều quý Phật tử gọi điện xin thầy chứng minh, đọc lời Tam quy, cho thọ Bát quan trai tại nhà, phát nguyện giữ giới trong một ngày một đêm. giảng. Thầy hướng dẫn, sách tấn thêm, đại chúng sắp xếp ăn uống, công việc, hạn chế nấu ăn, hay nấu đơn giản, chiều uống sữa hay nước sinh tố. Quý vị nhớ giữ bát quan trai bậc Thánh nha, chứ đừng giữ bát quan trai kiểu chăn bò. Sáng lấy 8 con bò, tối trả lại 8 con bò.

Cũng vậy, nhìn rộng ra, chúng ta phải biết tự lượng sức mình, những cái gì mà thấy đụng tới là nó sanh phiền não thì mình né nó ra, có những điều mình dính vô là khổ dữ lắm. Một trong những cách để vượt qua phiền não là mình biết phòng hộ sáu căn. Có những đoạn đường mà mình đi ngang xong mình rầu luôn, vì ngày xưa bị người nào đó chửi mình ở cái đoạn đường đó, hay là cái đoạn đường đó nó gắn với cái khổ đau

của mình. Bây giờ mình đi ngang đoạn đường đó thôi là mình khổ. Có những trường hợp như vậy đó đại chúng, nên người ta mới nói câu: *"Nếu cùng người khác dạo chơi, xin anh tránh nẻo đường vui hôm nào"*. Mình biết vậy nên mình phòng hộ đi.

Thời Đức Phật có một vị thị giả Đức Phật, là Ngài Meghiya. Hôm đó đi tới đoạn đường đó có một khu vườn có mãnh lực lạ kỳ lắm, cứ tác động khiến Ngài muốn vô đó ngồi tu. Nhưng Đức Phật không cho vì Phật biết nếu Thầy này vô đây tu là không thành. Sau đó Thầy cãi Phật và đang đi khất thực mà Ngài vô đó tu luôn. Khi vô đó Thầy Meghiya đã nổi lên những cái tâm gọi là bất thiện tâm, trong đó là những cái tâm đi ngược với chánh tư duy. Đó là tâm tham dục, tâm sân và tâm hại, đó là nội dung của chánh tư duy mà lát nữa mình sẽ được học. Tại vì Thầy này có 500 kiếp Thầy làm vua ở nơi này và Thầy đã từng hưởng dục ở khu vườn đó rất nhiều, nên bây giờ nhìn lại cảnh xưa thương mến lắm. Nhưng mà thương mến cái chỗ mình tu nó khác với thương mến cái chỗ mình hưởng dục. Khi Ngài ở đó là những chủng tử ngày xưa hiện lên những hình ảnh của ngày xưa, không tu được. Cho nên quý vị mà vô chỗ nào tu mà thấy càng ngày Giới - Định - Tuệ - Văn - Tư - Tu, rồi an lạc rồi của mình sao nó chào tạm biệt mình hết, từ ngày vô đó tu là nụ cười mình nó tắt, rồi niềm vui nó tắt. Thì mình biết chỗ đó, mình vô đó là có chuyện. Mình cố gắng, chuyện gì mà tiếp duyên được thì tiếp duyên, bắt buộc phải làm thì

phải làm, nhưng phải luôn luôn làm trong sự chánh niệm, đừng để chuyện đó nó xảy ra tâm tham, tâm sân là nó làm cho mình khổ lắm.

3. Có những phiền não do thọ dụng đoạn trừ

(Các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng.

Tức là trong bài Kinh này Đức Phật nói 4 điều, thời Đức Phật gọi là thọ dụng Tứ sự đó là: y phục, món ăn, sàng tọa và dược phẩm, mình hay nói là cơm ăn, áo mặc, nhà ở và thuốc trị bệnh, đó là 4 món, nhưng mình học mình phải hiểu rộng ra nữa. Thầy nói cho người tu trước, khi mà mình đắp y trên người là chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió. Giả dụ không mặc áo, mình ra gió sẽ bệnh, và để ngừa sự xúc chạm của ruồi, của muỗi, của gió, của sức nóng mặt trời, các loại bò sát, rồi với mục đích che đậy cơ thể không mất oai nghi, thì mình mặc y phục là để như vậy. Bây giờ bắt đầu nói rộng ra đến quý Phật tử cư sĩ, thì quý vị mặc đồ cũng vậy, để che đậy cơ thể, để mà né đi cái nóng, cái lạnh, ruồi, muỗi, bò sát... chứ không phải là mình mặc chỉ để làm

đẹp. Mặc mà cứ để làm đẹp hoài là khổ lắm nha đại chúng. Cho nên, có những phiền não do thọ dụng đoạn trừ là như vậy.

Thầy nói ví dụ quý vị đang lạnh run luôn, chỉ cần lấy cái áo len mặc vô là hết lạnh phải không? Thay vì phải ngồi tu pháp kham nhẫn. Khi nào mà không có cái áo thì mình ngồi đó tập nín thở cho nó ấm lên, chứ ngồi đó chịu đựng cái gì, có những cái không có chịu đựng. Lạnh thì lấy cái áo mặc vô, nóng thì ta có cây quạt cho mát. Phật tử thấy rất là tuyệt vời, thay vì phải ngồi chịu đựng. Vậy thì ở đây nói rộng ra, Đức Phật dạy mặc y phục là như vậy.

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn".

Bây giờ Đức Phật nói về cái ăn. Lâu nay Thầy hay nói ăn là để cho sức khỏe, thì hôm nay quý vị nghe nguyên văn như vậy. Ăn chỉ để cho thân này được sống lâu, tại vì không ăn thì chết, nếu chưa hết tuổi thọ, nhiều khi chưa hết nghiệp nhưng mà mình nhịn ăn thì chết. Nói dễ hiểu là như vầy, mình ăn là để cái thân này duy trì sức khỏe, để còn lo cho cuộc sống, lo cho gia

đình, lo cho sự nghiệp tâm linh, lo cho phước đức, lo làm công đức, lo hành thiền, lo tụng Kinh, lo tu tập, lo học Pháp, đó là lí do mà ăn bữa cơm này. Đại chúng thấy bữa ăn hạnh phúc không? Ý nghĩa không? Phật dạy cho quý Thầy khi ăn bữa cơm phải quán xét thế này: "Có hai vợ chồng đi qua sa mạc, trên đoạn đường đi thì không còn gì ăn hết. Cuối cùng đứa con chết, và phải ăn thịt của đứa con để mà có sức đi qua cái sa mạc đó. Thì chúng ta nghĩ đứa con đó chết rồi, ăn nó để có sức đi qua sa mạc như vậy thì ăn có vui không? Ăn lúc này chỉ để có sức khỏe để có sức đi qua sa mạc mà thôi." Đức Phật dạy tâm lý trạng thái tâm khi mình thọ thực cũng vậy, chứ đại chúng đừng nghĩ là quý Thầy trong Chùa ăn sướng nha. Như hôm trước Thầy kể chuyện vua A-dục giúp cho người em đó, ăn mà cứ nghĩ đến cái chết thôi, cả ngai vàng, bao nhiêu người hầu đó mà có sung sướng gì. Cho nên khi hiểu về vấn đề này, mình nhẹ nhàng cái chuyện ăn uống lắm, những người có *"tâm hồn ăn uống"* thì cố gắng nhớ nha.

Chúng ta ăn để có sức khỏe thôi, còn ngoài ra đừng ăn vì cái đam mê, ăn mà để hưởng thụ, ăn mà để đắm trong đó, phạm những tội bất thiện nghiệp, phạm những tội mà vì miếng ăn. Thầy nói tới đây không khéo quý vị liếc lườm Thầy dữ lắm, thì thôi bây giờ thứ nhất mình đừng vì ăn uống mà sát sanh, thứ hai là đừng bỏ thời gian cho việc này nhiều quá. Thầy thấy mấy cô hay tốn thời gian nhiều quá về việc ăn uống, Phật tử nghĩ lại xem bao nhiêu lâu rồi cái bao tử mình cũng có

chừng đó, thì bây giờ cũng lo nhưng đừng tốn thời gian quá. Thay vì tốn 3 giờ thì bây giờ chỉ tốn 1 giờ, hay 1,5 giờ thôi, còn thời gian kia hành thiền, tụng Kinh, nghe Pháp, làm công đức, làm cái gì cho nó có ích, cứ quanh quẩn trong cái nhà bếp không, nhìn nó buồn lắm, tiếc lắm. Quý vị thấy không, trong khi là *"một tấc thời gian là một tấc vàng, vàng không mua được tấc thời gian".*

Nên ở đây Đức Phật dạy quý Thầy trong chùa, người tu ăn là để có sức khỏe chứ không phải ăn để vì vui đùa, vì đam mê, vì trang sức, vì làm đẹp nha. Vào buổi trưa, thường quý Thầy ăn là suy tư:

- Thức ăn này là tặng phẩm của đất trời, của muôn loài và của công phu lao tác của nhiều người. Xin nguyện ăn trong chánh niệm và với lòng biết ơn để xứng đáng thọ nhận thức ăn này. Khi ăn xin nhớ ngăn ngừa những tâm hành xấu, nhất là những tâm hành ăn uống không có chừng mực. Chỉ xin ăn những thức ăn có tác dụng nuôi dưỡng thân tâm và ngăn ngừa tật bệnh. Và con thọ nhận thức ăn này, vì sự nghiệp giác ngộ nên con mới thọ dụng thức ăn này.

Đại chúng còn thấy còn gì đam mê trong miếng ăn nữa không? Phải vì lý tưởng giác ngộ, vì con đường phía trước mà bây giờ mình muốn tu thì ăn chứ không ăn sức đâu mà tu, ăn với tâm trạng đó thì quý vị thấy cái chuyện ăn uống nó nhẹ nhàng nha. Hôm nay chúng ta được làm thân người rồi, phát triển cõi lòng của trái

tim, của từ tâm, phát triển não bộ của mình là trí tuệ, chứ không khéo mình cứ phát triển cái bụng của mình. Có rất nhiều người quan trọng việc ăn uống lắm, nên hôm nay mình học về việc có những khổ đau do thọ dụng đoạn trừ. Thứ nhất về miếng ăn của mình, ăn trong chừng mực nào đó thôi, không khởi lên những phiền não, tham đắm chạy trong cái việc ăn đó.

Kế tiếp là Đức Phật nói về sàng tọa (tức là nhà ở), mời quý vị nghe Đức Phật dạy:

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loại bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh.

Tức là đang nói thời Đức Phật, quý Thầy có chỗ ở để tránh mưa, tránh nắng, tránh các loài bò sát, tránh sự nguy hiểm gió, mưa bão, sự nguy hiểm của thời tiết. Vậy chúng ta học chỗ này là gì? Quý vị có thể mua được một cái ngôi nhà đẹp nhưng chắc gì mình mua được hạnh phúc trong ngôi nhà đó đúng không quý vị? Có hạnh phúc phải có tu thôi, vậy thì đại chúng ý thức cái nhà là để che nắng, che mưa, đừng có quá khổ vì cái nhà của mình. Dĩ nhiên cái nhà của mình, chúng ta phải bảo vệ, phải bảo trì chứ. Ngày xưa Chư tổ nói thế này quý vị:

Cơm rau đỡ dạ đói,

Nhà cỏ che gió sương,
Người đời nếu biết đủ,
Phiền não chẳng còn vương

(Đại Sư Ấn Quang)

Bây giờ quý vị thấy càng nhiều mình mới càng thấy hạnh phúc. Nhưng rồi đến một ngày chúng ta sẽ thấy rằng ***càng đơn giản mới càng hạnh phúc***. *"Đơn giản"* ở đây là mình chỉ cần những nhu cầu, phải ăn, phải mặc, phải ngủ thôi. Nhu cầu xung quanh mình càng đơn giản bao nhiêu, thì mới càng hạnh phúc bấy nhiêu. Sống đơn giản cho lòng thanh thản. Mà lạ lắm, quý vị mà càng đắm vào cái bên ngoài nhiều, nói dễ hiểu là cái vật chất, thì cái phần tâm linh của mình hạn chế lắm. Nếu chúng ta cứ suốt ngày lo cho cái vật chất thì cái tâm linh của mình không có chiều sâu. Thì bây giờ nhà vẫn phải ở, ăn thì vẫn phải ăn, mặc thì vẫn phải mặc, nhưng mà nhớ dành thời gian chăm sóc cho đời sống tâm linh của mình nữa. Cho nên là ở đây Đức Phật dạy quý Thầy thọ dụng cái nhà chỉ là cái nhà thôi, là để che nắng, che mưa thời tiết. Thứ tư, Đức Phật thọ dụng thuốc trị bệnh:

Vị ấy như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác khổ thống đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn.

Thời xưa, đời sống của quý Thầy rất đơn giản, những cái nhu cầu chính là cơm ăn, áo mặc, nhà ở,

thuốc trị bệnh. Ví dụ mình đau răng uống thuốc đau răng, đau bụng uống thuốc đau bụng, đau chân thì xức thuốc đau chân, tùy loại thuốc mà mình dùng.

Vậy thì ở đây quý Phật tử thấy 4 cái đó là Tứ sự, và *người sống biết đủ trong tứ sự đó là truyền thống của Thánh nhân*. Nghĩa là sao? Là tất cả Thánh nhân đều sống biết đủ trong Tứ sự. Trong **Kinh Tăng Chi - Chương Bốn Pháp - Bài Kinh Truyền Thống,** truyền thống của Thánh nhân đó là các Ngài biết đủ trong bốn vật dụng: cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc trị bệnh, đối với những cái đó các Ngài rất là biết đủ, hài lòng với những gì mình có.

Cái chuyện mà *"hài lòng với những gì mình có"* là dễ hiểu lầm lắm. Nghe Thầy nói chỗ này, *"biết đủ"* tức là bằng lòng với những gì mình có. Ví dụ, ngày hôm đó quý Thầy đi khất thực, Phật tử cúng chừng đó đồ ăn, có thể ngon có thể dở và có thể thiếu hơn bình thường, thì hài lòng với chừng đó, không có mong và không có buồn. Vậy ở đây, đời sống quý Phật tử cư sĩ, nếu quý vị nghĩ *"Thầy nói hài lòng với những gì mình có, thôi con không cố gắng mà chỉ hài lòng với chừng đó hả."* Đó là không phải, mà phải cố gắng làm hết sức nha, miễn đó là thiện nghiệp thì cứ làm. Nhưng mà làm hết sức rồi, ví dụ mình muốn làm 10 phần, tốt 10 phần nhưng mà chỉ tốt được có 8 phần, thì thôi hài lòng với những điều mình có, thay vì mình *"Trời ơi không được 10 phần buồn quá"* Mình phải cố gắng chứ, điều thiện

mà. Cứ cố gắng làm nhưng hết sức rồi được có 8 phần thôi, thì vui với cái 8 phần đó, hài lòng với những gì mình có là vậy. Chứ không phải nói *"biết đủ"* là xong rồi thôi, *"thôi giờ con làm vậy thôi con không làm gì nữa"*. Không phải nghe, nhớ là biết đủ với cái thọ dụng này, là tứ sự chứ không phải đi chùa nghe Pháp *"Thưa Thầy con biết đủ, con biết đủ với những gì con có, con nghe Pháp với chừng này đủ rồi"*. Dạ không phải, cái đó là hiểu lầm đó, nghe Pháp, hành thiền, tụng Kinh, làm các công đức là không có đủ.

Có một lần Thầy giảng trong lớp Giáo lý, có vị nói *"Dạ thưa thầy con thực tập buông bỏ, những gì Thầy dạy con bỏ ngoài tai hết rồi."* Trớt quớt, Trời ơi! Pháp phải nghe, phải nhớ chứ đâu mà bỏ ngoài tai. Không phải! Buông bỏ là buông bỏ cái gì? Qua tuần sau, Thầy dạy bài BUÔNG BỎ rồi quý vị nắm liền buông bỏ là buông bỏ cái gì, chứ không phải cái gì cũng buông bỏ đâu nha. Khi quý vị nắm bài BUÔNG BỎ xong quý vị thấy cuộc đời nó nhẹ nhàng lắm. Cứ mỗi lần học một bài Giáo lý xong là quý vị mở thêm được chân trời hiểu biết cho mình, và từ đó chúng ta ứng dụng trong cuộc sống.

Quay lại bài, biết đủ trong tứ vật dụng chính là truyền thống của Thánh nhân. Cho nên Thầy cũng thưa với quý vị là khi đối diện với những gì mình tiếp xúc, mình thọ dụng trong chừng mực nào đó: cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc trị bệnh, đó là nói căn bản nhu cầu,

còn nói rộng hơn là quý Phật tử nhớ dùng cái đó là vì cái phương tiện chứ đừng có tham đắm, chấp vào trong đó, để vượt qua những cái phiền não của mình.

4. Có những phiền não do kham nhẫn mà đoạn trừ

Rồi chúng ta qua có những phiền não do kham nhẫn đoạn trừ, mời quý vị nghe Đức Phật dạy trong chánh Kinh:

(Các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lị phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.

"Kham nhẫn" tức là nhẫn nhịn, hôm trước Thầy có dạy riêng một bài KHAM NHẪN rồi. Tức là có những điều trong cuộc sống này mình phải cố gắng, phải chịu đựng. Nếu mà chúng ta không có khả năng

chịu đựng, thì nóng quá cũng khổ, lạnh quá cũng khổ, đói một chút khổ, mệt một chút khổ, ồn một chút khổ, mưa quá cũng khổ, đang ngồi đây mà có con ruồi nó bay ngang cũng khổ, có con muỗi nó vo ve cũng khổ, ăn miếng ăn mà thiếu mặn, thiếu lạt, thiếu cay, thiếu gì cũng khổ. Có nghĩa là nếu không có kham nhẫn, là đụng chuyện bất như ý là mình khổ dữ lắm, trong khi cõi đời này dùng hai từ mà Thầy hay ví dụ đó *"Cảnh trần vốn bất toại"*. Nghĩa là những gì mà chúng ta nghe, thấy không có như ý của mình đâu, nó vô thường, nó thay đổi mà. Chính vì vậy, sống trong kiếp người mà ta không thực tập lòng kham nhẫn là khổ khủng khiếp. Không có kham nhẫn là đụng chút chút gì mình cũng khổ hết.

Như hôm trước Thầy giảng, tức là có những chuyện trong cuộc sống này ta phải biết kham nhẫn. Đại chúng mà không biết kham nhẫn, nghe người ta nói xấu một câu thôi là mình khổ, ngồi cái lưng nó hơi đau mình cũng bực bội khó chịu, đi ngủ mà nhà hàng xóm hát karaoke to quá cũng khó chịu, đi làm mà bị Sếp la cũng khó chịu, bạn đồng nghiệp đố kỵ với mình, mình cũng khó chịu. Quý vị không tu là đụng những chuyện đó, mình khổ khủng khiếp khổ và đi đâu cũng khổ. Ở đời có câu *"Ở đâu cũng có Phật Đà, ở đâu cũng có quỷ ma cô hồn",* đi đâu mà tìm được một chỗ mà không có cảnh bất toại. Vấn đề ở đây là mình chịu đựng. *"Chịu"* là chấp nhận, và *"Đựng"* là khả năng dung chứa. Cái từ

kham nhẫn (kham nhẫn) hay lắm quý vị, dịch sang tiếng Việt của mình là *chịu đựng*.

Để mà thực tập được cái hạnh kham nhẫn là lòng từ của chúng ta phải lớn. Khi từ tâm của mình mà lớn rồi đó, thì mình đón nhận những cái bất như ý này nó nhẹ nhàng lắm. Ví dụ người đó nhìn mình nói một câu gì đó, nhìn với ánh mắt gì đó, cười một nụ cười khinh khi gì đó, nhưng từ tâm của mình lớn mình thương được người đó, tự nhiên không giận được người đó. Nó hay lắm, vì có từ tâm lớn, ta có thể dung chứa được những cái bất toại của cuộc đời trong tấm lòng như biển như sông của mình. Còn tấm lòng của ta nhỏ bé quá, ích kỷ quá, bỏn xẻn quá, đụng chuyện nào mình cũng khó chịu hết quý vị xem phải không? Khi lòng từ của ta lớn rồi, ta có thể tha thứ được cho ai đó đối xử không tốt với mình, khi lòng từ của mình lớn, mình mới nhẫn được những cái điều khó nhẫn.

Trong Kinh có kể câu chuyện Ngài Angulimāla (là Ngài Vô Não), trước khi xuất gia Ngài giết 999 người. Nên khi mà Ngài xuất gia, những cái người thân của họ còn nhớ cái oán thù đó, khi gặp Ngài họ đánh, họ ném đá, họ không cúng thức ăn cho Ngài. Nói chung có những lúc khi Ngài bị đánh, bị đá, bị ném đá máu me. Có lần Đức Phật thấy và Ngài nói *"Này Angulimāla hãy kham nhẫn, ông đang gặt hái ngay trong hiện tại quả báo của nghiệp mà đáng lẽ ông phải chịu nấu sôi ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn*

năm" tức là những cái ác nghiệp của Ngài có thể là phải chịu ở dưới Địa Ngục nhưng mà bây giờ quả báo nó đã trổ liền vậy đó. Đức Phật nói ngài Vô Não hãy kham nhẫn với những cái việc bị người ta đánh, bị người, ta ném.

Cho nên Thầy xin nhắc lại việc mà kham nhẫn nó quan trọng lắm, bao nhiêu việc trong đời này mà quý vị vượt qua được cũng nhờ kham nhẫn phải không ạ? Hôm trước Thầy có lấy ví dụ câu *"Bực như thế làm sao phải nhẫn"*. Bỏ chữ "bực" đi, còn *"như thế làm sao phải nhẫn"*. Bỏ "như thế" đi, còn *"làm sao phải nhẫn",* cho đến khi bỏ chữ "làm sao" đi, thì còn hai từ *"phải nhẫn"*. Nhưng ngày nào đó mình thấy còn chứ "phải" cũng hơi gượng, phải bỏ sao thành chữ *"Nhẫn"* thôi. Tức là sống trong đời này *"nhẫn"* là một cái tự nhiên luôn nha. *"Cảnh trần vốn bất toại",* anh không nhẫn là anh khổ thôi. Cho nên một trong những cách để đại chúng vượt qua phiền não là kham nhẫn, là chịu đựng.

Hôm nào đi từ thiện, mình đã ăn ngon quen rồi mà tới đó Chùa nghèo quá, không có cái gì thì xuống làm tô mì gói, đó là kham nhẫn. Giả dụ Chùa không có mì gói, thì xuống làm cơm nguội. Cơm nguội giờ không có gì ăn thì ăn với muối tiêu. Ngủ lâu nay chăn êm nệm ấm rồi bây giờ đi từ thiện vùng xa, không có thì lấy cái võng bắt ra, không có nữa lấy cái miếng gì đó trải ra ngủ đỡ. Thầy nói quý vị kham nhẫn là hạnh phúc lắm, trong hoàn cảnh nào quý vị cũng có thể hài

lòng với những gì mình có. Quý vị thấy không, hạnh phúc lắm, quan trọng lắm! Nhờ cái kham nhẫn nhỏ này mà quý vị có sức kham nhẫn lớn. Ngay ở thân mình thôi, chúng ta đau một chút xíu thôi mà mình không kham nhẫn là mình dễ giận, dễ bực bội khó chịu lắm. Nên mong đại chúng hiểu chỗ kham nhẫn này, Phật tử có thể nghe lại Thầy giảng cái bài KHAM NHẪN, để mỗi chuyện có thể bằng từ tâm của mình chấp nhận và khả năng chứa đựng. Khả năng chứa đựng ở đây chính là từ tâm của mình, nếu càng lớn mình thực tập kham nhẫn rất là nhẹ nhàng. Vậy có những phiền não do nhẫn nhịn, nhẫn nhục hay do kham nhẫn đoạn trừ.

5. Có những phiền não do tránh né đoạn trừ

Thầy mời quý vị qua cái thứ năm, có những phiền não do tránh né đoạn trừ. Đây là đoạn mà Thầy hay giảng trong các bài Pháp, là ta tu Pháp né, *"ấn số de"*. Và Thầy có giảng bài này rồi, đó là bài TRÁNH VÀ TRỪ. Đức Phật dạy trong Kinh:

(Các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh

thường; vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn độc ác ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.

- *Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước:* Đức Phật nói có mấy chỗ này nên né nó đi. Vì sao vậy ạ? Vì nó nguy hiểm, đơn giản vậy thôi. Có những phiền não mình muốn vượt qua chỉ cần mình né nó đi. Ví dụ mình sợ chó mà đi ngang nhà nào có chó dữ không cột, sợ nó cắn là mình nên né đừng đi đường đó. Trừ trường hợp hết đường đi, phải đi đường đó thì lúc đó mình mới tu hạnh kham nhẫn, hạnh trí tuệ khéo làm sao đó tìm cách khác. Vậy thì bây giờ quý vị thấy rõ ràng cuộc sống này hay không? Có những điều chúng ta chỉ cần né thôi. Mời đại chúng nghe tiếp, Đức Phật dạy tiếp:

- *Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi*: Cái này hay lắm đó Phật tử, có những chỗ ngồi nếu mình ngồi vô chỗ đó là mình phiền não đó. Trong cuộc sống này mình thấy có không, ví dụ cái chỗ ngồi đó của ông Sếp mà tự nhiên mình vô ngồi, ổng mà thấy rồi là có

chuyện đó thấy chưa. Đó là Thầy đang nói những người cao hơn mình. Ông bà mình có câu *"ăn coi nồi, ngồi coi hướng"*. Ở trong Chùa, oai nghi của mấy chú tiểu mới vô đi tu, là đi ngang cái chỗ ngồi của Thầy hoặc cái võng của Thầy, dù không có Thầy mình cũng phải tôn trọng như là có Thầy ở đó vậy. Vì đó là cái chỗ Thầy ngồi, cái võng đó Thầy ngồi là mình không nên vô ngồi. Vậy là có những chỗ không nên ngồi. Và có những trường hợp mà không xứng đáng ngồi là mình ngồi vô cái chỗ đó, tự nhiên nó mất cái oai nghi đi. Ví dụ chúng ta là Phật tử giữ giới, không bài bạc, rượu chè, mình không nên ngồi vô chỗ mà bà Tám, bà Chín suốt ngày ngồi bàn tán nói xấu người khác, cái chỗ đó không xứng đáng ngồi, có nghĩa là như vậy nữa ạ. Chứ không phải chỉ có chỗ của ông Sếp, hay chỗ của Thầy mình ngồi, mà còn có những chỗ mà mình không nên ngồi. Đó là chỗ mà ngồi xuống là tạo bất thiện nghiệp, ngồi xuống đó là bài bạc, rượu chè, nói xấu, thị phi. Thì những chỗ đó cũng không xứng đáng để cho mình ngồi, ngồi chỗ đó rồi là tự nhiên mình bị ảnh hưởng nên né cái chỗ đó đi. Đại chúng thấy Đức Phật dạy tuyệt vời không? Né đi hết phiền não, ngồi vô đó một cái là bị rày, bị la, hoặc là ngồi vô đó xong bị ảnh hưởng.

- *những trú xứ không nên lai vãng:* có những chỗ không nên tới, tại vì tới đó phiền não, buồn giận hoài thì tới đó làm gì. Quý thiện hữu thấy khỏe không, bằng cách đơn giản là tu Pháp *né ra*. Trong bài **Kinh Khu Rừng** Đức Phật dạy có những chỗ mà chúng ta không

phát triển được Giới - Định - Tuệ, không phát triển đời sống an lạc, trí tuệ, từ bi thì ta tu Pháp né ra. Chúng ta có đôi chân mạnh khỏe như vậy mà lại không đi tìm những nơi nào xứng đáng, còn cái chỗ phiền não thì cứ vô hoài, *"Ma đưa lối quỷ dẫn đường, lại tìm những chốn đoạn trường mà đi".* Quý Phật tử phải mạnh mẽ lên, cuộc sống này có cả trăm, cả ngàn chỗ để phát triển thiện Pháp của mình, tại sao cứ đi vô cái chỗ mà buồn phiền hoài vậy ạ? Nắm vậy đó, đi tới đâu mà từ tâm của ta, trí tuệ của ta, Giới - Định - Tuệ, chánh kiến của ta phát triển thì mình tới nha.

- *những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường:* tức là có những người bạn mình cũng tu Pháp né luôn. Tuyệt vời chưa ạ? *"Thưa con tính con kỳ lắm Thầy, bạn con rủ con không từ chối được Thầy!"* Tu tập là phải có khả năng từ chối, từ chối chính là né đó quý thiện hữu. Từ chối ở đây là sự mạnh mẽ, từ chối ở đây là trí tuệ đó và đôi lúc từ chối ở đây là từ tâm đó. Từ tâm ở đây là *thương mình* đó ạ. Mình *thương mình* vì mình biết không từ chối được người bạn này là mình sẽ tạo bất thiện. Bây giờ mình *thương mình* là mình mạnh mẽ từ chối điều đó. Cho nên cuộc sống này chúng ta phải có trí tuệ để chọn lựa phân biệt thiện - ác, Thầy sẽ giảng thêm về cách tu Cộng - Trừ - Nhân - Chia nha. ***Cộng*** tức là đối với Thầy lành bạn tốt thì phải tu Pháp Cộng, có càng nhiều bạn tốt thì càng tốt để mình học. Pháp ***Trừ*** là trừ đi những cái điều bất thiện. Tu Pháp ***Nhân***

thì cái gì là điều thiện cứ nhân lên. Còn tu Pháp ***Chia*** là có cái gì chia cái đó, ở đây ý nói ta bố thí, hào sản, rộng rãi, sẻ chia đó. Thì Đức Phật đã nói có những người bạn phải tránh né đi để không sanh bất thiện. Quý Phật tử thấy tuyệt vời không, hôm nay mở mang ra cho mình, một trong những cách để đoạn phiền não là chỉ cần *né* thôi.

6. Có những phiền não do trừ diệt mà đoạn trừ

Thứ sáu có những phiền não do trừ diệt đoạn trừ rồi Thầy mời quý Phật tử cùng lắng nghe nội dung của trừ diệt đoạn trừ:

(Các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (dục niệm ấy); không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (sân niệm ấy); không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (hại niệm ấy); không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (các ác bất thiện pháp ấy). Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo,

các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn diệt.

Thầy phân tích cho đại chúng hiểu, ở đây muốn nói có những phiền não do mình trừ diệt. Khi trong tâm chúng ta có niệm tham dục khởi lên, không chấp nhận nó, biết nó là bất thiện rồi phải chuyển hoá nó liền. Đây là tham ăn, tham ngủ, tham sắc, tham tài, tham danh... nói *tham* rộng ra là tham ở mắt, tham ở tai, tham ở mũi, tham ở miệng, tham ở thân. Những điều tham bất thiện đó bất thiện rồi, né nó đi, không để nó sanh trong tâm mình. Ở đây Phật nói 3 điều này mà khởi lên thì phải trừ diệt liền: thứ nhất là tham dục, thứ hai là tâm sân, thứ ba là tâm hại.

Thưa đại chúng, sống với *tâm sân* là đang uống thuốc độc, sống với tâm sân là mình đang tự hành hạ mình, đang khởi những điều bất thiện, chứ người ta thì chưa biết người ta khổ thế nào phải không? Giận ai tối nay ngủ không ngon, ăn không ngon, người mệt lắm. Còn *tâm hại* khởi lên, là muốn trừng phạt, muốn làm cho người khác đau khổ, từ con người đến con vật đó đau khổ. Nhớ là ba cái tâm này mình phải chuyển liền, phải trừ diệt nó liền, ba tâm này gọi là *"Tà Tư Duy"*, khi học về Bát Chánh Đạo chúng ta sẽ học về Chánh Tư Duy. *"Chánh Tư Duy"* chính là tâm ly dục, tâm vô sân, tâm vô hại.

Vậy thì ba điều khởi lên là ta phải trừ diệt nó, học hạnh ly dục - tức là tâm tham dục là phải bỏ nó, thứ hai

là tâm sân, thứ ba là tâm hại, hai tâm này ngược lại với tâm Từ với tâm Bi. Trừ diệt nó đi bằng cách nào? Bữa giờ quý Phật tử đã có một số *bảo bối* bỏ túi rồi, ví dụ bây giờ mình khởi tâm hại, tâm giận thì mình thực tập tâm từ thay vô, đang tham thì thực tập tâm bố thí, hoặc suy nghĩ lung tung thì niệm Ân Đức Phật, hoặc ta ghi nhận và biết nó: đây là tâm tham, đây là tâm sân, đây là tâm hại - đây chính là tâm chánh niệm. Ta bắt đầu chuyển đổi và thay thế bằng các tâm lành, ứng dụng những gì đã học đừng để nó khởi lên, đây gọi là *trừ diệt*. Rốt ráo của Phật Pháp là *ly dục,* lìa những tham muốn của cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, mà lìa được những cái đó ta mới chấm dứt được luân hồi tử sanh.

Quý Phật tử mình nên tập buông bỏ bớt những cái tâm gọi là *Tà Tư Duy*. Hôm nào mà gọi điện thoại cho Thầy, chỉ nghe Thầy thỉnh chuông và gõ mõ là hiểu Thầy đang nói gì rồi đó ạ. *"Buông đi con, bỏ đi con",* còn hôm nào mà Thầy nghe chuyện xong, Thầy chỉ thỉnh tiếng trống nha, là Thầy muốn nói *"Rỗng đi con, bỏ cái đó cho tâm mình rỗng rang đi con".* Rỗng rộng thì mình mới chứa được. Người xưa nói cây trúc tượng trưng cho sự quân tử, là vì cây đó trúc rỗng ruột đó Phật tử. Người quân tử không chứa chấp những chuyện lặt vặt. Mà con thấy không, không rộng lớn như bầu trời làm sao chứa được những đám mây, từ tâm của mình lớn mới bao dung được người khác, bao dung được cuộc đời. Khi mà mình hiểu Pháp thì mình mới có một

lối sống trầm ngâm trong Phật Pháp, tức là nhìn cái gì cũng quay vô Pháp, thấy được Pháp.

7. Có những phiền não do tu tập mà đoạn trừ

(Các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tu tập niệm giác chi, niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; như lý giác sát tu tập trạch pháp giác chi ... (như trên) ... tu tập tinh tấn giác chi ... tu tập hỷ giác chi ... tu tập khinh an giác chi ... tu tập định giác chi ... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

Thầy sẽ dạy kỹ phần này trong bài TỨ DIỆU ĐẾ, THẤT GIÁC CHI. Ở đây Đức Phật dạy tu tập Thất Giác Chi, hay còn gọi là Thất Bồ Đề Phần, tức là bảy chi phần đưa mình đến giác ngộ, đưa mình đến làm Thánh, đắc Đạo. Bảy điều đó là: 1. Niệm - chánh niệm, 2. Trạch Pháp - sự chọn lựa điều thiện ác, chọn lựa Pháp tu; 3. Tinh tấn - tất cả mình được học nhưng

không tinh tấn thì cũng không thành công; 4. Hỷ - hoan hỷ, 5. Khinh an - nhẹ nhàng, 6. Định, 7. Xả.

Quý Phật tử nghe Thầy nói nha, thật ra thì nội dung là như nhau, là để đưa mình đến đoạn phiền não giác ngộ giải thoát nhưng tuỳ căn cơ, đối diện trước mặt mà Đức Phật nói số 2, số 3 hay số 4, 5, 6, 7, 8. Nếu Phật nói số 2 là Thiền Chỉ và Thiền Quán, nếu con số 3 đưa mình đến chấm dứt luân hồi phiền não là Giới - Định - Tuệ. Nếu Ngài nói số 4 là Tứ Niệm Xứ, thân - thọ - tâm - pháp hay là Tứ Diệu Đế: khổ - tập - diệt - đạo; nếu số 5 là Ngũ căn (về gốc rễ), Ngũ lực (về sức mạnh), Ngũ quyền (về chủ chốt): tín - tấn - niệm - định - tuệ. Nhưng có khi Phật nói số 6 là chỗ *phòng hộ* mình vừa học, Sáu căn tiếp xúc với Sáu trần, ngay đó đừng để tham sân dính vô, sống đời sống chánh niệm, đó là con đường đi đến giác ngộ. Rõ ràng cũng Sáu căn tiếp xúc Sáu trần từ đó mà phiền não, nhưng cũng từ đó mà phòng hộ, đoạn phiền não mình cũng làm Thánh luôn. Giống như *"đường vào rừng cũng là đường ra khỏi rừng"* đó quý thiện hữu, cũng con đường đó mà chỉ khác là mình quay mặt lại là vào hay ra. Sáu căn tiếp xúc sáu trần, nếu không tu tập thì đó là đường vào sanh tử. Nếu chúng ta có chánh niệm cũng là đường ra khỏi sanh tử đó ạ, lối ra tùy thuộc đường vào, mọi cái có lối thoát hết. Nếu Phật nói con số 7 đưa đến giác ngộ là Thất Giác Chi, Thất Bồ Đề Phần: niệm, trạch Pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả. Nếu con số 8 chính là Bát Chánh Đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ,

chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Hôm nay Thầy giảng bài này cho quý thiện hữu Thầy vui lắm. Khi học bài 10 CÁCH TẠO PHƯỚC là mở cho mình một chân trời rồi, bây giờ không phải là những cách tạo Phước, mà đối diện với những bất như ý, những khổ đau mình có 7 cách để vượt qua, có những phiền não do tri kiến đoạn trừ, do phòng hộ, do thọ dụng, do kham nhẫn, do tránh né, do trừ diệt, do tu tập mà được đoạn trừ. Thầy mong là chúng ta gặp chuyện gì mà không giải quyết được thì ta dùng cách khác nha. Xin cám ơn quý Phật tử.

(Buổi giảng ngày 12/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Phiền não là gì?

2). Đoạn trừ phiền não do tri kiến là như thế nào?

3). Đoạn trừ phiền não do phòng hộ là như thế nào?

4). Đoạn trừ phiền não do thọ dụng là như thế nào?

5). Đoạn trừ phiền não do kham nhẫn là như thế nào?

6). Đoạn trừ phiền não do trừ diệt là như thế nào?

7). Đoạn trừ phiền não do tránh né là như thế nào?

8). Đoạn trừ phiền não do tu tập là như thế nào?

Bài 12: THIỆN VÀ ÁC

ଔ❁ଌ

---

* DẪN NHẬP
* PHÂN TÍCH THIỆN - ÁC
* CẤP ĐỘ THIỆN – ÁC
* TÓM LƯỢC

I. DẪN NHẬP

Hôm nay học bài "Thiện ác" quý đại chúng sẽ thấy được điều này, mỗi người trong chúng ta có mặt trong cuộc đời này, mỗi người mang theo một hành trang thiện - ác khác nhau. Và chính vì cái hành trang thiện - ác của mỗi người khác nhau như vậy cho nên trong cuộc sống này mình nhìn những vấn đề khác nhau. Mình gọi hành trang thiện - ác, vốn liếng thiện - ác của mình. Có người nhiều, có người ít, có người thiện nhiều, ác ít, có người thiện ít, ác nhiều, có người ác - thiện bằng nhau, có người sinh ra gần như bất thiện rất nhiều, cuộc sống phía trước rất mịt mù. Có người mang theo cái hành trang thiện rất nhiều, cho nên thuận duyên hay mình gọi là người này rất là lành, người có trí.

Chính vì mỗi người mang theo hành trang thiện - ác khác nhau, khi mình có mặt ở cuộc đời, nhìn về cuộc

đời mỗi người khác. Thầy nói ví dụ: Một lá me thôi, vì thiện - ác của mình khác nhau nên cách nhìn một lá me cũng khác nhau. Có người nhìn vô lá me với tâm hồn ăn uống thì nghĩ lá me này nấu canh chua cũng ngon à! Tâm hồn ăn uống nhìn lá me là vậy đó.

Có người thì nhìn lá me mỏng manh rớt xuống, liền quán tưởng đến cuộc đời này nó mong manh như vậy. Chiếc lá lìa cành cũng như cuộc đời người của mình lúc nào đó cũng chấm dứt lìa cành giống như chiếc lá nó rơi vậy đó, mình đến rồi đi, cuộc sống này nó mong manh lắm. Còn hiểu rộng ra nữa, cuộc đời cũng mong manh như một chiếc lá, có đó rồi mất đó, sáng còn tối mất, mình thấy từ một chiếc lá me thôi mà mình thấy cuộc đời, thân người, nó vô thường. Rồi cũng chiếc lá me đó mà mình thấy có tô canh chua cũng chỉ có chiếc lá thôi.

Bây giờ ví dụ quý đại chúng nhìn vào sợi tóc, ví dụ này dành cho quý đại chúng dễ hơn, không hợp dành cho Thầy. Quý đại chúng nhìn sợi tóc của quý đại chúng, chỉ một sợi tóc thôi. Sợi tóc nó nhỏ không? Nhỏ! Nhưng người hiểu thì thấy rằng cuộc đời khổ đau, sinh, tử, buồn vui cũng vì sợi tóc này. Cũng vì cái răng cái tóc đây mà mình chăm chút, chăm sóc cho nó biết bao nhiêu. Cũng vì mái tóc đây mà người thì chải tóc 7/3, người thì chải 5/5, người thì cạo luôn. Cũng chỉ có 1 sợi tóc này thôi, Thầy nói giả dụ, sợi tóc này mà nó nằm không đúng chổ là có chuyện trong gia đình quý

vị đó. Ví dụ người vợ cắt tóc ngắn mà thấy trên áo chồng mình có 1 sợi tóc dài, có 1 sợi tóc thôi, có 1 sợi tóc mà có thể nó sinh bao nhiêu chuyện đó. Nhiều khi mình đang đói, mình ăn tô mì, một tô mì ngon vậy đó mà chỉ cần trong tô mì đó có 1 cọng lông mi thôi, là rồi, muốn bỏ tô mì. Thấy có chuyện chưa? Quý vị thấy cũng 1 sợi tóc đó thôi, nó nhỏ vậy đó, nếu mình hiểu Phật Pháp, nó chứa cả thế giới ở trong đó.

Có một Thiền Sư, Ngài nói câu này:

"*Càn khôn tận thị mao đầu thượng,*
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung".

Càn khôn là trời đất này nằm trên đầu một sợi lông, cả nhật nguyệt chứa trong lòng hạt cải. Đây là giáo lý duyên khởi, một là tất cả, tất cả là một. Với giáo lý duyên khởi được hiểu qua câu thơ Hữu Không của Thiền sự Đạo Hạnh, dịch bởi Huyền Quang Tam Tổ:

"Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì?"

Khi mà hiểu Phật Pháp, mình thấy chỉ một cái nhỏ thôi mà nó bao hàm nhiều cái.

"Trong một chén trà thơm có hồ sen bát ngát,

Trong một làn gió mát, có muôn vạn trùng dương,
Trong trang giấy bình thường có cổ kim nhân loại".

Trong một cái thôi mà chứa nhiều cái là vậy. Nãy giờ Thầy nói chỉ một sợi tóc thôi. Hãy nhìn coi, người đi tu như quý Thầy, phải cạo mái tóc, cạo mái tóc là ý muốn nói gì? Quý vị vô chùa thấy mấy chú tiểu thường để 3 chóp tóc không? 3 chóp đó là người tu là phải đoạn tham, sân, si, đoạn phiền não nên quý Thầy được Phật dạy thế này: "*Nhữ đẳng tỳ-kheo! Đương tự ma đầu".* Nghĩa là: Này quý Thầy, lấy tay rờ lên mái đầu để biết mình không có tóc, để biết mình là người xuất gia, nhìn mái tóc là để nhắc mình. Còn chú tiểu để 3 chóp là con đi xuất gia rồi con nhé, là đoạn trừ phiền não đó, nhưng con nhớ, còn 3 chóp tóc này tượng trưng tham - sân - si còn, ý nghĩa là vậy đó.

Thầy đọc trong lịch sử, trong các vị Thánh có 9 vị Thánh đệ tử 7 tuổi xuất gia. Mà có những vị cạo xong lưỡi thứ nhất đắc Sơ quả Thánh Tu-Đà-Hoàn (Đọc mà Thầy mê luôn), cạo lưỡi thứ hai đắc Nhị quả Tu-Đà-Hàm, cạo lưỡi thứ ba đắc Tam quả A-Na-Hàm, cạo xong mái tóc đắc A-la-hán. Nghe chỉ có hâm mộ thôi, mình tưởng tượng cạo xong đầu thành A-la-hán. Còn mình cũng mái tóc này, mà quý đại chúng biết phát nguyện gì không? Phát nguyện là: "*Con nguyện làm xong cái này con cạo tóc*", không biết cô đó cô nghĩ sao đó mà cô nguyện cạo tóc. Nguyện thành xong nói:

"Thầy ơi bữa con nguyện làm xong con cạo tóc mà bây giờ con là nữ, con mới 30 tuổi, con cạo rồi sao con làm gì được Thầy". Thầy nói: "*Vậy sao lúc nguyện không nghĩ kỹ*".

Nãy giờ Thầy nói chỉ một cọng tóc mà đi hết bài. Ý Thầy muốn nói là khi quý đại chúng hiểu rồi thì cuộc đời này cái "Thiện - ác" đó thôi, mà nó cho mình đủ thứ. Cho nên trong đời này có người họ lành từ nhỏ rồi, họ tự giác, họ tự ý thức (Đỉnh cao của ý thức là "Tự ý thức"). Tinh thần tự ý thức, tự giác, tự túc, tinh thần trách nhiệm, mấy cái đó Thầy cảm nhận khó dạy lắm. Rất là khó dạy. Với tinh thần tự túc, tự giác, tự ý thức, tinh thần trách nhiệm, quý đại chúng chỉ cần có tinh thần trách nhiệm là quý đại chúng tự nâng cuộc đời mình lên. Ở đâu quý đại chúng cũng có trách nhiệm hết.

Làm vợ thì có tinh thần trách nhiệm làm vợ, làm chồng đáng làm chồng, người con, người cha, người mẹ, anh, em, là người học trò, người Thầy, bất cứ chổ nào quý đại chúng cũng làm tròn trách nhiệm đó, là quý đại chúng tự nâng cuộc đời quý vị lên. Mình làm cho người ta thấy, người ta khen nhưng điều đó là điều cần làm. Cho nên Thầy nói, với hành trang "Thiện - ác" đó mà mỗi người trong chúng ta, với cuộc đời này chúng ta nhìn cuộc đời, cái thiện - ác nó quan trọng ra sao cho chính bản thân mình. Cho nên hôm nay phải nói cho được, cho rõ hơn, minh định đâu là "Thiện" đâu là

"Ác" để từ nay trở đi "Ác" thì mình dừng, dừng xong rồi phải bỏ, còn "Thiện" thì phải làm, phải trau dồi, phải cố gắng đi tiếp. Cho nên trong bài này Thầy muôn giảng cho quý vị nghe, phải minh định rõ ràng "Thiện - ác".

II. PHÂN TÍCH THIỆN - ÁC

1. Định nghĩa Thiện - ác

Thiện

Thiện là gì? Thiện là những điều gì? Là những lời nói, những việc làm, những suy nghĩ và những việc gì mà mình làm đưa đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, đưa đến an lạc hiện tại, an lạc tương lai.

Ác

Ác là những điều ngược lại, ác là những gì hại mình, hại người, hại cả hai, khổ đau hiện tại và khổ đau đến tương lai.

Ví dụ mình giận ai đó, mình lớn tiếng với họ, đó là khẩu nghiệp. Mình ác khẩu với họ câu nặng nặng chút thì câu chửi đó là hại người, là hại mình, hại cả hai. Hiện tại hai người đau khổ, giận là thấy khổ rồi, chửi hai người khổ tiếp, rồi thành oán thù ở tương lai.

Thầy giới thiệu dẫn chứng bài Kinh số 61, (*Trung Bộ Kinh, bài Kinh Giáo Giới La Hầu La)*, bài Kinh như sau:

"Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Rahula (La-hầu-la) ở tại Ambalatthika (rừng Ambala). Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Ambalatthika, chỗ Tôn giả Rahula ở. Tôn giả Rahula thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, và sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Rahula đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn, sau khi để một ít nước còn lại trong chậu nước, bảo Tôn giả Rahula:

-- Này Rahula, Ông có thấy một ít nước còn lại này trong chậu nước không?

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

-- Cũng ít vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Rồi Thế Tôn, sau khi đổ đi chút ít nước còn lại ấy rồi bảo Rahula:

-- Này Rahula, Ông có thấy chút ít nước còn lại ấy bị đổ đi không?

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

-- Cũng đổ đi vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Rồi Thế Tôn lật úp chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula.

-- Này Rahula, Ông có thấy chậu nước bị lật úp ấy không?

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

-- Cũng lật úp vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Rồi Thế Tôn lật ngửa trở lại chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula:

-- Này Rahula, Ông có thấy chậu nước này trống không không?

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

-- Cũng trống không vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Này Rahula, ví như một con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận con voi này thường dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Con voi của vua (như vậy) không quăng bỏ mạng sống (của mình)". Này Rahula, nhưng khi con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường, khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, dùng vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường... (như trên) ... dùng đuôi, dùng vòi. Con voi của vua (như vậy) đã quăng bỏ mạng sống (của mình), và nay con voi của vua không có việc gì mà không làm". Cũng vậy, này Rahula, đối với ai biết mà nói láo, không có tàm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm. Do vậy, này Rahula, "Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi", này Rahula, Ông phải học tập như vậy.

Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?

-- Bạch Thế Tôn, mục đích là để phản tỉnh.

-- Cũng vậy, này Rahula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.

Này Rahula, khi Ông muốn làm một thân nghiệp gì, hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nhất định chớ có làm. Này Rahula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nên làm.

Này Rahula, khi Ông đang làm một thân nghiệp, Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ; đem đến quả báo đau khổ. Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này Rahula, ông hãy từ bỏ một thân nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Rahula, trong khi phản tỉnh ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải tiếp tục làm.

Sau khi Ông làm xong một thân nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải thưa

lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai. Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

Này Rahula, khi Ông muốn làm một khẩu nghiệp gì, hãy phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Khẩu nghiệp này ta muốn làm. Khẩu nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một khẩu nghiệp như vậy, này Rahula, nhất định chớ có làm. Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Khẩu nghiệp này ta muốn làm. Khẩu nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Một khẩu nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nên làm.

Này Rahula, khi Ông đang làm một khẩu nghiệp, Ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này Rahula, Ông hãy từ bỏ một khẩu nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Rahula, khi phản tỉnh, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Khẩu nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải tiếp tục làm.

Sau khi Ông làm xong một khẩu nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một khẩu nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải

thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai. Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đưa đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

Này Rahula, như Ông muốn làm một ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm. Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Một ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nhất định chớ có làm. Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm. Ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nên làm.

Này Rahula, khi Ông đang làm một ý nghiệp, Ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ". Này Rahula, Ông hãy từ bỏ một ý nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Rahula, khi phản tỉnh Ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông phải tiếp tục làm.

Sau khi Ông làm xong một ý nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Một ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải lo âu, cần phải tàm quý, cần phải nhàm chán. Sau khi lo âu, tàm quý, nhàm chán,

cần phải phòng hộ trong tương lai. Còn nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

Này Rahula, trong thời quá khứ, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tịnh hóa thân nghiệp, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, đã tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần đã tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa ý nghiệp. Này Rahula, trong thời vị lai, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sẽ tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa ý nghiệp. Này Rahula, trong thời hiện tại, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tịnh hóa thân nghiệp, tịnh hóa khẩu nghiệp, tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa khẩu nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa ý nghiệp. Do vậy, này Rahula: "Sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh

hóa ý nghiệp". Như vậy, này Rahula, Ông cần phải tu học.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn giảng."

(Trích Trung Bộ Kinh Majjhima Nikaya, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, 61. Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Ambala (Ambalatthikà Ràhulovàda sutta))

Nội dung chính của bài kinh là: Một ý nghiệp, một thân nghiệp, một khẩu nghiệp nào hại mình, hại người, hại cả hai, đưa đến khổ hiện và đau khổ trong tương lai thì đó là ác, là bất thiện. Còn ngược lại đưa đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, an lạc hiện tại, an lạc tương lai thì đó là thiện.

2. Nội dung thiện - ác

Trong nội dung "ác" có hai:

- Thứ nhất là cái "ác" phải dừng lại, phải bỏ ngay. Ví dụ một lời nói, một ý nghĩ hay một việc làm xấu, ác thì phải bỏ.

- Thứ hai, mình làm thiện nhưng mình làm trong dậm chân tại chổ không làm nữa, cứ dừng lại đó. Làm cái đó xong rồi dừng lại không làm nữa thì chính cái dừng lại của mình trong dòng đời là cái ác tiếp tục có mặt. Cho nên mình làm thiện xong mình dừng ngay đó là chưa đủ.

Trong nội dung "thiện" cũng có hai:

- Thứ nhất: Thiện là những gì mình cần phải trau dồi. Ví dụ: Nhớ lại 10 điều thiện, 10 cách làm phước: Bố thí, trì giới, tu tiến, cung kính, phục vụ, hồi hướng, tùy hỷ, thuyết pháp, nghe pháp, thay đổi tri kiến. Thì cái đó là điều thiện cần phải trau dồi.

- Thứ hai: Thiện là phải vượt qua cả cái thiện và cái ác. Phải vượt qua những cái đó, nếu quý đại chúng làm thiện mà dừng ở đó thì không đi xa được. Quý đại chúng muốn đi xa trong cái thiện thì phải bỏ cả cái thiện đó để tiếp tục, tiếp tục làm đến cái thiện rốt ráo. Thiện rốt ráo mình làm Thánh mới xong việc, là phải chấm dứt luân hồi sinh tử, giác ngộ giải thoát mới xong việc. Chứ mình dừng ở một nghĩa trau dồi không thì cũng chưa đủ, mà trau dồi đến khi nào làm cho xong, làm nữa, làm nữa, làm đến khi rốt ráo chứng Thánh.

- Trong chú giải thiện có 5 nghĩa và ác có 5 nghĩa.

Đây là 5 nghĩa của "thiện":

1/ Không bệnh.

2/ Tốt đẹp.

3/ Khôn khéo.

4/ Không tội lỗi.

5/ Có quả an vui.

Ngược lại 5 nghĩa của "thiện" là "ác".

Đây là trong chú giải, còn ở trên là trong Chánh Kinh: Thân, khẩu, ý không hại mình, không hại người và không hại cả hai, đưa đến an lạc hiện và an lạc trong tương lai thì đó là thiện và ngược lại thì là ác.

☞ Thiện thứ nhất không bệnh: Không bệnh không phải nói về thân không. Vào thời Đức Phật có vị Thánh đệ tử tên là Bạc Câu La *(Bakkula)* cả đời không bệnh. Không bệnh đó chỉ là không bệnh thân thôi. Nhưng ở đây mình đang nói về cái "tâm". Nghĩa của "thiện không bệnh" là chỉ cho một cái "tâm" lành mạnh, không bị ảnh hưởng ô nhiễm bởi những phiền não, bởi những nhiễm ô bên ngoài.

Và không bệnh là những tâm sở thiện. Những tâm thiện, tâm sở này sẽ dẫn mình đến quả Niết-bàn. Cho nên hôm nào quý đại chúng đọc trong Kinh có câu "*Không bệnh là tối thượng*" thì lúc đó quý đại chúng hiểu là một cái tâm lành mạnh, không bị ảnh hưởng ô nhiễm bởi những phiền não, bởi những nhiễm ô bên ngoài.

☞ Thứ hai nghĩa của "Thiện" là tốt đẹp: Là phá bỏ đi những điều xấu ác, tích cực làm những điều tốt đẹp, những điều lành, những điều thiện. Điều lành này nói theo căn bản là mười cách tạo phước, là bố thí, trì giới, tu tiến, phục vụ, cung kính, tùy hỷ, hồi hướng, thuyết pháp, nghe pháp, thay đổi tri kiến.

Sẵn đây Thầy nhắc lại những bài quan trọng, như muốn biết cách tạo phước thì nghe lại bài "Mười Cách Tạo Phước". muốn biết cách tu tập thì nghe bài "Rải Tâm Từ", "Niệm Ân Đức Phật", "Bát Quan Trai", "Năm Giới". Còn về Đức Phật thì nghe "Phật Tướng", "Phật Nạn", "Phật Đạo", "Sở Hành Đức Phật", "Quy Y".

☞ Thứ ba Khôn khéo: Là những tâm thiện của mình nó biết tránh những cạm bẫy, tránh những cái đam mê, tránh những cái bất thiện, tránh những điều xấu ác dẫn đến sa đọa, dẫn đến đọa lạc, dẫn đến khổ đau. Là cái tâm nào giúp cho mình tránh né đi những vô minh, những tà kiến dẫn mình đế đọa lạc, dẫn mình đến đau khổ. Đó là Khôn khéo, nghĩa là tâm này hợp trí tuệ, là tâm thiện có trí tuệ đi cùng.

Quý đại chúng nhớ: Gặp cảnh như ý thì đừng khởi tâm tham, đụng tới cảnh bất như ý thì đừng khởi tâm sân, khôn khéo là vậy đó. Thường thì mình thấy cảnh đẹp là tham, thấy cảnh bất như ý thì sân, đa phần là như vậy. Không biết tu là như vậy, giờ biết tu rồi thì khi thấy cái đẹp thì biết nó đẹp, thấy nó xấu biết nó xấu, ***"tu là chánh niệm, ghi nhận"*** Đây là mấu chốt.

"*Lênh đênh trong cõi diêm phù, khéo tu thì nổi, vụn tu thì chìm*", hay: "*Ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng*" Phật tặng cho mình Pháp này, giáo lý này. Giờ quý đại chúng có hành trang cầm tay mà quý đại chúng không thực tập thì chịu. Nhớ giùm Thầy là cứ đụng chuyện,

thấy cảnh đẹp thì đừng tham, thấy cảnh xấu đừng nổi tâm sân, mà tu là ở chổ là biết nó vậy thôi. Vẫn biết nó đẹp chứ đâu phải tu là không biết nó đẹp, quý đại chúng đưa Thầy bông hoa, không lẽ Thầy không biết bông hoa đẹp, biết hoa đẹp chứ nhưng dừng ở chổ đó thôi. Quý đại chúng dính vô cái tham là dính tâm tham, muốn lấy nó mà lấy không được là khởi tâm sân, khủng khiếp vậy đó. Cho nên mấu chốt quan trọng chổ đó, ghi nhận vậy thôi, khôn khéo là ở chổ đó, biết chánh niệm phòng hộ để coi tâm mình có hợp với trí tuệ đừng để tham và sân nó nhảy vào.

☞ Nghĩa thứ tư "Không tội lỗi": Khi tâm thiện có kết hợp với tâm vô tham, vô sân, vô si (tức là người tam nhân), nó làm chủ cho một hành động hay một lời nói nào đó thì điều đó nó không mang lại tội lỗi, bất thiện. Nghĩa là khi quý đại chúng làm với cái tâm vô tham, vô sân, vô si cái đó gọi là 3 căn bản thiện và ngược lại thì nó căn bản ác bất thiện.

Vậy cái gì kết hợp vô tham, vô sân, vô si theo qua lời nói, qua hành động thì nó không thành bất thiện dù mình thấy vị đó nói cái gì đó có hơi bất thiện nhưng nếu trong lòng vị đó vô tham, vô sân, vô si thì không được gọi là bất thiện.

Thời Đức Phật, có vị Thánh đệ tử tên là Pilindavaccha, Ngài được Đức Phật tán thán là "Đệ nhất Chư Thiên ái kính". (Còn lãnh chúng cõi người, đệ nhất đồ chúng, đệ tử đông nhất là Ngài Ưu Lâu Tần

Loa Ca Diếp *(Uruvelakassapa))*. Ngài Pilindavaccha hay gọi người khác bằng các ngôn từ chợ búa, như: "Đồ bần tiện", … nói những vị khác như vậy đó, mình nghe thì giống như là khinh thường nhưng mà không phải. Khi các Thầy thưa với Đức Phật, tại sao Trưởng lão này nói như vậy, thì Đức Phật dạy: Đệ tử của ta không có. Không phải đó là điều bất thiện, tại sao? Tại vì Ngài này là bậc Thánh rồi, Ngài không còn tham, sân, si, cái gốc tham, sân, si không còn dù lời nói của Thầy, Thầy còn nói "*Đồ bần tiện*". Vì trong tiền kiếp, 500 kiếp Thầy này là Bà-La-Môn hay nói những câu nói đó thành thói quen (Gọi là tiền khiên tật). Cho nên Thầy nói ở đây không tội lỗi là những gì từ tâm vô tham, vô sân, vô si.

Thầy nói dẫn chứng một trường hợp nữa. Trong thời Đức Phật, có một vị Thánh đệ tử tên là Cakkhupāla, Ngài đắc Thánh rồi nhưng Ngài bị mù. Do trong tiền nghiệp quá khứ, Ngài là một vị Thầy thuốc chữa bệnh, và vị Thầy thuốc này chữa bệnh mù rất giỏi. Có 2 mẹ con bị bệnh đau mắt đến mù, tới chữa bệnh và nói với ông: "*Ngài ơi Ngài chữa bệnh cho con tôi sáng mắt thì 2 mẹ con tôi đi theo hầu Ngài cả đời"*. Ông chữa bệnh cho 2 mẹ con, thì ông thấy con mắt gần sáng, chuẩn bị thêm 1, 2 bài thuốc nữa là sáng mắt, thì 2 mẹ con này mới bàn với nhau, "*Hai mẹ con mình bây giờ mắt sáng, chữa 1, 2 thang thuốc nửa là lành, mà chẳng lẽ khi lành rồi 2 mẹ con mình cả đời đi hầu cái vị này hoài sao, cho nên chữa có sáng mà hỏi mình thì mình*

nói chưa nhé". Một hôm, ông chữa bài đó xong thì hỏi "*Sáng mắt chưa?"* thì 2 mẹ con nói "*Chưa*". Ông biết 2 mẹ con này có ý rồi, nên ông mới cho lại bài thuốc bôi vô thì mù lại luôn. Đó là tiền nghiệp của Ngài. Đến thời Phật Thích Ca, Ngài tu tập đắc Thánh A-la-Hán mà mắt của Ngài bị mù. Và khi mắt Ngài bị mù như vậy, hàng ngày đi kinh hành thì Ngài mới dặm chết một số côn trùng. Quý Thầy thấy vậy mới thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy: *"Người giải thoát các lậu hoặc, không còn ý sát sanh"*. Tại vì Ngài không còn tham, sân, si nên không còn tội lỗi. Qua câu chuyện, Đức Phật nói lên bài Kinh Pháp Cú số 1:

1. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.

(Câu số 1, Phẩm Song Yếu, Kinh Pháp Cú, Hòa Thượng Thích Minh Châu Việt dịch).

Trường hợp khác nữa. Bà Visākhā, là đệ nhất nữ thí chủ hộ trì cho tăng đoàn. Bà sống 120 tuổi, bà đẹp lắm, vừa đẹp vừa khỏe. Bà xây dựng tinh xá, cúng dường lo cho tăng đoàn. Khi có chồng, có một lần chồng bà đi săn, bà sắp xếp cung tên. Vì bà chứng Sơ quả, là bậc Thánh từ năm 7 tuổi. Thì mình mới đặt câu hỏi: *Tại sao bà đắc Sơ quả rồi, mà giờ bà sắp xếp*

cung tên cho chồng đi sát sanh? Người ta đặt câu hỏi như vậy. Thì ở đây là không phải, mà bà chỉ làm bổn phận của người vợ thôi, chứ không có ý sát sanh. Trong đầu, trong tâm niệm không còn ý niệm giết con gì hết, không có việc sát sanh, không còn gì để cho vị đó sát sanh. Như Đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú:

"Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,
Không làm, không có ác."

(Câu số 124, Phẩm Ác, Kinh Pháp Cú, Hòa Thượng Thích Minh Châu Việt dịch).

Bà Visākhā sắp xếp cung tên cho chồng đi săn nhưng ở đây bà không ủng hộ việc sát sanh, vì bà đâu còn tâm lý nào ủng hộ. Nhưng bà sắp xếp là vì bổn phận của người vợ. Cho nên có những việc mình nhìn ra tưởng là tội lỗi, nhưng ở đây ý nghĩa của từ thiện không có tội lỗi. Quý đại chúng cần nhớ: Không tội lỗi là phải đi theo với không có tham, sân, si.

☞ Thứ 5 cho quả an lạc: An lạc ở cõi dục, an lạc ở cõi lành, ở cõi nhân thiên, cõi sắc giới, vô sắc giới. Và dĩ nhiên thiện cho an lạc cao nhất là thiện đưa đến Niết-bàn, đưa đến chấm dứt tử sinh, đưa đến giác ngộ, đưa đến làm Thánh. Quả an lạc cao nhất là như vậy. Đối với các pháp hữu vi (Các pháp do duyên mà sanh có, do nhiều duyên hợp lại mà thành gọi là Pháp hữu

vi) an lạc nhất đó chính là các tầng thiền sắc giới, vô sắc. Còn đối với thiện rốt ráo cao nhất đó đắc quả Niết-bàn. Đây là định nghĩa chữ "thiện" là mấu chốt của bài.

3. Tiêu chuẩn để phân biệt thiện – ác, căn bản thiện - ác

Nguyên văn trong Kinh "Trung Bộ Kinh - Bài kinh số 09 – Kinh Chánh Tri Kiến":

"...

Tôn giả Sariputta nói như sau:

(Thiện và bất thiện)

-- Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bổn bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bổn thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là bất thiện, thế nào là căn bổn bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bổn thiện? Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

Và chư Hiền, thế nào là căn bổn bất thiện? Tham là căn bổn bất thiện, sân là căn bổn bất thiện, si là căn bổn bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bổn bất thiện.

Và này chư Hiền, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

Chư Hiền, thế nào là căn bổn thiện? Không tham là căn bổn thiện, không sân là căn bổn thiện, không si là căn bổn thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bổn thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bổn bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bổn thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

...

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời giảng của Tôn giả Sariputta."

(Trích Trung Bộ Kinh Majjhima Nikaya, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, bài Kinh 09. Kinh Chánh tri kiến (Sammāditthi sutta))

- Như vậy, thế nào là thiện? Thế nào là ác? Thập thiện là thiện và ngược lại với thập thiện là ác. Nghĩa là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân, chánh tri kiến là thiện. Ngược lại, sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói phù phiếm, tham, sân và tà kiến là ác.

- Căn bản thiện là không tham, không sân, không si. Ngược lại tham, sân, si là căn bản ác.

Trong bài Kinh khác, Đức Phật cũng nói thêm về thiện – bất thiện (ác), Đức Phật dạy:

" ...

5. Này Vāsettha, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà-la-môn, Phệ xá và Sudda (Thủ-đà-la). Này Vāsettha, có người Sát đế lỵ sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vàsettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất

thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quở trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế lỵ. Này Vāsettha có người Bà-la-môn... Này Vāsettha có người Phệ xá... Này Vāsettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Này Vāsettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quở trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Này Vāsettha, có người Sát đế lỵ không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Này Vāsettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế lỵ. Này Vāsettha, có người Bà-la-môn... Này Vàsettha, có người Phệ xá... Này Vāsettha, có người Thủ đà la không sát sanh... không có tham tâm, không

có sân tâm, có chánh kiến. Này Vāsettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

7. Này Vāsettha, vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà-la-môn nào nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên." Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Vāsettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một vị Tỷ kheo, một vị A la hán, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, vị ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp. Này Vāsettha, Phàp

là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

8. Này Vāsettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

Này Vāsettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sākyā tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ, còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?" Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp nên vua tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vāsettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

…"

(Trích Trường Bộ Kinh, Digha Nikaya, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, bài Kinh 27. Kinh Khởi Thế Nhân Bổn (Agganna Sutta))

Và trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật cũng dạy Ông Cunda về thiện (Tịnh hạnh) và bất thiện (Không tịnh hạnh), Đức Phật dạy:

" …

2. Này Cunda, thân không tịnh hạnh có ba, lời không tịnh hạnh có bốn, ý không tịnh hạnh có ba. Và này Cunda, thế nào là thân không tịnh hạnh có ba?

3. Ở đây, này Cunda, có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người ấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy. Người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh đối với các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

Như vậy, này Cunda, bất tịnh hạnh về thân có ba. Và này Cunda, thế nào là bất tịnh hạnh về lời có bốn?

4. Ở đây, này Cunda, có người nói láo, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết". Dầu cho vị ấy không biết, vị ấy nói: "Tôi biết". Dầu cho vị ấy biết, vị ấy nói: "Tôi không biết". Hay dầu cho vị ấy không thấy, vị ấy nói: "Tôi thấy". Hay dầu cho vị ấy thấy, vị ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ. Và người ấy là người nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến Thiền định. Người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về lời có bốn. Và này Cunda, thế nào là không tịnh hạnh về ý có ba?

5. Ở đây, này Cunda, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình! ". Có người có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại! ". Lại có người có tà kiến, có tưởng điên đảo, như: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có tế lễ, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về ý có ba.

6. Này Cunda, có mười bất thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, với ai thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường nếu vị ấy chạm đất, vị ấy vẫn bất tịnh. Dầu cho vị ấy không chạm xuống đất, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy không chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy không chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy cúng dường lửa, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy

không cúng dường lửa, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy chắp tay đảnh lễ mặt trời, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy không chắp tay đảnh lễ mặt trời, vị ấy vẫn bất tịnh. Nếu vị ấy vào buổi chiều xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn bất tịnh. Vì sao? Này Cunda, mười bất thiện nghiệp đạo này là bất tịnh, không tạo ra tịnh. Này Cunda, do nhân thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, địa ngục được trình bày, bàng sanh được trình bày, ngạ quỉ được trình bày hay là ác thú khác được trình bày.

7. Này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba, tịnh hạnh về lời có bốn, tịnh hạnh về ý có ba. Này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về thân có ba?

8. Ở đây, này Cunda, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh, và loài hữu tình. Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không có cho người ấy, người ấy không lấy với ý niệm trộm cắp. Đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba. Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về lời có bốn?

9. Ở đây, này Cunda có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng tội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết". Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết". Hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hiệp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Đoạn tận lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích.

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về lời nói có bốn. Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về ý có ba?

10. Ở đây, này Cunda, có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi! Mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình". Không có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống lo tự ngã, không thù hận, không sân hận, không nhiễm loạn, được an lạc". Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có cúng thí, có tế lễ, các hành vi thiện ác, có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về ý có ba.

11. Này Cunda, có mười thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, ai thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, nếu có dậy sớm và từ giường chạm đất, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy không chạm xuống đất, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy không chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy không chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy thờ lửa, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy không thờ lửa, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy chắp tay đảnh lễ mặt trời, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vị ấy không chắp tay đảnh lễ mặt trời, vị ấy vẫn trong sạch. Nếu vào buổi chiều, vị ấy xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn trong

sạch. Vì sao? Này Cunda, mười thiện nghiệp đạo này là trong sạch, tác thành trong sạch. Do nhân thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, chư Thiên được tuyên bố, loài Người được tuyên bố, hay bất cứ thiện thú nào khác được tuyên bố.

12. Được nói vậy, Cunda, con người thợ rèn thưa với Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn...! Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng."

(Trích Kinh Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, Chương X - Mười Pháp, XVII. Phẩm Jànussoni, bài Kinh (X) (176) Cunda Người Thợ Rèn)

III. CẤP ĐỘ THIỆN – ÁC

Thầy đọc, có câu chuyện của thiền Sư Chân Không (1046 – 1100) thuộc phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Ngài tu tập ở núi Từ Sơn. Có một lần một đệ tử hỏi ngài: "*Tu là gì?*"

Ngài trả lời bằng hai câu:

"Đến được động tiên sâu thẳm ấy
Linh đan đổi cốt mới ra về"

Chư tiên có phép tu chế tạo ra được những viên thuốc tiên, họ sử dụng thuốc tiên đó và từ từ họ thay đổi con người của họ, gọi là hoán cốt, đổi xương. Có nghĩa là tới được chổ của chư tiên không phải dễ, mà khi tới được chỗ của chư tiên rồi, thì mình phải học cho được phép tu tiên mới ra về. Ở đây có nghĩa là đến ngôi nhà Phật Pháp bỏ mạng cũng phải ráng học.

Thời Đức Phật người ta có thể bỏ mạng chứ không bỏ đạo.

"Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ"

Có nghĩa: *"Sáng nghe đạo, chiều chết cũng không hối tiếc"*

Thầy muốn nói là đến được động tiên rồi phải luyện được viên linh đan. Đến được ngôi nhà Phật Pháp rồi, bằng cách này bằng cách khác phải ráng mà học. Trí văn trước rồi bắt đầu tu, sau này không phí kiếp người, Thầy giảng tới đây quý vị nào học Phật Pháp thấm rồi quý vị mới cảm thông được lời Thầy.

Quý đại chúng nhớ giùm Thầy, muôn đời dù có Phật ra đời hay không có Phật ra đời thì cứ điều thiện đưa đến quả vui, điều ác đưa đến quả khổ, dù có Phật hay không có Phật thì cũng vậy vì nó là qui luật, là qui luật cuộc đời, nó không thuộc về tôn giáo nào hết. Nhưng khi có Phật ra đời, với trí tuệ của Đức Phật thì Đức Phật thấy rõ đường đi nước bước của nó Đức Phật

dạy cho mình. Và với chỉ khi và chỉ khi nào có Phật ra đời thì chúng ta mới học thiện rốt ráo.

Có 3 cấp độ thiện: Thiện cấp thấp, thiện cấp cao và thiện rốt ráo.

1. Thiện cấp thấp

Là cái thiện đưa mình đến an lạc, đưa đến hạnh phúc, đưa đến quả vui ở cõi người và cõi Chư thiên dục giới. Là cái thiện cho quả đẹp, giàu, khỏe, thông minh, địa vị, quyền uy, giàu có, quần chúng, cung kính và có lợi dưỡng … Ở cõi nhân loại, một người tạm gọi là phước nhất là Vua Chuyển Luân Vương, cai trị các quốc độ bằng đạo đức, và Vua có 7 báu: Xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, ngọc báu, gia chủ báu, tướng quân báu.

Là cái thiện đưa mình tái sanh ở cõi Trời dục giới (Cõi Trời dục giới gồm các cõi: Tứ Đại Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Xuất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại).

Với những điều phước trổ như vậy là thiện cấp thấp. Để có những quả lành này thì quý đại chúng tu tập tạo các công đức như là: Quy Y Tam Bảo và giữ ngũ giới, cao hơn thì tu bát quan trai giới, niện ân Đức Phật, rải tâm từ, bố thí, cúng dường, từ thiện, chia sẽ, …

2. Thiện cấp cao

Khi tu thiền chỉ, tu 1 trong 40 đề mục thiền chỉ và đắc sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền thì sanh lên cõi Trời Sắc giới hay còn gọi là Phạm Thiên sắc giới. Cõi sắc giới bao gồm 16 cõi: 3 cõi Sơ thiền, 3 cõi nhị thiền, 3 cõi tam thiền và 7 cõi tứ thiền. Và khi đắc thiền vô sắc thì sanh lên 4 cõi trời vô sắc: Không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đối tượng của thiền định tất cả gồm có 40 đề mục:

- 10 đề mục hình tròn (kasiṇa).
- 10 đề mục tử thi bất tịnh (asubha).
- 10 đề mục tùy niệm (anussati).
- 4 đề mục tứ vô lượng tâm (appamaññā).
- 1 đề mục quán vật thực đáng nhờm (āhāre paṭikkūlasaññā).
- 1 đề mục phân tích tứ đại (catudhātuvavatthāna).
- 4 đề mục vô sắc giới (āruppa).

Pháp hành thiền định gồm 40 đề mục, khi hành giả tiến hành thiền định chỉ có thể chọn 1 trong 36 đề mục thuộc về thiền sắc giới. Còn 4 đề mục thuộc thiền vô sắc giới, hành giả sau khi đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc giới xong rồi, mới tiếp tục tiến hành thiền vô sắc

giới. Thiền vô sắc giới có 4 bậc, mỗi bậc thiền có đối tượng riêng biệt tuần tự từ thấp đến cao.

Muốn cho sự tiến hành thiền định được phát triển tốt, hành giả cần phải biết chọn đề mục thích hợp với bản tánh riêng của mình. Đó là điều trọng yếu đối với hành giả.

Thiền định không thể phát triển được là do 5 pháp chướng ngại (nivaraṇa). 5 pháp này là những phiền não làm cho tâm ô nhiễm, tâm không thể an trú trong một đề mục thiền định nào làm đối tượng.

Năm pháp chướng ngại (nivaraṇa) là:

1- Kāmacchanda: Tham dục, là tâm tham muốn trong ngũ dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc).

2- Byāpāda: Sân hận, là tâm sân, thù hận làm cho bực bội khó chịu, nóng nảy trong tâm.

3- Thīna-middha: Buồn chán-buồn ngủ, là 2 tâm sở làm cho tâm thoái chí, buông bỏ đối tượng, không muốn tiến hành thiền định.

4- Uddhacca-kukkucca: Phóng tâm-hối hận, là 2 tâm sở làm cho tâm không thể an trú trong đối tượng thiền định. Như phóng tâm nghĩ chuyện này chuyện khác và tâm hối hận nghiệp ác đã làm, còn nghiệp thiện không làm.

5- Vicikicchā: Hoài nghi, là tâm hoài nghi, không có đức tin vững chắc nơi Tam bảo, hoặc nơi nghiệp và quả của nghiệp, nhất là còn nghi ngờ trong pháp hành thiền định….

Muốn chế ngự, đè nén 5 pháp chướng ngại này cần phải nhờ đến 5 chi thiền.

Năm chi thiền đó là 5 tâm sở đồng sanh trong đệ nhất thiền sắc giới tâm, có khả năng chế ngự được 5 pháp chướng ngại.

Năm chi thiền là:

1- Vitakka: Hướng tâm đến một đề mục thiền định duy nhất làm đối tượng.
2- Vicāra: Quan sát đối tượng ấy.
3- Pīti: Hỉ, tâm hoan hỉ phát sanh do tâm an trú trong đối tượng ấy.
4- Sukha: Thọ lạc, phát sanh do tâm an trú trong đối tượng ấy.
5- Ekaggatā: Nhất tâm, định tâm an trú vững chắc trong đối tượng ấy.

Đó là 5 chi thiền đồng sanh trong đệ nhất thiền sắc giới tâm.

(Trích Pháp Hành Thiền Định – Tỳ Khưu Hộ Pháp)

Thầy muốn nói "Thiện cấp cao" là chỗ đắc thiền cõi sắc giới và vô sắc giới. Nhưng thiện cấp thấp và thiện cấp cao là còn nằm trong 31 cõi, trong Tam giới.

3. Thiện rốt ráo

Với người con Phật, với người học Phật Pháp và chúng ta có duyên biết Phật Pháp thì chúng ta mới biết được điều này đó là "thiện rốt ráo".

Như Thầy đã nói trong thiện có hai: Thứ nhất là Thiện phải trau dồi những điều lành và thứ hai là phải vượt qua những điều thiện – ác. Vượt qua đây chính là vượt qua thiện cấp thấp và thiện cấp cao đó gọi là "thiện rốt ráo". Thiện rốt ráo chính là mình phải tu tập đến chổ Niết-bàn, Thánh quả, Giác ngộ, giải thoát, chấm dứt tử sinh, chấm dứt luân hồi hay mình nói chấm dứt tái sinh vào 31 cõi.

Thiện cấp cao là phải xuôi về Niết-bàn, xuôi về làm Thánh, giác ngộ, giải thoát, chấm dứt tử sinh, chấm dứt luân hồi, đây mới là thiện rốt ráo. Thiện rốt ráo, chúng ta có mặt khi có Đức Phật ra đời thôi. Và điều mà đưa mình biết Niết-bàn, chấm dứt tử sinh là "Tứ Điệu Đế", "Bát Chánh Đạo", "Tứ Niệm Xứ - Thiền Vipassana - Thiền quán". Những điều đó mới đưa mình về Niết-bàn nhé quý đại chúng. Cho nên trong gia đoạn này bao nhiêu tâm huyết, ruột gan Thầy nói, phước được làm thân người có đầy đủ 6 căn, có duyên gặp Phật Pháp thì quý Phật tử phải ráng.

Nhưng gặp Phật Pháp cũng có nhiều kiểu lắm, như vô Chùa chỉ thích cái nhà bếp. Nhưng lúc nào xuống nhà bếp thì nhà bếp còn lúc nào học Pháp thì

phải lên Chánh Điện, lúc nào thiền thì lên vườn thiền, vô chổ ấy mà học, cái đó mới nâng cuộc đời mình đi lên. Thầy vô cùng cảm ơn những người về Chùa công quả, những người cúng dường, nấu ăn bằng công sức hoặc bằng vật phẩm, Thầy cảm ơn lắm. Có quý Phật tử hỗ trợ Thầy mới lo cho Tăng chúng được. Như một tháng có 5 – 6 khóa tu, bông, trái, đồ ăn liên tục, Thầy vô cùng cảm ơn. Đó là thiện pháp, nhưng ở mức độ như mình học trong bài thì đó là thiện cấp thấp. Quý Phật tử học để biết thiện cấp thấp, thiện cấp cao, thiện rốt ráo là gì, chổ lấy ngọc thì đi lấy ngọc, tuyệt vời nó vậy đó.

Quý Phật tử phải chịu khó, lâu nay mình vô Chùa chùi nhà vệ sinh, quét rác, công quả, cắm bông, cúng dường gì đó thì tất cả đều thiện hết. Cấp cao là phải hành thiền các đề mục. Còn thiền "Tứ Niệm Xứ - Thiền Quán", "Tứ Điệu Đế", "Bát Chánh Đạo" mới là rốt ráo. Bài "Thiện - ác" này Thầy dạy cho quý Phật tử 3 cấp độ thiện ác đó.

IV. TÓM LƯỢC

- Định nghĩa Thiện – ác: Thiện là những gì đưa đến an lạc, an vui, cho quả vui, cho mình, cho người, cho cả hai, hiện tại và tương lai. Còn ác là đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, hiện tại và tương lai.

- Trong chú giải có định nghĩa thêm 5 nghĩa của thiện, là không bệnh, tốt đẹp, khôn khéo, không tội lỗi, cho quả an vui.

Thầy có đoạn riêng, dẫn chứng về "Tiêu chuẩn thiện ác" có hai: Thiện là Thập thiện, Ác thì ngược lại là thập ác, đó là tiêu chuẩn của thiện – ác.

Còn tiêu chuẩn của căn bản thiện - ác, căn bản thiện vô tham, vô sân, vô si. Căn bản ác là tham, sân, si. Cứ còn tham, sân, si là còn căn bản, còn cái gốc để mình tiếp tục tử sinh, tiếp tục bất thiện. Còn cái thiện mà vô tham, vô sân, vô si gọi là thiện rốt ráo. Quý vị phải nắm chắc năm giới hoặc thập thiện mà làm hành trang.

Thầy dẫn các bài Kinh: Kinh Chánh Tri Kiến, Kinh Giáo Giới La-Hầu-La, Kinh Khởi Thế Nhân Bổn, Kinh Cunda Người Thợ Rèn.

- Có 3 cấp độ thiện. Thiện cấp thấp là quả lành ở cõi người, quả lành ở cõi Chư Thiên dục giới. Thiện cấp cao là tu 1 trong 40 đề mục để đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền gọi là Phạm Thiên Sắc giới. Thiện rốt ráo chính là quý đại chúng thực tập "Tứ Diệu Đế" "Bát Chánh Đạo" "Thiền Quán" "Tứ Niệm Xứ", tu tập để đoạn phiền não, đoạn kiết sử để hướng về Niết-bàn, chấm dứt luân hồi tử sinh, chứng đắc được Thánh quả đó là Thiện rốt ráo. Thiện cấp cao và thiện rốt ráo này chúng ta chỉ có thể biết khi có Phật ra đời thôi. Tuy bây

giờ mình không còn được gặp Phật, nhưng trong thời kỳ vẫn còn Phật Pháp, đến thời mạc pháp thì điều này không còn, đến một lúc nào đó không biết được công thức làm thiện, làm Thánh.

Thầy cảm ơn quý phật tử, mong quý vị nghe xong bài này quý vị minh định thêm để từ nay trở đi cuộc sống của mình được thiện nhiều hơn.

(Buổi giảng ngày 15/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Định nghĩa thiện – ác theo Chánh Kinh và định nghĩa thêm trong chú giải là gì?

2). Tiêu chuẩn của thiện - ác, căn bản của thiện – ác là gì?

3). Thập thiện là gồm những điều gì?

4). Có mấy cấp độ thiện? Gồm những cấp độ nào, giải thích?

5). Điều thiện trong thời kỳ có Đức Phật ra đời (Hay thời kỳ còn giáo Pháp của Đức Phật) có gì khác biệt với thời kỳ không có Đức Phật ra đời?

Bài 13: BUÔNG BỎ

ଔ❁ଌ

---

* NHỮNG HÌNH ẢNH THỂ HIỆN TINH THẦN BUÔNG BỎ TRONG PHẬT PHÁP
* NỘI DUNG CỦA BUÔNG BỎ
* NHỮNG ĐIỀU ĐỨC PHẬT BUÔNG

Kính thưa quý Phật tử, trước khi vào bài học hôm nay, Thầy mời quý vị cùng lắng nghe một bài hát:

"Vào cổng chùa, nghe tiếng chuông nhắc mình buông. Lên chánh điện, nghe tiếng mõ nhắc mình bỏ, Buông bỏ, bỏ buông ... buông bỏ, bỏ buông…"

Trước khi vào bài mà Thầy nhắc đến cái chuông, cái mõ là đại chúng biết Thầy giảng chủ đề hôm nay là gì chưa? Vâng, lớp giáo lý cơ bản Khóa III tiếp tục với chủ đề **Buông Bỏ**. *"Nghe tiếng chuông nhắc mình buông, nghe tiếng mõ nhắc mình bỏ"*. Nhìn thấy cái trống nghĩa là rỗng, *"trống, trống, trống, rỗng, rỗng, rỗng"*, rỗng cũng có nghĩa là buông, vì chúng ta có buông thì mới trống được. Mình phải buông cái gì, bỏ cái gì thì mới trống được, mới rỗng rang trong lòng được!

I. NHỮNG HÌNH ẢNH THỂ HIỆN TINH THẦN BUÔNG BỎ TRONG PHẬT PHÁP

1. Hình ảnh Tăng đoàn khất thực và đời sống thiểu dục tri túc

Quý Phật tử khi gặp nhau thường nói chuyện về chủ đề này lắm. Gặp chuyện gì là chúng ta hay nói: *"Thôi buông đi chị!"*, *"Thôi buông đi anh!"*, *"Em ơi buông đi, giữ trong lòng chi cho khổ?"*, … Ở đây có vài câu thơ thiền thế này:

"Đừng níu kéo những gì xa tầm với
Mây của trời, hãy để gió cuốn đi."

Hay

"Thôi cứ để trăng tàn theo đêm xuống
Vương víu chi cho nhọc hỡi Tùng khô"

Thầy kể quý vị nghe câu chuyện này có thật. Có một cô khi nghe vị Thầy giảng về đề tài "Buông bỏ", không biết cô này nghe sao đó rồi cô về thực hành. Thời gian sau gặp lại vị Thầy, cô thưa: *"Thưa Thầy, giờ con buông hết rồi!"*. Thầy mới hỏi là cô buông cái gì. Cô trả lời: *"Dạ con có mấy cái nhà mà bán hết luôn rồi, con buông hết!"*. Thầy hỏi tiếp: *"Vậy chứ bán hết nhà thì chị ở đâu?"*. Cô này trả lời: *"Dạ con ở phòng trọ!"*. Qua câu chuyện này, Thầy hỏi quý Phật tử là cô này buông như vậy đúng hay sai? Đó là hiểu lầm từ "buông bỏ" đó. Cho nên hôm nay quý vị nghe Thầy giảng bài

này thì sẽ biết buông là buông như thế nào? Có những cấp độ nào của buông bỏ? Khi học xong bài này, chúng ta sẽ sáng ra về những điều gì cần buông.

Bàng bạc trong Giáo Pháp của Đức Phật gần như là nói về tinh thần buông bỏ. Trong nghi thức thọ Tam quy có câu kệ:

"Quy y Phật - Lưỡng túc tôn;

Quy y Pháp - Ly dục tôn;

Quy y Tăng - Chúng trung tôn."

Ở đây chúng ta thấy "Quy y Pháp – Ly dục tôn" nghĩa là rốt ráo của tinh thần Phật Pháp là lìa bỏ, là buông bỏ những tham ái ở cõi Dục giới, cõi Sắc giới và cõi Vô Sắc giới. Mênh mông Kinh điển mà Đức Phật dạy cho hàng đệ tử hầu như là sự buông bỏ, không chấp dính.

Sự buông bỏ được thể hiện qua cái chuông, cái mõ, cái trống khi quý vị vừa bước vào Chùa là thấy liền. Ngoài ra, hình ảnh chư Tăng Ni cầm bát đi khất thực cũng thể hiện rất rõ tinh thần buông bỏ trong đạo Phật. Đặc biệt vào thời Đức Phật còn tại thế, hình ảnh Tăng đoàn, Ni đoàn đi khất thực bằng bát rất đẹp và nhiều ý nghĩa. Sự đi bát đó có ý nghĩa là kham nhẫn, từ bỏ ngã mạn, gieo duyên với chúng sanh và thể hiện tinh thần buông bỏ. Thí chủ cúng gì thì quý Thầy dùng đó, có hôm nào thí chủ vui thì cúng cho đồ nóng, đồ ngon;

gặp bữa không vui thì cúng đồ thiu, rồi không biết có rửa tay chưa mà bóc vô đồ ăn rồi đặt vào bát; hay có hôm cúng vào bát nguyên trái dừa, trái dưa hấu, trái sầu riêng... xem như hôm đó chấp nhận ăn đồ thiu, ăn trái cây thay cơm luôn. Quý Thầy chỉ được khất thực tiếp vào ngày hôm sau và thọ trai trước giờ Ngọ. Cho nên đại chúng thấy hình ảnh các vị đi khất thực với đầu trần, chân đất, tam y nhất bát vậy đó, đời sống gần như buông triệt để, không thể buông hơn nữa.

Và một hình ảnh khác thể hiện tinh thần buông bỏ đó là về Tứ Sự của các vị xuất gia. Tứ sự gồm: cơm ăn, áo mặc, chỗ ở, thuốc trị bệnh – là những nhu cầu cần thiết nhất cho một vị tu hành. Một đời sống phạm hạnh với ba y, một bát, ăn một buổi trong ngày, ăn trước Ngọ, thuốc men và chỗ ở có khi là trong tinh xá, nơi gốc cây, ngôi nhà trống. Đây là những điều căn bản nhất. Chính đời sống luôn tri túc trong tứ sự gọi là truyền thống của bậc Thánh nhân (vì vị Thánh nào cũng biết đủ trong tứ sự cả).

Vậy tinh thần buông bỏ của Phật giáo đã được thể hiện qua hình ảnh của chuông, mõ, trống, khất thực bằng bát, tứ sự, đời sống "thiểu dục tri túc" (ít muốn, biết đủ).

"Một bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa,
Mắt xanh xem trần thế,
Mây trắng hỏi đường qua".

Quý vị thấy sự buông bỏ qua đời sống của Tăng đoàn thời Đức Phật. Trước khi xuất gia, các vị ấy là vua, quan, công hầu, đại gia,... với cung điện, tiền bạc, giường êm nệm ấm, thức ăn ngon, người hầu kẻ hạ không thiếu. Vậy mà khi xuất gia, các vị buông tất cả, sống đời sống với ba y một bát, bước thong dong khắp mọi nơi gieo duyên và giáo hóa chúng sanh. Ở đây chúng ta đã thấy rất rõ tinh thần buông bỏ.

2. Tu để buông chứ không phải để nắm

Khi quý vị càng học Phật Pháp mà càng buông là đúng. Nếu càng học mà mình càng ngày càng nắm giữ, vướng mắc, chấp trước nhiều thì cần phải coi lại cách tu tập. Cách tu đúng là tu theo hạnh "đổ rác" chứ đừng tu theo hạnh "lượm rác". Đại chúng cứ nhớ "rác" giống như Tam độc: tham lam, sân hận và si mê – là những thứ bất thiện mà mình cần phải đổ bỏ. Quý vị cứ tu đi, đổ được bao nhiêu rác thì đổ, cứ cái gì xấu, bất thiện cứ bỏ. Tu theo kiểu "đổ rác" là tu để bỏ. Có ai hỏi: *"Chị tu bữa giờ được gì rồi?"*, lúc này mọi người nhớ tu là để bỏ, bỏ thì an toàn hơn là được. Tu để được cái gì đó thì nguy hiểm lắm.

Có một hôm chị đó hành thiền xong rồi khoe với người bạn: *"Tối qua chị ngồi thiền được 3 tiếng đồng hồ. Chị không buồn ngủ, mà thấy toàn thân mát mát, nhẹ nhẹ, cảm giác lâng lâng, ... không biết chị chứng được cái gì rồi?"*. Rồi xong, Thầy nghe là nói chị "chứng nào tật đó" trước rồi chứ chứng gì mà chứng.

Chị mới ngồi mấy bữa mà đòi chứng thiền, đắc quả gì. Cho nên Thầy nói với đại chúng, mình đừng tu để "được", tu là để buông, để bỏ. Cứ điều gì xấu, bất thiện, tham, sân, si, ngược lại với Ngũ giới thì bỏ. Tu như vậy mới an toàn. *"Dạo này mình ngồi thiền lâu được, học Pháp siêng năng không bỏ bữa nào, nhìn trong Zoom có mấy người kia học không bằng mình, họ học yếu quá; mình thông minh nên tiếp thu bài được nhanh; mình ăn chay được, có từ tâm, tu tập có thời khóa,..."*. Những cái "được" này coi vậy chứ nguy hiểm lắm. Thầy nhắc lại: Tinh thần Phật Pháp là tu kiểu đổ rác, rác là những bất thiện. Trong đời sống, cứ đại chúng gặp "rác" là phải bỏ liền. Còn tu kiểu lượm rác, suốt ngày đi lượm, lượm, hôm nào lượm trúng quả mìn rồi nó nổ lúc nào không biết; lượm trúng cục than thì cả ngày than với thở, đụng đâu cũng than; có người thì là con cháu của *"bùi lan"* nghĩa là bàn lui, gặp chuyện gì cũng bàn lui hết. Tu vậy nguy hiểm lắm nha quý Phật tử.

Cuộc đời có những cái thà bỏ chứ không nắm, cái gì đẹp mà nắm vô thì mất đẹp. Quý vị thấy tuyết có đẹp không? Cuộc đời như tuyết vậy đó, đẹp như vậy mà nắm vô thì tuyết tan là mất tiêu hết cái đẹp. Có những cái nhìn nó đẹp, nhưng chúng ta chỉ nên nhìn và ghi nhận vậy thôi chứ đừng nắm giữ.

3. Dựa vào đâu để biết là Phật Pháp?

Trong (*Kinh Tăng Chi, chương Tám Pháp, phẩm Gotamī*)**.**

bài Pháp Tóm Tắt nói về Tỳ-kheo-ni *Mahāpajāpatī Gotamī (di mẫu của Thái tử Tất-Đạt-Đa), bà là người Ni đầu tiên trong Ni chúng. Hôm đó* Tỳ-kheo-ni *Gotamī* đến gặp Đức Phật xin Ngài có thể thuyết cho bà nghe những Pháp tóm tắt nào để nhìn vô biết là Phật Pháp. Riêng đoạn kinh này Thầy đã giảng riêng ở một bài Pháp tên: *Dựa vào đâu để biết là Phật Pháp?* Quý vị có thể tìm nghe lại bài trên Youtube. Đức Phật đã thuyết bài Pháp Tóm Tắt này như sau:

"1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Mahāvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết Pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết Pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - Này Gotamī, những Pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham; đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược; đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập; đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục; đưa đến không biết

đủ, không đưa đến biết đủ; đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh; đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn; đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng". Này Gotamī, hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

3. Và này Gotamī, những Pháp nào bà biết: "Những Pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục; đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược; đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập; đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn; đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ; đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội; đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác; đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng". Này Gotamī, hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư".

(Kinh Tăng Chi - Chương Tám Pháp - Phẩm Gotamī - Bài 53: Pháp Tóm Tắt)

Thầy xin giải thích lại cho đại chúng lời Thế Tôn dạy cho bà *Gotamī về những tiêu chuẩn nào để biết đó là Phật Pháp. Ở đây, Đức Phật dạy có 8 điều:*

1/ Thứ nhất là những Pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục. Pháp của Phật chính là tinh thần buông bỏ, ly tham của cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

2/ Thứ hai là Giáo Pháp của Phật phải có tinh thần đưa đến ly hệ phược. Ly hệ phược là lìa bỏ sự trói buộc, trói buộc của phiền não, của tham sân si, trói buộc của tử sinh.

3/ Thứ ba là Pháp của Phật đưa đến không tích tập. Không tích tập là không chứa những nhân đưa đến tử sinh, đưa đến phàm phu, đưa đến khổ đau, đưa đến vô minh.

4/ Thứ tư là có tinh thần đưa đến ít dục, ngày càng tu là ngày càng ít muốn.

5/ Thứ năm là biết đủ, nhìn vô Giáo Pháp của Đức Phật là ít muốn (thiểu dục tri túc).

6/ Thứ sáu là đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội. Giáo Pháp đưa con người thích đến sự sống cô độc, sống một mình chứ không ưa thích đám đông. Vậy chúng ta tu tập cần đám đông là gì? Đó chính là những khóa tu cần sự tham dự của số đông để cùng nhau tu tập. Nhưng xong việc thì chúng ta trở về đời sống một mình, có không gian yên tĩnh để hành thiền, tu tập. Quý vị càng tu mà thấy ngoài việc ăn ngủ là cứ thích ra chợ, đến nơi có đám đông tụ họp thì lúc đó mình phải xét lại.

7/ Thứ bảy là tinh thần của Giáo Pháp đưa đến sự tinh tấn, không có biếng nhác, tinh tấn trong thiện Pháp. Đại chúng càng tu là phải càng siêng nha.

8/ Thứ tám là Pháp của Phật đưa đến dễ nuôi, dễ dưỡng. Con của Phật rất dễ nuôi chứ không dễ duôi. Dễ nuôi là chuyện ăn, mặc, ngủ sao cũng được hết, chỉ cần đời sống tứ sự, nhẹ nhàng về vật chất xung quanh. Dễ duôi là sống cuộc đời buông thả, dễ phóng túng, là trở ngại lớn trên bước đường tu tập.

Đây là 8 điều mà Thế Tôn dạy để nhận biết là Phật Pháp. Trong đó quý vị thấy tinh thần ly tham, ly hệ phược, ly tích tập, ít muốn, biết đủ, toàn là tinh thần buông bỏ, lìa bỏ những tham sân si, lìa bỏ những gì mà liên quan đến phiền não, khổ đau. Thưa đại chúng, chỉ cần hai từ "Buông bỏ" cũng chính là tinh túy, cốt tủy của Phật Pháp và đó là tinh thần đạo Phật.

Ngài Thiền Sư *Ajahn Chah* từng nói: Những ngôn từ nào, chữ nghĩa nào, trang Kinh nào khi mình học, mình đọc vào mà có tinh thần buông bỏ trong đó thì đó chính là Chánh Pháp. Quý vị đọc quyển sách nào đó, nghe ai nói gì đó, học bài Kinh nào đó mà chữ nghĩa, ngôn từ dạy cho mình buông bỏ những tâm bất thiện tham, sân, si, buồn giận; dạy chúng ta buông bỏ những phiền não, kiết sử thì mình biết đó là Chánh Pháp.

4. Bàng bạc trong lời dạy của Đức Phật là sự buông bỏ

Thầy đưa ra một số ví dụ đời thường mà đại chúng gặp hằng ngày thể hiện rất rõ tinh thần buông bỏ mà đôi khi mình đã thực tập rồi nhưng không nhận ra:

- Khi quý vị bố thí, sống với tâm hào sảng, mở rộng tâm, cho đi tùy vào khả năng của mình. Sự bố thí, sự cho đi đó là quý vị đã buông bỏ rồi, buông bỏ tham lam, bỏn sẻn, ích kỷ của bản thân. Vấn đề là mình buông bỏ tới đâu thôi!

- Khi đại chúng tinh tấn tu tập, tinh tấn hành thiền, tinh tấn niệm Phật hoặc tinh tấn nghe Pháp, học Pháp, tin tấn vừa học vừa chép bài, ... đó là mình đang bỏ sự lười biếng nè. Lúc Thầy giảng được 1000 bài Pháp, có một chị Phật tử bây giờ chị về quê ở miền Trung rồi. Chị nghe Thầy giảng 1000 bài Pháp luôn, nghe bài nào gần như chị viết tay lại đủ trong vở bài đó. Chị vừa nghe vừa chép chứ không đánh trên máy đâu. Vậy hiện giờ mọi người trên Zoom đang siêng năng học Pháp, siêng năng nghe Pháp là quý vị đang tinh tấn trong thiện pháp, là đang buông bỏ cái lười biếng đó.

- Đại chúng giữ Ngũ giới, Bát giới cũng là đang buông bỏ. Mình giữ giới là bỏ sát sanh, bỏ trộm cắp, bỏ tà hạnh, bỏ nói dối, bỏ uống rượu, bỏ ăn phi thời, bỏ nằm giường cao, ngồi ghế đẹp... toàn là tinh thần buông bỏ.

- Khi quý Phật tử mà có chánh kiến học Pháp, có chánh kiến là đã bỏ tà kiến rồi, khi có trí tuệ thì bỏ từ từ được si mê, vô minh rồi. Đó, quý vị học ra mới biết, lâu nay mình không nghĩ là bản thân đã buông bỏ được một số thứ rồi.

- Khi chúng ta giác ngộ là bỏ mê lầm, có hạnh phúc là bỏ khổ đau, có sự giải thoát là buông bỏ ràng buộc.

- Đức Phật là bậc Tỉnh thức. Khi đại chúng niệm ân Đức Phật thì có tâm tỉnh thức, chánh niệm, sáng suốt, là từ bỏ sự mê lầm.

- Với tâm tôn kính Phật, luôn quy ngưỡng nơi Đức Phật là chúng ta đang bỏ đi sự ngã mạn, tự kiêu, luôn xem mình là số 1.

- Khi quý vị khiêm tốn với những gì mình đạt được đó là buông bỏ sự kiêu mạn, là học theo hạnh của đất.

- Tùy hỷ với thành công của người khác là mình từ bỏ sự đố kỵ.

- Khi mình đắc Thánh thì bỏ phàm phu.

- Quý vị chứng Thiền là bỏ Năm triền cái; chứng Thánh là bỏ Năm kiết sử. Nói theo Tứ Thiền thì người đắc Sơ thiền là *"được 5 bỏ 5"*. "Được 5" đó là **tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm**. "Bỏ 5" là bỏ ***tham, sân, trạo hối, hôn trầm và nghi***,

- Tinh tấn, tỉnh thức hành thiền là đại chúng bỏ được sự lười biếng, dễ duôi. Quý vị đang chánh niệm ghi nhận từng sự việc đang diễn ra bên trong tâm mình, nghĩa là bỏ cái thất niệm, phóng tâm, tâm si mê, tăm tối.

- Quý Phật tử đang thực hành pháp Rải Tâm Từ là có đang buông bỏ không? Đó là buông bỏ cái sân giận của bản thân. Nếu đang giận thì mình không thể rải tâm từ được.

- Khi chúng ta làm xong thiện Pháp nào đó như bố thí cúng dường, phóng sanh, hành thiền, nghe Pháp,…rồi mình hồi hướng phần phước đó cho chúng sanh nghĩa là đã buông bỏ cái ích kỷ của mình. Nếu không biết tu là mình cứ gom vào, gom được bao thì thì gom, ai khổ cũng kệ, ai vui cũng kệ, miễn tôi vui là được rồi.

Trong suốt các buổi học giáo lý, quý vị sẽ nghe Thầy dạy toàn về sự buông bỏ vì rốt ráo của Phật Pháp chính là tinh thần buông bỏ, bàng bạc lời dạy của Thế Tôn là sự buông bỏ. Lâu nay mình không nghĩ giữ giới là buông bỏ, không nghĩ bố thí là buông bỏ, tinh tấn là buông bỏ, hành thiền là buông bỏ đúng không?

Trong bài (*Kinh Ví Dụ Con Rắn thuộc Trung Bộ Kinh)*, Đức Phật dạy chư Tỳ-kheo về sự buông bỏ, không chấp dính thế này:

"…Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể nắm giữ một vật sở hữu gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không? Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường

còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

-- Bạch Thế Tôn, không.

-- Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi..."

(Trích Kinh Trung Bộ - Bài số 22: Kinh Ví Dụ Con Rắn)

Chánh tư duy *(Sammāsaṅkappa)* trong Bát Chánh Đạo là tư duy về **ly dục, vô sân và bất hại** – sự từ bỏ ngũ dục, từ bỏ việc làm khổ mình khổ người và từ bỏ việc làm hại mình hại người. Đối nghịch với Chánh tư duy là Tà tư duy: tham dục, sân và hại. Tâm hại người khác là ngược với tâm bi, tâm sân là ngược với tâm từ, tâm ly dục là ngược với tâm tham. Vậy Chánh tư duy cũng chính là tinh thần "Buông bỏ". Đức Phật không dừng lại với những cái đã có mà Ngài luôn luôn về cái tốt hơn, là người có khả năng buông bỏ.

II. NỘI DUNG CỦA BUÔNG BỎ

Sau khi phân tích căn bản cho đại chúng thấy rõ tinh thần "Buông bỏ" của đạo Phật, bây giờ Thầy dạy tiếp ý nghĩa của Buông bỏ có 3 điều cần nhớ như sau:

1. Buông cái ác về cái thiện (Buông bỏ điều ác hướng về điều thiện).

2. Buông cái nhỏ (riêng) hướng về cái lớn (chung).

3. Buông cái thấp hướng về cái cao.

1. Buông cái ác về cái thiện

Tiêu chuẩn của thiện - ác đó là Thập thiện, là Ngũ giới. Bất cứ khi nào chúng ta làm điều gì thì cứ lấy Thập thiện và Ngũ giới ra làm hàng rào minh định. Điều gì mà quý vị học, đọc, nghe, làm, tiếp xúc mà là những điều tội lỗi, bất thiện, xấu ác, đưa đến khổ đau cho mình, cho người ở hiện tại và tương lai thì những điều đó phải buông. Thầy đưa ra vài ví dụ cho quý vị dễ hiểu:

- Khi chúng ta nghe một bản nhạc mà đó là bản nhạc đưa mình đến tâm tham nhiều, đưa đến sự giận dỗi nhiều, bạo động nhiều thì điều này hãy nên buông nha!

- Chuẩn bị đi cãi nhau hay gọi điện thoại cãi nhau với người nào đó vì giận quá. Lúc này quý vị thấy việc

chửi người đó bằng cái tâm bất thiện, tâm sân, nói những ngôn từ bất thiện, từ ác khẩu,… đó là thiện hay ác? Nếu biết là ác thì mình nên buông.

- Nghề nghiệp của mình là bất thiện, gọi là Tà mạng nếu thuộc một trong năm nghề Đức Phât dạy người cư sĩ không được làm, phải buông:

"1/ Buôn bán vũ khí (Satthavāṇijjā) làm nghề buôn bán vũ khí giết hại chúng sanh.

2/ Buôn bán chúng sanh (Sattavāṇijjā) làm nghề buôn bán người để làm nô lệ, làm tôi tớ, buôn bán thú vật...

3/Buôn bán thịt (Maṃsavāṇijjā) làm nghề giết gia cầm, giết gia súc để bán thịt.

4/ Buôn bán chất say (Majjavāṇijjā) làm nghề buôn bán rượu, bia, các chất say như thuốc phiện, ma túy, thuốc lá, ...

5/Buôn bán độc dược (Visavāṇijjā) làm nghề buôn bán các loại thuốc độc giết hại chúng sanh (người, các loài vật, ...)"

(Kinh Tăng Chi – Chương Năm Pháp – Phẩm Nam Cư Sĩ – Phần Người Buôn Bán)

- Thầy hay nói câu: *"Làng chài tanh cá, làng nhang thơm trầm"*. Trường hợp quý vị quen một người bạn mà bạn đó thuộc diện dao găm, lựu đạn. Từ ngày

mình quen người đó thì *"làng chài tanh cá"*, nghĩa là quen người đó xong là mình sanh lòng tham nhiều hơn, giận hờn nhiều hơn, si mê nhiều hơn, sống hưởng thụ, bất thiện nhiều hơn. Quý vị không biết ơn cha mẹ nhiều hơn, có nhiều thái độ vô lễ hơn, không còn tử tế, tự giác, tự túc,…như xưa nữa. Thầy nói đặc biệt là những người bạn thân quen, bạn tri kỉ mà như vậy thì bữa nào mình nhiễm hết. Đại chúng đừng tự tin là mình vô nhiễm với những điều bất thiện rồi xem nhẹ mà không buông bỏ những người bạn như vậy nha. Hãy luôn nhớ mình là bùn cho nó an toàn, mình phải tìm Thầy lành, bạn tốt, môi trường tốt, biết được những môi trường, trú xứ nào không nên lai vãng đến, những người nào không nên gặp vì nếu gặp họ mà càng ngày mình càng bất thiện thì nên buông.

Quý vị xét thấy trong cuộc sống này mình có dính tới cái ác, cái bất thiện nào mà cần phải buông để về cái thiện chưa? Chứ bữa giờ mình cứ nhọc nhằn, không biết cái này sao, buông kiểu nào. Thầy đang soạn bài trong phòng mà nghe bên ngoài mưa là Thầy lấy dù đi ra thăm vườn, đi dưới mưa, Thầy thích đi mưa vậy đó. Có hôm trời mưa thì Thầy lấy ghế ra trước cửa phòng ngồi ngắm mưa, mà cũng lạ, cứ ngắm mưa thì thấy buồn, tự Thầy cảm nhận như vậy. Ở đây, chuyện gì mà đại chúng thấy đi ngược lại với Thập thiện, Ngũ giới là mình buông. Cứ lấy những điều ấy làm thước đo để minh định thiện – ác. Còn buông được bao nhiêu nữa thì tùy khả năng thực tập của mỗi người. Nền tảng, cốt

tủy của Phật giáo là tinh thần buông bỏ. Đó là ý nghĩa thứ nhất: Buông cái ác về cái thiện.

2. Buông cái nhỏ về cái lớn, cái riêng về cái chung

Buông cái nhỏ hướng về cái lớn hay bỏ cái riêng về cái chung. Cái riêng ở đây hướng về hai khía cạnh là về mình và về đối tượng. Tu không phải chỉ hướng về mình. Chúng ta tu tập làm sao đó mà bài giảng, quyển sách, trang Kinh, lời nói, chữ nghĩa nào được trình bày trong ý niệm Vô Ngã Vị Tha, hướng về sự đại đồng, về cái chung chứ không hướng về cá nhân của mình thì đó chính là tinh thần của Chánh Pháp; là thực tập buông bỏ, buông cái riêng tư, cái ích kỷ, cái riêng bản thân để hướng về cái lớn. Đó là tinh thần của buông bỏ.

Trong tinh thần của Phật Pháp, ngay cả đối tượng để hướng về cũng không phải là đối tượng cá nhân. Vậy thì tại sao có những bài Kinh, ví dụ Kinh "*Đầu ngọn cờ"* Đức Phật nói với chư Tỳ-kheo thế này:

"Và này các Tỷ-kheo, Ta nói như sau: Này các Tỷ-kheo, khi các Ông đi vào rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: "Ngài là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, sẽ được tiêu diệt….

Nếu các Ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp…

Nếu các Ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng".

(Kinh Đầu Ngọn Cờ - Dhajaggasutta)

Trong bài Kinh này, Đức Phật dạy khi vị đệ tử bất an, lo lắng, sợ hãi thì hãy niệm nhớ ân đức Ngài! Mình nói ủa sao kỳ, sao Thầy dạy không hướng về đối tượng cá nhân mà trong Kinh thì Phật dạy hướng về Ngài? Quý vị nhớ giùm Thầy: Thứ nhất là vì **lòng đại bi**, thương những người trong trường hợp đó nên Đức Phật mới dạy niệm nhớ đến Ngài. Chỉ một vài lần Đức Thế Tôn tuyên nhận là Ngài có 9 ân và hãy nhớ đến Ngài thôi.

Chín ân đức đó là: Ứng Cúng *(Arahaṃ)*, Chánh Biến Tri *(Sammāsambuddho)*, Minh Hạnh Túc *(Vijjācaraṇasampanno)*, Thiện Thệ *(Sugato)*, Thế Gian Giải *(Lokavidū)*, Vô Thượng Sĩ - Điều Ngự Trượng Phu *(Anuttaro - Purisadammasārathi)*, Thiên Nhân Sư *(Satthā devamanussānaṃ)*, Phật *(Buddho)*, Thế Tôn *(Bhagavā)*.

Đức Phật là vô ngã, không còn phiền não nhưng ở một vài trường hợp thì Ngài dạy như vậy. Lý do thứ hai chúng ta nên hướng về Đức Phật vì Ngài là **đại diện cho Chánh Pháp**, cho chân lý. Còn quý vị có dám nói mình là đại diện cho chân lý không? Đức Phật là không ai bằng huống chi là có người hơn Ngài.

Giáo lý Đức Phật dạy có tinh thần hướng về cái chung, cái lớn chứ không hướng về bản thân hay một đối tượng, cá nhân nào. Nói tới đây thì Thầy cảm thấy hạnh phúc về tinh thần của một vị Thầy, một người minh sư trong Phật giáo đó là: CHE MẶT CHỈ ĐƯỜNG. Quý vị nghe bốn từ này là rúng động, một vị Thầy *"che mặt chỉ đường"*, con đường này đúng - sai, thiện - bất thiện, tội - phước, khổ đau – hạnh phúc, phàm – Thánh,…là người Thầy hướng dẫn những con đường đó, vì thương mới dạy, không cần người nào biết mình là ai. Đó là tinh thần của VÔ NGÃ, VỊ THA, hướng về cái lớn chứ không hướng về cá nhân. Cho nên khi quý vị đọc được trang sách, trang Kinh nào, ngôn từ, chữ nghĩa nào mà hướng mình về cái chung, cái lớn, cái vô ngã vị tha là đúng tinh thần của Chánh Pháp. Ngược lại, nếu chúng ta đọc hay học điều gì mà hướng bản thân càng ngày càng ích kỉ, nhỏ nhen thì phải xem lại.

Thầy soạn bài tới đây mà không ngủ được vì vui lắm. Đại chúng nhớ: Nếu có phải hướng về thì một là hướng về Đức Phật, hai là hướng về Chánh Pháp chứ

không hướng về cá nhân, đối tượng nào. Trong lúc Thầy đang đi học thì quý Thầy ở trường dạy: *"Sau này con đi giảng, con nhớ là giảng cho những người có duyên với con, là con đưa họ về với Phật, với Pháp chứ không phải đưa về với mình nha!"* Khi làm lễ Quy y thì Thầy nói quý vị là quy y với Phật, còn Thầy chỉ là người đại diện lúc đó cho quý vị thôi. Bữa nào có buồn giận thì buồn giận Thầy, cái nào rõ ràng cái nấy, có giận Thầy rồi bỏ Thầy chứ đừng bỏ Phật, bỏ Pháp nha! Như hồm rày Thầy nói trong Zoom học ở đây, lớp của mình là có hơn 40 tỉnh thành vào học mà có những vị Thầy chưa hề gặp ở ngoài đời nhưng qua lớp Giáo lý này, Thầy đưa quý vị về với Phật. Thầy không dám nói mình là người *"Che mặt chỉ đường"* nhưng trên tinh thần của Phật Pháp là như vậy, có cái gì hay, cái gì đúng là Thầy hướng dẫn cho đại chúng mình thôi.

Đây là một câu chuyện quý vị thấy rõ về tinh thần "che mặt chỉ đường": Gia đình Thầy Xá-Lợi-Phất *(Sāriputta)* có 7 người đi tu và tất cả đều đắc A-La-Hán. Khi Thầy đi xuất gia thì người Mẹ giận Thầy và giận luôn cả Đức Phật vì các đứa con của bà đều đi theo Đức Phật hết. Bà giận thì giận, thương thì thương nên bà vẫn để lại một căn phòng. Đây là phòng hồi xưa Thầy Sāriputta được sinh ra ở đó, và cũng nơi đây là nơi mà Thầy Sāriputta nhập Niết Bàn. Khi quán chiếu nhân duyên thấy còn 7 ngày nữa sẽ nhập Niết Bàn nên Thầy xin Đức Phật trở về quê nhà. Đoạn đường để về quê mất 6 ngày, khi về đến nhà là ngày

cuối cùng chuẩn bị nhập Niết Bàn. Lúc này Thầy bị bệnh kiết lị, dù giận nhưng vẫn rất thương con nên bà chăm sóc cho Thầy rất chu đáo. Thân mẫu của Thầy Sāriputta không biết con mình đã đắc Thánh, là nhân vật đứng đầu trong tam giới nếu không tính Đức Phật. Đây là nội dung trong **Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Người Tối Thắng**, Đức Phật nói: *"Ta không thấy ai ngoài Xá-Lợi-Phất có thể chân chánh vận chuyển bánh xe Pháp"*, tức là riêng với Thầy Sāriputta chỉ cần một ý nào đó là Thầy có thể diễn đạt thành một bài đạo lý. Đức Phật tán thán Thầy Sāriputta như vậy. Với trí tuệ của Thầy có thể đếm được từng hạt mưa trong suốt một kiếp Trái đất. Nếu chúng ta nói trong tam giới này, tính Đức Phật thì Thầy Sāriputta là nhân vật đứng thứ hai, nếu không tính Đức Phật thì Thầy là số một. Thầy Sāriputta và Thầy Mục Kiền Liên *(Mahāmoggalāna)* là hai vị thượng thủ Thanh văn của Đức Phật Thích Ca.

Khi ngày cuối cùng Thầy Sāriputta về quê bị bệnh kiết lỵ thì được thân mẫu chăm với tình thương của người Mẹ chăm sóc cho con chứ bà không biết Thầy Sāriputta đã chứng Thánh quả. Trong đêm hôm đó bà thấy Tứ Đại Thiên Vương, vua Trời Đế Thích, chư Thiên cung Trời Đao Lợi và chư Thiên ở các cõi còn lại với hào quang chói sáng xuống thăm hỏi, vấn an và đảnh lễ Thầy. Bà Mẹ thấy vậy nên hỏi Thầy Sāriputta vừa rồi là các vị nào xuống thăm, Thầy trả lời đó là Tứ Đại Thiên Vương, vua trời Đế Thích và

chư Thiên các cõi Trời. Khi nghe câu trả lời thì bà giật mình và nghĩ con mình phải như thế nào mới được các vị xuống đảnh lễ. Và cuối cùng là chư Phạm Thiên xuống đảnh lễ Thầy Sāriputta. Bà Mẹ biết là vừa đến thăm hỏi con mình, chính là vị mà bà đang thờ. Lúc trước là bà không tin Phật, bà thờ Phạm Thiên nhưng lúc này bà đã thay đổi suy nghĩ: *"Vị Phạm Thiên mình đang thờ mà đảnh lễ con mình, mà con mình lại là đệ tử của Đức Phật"*.

Đại chúng thấy có một chi tiết: *"che mặt chỉ đường"* là ở chỗ: khi thấy các vị trên Trời xuống thăm Thầy Sāriputta như vậy thì bà mới hỏi, Thầy Sāriputta không trả lời mình là đệ nhất về trí tuệ, hay là tướng quân chánh Pháp gì cả, Thầy chỉ nói các vị ấy chính là thị giả, là đệ tử của Đức Thế Tôn. Nghĩa là bao nhiêu điều tốt đẹp thì Thầy Sāriputta đưa về Đức Phật hết mà không đưa bản thân của Thầy ra, không cần nói mình là ai. Tất cả đưa về Đức Phật và Đức Phật là đại diện cho Chánh Pháp, cho chân lý. Lúc này thân mẫu của Thầy mới khởi tâm tôn kính Đức Phật. Ngay đó thì Thầy Sāriputta thấy đã đủ duyên nên thuyết cho Mẹ một bài Pháp và Bà Mẹ đã đắc Sơ quả Tu-Đa-Hoàn. Sau đó Thầy nói một câu, và câu này là bài học cho tất cả chúng ta: *"Ta đã trả ơn cho Mẹ xong rồi!"*. Kính thưa quý vị, mình chỉ có thể trả ơn xong cho Cha Mẹ với một trường hợp đó là khi Cha Mẹ đắc Sơ quả thì coi như chúng ta đã trả ơn xong. Trong Kinh Đức Phật dạy dù có cho Cha Mẹ làm Vua Chuyển

Luân bao nhiêu kiếp chăng nữa cũng chưa trả xong ơn của Cha Mẹ.

Tấm lòng của vị Thầy trong Phật Pháp đó là: *"che mặt chỉ đường"*, người Thầy dạy cho đệ tử không phải để đệ tử biết ơn Thầy, không phải để chăm lo, phụng dưỡng cho Thầy vì mục đích ấy nhỏ bé lắm. Vị Thầy dạy vì con đường này là con đường chánh, là con đường đúng đưa đến làm Thánh nhân, chấm dứt tử sanh, giác ngộ giải thoát…nên Thầy mới dạy cho đệ tử. Như ở trường hợp Thầy Sāriputta, dù Mẹ hỏi các vị trên Trời xuống là ai, Thầy không nói gì về bản thân mà nói các vị ấy là đệ tử của Đức Thế Tôn. Tinh thần Phật Pháp là như vậy.

Mình là con Phật, quý vị thấy cái gì hay, đúng đạo lý thì hướng dẫn cho người ta nhưng đừng cần sự trả ơn gì cả. Còn về chuyện ân nghĩa, người ta có cảm ơn hay không cũng được vì mình giúp đâu cần sự cảm ơn hay đền ơn gì. Nếu giúp mà cần sự cảm ơn thì ở một nghĩa nào đó nó rất bé nhỏ. Nói cho họ điều gì đó mà tốt giúp được cho họ, nói xong rồi như gió thoảng mây bay. Có một nhà thơ nói thế này:

"Phong lai sơ trúc,
Phong khứ nhi trúc bất lưu thanh.
Nhạn quá hàn đàm,
Nhạn khứ nhi đàm vô lưu ảnh.
Thị cố quân tử sự lai nhi tâm thỉ hiện
Sự khứ nhi tâm tùy không."

(Thơ: Tô Đông Pha)

"Gió qua lay trúc
Gió đi rồi nhưng không lưu luyến âm thanh
Nhạn lướt mặt hồ
Nhạn đi mà hồ không nắm bắt hình ảnh
Người quân tử cũng vậy
Việc xảy ra tâm mới tiếp xử
Việc qua rồi, tâm lại thảnh thơi."

(Dịch thơ: Thiền sư Nhất Hạnh)

Cho nên sau này quý vị có duyên hướng dẫn ai đó, dĩ nhiên chúng ta không làm được như các Ngài nhưng nên tập công hạnh này đó là: *"che mặt chỉ đường"*, dạy là mong cho người đó phát triển con đường đạo đức, tâm linh, thiền định, trí tuệ,…chứ không cần dạy chỉ để họ phải biết ơn hay đền ơn. Những lúc con gặp người này, những lúc con gặp người kia, người nào con có duyên thì con có thể nói được, biết về Phật Pháp con sẽ cố gắng nói hết sức trong khả năng của con hoặc con giúp đỡ họ cái gì đó, giúp rồi thì lui chứ không phải giúp để người ta biết ơn, giúp để tự mãn, tự hào, tự cao.

Nãy giờ Thầy dùng từ *"Che mặt chỉ đường"* tức là nói tinh thần vô ngã đó. Thầy giảng Pháp đây vì Thầy thấy những giáo lý mà Đức Phật dạy sẽ lợi ích cho quý vị, cho gia đình, người thân, những người mà quý vị gặp trong đời,… đó là động cơ để Thầy giảng Pháp.

Học đến đây đại chúng mới thấy **"Buông cái nhỏ về cái lớn**". Cái nhỏ, cái riêng ở đây là hướng về mình và về đối tượng cá nhân nào đó. Và nếu để hướng về đối tượng thì chỉ duy nhất hướng về Đức Phật mà thôi vì lòng đại bi của Đức Phật và vì Ngài là đại diện cho Chánh Pháp, cho chân lý, có một vài lần Ngài đã dạy như vậy thôi. Cái lớn chính là Chánh Pháp, Đức Phật đã thành tựu vĩ đại như vậy mà Ngài cũng tôn trọng, tôn kính Pháp, lấy Pháp làm tràng phan, lấy Pháp làm ngọn cờ, lấy Pháp làm điểm tựa, nhờ Pháp mà thành đạo thì huống chi là chúng ta. Giáo Pháp đưa Ngài đến Phật quả, Phật trí.

Thầy kể cho đại chúng nghe một câu chuyện nữa, nghe những câu chuyện của bậc Thánh là mình rụng hết những cái bé nhỏ của mình: *Có một lần Đức Phật thuyết Pháp trên cung Trời Đao Lợi. Ở cõi nhân loại có một số cư sĩ lâu rồi không được gặp Đức Phật nên hỏi Ngài Mục-Kiền-Liên (Mahāmoggalāna) là Đức Phật đang ở đâu. Với thần thông của Ngài thì tất nhiên sẽ trả lời được câu hỏi này nhưng Ngài lại không trả lời mà nói dân chúng hỏi Ngài A-Nậu-Lâu-Đà (Anuruddha). Nghĩa là Ngài Anuruddha cũng có thần thông để có thể thấy Đức Phật đang ở đâu. Ý nghĩa của câu chuyện Thầy muốn nói ở đây đó là đối với bậc Thánh thì luôn muốn cho nhiều người biết được các vị Thánh khác có nhiều khả năng để họ cung kính, nương tựa, học hỏi nơi những vị Thánh này. Đây là tinh thần hào sảng, phóng khoáng và*

muốn điều hay, điều tốt được chia sẻ đến cho nhiều người biết. Tâm của bậc Thánh là như vậy. Nói theo Phật Pháp là: "Cái đáng khoe nhất là lòng không muốn khoe". Nói theo đời là: "Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao". Khi con người đến chỗ vô cầu, tức là không còn tham nữa thì tự nhiên phẩm cách thanh cao.

Còn với phàm phu chúng ta, hễ có một chút gì đó là kiêu mạn, tự phụ, tự cao, tự đại và đó cũng là tự dại. "Ê cái đó để tui làm cho!", nói vui vui là mình biết cái đó thì nhảy vô liền, giống như mình làm được là người ta kính, người ta quý, người ta khen mình hay, mình giỏi. Cái tâm phàm của mình nó khác, còn bậc Thánh thấy cái đó hay thì hướng dẫn, giới thiệu, tạo duyên, an trú cho người khác.

Trang sách nào, trang Kinh nào, ngôn ngữ nào, chữ nghĩa nào, bài giảng nào, bộ phim nào, bản nhạc nào...mà hướng đến tinh thần vô ngã, vị tha, rộng lớn là mình hướng về, bỏ cái nhỏ đi, càng tu tập càng phải lớn! Tại sao bầu trời này chứa được nhiều thứ? *"Không rộng lớn như bầu trời thì làm sao chứa được những đám mây!"*. Nói đến câu này Thầy hay nói vui: Đầu mình nhỏ như trái nho mà đòi làm chuyện lớn như Trái đất, mình tham lam, ích kỷ, nhỏ nhen, bỏn xẻn là vì cái phước ít quá, tâm mình nhỏ xíu thì làm sao nhận được những thứ tương xứng được. Cho nên bây giờ quý vị học buông. Chúng ta cũng tu tập đó

chứ, dĩ nhiên là phải lợi ích cho mình trước rồi, nhưng mà phải hướng về cái gì đó lớn hơn, cho nên khi Đức Phật tu tập thì Ngài cũng hướng về cái lớn là đắc đạo, thành Phật để hướng đến độ chúng sanh. Tinh thần Phật Pháp là vậy đó!

Trong bài hát "Sông và Biển" cũng nói về tinh thần buông bỏ, buông cái nhỏ để hướng về cái lớn, cái đẹp, cái chung, hướng về đại đồng. Quý vị nghe bài hát này nha: *"Em chưa từng thấy biển, em chỉ thấy dòng sông, nhưng có nghe cô kể, biển thì rộng mênh mông. Biển thì rộng mênh mông, bao la biển xanh mặn nồng. Cuộc đời người như sông, nếu ai sống cho riêng mình thì lòng hẹp như sông, nếu ai sống cho muôn người thì lòng rộng mênh mông...."*

Có một vị đã viết ra bài thơ này, bài thơ rất hay và ý nghĩa cũng với nội dung của phần chúng ta đang học là bỏ cái riêng về cái chung:

Mãi về sau tôi có viết những dòng thơ để nói
Sẽ chẳng nói lên để ca ngợi tình yêu
Vì tình yêu là hình ảnh buổi chiều
Tuy êm ái nhưng sẽ vào đêm tối.

Mãi về sau tôi có viết những dòng thơ để nói
Sẽ chỉ nói lên để ca ngợi tình thương
Của những người vì nhân loại quê hương
Của hạnh phúc thoát ra ngoài tội lỗi.

Mãi về sau tôi có viết những dòng thơ để nói
Sẽ nói lên để ca ngợi sự an nhiên
Hạnh phúc nào thong thả tựa thần tiên
Rất thanh thoát ung dung và đỉnh đạc.

Mãi về sau tôi có viết những dòng thơ để hát
Sẽ đoàn kết mọi người trong một trái tin chung
Hạnh phúc thiêng liêng và vĩ đại vô cùng
Một là tất cả và tất cả mọi người chỉ là một.

Sau khi nghe bài thơ này xong là quý vị phải xem lại: động cơ học Phật Pháp của mình là gì, động cơ đi từ thiện là gì, động cơ niệm Phật, rải tâm từ, động cơ tu tập của mình là gì? Với mục đích là để cho cá nhân mình thôi, còn cho lớn hơn chút là cho Cha Mẹ, cho vợ chồng, cho con cái hay động cơ lớn hơn đắc đạo, đắc quả. Nói đến đây Thầy xin bật mí cho quý vị biết là mỗi lần Thầy đọc được bài thơ nào hay là Thầy học thuộc hoặc ghi vào quyển sổ, vào phần ghi chú của điện thoại, có khi ghi vô tay nữa…chỉ với mục đích là nhớ để sau này có dịp đọc cho quý vị nghe. Khi nghĩ đến đối tượng nghe là quý Phật tử, là số đông thì Thầy có động lực để học thuộc, chứ học chỉ cho cá nhân riêng Thầy thì khó học vô lắm. Khi Thầy hình dung có một ngày đẹp trời, Thầy lên Pháp tòa mà đọc đúng bài thơ đó, vào đúng hoàn cảnh đó, quý vị nghe và thấm được đạo lý nào đó, buông được cái gì đó là tự dưng Thầy có động lực học liền. Ví dụ ngày nào đó đại chúng gặp một người hay trách móc, than vãn thì đọc bài thơ này:

"Đừng trách mẹ, Đừng trách cha
Đừng trách người ta sao thay lòng đổi dạ
Đừng trách cuộc đời không đủ rộng bao la.
Đừng trách gió mùa xa
Đừng trách lá nơi này sao cứ hoài rớt vội
Đừng trách những con người đã một lần lầm lỗi
Hãy tự trách mình sao không đủ thứ tha."

Mình cứ thấy con người nào hay trách móc, hay đòi hỏi này nọ là đọc đoạn này liền, như lúc nãy Thầy nói, điều gì mà cứ nhỏ bé, như sông chứ không như biển thì Thầy đọc bài thơ hồi nãy hay là hát bài "Sông và Biển" là rất hợp thời trong bài Pháp hôm nay. Nếu để đưa ra một bài thơ nói rõ tinh thần buông bỏ trong Phật Pháp thì đó là bài "Cất Lại Một Tình Yêu" của Thiền Sư Nhất Hạnh. Thầy xin trích ra một đoạn trong bài mà Thầy thích nhất:

"...Xếp lại hành trình một thưở ngây thơ
Em giã từ giấc mơ trở về thực tại.
Ngày ngày lắng nghe Kinh - nghe những bài Pháp thoại
Để biết mình đã toại nguyện từ lúc chia xa.
Lời Phật Pháp như hoa tươi đẹp giữa cuộc đời
Những câu Kinh tuyệt vời đã cho ta điểm tựa.
Em rất vui khi đã chọn cho mình một lối đi đúng đắn
Dẫu tình trần là trống vắng một bờ vai.
Nếu tình sanh thì trí cách - bi ai

Đời vẫn khổ, dù có tu vẫn khổ
Tham ái sẽ dày thêm với bao điều quyến luyến
Hệ lụy phù sinh đôi khi đay nghiến... đến không ngờ!

Nên thôi, em cất anh vào lại ngăn kí ức trái tim thơ
Anh cất em vào lại một góc sâu đợi chờ - kỉ niệm.
Ta cất lại tình yêu của mình anh nhé!
Dẫu cách biệt phương trời mà vẫn đồng giữ một chữ "Tu".

Con bướm vàng đã thôi không đậu nhánh mù u
Em đã không lấy chồng để lời ru vui trở lại.
Để câu hò bên sông không còn nỗi buồn xa ngái
Để Pháp Phật có người gìn giữ một tàng Kinh.
- Phật Pháp tại lòng thành, Phật Pháp tại tâm linh."

(Thiền Sư Nhất Hạnh)

Thầy đọc qua bài thơ này phải gọi là trên cả tuyệt vời đó quý vị, ngôn từ và nội dung quá tuyệt vời, là hướng về cái chung, hướng về cái lớn. Đó là tinh thần thứ hai của buông bỏ: "Bỏ cái nhỏ về cái lớn".

3. Buông cái thấp về cái cao

Trong cuộc hành trình sinh tử luân hồi dài thiên thu nghìn trùng này không đếm được những kiếp chúng ta đã đi qua. Có những kiếp mình có phước phần nào

đó nên được "thiện cấp thấp" hoặc "thiện cấp cao" chứ chưa có rốt ráo đâu, nếu rốt ráo thì quý vị không có ngồi đây đâu. Dù là thiện cấp thấp hoặc thiện cấp cao nhưng luôn luôn chúng ta vẫn nhớ tất cả chỉ là "trạm dừng chân" trên cuộc hành trình vạn lý này. Quý vị hôm nay được cái gì? Giàu, đẹp, khỏe, thông minh, uy quyền, có quần chúng, được nhiều người kính, thương,... mọi cái quý vị thuận lợi hết nhưng nhớ giùm nó chỉ là phương tiện. *Tất cả những gì mình có trên đoạn đường sanh tử luân hồi này chỉ là một chặng dừng chân thôi. Ngày nào quý vị chưa chứng Thánh thì chuyện gì cũng có thể xảy ra, hôm nay được thân người, đầy đủ 6 căn,…mọi thứ đều thuận duyên nhưng ngày nào chưa chứng Thánh thì không có điều gì là bảo đảm, mọi chuyện đều có thể xảy ra. Quan trọng là quý Phật tử lấy những điều có được làm nền tảng, phương tiện để tiếp tục đi xa nhất trong đời sống tâm linh của chúng ta. Nói theo trong Kinh thì những gì mình có được ngày hôm nay là chúng ta đang "ăn mày dĩ vãng, xài đồ cũ, ăn cơm nguội".*

"Trần thế chỉ là chỗ tạm nương
Cũng như quán trọ ở ven đường
Chúng ta là khách dừng chân tạm
Rồi sẽ đi về chốn viễn phương."

Bà Visākhā khi lấy chồng về thì nhà chồng không tin Phật Pháp, lúc quý Thầy khất thực đến trước cửa nhà bà thì cha chồng không cúng. Bà Visākhā mới nói

là: "Thôi các Ngài đi nơi khác, cha của con ăn đồ cũ". Nghe như vậy thì ông cha giận và hỏi tại sao bà lại nói như vậy. Bà Visākhā trả lời "ăn đồ cũ" nghĩa là xài phước cũ. Cho nên quý vị thấy, những gì hôm nay chúng ta có trong kiếp sống này chỉ là trạm dừng chân thôi, rồi tất cả cũng sẽ ở lại, chúng ta tái sanh với phước và tội đã làm nên cố gắng còn thời gian thì ráng tu tập và làm thiện pháp.

Là người con Phật, quý vị được học những điều rốt ráo, những chân lý, những điều thiện mà chỉ trong thời Đức Phật mới có. "Thiện cấp thấp" là những quả lành ở cõi Dục giới, "thiện cấp cao" là đắc được các tầng thiền Sắc giới, Vô Sắc giới. Và chỉ khi có Đức Phật ra đời, có Chánh Pháp thì mới có "thiện rốt ráo", đó là giúp mình đắc Thánh, chấm dứt luân hồi tử sanh.

Ở đây, bỏ thấp lên cao là muốn nói tất cả những gì mình đang có là thiện pháp, là phước của quý vị có nhiều cỡ nào đi chăng nữa thì nó cũng chỉ là thiện cấp thấp thôi. Nếu ngày nào mình chưa đạt được cái "Thiện rốt ráo", chưa chấm dứt tử sinh thì ngày đó chúng ta còn luân hồi, vẫn còn ở cấp thấp, vẫn phải bỏ cái cấp này mà hướng lên cái cao hơn chính là đắc đạo, đắc quả, giải thoát và Niết Bàn.

Nói tới đây nếu quý vị hiểu Phật Pháp thì mới thương được những người có Ba-la-mật ít. Ba-la-mật *(Pāramī)* là những thiện pháp, công đức đưa chúng ta đến sự thành tựu tối cao đó là đắc Thánh quả, chấm dứt

sanh tử luân hồi. Trong nhiều kiếp đi qua, mình đâu biết ai có Ba-la-mật ít hay nhiều. Những người Ba-la-mật ít quá, công đức tu tập giải thoát ít quá là họ khổ về những điều lặt vặt chi li. Ví dụ cũng là câu chuyện đó mình nghe xong là bỏ 8 tháng rồi mà người đó 8 tháng vẫn giữ trong lòng; họ khổ vì luyến ái, khổ vì từng manh áo, từng giấc ngủ, từng ý thị phi. Có khi họ khổ chỉ vì trời hôm đó lạnh một chút, nóng một chút. Thức ăn có cay hay đắng chút cũng khổ, quần áo rách, đôi dép rách cũng khổ,… Nhìn họ khổ từng chút vậy mà chúng ta thấy thương. Nếu không có tu tập là đại chúng không hiểu và không thương nỗi những người có ít Ba-la-mật này đâu. *"Chị ơi kiếp sống mong manh lắm, thân người có bao năm đâu mà chị cứ loay hoay, hết buồn lại giận hờn, than trách hoài. Chị lo mà tu tập, tạo công đức, lo hành thiền đi chị"*. Mình nói thì gật gật gật rồi 3 ngày sau y như cũ, rồi đâu lại vào đó nữa. Hôm nay học bài này quý vị biết tại sao chưa? Đó là vì Ba-la-mật ít quá, người mà Ba-la-mật ít thì không nghĩ được những chuyện lớn đâu. Hình như Thầy nói vấn đề này với lớp 2, 3 lần rồi, nếu đại chúng không có những công đức lớn thì sẽ không nghĩ đến chuyện giải thoát tử sinh đâu. Quý vị chỉ cần một mái nhà cấp 4 là đủ hạnh phúc một đời, lớn hơn một chút thì có gia đình, có vợ chồng, con cái, xe hơi, nhà lầu, tiền bạc, sắc đẹp, sức khỏe, ... rồi xong. Một kiếp người như vậy là thấy đủ rồi, cảm thấy quá an nhàn. Có rất nhiều người đang suy nghĩ như vậy nha. Thầy nói nếu quý vị mà không

có công đức liên quan đến chuyện giải thoát thì không nghĩ còn nhiều cái mình phải tiến về đâu, quý vị nghĩ vậy là đủ cho một kiếp người rồi, bây giờ với số tài sản đó là có thể sống nhẹ nhàng từ đây đến cuối đời. Nhưng cái vấn đề không phải ở đó, vấn đề là chuyện tu tập, chuyện giải thoát, chuyện học Pháp, chuyện đoạn phiền não của mình nó ít. Nếu Ba-la-mật ít quá, ta ít ưu tư về cái chuyện tử sinh lắm, cho nên quý cũng đừng buồn vì sao *"tôi nói hoài Phật Pháp cho người đó mà họ không nghe"*. Thầy giải thích nè, thứ nhất là mình không có duyên nên người ta không có nghe mình, thứ hai cũng có thể Ba-la-mật của người đó ít quá, mình nói người đó cũng thua.

Nói đi cũng nói lại, Thầy không khuyên quý vị là đừng làm giàu nha. Thầy luôn luôn khuyến khích quý vị giàu. Học Phật Pháp chưa bao giờ kêu chúng ta đừng có làm giàu, không có đâu! Thầy kêu đại chúng làm giàu, có sức khỏe, tập yoga, tập thể dục, ăn uống, ngủ nghỉ,… luôn muốn quý vị khỏe, đẹp, mọi cái tốt hết nhưng phải là trong điều thiện. Đó là những cái căn bản thiện thì cứ làm nhưng phải nghĩ đến cái xa hơn nữa đó là chuyện tử sinh. Tất cả những gì chúng ta đang có chỉ là phương tiện, hành trang cho trạm dừng chân này thôi.

Vài chục năm mình giàu, vài chục năm mình đẹp, khỏe, uy quyền, thông minh gì đi chăng nữa thật ra chưa bằng một ngày trên cõi Tứ Đại Thiên Vương, một

ngày trên đó bằng 50 năm dưới này, tất cả chỉ là trạm dừng chân nên mình đừng có bao giờ thỏa mãn. Chính vì vậy mọi người thấy khi mình hiểu được điều này thì có cái gì để cho mình đáng khoe không? Không có! Câu mà Thầy vô cùng thích đó là *"Cái đáng khoe nhất là lòng không muốn khoe"*. Khi mình bỏ thời gian, công sức, tâm tư để làm chuyện gì đó thì chư Thiên nhìn mình giống như nhìn con kiến vậy đó. Chỉ khi nào quý vị có phước lớn mới suy tư về cái chuyện đoạn phiền não hoặc là đắc thiền, thiện cấp cao hay thiện rốt ráo thôi. Và ở đây, điều buông bỏ thứ ba là bỏ cái nhỏ để hướng về cái lớn. Học xong bài này quý vị coi lại mình không còn cái gì đáng khoe hay đáng tự hào nữa. Quý Phật tử có cái gì đó tạm đủ một chút hơn người khác, có phước một chút đi thì như hôm trước Thầy giảng có mấy từ để tự nhắc mình đó là *"Ăn mày dĩ vãng, xài đồ cũ, ăn cơm nguội"*. Vì phước quá khứ nó trổ cho nên hôm nay mình được đẹp, được giàu, được khỏe, được thông minh, toàn là xài đồ cũ, là ăn mày dĩ vãng, không có gì chắc chắn cho đời sau cả nên không có gì đáng để mình phải khoe.

Thầy A-Nậu-Lâu-Đà *(Anuruddha)* là thiên nhãn đệ nhất lúc chưa chứng Thánh thì Thầy đã có thần thông, có thể thấy được nhiều vũ trụ như trong lòng bàn tay. Có một lần đó Thầy mới nói với Ngài Xá-Lợi-Phất thế này: *"Đệ có thể thấy được cả 10.000 vũ trụ này trong lòng bàn tay". Sau đó Ngài Sāriputta dạy cho Thầy Anuruddha thế này: "Huynh thấy trong*

câu nói của đệ có một nửa là kiêu mạn, một nửa là trạo hối". Đại chúng nghe câu này thấy khủng khiếp không? Lúc này Thầy *Anuruddha vẫn chưa chứng Thánh nên vẫn còn kiêu mạn và trạo hối. Sau đó thì Thầy tiếp tục tu tập và chứng Thánh quả. Khi chúng ta đạt được hay thành tựu cái gì đó thì sanh tâm kiêu mạn với cái đó.* Nếu như ở ngoài đời, khi quý vị có kiêu mạn nhưng lại có tài, có trình độ thì quý vị vẫn thành công đi lên. Ngược lại trong Phật Pháp thì không như vậy, khi càng tu tập, càng đi lên thì mình càng phải buông xuống. Chúng ta phải tu làm sao mà không còn tính tham lam, sân hận, ích kỉ, kiêu mạn, …thì đó mới là tu đúng vì tinh thần của đạo Phật là ly dục, là buông bỏ.

Khi đại chúng thọ lễ Tam quy có câu: Quy y Phật – Lưỡng túc tôn, "lưỡng" là hai, *"túc"* là chân, *"lưỡng túc"* là hai chân, *"tôn"* là tôn kính số một. Nghĩa là trong loài hai chân, Đức Phật là số một, là bậc đáng tôn kính nhất. Ngài đứng đầu về các công hạnh, về các Ba-la-mật, về phước đức, về trí tuệ và từ bi. Vì sao chúng ta tôn kính ở trí tuệ và từ bi của Đức Phật? Có lý do:

1/ Thứ nhất: Đức Phật là Người duy nhất có 9 ân đức trong Tam giới này, không ai có đủ 9 ân ngoài Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Chư Phật Chánh Đẳng Giác thời quá khứ cũng có đủ 9 ân nhưng ở đây chúng ta nói ở kiếp hiện tại này.

2/ Thứ hai: Ngài có một hệ thống giáo lý, Chánh Pháp mà chỉ có Ngài tự tìm ra. Còn các vị Thánh phải nương hệ thống giáo lý đó thì mới đắc đạo được. Quy y Pháp - Ly dục tôn: rốt ráo của tinh thần Phật Pháp là ly dục, là buông bỏ những tham ái, dính mắc ở cõi Dục giới, cõi Sắc giới và cõi Vô Sắc giới. Mênh mông Kinh điển mà Đức Phật dạy cho hàng đệ tử hầu như là sự buông bỏ, không chấp dính.

3/ Thứ ba: Ngài có một đoàn thể đệ tử xuất gia gọi là Tăng đoàn, là những vị sống đời sống tỉnh thức, thanh tịnh, hòa hợp và buông bỏ. Quy y Tăng - Chúng trung tôn nghĩa là không một hội chúng, đoàn thể nào trên đời này bằng Tăng đoàn được. Bởi vì tinh thần mà các Ngài hướng đến đó là buông bỏ mọi thứ, càng nắm giữ thì càng không thể đi xa được trên con đường tiến đến sự giải thoát giác ngộ. Thầy Đại-Ca-Diếp *(Mahā Kassapa)* được Đức Phật tán thán là đệ nhất hạnh đầu đà trong hàng đệ tử của Ngài. Thầy thực hành hạnh đầu đà đến trọn đời, hằng ngày sống ở rừng, đi khất thực, mang y phấn tảo, sống thiểu dục tri túc, không giao thiệp và thường tinh cần.

Ở đây Thầy dẫn đoạn Kinh trong **Kinh Tương Ưng 1 – Chương Tương Ưng Chư Thiên – Phẩm Cây Lau – Bài Kinh Bao Nhiêu Phải Cắt Đoạn**:

"…Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Phải cắt đoạn bao nhiêu,
Phải từ bỏ bao nhiêu,
Tu tập thêm bao nhiêu,
Vượt qua bao trói buộc,
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo vượt bộc lưu?

(Thế Tôn):

Phải cắt đoạn đến năm,
Phải từ bỏ đến năm,
Tu tập thêm năm pháp (lực),
Vượt qua năm trói buộc,
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo "vượt bộc lưu".

Lúc này có một vị Thiên thưa với Đức Phật những câu hỏi để được có danh xưng là Tỳ-kheo vượt bộc lưu. Bộc lưu là dòng thác: dòng thác của phiền não, của sinh tử, của kiết sử, của vô minh, của tham ái. Bốn câu hỏi của vị Thiên liên quan đến bài "Buông bỏ" này. Đức Phật trả lời là phải cắt đoạn đến năm (5 phần, 5 cái); phải từ bỏ đến năm; tu tập thêm 5 Pháp; vượt qua 5 trói buộc để được có danh xưng là Tỳ-kheo vượt bộc lưu. Sau khi đọc xong đoạn này, quý vị có hiểu gì không? Để qua Khóa IV, Thầy sẽ giảng kĩ phần này là hiểu, giờ Thầy chỉ nói lướt thôi! Các câu hỏi của vị Thiên:

1/ Câu hỏi đầu tiên: *"Phải cắt đoạn bao nhiêu?"*. Đức Phật trả lời là *"phải cắt đoạn đến năm"*, đây là **Năm hạ phần kiết sử: thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân** - là những kiết sử trói buộc con người vào sanh tử luân hồi. Có thoát ly khỏi các kiết sử, trói buộc này mới mong đạt được Thánh quả. Khi học bài "Tứ Thánh quả" thì quý vị sẽ được học kĩ bài này, hôm nay tạm gọi là "học gieo duyên".

2/ Thứ hai, vị Thiên hỏi: *"Phải từ bỏ bao nhiêu?"*. Đức Phật trả lời: *"Phải từ bỏ đến năm"*, đây là **Năm thượng phần kiết sử: Sắc ái (tham ở cõi trời Sắc giới), Vô sắc ái (tham ở cõi trời Vô Sắc giới), trạo hối, ngã mạn và vô minh**. Tuy cuộc sống ở các cõi trời Sắc giới và Vô Sắc giới sung sướng hơn nhiều, và tuổi thọ lâu dài hơn nhiều so với cõi người, nhưng nếu tuổi thọ hết thì vẫn tiếp tục luân hồi sinh tử trong Tam giới. Sẵn đây Thầy bật mí nè:

- Muốn đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn (*Thánh Nhập lưu – Sotapanna*) phải đoạn trừ 3 hạ phần kiết sử đầu: thân kiến, giới cấm thủ và nghi.

- Muốn đắc nhị quả Tư-đà-hoàn (*Thánh Nhất Lai - Sakādāgāmī*) ngoài đoạn trừ 3 hạ phần kiết sử đầu: thân kiến, giới cấm thủ và nghi, đồng thời bớt tham dục và sân.

- Muốn đắc quả Thánh A-na-hàm (*Thánh Bất lai - Anāgāmī*) phải đoạn trừ hoàn toàn 5 hạ phần kiết sử.

- Muốn đắc Thánh A-la-hán (*Arahanta*) phải đoạn trừ hoàn toàn 10 kiết sử (5 hạ phần và 5 thượng phần).

3/ Câu hỏi thứ 3: *"Tu tập thêm bao nhiêu?"*, Đức Phật trả lời: *"Tu tập thêm năm Pháp"*. Năm Pháp này là: **Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ**. Nếu nói về căn bản thì đó là 5 căn, nói về sức mạnh thì đó là 5 lực mà nói quyền đứng đầu, chủ chốt thì gọi là 5 quyền. Có lúc mình gọi là 5 căn cũng được, 5 lực cũng được, 5 quyền cũng được tùy quý vị nói về phương diện nào. Chuyện đắc đạo hay không thì 5 quyền này quan trọng lắm.

4/ Câu hỏi thứ tư: *"Vượt qua bao trói buộc?"*, Đức Phật trả lời: *"Vượt qua năm trói buộc"*. **Năm trói buộc là: tham, sân, si, mạn, tà kiến.**

- **Tham ái**: tham ở cõi Dục – Dục tham; Tham ở cõi Sắc - Sắc tham; Tham ở cõi Vô Sắc - Vô Sắc tham.

- Tham ở cõi dục: tham trong 6 đối tượng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

- Tham ở cõi Sắc: tham các tầng thiền Sắc giới.

- Tham ở cõi Vô Sắc: tham các tầng thiền Vô Sắc giới.

- **Sân**: sân hận.

- **Si**: si hợp hoài nghi và si hợp phóng dật (phóng dật ở đây là thiếu khả năng định tâm).

- **Mạn**: ngã mạn.

- **Tà kiến**: nói rộng có 62 tà kiến, nói hẹp là thường kiến và đoạn kiến.

Thầy xin nhắc lại 4 câu trả lời của Đức Phật. Năm Pháp cần cắt bỏ là 5 hạ phần kiết sử: thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân. Năm Pháp cần từ bỏ là 5 thượng phần kiết sử: Tham sắc, tham vô sắc, trạo hối, ngã mạn và vô minh. Tu tập thêm năm Pháp: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Vượt qua năm trói buộc: Tham, sân, si, mạn và tà kiến.

Vậy quý vị thấy ở đây Đức Phật dạy toàn là tinh thần "Buông bỏ". Những khái niệm vừa rồi Thầy chỉ giới thiệu thôi nha, còn sau này vô bài **Kiết Sử,** Thầy sẽ giảng cho đại chúng rõ hơn. Nãy giờ mình học là ý nghĩa thứ 3 của buông bỏ đó là buông từ cái thấp lên cái cao và cái cao nhất, rốt ráo nhất là Niết bàn, đắc Thánh quả, chấm dứt tử sinh luân hồi trong Tam giới. Trong một bài Kinh, Đức Phật nói khi mình rớt xuống hố phân thì ghê tởm rồi, dính chút xíu phân là thấy ghê rồi. Ở đây khi quý vị vẫn còn chút bóng dáng của mình biểu hiện ở Sắc giới hoặc là Vô Sắc giới, dù đã là thiện cấp cao rồi nhưng nó vẫn còn trong luân hồi. Tam giới được gọi là ngôi nhà lửa. Chúng ta còn luân hồi trong Tam giới thì chỗ nào cũng khổ cả. Mời đại chúng nghe Đức Phật dạy trong **Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Makkhali**:

"...Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít phân có mùi hôi thúi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít nước tiểu có mùi hôi thúi... một ít nước miếng có mùi hôi thúi.... một ít mủ có mùi hôi thúi... một ít máu có mùi hôi thúi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Một Pháp - Phẩm 18: Makkhali)

Đa phần phàm phu chúng ta chỉ biết chắc là mình đã đi qua nhiều kiếp, máu và nước mắt đổ ra trong vòng luân hồi này nhiều hơn biển ở đại dương; mộ phần của mình nằm xuống nhiều như núi,… Đức Phật dạy: *"Như thế là quá đủ cho quý Thầy nhàm chán. Đây là gốc cây, là ngôi nhà trống, quý Thầy hãy tính tấn, nỗ lực hành thiền để đạt đến rốt ráo lý tưởng Phạm Hạnh"*. Đại chúng phải tu tập làm sao mà thấy dòng sanh tử này mà nhàm chán nó, muốn buông nó. Và khi chúng ta nhàm chán dòng sanh tử thì mình mới học cách để buông. Giống như khi quý vị nổi tâm sân thì như mình đang uống thuốc độc, kết oán thù, tâm bất thiện,…đủ thứ chuyện hết nên khi thấy được sự nguy hiểm của tâm sân thì chúng ta luyện tập rải Tâm từ để bỏ tâm sân.

Cũng vậy, khi quý vị thấy sự nguy hiểm của vòng luân hồi thì mới nhàm chán và chịu tu tập để đi ra luân hồi.

III. NHỮNG ĐIỀU ĐỨC PHẬT BUÔNG

Nếu người đời vĩ đại vì có cái gì, còn trong Phật Pháp vĩ đại bởi buông cái gì. Đức Phật là người đại diện cho Chánh Pháp, cho chân lý. Ngài vĩ đại vì Ngài có hệ thống giáo lý mà tinh thần rốt ráo đó là **ly dục**, buông bỏ dính mắc vào Tam giới và Ngài có Tăng đoàn đệ tử đã và đang trên con đường tu tập buông bỏ và chứng quả Thánh. Đức Phật và các bậc Thánh đã buông "thiện cấp thấp" và cả "thiện cấp cao" rồi, đó là những thiện Dục giới, thiện Sắc giới và thiện Vô Sắc giới. Các Ngài buông hết và hướng về thiện rốt ráo đó là đắc Thánh quả, Niết bàn. Còn phàm phu mình là có cái gì thì dính mắc vào cái đó.

Đối với Đức Phật là điều gì Ngài cũng biết. Tại sao điều gì Đức Phật cũng biết? Vì Ngài đã buông bỏ hết rồi, buông bỏ đến tận cùng. Hôm trước quý vị đã học bài **Phật Đạo**, Ngài đã bỏ những cái gì ở bên ngoài, bỏ những gì ở tứ chi và bỏ sinh mạng luôn rồi. Và đặc biệt là Ngài bỏ cái gì? Đó là Ngài bỏ luôn sự bất tri, "sự bất tri" tức là điều không biết, nghĩa là điều gì mà Ngài không biết là Ngài cũng bỏ luôn rồi. Vì vậy Ngài là Người xứng đáng với câu nói: *"Buông tất cả thì*

được tất cả". Thầy nói là chỉ có Đức Phật mới xứng đáng nhất với câu nói này thôi.

Quý vị nhớ giùm Thầy, từ lúc Đức Phật được thọ ký đến khi thành quả vị Phật Chánh Đẳng Giác là 4 A-tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp Trái đất, trong khoảng thời gian dài đằng đẳng ấy không biết bao nhiêu kiếp sống trôi nổi luân hồi tiếp theo, Ngài đã thực hành **10 pháp Ba-la-mật** bậc thượng, trung, hạ; **5 pháp đại thí**: bố thí tài sản, bộ phận cơ thể, vợ yêu quý, con yêu quý và sinh mạng của mình và **3 hạnh đức**: *Thế gian lợi ích hạnh* (sự thực hành vì lợi ích cho tất cả chúng sanh); *Thân thích lợi ích hạnh* (sự thực hành vì lợi ích cho thân bằng quyến thuộc); *Giác ngộ lợi ích hạnh* (sự thực hành và tinh tấn vì mục đích giác ngộ). Đức Phật đã thực hành liên tục không ngưng nghỉ suốt 4 A-tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Vì vậy có chi tiết là trước khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề, Ma Vương ngồi trên lưng voi trời Girimekhala và nói: *"Này Sa môn Gotama! Nhà ngươi hãy mau mau rời khỏi ngôi bồ đoàn ấy, vì nơi ấy là của ta!"*. Đức Phật trả lời: *"Này Ma Vương! Ngôi bồ đoàn quý báu này phát sanh do oai lực của các pháp Ba-la-mật, 5 hạnh đại thí và 3 pháp hành mà Như Lai đã thực hành từ vô số kiếp quá khứ cho đến kiếp hiện tại này. Vì vậy ngôi bồ đoàn này thuộc về Như Lai!"*. Thế Tôn đã buông bỏ từ tài sản, tứ chi, vợ, con cho đến cả cái mạng của Ngài luôn, không chỉ một kiếp mà là 4 A-tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp.

Đối với bậc Thánh Thanh Văn Giác thì các Ngài **thực hành pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ** đó là buông bỏ của cải, vợ con, … thuộc về bên ngoài trong thời gian trên dưới 100 ngàn đại kiếp**.** Đến kiếp hiện tại, sau khi đã được lắng nghe Chánh Pháp trực tiếp từ Đức Phật rồi tu tập đến đắc quả vị Thánh. Với Đức Phật Độc Giác thì các Ngài thực hành **pháp hạnh Ba-la-mật bậc trung** đó là hy sinh những bộ phận trong thân thể như tứ chi, … ít nhất 2 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Chỉ có duy nhất Đức Phật Chánh Đẳng Giác thực hành **pháp hạnh Ba-la-mật bậc thượng** là Ngài buông bỏ tất cả từ bên ngoài là vợ con, của cải cho đến tứ chi và buông cả tính mạng của Ngài. Dĩ nhiên có các vị Phật Độc Giác, bậc Thánh cũng có lúc buông bỏ tính mạng nhưng chỉ một ít nào thôi. Đức Phật nhiều kiếp hy sinh như vậy và hành 3 hạnh đức đó là Ngài tu tập để hướng về giác ngộ, hướng về lợi ích cho chúng sanh và hướng về lợi ích cho thân quyến. Đức Phật thương bằng từ tâm, thương những người trong gia đình mà Ngài độ, và Ngài thương tất cả chúng sanh mà Ngài đã hy sinh, buông bỏ rất nhiều như vậy.

Còn cách đây hơn 2600 năm, Đức Phật buông bỏ cấp thấp lên cấp cao là buông bỏ chỗ nào? Qúy vị nhớ trước khi đi tu Ngài là thái tử, chuẩn bị làm Vua một nước, ngai vàng, vợ đẹp, con xinh, tiền bạc, danh vọng, địa vị,… không thiếu cái gì. Những thứ Ngài có mình mơ còn chưa có mà Ngài vẫn buông bỏ tất cả rồi đi tu.

Có chi tiết này đại chúng nhớ giùm Thầy: Khi chưa có Đức Phật Chánh Đẳng Giác ra đời thì những tầng thiền chứng cao nhất đó là các tầng thiền Sắc giới và các tầng thiền Vô Sắc giới. Những vị đắc các tầng thiền cao nhất lúc đó có thể kể đến đó là tiên nhân Asita (A-Tư-Đà) – người tiên tri cho Thái tử Tất-Đạt-Đa; Alara Kalama và Uddaka Ramaputta – hai vị đạo sư hướng dẫn thiền định cho Ngài. Hai vị Thầy này đã đắc được các thiền chứng Vô sở hữu xứ và Phi tưởng Phi Phi tưởng xứ. Quý vị nhớ hai tầng thiền này trong thời kỳ không có Phật thì đó là những tầng thiền chứng cao nhất trong Tam giới này và Thái tử Tất-Đạt-Đa chỉ sau một gian ngắn thực hành thì Ngài đạt luôn các tầng thiền đó. Ngài biết các cấp thiền mà Ngài chứng được chưa phải là chân lý tối hậu, Niết bàn, sự chấm dứt mọi khổ đau nên Ngài ra đi và tiếp tục tu khổ hạnh suốt 6 năm. Nghĩa là với Ba-la-mật sâu dày của Ngài, mình gọi là giọt nước cuối cùng, Ngài bỏ luôn những tầng thiền cao đó để đi lên một tầm cao nữa, đó chính là quả vị Phật, chấm dứt tử sinh luân hồi, phiền não, hướng về Niết bàn. Sự buông bỏ của Đức Phật từ thấp đến cao là như vậy.

Trước khi kết thúc buổi học, Thầy tóm tắt lại nội dung bài: Hôm nay chúng ta học bài "Buông bỏ" thì bàng bạc trong tinh thần Phật Pháp đó là buông bỏ, là không dính mắc, là ly dục. Có ba ý chính là: Buông bỏ điều ác về điều thiện; Buông bỏ cái nhỏ về cái lớn (bỏ cái riêng về cái chung), cái chung là hướng về vô ngã,

hướng về vị tha mà nếu để hướng về cá nhân thì chỉ duy nhất hướng về Đức Phật vì Ngài là đại diện cho chân lý, đại diện cho Chánh Pháp. Quý vị nhớ giùm Thầy bốn chữ: "***Che mặt chỉ đường"*** điều gì thiện, điều gì hay thì hướng dẫn người khác mà không cần họ biết ơn và đền ơn. Ý nghĩa thứ 3 là buông cái thấp về cái cao, cao nhất chính là "thiện rốt ráo" mà nãy giờ Thầy đã dẫn chứng. Quý Phật tử đã nắm rõ 3 ý nghĩa của tinh thần buông bỏ chưa? Thầy phân tích kỹ cho quý vị hiểu và tự xét lại coi bữa giờ mình đã buông được cái nào trong 3 cái đó chưa. Nếu mình thấy chưa buông được cái nào thì học xong là bắt đầu buông bỏ từ từ được rồi.

(Buổi giảng ngày 17/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Buông bỏ theo tinh thần Phật Pháp là như thế nào?

2). Tại sao nói "tu là buông chứ không phải để nắm"?

3). Chánh tư duy trong Bát chánh đạo có phải là tinh thần buông bỏ không? Tại sao? Hãy phân tích rõ?

4). Những điều Đức Phật đã buông bỏ là gì?

5). Năm pháp đại thí là gì?

6). Theo Đức Phật dạy, chúng ta buông bỏ là buông bỏ những gì?

Bài 14: THẦN THÔNG

ଓ❁ଌ

---

* CÓ 4 THẦN THÔNG TỒN TẠI SUỐT KIẾP TRÁI ĐẤT
* ĐỊNH NGHĨA THẦN THÔNG
* QUAN NIỆM CỦA ĐỨC PHẬT VỀ THẦN THÔNG
* CÁC LOẠI THẦN THÔNG
* CÁCH TU TẬP ĐỂ CÓ THẦN THÔNG

Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ học về Thần thông là gì? Quan niệm của Đức Phật về Thần thông, có những loại Thần thông nào và tu tập như thế nào để có Thần thông. Có thể bài này hơi dài nên Thầy giảng hai buổi. Trước khi vào bài, Thầy xin giới thiệu đến quý vị hai vị Thánh A-La-Hán trong hàng đệ tử của Đức Phật được Ngài tán thán là Đệ nhất về thần thông. Trong Tăng chúng là Ngài Mục-Kiền-Liên *(Mahāmoggalāna)* và bên Ni chúng có Tỳ-kheo-ni Liên-Hoa-Sắc *(Uppalavaṇṇā)*. Vào cuối đời, Ngài Mục-Kiền-Liên trả quả của ác nghiệp cũ, Ngài bị ngoại đạo ám sát và chặt ra hàng trăm mảnh mà không dùng thần thông được. Tỳ-kheo-ni Liên-Hoa-Sắc bị tên Nanda hãm hiếp mà không dùng thần thông để thoát được vì đó là nghiệp mà Ngài phải trả quả.

I. CÓ 4 THẦN THÔNG TỒN TẠI SUỐT KIẾP TRÁI ĐẤT

1. Tướng thỏ trên mặt trăng (Chuyện tiền thân số 316)

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại *(Varanasi)*, Đức Bồ-tát sinh ra là một con Thỏ sống trong khu rừng. Thỏ có ba bạn: một con Khỉ, một con Chó rừng và một con Rái cá. Vào ngày trai nhật, Thỏ khuyên bạn giữ giới.

Rái cá đánh hơi thấy xâu cá bên sông, không ai nhận nên đem về tổ. Khỉ và Chó rừng tìm thức ăn tương tự vậy. Thỏ suy nghĩ nếu ai đến xin thì lấy thịt chính mình cho. Ngai vàng của vua Đế Thích *(Sakka)* lúc này nóng lên. Ngài quyết định xuống trần gian để thử lòng họ rồi giả làm người hành khất đến mỗi con vật xin thức ăn. Ba con kia cho đồ ăn mình tìm được nhưng Ngài bảo mai quay lại. Đến Thỏ, Thỏ bảo vị ấy chất củi và tự nhảy vào lửa hy sinh mạng sống cho người hành khất ăn. Nhưng vua Đế Thích hóa trở lại và nói thật là chỉ đến để thử đức hạnh của Thỏ. Sau đó Ngài ép một trái núi, lấy nước tinh từ đó ra mà vẽ hình một con Thỏ lên mặt trăng. Sau khi đặt Thỏ vào chỗ nằm bằng cỏ non kusa, Thiên chủ quay về cung điện của mình ở cõi Trời thứ 33.

Tiểu Bộ Kinh – Bài số 316: Chuyện Con Thỏ (Tiền thân Sasa)

2. Sức mạnh hạnh chân thật - Năng lực chim cút

Thuở xưa, ở nước Ma-kiệt-đà (*Magadha*), tại chỗ này, Bồ-tát được tái sanh làm con chim cun cút. Từ cái trứng, con chim con tự mình mổ vỏ và thoát ra, thân hình to bằng trái banh. Chim mẹ đặt nó nằm trong tổ và tha mồi về nuôi nó. Tự chim cút không có sức mạnh để xòe cánh bay giữa hư không, cũng không có sức mạnh giơ chân lên để đi trên đất liền.

Lúc bấy giờ lửa rừng thường phát cháy. Các đàn chim từ trong tổ bay ra, sợ chết, kêu la, và bay trốn. Cha mẹ Bồ-tát sợ chết, bay trốn bỏ lại Bồ-tát. Ngài nằm trong tổ, ngóc cổ vươn ra, thấy lửa đang cháy lan tới, liền suy nghĩ: *"Ta không bay được, tự mình không nơi nương tựa, ta phải làm gì?".* Rồi Bồ-tát niệm công đức của chư Phật đã nhập Niết-bàn trong quá khứ, nhân danh tánh chân thật hiện có trên tự thân, làm một hạnh chân thật, và đọc bài kệ:

"Có cánh không bay được,
Có chân không thể đi,
Cha mẹ đã bỏ ta,
Hỡi lửa, hãy đi lui!"

Khi Bồ-tát nói sự thật ấy, ngọn lửa đi trở lui khoảng mười sáu tầm (1 tầm = 1,8 mét). Khi trở lui như vậy, lửa không đốt cháy khu rừng nó đi ngang qua và được dập tắt tại chỗ ấy, như bó đuốc nhúng vào nước. Trong suốt kiếp này, chỗ ấy không bị lửa đốt cháy,

được gọi là thần thông tại trong một kiếp. Như vậy, Bồ-tát đã làm hạnh chân thật, và khi mạng chung, Ngài đi theo nghiệp của mình.

Tiểu Bộ Kinh – Bài số 35: Chuyện Con Chim Cút (Tiền thân Vattaka)

3. Cọng lau rỗng ruột ở Hồ Nalakapāna

Thuở xưa, theo truyền thuyết, tại đây có cái hồ trong khu rừng rậm. Trong hồ ấy, có một con quỷ La-sát ăn thịt những ai xuống nước. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm Khỉ chúa che chở 80 ngàn con khỉ. Bồ-tát thường khuyên đàn khỉ là trong rừng này có những cây độc và có những hồ chết, tại đấy các loài phi nhân đang sống nên đừng ăn khi chưa hỏi Ngài.

Một hôm đến hồ lạ, khỉ con thông minh không xuống uống nước mà chờ Bồ-tát Khỉ chúa đến. Con quỷ La-sát dưới nước biết được khỉ không uống nước, hiện hình ghê sợ hù dọa. Bồ-tát đi đến biết dưới đó có La-sát. Với trí thông minh, Ngài cho đem lại một cọng lau, hồi tưởng lại những hạnh Ba-la-mật, phát lời chân ngôn, lấy miệng thổi cọng lau. Cọng lau trở thành trống rỗng hoàn toàn, không một khúc mắt nào còn lại ở trong.

Với cách thức này, Bồ-tát cho đem lại ống lau khác và thổi nhưng không thể thổi hết. Do đó, Bồ-tát không làm như vậy nữa. Rồi Ngài đi vòng quanh hồ và ra lệnh: *"Tất cả cọng lau đều trống rỗng hết!"*. Do lợi

hành rộng lớn của vị Bồ-tát, mệnh lệnh ấy được thành tựu. Từ đấy trở đi, tất cả cọng lau ở xung quanh hồ trở thành trống rỗng.

Tiểu Bộ Kinh – Bài số 20: Chuyện hồ Nalakapāna (Tiền thân Nalakapāna)

4. Ngôi nhà không mái của thợ làm gốm Ghatikāra không có mưa rơi xuống

Thời Phật Kassapa, một mùa hạ nọ Vua Kikī xứ Kāsi cung thỉnh Phật an cư mùa mưa tại Ba-la-nại, Ngài từ chối vì đã nhận lời của người thợ làm gốm Ghatikāra tại Vebhaliṅga rồi. Đức vua Kikī tỏ vẻ buồn, Đức Phật Kassapa kể ra 6 đặc tính quý báu của Ngài Ghatikāra.

Ngoài ra Đức Thế Tôn còn thuật cho vua Kikī nghe: Có lần Đức Thế Tôn đến nhà thợ gốm, dùng hết phần cơm của vị ấy. Khi nghe Đức Thế Tôn dùng hết phần vật thực của mình, Ngài Ghatikāra cùng cha mẹ hoan hỷ đến 7 ngày. Một lần khác, khi liêu thất của Đức Thế Tôn bị dột, chư Tỳ- khưu đến lấy hết cỏ tranh trên mái nhà của người thợ gốm, về sửa lại am thất cho Đức Phật Kassapa. Nghe vậy, thợ gốm Ghatikāra hoan hỷ suốt nửa tháng, cha mẹ Ngài hoan hỷ trọn 7 ngày.

Bản Sớ Giải giải thích: "Đức Thế Tôn ở trong am thất ấy 4 tháng, 1 tháng trước khi an cư mùa mưa Ngài cho sửa lại am thất và 3 tháng an cư mùa mưa". Trong 3 tháng mùa mưa, nơi nhà "không mái" của thợ gốm

Ghātikāra không hề có một giọt mưa rơi vào, do niềm tịnh tín của Ngài Ghātikāra. Tại chỗ có ngôi nhà ấy không bao giờ mưa rơi xuống trong suốt kiếp này.

(Kinh Trung Bộ số 81: Kinh Ghatikāra)

II. ĐỊNH NGHĨA THẦN THÔNG

+ Thần: là không lường được

+ Thông: là không có gì ngăn ngại

+ Thần thông: là năng lực phi thường, siêu vượt thế gian, là những phép màu, là những gì khó giải thích, Khoa học không giải thích được.

Ví dụ quý vị thấy bình thường mình đi trên mặt đất nhưng không thể đi dưới nước được. Người có thần thông thì đi được trên mặt nước. Ví dụ Thầy nói đây là cái ly nước, người có thần thông có thể biến ly nước này ra thành thứ khác được. Hoặc người có thần thông đang ngồi ở đây có thể biến một cái là ngồi ở chỗ kia, họ tàng hình, độn thổ, biến một người thành nhiều người…

Với cách nhìn của đạo Phật, những năng lực này không xuất phát từ bất kỳ một nguồn năng lực siêu nhiên nào, mà có từ những tiềm lực tâm linh dựa trên sự thông hiểu những động lực nội tại của tự nhiên, hoạt

động hoàn toàn nằm trong Luật Nhân Quả và "những phép lạ" chúng tạo ra cũng hoàn toàn tự nhiên.

Theo quyển Đạo Vô Ngại Giải *(Paṭisambhidāmagga)*, Ngài Xá-Lợi-Phất giải thích: Thắng trí hay thần thông *(Iddhi)*, có nghĩa là sự thành tựu.

III. QUAN NIỆM CỦA ĐỨC PHẬT VỀ THẦN THÔNG

1. Mục đích tu tập là đoạn tận khổ đau, không phải để có thần thông

Trong **Kinh Trường Bộ, bài 24. Kinh Ba-lê**. Lúc này có một vị Tỳ-kheo tên *Sunakkhatta* sau một thời gian tu tập nhưng không có thần thông nên đến thưa với Đức Phật hãy dạy thần thông cho mình:

"- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông.

- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Ngươi chứng được các pháp thượng nhân thần thông' chăng?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến

cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông chăng?'

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Ngươi chứng được các pháp thượng nhân thần thông; Ngươi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông'. Này kẻ ngu kia, như vậy thời Ngươi là ai và Ta là ai mà Ngươi nói chuyện từ bỏ.

- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh Pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?

- Bạch Thế Tôn, ***các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh Pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!***

(Trích Kinh Trường Bộ, bài 24. Kinh Ba-lê)

Ở đây, vị Tỳ-kheo Sunakkhatta đến thưa Đức Phật dạy cho ông phép thần thông, nếu không dạy thì ông bỏ tu. Đức Phật hỏi là Ngài có hứa khi ông tu thì

Ngài sẽ dạy ông thần thông hay không. Và khi ông vào tu cũng không nói với Đức Phật là tu mục đích để có thần thông. Vì vậy Ngài đã quở trách vị Tỳ-kheo này. Ý mấu chốt trong bài Kinh này đó là mục đích Đức Phật dạy Chánh Pháp cho chúng ta là: *"Để tận diệt khổ đau, phiền não, vô minh, tham ái, chấm dứt sanh tử luân hồi, chứng Thánh quả chứ không phải để có thần thông"*.

2. Sự nguy hiểm trong thần thông

Trong **Kinh Trường Bộ số 11. Kinh Kiên Cố**. Thầy tóm tắt đoạn Kinh như sau: Lúc này có vị cư sĩ trẻ tuổi *Kevaddha* đến tại chỗ Thế Tôn. Vị cư sĩ này nói ở đây là vùng Nālandā có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tôn kính Thế Tôn. Cư sĩ Kevaddha xin Thế Tôn chỉ giáo cho vị Tỳ-kheo nào đó thể hiện thần thông để có nhiều người thấy thần thông đó mà thêm tin tưởng, kính tin Phật, có lòng tin nơi Chánh Pháp và trở về với Tăng đoàn. Đức Phật dạy: *"Này Kevaddha, chính vì ta thấy sự nguy hiểm trong sự biến hóa thần thông mà ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ Biến hóa thần thông và Tha tâm thần thông"*. Trong bài Kinh này, Đức Phật nói về hai loại thần thông là Biến hóa thần thông (biến được nhiều hình tướng khác nhau) và Tha tâm thần thông (biết được tâm người khác). Sau đó Đức Phật đã quở trách Kevaddha.

Thầy nói ví dụ bây giờ nếu ai rủ mình vô chùa để lễ Phật, nghe Pháp, hành thiền, … có thể mình sẽ không

đi đâu nhưng hôm nào quý vị vào ngôi chùa mà thấy vị Thầy đó đang ngồi rồi bay lên 3 mét và từ từ đáp xuống hoặc vị đó đang cầm ly nước thì nước trong ly sôi sùng sục, … Dạ khỏi ai rủ, lần sau quý vị cũng tự vô chùa đó nữa. Tức là tâm lý của chúng sanh mình là thích thần thông, thích biến hóa. Còn kêu mình vào chùa nghe Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo thì phải suy nghĩ lại. Cho nên Thầy thưa đại chúng, nãy giờ mình học qua hai bài Kinh thì thấy là mục đích thực sự của tu tập không phải để có thần thông. Trong đó có một loại thần thông được Đức Phật khuyến khích sử dụng, lát nữa ở phần sau Thầy sẽ nói và Thầy cũng muốn đại chúng mình dùng loại thần thông này.

3. Tại sao Đức Phật không khuyến khích dùng thần thông?

Có trường hợp ông trưởng giả *Maluta* để cái bát trên cây cao 20 thước, ông hỏi ai có thể dùng thần thông bay lên lấy cái bát đó được. Lúc này vị Tỳ-kheo đệ tử của Đức Phật tên *Pindola* đã xin Thầy Mục-Kiền-Liên cho phép dùng thần thông bay lên để lấy bát. Sau đó dân chúng và ngoại đạo thấy đệ tử Phật bay lên cao như vậy nên kéo nhau về tinh xá Trúc Lâm *(Veḷuvana)*. Sau khi hỏi chuyện thì Đức Phật mới biết vị Tỳ-kheo Pindola sử dụng thần thông nên rầy la hai vị Tỳ-kheo. Đức Phật dạy không được dùng thần thông để thể hiện như vậy, chỉ được dùng thần thông để giáo hóa chúng sanh chứ không ngoài mục đích nào khác.

Đối với Đức Phật thì thần thông của Ngài là số một, nếu không tính Đức Phật thì trong các vị đệ tử của Ngài, bên Tăng chúng có Thầy Mục-Kiền-Liên là thần thông đệ nhất, bên Ni chúng có Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc và còn nhiều vị khác cũng có thần thông nhưng không phải là đệ nhất. Đại chúng nhớ giùm Thầy chi tiết là không phải vị Thánh A-La-Hán nào cũng có thần thông. Vị Thánh nào trước khi đắc quả Thánh mà đã tu tập Thiền Định và đắc Thiền (Tứ thiền, Bát thiền) thì vị ấy có thần thông. Còn có một số vị Thánh chỉ tu tập Thiền Quán rồi đắc Thánh thì không có thần thông, vị này chỉ có một thần thông thôi (lát nữa Thầy sẽ giảng loại thần thông này ở phần sau).

Một câu hỏi được đặt ra là tại sao Đức Phật không khuyến khích dùng thần thông?

☞ **Lý do thứ nhất**: vì mục đích, lý tưởng cuối cùng của cuộc đời phạm hạnh đó là đoạn tận khổ đau.

Đức Phật không khuyến khích các vị Thánh dùng thần thông nhưng trong cuộc đời của Đức Phật và các Ngài vẫn có một vài lần dùng thần thông để tùy duyên hóa độ chúng sanh. Nhưng trên tinh thần chung, Đức Phật không khuyến khích, nhất là các vị chưa chứng Thánh là không được dùng thần thông.

☞ **Lý do thứ hai**: vì một chữ THƯƠNG, nghĩa là Đức Phật thương cho những người đệ tử sau này. Vì tâm lý của cư sĩ và những người ngoại đạo khi vào học Pháp,

nếu thấy vị nào mà có thị hiện thần thông, có những năng lực màu nhiệm thì họ nghĩ rằng đó chính là thành tựu của đời sống phạm hạnh, mục đích cao tột của đời tu là để có thần thông. Khi đó họ sẽ có tâm phân biệt, người nào có thần thông mới là thành công trong tu tập và đi theo vị đó. Ở đây, Đức Phật không khuyến khích dùng thần thông vì Ngài thương, sợ sau này ai nhìn vào các vị Thánh đều nhìn ở chỗ có thần thông hay không mà không quan trọng phạm hạnh.

Sau khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề thì bài Pháp đầu tiên Ngài thuyết đó là Kinh Chuyển Pháp Luân cho năm anh em Ngài Kiều-Trần-Như tại Vườn Nai. Với thần thông của Đức Phật thì chỉ cần Ngài búng tay là có mặt ở Vườn Nai liền nhưng ở đây Ngài không dùng thần thông mà đi bộ từ Bồ Đề Đạo Tràng đến Vườn Nai, đoạn đường dài hơn 250 km. Lý do vì Đức Phật biết rằng trên đoạn đường đi Ngài sẽ gặp một vị du sĩ và đúng như vậy. Vị du sĩ ngoại đạo này tên *Upaka*, ông thấy Đức Phật đẹp quá nên hỏi Phật là ai. Đại ý Phật trả lời Ngài là **Người Chiến Thắng**. Và ông du sĩ Upaka gọi Phật là bạn của ông. Sau khi nói chuyện xong thì ông đi, ông không có giác ngộ gì cả. Nhưng trong tâm niệm của ông, ông có một người bạn và người bạn đó tên là Người Chiến Thắng.

Câu chuyện này Thầy đã kể chi tiết trong bài **Bảy lý do nên học Phật Pháp** rồi nên ở đây Thầy chỉ kể tóm tắt lại thôi. Sau đó ông Upaka thực tập khổ hạnh

rồi có duyên lấy cô vợ tên *Cāpā*. Sau buổi đi đốn củi về thì vô tình ông nghe được cô vợ ru con thế này:

"Ầu ơ... ru con, con ngủ cho ngoan
Cha con ẩn sĩ lượm thịt săn giữa rừng
Ầu ơ... ẩn sĩ rớt bát nửa chừng
Vì con, vì vợ còng lưng tháng ngày!"

Khi nghe vợ ru con như vậy nên ông du sĩ tự ái và tức giận, ông bỏ đi tìm người bạn tên Người Chiến Thắng của ông (Đức Phật). Sau khi gặp Đức Phật và một thời gian tu tập thì vị này đắc Thánh. Ở đây muốn nói là ông du sĩ này lần đầu gặp Phật không ngộ nhưng đó là cái duyên để sau này ông đắc. Và vì Đức Phật đi bộ chứ không dùng thần thông nên mới gặp ông du sĩ này.

Thêm một chi tiết nữa là khi Đức Phật nhập Niết Bàn tại khu rừng Sālā xứ Kusinārā thì Thầy Đại-Ca-Diếp *(Mahā Kassapa)* chưa về đến. Lúc này đang trong thời gian hỏa thiêu Đức Phật thì "kim thân" của Ngài không cháy. Lý do không cháy vì khi Đức Phật nhập Niết Bàn là ngày đau buồn nhất của thế gian này, khi đó các vị chư Thiên xuống khóc than, rơi lệ vì sự ra đi của một Người vĩ đại như vậy. Trong số chư Thiên đó có những vị là đệ tử của Thầy Kassapa. Khi họ xuống thì không thấy Thầy Kassapa nên đã tác động để không thể thiêu được, chờ đến lúc Thầy Kassapa về. Lúc này quý vị biết là sau khi nghe Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn thì Thầy đi bộ về Kusinārā chứ không dùng thần thông.

Trên đường về thì Thầy gặp vị Tỳ-kheo *Upananda* mới gia nhập Tăng đoàn không bao lâu. Người ta nghe tin Đức Phật tịch diệt Niết Bàn thì buồn lắm nhưng vị Tỳ-kheo này lại vui. Thầy Kassapa hỏi lý do vui thì vị này trả lời là từ nay sẽ không còn ai rầy la, kiểm soát hay bắt phải tu thế này thế kia nữa vì Đức Thế Tôn đã không còn.

Lý do phía sau là như thế này: Tỳ-kheo Upananda cùng với người cha trước khi đi tu là làm nghề hớt tóc. Sau khi tu rồi thì có một lần Đức Phật về quê chỗ vị này thì vị này muốn cúng dường đến Đức Phật nhưng lúc đi tu thì không có tiền. Vì vậy Tỳ-kheo Upananda mới ra chỗ làng để hớt tóc miễn phí. Dù là miễn phí nhưng ai muốn cho tiền thì cho, Tỳ-kheo này mới lấy số tiền hớt tóc đó nấu bữa ăn thịnh soạn cúng dường Đức Thế Tôn. Khi biết chuyện Ngài đã rầy la vị Tỳ-kheo. Sau đó vị này bỏ Phật, chỉ tu theo Thầy Kassapa thôi.

Ở đây Thầy muốn nói chi tiết là Thầy Kassapa đi bộ về chứ không dùng thần thông. Vậy thì Đức Phật không khuyến khích dùng thần thông vì Ngài thương các vị đệ tử sau này. Khi người ta vào Đạo thì chỉ tìm vị nào có thần thông thôi, chứ họ không tìm đến tu học với vị có trí tuệ, đa văn, phạm hạnh, … Và họ sẽ nghĩ rằng mục đích của đời tu đó là có thần thông.

☞ **Lý do thứ ba**: Nếu chúng ta tu tập và có thần thông nhưng phiền não, ngã mạn vẫn còn nhiều thì ngay việc

có thần thông sẽ là sự cản trở trong tu tập để đạt đến mục đích cuối cùng của đời tu là đắc quả Thánh, chấm dứt luân hồi, phiền não, khổ đau.

IV. CÁC LOẠI THẦN THÔNG

Có sáu loại thần thông:

1/ Thần túc thông	2/Thiên nhĩ thông
3/ Tha tâm thông	4/ Túc mạng thông
5/ Thiên nhãn thông	6/ Lậu tận thông

1. Phân loại dựa theo năng lực siêu xuất Tam giới

☞ Thần thông thế gian (Thần thông hiệp thế): gồm 5 thông đầu tiên. Những vị không tu theo Phật, hoặc trong thời kỳ không có Phật thì người luyện thần thông vẫn chứng được 5 loại thông hiệp thế này. Dĩ nhiên là trong mức độ nào đó thôi chứ không bằng các vị Thánh.

☞ Thần thông xuất thế gian: Lậu tận thông. "Lậu" nghĩa đen là rỉ chảy. Ý Đức Phật muốn nói là phiền não luôn luôn rỉ chảy trong tâm thức của mình, nói dễ hiểu "lậu" là phiền não, kiết sử. Lậu tận thông là thần thông chấm dứt, đoạn tận phiền não, kiết sử. Đắc loại thần thông này chỉ có bậc Thánh A-La-Hán mới đắc thôi. Vậy chỉ trong Phật Pháp mới có loại thần thông này.

Lúc nãy Thầy có nói chi tiết, có những vị Thánh đắc A-La-Hán không luyện thần thông thì vị này chỉ có một thông đó là Lậu Tận Thông. Còn 5 loại thông kia nếu các vị muốn có thì phải đắc Thiền.

*** Chánh Kinh và phân tích:**

Trong **Kinh Tăng Chi, Chương 5 Pháp, Phẩm Năm Phần, bài Kinh số 23 - Các Uế Nhiễm**:

"...Tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi. Có năm uế nhiễm này của tâm, này các Tỷ-kheo, do năm uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn, không chơn chánh, định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

Và khi nào, này các Tỷ-kheo, tâm được giải thoát khỏi năm uế nhiễm ấy; khi ấy tâm ấy được nhu nhuyến, dễ sử dụng, sáng chói, không bể vụn, chơn chánh, định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đây, tại đấy vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào..."

Ở đây Đức Phật nói một vị khi tâm định tĩnh rồi thì hướng về các thần thông và sau đó Đức Phật nói về 6 loại thần thông.

1.1. Thần Túc Thông (Biến hóa thông/ Đa dạng thông)

*"...Nếu vị ấy ước muốn, '**Ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân**, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi qua hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm, như trên đất liền; ngồi kiết-già hay đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên'. Tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào..."*

Lâu nay quý vị hay nghe Thần túc thông thì nay được đọc chính thức trong Chánh Kinh. Coi chừng đại chúng học xong bài này rồi bữa sau không thấy vô lớp học nữa. Lý do là bận đi luyện thần thông rồi. Chúng ta chỉ học cho biết thôi, tu đắc thiền thì có thần thông. Ở phần sau mình sẽ học về 10 nguyên nhân sanh thần thông, trong đó có nguyên nhân là phải đắc thiền mới có thần thông. Thầy nói ví dụ con chim bay được, đó là một loại thần thông nhưng loại thông này không phải do Định mà có, mà nó phát sanh do nghiệp. Có một số ngạ quỷ biến hình và bay được, đó là loại thần thông do nghiệp phát sanh. Quý vị nghe về thần thông thích lắm đúng không? Cho nên ngay từ đầu bài Thầy có nói mục đích của đời tu không phải để có thần thông mà là

đoạn tận khổ đau, chấm dứt phiền não. Tuy nhiên trong lúc tu đó mà có được thần thông thì là thêm phương tiện độ sanh.

Thầy dành chút thời gian để nói thêm về loại Đa dạng thông (Thần túc thông). Đa dạng thông có 3 loại:

- **Adhiṭṭhānā iddhi**: Đa dạng thông thành tựu do năng lực phát nguyện trở thành nhiều phép thần thông như sau:

- Một người phát nguyện trở thành hằng trăm người, hằng ngàn người, ...

- Hằng trăm người, hằng ngàn người, … phát nguyện trở thành một người.

- Hiện hình đến một nơi do ý muốn.

- Tàng hình không cho ai thấy.

- Hiện hình cho mọi người đều thấy.

- Đi xuyên ngang qua tường thành, như đi chỗ trống.

- Đi xuyên ngang qua núi đá, như đi chỗ trống.

- Làm cho mặt đất trở thành mặt biển, rồi lặn xuống.

- Làm cho mặt biển trở thành mặt đất, đi lại được.

- Bay nhanh trên hư không, như các loài chim.

- Chui xuống mặt đất, như lặn xuống nước.

- Tay sờ đụng mặt trăng, mặt trời.

- Xuất hiện lên cõi trời Dục-giới, cõi trời Sắc-giới.

- Phép thần thông này có khả năng phát nguyện trở thành ra nhiều phép khác nhau, ...

- **Vikubbanā iddhi**: Đa dạng thông thành tựu do năng lực biến hóa ra nhiều loài chúng sinh, biến hóa ra loại nào, hành giả trở thành loại ấy, như sau:

- Biến hóa ra trở thành đứa trẻ con, ông già, ...

- Biến hóa ra trở thành chư Thiên, Phạm Thiên, ...

- Biến hóa ra trở thành Long nam, voi, ngựa, ...

- Biến hóa thành rừng, núi, sông, hồ, đại dương, chùa, tháp, xóm nhà, …

- Phép thần thông này có khả năng biến hóa ra trở thành nhiều phép khác nhau, ...

- **Manomayā iddhi**: Đa dạng thông thành tựu do năng lực của tâm như sau:

- Hóa ra người khác hoạt động tự nhiên phát xuất từ tâm của mình, còn hành giả vẫn là tự nhiên, không có gì thay đổi.

1.2. Thiên Nhĩ Thông

Nói dễ hiểu, Thiên nhĩ thông là loại thần thông có thể nghe xa được. Ai mà nói xấu mình thì mình nghe hết. Quý vị nghe Thầy đọc tiếp về loại thông này nguyên bản trong Kinh:

*"...Nếu vị ấy muốn: '**Với thiên nhĩ thanh tịnh**, siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài Người, xa và gần'. Tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào..."*

Với Thiên nhĩ thông thì Đức Phật có thể nghe loài bàng sanh nói chuyện với nhau. Có một lần Đức Phật dùng Thiên nhĩ thông trong trường hợp của Trưởng lão Tissa. Tỳ-kheo Tissa được người chị cúng dường một tấm y rất đẹp, khi dự định ngày mai đắp y thì đêm hôm ấy Ngài bị bệnh và qua đời. Sau khi chết thì Ngài Tissa lưu luyến tấm y nên tái sanh làm con rệp nằm trong tấm y đó. Theo luật Tỳ-kheo, một vị Tỳ-kheo mất thì y của vị đó sẽ cắt chia ra. Lúc này với Thiên nhĩ thông, Đức Phật nghe được tiếng con rệp đang khóc. Vì vậy Ngài dạy Thầy A-Nan để 7 ngày sau mới chia tấm y ra. Tại sao Đức Phật dạy 7 ngày mới chia y? Vì với trí tuệ của Ngài, Ngài biết được con rệp này chỉ phải ở thân rệp trong 7 ngày thôi, sau đó sẽ tái sanh cõi Trời. Nhưng nếu có ai tác động chia tấm y thì con rệp sẽ nổi tâm sân, và với tâm sân đó nó sẽ phải đọa cảnh giới xấu. Trong tích truyện này là Đức Phật dùng Thiên nhĩ thông. Cho

nên Thầy nói, đặc biệt chúng ta là phàm phu thì dễ dính vô tâm tham với những gì thích, vừa ý; còn những gì không thích thì nổi tâm sân nên mình ráng tu tập kiểm soát tâm.

1.3. Tha Tâm Thông

Quý vị hay nói câu: *"Tui là đi guốc trong bụng anh"*. Tha tâm thông là thần thông có thể biết được tâm của người khác. Ví dụ mình nói chuyện với Ông A thì biết ông đang nghĩ gì, nói chuyện với Chị B thì biết Chị B đang nghĩ xấu về ai. Trong Chánh Kinh, Đức Phật dạy về Tha tâm thông:

*"...Nếu vị ấy ước muốn: 'Mong rằng **với tâm của mình có thể biết được tâm của các loại chúng sanh khác**, tâm của loài người khác nhau như sau: 'Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không tham, biết là tâm không tham. Tâm có sân biết là tâm có sân. Tâm không sân, biết là tâm không sân. Tâm có si biết là tâm có si. Tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát'. Tại đấy, tại*

đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào…"

Cách luyện tập phép Tha tâm thông:

Nếu hành giả chưa có sự thuần thục trong phép Tha Tâm Thông này thì nên thực tập phép Thiên Nhãn Thông trước, để suy xét màu của máu có trong tim, nếu tính chất của tâm như thế nào thì màu của máu cũng bị thay đổi như thế ấy. Ví dụ:

- Nếu người có tính Tham thì máu có màu đỏ đậm;

- Nếu người có tính Sân thì máu có màu đen;

- Nếu người có tính Si thì máu có màu như nước rửa thịt;

- Nếu người có tính Suy Diễn thì máu có màu đậu đen;

- Nếu người có tính Tín thì máu có màu vàng;

- Nếu người có tính Giác thì máu có màu hồng trong sáng, ...

Khi hành giả có phép Thiên nhãn thông thấy màu máu của người ấy mà suy đoán tâm của họ. Về sau, đã thuần thục cách luyện tập phép Tha tâm thông, hành giả chỉ cần phát nguyện rằng:

"Xin cho tôi biết rõ tâm của người ấy".

Đại chúng học về loại thông này có thấy thích không? Thầy hay nói vui, nếu Thầy biết quý vị đang nghĩ gì về Thầy chắc Thầy giảng không nổi, Thầy cho hồi hướng sớm. Đôi lúc chúng ta tu chưa giỏi mà biết được tâm người khác, ví dụ có người ở ngoài thì vui vẻ nói cười, trong lòng thì nói xấu, hãm hại mình…thì có thể chúng ta phiền não và đắm vào con đường luyện thần thông mà bỏ quên mục đích của việc tu tập.

1.4. Túc Mạng Thông

Túc mạng thông là loại thông nhớ về các kiếp quá khứ của mình và của người khác: 1 kiếp, 2 kiếp, 5 kiếp, 100 kiếp, 1.000 kiếp,… Biết được tiền kiếp của mình và của người khác sinh ra ở đâu, làm nghề nghiệp gì, sinh ở loài nào: chư Thiên, loài người hay bàng sanh,…

*"…Nếu vị ấy ước muốn: 'Ta sẽ **nhớ đến nhiều đời sống quá khứ**, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp'. Vị ấy nhớ rằng: 'Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ở đây'.*

Tại chỗ, tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào…"

Tùy vào năng lực thần thông của vị đó, vì có những vị chỉ biết được kiếp trước hoặc 3 kiếp, 5 kiếp thôi. Hôm trước Thầy có kể câu chuyện vị Tỳ-kheo đó nhập Hạ mà có bà lão hộ độ, vị này khởi tâm muốn ăn gì thì bà biết và nấu món đó. Sau một thời gian tu tập thì vị Tỳ-kheo đắc Túc mạng thông và quán chiếu được 99 kiếp trước vị này và bà lão là hai vợ chồng, nhưng kiếp đó là bà lão (người vợ) hại Thầy (người chồng). Tiếp theo Thầy quán xét kiếp thứ 100 thì bà lão tha mạng cho Thầy. Cho nên tùy thần thông đến đâu mà quán xét được bao nhiêu kiếp.

Với loại thần thông này, mình có thể nhìn người đó và biết tại sao kiếp này họ thông minh. Vì tiền kiếp họ có tu tập, có học Pháp, có hành thiền, thường cúng dường, bố thí, hỗ trợ cho người khác học, hỗ trợ các em bé có điều kiện đến trường, … nên kiếp này họ thông minh, có trí tuệ. Ví dụ mình thấy ông đó giàu quá nên dùng thần thông quán xét thì thấy kiếp trước ông này không làm phước, kiếp thứ 2, kiếp thứ 3, … cũng không làm phước gì hết nhưng đến kiếp thứ 10 thì thấy ông này làm phước bố thí, cúng dường rất nhiều. Và với phước ở kiếp thứ 10 nên quả trổ ở kiếp hiện tại ông rất giàu. Cho nên chưa chắc chúng ta làm phước đời trước mà đời này trổ quả vì vòng nghiệp duyên là như vậy, chúng ta luôn bị động.

Ở đây không tính Đức Phật thì có 4 vị Thánh có thể nhớ được nhiều kiếp nhất, không phải vị Thánh đệ tử nào cũng nhớ được nhiều kiếp cả vì tùy duyên lành Ba-la-mật, công phu tu tập của các Ngài nữa. Bốn vị có khả năng nhớ về tiền kiếp lâu nhất đó là:

- Ngài Xá-Lợi-Phất *(Sāriputta)*: trí tuệ đệ nhất.

- Ngài Mục-Kiền-Liên *(Mahāmoggalāna)*: thần thông đệ nhất.

- Ngài Bạc-Câu-La *(Bakkula)*: đệ nhất thiểu bệnh.

- Ngài Da-Du-Đà-La *(Yasodharā)*: đệ nhất thắng trí. Đây là vị Thánh Ni tròn trịa cả 5 thông.

Thầy nhắc lại, Túc mạng thông là loại thần thông mà mình có thể biết được nhiều kiếp của mình và người khác: sinh ra ở đâu, tên gì, nam hay nữ, dòng họ nào, tuổi thọ, giai cấp, nghề nghiệp, chết ở đâu, sau khi chết tái sanh cảnh giới nào, … Quý vị có muốn biết kiếp trước của mình không? Nhìn cười cười vậy chứ Thầy biết quý vị muốn có loại thần thông này lắm. Giờ chẳng lẽ Thầy hỏi có muốn không mà con trả lời muốn thì sợ Thầy la, rồi Thầy nói tụi con có thần thông là đi khác với con đường phạm hạnh…mà nói không muốn là đang dối lòng. Thầy nói vui vậy chứ Thầy khuyên đại chúng đừng cố gắng để có thần thông biết được quá khứ, khi quý vị tu tập đến một mức độ nào đó thì cũng có thể biết được ít nhiều về tiền kiếp của mình.

Thầy được biết có một số vị hành thiền và biết được tiền kiếp của mình ở đâu. Có vị đó giỏi về ngôn ngữ lắm, khi vị này hành thiền và quán đời trước thì biết kiếp trước mình ở bên Châu Âu nên dù tái sanh ở Việt Nam nhưng từ nhỏ đã giỏi ngôn ngữ. Ví dụ như quý vị hay thấy hiện tượng thần đồng: giỏi Toán, giỏi Văn, giỏi Âm nhạc, … từ nhỏ. Đôi lúc chúng ta bỏ ra rất nhiều năm để học nhưng không giỏi bằng các em nhỏ này. Hôm nay quý vị học bài này thì đã giải thích được hiện tượng thần đồng rồi nha. Đó là kiếp quá khứ của các em đã rất giỏi về những bộ môn này rồi nên sau khi tái sanh, những cái giỏi đó trổ trong kiếp này. Nếu cha mẹ biết được khả năng của con mình thì tập trung phát triển cho các em đúng mảng đó. Còn đa phần chúng ta chỉ biết chắc là mình đã đi qua nhiều kiếp, máu và nước mắt đổ ra trong vòng luân hồi này nhiều hơn biển ở đại dương; mộ phần của mình nằm xuống nhiều như núi, … Đức Phật dạy: *"Này quý Thầy, như thế là quá đủ để nhàm chán. Đây là gốc cây, đây là ngôi nhà trống. Các Thầy hãy tinh tấn hành thiền"*. Chúng ta học Phật Pháp rồi nghe câu này mới thấy thấm. Lúc trước Thầy học mà nghe câu này thì Thầy nghĩ là tu phải yêu đời chứ sao lại nhàm chán. Sau này Thầy mới hiểu, mình phải tu tập làm sao mà thấy dòng sanh tử này mà nhàm chán nó, muốn buông nó. Và khi chúng ta nhàm chán dòng sanh tử thì mình mới học cách để buông. Giống như khi quý vị nổi tâm sân thì giống như mình đang uống thuốc độc, kết oán thù, tâm

bất thiện, … đủ thứ chuyện hết nên khi thấy được sự nguy hiểm của tâm sân thì chúng ta luyện tập rải Tâm từ để bỏ tâm sân. Cũng vậy, khi quý vị thấy sự nguy hiểm của vòng luân hồi thì chúng ta mới nhàm chán và chịu tu tập để đi ra luân hồi. Ở đây quý Phật tử đã học về Túc mạng thông để thấy được bao nhiêu kiếp mình đã đi qua mà nhàm chán vòng luân hồi sanh tử này. Bây giờ mình còn ngồi đây nhưng không biết khi nào đi, và đi về đâu.

1.5. Thiên Nhãn Thông

Thiên nhãn thông là thần thông có khả năng thấy biết rõ nhiều chúng sanh trong các cõi. Khi có loại thông này thì vị ấy có thể thấy được các chúng sanh ở cõi nào, với thiện nghiệp nào mà họ sanh ở cõi đó. Ví dụ mình có thiên nhãn thông thấy được Ông A sau khi chết sanh vào cõi Trời, với thiện nghiệp quá khứ nên ông có lâu đài, hào quang sáng chói, … Chánh Kinh Đức Phật dạy về Thiên nhãn thông:

*"…Nếu vị ấy ước muốn: '**Với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân**, ta thấy sự từ bỏ và sanh khởi của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các vị chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.*

Các vị chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những vị này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi lành, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh, ta có thể rõ biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ'. Tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào…"

Với loại Thiên nhãn thông cũng tùy mỗi người, chứ không phải người nào cũng có khả năng thấy giống nhau vì duyên lành Ba-la-mật của mỗi người là khác nhau. Với Đức Phật, Ngài nhìn và biết được vị đó sau này sẽ là bậc Thánh A-La-Hán hay Đức Phật Độc Giác hay Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Ví dụ với Thiên nhãn thông, Đức Phật biết được vua Ba-Tư-Nặc *(Pasenadi)* sau này sẽ là Phật Chánh Đẳng Giác trong tương lai. Trong bài **Kinh Phân Biệt Cúng Dường,** Thầy có giảng về Tỳ-kheo *Ajita* tương lai sẽ là Đức Phật Di Lặc *(Metteyya)*. Dạ xoa *Rāhu* to lớn nhất trong Tam giới là Phật Chánh Đẳng Giác tương lai. Voi *Nāḷāgiri* bị cho uống rượu say để hại Đức Phật sẽ là Phật Chánh Đẳng Giác trong tương lai…Vậy với loại Thiên nhãn thông này, Đức Phật biết được rằng vị này tạo nghiệp gì và tương lai sẽ thành bậc Thánh A-La-Hán hay Đức Phật Độc Giác hay Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Ngài A-Nậu-Lâu-Đà *(Anuruddha)* được Đức Phật tán thán là Đệ nhất thiên nhãn. Có lần Ngài hỏi Đức Phật một câu hỏi mà chúng ta đã được học trong bài **Nữ Nhân**:

"...Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

*- Ở đây, bạch Thế Tôn, **với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân**, con thấy phần lớn các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do đầy đủ với bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?*

- Do đầy đủ ba pháp, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

- Ở đây, này Anuruddha, nữ nhân:

+ Vào buổi sáng sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của XAN LẪN (lúc thiếu niên)

+ Vào buổi trưa sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của TẬT ĐỐ (lúc trung niên)

+ Vào buổi chiều sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh cấu uế của DỤC THAM (lúc già)

- Do đầy đủ với ba pháp này, này Anuruddha các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

(Kinh Tăng Chi - Chương III Pháp - 127. Anuruddha)

Thưa đại chúng, Ngài A-Nậu-Lâu-Đà đã dùng Thiên nhãn thông và thấy được đa phần Nữ nhân sau khi mất bị đọa vào bốn cõi khổ nên Ngài đã hỏi Đức Phật lý do vì sao lại có trường hợp như vậy. Đức Phật trả lời là có ba nguyên nhân đó là: Tham lam, Đố kỵ và Keo kiệt.

Nhân đây Thầy cũng nói thêm một số chi tiết để quý vị có thêm kiến thức về loại thần thông này. Thiên nhãn thông có hai loại:

- **Yathākammūpaga abhiññā**: Phép thần thông này có khả năng thấy rõ, biết rõ chúng sanh sinh trong cõi giới ấy theo nghiệp của họ. Hành giả có phép thần thông *(abhiññā)* này thấy rõ, biết rõ đại thiện nghiệp hoặc ác nghiệp của tất cả chúng sanh đã cho quả tái sinh trong các cõi giới khác nhau, và thấy rõ, biết rõ chúng sanh ấy đang hưởng quả an lạc của đại thiện nghiệp của họ hoặc đang chịu quả khổ của ác nghiệp của họ đã tạo trong kiếp trước.

- **Anāgataṃsa abhiññā**: Phép thần thông này có khả năng thấy rõ, biết rõ kiếp vị lai: Hành giả có phép thần thông này có khả năng thấy rõ, biết rõ chính mình

và chúng sanh khác trong kiếp vị lai, nghiệp nào sẽ cho quả tái sinh kiếp sau trong cõi giới nào, và còn thấy rõ, biết rõ kiếp ấy thuộc loài chúng sanh nào, hưởng quả an lạc của đại thiện nghiệp của họ, hoặc chịu quả khổ của ác nghiệp của họ.

* Đối với Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Thiên nhãn thông có 2 loại trí tuệ đặc biệt là:

- **Cutūpapātañāṇa**: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử và sự tái sinh của tất cả chúng sanh. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ này nên thấy rõ, biết rõ tất cả chúng sanh sau khi chết, nghiệp nào cho quả tái sinh kiếp sau trong cõi giới nào, hưởng quả an lạc của thiện nghiệp của họ như thế nào, hoặc chịu quả khổ của ác nghiệp của họ như thế nào, ...
- **Anāgataṃsañāṇa**: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp vị lai của tất cả chúng sanh. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ này nên thấy rõ, biết rõ kiếp vị lai của tất cả chúng sanh, cho nên Đức Phật thọ ký chúng sanh ấy còn lại thời gian bao nhiêu A-tăng-kỳ nữa sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoặc Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh văn giác của Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu nào trong thời kỳ vị lai.

1.6. Lậu Tận Thông (Trầm Luân Tận Thông)

Như ở đầu bài Thầy có giải thích, "lậu" nghĩa đen là rỉ chảy. Ý Đức Phật muốn nói là phiền não luôn luôn rỉ chảy trong tâm thức của mình. Lậu tận thông là thần

thông có khả năng diệt tận được các phiền não, chứng được 4 Đạo – 4 Quả. Tất cả bậc Thánh A-La-Hán đều có loại thần thông này, và vị nào có loại thần thông này nghĩa là đắc A-La-Hán bởi vì Thánh A-La-Hán là đoạn tận phiền não. Trong tất cả 6 thần thông thì vị đắc A-La-Hán ít nhất sẽ có loại thông này. Còn vị Thánh nào trước khi đắc quả vị Thánh mà có tu tập thiền Định, có luyện thần thông sẽ có các loại thần thông kia nữa tùy vào công phu tu tập và duyên lành Ba-la-mật. Riêng Lậu tận thông chỉ có trong Phật Pháp. Nếu có ai hỏi vì sao loại thông này chỉ có trong đạo Phật thì đại chúng giải thích được không? Lý do vì một vị khi có Lậu tận thông nghĩa là vị đó đã chấm dứt phiền não kiết sử, mà chỉ có bậc Thánh A-La-Hán mới đoạn tận được tất cả phiền não được thôi, và chỉ trong thời kì có Phật Pháp mới có bậc Thánh A-La-Hán. Đức Phật dạy về loại thông này trong Chánh Kinh như sau:

"...Nếu vị ấy ước muốn: 'Do ***đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát****'. Tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào."*

Thưa đại chúng, hôm sau chúng ta sẽ học tiếp phần 2 và phần 3 đó là phân loại thần thông dựa theo phương tiện hỗ trợ chúng sanh trở về với Giáo Pháp, 10 cách phát sanh thần thông và tu như thế nào để có thần thông. Thầy xin tóm tắt lại bài giảng ngày hôm

nay: ở phần 1 về thần thông Thầy định nghĩa Thần thông là những phép màu, những phép lạ siêu nhiên vượt thế gian, những cái mà khoa học khó chứng minh. Với quan niệm của Đức Phật thì Ngài không khuyến khích dùng thần thông vì mục đích cuối cùng của đời tu tập đó là đọan phiền não, đắc Thánh quả chứ không phải để có thần thông. Lý do Đức Phật không khuyến khích các đệ tử dùng thần thông vì Ngài thương, Ngài thấy được tâm của chúng sanh sau này khi vào đạo sẽ không tìm những vị Thầy có đức độ, có Pháp Học, Pháp Hành, có tu tập theo Chánh Pháp mà họ đi tìm những vị có thần thông trong khi người tu theo ngoại đạo vẫn có thần thông. Đức Phật thương chúng sanh sau này sẽ đi lạc đường, không đi đúng Chánh Pháp. Tuy nhiên, chúng ta hiểu rằng khi một vị tu tập đắc Thánh A-La-Hán thì mặc định vị ấy có ít nhất một loại thông đó là Lậu Tận Thông. Nếu chúng ta tu tập nghiêng về thần thông mà vẫn chưa đoạn tận phiền não thì sẽ ngã mạn, tự kiêu và đi lạc ra khỏi con đường Chánh Pháp. Chúc đại chúng một đêm an lành!

2. Phân loại thần thông dựa theo phương tiện hỗ trợ chúng sanh trở về với Giáo Pháp (có 3 loại)

2.1. Chánh Kinh:

Trong Kinh Tăng Chi Bộ - Chương 3 Pháp - Phẩm các Bà- la- môn - Bài 60. Sangārava:

"1- Này Bà-la-môn, có ba loại thần thông. Thế nào là ba? Thần thông biến hóa, thần thông ký thuyết, thần thông giáo hóa, và Bà-la-môn, ***thế nào là thần thông biến hóa****?*

Ở đây, này Bà-la-môn, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không, độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước, không nứt rẽ ra như trên đất liền, ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên.

2- Và này Bà-la-môn, ***thế nào là thần thông ký thuyết****?*

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên nhờ tướng: "Như vầy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tà tâm của Ông". Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên không nhờ tướng, nhưng nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, liền nói lên: "Như vầy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tà tâm của Ông". Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên không nhờ tướng, cũng không nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, nhưng sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư; sau khi suy tầm và suy tư liền nói lên: "Như vầy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông". Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, không nói lên nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, không nói lên sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư. Những thành tựu định không tầm không tứ, với tâm của mình biết rõ tâm của người khác tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông ký thuyết.

*3- Và như thế nào, này Bà-la-môn, là **thần thông giáo hóa**?*

Ở đây, này Bà-la-môn, có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này! Hãy đạt đến cái này và an trú!". Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông giáo hóa. Này Bà-la-môn, có ba loại thần thông này.

Trong ba loại thần thông này, Ông có thể chấp nhận loại thần thông nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn?

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, loại thần thông này: Ở đây có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không, độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước, không nứt rẽ ra như trên đất liền, ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. ***Loại thần thông này, đối với tôi, được xem tánh chất như là huyễn hóa.***

- Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây có người nói lên nhờ tướng: "Như vầy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông". Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Có người nói lên không nhờ tướng, nhưng nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, liền nói lên: "Như vầy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông". Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Có người nói lên không nhờ tướng, cũng không

nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, nhưng sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư; sau khi suy tầm và suy tư liền nói lên: "Như vầy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông". Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Có người không nói lên nhờ tướng, không nói lên nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, không nói lên sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư. Những thành tựu định không tầm không tứ, với tâm của mình biết rõ tâm của người khác tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. ***Loại thần thông này, đối với tôi, được xem tánh chất như là huyễn hóa.***

- *Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này! Hãy đạt đến cái này và an trú".* ***Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, tôi có thể chấp nhận là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba loại thần thông".***

Có ba loại thần thông là Thần thông biến hóa, Thần thông ký thuyết và Thần thông giáo hóa. Ba loại thông này hỗ trợ chúng sanh trở về với Giáo Pháp. Trong ba loại thông này thì Đức Phật khuyến khích chúng ta dùng Thần thông giáo hóa.

Thế nào là Thần thông giáo hóa? Là loại thông chỉ cho người hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy. Ví dụ có người nói: *"Thôi, làm thiện không cho quả thiện đâu, làm ác không có quả khổ đâu. Thiện ác là tự nhiên chứ không có nhân quả gì hết…"*. Quý vị thấy câu này đúng hay sai? Câu này sai nên mình nói với người đó: *"Không đâu, anh làm thiện sẽ cho quả vui, làm ác cho quả khổ, nhân quả cuộc đời là công bằng lắm!"*. Nghĩa là mình đang dùng Giáo hóa thần thông khuyến khích người đó hãy suy nghĩ thế này, đừng suy nghĩ thế kia. "Hãy tác ý như vậy, đừng tác ý như vậy…" nghĩa là quý vị tác ý cuộc đời này vô thường, là khổ, là vô ngã; cuộc đời này nếu chưa đắc Thánh thì chết sẽ vẫn còn tái sanh tùy theo nghiệp, … Vậy chúng ta có tác ý như những điều trên tức là tác ý đúng theo Tam Pháp Ấn, theo nghiệp lý, tác ý đúng theo sự thật của cuộc đời. Nói dễ hiểu, thần thông giáo hóa là mình chỉ cho người ta cái nào là thiện - bất thiện, là tốt - xấu, là đúng - sai để hướng dẫn, khuyến khích họ từ bỏ con đường tà kiến quay về chánh kiến, từ bỏ con đường mê lầm quay về con đường giác ngộ. Sau này ai hỏi quý vị, Đức Phật có khuyến khích dùng thần thông không thì mình trả lời như thế nào? Đức Phật chỉ

khuyến khích dùng Giáo hóa thần thông thôi. Như Thầy đang giảng cho đại chúng là Thầy đang dùng Giáo hóa Thần thông. Ví dụ quý vị gặp bạn bè: *"Bạn ơi tối thứ 2, 4, 6 vô lớp Giáo lý trên Zoom học để biết minh định thiện ác, biết cái nào là tốt xấu, đúng sai,…nếu bạn không học thì đôi khi việc đó mình tưởng đúng nhưng thật ra là sai. Như lúc trước mình chưa học thì cắm đầu cắm cổ, hết lòng làm. Sau này học ra mới thấy: 'Cuộc đời như buổi chợ đông, có khi vàng đổi cái không phải vàng'. Bao nhiêu tâm nguyện nên mình làm hết lòng, tâm mình là tâm bằng vàng nhưng lại làm điều sai. Có khi bạn giống mình vậy đó…"*. Hoặc quý vị rủ bạn đi phóng sanh, đi Chùa, tham dự khóa tu, nghe Pháp, … đó là chúng ta đang giúp người khác quay về con đường lành, đây là Giáo hóa thần thông. Với loại thông này thì ai cũng có thể dùng được, vấn đề là đại chúng giáo hoá được bao nhiêu người.

2.2. Phân Tích

- Thần thông biến hóa: thi triển khả năng đặc biệt khác người như hiện ra nhiều thân, biến hình, đi qua vách tường, độn thổ, phi hành trên không…

- Thần thông ký thuyết: xem tướng, nghe tiếng, suy tư, đọc tư tưởng… để nói cho người khác biết tâm của họ đang nghĩ gì.

• Thần thông giáo hóa: có khả năng đặc biệt giúp chúng sanh từ bỏ pháp bất thiện, nuôi dưỡng pháp thiện, chuyển hóa thân tâm họ hướng đến giải thoát.

➔ Trong 3 loại thần thông, Đức Phật không tán thành sử dụng hai loại đầu để cảm phục chúng sanh trở về với Giáo Pháp mà chỉ tán thành loại thứ 3 là thần thông giáo hóa, pháp thần biến duy nhất có khả năng đưa đến sự giải thoát khổ.

3. Phân Loại Dựa Theo Nguyên Nhân Phát Sanh Thần Thông (có 10 loại)

3.1. Thần Thông Do Chú Nguyện *(adiṭṭhānā iddhi)*:

Nghĩa là do lực chú nguyện mà vị ấy hướng tâm quyết định biến thân hữu hình theo như ý mong muốn.

- Biến một thân thành nhiều thân, nhiều thân trở về một thân: như trường hợp của Ngài *Yasa* trong đêm mà bỏ nhà đi tìm Đức Phật. Khi đang nghe Phật thuyết Pháp thì Ngài Yasa đắc Sơ quả. Người cha của Ngài đi tìm khắp nơi không thấy con nên ông đến tinh xá tìm Đức Phật để hỏi về tung tích của con trai ông. Lúc này Đức Phật dùng **thần thông do chú nguyện** để người cha dù đang ngồi cạnh nhưng không thể thấy được Ngài Yasa để Ngài tiếp tục tu tập đắc A-La-Hán. Trường hợp của Vua *Mahā Kappina* cùng 1.000 quan cận thần đi đến tinh xá tìm Đức Phật để tu tập. Khi vua cùng những vị quan đang nghe Đức Phật thuyết Pháp thì đắc Thánh A-La-Hán. Lúc đó, Hoàng hậu của vua

là bà *Anojā* cũng cùng 1.000 người vợ của những quan cận thần này đến tinh xá để nghe Đức Phật thuyết Pháp. Khi những người này đến thì Ngài dùng **thần thông chú nguyện** không cho họ thấy được Vua và những người kia. Sau một thời gian tu tập thì Hoàng hậu và các bà phu nhân cũng đắc Thánh quả. Hoặc trường hợp của Ngài *Cūḷapanthaka* dùng **thần thông do chú nguyện** hóa ra 1.000 vị Tỳ-kheo giống mình rồi hóa trở lại một thân. Nghĩa là Ngài chú nguyện từ 1 thân thành ngàn thân, rồi từ ngàn thân thành 1 thân…

"Trong các vị Tỷ-kheo của Ta có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Cūḷapanthaka. ***(Trích Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Người tối thắng)***.

- Hiện thân ra rồi biến mất; đi xuyên qua tường, qua núi, độn thổ, đi trên nước, ngồi xếp bằng phi hành trên hư không; chạm mặt trăng mặt trời; điều thân mình bay xa đến cõi trời Phạm Thiên…

3.2. Thần Thông Do Biến Hóa *(vikubbanā iddhi*):

Là từ bỏ hình dáng thông thường hiện ra hình dáng khác như từ người hóa thành con voi, con rắn; từ một người hiện ra nhiều người; từ người hiện ra hình tướng của một chú bé, người già hay chư Thiên,…Với loại thần thông này thì có một lần Ngài Mục-Kiền-Liên *(Mahāmoggalāna)* hóa thành Kim Sí Điểu thu phục Rồng chúa *Nandopananda*.

"Thần thông như là biến hình (đa dạng) là gì? Thế Tôn Sikhin, bậc Ứng Cúng và Giải Thoát Toàn Triệt, có đệ tử tên là Abhibhū. Đứng trong thế giới Phạm Thiên, vị này có thể truyền thông bằng tiếng với cõi mười ngàn thế giới. Vị ấy giảng Giáo Pháp bằng thân hữu hình, và vị ấy giảng Giáo Pháp bằng thân vô hình; vị ấy giảng Giáo Pháp với nửa thân dưới hữu hình, và vị ấy giảng Giáo Pháp với nửa thân trên vô hình. Vị ấy giảng Giáo Pháp với nửa thân trên hữu hình, và vị ấy giảng Giáo Pháp với nửa thân dưới vô hình. Vị ấy bỏ hình dáng bình thường và cho thấy hình dáng một cậu trai, của Nāga (rắn), hình dáng của Supaṇṇa (quỷ có cánh), hay hình dáng của thần linh, hay hình dáng của Đế Thích, hay hình dáng của chư thiên (ở cảnh trời Dục giới khác), hay hình dáng của Phạm Thiên (Brahmā), hay hình dáng của biển, hay hình dáng của núi, hay hình dáng của rừng, hay hình dáng của sư tử, hay hình dáng của cọp, hay hình dáng của báo, hay hình dáng của voi, hay vị ấy cho thấy chiếc xe ngựa, hay cho thấy người lính bộ, hay cho thấy cuộc dàn quân. Đây là thần thông như là biến hình (đa dạng)".

(Trích Vô Ngại Giải Đạo).

3.3. Thần Thông Do Ý Tạo Thành *(manomayā iddhi)*. Với ý, vị ấy hóa hiện thân sai khác theo như ý muốn, hoặc hoá hiện nhiều ảo thân giống như hiện thân.

3.4. Thần Thông Do Trí Sinh Ra (*ñāṇavipphārā iddhi*)

- Do trí sẽ sinh khởi: là trí đạo A-La-Hán sẽ sinh ra trong kiếp ấy.

- Ngài Bạc-Câu-La *(Bakkula)* cả đời không bao giờ bị bệnh, Ngài được Thế Tôn ca ngợi là Đệ nhất thiểu bệnh trong hàng đệ tử. Năm 80 tuổi Ngài đi tu, tu thêm 80 năm nữa thì Ngài tịch diệt Niết Bàn. Ba Mẹ của Ngài rất giàu có, lúc Ngài được sinh ra thì nữ tỳ ẵm Ngài xuống sông tắm. Lúc đang tắm có một con cá lớn nuốt chửng Ngài và bơi đi. Như một đứa bé bình thường nếu bị cá nuốt như vậy sẽ không sống nổi, nhưng Ngài Bakkula đời đó là đắc A-La-Hán nên Ngài không chết khi đang trong bụng cá. Người dân bắt được con cá, thay vì thông thường sẽ đâm vào bụng cá nhưng lần này họ lại mổ từ trên lưng và thấy Ngài đang nằm an lành trong bụng cá như đang ở trong cung điện. Lúc ấy cho hai vợ chồng trưởng giả giàu có nhận nuôi Ngài. Vậy là Ngài Bakkula có 2 cha và 2 mẹ. Ý Thầy muốn nói ở đây là Ngài Bakkula đời đó là có duyên đắc A-La-Hán, khi cái trí chưa thành tựu thì Ngài không thể chết được.

- Thời Đức Phật có một vị Thánh tên *Saṅkicca*. Khi Mẹ của Ngài mất thì dân làng mới đem thiêu, lúc này Ngài vẫn còn nằm trong bào thai Mẹ. Vào lúc hỏa thiêu xác bà, hài nhi được phát hiện và cứu sống nên

đặt tên là Saṅkicca (nghĩa là Vô sự) và Ngài chứng quả A-La-Hán lúc 7 tuổi. Như Thầy đã nói, một vị khi có duyên để đời đó đắc Thánh thì nếu trước khi chưa đắc Thánh, vị ấy không thể chết được. Nghĩa là với thần thông do trí chưa sanh khởi nên các Ngài không chết.

- Do trí đang sinh khởi: như quán xét vô thường tướng từ bỏ được thường tưởng, chứng A-La-Hán đạo…
- Do trí đã sinh khởi: là thần thông do trí A-La-Hán đạo đã sinh khởi, dứt trừ trọn vẹn mọi ô nhiễm do chứng đắc Thánh quả A-La-Hán.

"Thần thông do trí can dự là gì? Ý nghĩa của từ bỏ nhận thức về trường tồn thành tựu được nhờ quán vô thường, như vậy nó là thần thông do sự can dự của trí. Ý nghĩa của từ bỏ nhận thức về ***vui sướng*** *thành tựu được nhờ quán khổ não... Ý nghĩa của từ bỏ nhận thức về* ***ngã*** *thành tựu được nhờ quán không phải là ngã... Ý nghĩa của từ bỏ nhận thức về* ***ham thích*** *thành tựu được nhờ quán nhàm chán... Ý nghĩa của từ bỏ* ***tham*** *thành tựu được nhờ quán hết ham muốn... Ý nghĩa của từ bỏ* ***nguồn sanh khởi*** *thành tựu được nhờ quán đoạn diệt... Ý nghĩa của từ bỏ* ***bám níu*** *thành tựu được nhờ quán buông bỏ... như vậy nó là thành công do sự can dự của trí. Đã có thành công do sự can dự của trí ở tôn giả Bakkula. Đã có thành công do sự can dự của trí ở tôn giả Saṅkicca. Đã có thành công do sự*

can dự của trí nơi tôn giả Bhūtapāla. Đây là thành công do sự can dự của trí".

(Trích Vô Ngại Giải Đạo).

3.5. Thần Thông Do Định Sinh Ra *(samādhivipphārā iddhi)*: tức là vị này đắc Định rồi từ Định mà có thần thông. Nếu vị nào trong tiền kiếp đã đắc thần thông rồi thì đời này cần đắc Tứ Thiền và từ Tứ Thiền luyện thần thông. Còn vị nào đời trước chưa đắc Tứ thiền thì đời này phải đắc Tứ thiền (Thiền Sắc giới) và Tứ Không thiền (Thiền Vô Sắc giới), rồi từ đắc Tứ Không Thiền quay ngược lại Tứ Thiền và từ tâm Tứ Thiền mới luyện được thần thông.

- Trước khi đắc định: như từ bỏ được "năm pháp chướng ngại": Tham dục, Sân, Trạo hối, Hôn trầm, Nghi chứng đắc Sơ định; từ bỏ được "Tầm, Tứ" chứng đắc được Nhị định…
- Trong khi đắc định: như trường hợp Ngài *Sāriputta* đang an trú trong định Diệt Thọ Tưởng thì có một quỷ Dạ xoa tên *Nanda* đánh chùy vào đầu của Ngài vì có một số loài Dạ xoa không tin Tam bảo. Khi lấy chùy đánh như vậy thì một ngọn núi cũng có thể bể tan nát được. Nhưng đối với Ngài Sāriputta vì đang an trú trong Định nên Ngài không bị vấn đề gì cả. Đây là loại thông do Định sinh ra.
- Sau khi đắc định: nữ cư sĩ *Uttarā* có chồng không tin Phật nên không cho cô làm các thiện sự như

làm phước cúng dường, hộ trì Tam bảo. Cô Uttarā mới thuê kỹ nữ *Sirimā* hầu chồng thay cô. Sau một thời gian kỹ nữ Sirimā sanh tâm ganh tị nên đổ nồi bơ đang nấu sôi vào người cô nhưng lúc ấy cô đã đắc thiền về Từ tâm, cô liền an trú định từ tâm nên bơ chảy khỏi người như nước đổ lá sen mà cô Uttarā không bị ảnh hưởng gì… Lúc trước Thầy nghe đến đoạn này thì nghĩ chắc Phật chỉ nói vậy thôi nhưng không phải vậy nha quý vị, khi một người ở trong Định rồi thì có bị tạt dầu sôi hay bị cung tên bắn cũng không sao cả. Vấn đề là mình có ở trong Định đó được hay không thôi.

Đại chúng chịu khó học bài này vì đây là bài khó và cũng rất hiếm cơ hội quý vị được học những chủ đề sâu và kĩ như thế này. Sau này quý vị tự học tự nghiên cứu là bị rối liền vì có quá nhiều nguồn. Thầy đã tổng hợp từ rất nhiều nguồn và phân chia lại thành một bài giảng có dàn bài rõ ràng để chúng ta học dễ hiểu hơn.

3.6. Thần Thông Thuộc Bậc Thánh *(ariyā iddhi)*: tức là vị Thánh A-La-Hán làm chủ được tâm. Các Ngài "không ghê tởm trong vật đáng ghê tởm, ghê tởm trong vật không đáng ghê tởm".

Như trường hợp Ngài Đại-Ca-Diếp *(Mahākassapa)* khi đi bát khất thực, một người cùi cúng dường vật thực đến Ngài và rớt ngón tay vào bát, Ngài Mahākassapa tìm nơi ngồi thích hợp, Ngài nhặt ngón tay ấy ra rồi thọ dụng vật thực ấy. Ngài đã làm

chủ tâm của mình, đây là *"Tưởng không ghê tởm trong vật đáng ghê tởm"*.

Có một câu chuyện thiền thế này: một vị đó đi khất thực xa mệt mỏi, nhìn thấy một cái gáo dừa đọng nước, vị này uống xong thì ngủ. Đến sáng hôm sau tỉnh dậy thì thấy nước hôm qua uống là nằm trong đầu lâu chứ không phải trong gáo dừa nên ghê sợ và ráng nôn ra hết. Quý vị thấy ý thức của mình rất quan trọng đúng không? Thần thông thuộc bậc Thánh là chỉ cho sự làm chủ tâm của các vị Thánh. Nói đến đây Thầy nhớ đến lời nguyện của Vua A-Dục *(Asoka)*: *"Với tặng phẩm này, Trẫm không mong sanh vào cảnh giới của chư Thiên hay của Phạm Vương (Brahma), càng ít muốn vinh quang của vương quyền nhưng bất ổn như biển đầy sóng. Mà bởi vì Trẫm cúng dường với niềm tin, Trẫm chỉ mong nhận kết quả từ tặng phẩm này một thứ gì không thể bị ăn cắp, được tôn vinh bởi các bậc Thánh và an nhiên trong tất cả mọi lay động:* ***Đó là quyền làm chủ được tâm của mình****"*.

3.7. Thần Thông Do Quả Của Nghiệp *(kammavipākajā iddhi)*.

Như loài chim, loài bướm bay trong hư không mà không cần Thiền Định hay Tuệ giác gì; một số loài ngạ quỷ nhớ lại ác nghiệp kiếp trước; Thiên nhân nhớ lại hạnh lành kiếp trước; nhân loại cũng có được khả năng nhớ lại kiếp trước (nhưng chỉ nhớ được 1 kiếp).

3.8. Thần Thông Do Phước *(puññavato iddhi)*:

Như trường hợp của Đức Chuyển Luân Thánh Vương, hôm trước chúng ta đã học trong bài **Phật Tướng** thì Vua Chuyển Luân có 7 báu là: xe báu, tượng báu, mã báu, mani báu, nữ báu, gia chủ báu, binh báu. Đây là phước của vị này nên mới có được những thứ báu như vậy, còn với phàm phu như chúng ta thì không có phước để có được những thứ báu này. Vua Chuyển Luân du hành trên hư không với 4 đạo quân do có thiên báu luân (xe báu).

Còn ở trường hợp của gia chủ *Jotika*, do thời gian còn ngắn nên Thầy chỉ giới thiệu sơ thôi, quý vị có thể nghe lại bài giảng: **Bảy lần thoát chết nhờ phước báu che chở** Thầy giảng ở Đà Lạt. Đây là câu chuyện thần thông do phước.

Tiền thân 2 vợ chồng gặp lúc đói cùng con nhỏ đi tới nơi khác, trên đường đi vì đói không đi nổi nên người chồng đã bỏ lại đứa con trên đường đi. Sau đó thì đứa con chết, khi hai người đến nơi nhà nuôi gia súc, vì đói quá nên ông ăn nhiều bị bội thực. Tối đó ông chồng chết và tái sanh vào bụng con chó của chủ nhà. Vị chủ nhà thường thỉnh Đức Phật Độc Giác (thời không có Phật Chánh Đẳng Giác) đến nhà cúng dường. Vài tháng sau sinh, con chó này hay vào rừng để thỉnh Phật Độc Giác về nhà chủ thọ trai bằng tiếng sủa. Với nhiều lần thỉnh bằng tâm tôn kính, Phật Độc Giác đi nơi khác thì con chó buồn và chết. Sau khi chết thì nó

tái sinh ở cõi Trời thứ 33. Và với phước ở tiền kiếp sủa để thỉnh Đức Phật nên vị thiên Nam này có giọng nói rất vang gọi là vị Thiên nam có tiếng vang. Đến thời Đức Phật Thích Ca, Thiên nam này tái sanh làm con trai của một người kỹ nữ và bị bỏ rơi 7 lần nhưng không chết nhờ phước che chở. Vị này tên *Ghosaka* và sau này trở thành trưởng giả rất giàu có. Thầy xin kể về bảy lần thoát chết của trưởng gia Ghosaka.

- Lần 1: Bị mẹ bỏ sọt rác vì sinh con trai. Bà làm kỹ nữ chỉ giữ con gái. Sau đó Ghosaka có người cứu. Một ông trưởng giả trong vùng được các nhà xem tướng bảo ngày hôm nay có đứa bé nào được sinh ra thì sau này sẽ làm trưởng khố. Lúc này do vợ ông trưởng giả cũng đang mang bầu nên ông lo sợ nếu có đứa bé trai nào sinh ra, và vợ ông cũng sinh con trai thì đứa bé trai đó sẽ giành gia tài của ông nên cho người hầu đi tìm.

- Lần 2: Nếu con ông trưởng giả là con trai thì giết đứa bé Ghosaka. Nếu con của ông là con gái thì cho Ghosaka ở rể. Cuối cùng thì vợ ông sinh con trai nên đứa bé Ghosaka bị bỏ vào chuồng bò để sáng hôm sau khi mở chuồng thì các con bò sẽ ồ ạt chạy ra ăn cỏ và giậm chết Ghosaka nhưng bò không giậm.

- Lần 3: Ghosaka bị bỏ trên đường cho xe bò của mấy người thương buôn chạy qua nhưng các xe bò cũng không giậm và có người nhặt về nuôi.

- Lần 4: Ông trưởng giả đem tiền để chuộc Ghosaka về và bỏ ở bãi tha ma cho bị chết đói nhưng

có con dê mẹ thấy nên cho bú. Có người nghe tiếng khóc nên đem về nuôi dưỡng.

- Lần 5: Ông trưởng giả cho người hầu đem tiền chuộc Ghosaka về rồi quăng từ trên núi xuống nhưng đứa bé không chết vì bị vướng vào cành cây. Có người vào rừng thấy Ghosaka nên đem về nuôi.

- Lần 6: Ông trưởng giả chuộc về và ra lệnh cho người thợ gốm giết Ghosaka. Đang trên đường đi thì con trai của ông trưởng giả thấy Ghosaka nên nhờ bắn bi giùm. Còn con ông đi đến nhà người thợ gốm. Ông thợ gốm tưởng nhầm đứa nhỏ này là Ghosaka nên giết.

- Lần 7: Ông viết lá thư cho Ghosaka nhờ đem tới nhà bác thâu thuế. Nội dung trong thư là dặn giết người đem thư đến. Vì Ghosaka không được đi học nên không biết chữ, vì vậy cậu cầm lá thư trong tay mà không biết nội dung thư là gì. Trên đường đi Ghosaka trọ ở nhà vị phú hộ là bạn thân của ông trưởng giả. Con gái vị phú hộ (là người vợ tiền kiếp cùng chồng bỏ con dọc đường) khi gặp thì đem lòng thương yêu liền. Sau đó cô lén đọc lá thư và viết lại một thư khác nội dung là nhờ bác thâu thuế xây nhà, chuẩn bị lễ vật để Ghosaka cưới cô.

Đó là 7 lần thoát chết của Ghosaka nhờ thần thông do phước báu. Sau khi ông trưởng giả chết để lại gia tài và Ghosaka trở thành vị trưởng giả giàu nhất vùng đúng như lời tiên đoán của người xem tướng.

3.9. Thần Thông Nhờ Chú Thuật (*vijjāmayā iddhi*). Còn gọi là bùa chú, là sau khi đọc lẩm nhẩm chú thuật, thuật sĩ có thể đi trong hư không, hóa thành voi, cọp, …

Vị Tỳ-kheo *Vangīsa* được Đức Phật tán thán: *"Trong các đệ tử Tỷ-kheo của ta, đầy đủ biện tài, tối thắng là Vangīsa"*. (Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Người Tối Thắng). Ngài có đặc hạnh là khi Đức Phật thuyết Pháp xong thì Ngài đọc lại thành một bài thơ. Trước khi Ngài Vangīsa đi tu, Ngài có biệt tài là gõ vào đầu lâu người và biết người đó tái sanh cảnh giới nào. Có một lần khi đến duyên để tế độ Ngài Vangīsa, Đức Phật lấy 4 cái đầu lâu thì Ngài Vangīsa gõ lên và biết được đây là đầu lâu của người tái sanh lại cõi người, đầu lâu của người tái sanh cõi địa ngục, đầu lâu của người tái sanh cõi Trời. Nhưng đến đầu lâu của vị Thánh đã nhập Niết Bàn thì Ngài gõ mà không biết vị này tái sanh vào cảnh giới nào. Như chúng ta đã học, bậc Thánh khi tịch diệt Niết Bàn thì không còn tái sanh trong 31 cõi nữa. Sau nhân duyên đó thì Ngài Vangīsa xuất gia và trở thành vị đệ nhất biện tài. Ở đây Thầy muốn nhấn mạnh chi tiết là trước khi đi tu, Ngài Vangīsa có loại thần thông nhờ chú thuật.

Người có bùa chú này có thể biến hóa thành con này con kia, đi trong hư không hay đi trên mặt biển, … Đó là chuyện bình thường, ai không biết mới nói là không có các loại bùa chú này. Chúng ta đừng đem trí

tuệ, sự hiểu biết nhỏ bé của mình ra mà nghĩ cứ việc gì không thấy là không có. Vì vậy càng học thì quý vị càng thấy mở ra một chân trời rộng lớn. Hạnh phúc nhất cuộc đời là chúng ta được học Phật Pháp, khi hiểu được thì quý vị nhận ra là chuyện gì cũng có thể xảy ra, do mình không biết chứ không phải việc đó không có. Từ thời Đức Phật đã có loại thần thông này rồi. Đây là loại thông do bùa chú chứ không phải do Định mà có.

"Thần thông nhờ phù thuật là gì? Người có phù thuật sau khi đọc phù chú, du hành trong hư không, và họ cho thấy voi, ngựa, chiếc xe ngựa, người lính bộ, cuộc dàn quân trên không. Đây là thần thông nhờ phù thuật".

(Trích Vô Ngại Giải Đạo)

3.10. Thần Thông Do Nỗ Lực Cùng Với Duyên Trợ Giúp *(tattha tattha sammā payogapaccayā ijjhanaṭṭhena iddhi)*.

Như mục đích từ bỏ dục tham nhờ thành tựu xả ly; mục đích từ bỏ mọi ô nhiễm do thành tựu A-La-Hán đạo.

"Thần thông theo nghĩa thành công nhờ việc làm đúng thời là gì? Ý nghĩa của từ bỏ ham muốn khoái lạc giác quan thành công nhờ xuất ly, vì thế nó là thần thông theo nghĩa thành công nhờ việc làm đúng thời... (và cứ thế với bảy chướng ngại, bốn cõi thiền, bốn

chứng đạt Vô Sắc giới, mười tám quán thực tánh chánh, bốn đạo lộ) ... Ý nghĩa của từ bỏ tất cả nhiễm lậu thành công nhờ đạo lộ A-La-Hán, vì thế nó là thần thông theo nghĩa thành công do việc làm đúng thời. Đây là thần thông theo nghĩa thành công nhờ việc làm đúng thời"

(Trích Vô Ngại Giải đạo).

Trong 10 loại thần thông, có 3 loại: Thần thông do chú nguyện, Thần thông biến hoá và Thần thông do ý là có năng lực đặc biệt nhất trong các loại thần thông.

TÓM LƯỢC CÁC LOẠI THẦN THÔNG

1. Phân chia thần thông theo thế gian và xuất thế gian: Có 6 loại

Thần Thông Thế Gian	Thần Thông Xuất Thế Gian
1/ Thần túc thông 2/ Thiên nhãn thông 3/ Thiên nhĩ thông 4/ Tha tâm thông 5/ Túc mạng thông	6/ Lậu tận thông (Còn gọi là Minh sát thông). Đây là loại thông chỉ có trong Phật giáo.

2. Phân chia thần thông theo phương tiện đưa chúng sanh về với Giáo Pháp: Có 3 loại

1/ Biến hóa thần thông	2/ Ký thuyết thần thông	3/ Giáo hóa thần thông. Đức Phật khuyến khích dùng loại thông này.

3. Phân loại dựa theo nguyên nhân phát sanh thần thông: Có 10 loại

1/ Thần thông do chú nguyện	2/ Thần thông do biến hóa	3/ Thần thông do ý tạo thành	4/ Thần thông do trí sinh ra	5/ Thần thông do Định
6/ Thần thông thuộc bậc Thánh	7/ Thần thông do quả của nghiệp	8/ Thần thông do phước	9/ Thần thông nhờ chú thuật	10/ Thần thông do nỗ lực cùng với duyên trợ giúp

V. CÁCH TU TẬP ĐỂ CÓ THẦN THÔNG

Muốn phát triển 5 thần thông hiệp thế (Thần thông thế gian) cũng như Ý hóa thông (thần thông do ý tạo thành), hành giả nhất thiết phải đạt đến sự thành thục trong 8 Định chứng (gồm Tứ thiền Sắc giới và Tứ thiền Vô sắc) cùng với 8 biến xứ (*kasiṇa*): đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng.

Với vị đã chứng đắc thần thông trong kiếp trước thì chỉ cần đạt đến Tứ thiền Sắc giới là có thể luyện thông được. Nếu vị chưa từng chứng đắc thần thông trong quá khứ, bắt buộc phải chứng đạt đến thiền Phi

tưởng phi phi tưởng xứ, rồi quay trở về tầng Tứ thiền Sắc giới để luyện thông.

☞ Lại nữa, khi ấy tâm hành giả phải có được 8 yếu tố:

1. Định tĩnh: là do năng lực Tứ thiền mà bậc Thánh gọi là xả niệm thanh tịnh.

2. Thuần tịnh: là do năng lực của niệm và xả vững vàng.

3. Trong sáng: do năng lực thuần tịnh.

4. Không cấu uế: vì tâm không có lỗi lầm như tham, sân, nghi hoặc…

5. Nhu nhuyến: vì vị ấy khéo tu tập làm chủ được tâm.

6. Dễ sử dụng: vì tâm có được tính nhu nhuyến.

7. Vững chắc: vì bền vững trong sự thuần tịnh.

8. Bất động: vì có được sự vững chắc. Đó là: tâm có tín mạnh nên bất động trước vô tín, có tấn mạnh nên bất động trước sự giải đãi, có niệm mạnh nên bất động trước sự quên lãng, có định mạnh nên bất động trước lao chao (phóng dật), có tuệ mạnh nên bất động trước mê si, có chói sáng nên bất động trước bóng tối của cấu uế tham, sân …

Tám yếu tố này chỉ có trong Tứ thiền, đồng thời cũng là 8 yếu tố căn bản để luyện thần thông. Ba tầng thiền đầu (Sơ, Nhị, Tam thiền) gọi là cận hành thần

thông vì dẫn đến thành tựu thần thông. Cũng do điều này nên các vị Phạm thiên cõi Vô sắc không thể luyện thần thông.

☞ Sau đó hành giả còn phải đạt đến sự kiểm soát hoàn toàn tâm mình theo 14 cách dưới đây:

1. Hành giả phải đắc thiền trong tám kasiṇa theo chiều thuận: nghĩa là từ kasiṇa đất, nước, ... cho đến kasiṇa màu trắng, làm nhiều lần như vậy trong mỗi kasiṇa cho đến khi hoàn toàn tinh thông.

2. Sau khi tinh thông theo chiều thuận, hành giả phải đắc thiền đề mục kasiṇa ấy theo chiều nghịch: nghĩa là từ kasiṇa màu trắng lui lại cho đến kasiṇa đất.

3. Kế tiếp, hành giả phải đắc thiền nhiều lần theo thứ tự thuận và nghịch: từ kasiṇa đất đến kasiṇa màu trắng, rồi từ màu trắng lui lại kasiṇa đất.

4. Ở mỗi định chứng trong bát định chứng, hành giả phải đắc theo chiều thuận từ sơ thiền lên đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

5. Sau đó, hành giả phải tinh thông các bậc thiền theo chiều nghịch, nghĩa là từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ trở lại sơ thiền.

6. Hành giả phải chuyển sang các bậc thiền theo cả hai chiều thuận và nghịch.

7. Hành giả phải nhảy cách bậc thiền trong khi vẫn duy trì cùng kasiṇa, nghĩa là, với kasiṇa đất làm đề mục, hành giả phải đắc sơ thiền, tam thiền, Không vô biên xứ và Vô sở hữu xứ; rồi từ kasiṇa nước, hành giả nhảy cách bậc thiền như trên, cho đến kasiṇa màu trắng.

8. Sau đó, hành giả phải nhảy cách kasiṇa mà không nhảy cách bậc thiền, nghĩa là hành giả đắc sơ thiền trong kasiṇa đất, lửa, màu xanh, màu đỏ, rồi lập lại như vậy đối với các bậc thiền khác.

9. Kế tiếp, hành giả tiến hành nhảy cách bậc thiền cùng với kasiṇa một lượt. Đó là hành giả đắc sơ thiền trong kasiṇa đất, tam thiền trong kasiṇa lửa, rồi đắc Không vô biên xứ bằng cách loại bỏ kasina màu xanh và đắc Vô sở hữu xứ qua kasiṇa màu đỏ.

10. Trạng thái kế tiếp, gọi là "hoán vị các thiền chi", đòi hỏi hành giả phải đắc từ sơ thiền đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong cùng kasiṇa.

11. Kế đó, hành giả đắc sơ thiền trong từng kasiṇa, từ đất cho tới kasiṇa màu trắng. Giai đoạn này gọi là "hoán vị các đối tượng".

12. Kế tiếp, hành giả phải thông thạo cách "hoán vị các thiền chi và đối tượng" phối hợp, nghĩa là hành giả đắc sơ thiền trong kasiṇa đất, nhị thiền trong kasiṇa nước, tam thiền trong kasiṇa lửa,... cho đến đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong kasiṇa màu

trắng, thay đổi sao cho các đối tượng và các thiền chi xứng hợp với nhau.

13. Bước kế tiếp, "xác định các thiền chi", nghĩa là xác định từng bậc thiền trong tám bậc từ sơ thiền lên đến bát thiền (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) bằng các thiền chi cấu hợp của nó, chẳng hạn như sơ thiền là năm chi, nhị thiền là ba chi, v.v...

14. Bước cuối cùng, "xác định đối tượng", nghĩa là chỉ xác định đối tượng mà thôi, như "đây là kasiṇa đất", v.v... cho đến "đây là kasiṇa trắng".

☞ Sau khi tinh thông 14 cách này, hành giả phải phát triển 4 nền tảng như ý và trau dồi các pháp này tới mức độ cao nhất có thể được.

- Định *(samādhi)* do nương vào dục *(chanda)* và chuyên cần (*padhāna*).

- Định do nương vào tinh tấn (*viriya*) và chuyên cần.

- Định do nương vào tâm (*citta*) và chuyên cần.

- Định do nương vào trí (vimaṃsā) và chuyên cần.

☞ Tiếp tục, hành giả thực tập 8 bước dẫn đến thành tựu thần thông:

1,2. Vị ấy biết rõ: Định này do có dục hỗ trợ. Định là khác, dục là khác; định không phải là dục, dục không phải là định.

3,4. Vị ấy biết rõ: Định này do tinh tấn hổ trợ. Định là khác, tinh tấn là khác; định không phải là tinh tấn, tinh tấn không phải là định.

5,6. Vị ấy biết rõ: Định này do tâm thuần tịnh hổ trợ. Định là khác, tâm là khác; định không phải là tâm, tâm không phải là định.

7,8. Vị ấy biết rõ: Định này do trí hổ trợ. Định là khác, trí là khác; định không phải là trí, trí không phải là định.

☞ 16 căn bản của tâm đưa đến thành tựu thần thông:

1. Tâm không chán nản, nên bất động trước giải đãi.

2.Tâm không vui thích, nên bất động trước tán loạn (phóng dật).

3. Tâm không bị cảnh lôi kéo, nên bất động trước tham dục.

4. Tâm không chán ghét, nên bất động trước ác ý.

5. Tâm yên lặng, nên bất động trước tà kiến.

6- Tâm không vướng mắc, nên bất động trước dục tham.

7. Tâm giải thoát, nên bất động trước năm dục: Sắc, thinh, hương, vị và xúc.

8. Tâm không liên hệ đến cấu uế *(kilesa)*, nên bất động trước cấu uế.

9. Tâm rộng mở, nên bất động trước rào cản.

10. Tâm thuần nhất, nên bất động trước sai biệt.

11. Tâm có tín trợ giúp, nên bất động trước vô tín.

12. Tâm có tấn trợ giúp, nên bất động trước biếng nhác.

13. Tâm có niệm trợ giúp, nên bất động trước xao nhãng.

14. Tâm có định trợ giúp, nên bất động trước tán loạn.

15. Tâm có trí trợ giúp, nên bất động trước mê si.

16. Tâm chói sáng, nên bất động trước bóng tối của vô minh.

☞ Khi đã hoàn tất mọi điều kiện tiên quyết, hành giả phải hướng tâm đến loại thắng trí nào mà mình muốn đắc. Các thắng trí không xuất hiện như những kết quả của thiền một cách tự động mà đòi hỏi phải có một sự quyết định trước cùng với nỗ lực cương quyết của hành giả. Như Đức Phật dạy, khi tâm người hành thiền đã định tĩnh và thuần tịnh: *"Vị ấy hướng tâm đến, dẫn tâm đến các loại thắng trí (thần thông)"*.

Tuy nhiên, các bậc thiền hiệp thế và những luyện tập (thần thông) dựa trên chúng vẫn không phải là những điều kiện cần thiết cho loại thần thông thứ 6 -

Lậu tận thông, vì thông này là kết quả của Tuệ hơn là Định.

Đại ý quý vị thấy cách luyện thần thông dễ hay khó? Rất khó nha đại chúng. Khi kết thúc bài này, chúng ta vui ở chỗ là Đức Phật có khuyến khích dùng Giáo hóa thần thông vì vậy con phải ráng phát triển thần thông này mới được. Còn các loại thông khác thì tùy vào mỗi người, ai đam mê có thần thông thì phải đắc 8 bậc Thiền rồi mới luyện thần thông được chứ không phải đơn giản đâu. Sau khi học xong bài này, quý vị cũng đã hiểu biết thêm một nội dung rất lớn và rất khó trong Phật Pháp. Nếu không học tới nơi tới chốn, có bài vở đàng hoàng thì chúng ta càng đọc càng rối. Thầy soạn bài này từ rất nhiều nguồn tư liệu nhằm cho quý vị có cái nhìn tổng quan và phân chia các phần rõ ràng dễ hiểu. Chúng ta đừng mong mỏi mình có thần thông vì phải luyện mới có và Đức Phật không khuyến khích dùng. Ngài chỉ khuyến khích mình dùng Giáo hóa thần thông để đưa chúng sanh về Giáo Pháp, là loại thông duy nhất có khả năng đưa đến sự giải thoát khổ. Khi học bài này xong quý vị nhớ: *"Con nguyện thực tập Giáo hóa thần thông trong những tháng ngày còn lại của con"*. Ý nghĩa của kiếp người là chỗ này đó đại chúng. Chúng ta dùng Giáo hóa thần thông đưa người từ tà kiến về chánh kiến, từ bờ mê sang bến giác, từ bất thiện về thiện, … đây là những điều đẹp nhất của cuộc đời này mà mình có thể làm. Thầy xin kết thúc bài

Thần Thông ở đây. Chúc tất cả đại chúng một đêm an lành.

(Bài giảng ngày 19 và 29/11/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Thần thông là gì?

2). 4 điều thần thông tồn tại suốt kiếp trái đất là gì?

3). Đức Phật dạy chúng ta quan niệm về thần thông là như thế nào?

4). Có mấy loại thần thông? Thần thông thế gian và thần thông xuất thế gian là gì?

5). Đệ tử Phật thì cần phải tu tập loại thần thông nào?

Bài 15: TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

ଓ❁ଌ

---

* ĐỊNH NGHĨA
* NHỮNG CHƯỚNG NGẠI CỦA TỪ BI HỶ XẢ
* CÁC THIỀN CHỨNG VÀ SỰ THỰC TẬP

Bài giảng tối hôm nay Thầy gửi đến đại chúng là bài TỨ VÔ LƯỢNG TÂM. Thưa với đại chúng, hôm nay cũng là bài cuối của Khoá 3, chúng ta đã đi đến 3/4 đoạn đường rồi, leo lên càng cao thì sẽ càng bị *rớt rụng* lại. Vào trong Phật Pháp là như để mình đi tìm ngọc, tìm cái lõi cây, ngay trong Pháp Học này chúng ta đi tìm những cái tinh tuý của Phật Pháp mà Đức Phật để lại. Lên Khoá cao hơn thì sẽ càng khó hơn, Thầy mong Phật tử cố gắng học được nhiều nhất trong khả năng có thể.

Ở bài RẢI TÂM TỪ thì rải tâm từ hay tâm bi là khác nhau ở đối tượng.

Tâm từ: đối tượng là mong cho người được nhân lành quả lành.

Tâm bi: là mong cho người vượt qua nhân xấu quả xấu.

Hôm nay chúng ta học thêm 2 tâm nữa là tâm hỷ và tâm xả, là *Tứ vô lượng tâm*.

Tứ: là bốn,

Vô lượng: là không biên giới, không ngằn mé, có khả năng ôm lấy và dung chứa.

Tứ vô lượng tâm là bốn tâm vô lượng không có ngằn mé, hay còn gọi là *Bốn phạm trú*. nghĩa là bây giờ mình là một cái thân người, là thân tứ đại 50kg, cũng là cái thân này thôi nhưng mà giờ phút này ngồi đây mình đang sống bằng cái tâm nào, cái đó mới quan trọng.

Thầy lấy cái ví dụ này Phật tử cố gắng nhớ nằm lòng: Trong một mảnh đất nho nhỏ khoảng 20 mét vuông hoặc 50 mét vuông, thì mình bỏ gà vào, bỏ heo vào, bỏ bò vào nuôi trong đó thì 50 mét vuông đó mình gọi là *"Cái chuồng",* chuồng heo, chuồng gà, chuồng bò. Bây giờ không nuôi heo, nuôi gà, nuôi bò nữa mà chúng ta ở trong đó, thì 50 mét vuông gọi là *"Cái nhà"*. Và bây giờ cũng 50 mét vuông đó Phật tử thờ Phật, tụng Kinh, hành thiền, tu tập thì nơi đó gọi là *"Đạo tràng"*, gọi là *"Chánh điện"* hay gọi là *"Tịnh độ"*. Quý vị thấy không, cũng có 50 mét vuông đó thôi, nhưng có khi gọi là *"Chánh điện",* có khi là *"Cái nhà"* và có khi gọi là *"Cái chuồng"*. Nếu chúng ta để sách trong đó để nghiên cứu Kinh điển thì gọi là *"Thư viện".* Thì cũng chỉ có 50 mét vuông đó thôi.

Vậy thì, cái giá trị để quyết định 50 mét vuông đó là cái gì ở trong đó đúng không đại chúng?

Nếu heo, bò, gà trong đó thì gọi là *"Chuồng"*, người ở thì gọi là *"Nhà"*, nếu chúng ta tu tập thì gọi là *"Chánh điện"*. Thì cũng vậy, đại chúng hình dung cái thân 50kg của mình đây, cái thân tứ đại 50kg của mình, là cái gì nó đang có trong đây? Ráng mà *"thẩm tương chao"* cái ví dụ này nha.

Nếu suốt ngày chỉ hưởng thụ ăn, ngủ. thì khác gì loài bàng sanh. Bàng sanh nó đi về 3 mảng: suốt ngày lo ăn, duy trì nòi giống, sợ chết. Thì mình cũng giống nó, là cái thân người này mà cái tâm này là cái tâm của Bàng sanh.

Rồi cũng cái thân 50kg này của mình, bỏn xẻn, tham lam, ích kỷ, nhỏ nhen thì thân là 50kg mà tâm là của Ngạ quỷ.

Còn bây giờ tâm của Phạm Thiên là tu tập Năm giới, Tám giới, Tam quy, Ngũ giới thì đó là tâm của chư Thiên Dục giới.

Rồi bây giờ cũng cái thân 50kg này, mà đại chúng tu tập từ, bi, hỷ, xả thì đó là Phạm Thiên Sắc giới, Tứ vô lượng tâm (bốn tâm không có ngằn mé).

Và cũng trong cái thân 50kg này, sống đời sống chánh niệm, ghi nhận những gì đang xảy ra ở thân, ở thọ, ở tâm, ở pháp, ghi nhận những gì đang xảy ra ở nơi

mình và xung quanh mình bằng cái tâm chánh niệm, phân biệt thiện ác, thì quý vị đang sống với cái tâm của bậc Thánh.

Vậy thì, cũng chỉ có 50kg thôi, nhưng quan trọng là cái gì nó đang ở trong này, mình đang nghĩ cái gì thì nó mới quyết định cái giá trị của con người đó.

Bây giờ với mình là một thân phàm 50kg, nếu ta sống đời sống chánh niệm, thì tuy mình còn phàm phu nhưng mình đang sống tâm bậc Thánh. Trong bài BÁT QUAN TRAI, mình thực tập sống Bát quan trai với điều kiện Bát quan trai bậc Thánh, không phải Bát quan trai *kiểu chăn bò* hay Bát quan trai *kiểu ngoại đạo*, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ dâm dục, từ bỏ nói dối, từ bỏ uống rượu, từ bỏ ăn phi thời, từ bỏ nằm giường cao ghế đẹp, từ bỏ trang điểm, múa hát, xem múa hát, từ bỏ Tám điều đó sống như một bậc Thánh A-la-hán. Các Ngài cả đời từ bỏ những điều đó. Mình không có cả đời mà chỉ có cả ngày, một ngày một đêm sống như vậy thôi, thì đó là tâm của Bậc Thánh cho nên phước nó mới lớn, dù là mình chỉ sống có một ngày.

Đại chúng thấy không, cũng là mình ngồi đây thôi mà chỉ cần khởi lên cái tâm gì là nó nói lên cái giá trị của con người mình. Tâm của chư Thiên Dục giới, hay tâm của chư Thiên Sắc giới, hay tâm của bậc Thánh, hay tâm của Ngạ quỷ, hay tâm của Bàng sanh, hay tâm của Địa ngục là ở chỗ suy nghĩ, tác ý của mình, dù là mình chỉ có 50kg này thôi.

Cũng ngay giờ phút này mình đang ngồi, nếu biết tu tập mình có tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả thì lúc này tâm của mình là tâm của Phạm Thiên, chuyển liền Phật tử thấy không? Thân thì vẫn là cái thân này nhưng tâm là tâm của Phạm Thiên rồi.

Còn tâm chánh niệm, phân biệt thiện ác để đoạn trừ phiền não nữa là tâm của bậc Thánh. Mà chúng ta cũng đã được học bài Kinh đó là *"khi mà mình thường sống bằng tâm nào thì nó sẽ đi về cảnh giới đó."* Suốt ngày sống với cái tâm Bàng sanh thì khi chết đi về cõi Bàng sanh. Suốt ngày sống với tâm bỏn xẻn, ích kỷ thì đi về Ngạ quỷ. Cũng vậy, suốt ngày sống với cái tâm của Phạm thiên, Từ bi hỷ xả thì lên Phạm thiên.

I. ĐỊNH NGHĨA

1. Tâm từ

Là mong cho mình, cho người có được nhân lành quả lành.

*"Mong cho tôi, cho người khác thân tâm được an lạc"***.** An lạc: tức là nhân lành quả lành.

Ví dụ mong cho Ba con, Mẹ con, mong cho anh chị em con, vợ chồng con, mong cho bạn bè, mong cho người dưng nào đó… mong cho họ có được nhân lành quả lành, thì đó là tâm Từ. Nhân lành của họ ví dụ như đang học Pháp, *"Mong cho bạn đạo của con có được*

nhân lành", đây nhân lành được học Phật Pháp. *"Mong cho bạn đạo của con có được quả lành",* quả lành là thông minh, sắc đẹp, sức khỏe, hoan hỷ… đó là bao nhiêu cái điều lành mình đang có.

2. Tâm bi

Là mong cho mình, cho người thoát khỏi nhân xấu quả xấu.

Trong giai đoạn này đại chúng thực tập tâm bi rất là hợp thời. Ví dụ mình đang bị bệnh đau bao tử, mình biết cái cảm giác đó mệt mỏi thế nào, bây giờ biết tu nó khác. *"Con mong cho người thân của con, mong cho bạn bè của con, mong cho chúng sanh đừng có bị đau bao tử giống như con."* Đó là mong cho họ thoát cái nhân xấu, cái quả xấu, đó là tu tâm bi. Còn như trong mùa dịch Covid này, ai mà bị dương tính rồi thực tập cái này là chính xác luôn, *"Con đang bị covid, con mong cho người khác đừng bị Covid giống như con."* Trong những ngày Thầy bị bệnh này, Thầy cũng thực tập tâm bi. Khi thấy cái cảnh đó mệt mỏi thân tâm, thì mình mong cho người khác thoát khỏi nhân xấu quả xấu, và ngay hiện tại lúc đó là mong cho người khác thoát khỏi cái bệnh, đó là quý vị tu tâm bi.

****Phân biệt tâm từ và tâm bi***

- Tu tâm từ: là mong cho người khác có nhân lành quả lành.

Có vô số nhân lành như: mong cho người khác biết nghe Pháp, biết từ thiện, biết sẻ chia, biết niềm tin nơi Tam bảo, mong cho người khác có đức hạnh. Mong cho Cha Mẹ, anh chị em của mình, bạn bè của mình sống với tâm hào sảng, an trú nơi Phật - Pháp - Tăng, biết giữ Giới và có trí tuệ, có chánh kiến, thì đó là mong cho nhân lành. Còn mong quả lành của họ: là mong cho họ có tài sản, sắc đẹp, tuổi thọ, có an vui, có trí tuệ, mong cho họ được cái này cái kia trong cái điều lành, thì đó là tu tâm từ. Mấu chốt trong bài này Thầy sẽ phân tích cho đại chúng tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả để cho ứng dụng.

- Tu tâm bi: đó là mình mong cho mình và cho người thoát khỏi quả xấu nhân xấu.

Vậy thì tu tâm bi khi mình gặp người đang đi ngoài đường, thấy họ quá nghèo khổ về đời sống vật chất, thì mong cho người đó thoát khỏi cái quả khổ này. Còn bữa nào vào bệnh viện mà thấy nhiều người bệnh, quý vị mong cho họ thoát khỏi căn bệnh đó, là mình đang tu tâm bi. Hoặc nghe ai đó bị thất bại, bị này bị kia không tốt thì mình mong cho họ vượt qua khỏi cảnh đó.

3. Tâm hỷ

Là khi nghe ai đó, bạn bè, người thân thành công ở một phương diện nào đó, mình khởi tâm hoan hỷ, vui theo sự thành công của người đó. Mình hoan hỷ được

với người đó là vì mình có tâm từ, tâm bi, mình mới hoan hỷ được nha, coi vậy chứ không dễ đâu. Không có tâm từ, không có tâm bi thì khó mà khởi tâm hỷ lắm. Ngay bản thân mình, khi tu tập mà có tâm từ rồi, có tâm bi rồi thì tự nhiên tâm hỷ là một cái gì đó cũng sẽ có. Khi có tâm từ, tâm bi rồi tức là có từ tâm, có bi tâm, thì ngay đó mình có tâm hỷ nó như là một cái kết quả thôi.

Phật tử tu tâm hỷ là sao? Thấy bạn mình giỏi hơn mình, đẹp hơn mình, thông minh hơn mình, thành công hơn mình... thì lúc này mình tu tâm hỷ. Thầy nói nghe, mấy cái chỗ này mình dễ bị dính vô tâm đố kỵ lắm. Mình thấy người ta hơn mình, giàu hơn mình, mình khó chịu; thông minh hơn mình, mình khó chịu. Nghèo thì mình khinh, giàu thì mình ghét, là như vậy đó. Đẹp hơn mình thì mình ghét, xấu hơn mình thì mình hả hê, mình khinh. Mình không biết tu là nhìn đâu xung quanh cũng dễ khởi tâm bất thiện lắm. Biết tu rồi chỗ nào, lúc nào cũng có thể khởi thiện tâm được.

Ngày nay Phật tử được thông minh đi, mình học và nhớ, có trí tuệ, thấy một người nào đó không có trí tuệ thì mình khởi tâm Bi. Còn thấy một người giỏi hơn mình, khởi ngay tâm hỷ. Phật tử đem ra ứng dụng liền nha. Bữa giờ thấy đồng nghiệp là thấy ghét rồi, bây giờ ứng dụng, bạn đó hơn mình thì tu tâm hỷ, mong cho bạn đó được nhân lành quả lành. Còn bạn đó đang bị

thất bại thì mong cho bạn đó thoát khỏi nhân xấu quả xấu, đó là tu tâm bi.

Bài này mà biết cách là nhìn đâu cũng ứng dụng được hết. Tâm hỷ thì ngược với cái tâm đố kỵ, nó giống như cái khúc cây bị con sâu ăn ở trong, nó chết từ từ bên trong. Cái nhân quả nó lạ lắm, càng đố kỵ với người ta bao nhiêu thì mình càng thất bại đi xuống bấy nhiêu. Tại vì khi đố kỵ, tâm mình thu nhỏ chừng đó rồi.

Khi thấy mình giỏi 5, người ta giỏi 7 giỏi 10, mình đố kỵ thì mình chỉ có từ đó đi xuống thôi. Thay vì thấy người ta giỏi như vậy, thì mình biết đây là quả lành của họ, họ làm phước, cố gắng tu tập, bố thí, bao nhiêu cái duyên lành họ mới được như vậy. Còn mình như vậy là không được rồi, thì cố gắng lên, cố gắng để làm việc thiện, mình cố gắng hết sức, thì nó khác. Cho nên từ nay trở đi, ai hơn mình ở phương diện nào thì mình cũng hoan hỷ được, vì mình biết rằng không phải tự nhiên mà họ có được, đó là họ phải có cái nhân lành nào đó mà bây giờ trổ quả.

4. Tâm xả

"Xả" trong tứ vô lượng tâm là mình bình thản. Bình thản trước người ta giàu, nghèo, đẹp, xấu, sướng, khổ... Mình không khởi tâm từ, tâm bi được thì ít nhất cũng đừng khởi tâm ganh ghét, giận hờn gì họ, mà mình tu tâm xả. Tức là bình thản, đừng để cho mình bi lụy, buồn khổ trong cái việc của người đó.

Khi mình thấy: Bạn mình có Tà kiến, không tin nhân quả, không tin nhân thiện cho quả vui, nhân ác cho quả khổ, cũng không tin kiếp trước kiếp sau, mình thấy như vậy và cố gắng tìm cách khuyên, nói chuyện, điện thoại, bằng cách này hay cách khác, khuyên năm lần bảy lượt vẫn không thay đổi. Lúc này mình nên tu tâm xả. Tại vì khi khuyên không được thì có khi là chúng ta giận rồi buồn, mà giận là dính vô tâm sân. Thì bây giờ biết mình đã cố gắng hết sức rồi mà giúp không được thì mình tu tâm xả, vì phải biết rằng mỗi người có một cái nghiệp riêng của họ. Để mình bình thản trước việc đó, thì đó là quý vị đang tu tâm xả. Cái phần này là khó nhất đó, Thầy định nghĩa ở đây cho Phật tử ứng dụng.

Lâu nay Thầy hay nghe nói:

- Con buồn quá Thầy. Bữa con đi làm từ thiện phát 100 phần cơm, con phát hết rồi, còn thêm 5-10 người nữa mà hết cơm. Con không có đủ cơm phát cho họ, thấy họ đói con buồn mấy ngày nay!

Đi làm từ thiện mà buồn mấy ngày, đi làm từ thiện phải vui chứ, lúc đó mình đã cố gắng hết sức rồi. Có 100 phần mà bây giờ người ta tới 110 người, phát 100 phần là xong rồi, thay vì vui với cái đó, tự nhiên mình lại đi buồn mấy ngày. Lúc đó Phật tử tu tâm xả nha, *"Con cố gắng hết sức rồi, có được 100 phần thôi"*. Mỗi người có nghiệp riêng của mình, sau này đủ duyên thì

làm tiếp. Đó là tâm xả, tức là cố gắng hết sức để giúp một người mà không được thì tu tâm xả.

Thưa đại chúng là cái tâm xả này quan trọng lắm, quan trọng trong đời thường mà có nhiều chuyện là mình gọi là *"bất lực"*.

Dù em thương chị mười phần,
Cũng không ngăn nổi một lần chị đi

(Nguyễn Bính)

Không biết làm sao cứ chỗ tâm xả là Thầy nhớ câu này à quý vị, Phật Pháp lắm! Em thương chị tới *"mười",* mà chị đi có *"một"* thôi mà em ngăn không nổi. Tại sao vậy? Vì chị có cái nghiệp của chị, Phật tử coi phải không? Thương Mẹ mình cỡ nào, mà khi Mẹ mình trả nghiệp quý vị có làm gì được không? Khó lắm, nếu có thì cũng chỉ là ở bên cạnh trợ duyên, ủng hộ tinh thần thôi. Ví dụ một cơn đau của Mẹ, một cơn buồn của Cha, ở trong lòng của Cha mình, trong lòng của Mẹ mình, làm sao mà chịu thay được đây, sao mà chúng ta nhảy vào được phải không? Thì đó là cái nghiệp riêng của Cha Mẹ mình, nghiệp riêng của anh chị em mình, nghiệp riêng của bạn bè, vợ chồng mình, con cái mình.

Vì *"một lần"* đó chính là cái nghiệp của chị, cho nên mình quán về *"nghiệp và quả của nghiệp"* mà mình bình thản. Mình đã cố gắng hết sức rồi thì không được Phật tử tu tâm xả nha.

II. NHỮNG CHƯỚNG NGẠI CỦA TỪ, BI, HỶ, XẢ

Thầy định nghĩa như vậy đại chúng hiểu Từ bi hỷ xả và ứng dụng được sẽ mở ra một chân trời liền. Bây giờ vào phần hơi chuyên môn một chút.

1. Chướng ngại của tâm từ

- Người thực tập tâm từ, cái cản trở, chướng ngại trực tiếp của tâm từ đó là tâm sân.

Phật tử đang thực tập tâm từ mà gặp cái người hay sân là không được. Quý vị đang tu tâm từ mà ra gặp người A, người B, người C, người D suốt ngày nói chuyện, hành động nội dung câu chuyện toàn liên quan đến cái chuyện tâm sân không, thì Thầy xin thưa quý vị khó tu tâm từ được lắm. Chướng ngại trực tiếp của tâm từ là tâm sân, nó sẽ cản trở mình.

Nên người nào hay có tâm sân thì nên thực tập tâm từ. Tính mình hay nóng nảy nên thực tập tâm từ, rải tâm từ một thời gian thì tâm mình sẽ nhẹ nhàng lại.

- Còn chướng ngại gián tiếp của tâm từ chính là cái tâm tham luyến.

Thầy nói ví dụ, Phật tử thực tập rải tâm từ cho Mẹ của mình là tốt, nhưng mà dĩ nhiên không rải trước. Bây giờ quý vị chưa có tâm từ, mà một trong những chướng ngại của tâm từ là tâm tham, là sẽ mong cho Mẹ được mạnh, được khỏe, được vui. Và khi đang rải

tâm từ cho Mẹ mà em mình điện thoại anh ơi, chị ơi Mẹ đang bệnh, quý vị không rải nổi và có cái tâm tham luyến, tham ái nơi Mẹ mình, đang thương Mẹ mình. Chính cái thương Mẹ với cái tâm như vậy nó cản trở cái tâm từ của mình. Chính vì vậy mà mình không nên thực tập cho người thân quyến trước, không thực tập cho những người mình thương trước, không thực tập cho kẻ thù trước.

Vì vậy chướng ngại trực tiếp của tâm từ là tâm sân, còn chướng ngại gián tiếp của tâm từ là tâm tham ái, tham luyến.

2. Chướng ngại của tâm bi

- Chướng ngại trực tiếp của tâm bi chính là cái lòng thích hại người.

Mình hại người khác thì thực tập tâm bi rất là khó. Tại vì tâm bi là mong cho người khác thoát khỏi nhân xấu quả xấu. Nhưng bây giờ lòng mình luôn muốn hại người ta thì làm sao mình thực tập mong cho người ta thoát khỏi nhân xấu quả xấu được. Mình chỉ muốn hại người ta chứ đâu muốn người ta thoát khỏi cái đó.

- Còn chướng ngại gián tiếp của tâm bi là sự bi lụy.

Một trong những chướng ngại là bây giờ mình chưa giúp được mà mình chuyển sang bi lụy, thảm thương, *"Thấy vậy thương lắm, tội lắm, thấy người đó*

khổ quá, nghèo quá, bệnh quá, bị cái này cái kia…" rồi sao thực tập tâm bi, mà đó là chướng ngại. Thấy người đó khổ quá, nghèo quá, tội quá, bệnh quá, xấu quá… thì đó là đối tượng để mình thực tập tâm bi, mong cho họ được nhân lành quả lành, vượt qua nhân xấu quả xấu. Nhưng cái này là mình thực tập chưa có tới nơi chốn nên trở thành chướng ngại buồn, bi lụy. Và chính cái đó là chướng ngại gián tiếp của tâm bi.

Chướng ngại trực tiếp của tâm bi là lòng hại người, còn chướng ngại gián tiếp của tâm bi là sự bi lụy.

3. Chướng ngại của tâm hỷ

- Chướng ngại trực tiếp của tâm hỷ là tâm đố kỵ, tâm ganh tỵ.

Mình mà ganh tị với người ta mình không vui nổi. Thấy ông hàng xóm thành công hơn mình vui đâu có nổi, vì tâm mình ganh tị. Khi mà quý vị ganh tị, đố kỵ với người đó rồi thì không thực tập tâm hỷ được. Cho nên Thầy mong mình là Phật tử, từ nay trở đi không nên ganh tị với ai hết. Người ta hơn mình, đó là nhân lành quả lành của họ. Người ta thua mình thì đó chẳng qua là mình đang *ăn mày dĩ vãng,* có gì mà để cho mình phải vui, phải tự hào về điều đó.

- Còn chướng ngại gián tiếp của tâm hỷ đó là tâm xu phụ.

4. Chướng ngại của tâm xả

Như hồi nãy Thầy định nghĩa tâm xả là tâm bình thản. Bình thản trước cái được mất, thành công, thất bại của một người. Tại vì chúng ta biết mỗi người có một nghiệp riêng. Sở dĩ mình bình thản được, cái bình thản này là mình quán chiếu được mỗi người có một nghiệp riêng, mình đã cố gắng hết sức rồi mà giúp không được, vậy thì đó là tâm xả.

- Chướng ngại trực tiếp của tâm xả đó là tâm tham, tâm sân. Quý vị giận người đó thì khó thực tập tâm xả lắm, mình tham luyến vô người đó cũng khó thực tập tâm xả.

- Chướng ngại gián tiếp của tâm xả là tâm lãnh đạm, hay gọi là vô tâm, vô cảm. Quý vị thấy người ta thấy người ta thất bại, người ta té xe, mình đứng đó mà không giúp, người ta gọi đó là tâm vô cảm.

Có khi mình cứ nghĩ mình là đang thực tập tâm xả, chứ thực ra coi chừng mình đang vô cảm, cái chỗ này coi lại cho Thầy nha.

- Chị sao chị thấy người đó khổ như vậy, giữa nắng chang chang người ta khát nước như vậy, người ta xin chị ly nước mà chị không cho?

- Chị thực tập tâm xả đó em, chị quán chiếu mỗi người có một cái nghiệp riêng, người đó có khát nước, người đó có chết khát là nghiệp của người đó.

Coi chừng cái này không phải là tâm xả đâu mà là vô cảm. Mình cố gắng giúp mà không được mới là tâm xả. Cho nên Phật tử phải khéo cẩn thận, mình tưởng là thực tập tâm xả nhưng coi chừng đang là cái tâm vô cảm. Tâm xả là tâm thiện, còn tâm vô cảm là tâm bất thiện. Vô cảm, lãnh đạm hay còn là vô tri, không có cảm xúc, chai lì cảm xúc. Một lần Thầy giảng có người hỏi:

- Thưa Thầy người ta nghèo tới ăn xin, con cho tiền cũng được, con cho gạo cũng được, con cho đồ ăn gì cũng được. Nhưng con không cho, tại vì họ nghèo quá là nghiệp của họ, mình cho là mình đang xen vô cái nghiệp của họ!

"Nghe qua thì thật là hay, suy đi nghĩ lại đắng cay muôn phần" là vậy đó đại chúng. Chúng ta thường tự giải thích đúng là nghèo là nghiệp của họ, giả dụ như họ có chết đói cũng là nghiệp của họ, nếu họ không có nghiệp đó họ không thể nào chết đói được hết. Nhưng mà suy nghĩ lại thì chưa chắc đâu nha đại chúng. Nghèo là nghiệp của họ đúng chưa? Nhưng mình đã có duyên gặp họ, mình có thể tặng cho họ tiền bạc, ổ bánh mì, gạo gì đó… thì là *nghiệp của mình*. Cái khổ kia, cái nghèo đói kia có thể là *quả của họ*, nhưng còn cái giúp này, giúp cho họ bữa cơm chẳng hạn, thì là *nhân của mình, nghiệp mới* của mình. Vậy thì quý Phật tử có nên giúp không? Trong khả năng của mình, giúp được thì nên giúp chứ đừng nói do nghèo là nghiệp của họ,

không nên xen vào. Nếu mà xen được thì Phật cũng đã xen vào, các vị Thánh cũng xen vào rồi, mình chỉ có cách trợ duyên cho họ thôi.

Đây là câu chuyện có thật Thầy kể cho đại chúng. Năm ngoái vào buổi chiều lúc đó khoảng 6 giờ, có một cô tới thưa với Thầy. Cô nói rằng cô buồn và mất lòng tin vào một người, mà đó là ông xã của cô. Cô nói: *"Con nhờ nghe Pháp của Thầy nên con vực dậy để sống, chứ không là con đã chết rồi. Hôm nay con tới đây, con nói với Thầy con đã vượt qua phần nào rồi. Thầy biết gần mấy tháng nay con mới biết cái tin động trời, ổng lừa con mười mấy năm. Trong một lần sinh nhật của con cách đây mới mấy năm, ổng hứa với con đủ điều. Hôm nay con mới biết ông lừa con mười mấy năm, Thầy biết con khổ ơi là khổ, con tưởng con chết rồi, mà nhờ nghe Pháp con vực dậy được."* Bây giờ sau khi chuyện đó căng thẳng rồi ông bỏ đi, lâu lâu mới về. Cô hỏi Thầy vậy ông chồng về cô có nên nấu cơm cho ông ăn không, cô hỏi Thầy vậy đó. Thì lúc đó Thầy mới nói vầy: *"Thôi thì bây giờ tùy cô, cô thấy cái nào mà lòng cô nhẹ thì cô làm."* Chứ làm sao mình kêu người ta nấu hay không nấu, chỉ có *"người trong cuộc hiểu người trong kẹt",* tự cô biết là nên nấu hay không nấu. Lúc đó cô viết tên của người đó ra, xin Thầy chứng minh cho cô. Cô lên Chánh điện cô nguyện từ nay trở đi quyết tâm đặt cái người này xuống, không buồn giận nữa. Cuộc đời mình có mấy chục năm thôi, cô sáu mươi mấy tuổi và chồng bảy mươi mấy tuổi rồi, mà giờ vẫn

còn khổ hoài như vậy đó. Lúc đó là nên thực tập tâm xả nha Phật tử. Chứ không phải mình quán chiếu, suy xét rồi thấy người ta nghèo khổ mình không giúp, lúc đó là vô cảm chứ chưa chắc là tâm xả đâu ạ. Mình giúp mà không được, thì lúc đó là tâm xả.

III. CÁC THIỀN CHỨNG VÀ SỰ THỰC TẬP

Bây giờ Thầy nói về các thiền chứng.

- Tu Tâm từ, tâm bi, tâm hỷ chứng cao nhất là được Tam thiền. Đó là đề mục thực tập thiền Định.

- Tâm xả thì chứng được Tứ thiền. Riêng ở tâm xả, Phật tử phải đắc được Định của tâm từ, đắc được Định tâm bi, đắc được Định tâm hỷ thì mới qua tu tâm xả được.

Hôm trước mình đã học 11 lợi ích tâm từ và 11 lợi ích tâm bi (bài rải tâm từ - khóa 2). Thầy đã tổng quan về định nghĩa, lợi ích cũng như những chướng ngại trực tiếp, gián tiếp của Tâm Từ, bi, hỷ, xả. Bây giờ Thầy sẽ nói lướt qua từng phần một chút xíu.

1. Sự thực tập tâm từ

Tâm từ là cái tâm mong cho mình, cho người, có được nhân lành quả lành.

- Những đối tượng không nên rải tâm từ trước: là những người ta thương, những người ta ghét, những

người không thương không ghét, những người khác giới, những người đã chết, những người mình thù hận, là những đối tượng mình không nên rải tâm từ trước.

Khi rải tâm từ thì ta rải cho mình trước. Vì không ai thương mình bằng chính mình, mà chúng ta không rải cho mình trước được, thì quý vị không rải cho ai được.

Nói theo đời là anh chưa thương được anh nữa mà anh nói anh thương người ta, đòi rải tâm từ cho người ta. Có người lại thắc mắc là tu không phải ích kỷ vậy chứ Thầy, sao mình rải cho mình trước? Thưa Phật tử, mình rải đi rồi mới thấy, thương được mình, thân tâm của mình rồi mới thương được người khác. Không thương được mình thì không thương được người khác đâu. Dù chúng ta có thương ai đi chăng nữa, nhưng không bao giờ thương họ bằng chính mình đâu. Khi còn là phàm phu, chúng ta nói thương Mẹ, Cha, vợ chồng con cái, chứ thật ra quý vị xét lại, mình thương mình nhất. Mình nói thương con mình nhất đi, thử bữa nào nó quậy xem có còn thương con nhất không? Cho nên rải tâm từ bao giờ mình cũng rải cho mình trước.

- Những đối tượng tuần tự mình rải tâm từ: đó là rải cho mình → đến người khác, *"người khác"* ở đây có nghĩa là những người bạn mà ta yêu mến → những người không thương không ghét → những người mình ghét → những kẻ thù của mình, nhớ là kẻ thù rải cuối cùng.

Chứ chưa gì mà thực tập rải tâm từ cho ông hàng xóm cãi nhau 3 năm với mình trước rồi thì không được nha Phật tử. Mới rải được có 3 phút là quạu lên rồi, mình rải bằng cái miệng không à, nhưng lúc này lòng mình thì đã nổi sân. Nó phải có thứ tự như trên đó.

2. Sự thực tập tâm bi

Bây giờ mình qua tâm bi, tâm bi cũng giống như tâm từ nhưng cái đối tượng thì khác. Đối tượng của tâm từ là mình mong cho họ được nhân lành quả lành, còn đối tượng của tâm bi là người đó đang khổ thân hoặc khổ tâm. Hay còn gọi người đó đang bị nhân khổ quả khổ, mình mong cho họ thoát được nhân khổ quả khổ.

Tu tâm bi chúng ta cũng rải cho mình trước, mong cho mình vượt qua chướng ngại rồi mới đến người khác. Chứ không rải cho người khác liền nha, nhất là rải cho kẻ thù, hay rải cho người mình thương mến trước là quý vị bị dính vào cái tâm tham liền. Giống như mình nói: tâm từ thật - tâm từ giả, tâm bi thật - tâm bị giả vậy. Cho nên là ban đầu chúng ta phải rải cho mình trước, phải thương được mình trước đã. Cuối thời khóa Thầy hay hướng dẫn cho đại chúng đó, sau khi quý vị rải cho mình 5-10 phút xong thì có thể rải đến bạn bè, người thân hoặc Cha Mẹ sau nha.

3. Sự thực tập tâm hỷ

Cũng vậy, đầu tiên chúng ta quán chiếu thấy nếu trong lòng mình mà cứ để cho cái sự ghét ghen, ganh

ty, đố kỵ... nó mệt lắm để tu được tâm từ. Phật tử nhớ dùm Thầy, mình làm cái điều đó không phải là vì để giỏi hơn người kia, không phải để chứng minh mình với người kia. Mình làm bởi vì điều đó là điều thiện, chứ không phải để người ta khen.

Thầy hay giảng *"vị Thầy che mặt dẫn đường"* Phật tử nhớ không? Vị Thầy trong Phật Pháp, đúng thì hướng dẫn cho quý vị thôi. Vì Thầy thấy điều này là tốt, nên Thầy mở lớp giáo lý dạy cho Phật tử. Thầy khuyến khích, hướng dẫn cho quý vị đi con đường này, chứ không phải mục đích của Thầy giảng để cho đại chúng trả ơn. Nếu mà Thầy giảng để được trả ơn thì cái mục đích của Thầy có chút xíu thôi, lỡ như quý vị không trả ơn thì Thầy khổ rồi, phải không ạ? Tự nhiên làm cho cái tâm mình nó khổ, giúp người đó xong còn chuyện trả ơn hay không là của họ, nhưng mình thấy điều đó là điều cần làm thì phải làm.

Nhớ nha đại chúng: *"Con làm điều đó vì điều đó là điều thiện, điều đó là điều tốt. Chứ không phải con làm để hơn người ta."* Còn chúng ta đang làm tốt mà họ giận, ghét, đố kỵ mình thì đó là chuyện của họ, còn mình không có ý với họ, mình cố gắng điều thiện thì làm thôi. *"Em đẹp theo cách của em"*, ta có là ta, ta mới đẹp. Mỗi người có một cái cách, và mỗi người có một cái nghiệp riêng, cái phước riêng của mình. Cái phước chúng ta chừng đó, ta ở vị trí đó, cái phước chúng ta chừng đó, ta làm được chừng đó. Cuộc sống này nó lạ

vậy, cho nên đừng ngạc nhiên tại sao có người bao nhiêu người kính, bao nhiêu người thương, bao nhiêu người quý, cần cái gì làm được cái đó. Tại vì họ có phước đó đại chúng, còn tâm mình nó cứ quanh quẩn *khung cửa sổ hai nhà cuối phố*, thì hỏi phước ở đâu. Tâm mình thì như trái nho mà cứ đòi làm chuyện như trái đất thì làm sao làm được. Cái gì nó phải có nhân, có quả.

Còn bây giờ thấy mình chưa được, thì biết *"Con phước mỏng nghiệp dày, biết con phước ít. Người ta kiếp trước có tu cho nên kiếp này võng dù nghênh ngang. Còn con kiếp trước không tu cho nên bây giờ phải lu bu suốt ngày."* Nó có rõ ràng như vậy Phật tử, hiểu được như vậy cứ cố gắng làm. Còn có khi chuyện mình làm rồi, mà *"Thầy, con làm cho người ta, đối xử tốt với người ta mà người ta vô ơn với con."* Khi làm với cái tâm mong người ta trả ơn, mà người ta không trả ơn thì mình sẽ khổ, còn cái này chúng ta làm vì đây là điều thiện. Cho nên giá trị của một con người nó chỉ ở cái suy nghĩ của mình, tác ý của mình, sống với tâm nào thì giá trị là ở ngay đó.

Đại chúng hãy nhớ ví dụ về mảnh đất 50m vuông Thầy dạy ở trên nha. Với tâm đang chánh niệm, mình là một phàm phu và còn phàm phu nhưng tâm lúc này là một bậc Thánh. Quý vị chỉ đang ngồi bình thường thôi, ngồi thẳng lưng theo dõi hơi thở, ý thức những gì đang xảy ra ở nơi thân, mà chuyển qua tâm bậc Thánh

liền. Ngồi rải tâm từ, niệm Ân Đức Phật chuyển qua tâm của chư Thiên liền. Chuyển qua tâm niệm Pháp, chuyển qua tâm niệm Tăng, chuyển qua tâm niệm Thí, chuyển qua tâm của chư Thiên dù là cái thân 50kg.

Thầy sẽ dạy bài TỨ THỰC, trong bài này chúng ta sẽ thấy cái suy nghĩ, cái chủ ý của mình nó khủng khiếp lắm. Cũng là một việc đó thôi, mà phước đó lớn hay nhỏ, thiện hay ác, tội hay phước là ở chỗ cái suy nghĩ của mình. Khi học được Phật Pháp rồi, chỉ cần quý vị nhắm mắt lại là chuyển liền cái thân phận phàm phu của mình lên chư Thiên Dục Giới, chuyển liền cái thân phàm phu này lên Phạm thiên, chuyển qua tâm bậc Thánh liền, nhưng cái này mình phải biết cách.

Đối với cái tâm hỷ thì ban đầu ta phải thấy được chướng ngại của cái tâm đố kỵ, loại nó ra và đừng để trong lòng.

- Những đối tượng chưa nên rải tâm hỷ đầu tiên là: những người mình thương mến như Cha Mẹ, vợ chồng, anh chị em - dễ phát sinh luyến ái, những kẻ thù - sẽ phát sanh tâm giận, những người khác giới tính, những người đã chết.

- Rồi bắt đầu rải tâm hỷ theo thứ lớp trở lên: như những người bạn tốt → người bạn ta thương mến quý trọng → Cha Mẹ, anh chị em thân quyến → người dưng → những người dễ ghét, khó ưa → những người ta thù oán. Phải theo thứ tự như vậy.

4. Sự thực tập tâm xả

Chúng ta phải đắc Định tâm từ, tâm bi, tâm hỷ mới qua tu tâm xả được. Đầu tiên cũng như thực tập tâm xả, trong lòng khi nghĩ về luyến ái, giận hờn một người nào đó thì mệt lắm.

Chúng ta phải buông bỏ làm sao để:

Buông cái ác về cái thiện

Buông cái nhỏ về cái lớn

Buông cái thấp lên cái cao

Những cái buông của mình nằm vòng vòng trong những cái trên. Phật tử xem hay nghe lại bài BUÔNG BỎ Thầy đã dạy.

- Thực tập tâm xả, đầu tiên tránh những đối tượng phát sanh luyến ái: người thân, Cha Mẹ, anh chị em.

- Rồi tuần tự rải tâm xả đến những người đầu tiên: là những người bạn tốt, những người lành, những người ta kính mến tôn trọng rồi từ từ rải tiếp. Không nên rải cho người mình giận và những người thương mến trước.

Lợi ích của tâm xả đắc được Tứ thiền.

❖ Có 4 nội dung của rải tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, và rải cho hai đối tượng:

- **Cá nhân**: có 7 đối tượng:

1. Tất cả phụ nữ hoặc giống cá

2. Tất cả nam nhân hoặc giống đực

3. Tất cả Thánh nhân

4. Tất cả phàm phu

5. Tất cả chư Thiên

6. Tất cả nhân loại

7. Tất cả các loài sa đọa.

- **Phổ cập có 5 đối tượng**:

1. Tất cả chúng sanh

2. Tất cả các loài có sự sống

3. Tất cả các loài có thân xác

4. Tất cả các hạng người phàm Thánh nói chung

5.Tất cả các loài duyên nghiệp riêng.

Chúng ta đã học trong bài rải tâm từ. 4 nội dung đó rải cho 5 đối tượng phổ cập và 7 đối tượng cá nhân. 12 đối tượng này kết hợp với 4 câu nguyện thì thành 48 câu nguyện. Và 48 câu nguyện này quý vị rải cho mười phương bao gồm: phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Đông Nam, phương Tây nam, phương Đông Bắc, phương Tây Bắc, phương Trên (Thượng), phương Dưới (Hạ). Vậy thì 48 câu nguyện mà rải cho mười phương là 480 câu. Cái bài rải

tâm từ quý vị thấy nó dài chứ thật ra nó có hết, đó là nội dung của cách mình rải 480 câu.

Hôm nay chúng ta học bài tứ vô lượng tâm cũng là kết thúc khoá 3. Kính chúc quý Phật tử tinh tấn và an lạc trên con đường thực hành Phật Pháp!

(Buổi giảng ngày: 01/12/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả là gì

2). Các chướng ngại của tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả là gì?

3). Cách rải tâm từ, tu tâm từ là như thế nào? Hãy trình bày và giải thích rõ?

4). Cách tu tâm bi, tâm hỷ, tâm xả là như thế nào? Hãy trình bày và giải thích rõ?

5). Các lợi ích, quả lành mang lại khi tu tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả? Hãy phân tích rõ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đạo Vô Ngại Giải (Paṭisambhidāmagga) – Phần thứ 3, chương XXII. Luận Về Thần Thông – Bhikkhu Ñāṇamoli dịch

2. Thanh Tịnh Đạo Phần II. Định, chương XII. Thắng Trí, các năng lực thần thông – Ni Sư Trí Hải dịch.

3. Con đường Thiền Chỉ và Thiền Quán – Chương VI. Vượt qua Tứ Thiền, các loại Thắng Trí – Tỳ-kheo Pháp Thông dịch

4 Nền Tảng Phật Giáo, Tập 9 - Hoà Thượng Hộ Pháp.

5. Vi Diệu Pháp toát yếu – Hòa Thượng Nārada Mahā Thera

6. Thắng Pháp tập yếu – Hòa Thượng Thích Minh Châu

7. Chú giải Người và cõi – Tỳ-kheo Thiện Phúc

8. Chúng Sanh và Sanh Thú – Tỳ-kheo Giác Nguyên